VĂN HÓA THÁI HÒA VIỆT NAM

XXXVI

HẠNH PHÚC

NHO: PHONG LƯU NƠI ĐẠI ĐẠO "ÂM DƯƠNG HÒA

LÃO: TIÊU DAO DU NƠI " BỒNG LAI TIÊN CẢNH "

PHẬT: THIỀN, ĐÁO BỈ NGẠN: NIẾT BÀN

KITÔ GIÁO: TU BA BƯỚC: HƯỞNG PHÚC THIÊN ĐÀNG

TÂM CỦA CON NGƯỜI : NÃO BỘ

NỤ CƯỜI : BIỂU TƯỢNG HẠNH PHÚC

CÔNG DÂN VIỆT NHO

TÂM CON NGƯỜI

Xưa nay chúng ta lầm tưởng Tâm là ở nơi Quả Tim, ngày nay nhờ Khoa học mà chúng ta nhận ra Tâm là ở nơi Bộ Não.

TÂM: (Mind:) Two hemispheres of the Brain:

Bộ Não gồm hai Bán cầu não (BCN):

, **BCN Phải** (:Right Brain hemisphere) & **BCN Trái** (: Left Brain hemisphere)

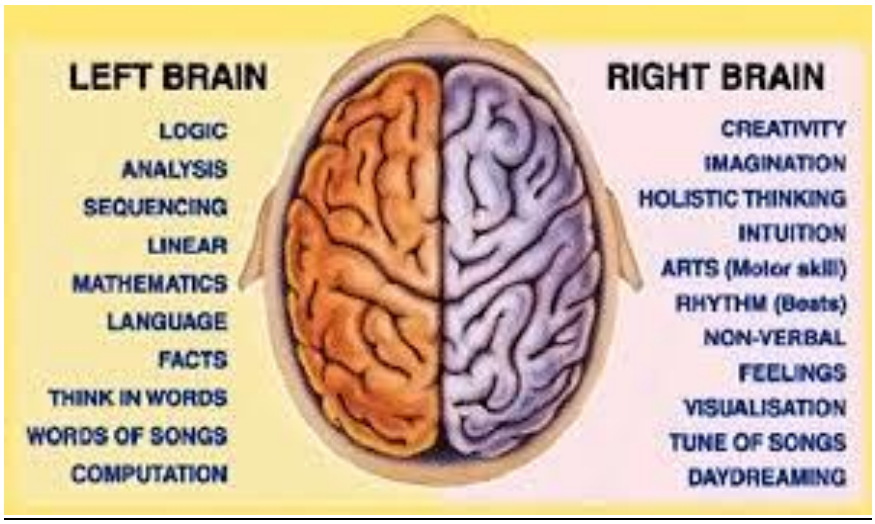

BCN Trái: **<u>Chủ LÝ.</u>** Cầu nối Corpus Callosum. BCN Phải: **<u>Chủ TÌNH</u>**

Corpus Callosum là cầu nối giữa hai Bán cầu như là xa lộ giúp hai Bán cầu " Trao Tình đổi Lý " với nhau sao cho **" Tình Lý tương tham "** hay lưỡng nhất " mà sống Hòa với nhau

CHỨC NĂNG CỦA NÃO

BÁN CẦU NÃO PHẢI (Chủ Tình: Cảm xúc)	BÁN CẦU NÃO TRÁI (Chủ Lý: Lý Trí)
Creativity: Sáng tạo	Logic: Hợp lý
Imagination: Trí tưởng tượng	Analysis: Phân tích
Holistic thingking: Tư duy toàn diện (Chu tri)	Sequencing : Trình tự
Intuition: Trực giác	Linear: Tuyến tính
Art: Nghệ thuật	Mathematic: Toán học
Rhythm:Nhjp điệu	Language: Ngôn ngữ
Non verbal: Không bằng lời nói	Facts: Sự kiện
Feeling: Cảm giác	Think in works: Suy Nghĩ bằng lời
Visualation:Hình dung	
Tune of song: Giai điệu của bài hát	Works of song:Tác phẩm bài hát
Daydreaming: Mơ mộng	Computation: Tính toán
Left- handed: **Thuận Tay Trái**	Right – handed: **Thuận Tay Phải**

Cầu nối Corpus Callosum là Xa lộ giúp hai Bán cầu Não trao qua đổi lại TÌNH LÝ với nhau sao cho "Tình Lý tương tham " theo Tỷ lệ " Tham (3) Thiên lưỡng (2) Địa nhi Ỷ số " :Tình / Lý = 3 / 2 ".

Thường người ta cứ bảo tôi cảm nhận được Hạnh phúc, **cảm trước, nhận sau**; nghĩa là nhờ Tình cảm **để nhận ra, để cảm nhận** (feel) mà thể nghiệm (experience) vào Thân Tâm trước, **nhận thấy sau** nghĩa là nhờ Lý trí (thingking) nhận ra là hợp lý, là tốt , nghĩa là " **Tình Lý tương tham: Bên ngoài là Lý, nhưng trong là Tình.** Kiều. Nguyễn Du)

Hạnh phúc ở thế giới Hiện tượng là dễ có, đâu đâu cũng có, nhưng chỉ là tương đối, và chóng qua, một con người mẫn cảm thì ở đâu và lúc nào họ cũng cảm thấy Hạnh phúc .

Tâm hồn đơn sơ giản dị: Tri Chỉ, tri Túc, tri Nhàn thì mới mẫn cảm được.

Hòa là nguồn Hạnh phúc của con Người cũng là Hạnh phúc của Nhân loại. Hạnh phúc đơn sơ như cuộc Sống ngây thơ của một Hài nhi, nhưng cũng Cao siêu như cuộc sống của Thánh nhân.
Loài Người có đến 7, 8 tỷ con Người ở nhiều nơi khác nhau , mỗi Người một khác, khác nhau về nhiều phương diện, nên vấn đề Hạnh phúc tuy đơn giản nhưng lại trở nên vô phức tạp, do đó mà chúng ta thử rảo qua nhiều nơi để thấy sự khác biệt về Hạnh phúc từng địa phương, của từng tầng lớp, hầu mong có thể giúp mỗi người chọn được cách tìm Hạnh phúc thích hợp cho riêng mình.

Kỳ vọng thay!

NGUỒN GỐC HẠNH PHÚC DÂN TỘC

Nền Văn Hóa của chúng ta là Văn Hóa Biểu tượng (Symbol : icon). Biểu tượng là dùng Hình cụ thể để chuyên chở ý tưởng trừu tượng gọi là Tượng

HÌNH [BIỂU TƯỢNG [Cụ thể] / TƯỢNG [Trừu tượng] CỦA

NGUỒN HẠNH PHÚC

Sách Trung Dung đã có câu hướng dẫn:

[Tại THIÊN thành **TƯỢNG (: Trừu tượng) Tại ĐỊA** thành **HÌNH (: Cụ thể)]**

để giúp chúng ta nhận ra Văn Hóa Biểu tượng là lấy cái Hình cụ thể để cảm nhận được cái Tượng trừu tượng vô hình , khác với cách trình bày vấn đề trực tiếp như ngày nay.

Viêm đế Thần Nông: Emperor Shen Nong

炎帝神農

NGUYÊN NHO: VIỆT NHO . 5243 – 5108

Tu Tâm: " Nhất Nhật Tam Tình Ngô Thân: Xét mình 3 lần một ngày .

[" Tu theo Dich Lý: Vô vi (No artificial)) Vô tư (no mind) Tịch nhiên Bất Động (keep silent & still)] nhi toại thông Thiên Địa chi Cố ": Tu theo Dịch là bỏ Suy tư ngồi yên tĩnh bất động rồi đột nhiên cảm thông được với nền tảng vững chắc của Trời Đất tức là Đạo]

Đạt Đạo: ĐẠI ÂM DƯƠNG HÒA: Ying Yang cyclic harmonious Change)

NHÂN, NGHĨA, BAO DUNG: HÙNG / DŨNG [BRAVERY / COURAGE]

LOVE , RIGHTEOUSNESS, TOLERANCE

Chúng ta thử tìm xem Tổ Tiên chúng ta đã làm gì giúp cho chúng ta có cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn, Chúng ta bắt đầu bằng:

ÔNG BÀN CỔ : BÀNH TỎ

盤古　　彭祖

Ông Bàn Cổ người Dao thuộc chủng Việt,

Mộ Ông còn đâu đó trong Rừng Quảng Đông (?)

SẮP THẾ KỶ

[Con Người chọn cho mình một vị trí cao cả trong Tam Tài]

Hỗn nang chi sơ: Ban đầu chỉ là khối Hỗn mang (Cháo)

Vị phân Thiên Địa; Chưa phân ra Trời Đất (Âm Dương)

Bàn Cổ thỉ xuất: Ông Bàn Cổ xuất hiện đầu tiên

Thiên sinh ư Tý: Trời mở ra lúc Giờ Tý

Địa Tịch ư Sửu:Đất trải rộng vào giờ Sửu

Nhân Sinh ư Dần: Con Người được sinh ra vào giờ Dần

Ông Bàn Cổ cầm 2 quả Trứng ÂM DƯỜNG. Ông ôm Thái cực Âm Dương nguồn của Biến dịch bất biến trong Vũ trụ

Tiếp đến là Biểu tượng Tiên Rồng với NHÂN NGHĨA BAO DUNG

Biểu tượng Tiên Rồng : 仙 龍

Tranh Phù điêu: Huyền Tổ Mẫu Âu Cơ / Huyền Tổ Phụ Lạc Long với 100 Con

玄 祖 母 鷗 姬 / 玄 祖 父 (濼) 洛 龍 與 百 子

Gia đình Mẹ Tiên / Cha Rồng cùng 100 Con phân cực để lên Non xuống Biển tu Thân

Đền Thờ Hùng Vương ở Tỉnh Phú Thọ VN

Điện Thờ Quốc Tổ Hùng Vương

Hách trạc Anh Linh 赫濯英靈: Làm rạng rỡ

Hồn Thiêng Sông (Nghĩa) Núi (Nhân) của Tổ Tiên

Tử Tôn bảo chi 子孙保之: Con Cháu phải Gìn giữ lấy

Dân sinh sơ thần 民生初晨 ? : Đời sống của Dân là trước hết.

Quốc Tổ Hùng Vương: King Hùng

圓 祖 雄 王

Gia đình : Huyền **Tổ Mẫu ÂU CƠ** Huyền **Tổ Phụ LẠC LONG** với **100 CON**

[Huyền thoại 100 Trứng 100 Con: Từ **Đồ - Thư hợp nhất**: Gia đình Nam Nữ bình quyền]

Con: Quốc Tổ **HÙNG VƯƠNG.** 4902

: **Mẹ**; Non **Nhân** **Cha** Nước **Trí.** **Con Hùng Vương Hùng Dũng**.

HUYỀN THOẠI TIÊN RỒNG

Đây chỉ là **Biểu tượng thuộc Huyền sử** (Giai đoạn Sáng tạo Văn Hóa trước khi xây dựng Lịch sử). **Huyền sử chỉ là Biểu tượng dùng cái Hình Cụ thể thuộc Vật chất để gởi gắm cái Ý tưởng trừu tượng về Tinh thần,**

Rằng là khi được sinh ra " **con người vẫn chưa Thành " nên Nữ Nam phải Tu Thân suốt đời** để cho có **Tình Nghĩa. Biểu tượng bảo Âu Cơ / Lạc Long chia tay lên Núi xương Biển chỉ là Ý tưởng Phân cực NỮ NAM để " Tu Thân giúp phát triển Bản sắc Riêng. "**

" Vì Con Người chưa thành " nên phải Tu Thân mới có Nhân phẩm, mới " Nhân Linh ư Vạn vật"

Biểu tượng **Người Nữ phải lên Núi cao** yên tĩnh bất động mà **Đôn hậu Tình Người** để đạt **Đạo NHÂN** mà thành **Mẹ Tiên.**

Biểu tượng **Người Nam phải lặn lội xuống Biển sâu** hầu phát triển Lý trí cho sâu rộng để Chu tri mà **thành RỒNG. Rồng có Sức mạnh tung nước Biển lên thành Mây, thành Gió, thành Bão táp, Rồng lặn lội xuống Biển sậu Rồng phát triển Lý tri Chu tri, tránh được Triết lý Sờ Voi** phiến diện , nên có **khả năng LÀM NGƯỜI** mà **xây Xã hội** .

Chuyện **Mẹ Tiên Lên Núi, Cha Rồng xuống Biển** chỉ là **biểu tượng Phân cực để phát triển Bản sắc Riêng từng Giới: người NỮ nặng về TÌNH, người NAM lại trội vượt về LÝ.**

Mẹ Tiên Cha Rồng sau đó lại Tái ngộ trên cánh đồng TƯƠNG để tương giao, tương hợp, tương Hòa, cũng chỉ là **Biểu tượng khi sống CHUNG với nhau, hai bên VỢ CHỒNG phải " trao TÌNH đổi LÝ " với nhau sao cho " TÌNH LÝ TƯƠNG THAM " để có Nội lực HÙNG** (Thể chất) **DŨNG** (Tinh thần), hầu có khả năng **BAO DUNG** mà sống Hòa với nhau, mà lo **Xây TỔ ẤM GIA ĐÌNH,** mà **Dựng QUỐC GIA GIÀU MẠNH** .

Người VỢ nặng về TÌNH được phân công làm NỘI TRỢ , chăm lo việc gia đình và nuôi dạy CON (Trai) CÁI (Gái) nên " Trai hùng Gái đảm " nhiều hơn.

Người Chồng trội hơn về LÝ nên chuyên lo chuyện QUỐC GIA ĐẠI SỰ.

Do đó mà có **cách Phân công** : **NỮ NỘI / NAM NGOẠI**: **Đàn ÔNG là NHÀ, đàn BÀ là CỬA.**

Còn **lối Sống hàng ngày thì bám vào " Hiện tại miên trường Nơi đây và Bây giờ** " (Here and Now) **mà Tiệm tiến trong mọi việc hành xử Đạo Nhân Đức Nghĩa** theo trình tự :

Từ Gần tới xa " Cận thủ chư Thân, Viễn Thủ chư Vật ": Gần cậy nơi Mình, Xa cậy nơi Người, không ỷ lại vào ngoại Lực , và " **Thể Dụng nhất Nguyên , Hiển Vi vô gián** " ; Cái Hiện ra bên ngoài (Đức) và cái Vi diệu bên trong (Đạo) có cùng Nguồn gốc, nên không bị gián cách. Nguồn gốc là **Âm Dương lưỡng nhất (Lưỡng cực nhất Nguyên**: Bipolar) **.**

Nên Đạo là gốc của Tâm, Tâm là gốc của con Người . Con Người là gốc của Gia đình, Gia đình là gốc của Xã hội, Xã hội là nền tảng hữu hình của Văn hóa của Tôn giáo, Hữu hình là nơi dựa của Vô hình .

Do đó mà muốn Ngọn được tốt tươi, thì phải vun xới Gốc, khi để mất Gốc, thì Ngọn bị héo khô!

Các Tôn giáo muốn phát triển vững bền thì ngoài việc truyền giáo thì đồng thời phải di vào Lòng Dân tộc, đem Tinh hoa Đạo mình giúp cho Quốc gia giàu mạnh, mà không thể cô lập đứng trên hay ngòai Dân tộc , vì khi nước mất thì Đạo cũng tan!

**Từ Nhỏ tới To. Phải hòan thiện mọi viêc từ cái Ăn đến nết Ở bất cứ Nhỏ / To. Hoàn thiện mọi Mối Liên hệ Hòa từ trong Cá nhân Mình, gia đình Mình và ngòai Xã hội **

Từ Đơn giản tới Phức tạp: Từ việc Làm hàng ngày trong Gia đình tới việc phức tạp ngoài Xã hội , (Cái Phức tạp trong cái Dơn giản nhờ sự Phân cực)

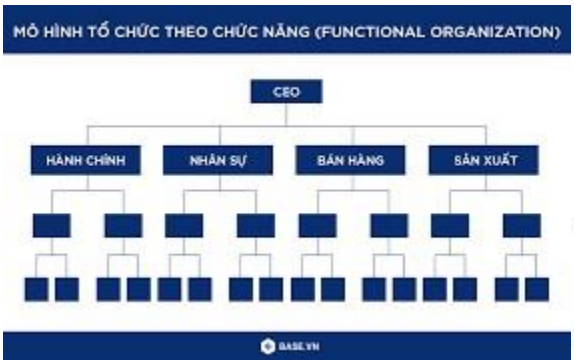

Mô hình Tổ chức

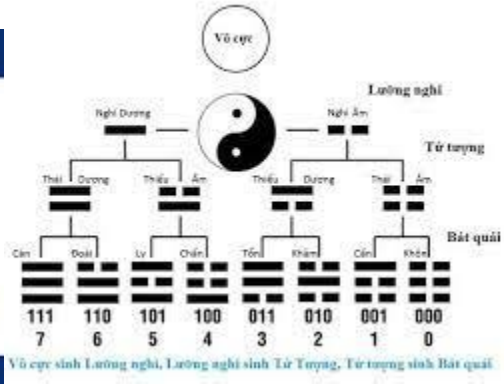

Hình Vô cực, Thái cực Lưỡng nghi Tứ tượng Bát quái

Từ Tầm thường tới Phi Thường. Từ việc **ăn uống** tới việc **đối nhân xử thế** sao cho sống được **Phong Lưu an nhiên tự tại.**.

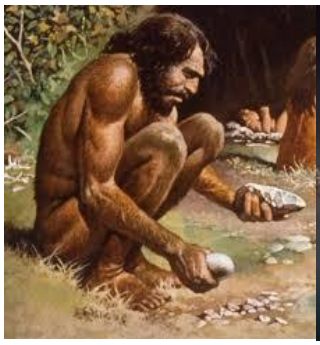

Người Tiền sử Người Văn minh

Từ Tinh vi đến Vĩ đại Khi đó mới thấy Cấu trúc của một Nguyên tử cũng giống như Cấu trúc của Thái Dương hệ.

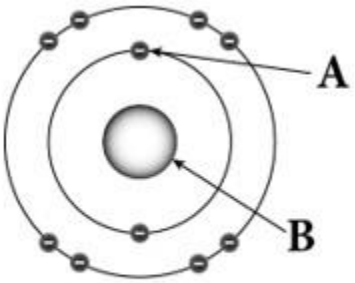

Hình 1.10: *Mô hình cấu tạo nguyên tử*

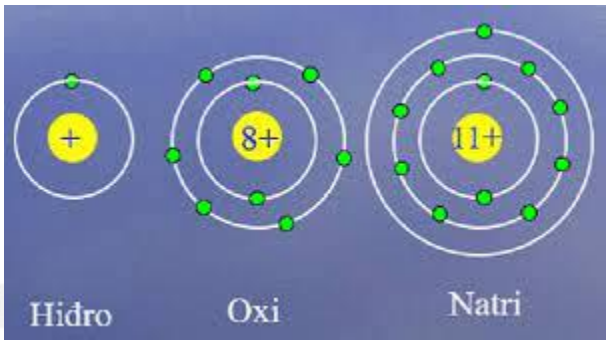

Hình Thái Dương hệ Hình Dải Ngân hà

Hình xoắn ốc (spiral) hường về Trung Tâm.

Do đó mà có câu; **VI NHÂN NAN HỸ**: làm Người khó lắm!

Để giúp " **con Người chưa Thành " trở nên " con Người toàn diện có Tư cách và Khả năng " , nên mỗi người phải trau dồi TAM BỬU:**

TAM BỬU: NHÂN, NGHĨA, BAO DUNG: HÒA

LOVE RIGHTEOUSNESS TOLERANCE

Huyền thoại Tiên Rồng là " nền tảng Tinh thần Bất khuất của Dân tộc Việt Nam " , khi theo " Duy Lý cực đoan của Tây phương " , cho " Huyền thoại Tiên Rồng là chuyện hoang đường " nên " Văn Hóa bị sa đọa ", gây cơ hội cho CSVN " rước Hồn Ma Quỷ Mác Mao lên Bàn Thờ " để " nhờ Hận thù Giai cấp Mác Mao " phá tan " Tình Nghĩa Đồng bào " để CSVN tận tụy Tàn Đân hại Nước " đã gần thế kỷ nay!,

Rõ là " Bỏ quên Cái Sảy Huyền thoại " mới " nảy ra cái Ung CS: Quốc nạn và Quốc nhục CS "

Rõ là Tổ Tiên chúng ta không " Quê mùa Lạc hậu " như nhiều người lầm tưởng. Còn mỗi chúng ta thì nên xét Mình để " Tự Mình, Mình biết, tự Mình, Mình hay chuyện Làm Người !

The Milky Way Galaxy: Dải Ngân hà

Did you know that our star, the Sun, is just one of hundreds of billions of stars swirling within an enormous cosmic place called the **Milky Way Galaxy**? The Milky Way is a huge collection of stars, dust and gas. It's called a **spiral galaxy (Thiên hà xoắn ốc)** because if you could view it from the top or bottom, it would look like a spinning pinwheel. (Chong chóng quay) The Sun is located on one of the spiral arms, about 25,000 light-years away from the center of the galaxy. Even if you could travel at the speed of light (300,000 kilometers, or 186,000 miles, per second), it would take you about 25,000 years to reach the middle of the Milky Way.

If we could travel outside our galaxy and look back, this is what our **Milky Way Galaxy** might look like from above. An artist created this illustration using data collected by astronomers.

The Milky Way gets its name from a Greek myth about the goddess Hera who sprayed milk across the sky. In other parts of the world, our galaxy goes by other names. In China it's called the "Silver River, (Ngân hà) " and in the Kalahari Desert in Southern Africa, it's called the "Backbone of Night (Xương sống của đêm)"

This is what the Milky Way Galaxy looks like from Earth. Have you seen it in the night sky?

If you could see our galaxy from the side, it would look like a huge, thin disk with a slight bump in the center. This flat shape is caused by the galaxy spinning around. Everything in our spinning galaxy would fly off into space if it weren't for the force of gravity.

This is what the Milky Way might look like from the side. It's like a giant disk with a bump in the middle!

Without a telescope , we can see about 6,000 stars from Earth. That may seem like a lot of stars, but it's actually only a small part of the whole. If you think of the entire galaxy as a giant pizza, all the stars you can see from Earth fall within about one pepperoni on that pizza. In fact, for every star you can see, there are more than 20 million you cannot see. Most of the stars are too faint, too far away or blocked by clouds of cosmic dust.

Imagine if the Milky Way Galaxy is a pepperoni pizza. All the stars that we can see from Earth are only within one pepperoni!

Q&A with Astronomer Julianne Dalcanton

Are all galaxies like the Milky Way?

No. Galaxies come in lots of different sizes. **Smaller ones have millions of stars**, while **bigger ones contain billions**. Galaxies also have different shapes. Some are **spiral galaxies**, like the Milky Way. Some are egg-shaped **elliptical galaxies**, and the rest are called **irregular galaxies**.

Spiral galaxies: Thiên hà xoắn ốc **Elliptical galaxies**: T,h hình êlip **Irregular galaxies**

(T. h. không đều)

Spiral galaxies have arms shaped like the letter 'S' spiraling out from their glowing centers. The example shown here is called Bode's Galaxy or M81.

Elliptical galaxies are bright and round or egg-shaped. The example shown here is called ESO 325-G004.

Irregular galaxies can be many different shapes. Sometimes they result when two galaxies collide, like the Antennae galaxies shown here.

What's your favorite galaxy, and why?

I'm fond of the "Sombrero Galaxy" because it shows how "3-D" galaxies are. Most galaxies look like flat paintings in the sky, but with the Sombrero, you really get the impression that it's this big THING sitting out there in space!

The Sombrero Galaxy.

Is it fun being an astronomer?

Definitely. I often travel to interesting places like Hawaii and Chile. That's because the best telescopes in the world are located on high mountains in remote places, where it's dry and dark at night. When I need to study stars all night, I sometimes have to blast music to stay awake.

A mountaintop is a great location for an observatory. With less light and air pollution, it's much easier to observe the starry night sky with a telescope

---

NHÂN VẬT HUYỀN SỬ SÁNG TẠO VĂN HÓA

Công trình sáng tạo của các Ngài

Giúp cho đời sống vật chất và Tinh thần Con Cháu được thăng hoa.

PHỤC HY / NỮ OA

伏戲 / 女娲

Phục Hy Sáng tạo ra Dịch Âm (nét Đứt : - -) Dương (nét liền: —)
Phục Hy có Biệt hiệu là **Thanh Tinh là Rồng Xanh** thuộc nòi **Rồng**
Nữ Oa dội đá Ngũ sắc vá Trời vì " Thiên bất túcTây (3) Bắc (1) " , " Địa bất mãn Đông (3) Nam (2) " Bà điều phối sự quân bình của Ngũ hành.

khi chết biến Bà thành **Chim Tinh vệ** thuộc **nòi Chim Tiên** \

Hai Ông Bà thuộc **nòi giống Tiên Rồng**

Phục Hy / Nữ Oa

Nữ Oa đội Đá Ngũ sắc vá Trời vì Ngũ hành bị mất cân bằng

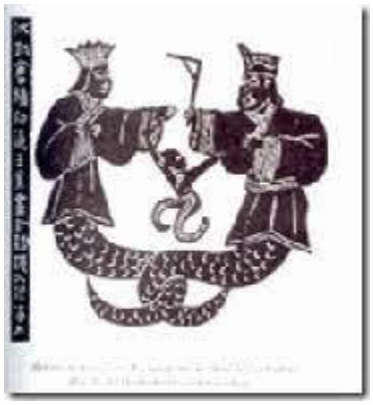

Phục Hy / Nữ Oa: Quy / Củ: Vuông / Tròn lưỡng nhất : Hợp Nội / Ngoại chi Đạo

TOẠI NHÂN 燧人

Toại Nhân phát minh ra Lửa để nấu chín thức ăn và đốt Rẫy làm Nương để trồng trọt.

(Nông nghiệp)

Toại Nhân; Tạo ra lửa:Thần Hỏa: 神火

Cách tạo ra lửa bằng dụng cụ khoan cung mất rất nhiều thời gian để thực hiện

HỮU SÀO 有巢

<u>Hữu Sào</u> làm Nhà ở trên cây như <u>Chim</u> (thuộc nòi Tiên) làm Tổ để tránh Thú dữ; Nguồn gốc của Tam Tài

Trên là Trời, Giữa là con Người làm Nhà ở như chim làm Tổ trên cây, dưới là Đất .

Chữ Tổ Tiên có nguồn gốc từ đây và Hữu Sào là Vị sáng tạo ra thuyết Tam tài :

Thiên – Nhân – Địa

TÓM LẠI

Phục Hy sáng tạo ra <u>Kinh Dịch</u> , Nữ Oa xây dựng <u>Ngũ hành</u>, Hữu Sào sáng tạo ra <u>Tam Tài.</u> Kinh Dịch, Tam Tài, Ngũ hành là 3 nền tảng của NHO đều do Nhân vật Văn Hóa thuộc Dòng giống Tiên Rồng của chủng Việt sáng tạo, nên mới có tên VIỆT NHO,

Người Trung Hoa đã tài tình " mượn vắng " những Nhân vật Huyền Sử Việt làm <u>Nhân vật Lịch sử Tàu!</u>

LÃO GIÁO 2604 - 2594

DAO DU NƠI : BỒNG LAI TIÊN CẢNH: FAIRY LAND

Lão Tử cưỡi Trâu biến vào Sa mạc **Trang Tử**: Tiêu Dao Du nơi Thiên nhiên

Luyện Đan : Luyện Thái cực Vô vi Luyện Đan (: Khí Công)

VÔ VI: VÔ CẦU VÔ TRANH VÔ ĐỌAT VÔ CHẤP

Luyện Đan (để có Elixir of immortality) hầu Huyền đồng cùng Vũ trụ

(Identical with the Universe)

LÃO:Biết Đủ sẽ có Đủ, biết Người là Khôn, biết Mình là Sáng suốt

TRANG: Sống Khỏe Sống vui Chết vui Sống Siêu thóat

Tam Bửu: Thái Thanh Lý Đạo Quân, Thượng Thanh Linh Đạo Đại Pháp Sư

NGỌC THANH NGUYÊN THỦY THIÊN TÔN

PHẬT GIÁO 2566

DIỆT KHỔ GIÁC NGỘ- GIẢI THÓAT

VÔ VI: TÁNH KHÔNG TRUNG ĐẠO DUYÊN KHỞI

Đức PHẬT ngồi Thiền 49 ngày dưới gốc BỒ ĐỀ: GIÁC NGỘ

QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT

[: Thân Nữ / Thân Nam: Âm / Dương: THÁI CỰC]

Niệm PHẬT Niệm PHÁP Niệm TĂNG

VÔ VI: VÔ CẦU VÔ TRANH VÔ ĐỌAT VÔ CHẤP

Tam Bửu: TỪ BI TRÍ TUỆ HỶ XẢ: HÒA

COMPASSION, WISDOM, RENUNCIATION WIITH JOY

TAM GIÁO

(Internet)

PHẬT LÃO NHO

Phật - Lão - Nho là 3 Triết thuyết lớn ảnh hưởng quan trọng tới đời sống Tinh thần của người phương Đông trong đó có người Việt chúng ta.

Ngã Phật Từ bi

Lão chủ **Vô vi**

Nho dụng **Hữu vi** mà độ, mà răn, mà **Tế thế** (Giúp Đời)

Chủ thể của **Nho** là người **Quân tử**

Đối tượng của **Lão** là các bậc **Đế vương**

Phật gia chỉ mong độ chúng sanh đạt thành **Phật đạo**

NHO: Dịch Lý <u>Âm Dương Hòa : Hòa</u>

LÃO : Luyện Đan: Luyện <u>Thái cực: Hòa</u>

PHẬT: Quan Thế Âm Bồ tát

[Thân Nam / Thân Nữ: <u>Thái vực Âm Dương : Hòa</u>]

TIẾNG ĐÀN TAM GIÁO

BA TIẾNG ĐÀN : BA CHỦ ĐỀ CHÍNH CỦA " ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH: KIỀU "

1.- TÀI / MỆNH TƯƠNG ĐỐ CỦA NHO

2.- NGHIỆP BÁO CỦA PHẬT

3.- HUYỀN ĐỒNG CỦA LÃO

Thi hào Tố Như đã đem ba Chủ đề này viết thành Truyện Kiều gồm 3254 câu thơ Lục bát gây Thi hứng tao nhã không những cho Tao nhân mặc khách , mà cho cả tòan dân Việt Nam, ngày xưa không những các ông, mà các Bà đều thuộc lòng Kiều, Chinh phụ ngâm, Lục súc tranh công. . .

Tố Như Nguyễn Du

Bất tri tam bách dư niên hậu Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

[Không biết sau ba trăm năm nữa, Ai người còn nhớ tới Cụ Tố Như ?]

KẾT CẤU TRUYỆN KIỀU

“ THIỆN căn ở tại Lòng ta

Chữ TÂM kia mới bằng ba chữ TÀI

Lời quê góp nhặt dông dài

Mua vui cũng được một vài Trống canh !

TIẾNG ĐÀN THỨ NHẤT: BẠC MỆNH

Kiều gảy cho Kim Trọng lúc mới quen nhau

Theo Thuyết “ Tài / Mệnh tương đố “

Tài do Thiên bẩm

Mệnh do do Nhân vi tạo ra, đó là do Thân tạo nghiệp, Ý tạo nghiệp, khẩu tạo nghiệp
Cả ba đều tuân theo luật Nhân quả.

(Có Tài mà cậy chi Tài, chữ Tài liền với chữ Tai một vần)

Có Trời mà cũng có Ta

Tu là còi Phúc Tình là dây Oan

Tiếng đàn này Mang âm hưởng

“ DỊCH LÝ ÂM DƯƠNG HÒA “ , “ GIÁ SẮC “của Nho

& NHÂN QUẢ của Phật

“ Nàng rằng: Nghề mọn riêng tay

Làm chi cho bận lòng này lắm thân

So dần **dây Vũ /** ***dây Văn***

Bốn dây **To / Nhỏ** theo vần ***Cung / Thương***

Khúc đâu **Hán /** ***Sở* chiến trường**

Nghe ra **Tiếng Sắt /** ***Tiếng Vàn*****g** chen nhau

Khúc đâu **Tư Mã /** ***Phượng Cầu***

Nghe ra **như Oán /*****như Sầu*** phải chăng

Kê Khang này khúc **Quảng lăng**

Một rằng Lưu thủy / ***hai rằng Hành Vân***

Quá Quan này **khúc Chiêu Quân**

Nửa phần luyến Chúa / ***nửa phần Tư gia***

Trong như **tiếng Hạc bay qua**

Đục như nước Suối mới sa nửa vời

Tiếng Khoan như gió thỏang ngoài

Tiếng mau sầm sập như Trời đổ mưa

Ngọn đèn **khi Tỏ /** ***khi Mờ***

Khiến người ngồi đó mà ngơ ngẩn sầu

Khi tựa Gối *khi cúi Đầu*

Khi vò chín khúc *khi chau đôi mày*

Rằng hay thì thật là hay

Nghe ra **ngậm đắng *nuốt cay*** thế nào

So chi những bậc tiêu tao

Dột lòng mình cũng ***nao nao lòng người***

Rằng quen mất nết đi rồi

Tẻ vui thì cũng Tính Trời biết sao! “

Kiều Nguyễn Du

Từ đầu chí cuối chúng ta thấy toàn là những lời diễn tả về các đối cực Dịch lý tương đố san sát với nhau làm cho sự Biến dịch mất trạng thái quân bình, nên Kiều mới bị :

Ma đưa lối Quỷ đưa đường

Đi tìm những chốn đoạn trường mà đi!

Hết nạn nọ đến nạn kia

Thanh lâu hai lượt Thanh Y hai lần !

TIẾNG ĐÀN THỨ HAI

TIẾNG ĐÀN TRẢ NGHIỆP BÁO TRẦM LUÂN

“ Có Tài mà cậy chi Tài

Chữ Tài liền với chữ Tai một vần

Đã mamg cái Nghiệp vào Thân

Đừng còn Trách lẫn Trời gần Trời xa ! “

Tiếng đàn mang

Âm hưởng thuyết " NGHIỆP BÁO " của nhà Phật

qua cách đánh ghen độc nhất vô nhị của Hoạn Thư

Nghiệp gồm Thân tạo nghiệp, Ý tạo nghiệp, Khẩu tạo nghiệp với luật Nhân quả

Kiều bị hoàn cảnh đẩy đưa làm Vợ lẻ của Thúc Sinh nên bị Vợ cả Hoạn Thư cho người bắt cóc Kiều về làm Gia nô, bắt Kiều phải hầu hạ, đánh đàn cho Thúc sinh và Hoạn Thư nghe để đánh ghen cho bõ " những đau ngầm xưa nay "

" Vợ Chồng chén tạc chen thù

Bắt Nàng đứng chực tri hồ hai nơi

Bắt khoan bắt nhặt đến lời

Bắt quỳ tận mặt bắt mời tận Tay

Sinh càng như dại như ngây

Giọt dài giọt ngắn chén đầy chén vơi

Ngảnh đi chợt nói chợt cười

Cáo say chàng đã giạm bài lảng xa

Tiểu thư vội thét " con Hoa "

Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn

Sỉnh rằng nát ruột tan hồn

Chén mời phải ngậm bồ hòn ráo ngay

Tiểu thư cười nói tỉnh say

Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi

Rằng Hoa nô đủ mọi tài

Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe

Nàng đà tán hoán tê mê

Vâng lời ra trước bình the vặn đàn

" Bốn dây như khóc như than

Khiến người trên tiệc càng tan nát lòng !

Cùng trong một tiếng tơ đồng

Người ngòai cười nụ, người trong khóc thầm!

Cúi đầu chàng những gạt thần giọt sương

Tiểu thư lại thét lấy nàng

Cuộc vui gảy khúc đoạn trường ấy chi?

Sao chẳng biết ý tứ gì

Cho chàng buồn bạ, tội thì tại ngươi

Sinh càng thăm thiết bồi hồi

Vội vàng gượng nói gượng cười cho qua

Giọt rồng canh đã điểm ba

Tiểu thư nhìn mặt dường đà cam tâm

Lòng riêng tấp tểnh mừng thầm

Vui này đã bỏ đau ngầm xưa nay

Sinh thì gan héo ruột dầy

Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng

Người vào chung gối loan phòng

Nàng ra tựa bóng đèn dong canh dài

Bây giờ mới rõ tăm hơi

Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen

Chước đâu rẽ thúy chia uyên

Ảia dường ấy ai nhìn được ai?

Bây giờ một vực mộtb trời

Hết điều khinh trọng hết lời thị phi

Nhẹ như bấc nặng như chì

Gỡ ra cho ra nữa còn gì là duyên

Lỡ làng chút phận thuyền quyên

Bể sâu sóng cả khó tuyền được vay

Một mình âm ỉ đêm chầy

Dĩa đầu vơi, nước mắt đầy năm canh "

[Đau khổ / Hạnh phuc của Hoạn Thư & Khổ / Đau của Kiều]

III.- TIẾNG ĐÀN THỨ BA

' ĐẦM ẤM (*ÂM*) DƯƠNG HÒA "

sau khi đã trả xong Nghiệp báu:

CẶP BÀI TRÙNG LIỀN NGÕ

HẠNH PHÚC / THƯƠNG ĐAU

Khổ / Đau Đau / Khổ Thương / Đau Đau / Thương

Hạnh phúc / Đau khổ Đau khổ / Hạnh Phúc

Tiếng đàn mang Âm hưởng thuyết ' ÂM DƯƠNG của Nho

& " HUYỀN ĐỒNG " của Lão

Huyền đồng **tức là nói đến ý nghĩa quay trở về với Đạo – " CÁC PHỤC QUY KỲ CĂN "**

mọi vật trùng trùng, đều trở về với Cội rễ *của* nó .

(Đa → Nhất: E Pluribus Unuum)

Tiếng đàn Kiều tái ngộ với Kim Trọng

mang Âm hưởng LÃO GIÁO

" **Phím đàn dìu dặt tay tiên**

Khói trầm cao thấp tiếng huyền gần xa

Khúc đâu **đầm ấm dương hòa**

Ấy là **Hồ điệp** hay là **Trang Sinh**

Khúc đâu **êm ái xuân tình**

Ấy hồn **Thục Đế** hay mình **Đỗ quyên**

<u>Trong sao</u> châu đỏ Duềnh quyên

<u>Ấm sao</u> hạt ngọc Lam Điền mới đông

Lọt tai nghe suốt năm cung

Tiếng nào là chẳng não nùng xôn xao "

Duềnh Quyên *là vũng nước (vũng bể) có ánh Trăng soi vào lấp lánh.*

Duyềnh Quyên

Cái tên "**Ngọc Lam Điền**" được đặt theo nơi sản sinh ra Ngọc – Núi Lam Điền, thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc

Ngoc Lam Điền

Trang Chu hay Bươm bướm Thục Đế hay Đỗ quyên

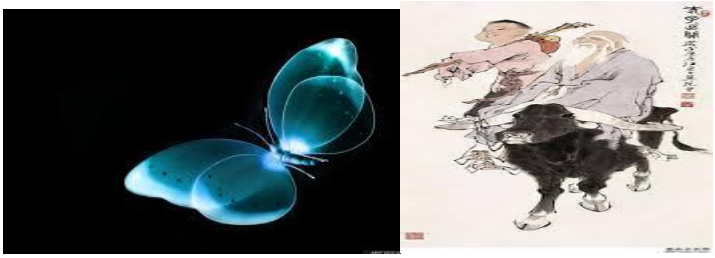

Trang Chu / Bươm Bướm lưỡng nhất?

Thục Đế /Đỗ quyên lưỡng nhất ?

Trang Chu mộng thấy mình hóa **bướm**, **cả hai hòa nhập vào nhau không tách ra được;**

Thục Đế hóa thành chim **Đỗ quyên (Chim Quốc quốc kêu mùa Hè)**

" Nhớ nước đau lòng con Quốc quốc, Thương nhà mỏi miệng cái Gia gia. "

(Bà Huyện Thanh Quan)

không biết là thân chim Quyên hay thân Thục Đế, hai thân cũng xoắn xuýt không rời.

Con Quốc quốc ở vùng đồng ruộng sình lầy Cái Gia gia ở nơi đồi núi

Tất cả là **ẩn dụ nói về hai thân xác Nam Nữ nhập vào nhau**. **Đắm đuối**. **Đắm đuối** thì tiếng đàn mới "**đầm ấm dương hòa**" và **"êm ái xuân tình"** .

KITÔ GIÁO 2023

Ba bước Tu trì (State or Way)

THANH TẨY HIỂN THÁNH KẾT HỢP VỚI CHÚA

(Purgative Illuminative Unitive)

VỀ QUÊ HƯỞNG PHÚC THIÊN ĐÀNG

THÁNH GIA CHÚA GIÊ- SU CẦU NGUYỆN TRONG VƯỜN CÂY DẦU

CHÚA GIÊ- SU: NGUỒN SỐNG / NGUỒN SÁNG: <u>THÁI CỰC ÂM / DƯƠNG HÒA</u>

Thiên Chúa Ba Ngôi

[As It was As It is As It shall be]

[Như đã có Trước Vô cùng và Bây giờ và Hằng có Đời Đời chẳng cùng]

Tam Bửu: BÁC ÁI CÔNG BẰNG THA THỨ: HÒA

LOVE, JUSTICE, FORGIVENESS

TRẦN GIAN

HÀI NHI NGÂY THƠ

Gia Đình

Cộng đồng

BIỂU TƯỢNG VŨ TRỤ HÒA & THẾ GIỚI HÒA BÌNH

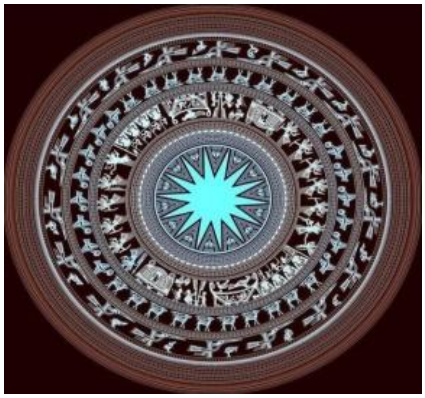

Cổ nghệ Trống Đồng : " Tam Tài " Ca Vũ Hòa

Ngày Hòa Bình thế giới: Chim Bồ câu ngậm cành Olive 13 lá.

Hình Tiệc Ly: Chúa Giê su và 12 Tông đồ = 13

(13 = 1 + 3 x4: 1 Thiên Chúa 3 Ngôi cai quản 4 phương Trời)

ĐỊNH NGHĨA HẠNH PHÚC

(The origins and etymology of happiness)

Happiness: Hap + pi + ness

Hap

Hap is the Old Norse and Old English root of happiness, and it just means luck or chance, as did the Old French heur, giving us bonheur, good fortune or happiness. German gives us the word Gluck, which to this day means both happiness and chance."Feb 16, 2019
What is the spiritual meaning of the pi symbol?

Hap là từ **gốc** của hạnh phúc trong tiếng Bắc Âu và tiếng Anh cổ, và nó chỉ có nghĩa là **may mắn hoặc cơ hội**, giống như từ **heur** trong tiếng Pháp cổ, mang lại cho chúng ta sự **may mắn, may mắn hay hạnh phúc**. Tiếng Đức cho chúng ta từ **Gluck**, cho đến ngày nay nó có nghĩa là **hạnh phúc và cơ hội."**16/02/2019

Ý nghĩa Tâm linh của biểu tượng **số pi** là gì?

Pi: π

In other spiritual systems, pi is less of a problem solved and more of a lesson that offers us a glimpse at the divine. One explanation is that pi points to infinity, illustrating the transcendence and imminence of Spirit. Another thing to consider is that pi is incorporated into our day to day lives.
State : condition : quality

Trong các hệ thống Tâm linh khác, pi không phải là một vấn đề được giải quyết mà giống một bài học mang đến cho chúng ta cái nhìn thoáng qua về điều thiêng liêng. Một lời giải thích cho rằng số pi chỉ đến vô hạn, minh họa cho sự siêu việt và sắp xảy ra của Tinh thần. Một điều khác cần xem xét là số pi được đưa vào cuộc sống hàng ngày của chúng ta.

Tình trạng: điều kiện: chất lượng

Ness

When you add "-ness" to an " to an adjective, it becomes a noun. The suffix "-ness" means "state : condition : quality" and is used with an adjective to say something about the state, condition, or quality of being that adjective.

Happiness is “the experience of joy, contentment, or positive well-being, combined with a sense that one’s life is good, meaningful, and worthwhile.”

Khi bạn thêm "-ness" vào " vào tính từ, nó sẽ trở thành một danh từ. Hậu tố "-ness" có nghĩa là "trạng thái : điều kiện : chất lượng" và được dùng với một Tính từ để nói điều gì đó về trạng thái, điều kiện hoặc chất lượng là Tính từ đó.

Hạnh phúc là “trải nghiệm niềm vui, sự hài lòng hoặc cảm giác hạnh phúc tích cực, kết hợp với cảm giác rằng cuộc sống của một người là tốt đẹp, có ý nghĩa và đáng giá”.

HẠNH PHÚC

Theo Nho thì Hạnh phúc là May mắn , Phúc lành, không ngờ mà được, vui mừng,

Phúc 福: Những sự tốt lành, gồm 5 điều:

Phú: 富 Giàu có, nhiều tiền của — Điều may mắn được hưởng.

Quý: 貴 sang, quý giá, quý trọng

Thọ: 壽 Lâu dài. Có tuổi gọi là thọ. Trăm tuổi là thượng thọ 上壽. Tám mươi gọi là trung thọ 中壽.
② Ngày sinh nhật cũng gọi là thọ.
③ Chúc, đời xưa đem vàng lụa tặng cho người tôn kính hay lấy rượu mà chuốc cũng gọi là thọ.

Khang: 康① Yên, như khang kiện 康健 yên mạnh.
② Ngã năm, chỗ năm lối đều qua gọi là khang 康, sáu lối đều qua gọi là trang 莊, đường xá trong phố rộng rãi sạch sẽ gọi là khang trang 康莊.

Ninh: Yên ổn.
② Thăm hỏi. Con gái ở nhà chồng về thăm cha mẹ gọi là quy ninh 歸寧.
③ Thà, lời thuận theo, như ninh khả 寧可 thà khá, ninh sử 寧使 thà khiến. Xét ra chữ ninh viết 寧 và viết 甯 hai chữ ý nghĩa hơi giống nhau mà có phần hơi khác nhau. Như an ninh 寧, đinh ninh 寧 đều dùng chữ ninh 寧, còn tên đất hay họ thì dùng chữ ninh 甯.

CHIẾT TỰ CHỮ HẠNH PHÚC

HẠNH : 幸

May mắn — Điều may mắn — Không phải phần mình mà mình được hưởng — Được vua yêu quý — Việc đi chơi của vua gọi là Hạnh.

CHIẾT TỰ CHỮ HẠNH

幸=十+羊 : Hạnh: thập dương: Mười con dê :May mắn. Thời xưa trong nông nghiệp cuộc sống con người còn đơn giản , một người có được một thửa ruông và 10 con dê, thế là cuộc sống Vật chất được bảo đảm.
Dê là súc vật dễ nuôi , chỉ ăn lá cây trên đồi sinh sản nhiều và nhanh nên đem lại nguồn lợi mau và nhiều. (Lấy nét một ngang của chữ 羊 kết với chữ nhất 一 thành chữ 十)

福: PHÚC

① Phúc, những sự tốt lành đều gọi là phúc. Kinh Thi chia ra năm phúc: (1) Giàu 富:Phú (2) Yên lành 安寧 (3 : An ninh) Thọ 壽 (4 : Thọ) Có đức tốt 攸好德: Du hiếu đức (5 : Thọ) Vui hết tuổi trời 考終命: Khảo chung mệnh .

1.- **Trường thọ** là không bị chết non, phúc thọ là lâu dài

2.-**Phú quý** là tiền của rất nhiều, địa vị tôn quý.

3.-**Khang ninh** là thân thể khoẻ mạnh, tâm hồn yên ổn.

4.-**Hiếu đức** là tính lương thiện, nhân hậu, bình tĩnh.

5.- **Thiện chung** là có thể tiên liệu thời kỳ chết của mình. Khi lâm chung không gặp tai họa, thân thể không đau đớn vì bệnh tật, trong lòng không vương vấn và phiền não, ôn hoà tự tại rời khỏi nhân gian.

CHIẾT TỰ CHỮ PHÚC

PHÚC 福

福: 示:礻 + 一 口 田 Chữ Phúc gồm 2 phần:

Bên trái là phần quan trọng (Tả nhậm : Thuận Thiên) có **chữ Kỳ** 示:礻 nghĩa là Thần Đất là phần Linh thiêng, tức là Tinh thần, còn bên phải gồm các chữ: 一口田: **Nhất khẩu điền** : Ruộng cần cho một nhân khẩu để nuôi sống vật chất. Cái Ăn là nhu cầu đầu tiên của cuộc sống con Người, không ăn là hết Sống!

Vậy Hạnh phúc là khi Một người may mắn có cuộc sống đầy đủ cho cả Vật chất lẫn Tinh thần, nghĩa là người có Phúc gồm đủ cả 5 điều gọi là ngũ Phúc : **Phú, Quý, Thọ. Khang, Ninh. Ngũ Phúc** là nhu cầu Tinh thần của con Người,

Đặc biệt chư Kỳ, trên có **2 nét Ngang, dưới có 3 nét Doc**, bộ số 2 - 3, 5 (2 + 3 = 5) là **Nội dung của Việt Nho: Văn Hóa Việt Nam]**

Chữ KỲ 示

kì [thị]

U+793A, tổng 5 nét, bộ kỳ 示 (+0 nét). phồn & giản thể, tượng hình

Từ điển trích dẫn

1. (Danh) Thần đất. § Cùng nghĩa với chữ "kì" 祇.
2. Một âm là "thị". (Động) Bảo cho biết, mách bảo. ◇Tô Thức 蘇軾: "Cổ giả hữu hỉ tắc dĩ danh vật, thị bất vong dã" 古者有喜則以名物, 示不忘也 (Hỉ vủ đình kí 喜雨亭記) Người xưa có việc mừng thì lấy mà đặt tên cho việc để tỏ ý không quên.

Từ điển Thiều Chửu

① Thần đất, cùng nghĩa với chữ kì 祇.
② Một âm là thị. Bảo cho biết, mách bảo. Nay thường viết là 礻.

Từ điển Trần Văn Chánh

(văn) Thần đất (như chữ 祇).

Có những người đã lâu không gặp, nhưng những khi ta neo đơn, có khó khăn trở ngại thì những bạn ấy luôn có mặt và chia sẻ cùng ta. - Có những người ta tình cờ gặp sơ rồi nhanh chóng lãng quên! Nhưng đôi khi nó không phải là chuyện ngẫu nhiên, mà là nhân duyên

đã sắp đặt từ lâu. Nhưng nói cho cùng, cuộc sống của ta chỉ thật sự có ý nghĩa và trọn vẹn khi ta biết giữ gìn và nuôi dưỡng ước mơ, biết cảm nhận chân thành sâu sắc mọi việc đến với mình, biết tin vào những lời hứa, biết trân trọng những lời hẹn ước, biết dũng cảm bước ra khỏi các nỗi đau, vượt lên để học hỏi sau những lần thất bại, mất mát, sai lầm.

Và hạnh phúc dường bao khi trên bước đường ta có những người bạn chân thành giúp đỡ nhau và một tình yêu sâu đậm, nơi nương tựa vững vàng.

NGUỒN GỐC CỦA HẠNH PHÚC

Theo Nho giáo thì sinh hoạt Tinh thần của con Người gồm hai phần:**Tình cảm và Lý trí**

.

Muốn **đi vào lãnh vực Tình cảm thì phải vô niệm** (No mind : bỏ Lý trí) giúp hướng Nội vào thế giới Tâm linh: Nguồn Tình. Muốn đi vào nguồn Tâm linh thì phải Tu , phải ngồi Yên Tĩnh , Bất động, bỏ suy tư giúp đi vào Lòng mình gọi là " Nghĩ lại " hay " Quy tư " mang tích cách **Tổng hợp** (synthesis) mà cảm nhận (feel) Hạnh phúc rồi cảm nghiệm vào Thân Tâm (experience).

" **Dịch vô vi , vô tư, tịch niên bất động nhi toại thông Thiên hạ chi cố** " " Dịch là không Nhân vi (No artificial), bỏ suy tư (Vô niệm :No mind) , ngồi yên tĩnh (Silent) , bất động (keep still) thi đột nhiên cảm thông được (feel) nguồn gốc của Vũ tru (Energy source: Love) : Đó là nguồn TÌNH YÊU.

Khi ngồi Tu thì phải theo trình tự : " **Tri chỉ nhi hậu năng Tĩnh, Tĩnh nhi hậu năng Định, Định nhi hậu năng An, An nhi hậu năng Lự, Lự nhi hậu năng Đắc** (Đại học) ": Biết ngừng Suy tư thì mới Yên Tĩnh được, có yên tĩnh thì mới định Tâm, có định Tâm thì mới yên ổn, có Yên Ổn thì mới tính kỹ lo xa, suy sâu nghĩ rộng mới đạt Đạo, Đạo là nguồn gốc Tâm linh : **Nguồn TÌNH YÊU: E= mc2 (Einstein) .**

Khi Lý trí Suy tư thì phải ngưng Tình cảm mà suy nghĩ về thế giới Hiện tượng gọi là **Suy đi** " **hầu phân tích** vấn đề cho rõ ràng (Analysis) .
Với cá nhân thì **Suy đi / Nghĩ lại** (**Quy tư / Suy tư**) là cặp đối cực Dich có thể lưỡng nhất để cho " **Tình Lý tương tham** " tạo nên trạng thái Hòa giúp cho **Thân Tâm hợp nhất**.
Còn đối với Tha nhân thì hai bên đều phải ứng xử sao cho Tình Lý của hai bên cũng được cân xứng hay lưỡng nhất mới tạo nên mối Hòa.
Đây là Tinh thần **Dịch lý Âm Dương Hòa.** Dịch lý cũng là Thiên lý mà ta gọi là Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ (Cosmic Rhythm).

" Dịch lý Âm Dương Hòa " chính là nền tảng Hòa của Nhân loại!

Để làm rõ vấn đề trên, chúng ta nêu lên **chức năng của hai Bán cầu Nảo Phải và Trái** cùng **Cầu nối Corpus Callosum** mà xưa **nay nhiều người lầm tưởng Tâm là ở nơi quả Tim của con Người .**

TÂM CỦA CON NGƯỜI

Xưa nay chúng ta lầm tưởng Tâm là ở nơi Quả Tim, ngày nay nhờ Khoa học chúng ta nhận ra Tâm là ở nơi Bộ Não.

TÂM: (Heart: Mind:) Two hemispheres of the Brain: Hai Bán cầu não (BCN):

, **BCN Phải** (:Right Brain hemisphere) & **BCN Trái** (: Left Brain hemisphere)

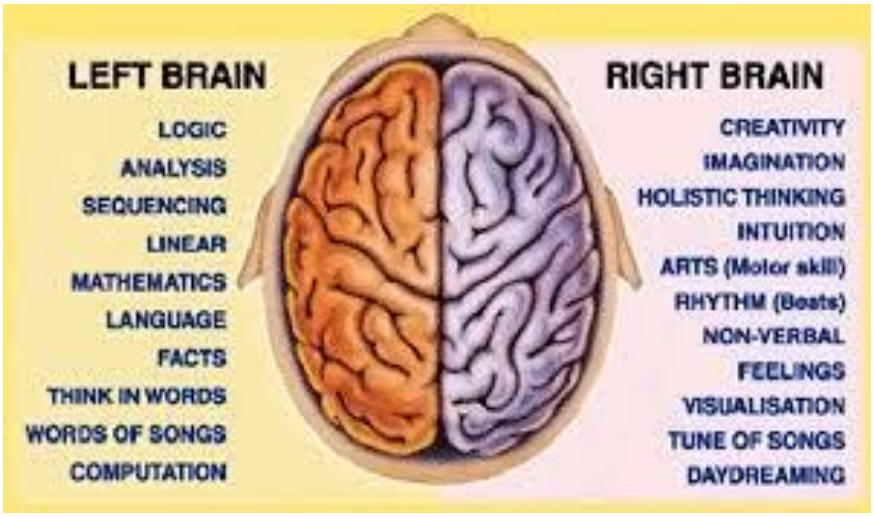

BCN Trái: Chủ LÝ. Cầu nối Corpus Callosum. BCN Phái: Chủ TÌNH

Corpus Callosum là cầu nối giữa hai Bán cầu như là xa lộ giúp hai Bán cầu " Trao Tình đổi Lý " với nhau sao cho **" Tình Lý tương tham "** hay lưỡng nhất " mà sống Hòa với nhau . Xưa nay người ta cứ lầm tưởng Tâm của con Người là ở nơi Quả Tim!

CHỨC NĂNG CỦA NÃO

BÁN CẦU NÃO PHẢI	**BÁN CẦU NÃO TRÁI**
(Chủ Tình: Cảm xúc)	(Chủ Lý: Lý Trí)

Creativity: Sáng tạo	Logic: Hợp lý
Imagination: Trí tưởng tượng	Analysis: Phân tích
Holistic thingking: Tư duy toàn diện (Chu tri)	Sequencing : Trình tự
Intuition: Trực giác	Linear: Tuyến tính
Art: Nghệ thuật	Mathematic: Toán học
Rhythm:Nhjp điệu	Language: Ngôn ngữ
Non verbal: Không bằng lời nói	Facts: Sự kiện
Feeling: Cảm giác	Think in works:Nghĩ bằng lời
Visualation:Hình dung	
Tune of song: Giai điệu của bài hát	Works of song:Tác phẩm bài hát
Daydreaming: Mơ mộng	Computation: Tính toán
Left- handed: Thuận Tay Trái	Right – handed: Thuận Tay Phải

Cầu nối Corpus Callosum là Xa lộ giúp hai Bán cầu Não trao qua đổi lại TÌNH LÝ với nhau sao cho "Tình Lý tương tham " theo Tỷ lệ " Tham (3) Thiên lưỡng (2) Địa nhi Ỷ số " :Tình / Lý = 3 / 2 ".

Thường người ta cứ bảo <u>tôi cảm nhận được Hạnh phúc</u>, <u>cảm</u> trước, <u>nhận</u> sau; nghĩa là dùng Tình cảm để nhận ra, để cảm nhận (feel) mà thể nghiệm (experience) vào Thân Tâm trước, nhận thấy sau nghĩa là nhờ Lý trí nhận ra là hợp lý, là tốt , nghĩa là " Tình Lý tương tham: Bên ngoài là Lý, nhưng trong là Tình. Kiều. Nguyễn Du)

Hạnh phúc ở thế giới Hiện tượng là dễ có, đâu đâu cũng có, nhưng chỉ là tương đối, và chóng qua, một con người mẫn cảm thì ở đâu và lúc nào họ cũng cảm thấy Hạnh phúc .

Tâm hồn đơn sơ giản dị:* Tri Chỉ, tri Túc, tri Nhàn *thì mới mẫn cảm được.

Hòa là nguồn Hạnh phúc của con Người cũng là Hạnh phúc của Nhân loại. Hạnh phúc đơn sơ như cuộc Sống ngây thơ của một Hài nhi, nhưng cũng Cao siêu như cuộc sống của Thánh nhân.
Loài Người có dến 7, 8 tỷ con Người ở nhiều nơi khác nhau , mỗi Người một khác, khác nhau về nhiều phương diện, nên vấn đề Hạnh phúc tuy đơn giản nhưng lại trở nên vô phức tạp, do đó mà chúng ta thử rảo qua nhiều nơi để thấy sự khác biệt về Hạnh phúc từng địa phương của từng tầng lớp, hầu mong có thể giúp mỗi người chọn được cách tìm Hạnh phúc thích hợp cho riêng mình.
Kỳ vọng thay !

HẠNH PHÚC THỰC SỰ LÀ GÌ?

NGUỒN : INTERNET

VĂN HÓA PHƯƠNG TÂY & PHƯƠNG ĐÔNG
CÓ QUAN ĐIỂM KHÁC NHAU VỀ HẠNH PHÚC

Vài năm trước, tôi đã có cơ hội phát biểu tại một hội thảo có tên là "Hạnh phúc và nguyên nhân của hạnh phúc", hội thảo có sự tham dự của các nhà tâm lý học phương Tây và các học giả Phật giáo để khám phá nguyên nhân khiến cho mọi người hạnh phúc. Tại hội nghị, tôi thật sự ấn tượng với tầm quan trọng của chủ đề hạnh phúc, đặc biệt là đối với "dịch bệnh" trầm cảm đang gia tăng ngày nay. Tại Hoa Kỳ, tỷ lệ sinh viên đại học tìm đến các dịch vụ sức khỏe tâm thần đang ở mức cao hơn bao giờ hết, đồng thời,các đầu sách về trị liệu tâm lý và sách tự lực (không kể các ứng dụng về sức khỏe tâm thần) hiện là ngành công nghiệp trị giá hàng tỷ đô la.
Nhưng tôi cũng bị ấn tượng bởi cách các học giả Phật giáo định nghĩa "hạnh phúc", nó hoàn toàn khách với hầu hết các nhà tâm lý học có mặt tại hội nghị. Đôi khi, hai nhóm này dường như đang nói về những điều hoàn toàn khác nhau.
Thiền chánh niệm là một trong những công cụ ngày càng được sử dụng rộng rãi bởi các nhà trị liệu tâm lý trong vòng 10 đến 15 năm qua. Thiền chánh niệm được chuyển thể từ Phật giáo, và nghiên cứu cho thấy các liệu pháp dựa trên chánh niệm có hiệu quả trong việc điều trị trầm cảm, lo lắng, thậm chí là đau đớn về thể chất. Vì thế, tôi đã rất ngạc nhiên khi nhiều học giả Phật giáo tại hội nghị đã phê phán việc sử dụng phương pháp này trong các chương trình trị liệu của tâm lý học phương Tây.
Thượng tọa Robina Courtin - một ni cô người Tây Tạng và là một trong những người tổ chức hội nghị, đã chia sẻ với tôi trong một cuộc phỏng vấn trên chương trình "Giới thiệu về Sức khỏe" của đài KPFA, "Một phần vấn đề ở đây là bất kỳ ai cũng có thể sử dụng từ thiền định. Đức Phật không giữ bản quyền của từ này. Nhưng nếu chúng ta muốn làm theo Phật giáo, chúng cần hiểu rõ hơn về ý nghĩa của nó. Tôi cho rằng hiện nay đang có rất nhiều hiểu lầm về từ này. Quan niệm sai lầm đầu tiên là bạn chỉ ngồi thiền khi bạn gặp vấn đề,

vì vậy chúng ta chỉ nói về thiền như một viên thuốc, điều đó thật vô lý. Thiền không phải là sự thay thế cho một viên thuốc. Thiền không phải là một kỹ thuật thư giãn. Thiền cũng không phải với mục đích làm cho tất cả những suy nghĩ tiêu cực biến mất. Thiền lại càng không phải để có một tầm nhìn và cảm xúc đặc biệt. Thiền không giống bất kỳ những gì vừa kể trên."
Quan điểm của ni cô dường như mang đến một cái nhìn khác về hạnh phúc. Thật vậy, tâm

lý học phương Tây đôi khi đối xử với chánh niệm giống như một viên thuốc hạnh phúc: Sử dụng nó và mọi thứ sẽ rất tuyệt.

Hoàn toàn bối rối và bị mê hoặc bởi những khác biệt này, tôi bắt đầu một hành trình cho chính mình. Là một nhà Tâm lý học phương Tây, tôi nghĩ rằng tôi đã hiểu khái niệm hạnh phúc mà văn hóa phương Tây định nghĩa. Tuy nhiên, tôi không biết gì về cách mà Phật giáo hiểu về khái niệm này. Vì vậy, trong những năm qua, tôi thường xuyên tham dự các buổi thiền nhóm, các bài pháp thoại và nhiều sự kiện khác tại một trung tâm thiền Phật giáo Tây Tạng ở nơi tôi sinh sống khoảng hai hoặc ba lần một tuần, và bắt đầu thực hành thiền định hàng ngày. Tôi cũng đọc rất nhiều sách và bài viết về **định nghĩa hạnh phúc trong cả văn hóa phương Đông lẫn phương Tây**. **Hóa ra hạnh phúc phức tạp hơn nhiều người nghĩ, và tôi thực sự vẫn chưa hiểu được nó từ góc độ văn hóa.**
Trong bài đánh giá nghiên cứu về hạnh phúc, **Mohsen Joshanloo**, Giảng viên cấp cao tại Trung tâm Tâm lý học Tích cực thuộc **Đại học Melbourne**, đưa ra trường hợp **rằng**

Tâm lý học phương Tây chủ yếu đánh đồng hạnh phúc với chủ nghĩa khoái lạc.

Tóm lại, sự hiểu biết chủ yếu của phương Tây là hạnh phúc đạt được khi chúng ta cảm thấy tốt.

Ngược lại, các truyền thống phương Đông có xu hướng lấy quan điểm về hạnh phúc của Eudaimonic, ưu tiên sự thông thái và ý nghĩa hơn là niềm vui khoái lạc.

Trong Phật giáo, niềm vui là điều không tồn tại mãi mãi. Theo thời gian, sự thỏa mãn khi ta sở hữu một điện thoại thông minh mới, hoặc có mức lương cao hơn, hoặc được khen ngợi sẽ mờ dần nhạt dần. Vì vậy, **hạnh phúc dựa trên các yếu tố bên ngoài như vậy thì không phải thực sự là hạnh phúc**

Tất nhiên, thế giới quan của phương Đông không phải lúc nào cũng giống nhau. **Truyền thống tâm linh và triết học có rất nhiều, bao gồm nhiều trường phái Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo, Ấn Độ giáo, Thần đạo, và những trường phái khác.**

Ngay cả trong mỗi trường phái này, người thực hành cũng có những niềm tin rất khác nhau. Chúng ta đều là những sinh vật độc đáo và phức tạp. Nhưng **Joshanloo** thấy rằng cách tiếp cận **cuộc sống đa dạng này chia sẻ những ý tưởng về hạnh phúc tương phản rất nhiều với quan điểm của phương Tây.**

Đây là bốn trong số những điều quan trọng nhất:

1.- TỰ SIÊU VIỆT QUAN TRỌNG HƠN TỰ CƯỜNG

Nếu bạn là người đến từ phương Tây, rất có thể bạn sẽ cho rằng bạn có một cái tôi, nó độc lập với thế giới xung quanh bạn và tạo nên những bức tranh trong cuộc sống của bạn. Ý tưởng về một cái tôi độc lập này dựa trên nền **văn hóa phương Tây về <u>chủ nghĩa Cá nhân</u>**. Quan niệm rằng **một hành vi chủ yếu nên được xác định bởi các mục tiêu và giá trị cá nhân**, **độc lập với**

những người khác. Từ quan điểm này**, một cuộc sống tốt đẹp đạt được bằng cách nâng cao bản thân thông qua các yếu tố như tự chủ, thành tích và lòng tự trọng của cá nhân đó.**

Ngược lại, các ý tưởng phương Đông thường bắt nguồn từ <u>chủ nghĩa Tập thể</u>. Quan niệm rằng hành vi của một người nên được xác định chủ yếu do các mục tiêu và giá trị được chia sẻ bởi nhóm hoặc tập thể, **thường đặt lợi ích của người khác lên trên lợi ích của bản thân.**

Như nhà nghiên cứu **Kwang-Kuo Hwang của Đại học Quốc gia Đài Loan** lập luận, trong nhiều **truyền thống phương Đông, hạnh phúc đạt được bằng cách vượt qua bản thân, không tập trung vào bản thân và nhận ra rằng chúng ta được kết nối với người khác**.

2.- HÀI HÒA QUAN TRỌNG HƠN LÀM CHỦ

Văn hóa phương Tây thường coi **chúng ta là Chủ nhân của thế giới xung quanh chúng ta**. Ở **phương Tây, con người thích kiểm soát mọi thứ. Họ có xu hướng thấy mình đứng tách biệt với thế giới** và như Albert Gilgen và Jae Hyung Cho viết, "nó. Phù hợp với ý tưởng này, trong một mô hình tâm lý của phương Tây, **một người có khả phân tích, gắn nhãn, phân loại, thao túng, kiểm soát hoặc tiêu thụ"năng hoạt động** được định nghĩa là một người có ý thức làm chủ và năng lực trong việc quản lý môi trường. Ngược lại, trong nhiều **thế giới quan phương Đông, con người được coi là một với vũ trụ và tất cả chúng sinh trong đó - một mảnh nhỏ nhưng không thể tách rời. Hạnh phúc vì thế đạt được thông qua việc hòa hợp với người khác và với thế giới xung quanh.**

3.- HÀI LÒNG QUAN TRỌNG HƠN THỎA MÃN

Trong **tâm lý học phương Tây, sự thỏa mãn với cuộc sống được xem là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong hạnh phúc. Sự thỏa mãn ngụ ý rằng thế giới phải đáp ứng nhu cầu của chúng ta để chúng ta được hạnh phúc**.

Mặt khác, **quan điểm của phương Đông về hạnh phúc có xu hướng nhấn mạnh sự hài lòng với cuộc sống.** Mặc dù các phương pháp tiếp cận của phương Đông thừa nhận rằng việc có mục tiêu có thể giúp ích cho hạnh phúc, nhưng **họ cũng nhấn mạnh rằng chúng ta có thể trải nghiệm sự hài lòng bất kể khi tất cả các mục tiêu của chúng ta có đạt được hay không**.

Bác sĩ tâm thần C.Shamasundar viết trên Tạp chí Tâm thần học Ấn Độ rằng sự hài lòng trong Ấn Độ giáo là một sự chấp nhận cực kỳ linh động về kết quả của nỗ lực trong việc đấu tranh từng khoảnh khắc của cuộc sống. Nếu mục đích của chúng ta không phải là làm chủ vũ trụ mà là để hòa hợp với nó, chúng ta có thể hài lòng khi biết rằng chúng ta không có quyền kiểm soát cuối cùng đối với những gì xảy ra và chấp nhận rằng mọi thứ sẽ không phải lúc nào cũng như ý muốn của chúng ta.

4.- COI TRỌNG ĐAU KHỔ QUAN TRỌNG HƠN TRÁNH ĐAU KHỔ

Trong tư tưởng phương Đông, hài lòng với cuộc sống bao hàm đến việc chấp nhận rằng những đau khổ nhất định là không thể tránh khỏi và thậm chí có giá trị.

Bởi vì quan điểm của phương Tây về hạnh phúc thường bắt nguồn từ chủ nghĩa khoái lạc, họ nhấn mạnh rằng hạnh phúc đạt được bằng cách tránh đau đớn và tối đa hóa niềm vui. Trong thế giới quan này, chúng ta chỉ có thể hoàn toàn hạnh phúc khi không có gì xấu xảy ra.

Tuy nhiên, theo một số **quan điểm của phương Đông, Tất cả đều có giá trị trong việc nắm lấy cả mặt tích cực lẫn tiêu cực của cuộc sống.**

Theo Joshanloo, Đạo giáo quan điểm rằng nếu ta không chấp nhận bất hạnh và hạnh phúc cùng tồn tại với nhau, thì chắc chắn chúng ta sẽ cảm thấy đau khổ.

Tương tự như vậy, trong Phật giáo, đau khổ được xem là một phần gần như không thể tránh khỏi của sự tồn tại thông thường của con người. Thừa nhận và thậm chí học hỏi từ sự đau khổ đó có thể giúp chúng ta vượt lên trên nó.

Hạnh phúc là một khái niệm rất cá nhân, và tất nhiên mọi người đều có quyền theo quan điểm riêng của mình về những gì làm cho cuộc sống này trở nên đáng sống hơn

. Tuy nhiên, chúng ta thường có thể học được rất nhiều bằng cách xem xét các quan điểm khác với quan điểm của bản thân.

Mặc dù các nhà tâm lý học phương Tây đã nhanh chóng chấp nhận chánh niệm như một công cụ trị liệu, nhưng họ vẫn đang còn chậm chạp trong việc khám phá một tầm hình rộng lớn hơn hỗ trợ công cụ đó.

Điều này không đồng nghĩa với việc chúng ta cũng cần thay đổi cách chúng ta nhìn nhận hạnh phúc. Nhưng có lẽ bằng cách xem xét bốn điểm trên, chúng ta có thể hiểu sâu hơn về cuộc sống của chúng ta.
Như Thượng tọa Robina Courtin đã nói với tôi khi đề cập đến hành trình cá nhân của bà trên con đường Phật giáo, "Nếu bạn kiểm tra từng quan điểm, chứng minh từng bước khía cạnh, và bạn thấy rằng những gì Đức Phật nói là sai, bạn nên từ chối những điều Phật dạy... Tất nhiên, bạn nên làm thế. Vì vậy, tôi coi đó là giả thuyết mà tôi phải chứng minh. Tôi không chỉ ngồi trên vòng nguyệt quế của mình và tin vào điều đó."
Nếu một trong những mục tiêu của chúng ta trong cuộc sống là hạnh phúc, thì nó đáng để khám phá những giả thuyết khác nhau về cách đi đến hạnh phúc.

Theo Internet **CÔNG TY TNHH HAPPY LIFESTYLE**

Theo thiển ý của người trich đăng bài, chúng ta không thể tự phủ nhận Cá nhân mình và cũng không thể sống ngoài Tập thể, nên dầu muốn dầu không , mọi người đều phải sống chung trong Tập thể . Môi trường Tập thể với Cá nhân như như môi trường Nước với Cá.

Theo Triết học phương Đông chúng ta có thể coi Cá nhân (Ta là Nhân loại) như đối cực Dương (thuộc nguồn Năng lượng Sáng) và Tập thể (Nhân loại cũng là Ta) như đối cực

Âm (Nguồn Năng lượng Tối) , Đông Tây cũng chỉ là Một trong đó, mọi thừ đều cần được hài hòa theo Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ, (cosmic Rhythm) nên sống trong Vũ trụ, trong cái Chung có cái Riêng và trong cái Riêng vẫn có cái Chung , Riêng / Chung là cặp đối cực được Lưỡng nhất với nhau, nên Cá nhân và Tập thể không thể sống xa rời nhau mà phải sống Hài hòa với nhau theo Tinh thần Thiên lý " Âm Dương Hòa ".

Nếu xét chung về Nhân loại theo kiểu" TÍNH tương cận " thì con Người ai ai cũng có thể Quy Tư (No mind : Feeling) giống nhau về nguồn TÌNH YÊU mà kết thân với nhau , nhưng khi sống ở những địa phương khác nhau thì lại theo tinh thần ".TẬP tương Viễn " nên cách Suy tư (Thingking) theo LÝ TRÍ lại khác nhau.

Để bảo vệ Cá nhân không bị Tập thể lấn át , thì Tình Yêu / Lý Trí cần được lưỡng nhất theo Tinh thần ÂM DƯƠNG HÒA thì mới giúp con Người có thể Bao dung nhau mà sống HÒA yên vui vứi nhau.

KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ HẠNH PHÚC

(Internet)

" Hạnh phúc là chủ đề tranh luận về cách sử dụng, ý nghĩa, và về sự khác biệt có thể có trong cách hiểu theo từng nền Văn hóa. Từ "Hạnh phúc" được sử dụng chủ yếu liên quan đến hai yếu tố:

Trải nghiệm hiện tại về **cảm giác của một cảm xúc** (ảnh hưởng) như khoái cảm hoặc vui sướng. Hoặc một cảm giác chung hơn về tình trạng cảm xúc nói chung'.

Ví dụ, Daniel Kahneman đã định nghĩa **hạnh phúc là "những gì tôi trải nghiệm ở đây và bây giờ".** Cách sử dụng này phổ biến trong các định nghĩa từ điển về hạnh phúc.

1.- HẠNH PHÚC: CHẤT LƯỢNG CỦA CUỘC SỐNG

Đánh giá mức độ hài lòng trong cuộc sống, chẳng hạn như chất lượng cuộc sống. Ví dụ, Ruut Veenhoven đã định nghĩa hạnh phúc là "sự đánh giá tổng thể về cuộc sống của một người". Kahneman đã nói rằng điều này quan trọng đối với con người hơn là trải nghiệm hiện tại.

Xem thêm: **Cuộc thi "Viết vì người bệnh": Lan tỏa thông điệp tích cực, tạo giá trị cho cộng đồng**

Theo đó, hạnh phúc chủ quan bao gồm các thước đo về trải nghiệm hiện tại (cảm xúc, tâm trạng và cảm giác) cùng sự hài lòng trong cuộc sống. Chẳng hạn như Sonja Lyubomirsky

đã mô tả hạnh phúc là "trải nghiệm về niềm vui, sự hài lòng hoặc hạnh phúc tích cực. Kết hợp với cảm giác rằng cuộc sống của một người là tốt, có ý nghĩa và đáng giá".

2.- QUAN NIỆM HẠNH PHÚC THEO TRIẾT HỌC

Triết lý về hạnh phúc thường được thảo luận cùng với đạo đức. Hạnh phúc không còn được định nghĩa trong mối quan hệ với đời sống xã hội, mà là trong tâm lý cá nhân. Tuy nhiên, hạnh phúc vẫn là một thuật ngữ khó đối với triết học đạo đức.

Trong cuốn Đạo đức học Nicomachean, Aristotle đã nói rằng hạnh phúc là điều duy nhất mà con người mong muốn vì lợi ích của mình. Không giống như giàu có, danh dự, sức khỏe hay tình bạn.

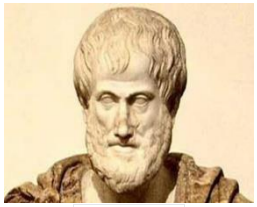

Aristotle

Các nhà đạo đức học phương Tây đã đưa ra những lập luận về cách con người nên cư xử, dựa trên kết quả hạnh phúc của hành vi đó.

Hạnh phúc nói chung là mục đích mà con người nên khao khát. Và những hành động mang lại hạnh phúc lớn nhất cho tất cả những người có liên quan được xem là đúng đắn.

Nói cách khác, đối với người Hy Lạp, đức hạnh là con đường dẫn đến hạnh phúc. Trong khi đối với những người theo chủ nghĩa vị lợi, hạnh phúc là tiêu chuẩn để đánh giá hành động đúng.

3,- QUAN NIỆM HẠNH PHÚC THEO CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, XÃ HỘI

Theo nghĩa kinh tế – chính trị xã hội, hạnh phúc là tài sản của tập thể xã hội, hoặc của cơ quan chính trị. Nó được thể hiện bằng các thuật ngữ "hạnh phúc dân sự" và "hạnh phúc công cộng".

Đối với môi trường tự nhiên, Các phép đo tâm trạng ở các địa điểm và hoàn cảnh khác nhau ở Anh đã được thực hiện. Kết quả cho thấy mọi người hạnh phúc hơn trong không gian xanh, cách xa nơi làm việc. Và đặc biệt là khi họ đi cùng gia đình hoặc bạn bè.

Tham khảo thêm: Y tế thông minh: Xu thế tất yếu hay trào lưu tức thời?

Đối với môi trường tự nhiên và xã hội rộng lớn hơn: Các nghiên cứu chỉ ra rằng các quốc gia hạnh phúc nhất là những quốc gia quan tâm đến phát triển bền vững. Và nỗ lực nhiều hơn để đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững.

4.- QUAN NIỆM HẠNH PHÚC THEO TÂM LÝ HỌC

Các nhà Tâm lý học phân biệt các loại hoặc mức độ hạnh phúc khác nhau. Một phân loại phổ biến đề xuất ba cấp độ:

Thứ nhất liên quan đến sự cân bằng giữa cảm xúc nhất thời của chúng ta. Bao gồm cả t ích cực (chẳng hạn như niềm vui) hoặc tiêu cực (ví dụ: lo lắng).

Thứ hai đề cập đến sự tự đánh giá nhận thức của con người về cuộc sống của mình theo nghĩa chung, dài hạn.

Thứ ba tập trung vào "sự hưng thịnh" và tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống.

Theo các nhà nghiên cứu Chu Kim-Prieto, Ed Diener và các cộng sự (2005), có ba cách chính để tiếp cận hạnh phúc trong tâm lý học tích cực:

Hạnh phúc như một đánh giá toàn cầu về cuộc sống và tất cả các khía cạnh của nó.

Sự hạnh phúc như hồi ức về những trải nghiệm tình cảm đã qua.

Hạnh phúc là sự kết hợp của nhiều phản ứng cảm xúc tích cực theo thời gian.

Hạnh phúc, Niềm vui, Hy vọng, Niềm tin.Tình yêu, Biết ơn

Hạnh phúc là sự kết hợp của nhiều cảm xúc tích cực

5. - QUAN NIỆM HẠNH PHÚC THEO TỪ ĐIỂN OXFORD

Từ điển Oxford định nghĩa "Hạnh phúc là cảm thấy hoặc thể hiện niềm vui hoặc sự hài lòng. Hiểu theo định nghĩa của từ điển Oxford, hạnh phúc là một trạng thái, không phải là một đặc điểm. Nói cách khác, đó không phải là một tính cách lâu dài, vĩnh viễn mà là một trạng thái có thể thay đổi, thoáng qua hơn.

Hạnh phúc được đánh đồng với cảm giác thích thú hoặc mãn nguyện. Có nghĩa là hạnh phúc không bị nhầm lẫn với niềm vui, sự sung sướng, hoặc những cảm giác mãnh liệt hơn khác. Hạnh phúc có thể là cảm giác hoặc sự thể hiện. Nghĩa là hạnh phúc không nhất thiết phải là trải nghiệm bên trong hay bên ngoài, mà có thể là cả hai.

6.- QUAN NIỆM HẠNH PHÚC CỦA PHẬT GIÁO TẤY TẠNG

Hạnh phúc là chủ đề trung tâm của giáo lý Phật giáo. Để giải thoát tối hậu khỏi đau khổ, Bát Chánh Đạo đưa hành giả đến Niết Bàn, một trạng thái bình an vĩnh viễn.

Hạnh phúc tối thượng chỉ đạt được bằng cách vượt qua tham ái dưới mọi hình thức.

Phật giáo Tây Tạng

Những hình thức hạnh phúc trần tục hơn, chẳng hạn như có được của cải và duy trì tình bạn tốt. Đây cũng được công nhận là những mục tiêu xứng đáng cho người cư sĩ. Phật giáo cũng khuyến khích phát sinh lòng từ và bi, mong muốn hạnh phúc và phúc lợi cho tất cả chúng sinh.

7.- QUAN NIỆM HẠNH PHÚC THEO NHO GIÁO

Nhà tư tưởng Nho giáo Trung Quốc Mạnh Tử là người đã tìm cách đưa ra lời khuyên cho các nhà lãnh đạo chính trị tàn nhẫn trong thời Chiến quốc. Ông tin rằng tâm trí đóng một vai trò trung gian giữa cái tôi sinh lý và cái tôi vĩ đại" (bản thân đạo đức).

(*Trung Quốc ? Nho giáo thực sự không phải là của Trung quốc. Trung quốc chỉ có Hán Nho bá đao học được tư Việt Nho rồi làm cho sai lạc mà trở thành bá đạo: Tham tàn và Cường bạo.[Lời của người viết]*);

Khổng Tử *Mạnh Tử*

Và việc nhận được những ưu điểm phù hợp giữa hai điều này sẽ dẫn đến đỉnh điểm của sự thông thái. Ông lập luận rằng nếu một người không cảm thấy hài lòng bằng "hành động chính đáng", thì sức mạnh của họ sẽ suy yếu. Đồng nghĩa với việc họ không cảm thấy thật sự Hạnh phúc.

8.- HẠNH PHÚC THEO KRISHNAMURTI

" HẠNH PHÚC là một sản phẩm phụ, nó xuất hiện khi có cái THIỆN, khi có TÌNH YÊU, khi không còn THAM VỌNG, khi TRÍ NÃO KHÁM PHÁ MỘT CÁCH lặng LẼ CÁI CHÂN THỰC "

Theo Krishnamurti, khi giáp mặt với mọi vấn đề lớn nhỏ, con người luôn bị ảnh hưởng bởi những kết luận, giải thích có sẵn; thói quen; cái biết của quá khứ; Triết lý suông của ai đó; ý kiến của "người lớn"; khuôn mẫu hành xử của xã hội...

"Cha Mẹ, Thầy Cô, Xã hội, Tôn giáo, Giáo sĩ - tất cả đều nói "hãy làm" và " đừng làm " , bậc Tư tưởng nói:

"Ta đào một cái Lỗ nhỏ và ta tự giam hãm Mình trong đó, để mặc cho cuộc Sống trôi đi ".

Như một vấn đề kinh điển của người trẻ là lựa chọn nghề nghiệp, tại sao khi chọn nghề, nhiều người lại không ngừng sợ hãi: Sợ không làm cha mẹ hài lòng, sợ thất bại, sợ định kiến, sợ không phù hợp với xã hội?

Nỗi sợ chệch ra khuôn mẫu chung khiến ta sống và "chơi một cuộc chơi an toàn". Nhưng điều đó dẫn đến tham vọng không ngừng, ta luôn trong tình trạng đấu tranh, cố gắng để "có nhiều hơn" về vật chất và tinh thần - bởi vì dường như cả xã hội đều đang di chuyển theo chiều hướng đó. Và sau cùng, dục vọng đó đẩy ta tới đau khổ, sa đoạ.

"Nền giáo dục của ta, môi trường sống của ta, toàn bộ nền văn hóa của ta khăng khăng nhấn mạnh rằng ta phải trở thành điều gì đó. Và ta không bao giờ chịu dừng

lại để hỏi xem liệu điều ta đang theo đuổi có đáng để đấu tranh hay không", Krishnamurti nói.

LÀM MỚI MỌI ĐỊNH NGHĨA

Xuyên suốt 27 chương sách với hơn 100 câu trả lời, nhà tư tưởng người Ấn Độ liên tục thúc giục bạn đọc vượt thoát khỏi mọi ảnh hưởng, thói quen mà xã hội đã tạo nên trong trí não con người. "Hãy ném chúng hết xuống sông, bỏ chúng vào sọt rác", ông nói.

Để làm được điều đó, bạn cần không ngừng quan sát trí não của mình để nhận biết mọi chuyển động, mọi ảo tưởng của nó lẫn thực tại mênh mông trước mắt, thấy "cái đang là". Nói cách khác, đó chính là tỉnh thức, là "biết mình", là thiền định.

Một khi có được sự tỉnh thức đó, bạn sẽ nhìn nhận mọi trúc trắc của bản thân dưới một lăng kính mới toanh. Thất bại và thành công; sự cố gắng và lười biếng; ngỗ nghịch và đạo đức; cái xấu và cái đẹp… Chúng sẽ không còn ở hình tướng cũ và không còn làm ta sợ hãi, không ngăn cản ta sống chân thực nữa "

(Thư do Ông Phạm Anh Dũng chuyển tới) .

Bước Đường tuy ngược nhau, nhưng đều Đồng quy về VÔ CỰC .

Đức Khổng đại khái đã tự ví mình đang còn lầm lũi nơi Trần thế, đem Lộ đồ Tu,Tề, Trị . Bình để phục vụ Nhân sinh , còn Lão Trang như cô Hồng Thiên ngoại tiêu dao du trong cõi Trời cao vút mênh mông.

Còn J. D. Krishnamurti lại độc hành vào cõi Lòng Mình sâu thẳm mông mênh!

Lão Trang thì bay bổng trên cõi Vô cùng lớn ∞ + . Còn J.D. Chrishnamurti lại lặn sâu vào Lòng mình Vô cùng bé ∞ - cũng mông mênh.

Cả hai đều đi vào hai ngả Vô cùng ngược nhau.

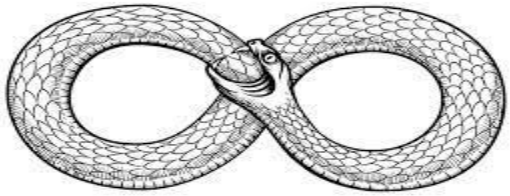

VÔ = Vô cực Âm + Vô cực Dương (Hình Con Rắn cắn đuôi của Ấn Độ)

∞ *Alpha Dương + : Vô cùng Lớn : Thái Dương*

∞ *Alpha Âm - : Vô cùng Bé : Thái Âm*

Cả hai đều đi vào lãnh vực Vô biên

Tuy ngược nhau, nhưng vẫn Lưỡng nhất để thành VÔ CỰC

Vô cực Âm / Vô cực Dương lưỡng nhất: VÔ CỰC

Danh ngôn của Trang Tử

1. **"Đời ta thì Hữu hạn, mà Tri thức thì Vô hạn. Lấy cái Hữu hạn mà theo đuổi cái Vô hạn thì thật mệt mỏi!"**
2. **[Đời Người thì hữu hạn, Sự Hiểu biết lại vô biên, đem Hữu hạn đuổi cái Vô biên, nguy mà thôi vậy!]**
3. **Cuộc đời thì Hữu hạn, nhưng sự Học hỏi và Tri thức thì Vô tận, vì vậy nếu dùng cuộc đời Hữu hạn của mình để theo đuổi Tri thức Vô tận, thì sẽ không tránh khỏi thất bại.**

Tổ Tiên chúng ta thì chọn nếp Sống Quả dục - chiết trung giữa Diệt dục (Ấn Độ) và Đa dục (Tây phương)- mà Xử thế theo tinh thần " Âm Dương Hòa : với công trình : " Kinh Bang Tế Thế " vào Đời cua Nho để phục vụ Nhân sinh.

.

CHỮ NHÀN: TỪ TRIẾT LÝ NHO-PHẬT-LÃO

ĐẾN
NGỮ NGHĨA CÔNG GIÁO

Nguyễn Kim Binh

I. KHÁI QUÁT VỀ CHỮ "NHÀN": (閒)

1. Sơ lược về khái niệm "nhàn"

Cha ông ta từng viết: "**nhàn cư vi bất thiện**" có nghĩa là nếu ta ở trong trạng thái rảnh rỗi, không có việc làm sẽ dẫn đến các hành động sai lầm, ảnh hưởng xấu đến cuộc sống xã hội. Thực ra, nguyên văn câu này có trong sách "Đại học" do Khổng Tử san định: "小人闲居为不善" (**Tiểu nhân nhàn cư vi bất thiện**) là ý nói những kẻ tiểu nhân mà ở không thì sẽ gây hại, làm những điều xấu. Ở đây, "nhàn cư" không nên hiểu nhầm như là quan niệm về cuộc sống an nhàn giống với các nho sĩ ngày xưa, vốn ngán ngẩm chốn quan trường, tìm về chốn quê, để ẩn cư, hòa mình với thiên nhiên mà "nhàn cư" ở đây là trạng thái không có việc làm, nói như ngôn ngữ "teen" là "rảnh rỗi sinh nông nổi".

Trong Hán tự, có rất nhiều chữ "nhàn**"**: **僩, 嫻, 嫻 , 澖 , 癇, 瞷 , 繯 , 間, 鷳 , 鷴, 閑, 閒...** Tuy nhiên**,** "nhàn" **閑** trong "nhàn cư vi bất thiện" gồm bộ thủ (môn + mộc) khác với nhàn **閒** (**月** + **門**). Trong bài này, ta chỉ quan tâm đến nội dung và tính Triết lý của chữ "nhàn" **閒** này.

Việc chiết tự chữ Hán thông qua các bộ thủ cho thấy: chữ Hán tuân theo cấu tạo của phương pháp tượng hình hoàn chỉnh bao hàm ba mặt: Kí hiệu văn tự, ý nghĩa văn tự, âm đọc, đều nằm một chữ (từ đơn âm). Thêm nữa, việc chiết tự còn là để thỏa mãn hình thức phân tích linh hoạt trong địa hạt văn chương, tính trí tuệ đầy thú vị mà còn liên hệ cả phương diện âm và nghĩa, biểu ý với chữ đơn thể hay hợp thể trên các nét hợp thành. Xưa kia, cụ Nguyễn Bỉnh Khiêm dùng hình ảnh **月 來 門 下 閒** "*nguyệt lai môn hạ* ***nhàn***" (Khi trăng đến dưới khung cửa thì đó là "nhàn" 閒); " **月 到 書 樓 明 正 秋**) Nguyệt đáo thư lâu minh chính thu *(trăng kề cửa, lầu sách đang là* ***thu****)*

Tự điển Việt Nam (Thanh Nghị) cho biết: **Nhàn là thư thả, rỗi rãi, do có ít việc hoặc hông có việc gì phải làm, phải lo nghĩ. Đó là "rảnh rang, thong thả".**

Có hàng loại các từ ngữ có yếu tố "nhàn" mang ngữ nghĩa đơn giản như thế. Đó là *nông nhàn, nhàn nhã, nhàn hạ, an nhàn, nhàn rỗi...]*

Nhưng khi "nhàn" đi vào trong thi ca:

"Thân nhàn tựa áng mây trôi,
Gió trăng nửa gối việc đời nhẹ tênh
Cõi trần xa, cõi Phật thanh
Sân hoa máu đỏ, chim oanh líu lường"

(Chu Văn An); hay

"Tri **nhàn**, tiện **nhàn**, đãi **nhàn** hà thời **nhàn**" (Nguyễn Công Trứ);

"Để rẻ công danh đổi lấy nhàn" (Nguyễn Bỉnh Khiêm) hay

"**Đại đức bất du nhàn**" (Khổng tử).

.thì "chữ nhàn'" đâu còn đơn giản là "rảnh rỗi" như ý nghĩa thông thường nữa.

2. Một số cách hiểu về chữ "Nhàn"

Lao nhọc vất vả trên ruộng đồng, người nông dân Việt Nam mong ước có được những giây phút rảnh rỗi, thảnh thơi để nghỉ ngơi, bồi bổ sức khỏe. Thời gian quý báu ấy gọi là "nông nhàn". Đó cũng là thời gian cần thiết phải có để tạo nên sự cân bằng , sự thoải mái trong cuộc sống. Ý nghĩa "tích cực" ban đầu là thế. Nhưng "thái quá bất cập", cái gì nhiều cũng không hay. Cho nên, "nhàn cư vi bất thiện" là có ý nói lối sống không nghề nghiệp, quá rảnh rỗi là lối sống không hay, không tốt, là tiêu cực.

Ý nghĩa "rảnh rỗi" ban đầu là thế nhưng khi đi vào địa hạt văn chương chữ nghĩa thì bao giờ cũng có những ngữ nghĩa riêng, tùy vào ngữ cảnh và cá nhân sáng tác. Chẳng hạn, trong bài thơ " đạo nhân vân thuỷ cư"(Lê Thánh Tông) :

道人自有清閒趣， 窈窕青笻石上攜

"Đạo nhân tự hữu **thanh nhàn** thú, yểu điệu **thanh cung** thạch thượng huề"

thì "thanh nhàn"

ở đây được hiểu là "thú vui rong chơi đây đó" của các bậc tao nhân mặc khách mà thôi[1].

Còn với **Trạng Bùng - Phùng Khắc Khoan:**

"Lự vô trần mỗi nhật thanh nhàn" thì "thanh nhàn"

chính là "an bình, thanh thoát".

Đó là thơ chữ Hán. Còn với thơ Nôm, trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du thì "chốn thanh nhàn" phải được hiểu là "chốn hạnh phúc", "là buổng tân hôn trong ngày cưới"

"Buổng riêng sửa **chốn thanh nhàn**
Đặt giường thất bảo, **vây màn bát tiên**".[2]

Và khi "nhàn" đi vào lĩnh vực Triết lý thì ngữ nghĩa lại có nhiều sự biến chuyển. "Nhàn" trở thành thái độ sống, phong cách sống của các bậc hiền triết, tiên nhân của Đông phương . Trong "***đại đức bất du nhàn***" (Luận ngữ) thì "nhàn" là "**phép tắc, quy củ**". Cả câu này lại có nghĩa: Người có đức lớn không vượt khuôn phép, quy củ. Trong thành ngữ: "***nhàn vân dã hạc***" lại có nghĩa là "**mây trói con hạc giữa đồng**" có ý nói: Con người sống nếp sống Đạo gia (Lão – Trang) không bị câu thúc**,** ràng buộc gì. Còn "***nhàn tỉnh, dật trí***" lại là phong cách sống an tịnh, siêu thoát của Đạo giáo. Đến với "**thân nhàn , tâm bất nhàn**" thì lại chỉ người lao động vất vả nhưng lại có tâm hồn tự do, tiêu dao, thảnh thơi mang nhiều yếu tố tích cực.

Xưa kia, chú trọng đến "**Tâm nhàn**" để không chạy theo danh lợi, phú quý, các nhà Nho đã nâng tầm triết lý "nhàn" lên một đỉnh cao, trở thành một lối ứng xử trong cuộc sống. Đó là "***Tri túc thân vô nhục, tri cơ tâm tự nhàn***" (Biết đủ thì thân không chịu nhục, hiểu được cơ trời, quy luật của trời).

Trần Nhân Tông, vị vua kiêm thiền sư đời Trần, trong bài ca "**Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca**" thì xem "**nhàn hạ**" là "không màng đến công danh phú quý" như sau:

"**Công danh chẳng trọng,**
Phú quý chẳng màng;
Tần Hán xưa kia,
Xem đà nhàn hạ."

Kết thúc bài ca trên, vị Phật tử này viết: "**Lưỡng tự thanh nhàn thắng vạn kim**".

"Vạn kim" là vạn lượng vàng, là giàu sang phú quý.

Có thể nói, "nhàn" ban đầu chỉ với ý nghĩa "**rảnh rỗi**" nhưng khi đi vào trong văn chương thì đã có sự chuyển biến ngữ nghĩa. "**Nhàn" là bình an, thong dong, không vướng bận, là đỉnh cao của hạnh phúc. Trong triết lý của Nho giáo, Lão giáo và Phật giáo, "Nhàn" lại được nâng lên "tính Triết lý" cao hơn.**

Đó là "diệt dục", vượt qua " Tham, Sân, Si " (Phật);
"không luỵ công danh"(Nho),
"Tự do, siêu thoát"(Lão).

Tiếp thu tinh hoa tư tưởng phương Đông, ngữ nghĩa chữ "Nhàn" trong Công giáo cũng có nét sâu sắc . "Nhàn" hiện diện như một "biệt ngữ, thuật ngữ" trong sách giáo lý, lời cầu xin trong các kinh thường đọc sáng tối và "Nhàn" còn là "khát vọng lớn lao" cả trong cách nói năng hằng ngày của người Công giáo. Chẳng hạn: "**Lạy Chúa, xin cứu chữa linh hồn này khỏi hỏa ngục, được lên chốn an nhàn vui vẻ đời đời**" [3].
"Nhàn" trong Công giáo chính là "Thiên Đàng" là "Phúc đức" hệ tại chính nơi Thiên Chúa mà người Công giáo hằng khao khát tìm kiếm.

II. TRIẾT LÝ NHÀN TRONG VĂN HÓA ĐÔNG PHƯƠNG

1. Cơ sở hình thành tư tưởng "Nhàn"

Từ *điển trích dẫn*

2. NHÀN: 閒

1. (Danh) Lúc rảnh rỗi, thời kì không có việc phải làm. ◎Như: "nông nhàn" 農閒 thời kì rảnh việc của nhà nông, "mang trung thâu nhàn" 忙中偷閒 trong khi bận rộn có được chút rảnh rỗi.
2. (Danh) Chức vụ không quan trọng, ít việc phải làm.
3. (Tính) Rảnh rỗi, vô sự. ◎Như: "không nhàn" 空閒 rảnh rang, "nhàn hạ" 閒暇 rảnh rỗi.
2. 4. (Tính) **Thong dong, yên ổn**. ◎Như: "**nhàn nhã**" 閒雅 **thong dong, yên ổn, "nhàn tình dật trí"** 閒情逸致 **yên vui thong dong.**

3.

5. (Tính) Để không. ◎Như: "nhàn điền" 閒田 ruộng bỏ không, "nhàn phòng" 閒房 buồng để không, "nhàn tiền" 閒錢 tiền không dùng đến.
6. (Tính) Không liên can tới sự việc, vô phận sự. ◎Như: "nhàn nhân miễn tiến" 閒人免進 người vô phận sự xin đừng vào.
7. (Phó) Tùy ý, không phải bận tâm. ◎Như: "nhàn xả" 閒扯 nói chuyện phiếm, tán gẫu, "nhàn cuống" 閒逛 đi rong chơi, "nhàn liêu" 閒聊 nói chuyện vãn.

Trong đời sống, các học thuyết Tôn giáo luôn có những tác động ảnh hưởng và chi phối tư tưởng xã hội, cũng như đời sống cá nhân. Tư tưởng là một hệ thống các mục đích và quan niệm sống giúp điều chỉnh mục tiêu, dự tính và hành động của con người, bao gồm những quan điểm và ý nghĩ chung đối với hiện thực khách quan và đối với xã hội.

Ở Đông Á , ba tôn giáo lớn: Nho, Phật và Lão – Trang chi phối mạnh mẽ hệ tư tưởng Trung Hoa cũng như các nước lân cận, trong đó có Việt Nam.

Phật giáo vốn từ Ấn Độ, còn Lão giáo và Nho giáo có nguồn gốc từ Trung Quốc. Du nhập vào Trung Quốc từ khoảng thời Đông Hán đến Đông Tấn, Phật giáo lúc bấy giờ thấy cần phải vay mượn một số thuật ngữ, khái niệm, và cả tư tưởng của Nho giáo, Lão giáo để chuyển tải giáo lý của mình. Về phía Nho giáo và Lão giáo sau khi giao lưu, tiếp xúc với tư tưởng Phật giáo thì các nhà Nho, Đạo sĩ đã nhìn thấy những khiếm khuyết trong hệ tư tưởng của đạo mình và muốn hoàn thiện bằng những giáo lý từ nhà Phật. Như thế, cả ba tôn giáo, đúng hơn là ba học thuyết đã tìm thấy sự hỗ trợ của nhau để cùng phát triển. Từ đó, hiện tượng "tam giáo đồng nguyên" ra đời.

1.1. Khái quát Tam giáo đồng Nguyên nơi : <u>Thái cực</u>

Nho: <u>Thái cực</u>

Lão: Luyện Đan (Đan :<u>Thái cực</u>)

Phật: Quan Thế Âm : Thân Nữ / Thân Nam: Âm / Dương: <u>Thái cực</u>

a. Tư tưởng Nho giáo

Trong ba học thuyết thì Nho giáo là có tầm ảnh hưởng sâu rộng hơn và đã trở thành ý thức hệ chính thống của chế độ Quân chủ phong kiến ở các quốc gia Đông Á. **Riêng tại Việt Nam, Nho giáo là hệ tư tưởng ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài đến xã hội nhất.**

Tư tưởng Nho là nền tảng Đạo Đức giáo dục con người, tổ chức bộ máy nhà nước, duy trì trật tự xã hội, phát triển kinh tế, sáng tác văn học trong các triều đại quân chủ như: Lý, Trần, Lê và nhà Nguyễn. Suốt chiều dài lịch sử, Nho giáo dung hòa với đời sống người Việt, tạo nên bản sắc Nho giáo Việt Nam gọi là Việt Nho. [
(Việt Nho hay Nguyên Nho (thường gọi là Khổng giáo có nguồn gốc từ nền Văn Hóa Khoan hòa nhu thuận (: Nho) của Phương Nam thuộc Viêm đế Thần Nông : Việt Tổ của Việt nam: Tổ 3 đối của Đế Minh và Tổ 6 đời của Hùng vương . Người viết thêm vào))

Tư tưởng "**Thân tu nhi hậu Gia tề**" (Đại học) cho thấy: Nho giáo luôn lấy "tu thân" làm nền tảng, kiểm soát những bản năng thân xác để đạt đến trạng thái: "**Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất" (Mạnh tử)**. (Giàu sang không thể làm điều ham muốn bất chính, nghèo khó không thể chuyển lay, quyền uy không thể khuất phục).
Khái niệm "tu Thân" được chuyển hóa thành ca dao như một lời răn:

"Tu thân rồi mới tề Gia
Lòng Ngay nói Vạy, Gian tà mặc ai".

"Tu thân" đã trở thành "kim chỉ nam" hướng đến quan niệm coi thường phú quý, danh lợi và cũng là nguyên do dẫn dắt Nho sĩ tìm đến tư tưởng "Nhàn". Hơn nữa, không chỉ "***Bảo tồn thiên lý, khử dục vọng bản thân***", Nho giáo còn đặt ra vấn đề hành xử của nho sĩ: "***Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng***" (Được dùng thì ra làm việc, không được dùng thì lui về); "***Cùng tắc độc thiện kỳ thân, đạt tắc thiện thiên hạ***" (Nếu đến mức bi đát nhất thì ta chỉ cần giữ cho bản thân mình được thanh cao, nếu được tin dùng thì giúp mọi người thanh cao như ta vậy); là 天下有道則見 無道則隱 ***" Thiên hạ hữu đạo tắc hiện, vô đạo tắc ẩn"***(Lúc thiên hạ có đạo thì ra mặt, lúc thiên hạ vô đạo thì ẩn mình). (Luận ngữ)

Có thể khẳng định **đường lối tu thân và vấn đề minh triết bảo thân** (hiểu biết sâu rộng để có thể bảo toàn tính mạng, danh dự), **trở về, hòa mình với thiên nhiên, di dưỡng tính tình, giữ gìn tiết tháo của nhà Nho chính là nguồn gốc nảy sinh tư tưởng "nhàn" trong văn học Nho giáo.**[4]

b. Tư tưởng Lão - Trang

Nho giáo được đề cao ở vị thế tư tưởng chính thống nhưng không phải vì thế mà các hệ tư tưởng khác không còn đất dung thân. Trên thực tế, tư tưởng Lão – Trang (Đạo gia) vẫn ăn sâu, bám rễ, tồn tại, phát triển trong xã hội, ảnh hưởng nhiều đến tầng lớp Việt Nho và để lại dấu ấn trong văn học nghệ thuật.

Trên phương diện Đạo Đức học, Lão Tử thấy rằng: **cần xóa bỏ "hữu vi" và thực hiện cái "vô vi", nghĩa là sống thuận theo tự nhiên, trở về nguyên sơ của tự nhiên.**

Trong Nam Hoa kinh, Trang Tử quan niệm: **Cuộc đời con người như chiếc bóng, nhân sinh tựa giấc chiêm bao, sống chết như sự chuyển dịch của bốn mùa. Do vậy, con người phải thuận theo tự nhiên.**

Phương châm sống "tri túc", "tự lạc", gạt bỏ danh lợi, diệt trừ dục vọng để đạt đến "hư tâm", xem nhẹ công danh, phú quý.

Quan niệm ấy của Trang tử là nguyên do xuất hiện tầng lớp **"u nhân", "mặc sĩ** " của Trung Hoa như: Bá Di, Thúc Tề, Vương Nghệ, Mạnh Hạo Nhiên, Đào Tiềm v.v. Lối sống ẩn dật và sáng tác văn học của các bậc tiên nhân này đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quan niệm "xuất xử" của Nho sĩ Việt Nam. "Gặp thời hay, thi thố tài năng thì "xuất"; lúc bất đắc chí , hay tuổi già, hay chán quan trường thì về với thú vui điền dã, xuất xử"

Lối sống "tri túc", "tự lạc" trở thành một phương tiện để nho sĩ ẩn dật đạt đến trạng thái "nhàn" – sống hòa mình với thiên nhiên thanh sạch, gạt bỏ lòng tư dục, ham muốn công danh.

Nguyễn Công Trứ - Nho sĩ Việt Nam vẫn đạt được cái tự tại trong bài thơ "Chữ nhàn:

"Tri nhàn, tiện nhàn, đãi nhàn hà thời nhàn"

(Biết đủ là đủ, đợi cho đủ thì bao giờ mới đủ. Biết nhàn là nhàn, đợi cho nhàn thì bao giờ mới nhàn?)

Đây chính là hình mẫu Nho sĩ vượt khỏi vòng danh lợi, trần tục. Quan điểm đó phần nào gắn với thái độ của lão Trang, thiên về "**vô vi, hiếu lạc**". Thái độ "**cầu nhàn**" này không phải để suy nghĩ về Đạo lý mà là để hưởng thụ cuộc đời lạc thú.

Họ thoát tục không phải bằng tu hành, diệt dục mà là bằng rượu, thơ, cờ, đàn, cô ả, trăng gió, sông núi.

Họ có cốt cách giang hồ, tài tử chứ không khổ hạnh. Họ nhìn ra những biến chuyển của dòng thời gian và bày tỏ tinh thần hòa nhập, hòa giải với thế giới thiên nhiên.

Trong Đạo đức kinh, **Lão tử** viết: 無為而無不為 "**Vô vi nhi vô bất vi". "Vô vi" không có nghĩa là "không làm gì" mà làm như không làm gì nhưng để sự việc phát sinh một cách tự nhiên hòa hợp với Đạo.**

Với **Trang tử, hạnh phúc của bậc chân nhân có được là nhờ biết "thuận Tự nhiên", bằng lòng với thực tại, đó là nhờ "vô vi", là trạng thái "im lặng" bên trong, là cách sống thanh tịnh**.

Trang tử còn xem "**vô vi" là mẫu mực sống của các bậc thánh nhân, rong chơi ở cõi vô cùng, tâm hồn hòa đồng cùng vạn vật thản nhiên trước sống chết, được thỏa mãn mọi ý thích và phát triển bản tính tự nhiên vốn có của mình.**

Đó là "**Chí nhân vô kỷ, Thần nhân vô công, Thánh nhân vô danh"**

(Nam hoa kinh, thiên Tiêu dao du).

Cái "vô" ở đây là hành xử phải không có Tâm hữu cầu, phải quên đi những quan niệm ràng buộc mạnh mẽ, từ đó mới có thể ung dung tự tại, hòa hợp với Đạo của tự nhiên.[5]

Nhắc đến các Nho sĩ Việt Nam, mà điển hình là **Nguyễn Trãi**, thì tác giả Trần Đình Sử cho rằng **ông là một con người "ao ước sống nhàn trong một thế giới vô kỷ, vô công, vô danh**, "**Tề thị phi", "Tề vạn vật" như Trang Tử**"

. Mặt khác, ông cũng nhận thấy dù Nguyễn Trãi chịu sự ảnh hưởng của tư tưởng Lão – Trang nhưng thực chất: "**Mâu thuẫn thường trực của Nguyễn Trãi** là **mâu thuẫn giữa xuất và xử, lánh trần hay nhập thế.**.. Đây là vấn đề đặt ra thường xuyên cho nhà Nho xưa. Nhưng với Nguyễn Trãi thì vấn đề trở thành day dứt, đau đớn" [6]

c. PHẬT GIÁO

Phật giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ, sau đó, nhanh chóng trở thành một tôn giáo có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều quốc gia ở châu Á. **Ở Việt Nam, Đạo Phật được du nhập từ thời Bắc thuộc, chiếm vị thế quan trọng trong các thế kỷ X, XI, XII, và phát triển đỉnh cao trở thành quốc giáo dưới thời Lý – Trần.**

Những thế kỉ tiếp theo, dù không được xem là quốc giáo nhưng Phật giáo vẫn tiếp tục phát triển trong lòng xã hội và ăn sâu vào tâm thức các tầng lớp nhân dân.

Quan niệm "cuộc đời là bể khổ" trầm luân; nhân sinh, vạn vật là "vô ngã", "vô thường", Phật giáo hướng con người đến sự siêu thoát khỏi vòng "luân hồi" của số

kiếp để đạt đến cõi Niết Bàn – cõi "Vô minh". Để đến được cõi Niết Bàn, con người phải diệt được "tham", "sân", "si", giữ cho Tâm hồn tĩnh tại, trong sáng, thoát khỏi những vướng bận của "hồng trần".

Xét về bản chất, **Phật giáo là một Tôn giáo, học thuyết Triết học quan tâm đến thân phận và hạnh phúc của con người.**

Lúc mà Nho giáo ở Trung Quốc lộ vẻ sa sút, không còn nguồn cảm hứng chính cho sáng tác, quá câu nệ các nghi thức và phương pháp thực hành, còn Đạo giáo, thì đang bị vùi lấp trong một cơ cấu thế tục và mê tín, thì Phật giáo đại thừa (thiền tông) xuất hiện mang lại một sức mạnh mới để hồi sinh và tác nhân kích thích để sự tìm tòi về mặt tư tưởng có thể đơm hoa kết trái.

Mặt khác, khi Phật giáo vào Trung Hoa, tư tưởng giải thoát cái bản ngã của Phật đã phối kết với lối sống "pháp tự nhiên, vô vi" của Đạo gia tạo ra Thiền, trạng thái tĩnh lự, tập trung cao độ, lấy thanh tĩnh làm gốc đã hướng con người đến bản chất của chữ "nhàn".

Phật giáo vào Việt Nam bằng 2 con đường: Ấn Độ và Trung Hoa. Lịch sử văn hóa Việt Nam cho thấy các thiền sư cũng là chính là những nhà Nho. Trong các tác phẩm của mình, các thiền gia viết bằng chữ Nho và thường diễn đạt tư tưởng Thiền bằng ngữ vựng của Nho giáo . Có thể kể **tên <u>các vị chân tu</u>: Khương Tăng Hội, Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Vạn Hạnh, Ngô Chân Lưu, Mãn Giác, Khánh Hỷ, Cẩm Thành, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Pháp Loa, Huyền Quang, Hương Hải**…

đến các **bậc <u>Quân vương</u>** như **Lý Nhân Tông, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Minh Tông, các nho sĩ như Nguyên Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Du**… **<u>Trường phái thơ Thiền</u>** cực thịnh vào thời Lý - Trần, trầm lắng sau **Trúc Lâm Tam Tổ** (đầu thế kỷ XIV), phục hưng vào cuối thế kỷ XVIII.

Thêm nữa, thiền (thiền na) chính là trí huệ (prajna), một loại tri kiến hoàn toàn tự do, tự tại, không giới hạn, không vướng mắc, không chủ quan, không khách quan, hướng con người vào"cảnh giới bất tri", vượt tầm khả năng diễn đạt của ngôn ngữ và đạt đến một chữ " cao siêu" trong tâm thức. Thực tế, có đôi khi chúng ta cũng rơi vào trạng thái "an lạc, nhàn tâm" như vậy.

Nhận định về Phật giáo, **Nguyễn Đăng Thục** cho rằng:

“**Phật giáo là một tôn giáo mở cửa độc nhất trong các tôn giáo thế giới, không tự khẳng định mình là thật mà phủ định cả Ngã và Pháp, siêu lên cả có lẫn không, mới có thể cống hiến cho dân tộc Việt Nam đất Giao Chỉ cái nhựa sống thiết yếu để hợp nhất các khuynh hướng tư tưởng, tín ngưỡng giao lưu xung khắc thành cái ý thức hệ khai phóng của địa lý đòi hỏi”.**[7]

Trong cuốn “**Việt Nam cổ văn học sử**”, **Nguyễn Đổng Chi** xếp thơ Thiền là loại “thơ cao siêu”. Còn trong đời sống sinh hoạt hằng ngày, Thiền có mặt trong phong cách: uống trà, cắm hoa, làm vườn… cả trong võ thuật, y học và sinh hoạt văn nghệ. Trong phong cách của các vị **chân tu Phật giáo**, **chữ “nhàn**” bộc lộ quan niệm“ ***Sắc tức thị không, không tức thị sắc***. (kinh Bát Nhã) . Trong “Trung quán ngu hứng” thì “***Xuân hoa phong nguyệt không mà sắc***”. Học giả **Minh Chi** thuộc Học viện Phật giáo Việt Nam cũng xác định: **Nhàn trong Phật giáo là không lụy công danh, không vướng tài sắc.**

TrạngTrình Nguyễn Bỉnh Khiêm

Một Mai (bay) một Cuốc một Cần câu

Nho sĩ Nguyễn Bỉnh Khiêm khi về hưu, chọn cho mình tự hiệu là **Bạch Vân Cư Sĩ**. “Cư sĩ” tức là giống như “bồ tát” (Phật), với lý tưởng cứu nhân độ thế, là hy sinh lợi ích nhỏ của tự thân, phải hoàn toàn quên mình, quán triệt lý vô ngã, không còn vấn vương danh lợi, tài sắc thế tục, chứ không phải là bàng quan đối với thế sự, không phải là lánh đời.

Qua bài thơ "Cảnh nhàn", Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng đủ chứng minh cho hiện tượng tư tưởng của tam giáo đồng quy trong thi ca Việt Nam như thế nào:

"**Một mai, một cuốc, một cần câu**
Thơ thẩn dầu ai vui thú nào
Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn, người đến chốn lao xao
Thu ăn măng trúc, Đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, Hạ tắm ao
Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao".

Đó là hình ảnh của một vị thiền sư tay cầm cây tích trượng đang ung dung nhàn nhã trong một cảnh giới hết sức tự nhiên vô sự: mặc cho dòng đời trôi, người đời bon chen giành giật tiền tài, danh vọng, địa vị.... Nguyễn Bỉnh Khiêm đã nhận chân được tất cả những thứ đó chỉ là "tạm bợ" như "chiêm bao" mà thôi.

1. 2. DUNG HỢP TƯ TƯỞNG TAM GIÁO Ở VIỆT NAM

Từ thế kỷ II, tư tưởng **Tam giáo đồng nguyên** đã xuất hiện ở Việt Nam. Nước ta bấy giờ là nơi giao lưu, hội tụ và dung hòa các luồng tư tưởng Ấn-Hán (Phật, Nho, Đạo) với văn hóa Việt. Sự dung hợp này có phần do hoàn cảnh lịch sử của dân tộc Việt. Các triều đại phong kiến Đinh, Lê, Lý Trần đã bắt đầu đánh dấu thời kỳ độc lập, tự chủ vừa giữ nước vừa dựng nước cho nên rất cần đến giới trí thức. Trí thức ban đầu là các nhà sư, bởi giới Nho sĩ chưa hình thành. Các nhà sư muốn đọc được kinh Phật thì phải học chữ Nho của Khổng (Nguyên Nho của Việt Tỏ Viêm Đế Tần Nông) Cho nên, nhiều nhà sư trí thức vừa giỏi giáo lý của đạo mình lại vừa uyên bác trong kinh điển của đạo khác. Chẳng hạn, **Thiền sư Vạn Hạnh vừa tinh thông "Dịch học" của Nho vừa giỏi khoa địa lý của Lão.**

Bốn triều đại tiêu biểu Đinh, Lê, Lý, Trần cho thấy: Việt Nam là mảnh đất tốt để Tam giáo lớn mạnh và phát triển trong sự bao dung của người Việt.

Các ông vua như: **Đinh Tiên hoàng** (968-979), **Lê Đại hành** (980-1005), **Lý Thái tổ** (1010-1028), v.v... đều chọn các đại sư, đạo sĩ vào triều đình làm cố vấn. Khuông Việt

Đại sư Ngô Chân Lưu làm Tăng thống, Thiền sư Đặng Huyền Quang làm Sùng chân Uy nghi, Đạo sĩ Trương Ma Ni làm Tăng lục Đạo sĩ. **Vua Lý Thái tổ** dựng chùa Vạn tuế, cất cung Thái thanh ngay tại kinh thành Thăng Long, tôn Thiền sư Vạn Hạnh lên làm Quốc sư. **Vua Lý Nhân Tông** làm thơ khen Thiền sư Giác Hải và Đạo sĩ Thông Huyền như sau: "*Giác hải như tâm hải / Thông huyền đạo hữu huyền / Thần thông kiêm biến hóa / Nhất Phật, nhất thần tiên*". Còn vua **Trần Thái Tông** (1218-1277) khi viết Tựa cho Thiền tông chỉ nam nhận định: "*Bậc đại thánh và đại sư đời trước không khác gì nhau*".[8]

Không những được sự ủng hộ nơi các nhà cầm quyền, tư tưởng Tam giáo còn được sự đồng tâm của tầng lớp bình dân, ít học, không biết chữ Hán. Trong văn học dân gian (hay văn chương truyền khẩu), truyện cổ tích, dân ca, ca dao, tục ngữ... đã có những dấu ấn của Tam giáo. Chẳng hạn, các phạm trù tam cương (quân thần, phụ tử, phu thê) và ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) được Việt hóa qua ca dao:

"*Anh làm trai học đạo thánh hiền*
***Năm hằng[9] chẳng trễ, ba giềng[10] chớ sai*".**
[Năm hằng : Ngũ thường. Ba giềng: Quân, Sư, Phụ]

"*Làm Trai giữ trọn ba giềng,*
Thảo cha, ngay chúa, vợ hiền chớ vong" (Vong : Quên) .

Tăng tử viết: "**Hiếu giả bách hạnh chi tiên**" (Hiếu đứng đầu trong trăm hạnh tốt) đã được ca dao Việt hóa:

"Làm con nết đủ trăm đường
Trước tiên điều Hiếu đạo Thường xưa nay".

Còn "**Nhân sinh bách hạnh Hiếu vi tiên**" được phổ lại thành:

"**Chữ rằng Mộc bổn Thủy nguyên**
Làm Người phải biết Tổ tiên Ông Bà".

Phải nói rằng, "đạo Hiếu" của người Việt được phản ánh trong văn chương bình dân Việt Nam có sự tương đồng với Nho giáo.

Ảnh hưởng của Phật giáo vào đời sống Việt Nam khá sâu đậm, tư tưởng Phật thấm nhuần tình cảm đạo đức của người Việt. Triết lý chữ "nghiệp" 業 (karma) được ca dao diễn tả:

"*Lênh đênh qua cửa Thần Phù / Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm*".

Trong Kinh Lăng nghiêm có câu:

"*Tương thử tâm thân phụng trần sát, thị tắc danh vi báo Phật ân*"

ngụ ý: Ai dốc lòng phụng sự cõi thế gian (trần sát), tức là đã đền đáp, báo ân Phật.

Ca dao Việt có câu tương tự

"***Dù xây chín bậc phù đồ / Không bằng làm phúc cứu cho một người"***

ngụ ý rằng xây bảo tháp (phù đồ) thờ Phật, cũng chưa bằng cứu giúp cho con người thế gian.

Lão - Trang cho rằng:

Đạo 道 là Nguyên lý tối sơ, là **Tuyệt đối thể**,
Đức 德 là sự Thể hiện cái Đạo nơi con Người.

Không biết từ bao giờ, hai chữ Đạo Đức ấy đã là dụng ngữ quen thuộc trong Việt ngữ. Đạo được hiểu là "**Đạo nghĩa**", "**đạo lý"** là **lẽ phải trong cách ứng xử**. Thế nên, người ta khuyên sống cho "**phải Đạo**". **Đó là Đạo làm người, Đạo vợ chồng, Dạo thầy trò, Đạo làm con**.

Người tốt, biết Đạo thì được khen là ăn ở có Đức. Ngược lại thì là "thất Đức".

Chữ "Đức" còn là tiếng xưng hô cao quý nhất những cho những vị, những đấng bậc được sùng kính: **Đức Chí tôn, Đức Mẹ, Đức Chúa, Đức Thánh Trần**…

Còn "Đạo" của Khổng tử: "***Triêu văn Đạo, Tịch tử khả hỷ***" lại là lời giáo huấn của bậc thánh hiền.

Dung hợp Phật – Đạo còn thể hiện đậm nét trong nhận thức, tư duy của dân gian thời bấy giờ. **Truyện Lĩnh Nam chích quái, truyện Tản Viên, truyện Trầu cau...** của dân gian Việt mang đậm sâu sắc của Phật giáo Mật tông hoặc của Đạo giáo phù phép.

Chung quy, **trong cái nhìn biện chứng Âm Dương hài hòa (Nho) cùng sự hòa nhập để tồn tại và phát triển, Tam giáo đã có sự hòa nhập và Hòa bình trên đất nước hình chữ S này.**

Hơn thế, **nếu nhìn sâu hơn vào bản chất của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo ở Việt Nam thì chúng ta sẽ dễ dàng tìm thấy trong cốt lõi của mỗi Tôn giáo ấy những nét chung cơ yếu.**

Đó là khởi phát từ nhu cầu Tâm linh không thể thiếu vắng của con người và cái đích cuối cùng là mang lại an lạc , ổn định cho xã hội, hướng tới cái thiện.

Chính "mẫu số chung" ấy là chất keo gắn kết các Tôn giáo này lại gần nhau và hòa quyện thành một tinh thần thống nhất, tinh thần Khoan dung trong Văn hóa.

1.2. - DUNG HỢP TAM GIÁO

Khổng Tử

Đức Phật

Lão - Trang

TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VÀ TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM

Ngay trong các **tác phẩm văn học Phật giáo Lý – Trần, chúng ta sẽ dễ nhận thấy tinh thần điều hòa, dung hợp các tư tưởng và tôn giáo.**

Có khi là sự phân công hợp tác giữa Phật và Nho; có khi đó là sự kết hợp rất uyển chuyển giữa Phật với Lão – Trang để đi đến thống nhất: Tam giáo đồng nguyên.

Tư tưởng Phật giáo không phải là hệ tư tưởng đóng kín trong khuôn khổ, trong quy tắc giáo điều mà là tư tưởng mở, đầy khai phóng. Người tu hành không bắt buộc phải cạo đầu xuất gia mà họ có thể tu tập, thiền định ngay giữa cuộc đời, trong gia đình và cũng có thể chứng ngộ.

Cảnh chùa không chỉ là nơi thâm cung trầm mặc mà còn là nơi hữu tình kỳ thú.

Người ta đến viếng cảnh "già lam" (chùa) để tìm sự thư thái, sự thanh thản của tâm hồn. Hệ thống Triết lý, Kinh điển Phật là không phân biệt, tất cả đều được giác ngộ.

Trên bình diện tư tưởng, các Thiền sư thường kết hợp Vũ trụ quan biến động của Dịch, tư tưởng Nhất quán của Khổng Tử với tư tưởng "Nhất như" cùng chủ trương tất cả quy về Tâm của Phật để phát biểu một vấn đề hiện thực.

Bia chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn (Thanh Hóa) của Pháp Bảo (Giác Tính Hải Chiếu) cho thấy:

*"***Phù ! Thiền tổ hiển thực nhi trực chỉ nhất tâm; thánh nhân thích thời nhi thông hồ vạn biến. Vạn giả nhất chi tán; nhất nãi vạn chi tông. Chí ư hiền trí gián xuất; quỹ phạm điệt hưng. Tụ kỳ tán dĩ quy tông; bão ư nhất dĩ thống vạn. Lập tượng tướng nhi thị hữu sở thống; sùng tháp miếu nhi linh hữu sở quy…"**

nghĩa là Phật tổ soi tỏ cái thực mà chỉ thẳng chữ Tâm; Thánh nhân thích ứng theo thời mà thông suốt muôn biến. "**Muôn" là sự phân tán của "một". "Một" là cội gốc của "muôn**". Đến như các bậc hiền trí thỉnh thoảng ra đời, khuôn phép thay nhau dấy lên.

Nhóm cái đã phân tán để đưa nó về cội gốc; ôm cái "một" để thâu tóm cái "muôn". Tạc nên hình tượng để biểu thị sự thâu tóm; Dựng nên đền tháp để có sự hướng về.[11]

Ngay từ thời Lý, vua Lý đã mở khoa thi Tam giáo để chọn người tài trong Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo. Sự dung hợp Phật – Nho ấy còn tạo ra những điểm tương đồng rất lí thú trong phương pháp thực hành.

Trần Thái Tông đã từng đưa ra **phương pháp sám hối của nhà Phật** chẳng khác nào phép "tự tu tự tỉnh" của Nho gia: "***Nhất nhật tam tỉnh ngộ thân***" *(*Mỗi ngày ta phải tự xét mình ba lần) mà Khổng Tử đã dạy trong thiên Học Nhi, sách Luận Ngữ. Ở bài Phổ khuyến phát bồ đề tâm, nhà vua cho rằng Khổng Tử, Thích Ca, Lão Tử đều như nhau với những tư tưởng, hoạt động gần nhau, bởi đạo chỉ một mà thôi:

"**Tuy ngôn thân mệnh chi chí trọng, do vị túc trọng ư chí Đạo dã".**

Còn Khổng Tử viết:

"Triêu văn Đạo, Tịch tử khả hỷ".

Lão Tử viết:

"**Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vị ngô hữu thân. Thế Tôn cầu đạo xả thân cứu hổ. Khởi phi tam thánh nhân khinh Thân nhi trọng Đạo giả tai".**[12]

Sự kết hợp vừa dung nhập vừa điều hoà có phân biệt giữa tư tưởng Nho, Phật thời Trần đã góp phần tạo nên nếp sống cao đẹp của dân tộc Việt Nam.

Bài "**Phóng cuồng ngâm**" của Tuệ Trung Thượng sĩ Trần Tung được xem là một minh chứng tiêu biểu cho sự kết hợp Nho – Phật – Lão đương thời:

"***Trời đất liếc trông chừ, sao mênh mang!***
Chống gậy nhởn nhơ chừ, phương ngoài phương! **[...]**
Láng giềng cùng Quy Sơn chừ, hát khúc Thương Lương.
Thăm Tào Khê chừ, vái chào Lư thị,
Viếng Thạch Đầu chừ, sánh vai Lão Bàng.
Vui cái ta vui chừ, Bố Đại vui,
Cuồng cái ta cuồng chừ, Phổ Hoá cuồng"**! [...]**[13] **=**

Qua thơ văn của Trần Tung, chúng ta đọc được một chút **ngông của nhà Nho**, vừa lại tĩnh tại, nhàn nhã, phóng khoáng, phiêu diêu thoát tục đậm chất Lão của một vị Thiền sư đang ẩn mình giữa thiên nhiên. Có thể nói, với "**Phóng cuồng ngâm**", ông đã dung hợp được đầy đủ cái tinh thần của Nho giáo với thái độ "**dụng tắc hành, xã tắc tàng**", cái yếu chỉ giải thoát của Phật giáo "**Phật tức Tâm, Tâm tức Phật**" và cái phóng khoáng "***tiêu dao tự tại*****"** của Lão giáo. Sự kết hợp này còn được thể hiện sinh động qua nhiều bài thơ khác của ông như Phỏng Tăng Điền đại sư, Xuất trần, Tự tại, Giang hồ tự thích, Phúc đường cảnh vật, Thoái cư

…

Theo Nguyễn Huệ Chi thì nhóm Bích Động có những bài thơ vừa ngợi ca cảnh đẹp thiên nhiên, ngợi ca thú vui nhàn tản, xem thường danh lợi mang ý vị Thiền, vừa lại phiêu diêu đầy phóng khoáng mang ý vị của Đạo giáo. Trong số đó, phải nhắc đến **Trần Quang Triều** với những bài thơ "thanh thoát", giàu tình cảm, tinh tế, phóng khoáng tài hoa".[14] Và rất nhiều nhà Nho nổi tiếng thời bấy giờ cũng mang đậm phong cốt của bậc Thiền sư, Đạo sĩ. Đến như bậc "nhất thế sư biểu" **Chu Văn An c**ũng đã làm thơ ca ngợi vị sư đạo cao đức trọng, tán dương tư cách thanh cao của nhà sư y như tư cách của một nhà Nho quân tử sống ẩn dật chịu ảnh hưởng Lão – Trang trong bài

Đề Dương công Thủy Hoa đình;

Phạm Nhân Khanh thì ca ngợi đức độ cùng tài thơ của Thiền sư Lãm Sơn trong bài "***Tống Lãm Sơn Quốc sư hoàn sơn***". [15]

"Thân nhàn tựa áng mây trôi
Gió trăng nửa gối việc đời nhẹ tênh
Cõi trần xa, cõi Phật thanh
Sân hoa máu đỏ, chim oanh líu lường".
(Chu Văn An)

Khi đề cập đến **vấn đề dung hợp tư tưởng Tam giáo Phật – Đạo – Nho**, Giáo sư Nguyễn Đăng Thục đã khẳng định trong bài viết "Khổng phu tử Việt Nam" như sau **"*Chính Thiền tông tự thân đã là một tổng hợp ba khuynh hướng chính của truyền thống tôn giáo và triết học Á Đông, Phật giáo, Đạo giáo, và Nho giáo.***

Phật giáo như người ta đã biết, nhấn mạnh về phương diện Siêu nhiên của Nhân tính.

Đạo giáo nhấn mạnh vào phương diện Thiên nhiên và

Nho giáo vào phương diện Xã hội

và ba dòng ấy bổ túc lẫn nhau để hợp thành chủ nghĩa Nhân bản Việt *Nam*".

Sách *Hoa Nghiêm nguyên nhân luận cho rằng: "Khổng, Lão,Thích đều là bậc chí thánh, tùy thời đem ứng dụng vào vật, giáo lý tuy khác đường nhưng nội ngoại đều có thể hỗ trợ cho nhau, cùng có lợi cho quần sinh. Muôn việc cần đến đều có thể dựa vào Tam giáo".*[16]

Trong *Khóa hư lục,* **Trần Thái Tông** khẳng định rằng **Khổng Tử, Thích Ca và Lão Tử đều như nhau với những tư tưởng, hoạt động gần nhau, bởi Đạo chỉ là một mà thôi**: "***Tuy ngôn thân mệnh chi chí trọng, do vị túc trọng ư chí đạo giả dã. Cố Khổng Tử viết: triêu văn đạo, tịch tử khả hỷ. Lão Tử viết: Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vị ngộ hữu thân. Thế Tôn cầu đạo xả thân cứu khổ. Khởi phi tam thánh nhân khinh thân nhi trọng đạo giả tai!*".**

Nghĩa là: "**Tuy nhiên nói thân mệnh là đáng trọng nhưng cũng còn chưa trọng bằng cái Đạo tối cao.**

Cho nên, **Khổng Tử** nói: **Sớm nghe Đạo, Chiều có thể chết được rồi**.
Lão Tử nói: **Ta sở dĩ có điều lo lớn là vì ta có cái Thân.**
Đức Thế Tôn cầu đạo, quên Mình cứu khổ.
Há chẳng phải ba bậc thánh nhân khinh thân mình mà trọng Đạo đó sao ?" [17]

Sự ưa thích cảnh sống phóng khoáng, phiêu diêu thoát tục dường như là cái chất của trí thức thời Lý – Trần, là những dòng thơ ca ngợi thú vui nhàn tản, ca ngợi thiên nhiên, xem thường danh lợi, vừa mang ý vị Thiền đạo, vừa mang chất phóng nhiệm của Lão – Trang.
Nhà Nho như Chu Văn An khi lui về quê nhà, đã ca ngợi thiên nhiên, tâm tình tiêu dao, phóng khoáng tự tại mang cốt cách của Thiền sư, của Đạo sĩ:

"Nhàn thần nam bắc phiến vân khinh
Bán chẩm thanh phong thế ngoại tình
Phật giới thanh nhu trần giới viễn
Đình tiền phú huyết nhất oanh minh"
Nghĩa là:
Thân nhàn tựa ánh mây trôi
Gió trăng nửa gối việc đời nhẹ tênh
Cõi trần xa, cõi Phật thanh
Sân hoa máu đỏ, chim oanh líu lường

Còn **vua nhà Lý** thì ca ngợi:

"**Giác Hải tâm như hải,**
Thông huyền Đạo hựu huyền.
Thần thông kiêm biến hóa,
Nhất Phật nhất thần tiên" .[18]

Nói cách khác, tư tưởng "Nhàn" được thành hình, nuôi dưỡng trong sự hài hòa Tam giáo trong chủ nghĩa khoan hòa của dân tộc Việt Nam. Thật khó lòng phân biệt rạch

rời đâu là **Nho sĩ ẩn dật và đâu là Đạo sĩ hay là Thiền sư**. Mặt khác, sự kết hợp những yếu tố ứng xử **linh hoạt của Nho giáo, tư tưởng Tiêu dao của Lão – Trang, tư tưởng siêu thoát của Phật** chính là tiền đề Văn hóa góp phần tạo nên **diện mạo của tư tưởng "Nhàn" trong văn hóa Việt Nam**

2.- NỘI DUNG TRONG TRIẾT LÝ NHÀN

.1. "Nhàn" là phương thức sống Nho sĩ, một bảo bối của "Minh Triết bảo Thân"

Tư tưởng "Nhàn" có gốc rễ từ trong bản chất của các hệ tư tưởng Nho – Đạo – Phật, cộng với những đặc điểm xã hội, thời đại, nên mỗi cuộc đời của mỗi tác giả có những sắc diện khác nhau. Do cùng chung một nền tảng tư tưởng, cùng nằm trong từ trường chi phối của Văn hóa Á Đông, "Nhàn dật"(ẩn cư) đã trở thành một phương diện quan trọng trong tư tưởng cũng như sáng tác của các nho sĩ. Trước hết, sự xuất hiện của tầng lớp ẩn sĩ và thơ điền viên Trung Hoa đã ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng "nhàn" trong giới Nho sĩ Việt Nam.

Lý tưởng của Nho giáo là xây dựng mô hình xã hội " Đức trị".

Nhưng thực tế thì chưa bao giờ có được. Ước mơ, **lý tưởng của "đời vua Nghiêu, Thuấn"** luôn mâu thuẫn với hiện thực cuộc sống đã gây nên những rạn nứt, đổ vỡ trong tâm hồn nhà Nho, dẫn đến tâm thế chán nản, đau đớn giằng xé và dần dần hình thành mong ước quy ẩn, sống "Nhàn" của tầng lớp Nho sĩ.

Những **ẩn sĩ thời danh Trung Hoa** có điểm chung là ở ẩn, lánh đời nhưng diện mạo của họ rất phong phú, phức tạp ...

Có **những ẩn sĩ bỏ vào núi sâu**, tuyệt giao với thế giới loài người như: Bá Di, Thúc Tề...;

có kẻ lang bạt, ăn mày ăn xin, giả dạng người điên; có ẩn sĩ tha hóa, cơ hội...

Và cũng **có ẩn sĩ do bất đắc chí với thời cuộc** nên tìm đến con đường quy ẩn, sống nhàn nhã, sáng tác thơ văn, nghiên cứu học thuật, chọn con đường "lập ngôn".

Phần đông những ẩn sĩ này, tuy ở ẩn nhưng vẫn mang nặng nỗi niềm ưu tư vì dân vì nước. Nhìn chung, các ẩn sĩ này đều có cùng tâm sự bất đắc chí, sầu muộn mà không biết tỏ cùng ai nên tìm về cuộc sống "nhàn dật", bầu bạn với thiên nhiên, thơ, rượu.

Đào Tiềm, ông Tổ của thi ca "**nhàn dật**", khi gặp sự thế trọc loạn trong "**Quy khứ lai từ"** đã "***Kết lư tại nhân cảnh***" (kết lều cỏ giữa cõi người) để giữ gìn phẩm tiết thanh cao. Cuộc sống điền viên thanh tĩnh, tươi đẹp luôn là chủ đề chính trong sáng tác. Đó là Mạnh Hạo Nhiên (689 – 740) đời Đường.

Ở Việt Nam, lớp người ẩn sĩ cũng xuất hiện và tồn tại có những nét tương đồng nhất định với Trung Hoa nhưng có nét độc đáo riêng. **Ẩn sĩ Việt Nam**, phần đông là những trí thức mang tấm lòng vì dân, vì nước. Họ thường tìm về cuộc sống ẩn dật để lánh tục, tránh hợp tác với kẻ thống trị chuyên quyền. Đó là nho sĩ các tên tuổi : **Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Võ Trường Toản, Nguyễn Thiếp, Nguyễn Khuyến...**

Chu Văn An

Bên cạnh một số lý do liên quan đến cá nhân, hầu hết nho sĩ Việt Nam tìm đến "nhàn" là do xã hội loạn lạc, triều chính rối ren, quyền thần lũng đoạn, ngoại bang cai trị. Thực tế, các triều đại phong kiến Việt Nam, luôn có khủng hoảng ở mạt triều, rõ nét nhất là thời kỳ thế kỷ XVI, XVII, đầu thế kỷ XVIII. Đó là nguyên nhân chính yếu thúc đẩy các **Nho sĩ tìm đến con đường "độc thiện kỳ thân" và xem "nhàn" như một phương thức sống**.

Ẩn sĩ Chu Văn An (1292 - 1370) là người đầu tiên. Song, những năm đen tối dưới ách đô hộ của nhà Minh, sự suy thoái của Lê triều đã làm xuất hiện hàng loạt các ẩn sĩ: **Lý Tử Cấu, Vũ Mộng Nguyên, Nguyễn Húc, Nguyễn Trãi...** Sang thế kỷ XVI, trước thực trạng xã hội chiến tranh, loạn lạc, tầng lớp ẩn sĩ gia tăng mạnh mẽ: **Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Hàng, Nguyễn Dữ...và sau là Nguyễn Khuyến.**

Trong **sáng tác của các nhà Nho** này, **không gian thiên nhiên trở thành môi trường sống lí tưởng, thanh bạch, ước vọng của người ẩn sĩ thực hiện "độc thiện kì thân". Có thể nói, cái nhàn của của các nho sĩ Việt Nam là thanh tao, tiêu sái, hồn hậu, phong nhã, có ý hòa quyện thiên nhiên**

Chu Văn An (1292 – 1370) ca ngợi cuộc sống ẩn dật khi cáo quan về ẩn :

"**Tịch mịch sơn gia trấn nhật nhàn,**
Trúc phi tà ủng hộ khinh hàn.
Bích khê tảo sắc thiên như túy,
Hồng thấp hoa sao lộ vị can"
(Xuân đán).

Có nghĩa: "Nhà trên núi thanh vắng suốt ngày nhàn rỗi,
Cửa phên treo nghiêng che đỡ hơi lạnh.
Cỏ xanh biêng biếc trời như say,
Hoa đẫm màu hồng hạt sương chưa khô".

Trong Văn chương trung đại, trở về với Thiên nhiên nơi lâm tuyền, thôn dã để di dưỡng tính tình, bảo toàn phẩm tiết không còn là việc của cá nhân mà đã trở thành một chuẩn tắc ứng xử, một nguyên tắc sáng tạo thơ ca của tầng lớp nho sĩ. Nguyễn Trãi đã khảng khái, từ bỏ con đường hoạn lộ trở về tìm niềm vui chốn "tùng lâm" thanh tĩnh.

"Giũ bao nhiêu bụi bụi lầm, Giơ tay áo đến tùng lâm".

Đó cũng là một phương cách để "**cởi tục**", khẳng định cốt cách thanh cao, hướng đến **cuộc sống "nhàn dật**", cho ông trạng thái tiêu dao:

"Tiêu sái tự nhiên nhẹ hết mình" ,

một cuộc sống an nhàn, tự tại.

"**Tiêu sái tự nhiên nhẹ hết mình,**
Nài bao ngôi cả áng công danh.
Vô tâm đìa có trăng bạc,

Đắc thú kho đầy gió thanh”.

Với Nguyễn Trãi, “nhàn” là để lánh đời, thực hiện vấn đề “minh triết bảo thân”, là “chờ thời” cho một cuộc “hành đạo” kế tiếp.

Bởi trong cuộc đời, Nguyễn Trãi đã bất thành trong việc “hành đạo”. Đó là mâu thuẫn giữa lý tưởng “**Nhân Nghĩa”** mà ông muốn thực thi với triều đình mà ông đang sống. Cho nên, tìm đến cuộc sống “nhàn” là một lựa chọn bất đắc dĩ, là giải pháp an ủi, xoa dịu những đắng cay. Càng cay đắng, càng chán chường, ông càng khát vọng sống “nhàn”

.

Tuy vấn đề sống “nhàn” với Nguyễn Trãi, một mặt là do nhu cầu cá nhân, một giải pháp để giải tỏa những uẩn ức, an ủi trái tim cô đơn, tuyệt vọng, mặt khác, sống “nhàn” lại là một nỗi day dứt giữa hai bề xuất – xử của một nhà Nho.

Trong bài thơ chữ Hán “Oan thán”, Nguyễn Trãi đã bày tỏ tâm trạng đau đớn:

“**Phù tục thăng trầm ngũ thập niên**
Cố sơn tuyền thạch phụ tình duyên
Hư danh thực họa thù kham tiếu
Chúng báng cô trung tuyệt khả liên”.
(**Nổi chìm trong phù tục đã năm chục năm,**
Đành phụ tình duyên với khe và đá của núi cũ.
Danh hư mà họa thực, rất đáng buồn cười,
Lắm kẻ ghét một mình Trung, rất đáng thương hại).

Đau đớn, tuyệt vọng trước trước thực tại phũ phàng ấy, Nguyễn Trãi tìm đến cuộc sống “nhàn” là một lựa chọn duy nhất và bất đắc dĩ. [19]

Với tâm trạng buồn tủi, Nguyễn Trãi tự ví mình như một “khách tha hương” lạc loài, bơ vơ nơi đất khách quê người xa xôi “**ngàn dặm**”, **khát khao trở về “gia sơn”, “cố sơn”:**

“***Gia sơn đường cách muôn dặm,***
Ưu ái lòng phiền nửa đêm”;
“*Ngàn dặm xem mây nhớ quê,*
Chẳng nhờ gói ấn gượng xin về”

.

Với Nguyễn Trãi, "gia sơn", "cố sơn", "non quê" là một điểm hẹn lý tưởng cho ước vọng trở về. Đó là một khát vọng thường trực trong tâm hồn ông. Trong Quốc âm thi tập, có đến 30 bài thơ thể hiện khát vọng sống "nhàn" của Nguyễn Trãi.

"Miên tưởng cố viên tam kính cúc, Mộng hồn dạ dạ thướng quy đao",

(Thu nhật ngẫu thành)

nghĩa là: Nhớ nhung vườn cũ ba rặng cúc, Hồn mộng đêm đêm lên thuyền mà về

.

Trong hoài niệm tha thiết, cuộc sống tiêu dao, tự tại nơi cảnh cũ, non quê được Nguyễn Trãi vẽ nên vô cùng tươi đẹp, lý tưởng. Đó là một cuộc sống thanh bình giữa mây ngàn, gió nội, không có những tranh giành, đua chen, hiềm khích.

Như vậy, khi muốn thoát khỏi cô đơn, bế tắc trong hành đạo, Nguyễn Trãi đã mong muốn tìm đến với cuộc sống "nhàn dật" như một giải pháp an ủi, xoa dịu những đắng cay, buồn tủi mà ông từng trải qua. Càng cay đắng, chán chường bao nhiêu, ông càng khát vọng sống "nhàn" bấy nhiêu, cuộc sống "nhàn dật" trở thành ước vọng tha thiết đối với Nguyễn Trãi.

Cũng như Nguyễn Trãi và các nhà nho ẩn dật tiền bối, **Nguyễn Bỉnh Khiêm đã lựa chọn cuộc sống ẩn dật, hòa hợp với thiên nhiên, coi đó như là một môi trường sống lý tưởng và lấy "nhàn dật" là lẽ sống trên con đường thực hiện lý tưởng "độc thiện kì thân"**.

Sau tám năm lưu lạc chốn quan trường chật hẹp, Nguyễn Bỉnh Khiêm trở về với cuộc sống ẩn dật trong một không gian rộng lớn, khoáng đạt, làm bạn với thiên nhiên, vui cảnh điền viên dân dã. **Trong Bạch Vân quốc ngữ thi tập**, hình tượng **người ẩn sĩ với tư thế ung dung, tự tại, một "ông nhàn" trong mối quan hệ mật thiết với môi trường thiên nhiên thanh sạch, mĩ lệ.**

"Giang sơn bốn mặt là tranh vẽ,

Phong cảnh tư mùa ấy gấm thêu"

.

Từ bỏ quan lộc, trở về với cuộc sống của nền kinh tế tự cung tự cấp, dựa vào những sản vật trong thiên nhiên, người ẩn sĩ ấy tự tách mình ra khỏi cuộc sống hưởng thụ vật chất để khẳng định khí tiết và phẩm giá, vui sống với cảnh điền viên đạm bạc, tận hưởng của kho vô tận từ người bạn thiên nhiên hào phóng và coi đó là sự "giàu sang" mà cuộc sống ẩn dật mang lại:

"Bốn mùa đều hưởng thiên nhiên lộc,
Thong thả ngồi chơi cõi Thuấn Nghiêu".

Với ông, "**an bần lạc đạo**" là chân giá trị mà nho mong đạt được. Đó là ung dung, tự tại, hòa vào thiên nhiên, bằng lòng với điều kiện kinh tế tự cung tự cấp, buông ngoài tai những lời khen chê của thế sự.

Nói như **Đỗ Lai Thúy là "ông nhàn" Nguyễn Bỉnh Khiêm gần đạt tới cảnh giới "vô vi" của triết học Lão – Trang".**[20]

2.2. "NHÀN " LÀ LỐI SỐNG THANH BẠCH KHÍ TIẾT ĐỐI LẬP VỚI LỢI DANH PHÚ QUÝ

:"Bậc Quân tử ở thuận theo lẽ Trời,
chẳng có lòng Tư dục cho nên Tâm ý,
Sắc diện thường an nhiên, thư thái"
(Luận ngữ).

Đó là thái độ"**an phận lạc thiên**" (bằng lòng với số phận là vui với đạo trời), "**lạc thiên tri túc**" (vui với đạo trời là biết đủ) và "**lạc thiên tri mệnh**" (vui với đạo trời là biết được số mệnh).

Do vậy, khi về ở ẩn, các Nho sĩ hiểu rằng nhàn tản, thanh cao là lạc thú của những bậc cao sĩ , cao nhân. Họ sẵn sàng chấp nhận "an bần lạc đạo" (bằng lòng với cái nghèo để vui với đạo) ,"***tri túc thiểu dục***" (biết đủ và ít ham muốn). Trong thời thế bất lợi cho việc hành đạo, họ sống theo chủ trương "***cùng tắc độc thiện kỳ thân***" (khốn cùng thì lo giữ cái thiện riêng của thân mình). Xa lánh những đua chen chốn quan trường và khi nhiệm vụ đã hoàn

thành hoặc không thể thực thi, họ tìm về cuộc sống ẩn dật, xa lánh những cám dỗ của bả vinh hoa, phú quý để bảo toàn khí tiết.

Trong nhận thức của nhà nho, "nhàn dật" và lợi danh, phú quý là hai phạm trù đối lập. Từ đó nảy sinh hai mô hình thế giới hoàn toàn tách biệt: **"Nhàn dật**" gắn với cuộc sống chốn lâm tuyền, thôn dã - một không gian rộng lớn, khoáng đạt, sơn thủy hữu tình. Trong thế giới "tề thị phi" ấy, nhà nho ẩn dật "trong khi mở rộng cửa đón thiên nhiên, hoa đồng cỏ nội, vượn hạc đến tìm thì cũng khép cửa trước đám khách tục vãng lai, cao quan hậu lộc".[21] Do vậy, họ tìm thấy sự thanh thản, tự do của tâm hồn.

VUA TRẦN NHÂN TÔNG

Vua Trần Nhân Tông, trong bài "**Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca**", cho thấy:

"**Cảnh tịch an cư tự tại lâm,**
Lương phong xuy đệ nhập tùng lâm.
Thiền sàng thọ hạ nhất kinh quyển,
Lưỡng tự thanh nhàn thắng vạn kim".

Nghĩa là:

Cảnh lặng, sống yên, lòng tự tại,
Gió mát thổi đến dưới bóng cây thông.
Giường Thiền ở dưới gốc cây, kinh một quyển,
Hai chữ thanh nhàn quý hơn vạn nén vàng

Qua đó, vị Phật vương này đã khẳng định thái độ không màng công danh, phú quý.

Xem nhẹ danh lợi, phù hoa, trân trọng những phút giây nhàn tản vốn là một trong những nguyên tắc ứng xử có cội nguồn sâu xa từ các hệ tư tưởng Nho - Đạo - Phật. Đào **Uyên Minh thời Đông Tấn** đã từng để lại một danh ngôn:

"**Thà chết đói, tôi không thể khom lưng trước một người xấu**
như vậy vì bổng lộc năm đấu gạo".

Khi chán nản cuộc sống trong vòng cương tỏa của chốn quan trường hiểm hóc, ông đã cáo quan về quê ẩn dật để tỏ thái độ xem thường phú quý danh lợi, trong bài "**Quy khứ lai từ**", ông viết:

"Phú quý phi ngô nguyện
Đế hương bất khả kỳ
Hoài lương thần dĩ cô vãng
Hoặc trượng nhi vân tỷ".

Nguyễn Công Trứ là một nhà Nho thành đạt, thỏa chí nam nhi, tài hoa tài tử, cuộc đời làm quan với bao nỗi thăng trầm. Trong sáng tác của ông có nhiều bài thơ nhắc đến cảnh nhàn và hưởng nhàn. Ông xem chữ "nhàn" hình ảnh rất đẹp là trăng đến sân:
"**Nguyệt lai môn hạ nhàn",**
có nhiều bài thơ viết để "**Vịnh nhàn", bàn về "Nhàn nhân với Quý nhân**", nói về cảnh " **thoát vòng danh lợi"** ngợi ca cuộc sống ngoài vòng cương tỏa**. Chất ẩn sĩ của Nguyễn Công Trứ** trong những bài thơ này thường đậm màu tài tử, bất cần đời, ngông nghênh, thỏa chí."[22]

NGUYỄN CÔNG TRỨ

Kẻ Sĩ đa Tình, đa Tài, đa Năng, đa Nghiệp, nhưng nếp sống Ngông nghênh

Trong Quốc âm thi tập, sự đối lập giữa lợi danh và "nhàn dật", giữa chốn lâm tuyền và nơi triều quan được Nguyễn Trãi thể hiện bằng cặp hình tượng đối lập:

*"***công danh" – "nhàn tự tại", "cửa quyền" – "thanh nhàn", "công danh" – "cần câu", "trúc mai" – "ngõ mận tường đào", "rừng thiền" – "đường thế", "trường đào mận" – "quê cũ", "vườn lan cúc" – "áng mận đào", "non lạ nước thanh" – "đất phàm cõi tục", "làm quan" –"thanh nhàn", "áng trúc thông" – "cửa quyền quý**"

NGUYỄN TRÃI....

Nguyễn Trãi vẽ ra hai không gian sống đối lập: thế giới của khổ đau – thế giới của hạnh phúc để chiêm nghiệm, nhận xét:

Chiến lược Nguyễn Trãi Dựng Nước và Giữ Nước

"Lấy Đại Nghĩa để thắng Tham tàn

Đem Chí Nhân mà thay Cường bạo. “

Chiến thuật Giữ Nước

Dĩ Nhu thắng Cương

Dĩ Nhược thắng Cường

Nguyễn Trãi vẽ ra hai không gian sống đối lập: thế giới của khổ đau – thế giới của hạnh phúc để chiêm nghiệm, nhận xét:

‘

“**Dưới công danh đeo khổ nhục,**
Trong dại dột có phong lưu”;
“Dưới công danh nhiều thác cả,
Trong ẩn dật có cơ mầu”.
“Hiểm hóc của quyền chăng đụt lẩn,
Thanh nhàn án sách hãy đeo đai”

Với **Nguyễn Trãi**, cuộc sống “nhàn dật” được miêu tả là thế giới tươi đẹp, đáng trân trọng. Ở đó, con người được tận hưởng cuộc sống thanh thản giữa mây ngàn gió nội, nước biếc non xanh, xa rời những bon chen, những hiểm khích mà lợi danh mang lại.

“Tiêu sái tự nhiên nhẹ hết mình,
Nài bao ngôi cả áng công danh.
Vô tâm đìa có trăng bạc,
Đắc thú kho đầy gió thanh”.

Khi phải lựa chọn công danh hay “nhàn dật”, Nguyễn Trãi sẵn sàng

“**Đem công danh đổi lấy cần câu”;**
“Lấy biêu phú quý đổi biêu nhàn”

Cũng giống như Nguyễn Trãi, **Nguyễn Bỉnh Khiêm đặt “nhàn dật**” và công danh, phú quý trong thế đối lập nhau, đó là sự đối lập giữa thanh cao và phàm tục. Nguyễn Bỉnh Khiêm khẳng định, việc chạy theo công danh phú quý sẽ khiến con người

trở nên phàm tục, phải "lụy", phải "thấp nhiều bề"... Còn trong nơi ẩn dật, con người có được "cơ mầu", có được sự thanh cao. **"*Vì Danh cho phải Danh làm lụy,***

Được Đạo thì hay Đạo có mùi";
"Khách ở vườn Đào cao mấy trượng,
Người đeo Thói tục thấp nhiều bề ".

Nhận thức sâu sắc sự đối lập công danh, phú quý và cuộc sống "nhàn dật", học tập cách ứng xử của các bậc tiền nhân, **Nguyễn Bỉnh Khiêm** đã lựa chọn cuộc sống "nhàn" như một phương thức, một giải pháp để thực hiện "minh triết bảo thân", xa lánh thói tục, đạt đến sự thanh cao của tâm hồn.

"Một am Phong Nguyệt, tớ vui tớ,
Hai chữ Công danh, Ngươi mặc Ngươi".

Như vậy, sống "nhàn" chính là sự chọn lựa lối sống thanh bạch, cao quý, hưởng thụ thiên nhiên, hòa mình với thiên nhiên trong thế đối lập với lối sống tranh giành, bon chen, phàm tục.

2.3. "NHÀN" – MỘT TRIẾT LÝ " VÔ SỰ "

CUỘC SỐNG THẦN TIÊN Ở NGUYỄN BỈNH KHIÊM

Nghiên cứu tư tưởng Nguyễn Trãi trong tương quan với các hệ tư tưởng phương Đông, Trần Đình Hượu nhận xét: Trong thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm của Nguyễn Trãi

Hầu hết ca tụng cảnh nhàn,
Ca tụng cảnh đẹp thiên nhiên,
Mối đồng tình với những con người thanh cao
Biết coi thú nhàn dật là quý,
Ngàn vàng khó đổi được [...]

Cái "Nhàn" của Nguyễn Trãi chỉ là "biểu hiện bên ngoài" còn bên trong vẫn hừng hực một "tấm lòng ưu ái"". Ông kết luận:

"**Nguyễn Trãi** vẫn là Nho chứ không phải Lão – Trang".[23]

Nhưng ở **Nguyễn Bỉnh Khiêm**, người ta thấy xuất hiện "không phải là cái Nhàn bất đắc dĩ mà là cái Nhàn làm người ta toại chí đến cực điểm, cái Nhàn đã được nâng lên tầm triết lý "vô sự".

Đó chính là sự "đắc đạo trong cái đạo nhàn".

Triết lý "vô sự" mà Nguyễn Bỉnh Khiêm chủ trương có nguồn gốc từ triết học Tống Nho. Tống Nho cho rằng: sự tồn tại vạn vật trong vũ trụ đều có cái " Lý ", " Khí " của nó, nó sẽ vận động theo quy luật của tự nhiên và sự chi phối của " Thiên mệnh ".

Đối với các nhà Nho, từ việc lớn đến việc nhỏ, từ xã hội, đất nước đến việc của đời người đều là do " Trời" chi phối.

Nguyễn Trãi từng viết:

"**Đời người muôn việc thảy do Trời";**
"Mới biết doanh hư là có số,
Ai mà cãi được lòng Trời".

Chính vì thế, ông luôn tâm niệm*:*

"Sang cùng khó bởi chưng Trời,
Lăn lóc làm chi cho nhọc hơi";
"Vắn dài, được mất dầu Thiên mệnh,
Trãi quái làm chi cho nhọc nhằn".

Cũng vậy, xuất thân "cửa Khổng sân Trình" khi mà Nho giáo đã phát triển đến đỉnh cao ở Việt Nam, lại được đào tạo từ môi trường giáo dục cơ bản,
Nguyễn Bỉnh Khiêm quan niệm về "**Thiên mệnh**" như sau:

"Chữ rằng phú quý giai Thiên mệnh,
Gặp được bao nhiêu hay bấy nhiêu";
"Trời sinh, trời ắt đã dành phần,
Tua hãy cho hiền dạ có Nhân".

Ông đúc rút: dù giàu sang, phú quý, nghèo hèn thì chung cục vẫn không ai tránh được sự "bạc đầu". Đó là quy luật của tạo hóa:

"Mừng thay Tạo hóa công bằng bấy,
Giàu, khổ, sang, nhàn cùng bạc đầu"

Mặt khác, đối chiếu vào thực tế xã hội đổ nát, tang thương đương thời, Nguyễn Bỉnh Khiêm nhận thấy số phận con người mong manh ảo hóa, công danh phú quý tựa giấc chiêm bao. Từ đó, ông chủ trương lối sống "nhàn dật" với hạt nhân là triết lý "vô sự", một triết lý "tu tâm dưỡng tính", hướng con người đạt đến sự trong thoáng của tâm hồn, diệt trừ tận gốc dục vọng. Triết lý trên cũng là chuẩn tắc đạo đức mà ông muốn phổ biến rộng rãi.

Ông khẳng định cuộc sống nhàn tản, "vô sự" là một cuộc sống thực sự hạnh phúc, con người đạt đến cõi lòng "vô sự" là những bậc tiên nhân đã diệt hết mọi khổ đau của cuộc đời thế tục.

"**Ở thế có Khôn thì có Khó**
Chữ rằng: vô sự tiểu Thần Tiên";
"Ngày ngày tiêu sái Nhàn vô sự
Tuy chửa là Tiên ấy ắt Tiên".

Qua lăng kính của **Nguyễn Bỉnh Khiêm**, cuộc sống **"nhàn dật**" hiện lên tràn ngập những **"hứng ý", "vui", "mừng", "tiêu sái", "thú", "đắc thú thanh nhàn", "vui thú ẩn", "đủng đỉnh", "thong thả", "cười khúc khích", "hát nghêu ngao", "được nhàn", "phúc được về nhàn**"

... "Làm chi nghĩ ngợi nhọc đua hơi,
Đắc thú thanh nhàn ấy dưỡng Thân
Đủng đỉnh hôm mai chơi nước Trí
Nghêu ngao ngày tháng dạo non Nhân".

Và khi đạt đến "đắc thú thanh nhàn" mầu nhiệm ấy, con người quên hết những sầu lo để trở thành **những bậc "tiên vô sự", "tiểu thần tiên"...** trong một phong cốt ưu du, thoát tục:

"Thanh nhàn ấy ắt là Tiên khách
Được thú Ta đà có thú Ta".

Ông ngợi ca niềm hạnh phúc ấy trong một bài thơ "Ngụ hứng":

"Cao khiết thùy vi thiên hạ Sĩ
An nhàn ngã thị địa trung Tiên*"*.

(Cao khiết ai là kẻ Sĩ trong thiên hạ, An nhàn ta là Tiên trong cõi đời).

Tận hưởng niềm vui, sự hứng thú của cuộc sống tự do, tự tại, **Nguyễn Bỉnh Khiêm** xem "nhàn dật" như một cuộc sống hạnh phúc thực sự, một cuộc sống lý tưởng.[24]

Đề **ra triết lý "vô sự" với mong muốn đem lại sự cân bằng, hài hòa, "trung dung" cho con người, ông coi đó như một phương thuốc cứu vãn xã hội đương thời thoát khỏi những cảnh tranh giành, xây dựng một cuộc thanh bình, ổn định.**

Triết lý "vô sự" về bản chất là chung cho cả Tam giáo, song xét về bình diện Nho giáo, đó là thái độ ứng xử xuất thế - tàng ẩn của nhà Nho. **Cách ứng xử văn hóa "vô sự" của Nguyễn Bỉnh Khiêm với mục đích không gây ra điều gì bất lợi, bất cập cho bản thân, cho người khác khá gần gũi với tư tưởng "trung thứ" của Khổng Tử hơn là với Phật và Lão**, bởi,

"*Vô sự nghĩa là không để có sự gì rắc rối*" "Chữ rằng:

"Nhân dĩ Hòa vi quý,
Vô sự thì hơn kẻo phải lo";
"Mặc chê dễ mặc yêu thương,
Vô sự thì hơn nữa ngọc vàng".

Bàn về **thuyết Âm Dương**, Lão Tử cho rằng:

"**Trong vạn vật, không có vật nào là không cõng Âm, bồng Dương".**

Còn trong **Kinh Dịch**:

Âm Dương "bao trùm mọi Nguyên lý của Vũ trụ, không có vật gì không được tạo thành bởi Âm Dương, không có vật gì không được chuyển hóa bởi Âm Dương biến đổi cho nhau".[25]

Theo đó, Nguyễn Bỉnh Khiêm cho rằng trong mỗi sự vật, hiện tượng đều có các mặt đối lập nhau, chúng gắn bó mật thiết và luôn chuyển hóa cho nhau.

"**Âm cực sinh Dương, Dương cực sinh Âm",**

cái này nhỏ đi thì cái kia lớn lên và ngược lại, **họa – phúc, sang – hèn, thăng – giáng... cứ thế đắp đổi mãi. Đó là luật trời. T**rời như lực lượng tự nhiên tạo ra mọi vật, chi phối các sự vật, hiện tượng và con người, ngay cả Tính con người cũng là do "Trời phú":

"**Trời phú tính ở mình ta**

Đạo cả cương thường <u>năm</u> mấy <u>ba</u>".[26]

[Nguồn của Bộ Huyền Số Việt Nho; 2 - 3, 5]

Trong **Bạch Vân quốc ngữ thi tập** thường xuất các cặp từ đối lập trong quy luật Âm / Dương: ***Giàu / khó, Vinh / Nhục, Thua / Được,***

Suy / Thịnh,Lành / Dữ, Khôn / Dại, Bĩ / Thái, Cạn / sâu...

Đó là Thế giới quan, Nhân sinh quan của Nguyễn Bỉnh Khiêm*:*

"Giàu chỉnh chện, khó lai dai

Vần chuyển lưu thông hóa của ai

Vũng nọ ghê khi làm bãi cát

Doi kia có thủa lút hòn thai.

Khôn ngoan mới biết thăng thì giáng

Dại dột nào hay tiểu có đài

Đã khuất bao nhiêu thì lại duỗi

Đạo Trời lồng lộng chẳng hề sai".

Từ đó ông chỉ rõ: trong phú quý, trong "**cơ doanh mãn**" tiềm ẩn những mối lụy, sự nghèo hèn; trong nghèo hèn có sang trọng; trong họa có phúc...

"***Chưng trong họa phúc ít người hay***
Suy thịnh hằng lề rắp đổi thay
Hàn Tín nên công thì cả Phúc
Tái ông thất mã há chau mày**".**

Chủ trương **lối sống "nhàn dật**" với hạt nhân là **triết lý "vô sự", tu tâm dưỡng tính, diệt trừ tận gốc dục vọng, hướng dẫn hành vi của con người trong cuộc sống, tiến tới xây dựng một xã hội ổn định theo mô hình Nho**

"**Thái bình thiên tử, thái bình dân**" của Nho giáo,

Nguyễn Bỉnh Khiêm coi đó như một chuẩn tắc, bài học đạo đức để diệt lòng tư diệt dục. Ông đề cao lối sống tri túc, an phận con người hãy sống thuận theo lẽ tự nhiên, không nên ganh đua tranh giành. Yên phận là "vui", là "hơn hết mọi điều".

"*Giàu ba bữa, khó hai niêu*
Yên phận thì hơn hết mọi điều";
"*Thảng mảng đà qua, ngày đã rồi*
Hay yên thửa Phận mới nên vui"
Yên Phận mà thôi chớ chớ cầu /
Gặp sao hay vậy có làm sao"

Thoáng nhìn, "tri túc, yên phận" mà Nguyễn Bỉnh Khiêm chủ trương, về mặt lý thuyết là hết sức tiêu cực bởi nó thủ tiêu chí tiến thủ của con người, ảnh hưởng đến sự phát triển của cuộc sống, cũng như toàn xã hội. Tuy nhiên, nếu đặt vào bối cảnh lịch sử loạn lạc đương thời với đầy rẫy những sự tranh giành, chiến tranh, đói khổ... thì lối sống tri túc sẽ hạn chế được một phần nào đó những cảnh tang thương ấy. Bởi sống tri túc, an phận sẽ không có tranh giành, không có chiến tranh, cướp bóc, cuộc sống sẽ trở về cái nếp thanh bình vốn có của nó.

"*Buồn về, biếng thấy áng đao binh*
Yên phận thì lành, ở một mình**".**

Ở một khía cạnh khác, Nguyễn Bỉnh Khiêm muốn đề cao lối sống "nhàn", xem nhẹ công danh, phú quý bởi xuất phát bởi những chiêm nghiệm cuộc đời: tiền bạc, danh lợi vốn là những "vòng kim cô" trói buộc khiến đạo đức suy đồi, xã hội suy vi, cương thường đảo lộn, con người sống vô đạo.

"Cơm áo bỗng xui Người hóa quý
Oản xôi dễ khiến Bụt nên ma";
"Đạo nọ, Nghĩa này trăm tiếng bướm
Nghe thôi thinh thỉnh lại đồng tiền".

Từ những triết lý trong Kinh Dịch, ông nhận thức công danh phú quý chỉ là những thứ phù du, ảo hóa như giấc chiêm bao mà thôi:

"Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao",

ông cũng chỉ rõ trong phú quý có tiềm ẩn những mối lo, mối lụy bởi *theo luật*

"Âm Dương tiêu trưởng"; "Suy thịnh hằng lẽ".

Trong quan điểm "Đạo" của **LãoTrang thì vũ trụ vận động biến đổi "hóa sinh**". Con người khi nắm được cái quy luật "hóa sinh" ấy của "Đạo" thì sẽ bình thản sống theo quy luật tự nhiên, không ham sống lâu, không ham danh vọng tiền tài, có được phong cốt ung dung tự tại của bậc cao nhân thấu đạt đạo trời, thủ tiêu được những ràng buộc của ngoại giới, ly khai với mọi biến động ở đời. Thấu đạt được tinh thần ấy thì vinh nhục, lợi danh, thanh sắc, giàu nghèo trên trần đời sẽ không còn là mối bận tâm nữa.

Một khi đã vượt qua được giới hạn quan niệm sinh tử tầm thường, con người sẽ đạt tới sự giao hòa với vạn vật, sống chết trong đời sẽ ttrở nên lẽ tầm thường. Lẽ Đạo ấy có thể khiến con người ta sống bình thản, an nhiên tự tại trong đời.

Sống an nhiên tự tại, thoát khỏi cảnh đời đua chen để giữ trọn thanh gia lạc đạo vong bần. Cho nên "nhàn" trong "Bạch Vân quốc ngữ thi" của Nguyễn Bỉnh Khiêm có một nội hàm ý nghĩa nhân sinh sâu sắc, là một quan niệm sống, một sự lựa chọn. Đó là cái nhàn của nội tại tâm hồn mang lại cho ông phong thái ung dung của bậc tiên phong đạo cốt. Trong con người Nguyễn Bỉnh Khiêm, bên cạnh con người chức năng nghĩa vụ còn có con người cá nhân muốn "hưởng lạc thú", ít nhiều muốn tìm cách thoát khỏi sự ràng buộc

chặt chẽ của kỷ cương Nho giáo để mà tự tại an nhiên. Tuy nhiên, trong ông cái cổ điển của Nho học luôn giữ địa vị chính thống so với cái lãng mạn của Đạo gia:

"Người xem phú quý người hằng trọng

***Ta được thanh nhàn Ta sá yêu*".**

Đó là "cái Nhàn" của sự trải nghiệm của kẻ sĩ đã nắm được quy luật nhân sinh, là hạnh phúc của người làm chủ, là hưởng một điều vui thú. Sống nhàn là để chống lại thói đời cố hữu tham công danh để hướng đến một cuộc sống như thần tiên ngay giữa cõi tục.

Nếu Nguyễn Trãi về nhàn là bất đắc dĩ thì đối với Nguyễn Bỉnh Khiêm lại là sự tự nguyện. Đó là sự lựa chọn của Nguyễn Bỉnh Khiêm như là sự lựa chọn một lối sống, một cách ứng xử, một thú vui, sở thích

"Đắc thú thanh nhàn ấy dưỡng Thân";

"Thú nhàn mừng thấy bạn ngâm nga".

Thanh nhàn thì tâm không thể vướng bụi tục. Sở dĩ, Nguyễn Bỉnh Khiêm có được vẻ tự tại an nhiên ấy chính là nhờ dứt khoát đánh đổi vinh quý chốn vương triều lấy cảnh lạc đạo chốn điền viên:

"**Được Thua thấy ắt đã nhiều phen**

Để rẻ Công danh đổi lấy Nhàn".

Trong tầng lớp nho sĩ Việt Nam không có nhiều lắm các hình mẫu tiên khách thảnh thơi ngày ngày ở am phong nguyệt, dạo chơi nước trí non nhân như vậy. Đó là tột đỉnh của cảnh nhàn: cảnh thần tiên. Điều này cũng là khát vọng "sung sướng, hạnh phúc" của người Việt qua các thành ngữ: **người tiên, cõi tiên, tiên cảnh, :"đẹp như tiên", "sướng như tiên**"....

Đó cũng là ước mơ đẹp nhất của con người hướng về chốn cực lạc.

Với Nguyễn Bỉnh Khiêm, cảnh tiên ngay ở cõi tục, hạnh phúc thần tiên ngay ở cõi đời, nhẹ đường công danh, xa vòng phú quý, an nhiên tự tại ngay giữa cõi đời vốn nhiều tục lụy.

"Ông nhàn" đã đạt đến trạng thái tự do tinh thần, vượt lên trên những ràng buộc của ngoại giới để ung dung tự tại hóa thân thành tiểu thần tiên ở đời.

Những bài học đạo đức để diệt lòng tư dục, là nguồn gốc loạn lạc trong xã hội, đem lại một cuộc sống cân bằng, hòa hiếu, các bài học **đạo đức tri túc, an phận, xem nhẹ công danh, phú quý, sống "trung dung", "dĩ hòa vi quý"** mà Nguyễn Bỉnh Khiêm chủ trương đều nằm trong bản chất của chữ "nhàn". **Bởi, "nhàn" là vui thú với cuộc sống điền viên, là đối lập với công danh, phú quý, với những đua chen, giành giật**.
Do đó, với Nguyễn Bỉnh Khiêm, tư tưởng "nhàn dật" đã được nâng lên thành một triết lý sống, đã tác động và ảnh hưởng đến suy nghĩ và lối sống của xã hội Việt Nam.

Trong truyền thống tư tưởng văn hóa Việt Nam, quan niệm về "nhàn" hoàn toàn không có tính chất thoát ly thực tại xã hội. Nhàn là một lối sống, một cách ứng xử và cao hơn. Đó cũng là phẩm chất, nét đẹp văn hóa của một dân tộc biết xem thường danh lợi nhưng trọng Nhân Nghĩa.

III. Ý NGHĨA CHỮ NHÀN TRONG CÔNG GIÁO

Lướt qua các quan niệm và khái niệm "nhàn" trong Tam giáo cũng như trong văn hóa dân tộc Việt Nam, chúng ta nhận thấy:

"Nhàn" gắn liền chủ trương"vô ngã", "diệt dục" (Phật);
với khát vọng cuộc sống "Tiêu dao" hay "trường Sinh bất tử" (Đạo giáo);
Nho giáo thì gắn liền với thực hành xây dựng "xây dựng một Thế giới Thái bình", hay chỉ là những giây phút nghỉ ngơi, thảnh thơi, không vướng bận trong đời sống của một kiếp người.

Đạo Công giáo có mặt tại Việt Nam thế kỷ 16, đã thổi một luồng gió mới vào vùng đất đã có sẵn Tam giáo và đậm đà bản sắc Văn hóa bản địa. Để diễn đạt nội dung tư tưởng cũng như giáo lý đức tin, các thừa sai cũng như người Công giáo đã sớm sử dụng ngôn ngữ Việt như là một công cụ đắc lực để diễn tả đức tin của mình. Chữ "Nhàn" quá thân thuộc trong Tam giáo và cách nói hằng ngày của dận tộc Việt như đã trình bày ở phần trên, nay thành một chữ có nội hàm **ý nghĩa sâu sắc trong Công giáo.**

1. "Nhàn" là "quê nhà" hạnh phúc vĩnh cửu trên Trời

Nhà thơ Đỗ Trung Quân từng ca ngợi: "Quê hương là chùm khế ngọt". Đúng thế! Trong tâm thức người Việt, "quê hương" của mỗi người gắn liền với hình ảnh thân thương, quen thuộc như: "ngôi nhà", 'bến nước", "sân đình"...."Với người Việt, "ngôi nhà" đâu chỉ là

nơi che nắng che mưa, nơi gặp gỡ tình thân, nơi chia sẻ tình yêu thương mà nơi ấy còn khắc khoải trong ta bao "nỗi nhớ", là nơi "trở về" sau những ngày tháng gian lao vất vả ngược xuôi trên đường đời.

"Anh đi anh nhớ quê nhà"
Nhớ canh rau Muống nhớ Cà dầm tương..."

Và nếu Nguyễn Trãi xem mình như "khách tha hương" lạc loài, và "gia sơn", "cố sơn", "non quê" là một điểm hẹn lý tưởng cho ước vọng trở về để được sống tiêu dao, tự tại, một cuộc sống thanh bình giữa mây ngàn, gió nội, không có những tranh giành, đua chen, hiềm khích, thì với người Công giáo, sống trên trần gian là một cuộc lữ hành trở về "quê nhà". Đó là "chốn thanh nhàn**".**

"**Chốn thanh nhàn**" chính là từ ngữ biểu trưng "quê nhà" đích thực mà người Công giáo hướng tới. **Đó là "Thiên đàng", "Thiên đình", "Thiên quốc", "Thiên gia**", v.v (có yếu tố Hán "thiên" nghĩa là "trời") như biểu thị không gian, một nơi chốn cụ thể; hoặc "Nước Trời", "Nước Chúa", "Nhà Cha", "Quê Trời", v.v. Dù là Hán ngữ hay Việt ngữ thì "quê hương" đó không phải là một địa chỉ cư trú hay một không gian vật lý cụ thể. Tuy khác nhau về cách biểu thị nhưng các từ ngữ trên đều nhắc đến một "**thực tại siêu nhiên, thiêng liêng, siêu phàm**", đó là "nơi" Các Thánh được hưởng hạnh phúc, là "chốn" dành riêng cho những người được Thiên Chúa ân thưởng. "**Trời là nơi Thiên Chúa ngự, là Nhà Cha, nên là "quê hương" của ta"** (x. GLHTCG, tr.2795). Cho nên, mọi sự cố gắng tìm kiếm, chiếm hữu theo sức của con người là không thể. "Quê hương" ấy được diễn đạt trong **Kinh Cầu cho con cái Đức Mẹ** bằng cụm từ "**chốn thanh nhàn**": " [...]

Đức Mẹ Hằng Cứu giúp

Cho ngày sau được lên chốn thanh nhàn, hiệp làm một cùng Thiên Thần, Các Thánh, mà ngợi khen Đức Mẹ là Nữ Vương cai trị đời đời chẳng cùng. A men".[27]

Đó cũng là niềm tin của người Công giáo: "**Tôi tin hằng sống vậy**. Amen" (Kinh tin kính). Đó chính là cuộc sống vĩnh cửu, trường tồn, là "đời sau". Điều này đã được xác tín rằng: loài người sau khi chết nơi trần thế thì sẽ sống lại, linh hồn và xác, kẻ lành lên thiên đàng, hưởng phước thanh nhàn vui vẻ vô cùng; còn linh hồn và xác kẻ dữ sa xuống hoả ngục, chịu phạt khốn nạn đời đời kiếp kiếp. Cho nên, "**Phước thanh nhàn" chính là "Phước Trời cao", "Phước Thiên đàng".**

Trong tiếng Do Thái, Thiên đàng - ***shamyim***, tiếng Hy Lạp: ***ouranos*** đều có thể có nghĩa là "**Trời**" (tiếng Việt). Đó là nơi Chúa ngự. **Đức Giêsu chính là hiện thân của Nước Thiên Chúa. Ngài tỏ lộ Nước ấy bằng những hình ảnh như: *người tù được tha, người mù được thấy, người què đi được*,…** Đó là **Vương Quốc của Tình yêu, Nhà Cha trên Trời, là sự công chính, bình an và niềm vui trong Thần Khí** (Rm 14,17).

Cho nên, trong bản kinh còn tìm thấy: "

Nguyện cho mai sau hưởng phước trời
Muôn kiếp thảy đều hoan hỉ, Trên chốn thanh nhàn vô cùng".[28]

Trong bài viết "*Về khái niệm Niết Bàn trong Phật giáo*", Nguyễn Thị Toan cho biết: "**Niết bàn**" 涅 槃 là đọc theo lối phiên âm, trong tiếng Sanscrit là **Nirvana**, tiếng Pali là **Nibhana.** Trong đó, Niết (nir): ra khỏi; **bàn** (bà na, Vana): rừng. Có nghĩa là

" Ra khỏi cảnh rừng mê tối, phiền não".

Đoàn Trung Còn đã giải thích :

"cảnh trí của nhà tu hành dứt sạch các Phiền não và tự biết rằng mình chẳng còn Luyến ái".

Chiết tự chữ Niết Bàn :

[NIẾT : 涅 =氵(水) + 曰+ 土] : 氵 : **Thủy là nước**: **nhu cầu Vật chất của sự sống** +曰 : **Nhật : năng lượng Mặt Trời**: **nhu cầu Tinh thần (Tâm linh)** +土: **Thổ** là Đất: **nguồn sống Vật chất (Khoa học).**
BÀN: 槃 : Vui vầy]

" Theo Nho thì **Niết Bàn**: **Nhu cầu Sống vật chất** (Khoa hoc) và **Nhu cầu sống Tinh thần** (nguồn năng lượng Tâm linh: Tình Yêu: Từ bi) sống làm sao (Thiền) cho hai yếu tố : **Tâm linh**

/ Khoa học hài hòa hay Lưỡng nhất theo Tinh thần Dịch lý Âm Dương Hòa thì **có cuộc sống vui vầy " .** [Chú thích của người viết]

Nhiều tài liệu Phật giáo cho thấy đó là tình trạng**: Khổ diệt, Tịch diệt , Bất sinh, Viên tịch hay "Giải thoát**"

Như vậy, Niết bàn trong Phật giáo không phải là một cõi cực lạc có vị trí không gian nhất định mà là một trạng thái tâm linh hoàn toàn thanh thản, yên tĩnh, sáng suốt, diệt ái dục, xoá bỏ vô minh, chấm dứt mọi khổ đau, phiền não. Lý giải như thế để thấy, **Niết Bàn mà Phật giáo hướng đến là "một trạng thái bình an, hoan lạc" hơn là một "nơi chốn**"

Nho gia, vốn chú trọng "đời tục', không nói nhiều đến thế giới siêu nhiên, chỉ "**Kính thần như thần tại"** (Khổng tử), cho nên, hạnh phúc của người quân tử là "**vui với Đạo**" là "**tồn tâm dưỡng tính", thái độ sống "nhàn", "ẩn dật**", môi trường lý tưởng hạnh phúc của họ chính là thế giới "**thái bình thiên tử, thái bình dân chúng**". Thái độ đó được Khổng tử bày tỏ: "***Triêu văn đạo, tịch khả tử***" (Sáng được nghe Đạo, tối chết cũng cam lòng). Với **Đạo giáo**, **thái độ sống "vô sự", tiêu dao, phóng khoáng của bậc Tiên Nhân ở chốn "bồng lai tiên cảnh",** luôn mãi là mơ ước của người Việt qua các thành ngữ: *sướng như tiên, đẹp như tiên, nơi cực lạc...*

Ngoài "chốn thanh nhàn" dùng để diễn tả một "thế giới hạnh phúc", các bản kinh Công giáo còn vay những hình ảnh, từ ngữ vay mượn chỉ "nơi chốn" như: *nơi cực lạc, cõi phúc, chốn tiêu dao, nơi tiêu sái, chốn bình an...* từ tam giáo như:

"**Ví bằng Đức Mẹ thương xem con, thì con sẽ nhìn lấy mình rốt hèn, đầy rẫy những tội lỗi, đã thoát khỏi trăng cùm lòi tói được thong dong như các con Đức Chúa Trời, lại gần vào chốn an nhàn tiêu sái chẳng cùng. Amen**"[29]; hay

"Xin cho Cha Mẹ Bà con, kẻ kiết nghĩa cùng con được lòng giữ ơn nghĩa cùng Chúa luôn, cùng xin cho các đẳng linh hồn lên chốn an nhàn tiêu sái. Amen".[30]

Trong Sách kinh Quy Nhơn (NXB Thuận Hóa), chúng tôi tìm thấy những cụm từ "thanh nhàn", "chốn thanh nhàn", "phúc thanh nhàn", v.v được sử dụng 20 lần. Tất cả đều mang nội dung ngữ nghĩa là "chốn bình an", "hạnh phúc vĩnh viễn trường tồn, vĩnh cửu" , tồn tại song song với những cụm từ khác, mang ý nghĩa tương tự như:

nơi vinh quang, phước vui vẻ hằng sống, nước Thiên đàng, Nước Đức Chúa Trời, chốn vui vẻ trên trời, phước tiêu sái, chốn Thiên đình, chốn bình an, chốn nghỉ ngơi, chốn tiêu dao, thiên đình, quê thật, thiên quốc, thiên gia, Nước Chúa, phước thong dong... Chẳng hạn:

(1) "Xin vì công ơn Chúa chịu nạn chịu chết trên cây thánh giá, cho chúng con ngày sau khi sống lại, được nơi vinh hiển[31]..." (tr.4).

(2) Xin vì lòng thương xót Chúa cho linh hồn các kẻ tin được nghỉ ngơi ở chốn bình an" (tr. 6).
(3) hầu được hưởng phước trên nước Thiên Đàng đời đời chẳng cùng. Amen (Kinh Chúng con thân lạy Thánh giuse, tr.113).

"Thiên Đàng" hay "thanh nhàn" mà người Công giáo hướng đến là cuộc sống viên mãn vì được hiệp thông trong sự sống và Tình yêu với Thiên Chúa Ba Ngôi, với Mẹ Maria, với các Thiên Thần và các Thánh và những người được chúc phúc. Đó cũng là mục đích tối hậu và là sự hiện thực hóa các nguyện vọng sâu xa nhất của con người, là tình trạng hạnh phúc tuyệt hảo và chung cuộc.

Ví dụ: "Chốn Tiêu dao được tới
Chầu chực Ba Ngôi
Nơi thế hằng trông
Ngửa nhờ Đức cả. Amen".
(Kinh Cúi lạy Chúa Thánh Thần, tr.302).

Như vậy, "**chốn thanh nhàn**" không phải là một nơi chốn, một xứ sở, nhưng đúng hơn phải hiểu là một **tình trạng được sống ở trong Thiên Chúa**, vì chỉ có Thiên Chúa mới tồn tại vĩnh viễn, còn ngoài Thiên Chúa chỉ là hư mất đời đời mà thôi. Chính Đức Giêsu dùng những hình ảnh cụ thể trong đời sống thường ngày để nói về thực tại vô hình ấy. Đó là hình ảnh ***"bữa tiệc linh đình, ăn uống no nê, đủ mùi đủ vị, truyện trò vui vẻ thân mật, không sợ ai dòm hành đố kỵ*****".**
Sách Khải huyền gọi là "Giêrusalem trên trời, thành trì xây bằng đá quý, ở đó không cần ánh sáng mặt trời, vì chính Chúa là mặt trời công bình chiếu rọi, không còn than khóc la lối, không

còn đau đớn tật nguyền, nhưng mọi người được sống đầy đủ no nê, bình an vui vẻ".

Sách kinh giáo phận Quy Nhơn còn ghi:

- "***Vậy chúng con hãy nhắc Trí nhắc Lòng chúng con cho khỏi những sự hèn hạ thế gian mà theo chân Chúa Giê su lên Thiên Đàng là chốn vui vẻ Chúa đã dành để cho chúng con được hưởng phước đời đời***" (tr.93)

=

- "Cho ngày sau được hưởng muôn phước tiêu sái trên nước Thiên Đàng đời đời chẳng cùng.Amen (tr.188 - Kinh ân tứ)

- "**Ngõ được ngày sau chung Mạng**
Tới Nước Trời chầu chực Ba Ngôi" (tr.305 –
Kinh kính lạy một chúa Ba Ngôi)

Như vậy, có thể hiểu "phúc / phước thanh nhàn" là Thiên Đàng (Đường) : 天堂 " , là chốn tiêu dao, cõi cực lạc, cõi phúc là nơi mà Thiên Chúa sắm sẵn để thưởng người lành.
[天堂 : *Nhà trời: nhà Chúa. Nơi Chúa ở. Chỉ nơi cực sung sướng, nhưng Chúa ở khắp mọi nơi , tuy không thấy được Chúa nhưng chúng ta cũng cảm nhận được Tình yêu ân ái của Chúa qua Năng lượng Ánh sáng Mặt Trời hàng ngày* . Chú thích của người viết]

Với người Công giáo, cái chết nơi trần thế chính là cánh cửa bước vào quê hương đời đời: Ở đó mới thật là đời sống vĩnh cửu, là "quê nhà" mà con người luôn nhắm là nơi "trở về" sau khi chết, là cùng đích tối hậu của cuộc đời. Ở đó, ta được ngắm nhìn Thánh nhan của Ba Ngôi; hiểu rõ những điều đức tin đã dạy. Ta sẽ mến yêu Thiên Chúa tận tuỵ, hưởng được chính Chúa muôn đời, lòng ta thoả mãn không bao giờ nhàm chán. Ta sẽ gặp lại Chúa Giêsu, mà ta đã quen thuộc ở chốn trần gian, nhờ đức tin, trong sách Phúc Âm, nơi các Bí Tích, nhất là trong phép Thánh Thể, trong Giáo Hội, nơi anh em. Ta sẽ chung sống với Mẹ Maria, Thánh cả Giuse, và triều thần thánh.

2. "Phước Thanh nhàn" biểu thị Ân sủng của Thiên Chúa

Chữ "nhàn" thường gắn liền với **chữ "phúc" 福**, cũng có thể đọc là "phước". Theo chiết tự Hán, chữ *phúc* thuộc bộ kỳ 示 (礻), có hai nét nghĩa: thần linh và bày tỏ. Nét nghĩa "thần linh"

biểu thị ơn trên ban xuống, bởi tự con người không tạo ra phúc mà phải có sự trợ giúp của bề Trên; còn "bày tỏ": là tự tâm; có hàm ý "con người phải có lòng mong mỏi và có cách sống thích hợp để hưởng phúc".

Chữ "bức"(畐, (bị)), bên phải, có dáng dấp như 'vò rượu" ?? cho nghĩa : "mãn" (đầy): Bình rượu đầy mang biểu tượng cho hạnh phúc. Hình chữ (畐) bao gồm tổ hợp chữ: chữ *nhất* 一 nằm trên, *khẩu* 口 và tất cả nằm trên chữ *điền* 田, có ý nói đến việc con người cầu xin là được no đủ, đầy tràn là "phúc". (?)

[Chú giải của người viết theo Chiết tự chữ Nho :

Chữ Phúc : [福 =礻 （ 示 ）+畐 ： Kỳ + Bị

Chữ Kỳ 示: chữ kỳ gồm bên trên có 2 nét Ngang:

Số 2 (tượng trưng cho **Dịch Lý Âm Dương Hòa**
và bên dưới có 3 nét Dọc,

Số 3 (tương trưng cho **Tam tài** với **con Người Nhân chủ: tự Chủ, tự Lực, tự Cường**) ,

Số 5 (2 + 3 = 5) , 5 là **Ngũ hành**, tượng trưng cho nguồn **Năng lượng Tình Yêu** sáng tạo ra Vũ trụ : **Nguồn Tâm linh.**

Bộ Huyền số 2- 3, 5 là Nội dung của Việt Nho của Việt Nam gồm:

Số 2 : Vũ trụ quan động theo Dịch Lý Âm Dương hòa: Nguồn Sinh sinh Hóa hóa của Vũ trụ.

Số 3: Nhân sinh quan Nhân chủ: Tự Chủ, tự Lực, tự Cường.

Số 5 : nguồn Năng lượng Tình Yêu: Nguồn Tâm linh

Đó là nguồn Tinh thần Bất khuất của Dân tộc :

NHÂN /NGHĨA, BAO DUNG (HÙNG / DŨNG)

Huyền thoại Tiên Rồng là cách Tu thân để có Nhân phẩm: Nhân, Nghĩa, Bao dung .

Chữ Bị : 畐 =一 +口+田: *một thửa ruông cần cho nhu cầu vật chất của một nhân khẩu là đủ*]

(Hết Chú giải)

Thông thường, con người luôn cầu "phúc" từ thần linh và cố gắng ăn ở sao cho xứng đáng nhận cái "phúc" ấy. Cho nên, trong cuộc sống thường ngày đã có nhiều hình tượng biểu thị chữ phúc trong nhiều vật trang trí, trong kiến trúc, và cả trên y phục. Ban đầu "phúc" có nghĩa tương tự chữ "phú" 富 (giàu có, sung túc), dần dà mang nghĩa "điều tốt lành" , "sự may mắn" trong : ***phúc đức, phúc hạnh, hạnh phúc, hồng phúc, diễm phúc, hay "phúc, lộc, thọ"***.

Theo triết lý Đông phương, *phúc* bao hàm tất cả những điều thiện hảo mà con người có thể hình dung hay mơ tưởng. Kinh Thi[32] chia ra năm kiểu phúc (ngũ phúc): **trường thọ** (sống lâu, không đoản mệnh), **phú quý** (giàu sang), **khang ninh** (thân thể khoẻ mạnh, tâm hồn yên lành), **hiếu đức** (lương thiện, nhân hậu, bình tĩnh), **thiện chung** (chết lành).

Với người Công giáo, nét nghĩa "thần linh" trong chữ "phúc" có hàm ý chính là Thiên Chúa. "Phúc" là trọng tâm lời rao giảng của Chúa Giêsu, là con đường hạnh phúc, là "Hiến chương Nước Trời:

"***Ai có lòng khó khăn ấy là phước thật, vì chưng nước Đức Chúa Trời là của mình vậy*****".** (Kinh Phước thật tám mối)[33]. "Phước thật"chính là 'cùng đích", là "cứu cánh" là khát khao của con người. Đó là Nước Trời, là chính Thiên Chúa.

*"**Linh hồn con khao khát Chúa, ôi Chúa Trời hằng sống ! Biết tới ngày nào con mới được về ngắm nhìn Nhan Chúa luôn*****".*** (Tv 41).

Đó là "sự sống đời đời", là "hưởng nhan Thánh Chúa" (xem thấy mặt Chúa), là nghỉ ngơi trong Chúa, là "sum họp một nhà với Các Thánh trên trời",..

.

Các bản kinh Công giáo trong Sách kinh giáo phận Quy Nhơn (NXB Thuận Hóa) thường còn ghi lại nhiều cầu xin thể hiện khao khát đó:

- "**Xin vì lòng nhân từ Chúa cho linh hồn...cùng các linh hồn các kẻ tin được nghỉ ngơi ở chốn bình an**" (tr.526)

- "Lạy Chúa, xin cứu chữa linh hồn này khỏi hỏa ngục, được lên chốn an nhàn vui vẻ đời đời" (tr.525)

- "Vì công nghiệp Giuse Thánh Cả, Cho chúng con biết sống quang minh, Hầu ngày sau lên chốn thanh nhàn, Ngõ muôn kiếp ngợi khen danh Chúa. Amen" (Kinh Các đạo binh trên trời, tr.448)

Ngay những ngày đầu truyền giáo, Cha Đắc Lộ trong *Từ điển Việt – Bồ - La* cho

biết: *"nhàn": có phúc = beatus (tr.548);* theo Tự điển Công giáo (2012, tr.271), "phúc" được giải thích là "điều tốt lành" dùng để diễn đạt khái niệm *Beatitudo, Beatitude, Béatitude* trong tiếng Latinh, Anh và Pháp. Trong những ngôn ngữ này, thì "phúc" dùng để dịch nghĩa từ ngữ *Evangelicum, Gospel* và *Evangile* (phúc âm, tin mừng). Thoạt đầu, "Phúc âm" có nghĩa: "*phần thưởng dành cho người đưa tin về cuộc chiến thắng trên kẻ thù*" (2 Sm 4,10; 18,20). Về sau, trong Tân ước, "phúc âm" được dùng "loan báo Phúc cứu độ Thiên Chúa ban vào thời cánh chung" (Is 52,7. 60,6). Nội dung chính yếu của Sứ điệp là Nước Thiên Chúa đã đến, mọi người hãy hóan cải và đón nhận tin "tốt lành" ấy. (Mc 1,15).

Kinh đọc còn ghi nhận: " **Xin Chúa cũng làm cho con nên thật, cùng đẹp lòng Chúa luôn, hầu ngày sau được thấy mặt Chúa, mà hưởng phước vang hiển đời đời có dư, thanh nhàn muôn kiếp. Amen**".[34]

Như vậy, "nhàn" cũng là "phúc", đều mang nghĩa là "điều tốt lành," "thánh thiện", hệ tại nơi Thiên Chúa. Vậy nên, khi nói "hưởng phước Thanh nhàn", hưởng phước Thiên Đàng, hưởng Nhan Thánh Chúa..." "nghỉ ngơi bình an trong Chúa" ... thì đó cũng chỉ là một kiểu nói mà thôi. Đó là cuộc sống mai sau vĩnh viễn mà người Công giáo hướng tới, là để "thông phần bản tính thần linh", là "ơn nghĩa tử", an nghỉ trong Chúa (x. GLHTCG 1716, 1725, 1726).

Mặt khác, PHÚC trong "Hiến chương Nước Trời" (Bát phúc) không đem đến cho con người "lời lãi" của cải thế gian nhưng thanh luyện tâm hồn và dạy con người học biết yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự, dạy cho con người biết cách sử dụng của cải trần gian cho phù hợp theo Thánh ý Chúa (x. GLHTCG 1728, 1729). "Phúc" cũng là căn tính của Kitô hữu. Bởi lẽ, các mối phúc đã vẽ nên khuôn mặt và lối sống của Chúa Giê su. Khi Ngài nói với các môn đệ : "*Phúc cho anh em khi vì Thầy mà bị người ta sỉ vả, bách hại và vu khống đủ điều xấu xa. Anh em hãy vui mừng hớn hở, vì phần thưởng dành cho anh em ở trên trời thật lớn lao*" (Mt, 5,11). Xem ra, "phúc" hay "nhàn" của người Công giáo mang tính "chịu thiệt thòi", thử thách, gian nan, đối lập vinh quang nơi trần thế , còn "phần thưởng" thì hoàn toàn phụ thuộc vào lời hứa của vị "chủ soái" là Đức Giê su, khi Người hứa với "kẻ trộm lành": "*Ta bảo thật anh, hôm nay, anh sẽ được ở với ta trên Thiên Đàng" (Lc 23,43). Lời hứa đó là* "hưởng nhan thánh Chúa" (beatific Vision) là "hưởng kiến vinh phúc", là "khát vọng căn bản về hạnh phúc đời đời của con người".[35] Bởi lẽ, người Công giáo tin rằng những người chết trong ân sủng (ơn nghĩa) của Chúa Kitô và những người đã được thanh tẩy sẽ được "nhìn thấy" Thiên Chúa cách trực tiếp, nhãn tiền

trong vinh quanh Nước Trời. Chính Thánh Gioan cho biết: "*Người thế nào, chúng ta sẽ thấy Người như vậy"* (1 Ga 3,2). *Phúc thật chính là* "*Nước Thiên Chúa*", *nhìn thấy Thiên Chúa, thông phần bản tính thần linh*" (x.GLHTCG 1726). Đó cũng là lời cầu xin được "chết lành", để "xem thấy mặt Chúa", "hưởng nhan thánh Chúa" trong lời kinh: "Chúng con trông Đức Mẹ cho chúng con ngày sau được vào cửa Thiên Đàng, *xem thấy mặt Đức Chúa Giê su cùng mặt Đức Mẹ*, được muôn muôn sự phước gồm hết mọi sự tốt lành, chẳng hay hết chẳng hay cùng. Amen"[36]; trong Kinh Xin ơn chết lành còn được đọc: "Lạy Chúa Giêsu, Chúa đã đổ hết máu mình ra và chết trên Thánh giá, để đền tội chúng con và cứu chúng con khỏi sa hỏa ngục. Xin Chúa ban cho chúng con được nhẫn nại can đảm chịu ốm đau bệnh tật, lập nhiều công phúc, xin cho chúng con được chết đang khi có ơn nghĩa cùng Chúa và được Chúa gọi vào Nước Chúa như người trộm lành xưa".

"Tất cả là hồng ân", là ân sủng (grace), là ơn huệ của Chúa. "Ân sủng" là sự ưu ái do bề trên ban cho, là ơn mà Thiên Chúa ban cho con người vô điều kiện, giúp con người tham dự sự sống Thiên Chúa Ba Ngôi và có khả năng hành động hành động vì tình yêu dành cho Ngài (x. GLHTCG 1996-1998). Đó là tình trạng của một người sống thân nghĩa, sống đẹp lòng với Chúa, có lòng "kính mến Chúa". Đó là điều kiện cần thiết phải có khi chết nếu muốn lên Thiên Đàng, "hưởng phúc thanh nhàn": "Ấy vậy chúng con hằng phải ra sức lo lắng thể nào, mà chịu các phép trọng ấy cho nên, cùng tin thật vững vàng mà giữ cẩn thận các điều trước này, thì mới đặng hưởng phước thanh nhàn đời đời kiếp kiếp.Amen".[37]

Nói theo một kiểu khác, con người "được hưởng phước thanh nhàn", hưởng phúc thật là "nhờ bởi ơn Chúa". Hãy xem Kinh Sáng soi nói gì: "Cúi xin Chúa sáng soi cho chúng con được biết việc phải làm, cùng khi làm xin Chúa giúp đỡ cho mỗi kinh mỗi việc chúng con, từ khởi sự cho đến hoàn thành, đều nhờ bởi ơn Chúa. Amen".[38]

Thậy vậy, người Công giáo tin rằng: dù sống hay chết thì đều "ở trong tay Chúa". Theo ngôn từ nhà Phật thì "giải thoát" (Niết Bàn); đạt đến cảnh giới "vô vi" (Lão) là hạnh phúc. Với người Công giáo ,"thanh nhàn" cũng chính là hạnh phúc, là được "giải thoát" , là được cứu rỗi. Bởi lẽ, "thanh nhàn" chính là hiện hữu của Thiên Chúa Ba Ngôi, Đấng hằng sống, vinh hiển, trường tồn, trường thọ. Điều này được thể hiện qua câu kinh chúc tụng, ngợi khen Chúa: "Chúng con chúc tụng khong khen Chúa, Cùng Thánh phụ Thánh Thần nhất thể, hằng thanh nhàn muôn kiếp hiển vang. Amen".[39]

Với người Công giáo "phúc" mà con người có được không nằm ngoài "ân sủng của Thiên Chúa". Đó là "ơn cứu thoát", "ơn cứu chuộc", "ơn cứu rỗi",... Trong hầu hết các bản kinh đọc sáng tối đều dễ dàng tìm thấy những quán ngữ: "vì công nghiệp Chúa Giê su", "vì lòng Chúa thương xót", "vì Chúa", "nhờ ơn Chúa",...:

- "Xin vì công ơn Chúa chịu nạn chịu chết trên cây Thánh giá, cho chúng con ngày sau khi sống lại, được đến nơi vinh hiển. Vì công nghiệp Chúa Ki tô là Chúa chúng con".[40]

Ngay cả trước và sau khi ăn cũng có câu kinh "đội ơn" như thế:
- "Lạy Chúa, xin chúc lành cho chúng con và của ăn này, do lòng rộng rãi Chúa ban cho chúng con hưởng dùng. Nhờ Đức Ki tô Chúa chúng con.Amen".

- "Chúng con cảm đội ơn Chúa phép tắc vô cùng vì mọi ơn lành Chúa đã ban cho chúng con..." . Còn lời cầu cho người quan đời thì: "Xin vì lòng thương xót Chúa cho linh hồn...cùng các linh hồn các kẻ tin được nghỉ ngơi ở chốn bình an".[41]

Tắt một lời, sống trong "ơn nghĩa" để được 'phúc", để được "thanh nhàn" là sống trọn vẹn với ba nhân đức: tin, cậy, mến (faith, hope, charity). Ba nhân đức này có trong 3 bản kinh: Kinh tin, Kinh cậy và Kinh mến.[42]

Như vậy, "nhàn" mà người Công giáo được sử dụng phải được hiểu là: sự bình an, sự cứu rỗi, sự vui vẻ,... là "ơn phúc" của Chúa ban cho con người.

3.Thanh nhàn đối lập với trần gian nhưng hiện hữu trong trần gian

Theo quan niệm Phật giáo, "Đời là bể khổ, thế gian là hư ảo, giả tạm. Sở dĩ con người phải khổ là vì con người phải chịu nhân quả luân hồi của những việc mình đã làm ra ở kiếp trước và kiếp này. Với vận mệnh cũng như họa phúc của mình, con người không làm chủ được, không biết trước được, bởi vì con người bị che lấp bởi "lục căn", "lục trần". Để thoát khổ, không gì bằng trở về với "Phật tính" trong bản thân mỗi người.

Đối với Nho sĩ thì việc tìm về lối sống "ẩn dật", thanh nhàn cốt là để xa lánh cám dỗ của đời sống vật chất, của bả vinh hoa, phú quý của chốn quan trường bon chen, giành giật. Trong nhận

thức của họ, "thanh nhàn" hoàn toàn đối lập lợi danh, phú quý. Thế giới "thanh nhàn" của họ được miêu tả là thế giới tươi đẹp, đáng trân trọng. Ở đó, con người được tận hưởng cuộc sống thanh thản giữa mây ngàn gió nước, xa rời những bon chen, những hiểm khích mà lợi danh mang lại:

"Tiêu sái Tự nhiên nhẹ hết Mình

Nài bao gôi cả áng Công danh

Vô tâm Đìa có Trăng bạc

Đắc thú Kho đầy gió Thanh".

Chữ "thanh" trong "thanh nhàn" mang ý nghĩa: trong sạch, thanh thản. Đó cũng là khí tiết của người quân tử, của Nho sĩ chân chính. Đó cũng là thế giới "an nhiên, tự tại", vô vi, tiêu sái, tiêu dao, vui vẻ và bình an trong Đạo giáo. Thế giới ấy là nơi "cảnh cũ, non quê" của Nguyễn Trãi, nơi đó, trái tim cô đơn của ông được xoa dịu mà cũng nằm trong thế đối lập giữa "thanh cao" và "phàm tục" của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Phải chăng, thế đối lập **"thanh nhàn"** và "**công danh, phú quý**" của Nho gia đã phần nào phản ánh thế đối lập giữa "thanh nhàn" và "Nước Chúa" với thế gian, trần tục, trần cấu của người Công giáo.

Trong quan điểm Kitô giáo thì điều Phúc thật không cốt tại việc sở hữu của cải trần thế. (x. Mt 19,16-22); vinh quang nhân loại (Mt 4,8-10). "*Ai có lòng khó khăn, ấy là phúc thật, vì chưng Nước Đức Chúa Trời là của mình vậy...*"[43] bởi lẽ, chỉ Thiên Chúa mới là nguồn mạch mọi điều thiện hảo và mọi tình yêu (GLHTCG 1723). Thánh Phao lô trong thư gửi tín hữu Rô-ma cho biết :"Nước Thiên Chúa không phải là chuyện ăn chuyện uống, nhưng là sự công chính, bình an và hoan lạc trong Thánh Thần. Ai phục vụ Đức Kitô như thế, thì đẹp lòng Thiên Chúa và được người ta quý trọng" (Rm 14,17-18).

Hơn nữa, hành trình của con người trong dòng lịch sử cũng là hành trình tìm kiếm công chính và bình an. Trong hành trình ấy, con người luôn đối mặt giữa những bất công, bất chính, bất an giữa lòng xã hội và nơi bản thân mình. Nhưng Lời Thiên Chúa trong sách ngôn sứ I-sai-a cho chúng ta biết Đức Giê-su là "Vua công chính", là "Hoàng tử bình an" (Is 9,5-6). Người không giống bất cứ vị vua hay vị lãnh đạo nào trong quá khứ, hiện tại cũng như mai ngày. Hành trình trần thế của Người là hành trình kêu gọi mọi người sống công chính để được hưởng bình an của

Thiên Chúa. Sự công chính và bình an mà Đức Giê-su loan báo giúp con người không ngừng cải thiện đời sống trong hành trình hướng về sự công chính và bình an viên mãn. Đó là "chốn thanh nhàn" như lời kinh đọc: "Cho chúng con biết sống quang minh / hầu ngày sau lên chốn thanh nhàn"[44]; "Và ngày sau xin cho con được giựt lấy bia thẻ phước thanh nhàn trên nước Thiên Đàng". [45]

Trong các bản kinh Công giáo, "trần gian" thường được diễn tả bằng các cụm từ: "chốn khách đày" hay "lũng đầy nước mắt" (Kinh Lạy Nữ Vương), "cõi tạm" và "kẻ đi biển cả" (Kinh Cầu Đức Bà), v.v tất cả đều toát lên sự vất vả, gian nan, thử thách, trói buộc,... đối lập với "chốn thanh nhàn" là chốn bình an, chốn tiêu diêu, nơi vui vẻ, v.v. Chẳng hạn: "Lạy Chúa Con Thánh Mẫu đồng trinh / giúp con giữa thế gian sóng gió / Xin soi sáng chỉ đường dẫn nẻo, được đến nơi vui vẻ thanh nhàn".[46]

Thế nhưng, Nước Thiên Chúa mà Chúa Giêsu muốn nói không phải một nơi chốn, hay một lãnh thổ, nhưng Nước Thiên Chúa là bất cứ nơi nào Triều Đại của Thiên Chúa hiện hữu, bất cứ nơi nào con người để cho Đức Kitô ngự trị trong trái tim họ. Thật vậy, Chúa Giêsu cho biết: "Triều đại Thiên Chúa không đến như một điều người ta có thể quan sát được, nói được ở đây hay ở kia, vì triều đại Thiên Chúa ở giữa các ông" (Lc 17,20-21). "Ở giữa" tức là ở trần gian này, là cuộc sống hiện tại, ở trong tâm hồn con người. Thánh Phaolô cũng xác định rằng, Nước Thiên Chúa không phải là thực tại vật chất mà con người tìm kiếm tranh giành nhau (Rm 14,17). Như vậy, ở đâu có Thiên Chúa hiện diện thì ở đó chính là Nước Thiên Chúa. Chính Đức Giêsu là hiện thân của Nước Thiên Chúa, con người "đầu đội trời, chân đạp đất", nghĩa là sống ở trần gian nhưng vẫn luôn hướng về trời cao. Tức là con người luôn khao khát hướng về mục đích tối hậu của đời người là hạnh phúc trong Nước Thiên Chúa.

IV. KẾT LUẬN

Ở phần đầu bài viết, chúng tôi đã giới thiệu sơ lược về chữ "nhàn" trong tiếng Việt. Thông qua việc chiết tự, chúng ta nhận thấy "nhàn" mang lại nhiều ý nghĩa khác nhau, thường được biết đến với ý nghĩa :"rảnh rỗi" , "thong thả". Trong địa hạt văn chương hay tôn giáo, "nhàn" hay "thanh nhàn" lại mang nhiều ngữ nghĩa khác nhau: "hạnh phúc", "bình an", "thú vui",... đượm

màu sắc khen chê hay cảnh báo trong. Và khi đi vào lĩnh vực triết lý, thì ngữ nghĩa lại có nhiều sự biến chuyển. "Nhàn" trở thành thái độ sống, phong cách sống của các bậc hiền triết, nho sĩ. Trong Công giáo, "nhàn" được xác định là Thiên đàng, là khát vọng tối hậu của con người.

Triết lý "nhàn" được xác định dựa trên nền tảng sự hòa hợp tư tưởng Nho – Phật – Lão và có thể được tìm thấy trong những sáng tác của các Nho sĩ. Với Nho giáo, "tu thân" đã trở thành "kim chỉ nam" đưa đến quan niệm coi thường phú quý, danh lợi và "minh triết bảo thân" trở về, hòa mình với thiên nhiên, di dưỡng tính tình, giữ gìn tiết tháo của nhà nho, từ đó trở thành động lực làm nảy sinh tư tưởng "nhàn" trong văn học Nho giáo. Với Lão giáo, lối sống "tri túc", "tự lạc" trở thành một phương tiện để nho sĩ đạt đến trạng thái "nhàn" – sống hòa mình với thiên nhiên thanh sạch, gạt bỏ lòng tư dục, ham muốn công danh. Về phía Phật giáo, qua giáo lý với tư tưởng giải thoát cái bản ngã của Phật đã phối kết với lối sống "pháp tự nhiên, vô vi" của Đạo gia tạo ra Thiền, trạng thái tĩnh lự, tập trung cao độ, lấy thanh tĩnh làm gốc đã hướng con người đến bản chất của chữ "nhàn"

.

Có thể nói, tư tưởng Nho – Phật – Lão hòa quyện và gắn kết với chủ nghĩa khoan dung của người Việt để hình thành nên tư tưởng "nhàn". Thật khó lòng phân biệt rạch ròi đâu là nho sĩ ẩn dật và đâu là đạo sĩ hay là thiền sư. Mặt khác, sự kết hợp những yếu tố ứng xử linh hoạt của Nho giáo, tư tưởng tiêu dao của Lão – Trang, tư tưởng siêu thoát của Phật chính là tiền đề văn hóa góp phần tạo nên diện mạo của tư tưởng "nhàn" trong văn hóa Việt Nam.

Trước hết, "nhàn" là phương thức sống nho sĩ, một bảo bối của "minh triết bảo thân". Hầu hết nho sĩ Việt Nam tìm đến "nhàn" là do xã hội loạn lạc, triều chính rối ren, quyền thần lũng đoạn, ngoại bang cai trị. Đó là nguyên nhân chính yếu thúc đẩy các nho sĩ tìm đến con đường "độc thiện kỳ thân" và xem "nhàn" như một phương thức sống. Những nho sĩ tiêu biểu có thể kể tên: Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm,... Trong sáng tác của họ, không gian thiên nhiên trở thành môi trường sống lí tưởng, thanh bạch, ước vọng thực hiện "độc thiện kì thân" cho nên, "nhàn" đối với nho sĩ ẩn dật Việt Nam là thanh tao, tiêu sái, hồn hậu, phong nhã, hòa quyện thiên nhiên. Với Nguyễn Bỉnh Khiêm, "nhàn" đã gần chạm tới cảnh giới "vô vi" của triết học Lão – Trang"

.

Xem nhẹ danh lợi, phù hoa, trân trọng những phút giây nhàn tản vốn là một trong những nguyên tắc ứng xử có cội nguồn sâu xa từ các hệ tư tưởng Nho – Phật – Lão. Cho nên, trong nhận thức của nhà nho, "nhàn dật" và lợi danh, phú quý là hai phạm trù đối lập. "Nhàn dật" gắn với cuộc sống chốn lâm tuyền, thôn dã - một không gian rộng lớn, khoáng đạt, sơn thủy hữu tình. Đó là cuộc sống thanh cao, lý tưởng, và ngược lại là cuộc sống "phàm tục", "bon chen", dầy hiềm khích. Còn Nguyễn Bỉnh Khiêm thì xem "nhàn" như một phương thức, một giải pháp để thực hiện "minh triết bảo thân", xa lánh thói tục, đạt đến sự thanh cao của tâm hồn. Ông khẳng định cuộc sống nhàn tản, "vô sự" là một cuộc sống thực sự hạnh phúc, con người đạt đến cõi lòng "vô sự" là những bậc tiên nhân đã diệt hết mọi khổ đau của cuộc đời thế tục trở thành những bậc "tiên vô sự", "tiểu thần tiên". Với Nguyễn Bỉnh Khiêm, cảnh tiên ngay ở cõi tục, hạnh phúc thần tiên ngay ở cõi lòng thanh tịnh của mình. Có được điều đó là nhờ người quân tử đã thấu đạt lẽ hóa sinh ở đời, nhẹ đường công danh, xa vòng phú quý, an nhiên tự tại ngay giữa cõi đời vốn nhiều tục lụy. "Ông nhàn" đã đạt đến trạng thái tự do tinh thần, vượt lên trên những ràng buộc của ngoại giới để ung dung tự tại hóa thân thành tiểu thần tiên ở đời.

Những bài học đạo đức để diệt lòng tư dục, là nguồn gốc loạn lạc trong xã hội, đem lại một cuộc sống cân bằng, hòa hiếu, các bài học đạo đức tri túc, an phận, xem nhẹ công danh, phú quý, sống "trung dung", "dĩ hòa vi quý" mà Nguyễn Bỉnh Khiêm chủ trương đều nằm trong bản chất của chữ "nhàn". Bởi, "nhàn" là vui thú với cuộc sống điền viên, là đối lập với công danh, phú quý, với những đua chen, giành giật.

Cuối cùng, thừa hưởng ý nghĩa "nhàn" trong tam giáo và tính triết lý của nó, "nhàn" trong văn bản kinh Công giáo lại có những nội hàm ngữ nghĩa sau:

- "Chốn thanh nhàn" chính là Thiên đàng, là quê trời hạnh phúc, là cùng đích mà con người hướng tới
- Chữ "nhàn" gắn kết với "phúc" đều hệ tại ở Thiên Chúa. Cho nên, nhàn chính là ơn phúc là phần thưởng mà Thiên Chúa ban cho con người.

- "Nhàn" là Nước Chúa, là một "thực tại siêu nhiên" tồn tại giữa thế tục nhưng không thuộc về thế tục. Bởi, ở đâu có Thiên Chúa là có Nước Thiên Chúa, mà Đức Giêsu lại chính là Thiên Chúa thật.

Như vậy, "nhàn" trong tiếng Việt khởi đầu bằng một khái niệm "rảnh rỗi" , "thong thả" bước vào "thánh đường" của triết lý đã chuyên chở được tư tưởng phong cách, thái độ và lối sống của nho sĩ Việt Nam. Trong các bản văn Công giáo, "nhàn" đã trở thành một biệt ngữ, thuật ngữ Công giáo.

(Nguồn: Internet)

8.- QUAN NIỆM HẠNH PHÚC CỦA ĐẠO DO THÁI

Biểu tượng của Tôn giáo Abraham
Ngôi sao David + Thánh giá + từ Allah

[Giải thích theo Nho
Ngôi sao Davvid: cặp đối cực Tam giác: Dịch lý Âm Dương Hòa
Thánh giá: Ngũ hành : nguồn Bác ái: Tâm linh
Allah: Thượng Đế]

ĐỜI SỐNG

Lý do Israel được xếp hạng là quốc gia hạnh phúc thứ 9 thế giới

Mặc dù vẫn được coi là trong trạng thái chiến tranh, hầu hết người dân Israel cảm thấy hạnh phúc nhờ sự gắn kết các mối quan hệ xã hội, đời sống kinh tế được cải thiện và tuổi thọ cao.

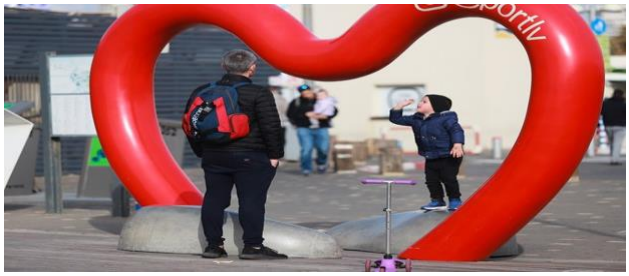

Người dân Israel tại thành phố Tel Aviv ngày 19/3/2022. (Ảnh: Vũ Hội/Vietnam+)

Trong Báo cáo Hạnh phúc Thế giới 2022 (WHR), Mạng lưới Giải pháp Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc đã xếp hạng Israel là quốc gia hạnh phúc thứ 9 thế giới. Việc này khiến không ít người ngạc nhiên do Israel được biết đến đang trong tình trạng chiến tranh.

Không chỉ là một quốc gia chiến tranh, ở trong nước Israel còn có nền chính trị không ổn định do các đảng phái có sự phân cực rõ rệt. Trong khi đó, an ninh tại nhà nước Do Thái luôn được thắt chặt do nguy cơ khủng bố luôn thường trực.

Tuy nhiên, trong bảng xếp hạng hạnh phúc 10 năm qua, Israel không những đứng ở vị trí cao mà còn được cải thiện nhanh chóng qua các năm.

Năm 2020, Israel đứng thứ 14 thế giới về chỉ số hạnh phúc, năm 2021 đứng thứ 12 và năm 2022 vị trí này đã tăng ba bậc lên thứ 9 trong bảng xếp hạng.

Báo cáo WHR được thực hiện dựa trên kết quả điều tra xã hội học của Gallup về cảm nhận mức độ hạnh phúc của người dân cũng như các chỉ số về mức độ phát triển kinh tế-xã hội tại 150 quốc gia trên thế giới theo thang điểm từ 1 đến 10.

Trong số các quốc gia xếp hạng cao bao gồm hầu hết các nước Bắc Âu, như **Phần Lan** (xếp thứ 1), **Đan Mạch** (thứ 2), **Iceland** (3), **Thụy Sĩ** (4), **Hà Lan** (5) và **Luxembourg** (6), **Thụy Điển** và **Na Uy** lần lượt đứng thứ 7 và 8.

Chỉ số hạnh phúc dựa trên mức độ cảm nhận và các chỉ số thống kê của 14 lĩnh vực liên quan đến chất lượng cuộc sống, như thu nhập bình quân đầu người, tuổi thọ bình quân, hỗ trợ xã hội trong thời gian khó khăn, sự tự do của người dân khi đưa ra các quyết định quan trọng, niềm tin xã hội, mức độ tham nhũng, sự hào phóng của cộng đồng…

Theo các chuyên gia xã hội học, mặc dù là một nước có nền kinh tế thị trường, mang nhiều đặc điểm của xã hội phương Tây, nhưng xã hội Israel lại có những đặc điểm của một xã hội phương Đông.

Đó là người dân khá tôn trọng các mối quan hệ xã hội, nơi gia đình và bạn bè có sự giúp đỡ và hỗ trợ lẫn nhau.

Nói về tầm quan trọng của mối quan hệ gia đình, Dana Smolkin, một sinh viên chuyên ngành khoa học xã hội tại Đại học Tel Aviv cho rằng: "Gia đình và bạn bè là yếu tố vô cùng quan trọng. Họ giúp nhân đôi niềm vui và giảm bớt sự căng thẳng trong cuộc sống."

Bên cạnh đó, dân tộc Do Thái từng gánh chịu nhiều khổ đau và chiến tranh, nên người dân Israel hình thành tính cách cộng đồng bền chặt, chia sẻ trong hoạn nạn. Khác với nhiều quốc gia phương Tây, sự gắn kết xã hội ở Israel là khá cao.

Môi trường rèn luyện trong quân đội không chỉ rèn luyện phát triển bản thân, giúp giới trẻ định hướng sự nghiệp mà còn tăng cường tinh thần gắn kết. Đây là một yếu tố quan trọng khi những người được hỏi đều cảm nhận họ thấy hạnh phúc.

Ngoài ra, Israel cũng là một quốc gia có thu nhập bình quân đầu người cao, lên đến 44.000 USD/người/năm, cao hơn nhiều quốc gia châu Âu như Anh, Pháp.

Mức thu nhập tối thiểu cũng đủ để người dân Israel không phải lo lắng nhiều về kinh tế, cho phép họ đóng các loại bảo hiểm, qua đó được đảm bảo các nhu cầu cơ bản về giáo dục và y tế.

Một hệ thống y tế thuộc nhóm tốt nhất thế giới giúp Israel đảm bảo chế độ chăm sóc sức khỏe cho người dân, qua đó từng bước nâng cao tuổi thọ bình quân.

Sự gắn kết xã hội là yếu tố giúp tăng cường mức độ cảm nhận về hạnh phúc.

(Ảnh: Vũ Hội/Vietnam+)

Theo thống kê chính thức của Israel, tuổi thọ bình quân tại nước này là 81 đối với nam giới và 84,7 đối với nữ giới, cao hàng đầu thế giới. Đây chính là lý do bảng xếp hạng hạnh phúc WHR xếp Israel với 8,18 điểm theo tiêu chí cảm nhận về sức khỏe và tuổi thọ.

Là một người đã có tuổi, ông Shai Ashkenazi, một người dân sinh ra và lớn lên tại thành phố Tel Aviv (Israel) nói: "Hệ thống chăm sóc sức khỏe ở Israel theo tôi là rất tốt, và ở góc độ nào đó điều này ảnh hưởng đến sự cảm nhận về hạnh phúc của mọi người, bởi họ cảm thấy được an toàn."

Với dân số khá nhỏ, trên 9 triệu người, nhưng chi tiêu cho phúc lợi xã hội của Israel trong năm 2020 đạt 93,5 tỷ USD, tăng 17 tỷ USD so với năm 2019. Tính theo tỷ lệ GDP, mức chi này đã vượt ngưỡng 20%, mức rất cao so với các quốc gia khác.

Cũng có một số ý kiến cho rằng kết quả điều tra chỉ phản ánh được một phần của thực tế, thậm chí là không chính xác. Tuy nhiên, cảm nhận chung của nhiều người dân Israel là đời sống kinh tế liên tục được cải thiện, tuổi thọ cao và một xã hội cởi mở, năng động.

Chừng đó đã đủ để họ cảm thấy hạnh phúc, bất chấp thực tế nguy cơ chiến tranh vẫn luôn rình rập./. “

Hạnh phúc hay simcha trong Do Thái giáo được xem là một yếu tố quan trọng trong việc phụng sự Đức Chúa Trời. Khi một người hạnh phúc, họ có khả năng phụng sự Đức Chúa Trời. Đồng thời thực hiện các hoạt động hàng ngày của họ nhiều hơn là khi chán nản hoặc buồn bã.

Hai Tam giác ngược nhau

Cặp đối cực Dịch lý

Đạo Do Thái

9.- HẠNH PHÚC CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO

Nguyễn Giới, OP

“Thưa thầy nhân lành tôi phải làm gì để được sự sống đời đời?”

(x.Mt 19,16 -22; Mc 10, 17 -22; Lc 18, 18-23).

Đó là câu hỏi của người thanh niên giàu có trong Tin Mừng Matthêu - theo thánh Luca, câu hỏi này là của một vị thủ lãnh - hỏi Chúa Giêsu về con đường dẫn tới sự sống đời đời, hạnh phúc viên mãn. Khi đặt câu hỏi này với Chúa Giêsu, hẳn là người thanh niên hay vị thủ lãnh kia chưa tìm thấy được hạnh phúc mặc dầu họ rất giàu sang, đầy quyền lực, và hơn nữa, là người mẫu mực

trong việc tuân giữ các điều răn Cựu Ước như Tin Mừng miêu tả. Như vậy, tiền bạc, quyền lực và đời sống chuẩn mực không phải là những thứ làm cho con người hạnh phúc, cụ thể với hai nhân vật trên. Vậy điều gì làm cho con người có được hạnh phúc thực sự? Phải chăng là ý nghĩa và mục đích sống? Dường như có được ý nghĩa và mục đích sống là có được hạnh phúc. Hạnh phúc nói chung, cách riêng hạnh phúc của người công giáo là gì? Họ khắc khoải kiếm tìm hạnh phúc ở đâu? Họ phải làm gì để có được hạnh phúc? Đó là những ý tưởng của người viết muốn chia sẻ cùng quý đọc giả trong đề tài "hạnh phúc của người công giáo".

1. HẠNH PHÚC CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO

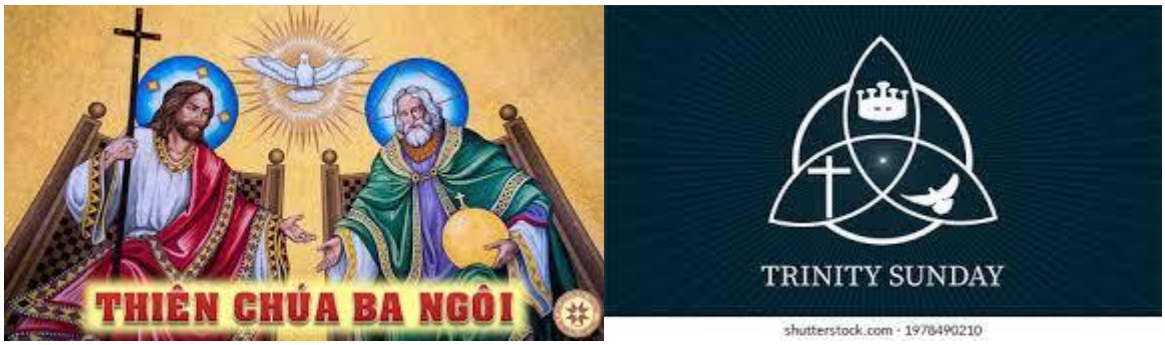

Tam Vị Nhất Thể : Trinity

The Christian Godhead as one God in three persons: Father, Son, and Holy Spirit

a.- HẠNH PHÚC LÀ GÌ

Câu trả lời là tùy vào cảm nhận của mỗi người bởi vì hạnh phúc mang nhiều sắc thái khác nhau. Có những người thấy được hạnh phúc từ những điều rất nhỏ bé và bình dị. Nhưng người khác lại cho rằng hạnh phúc là phải đạt được mục tiêu lớn lao…Chỉ một cái nhắp chuột trên Google, tức khắc 0,16 giây, bạn có trên chục ngàn kết quả khác nhau liên quan đến hạnh phúc. Vậy đâu là tiêu chí chung để quy cho trạng thái nào đó là hạnh phúc?

Theo quan điểm của người viết, hạnh phúc là trạng thái Tâm hồn bình an. Sở dĩ đưa ra khẳng định như vậy là vì từ ngày nguyên tổ phạm tội, loài người phải mang án phạt: phải đau khổ và phải chết. Chính vì thế, con người luôn cảm thấy buồn phiền lo âu và sợ hãi nên luôn khao khát và tìm kiếm sự bình an trong tâm hồn.

b.- HẠNH PHÚC CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO

Hạnh phúc của người công giáo chính là được làm con Thiên Chúa, là Cha đầy lòng yêu thương, và được làm con trong cung lòng Mẹ Hội Thánh. Đó là một ân ban nhưng không bởi con người chỉ là tro bụi, là hơi thở với tuổi đời tựa bóng câu (x.Tv 144,4), nhưng được Thiên Chúa đoái đến và nhận làm nghĩa tử. Ân ban Tình thương ấy cụ thể hóa qua việc Thiên Chúa ban người con Duy nhất là Đức Giêsu Kitô đến hiến mạng vì tội lỗi của chúng ta (x.Ga 3,16). Như Thánh Phaolô cảm nghiệm, hạnh phúc của người công giáo là được Thiên Chúa tha thứ tội lỗi (x. Rm 4,7). Hạnh phúc người công giáo còn là kẻ được mời đến dự Yến Tiệc Con Chiên như thánh Gioan cảm nhận (x. Kh 19,9). Tác giả Thánh vịnh cho rằng Hạnh Phúc ấy là Chính Chúa, là được ở kề bên Chúa (x. Tv 73,28).

Hạnh phúc người công giáo … là sự suy gẫm và cảm nghiệm của chính bạn về Tình Thương Thiên Chúa. Hãy dừng lại cảm nghiệm về nó vài phút, bạn sẽ cảm thấy hạnh phúc vì bạn được làm người công giáo.

2.- CÓ MẤY THỨ & TÌM HẠNH PHÚC TỪ ĐÂU

a.- MẤY THỨ HẠNH PHÚC

Tựa như con người có hai phần: xác và hồn, thì hạnh phúc cũng có hai thứ: hạnh phúc đời này và hạnh phúc mai sau trong Nước trời.

Đọc Thánh kinh, chúng ta sẽ thấy hai thứ hạnh phúc này. Hai thứ hạnh phúc này liên hệ mật thiết với nhau; nghĩa là muốn được hưởng hạnh phúc trường sinh thì phải đạt được hạnh phúc ngay ở đời này. Chính Chúa Giêsu cho thấy sự liên hệ này là "Triều Đại Thiên Chúa đang ở giữa các ông" (Lc 17,19), khi nhóm người Pharisiêu chất vấn Người về Nước Thiên Chúa.

b.- KIẾM HẠNH PHÚC Ở ĐÂU

Thánh Phaolô cho chúng ta biết:

"Nước Thiên Chúa không phải là chuyện ăn chuyện uống, nhưng là sự công chính, bình an và hoan lạc trong Thánh Thần" (Rm 14, 17).

Quả vậy, người Kitô hữu xác tín rằng hạnh phúc thật chỉ có nơi Thiên Chúa. Nơi Người, họ mới gặp được chân lý trọn vẹn, đồng thời đạt đến hạnh phúc đích thực mà nhân loại không ngừng tìm kiếm.

Tác giả sách thánh vịnh cảm nghiệm "Chỉ trong Thiên Chúa mà thôi, hồn tôi mới được nghỉ ngơi yên hàn. Ơn cứu độ tôi bởi Người mà đến" (Tv 62,2). Sở dĩ hạnh phúc từ nơi Thiên Chúa là vì con người đến từ Thiên Chúa và sẽ về với Người, nên con người khát khao Thiên Chúa tận đáy sâu trong Tâm hồn và chỉ nơi Thiên Chúa mới có hạnh phúc và bình an đích thực. Thánh Âutinh đã cảm ra Tình Chúa và thân thưa: "Lạy Chúa, Chúa đã dựng nên con và lòng con khắc khoải cho tới khi tâm hồn con được an nghỉ trong Chúa".

Hạnh phúc là được bình an. Bình an là trạng thái vô hình. Nhưng để có được sự bình an, con người cần tìm nó qua các dấu chỉ hữu hình. Đó là tìm đến với Thánh lễ hằng ngày, tham dự các các Bí tích, đọc Kinh Thánh, cử hành Phụng vụ các giờ kinh…Qua các nghi lễ phụng tự này, chúng ta kín múc được sự Bình an của Chúa.

3. NGƯỜI CÔNG GIÁO LÀM GÌ ĐỂ CÓ HẠNH PHÚC

Giữa con người và Thiên Chúa có mối quan hệ thân thiết và sâu xa. Tuy nhiên, mối quan hệ này có thể bị lãng quên, hay bị từ chối do những nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan. Muốn giữ được mối liên hệ thiết thân và được bình an của Chúa, người Kitô hữu phải chu toàn 4 bổn phận của mình trong chân thật, công bằng và yêu thương theo thánh ý Người.

a.- VỚI THIÊN CHÚA

Bổn phận của người Kitô hữu với Thiên Chúa là tuân giữa các thánh chỉ và mệnh lệnh của Người vì hạnh phúc được ban cho người tuân giữ luật Pháp Chúa và vâng theo thánh ý Ngài (x. Tv 119,1-2; Lc 11,27-28). Khi tuân giữ luật Pháp Chúa là lúc chúng ta Yêu mến người vì yêu mến Thiên Chúa là tuân giữ các điều răn của Người (1Ga 5,3). Yêu mến Chúa đồng nghĩa với việc ý thức mình phải biết cậy tin vào lòng Chúa Tín Trung bởi vì phúc cho người biết tin cậy vào Chúa (x. Gr 17,5-10; Is 30,18) và phải biết Kính Sợ Thiên Chúa (x. Tv 112,1; 128,1).

b.- BỔN PHẬN ĐỐI VỚI CHA MẸ

Cha mẹ chính là người thiết thân nhất của mỗi người mà Thiên Chúa dạy chúng ta phải có bổn phận với các ngài để có được hạnh phúc. Sách đệ nhị Luật dạy: “

Ngươi hãy thờ Cha kính Mẹ, như Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, đã truyền cho ngươi, để được sống lâu, và để được hạnh phúc trên đất mà Đức Chúa, Thiên Chúa ngươi, ban cho ngươi.” (Đnl 5,16).

Thánh Phaolô tông đồ trong thư gửi giáo đoàn Êphêsô giáo huấn: “Kẻ làm con hãy vâng lời cha mẹ trong mọi sự, vì đó là điều đẹp lòng Chúa. Kẻ làm con, hãy vâng lời cha mẹ theo tinh thần của Chúa, vì đó là điều phải đạo. Hãy tôn kính cha mẹ. Đó là điều răn thứ nhất có kèm theo lời hứa: để ngươi được hạnh phúc và hưởng thọ trên mặt đất này (Êp,1-3).

c.- BỔN PHẬN ĐỐI VỚI THA NHÂN

Bổn phận của người công giáo với tha nhân là phải yêu thương họ như chính bản thân mình. Đó là điều răn thứ hai mà chính Chúa Giêsu dạy chúng ta (x. Mt 23, 34 -40; Lc 10, 25 -28; Mc 12,28-34). Thiên Chúa hứa sẽ ban phúc trường sinh cho những người biết giúp đỡ người đau khổ, nghèo đói, bệnh tật trong ngày Chung Thẩm (x. Mt 25,31.46). Lời Kinh hòa bình của Phanxicô cho thấy bổn phận và sự liên đới của chúng ta với tha nhân là “Mến yêu và phụng sự Chúa trong mọi người”. Chúng ta được dựng nên trong kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa nên chúng ta sống là sống cùng, sống với và sống cho mọi người. Khi chúng ta biết cho đi là khi được nhận lãnh. Sách Công vụ Tông đồ dạy “Cho thì có phúc hơn là nhận.” (Cv 20,35). Thánh Gioan Tông đồ chỉ ra cho chúng ta thấy điều luật này “Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta, chúng ta cũng phải yêu thương nhau” (1Ga 4,11). Yêu thương là điều răn mới Chúa Giêsu dạy các môn đệ và chúng ta trong Bữa Tiệc Ly “Thầy ban cho anh em một điều răn mới là anh em hãy yêu thương nhau; anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 13,34).

d.- VỚI BẢN THÂN

Sống lời mời gọi của thánh Phaolô là hãy sống theo Thần Khí, thay vì chiều theo thoả mãn đam mê của tính xác thịt (x. Gl 5,17-20). Cũng theo thánh Phaolô, những kẻ sống theo xác thịt sẽ không được thừa hưởng Nước Thiên Chúa (x. Gl 5, 21).
Những người để cho Thần Khí hướng dẫn, thì không còn lệ thuộc Lề Luật nữa và thuộc về Đức Kitô Giêsu bởi đã đóng đinh tính xác thịt vào thập giá cùng với các dục vọng và đam mê (Gl 5,24). Và đương nhiên, sống theo Thần Khí là được hưởng hạnh phúc.
Sống theo Thần Khí là sống những đức tính, hay sống theo hoa quả của Thần Khí: bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hoà, tiết độ (Gl 5,22).

Tóm lại, hạnh phúc của người công giáo là hạnh phúc đời đời. Thứ hạnh phúc này chỉ có ở nơi Thiên Chúa. Nơi Người, chúng ta được hứa ban hạnh phúc trọn vẹn (x. Ga 15,11; Ga 16,24).

Phần chúng ta, những người công giáo cần phải chu toàn bổn phận với Thiên Chúa, với cha mẹ, tha nhân và chính bản thân.

Nhưng làm sao chu toàn bổn phận nếu không có ơn Chúa? Vì vậy, họ cần phải giữ vững lòng tin và yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự và mọi người; đồng thời yêu thương mọi người như chính mình. (x. Mt 22,37-40; Ga 13,34-35; 15,12.17).

Thường xuyên đón nhận của ăn tinh thần là: Ơn Chúa, Lời Chúa và Mình Thánh Chúa.

HẠNH PHÚC THEO ĐẠO TIN LÀNH

(Internet)

Martin Luther & John Calvin

Lutheran Reformation

HẠNH PHÚC

Từ ngữ

I. Kinh thánh

A. Cựu ước : Chủ thể hạnh phúc. Nội dung

B. Tân ước : Đức Giesu và hạnh phúc. Nội dung hạnh phúc

II. Thần học

A. Khía cạnh khách thể

B. Về phía chủ thể

Hạnh phúc là một thuật ngữ khá quen thuộc trong đời sống hằng ngày: đó là điều mà ta ước mong cho chính mình, và cũng cầu chúc cho thân bằng quyến thuộc, đặc biệt là dịp đầu năm. Tuy nhiên, nếu phải giải thích "hạnh phúc là gì?", hoặc "tìm đâu ra hạnh phúc?" thì câu chuyện trở thành phức tạp, và là đầu đề tranh luận cho biết bao triết gia. Thánh Augustinô (*De civitate Dei*, XIX,1) đã đếm được 288 ý kiến khác nhau về bí quyết hạnh phúc. Chúng tôi không có tham vọng điểm qua các học thuyết triết học, nhưng chỉ giới hạn vào tư tưởng của Kinh thánh và truyền thống thần học.

TỪ NGỮ

Trước khi vào đề, chúng tôi muốn ghi vài nhận xét về từ ngữ.

– Trong tiếng Việt, theo ông Lê Gia (*Tiếng nói nôm na*, NXB Văn Nghệ, TPHCM 1999, trang 753), ***phúc*** (hoặc phước) là điều may mắn tốt lành được hưởng trong đời (từ này được ghép với phúc đức, phúc hậu, phúc lộc); đối lại với phúc là *họa* (hoặc vô phúc, bạc phúc).

Hạnh cũng là may mắn. Như vậy, xem ra hạnh phúc là điều không hoàn toàn tùy thuộc vào quyết định của chúng ta nhưng nhờ một yếu tố nào bên ngoài. Bên cạnh đó, đôi khi "hạnh phúc" được dùng như đồng nghĩa với: thỏa mãn, vui thích, sung sướng. Dù sao, những tâm trạng này có thể qua đi, và vì thế ta trông mong được một hạnh phúc vững bền, không bao giờ tàn.

– Trong tiếng Hy lạp có ba từ để ám chỉ hạnh phúc: *eutikhia, eudaimonía, makaria*. Hai từ đầu tiên mang tính thụ động, may rủi; từ thứ ba đôi khi hàm ngụ chiều kích siêu việt. *Eutikhia* có nghĩa vận may (*Tikhê* là nữ thần số mệnh, quyết định phúc hay họa cho mỗi người), hoàn toàn không tùy thuộc vào ý muốn của con người. *Eudaimon* ghép bởi *eu* (tốt) và *daimon* (thần linh, hoặc vận mạng) cũng mang một ý tưởng tương tự, nghĩa là con người gặp được vận may. *Makaría* (makariotes) bao hàm ý tưởng ân huệ, quà tặng, và đôi khi mang chiều kích siêu việt, trường cửu.

– Hai từ Hy lạp *eudaimon* và *makaria* được chuyển sang tiếng La tinh là *felicitas* và *beatitudo*, tuy với những ý nghĩa khác biệt. *Felicitas* bởi tính từ *felix* có nghĩa là phong phú, dồi dào. *Beatitudo* (tính từ *beatus*) bởi động từ *beare* có nghĩa là đổ tràn, không còn thiếu gì. Mặc dù theo tầm nguyên, hai từ ngữ vừa kể bao hàm những ý nghĩa khác nhau, nhưng qua dòng thời gian chúng được coi như đồng nghĩa. Nên ghi nhận là trong tiếng Hy lạp, ông Platon thích dùng từ *makaria*, còn ông Aristote thích dùng từ *eudaimonia*. Một cách tương tự như vậy, truyền thống thần học Kitô giáo La tinh thường sử dụng từ *beatituto* (dựa theo Kinh thánh) hơn là *felicitas*.

I.- KINH THÁNH

Kinh thánh không đưa ra một định nghĩa về hạnh phúc, nhưng cung cấp khá nhiều yếu tố để có thể rút ra một khái niệm về bản chất hạnh phúc cũng như những phương tiện để được hạnh phúc. Chúng ta sẽ lần lượt học hỏi các bản văn Cựu ước và Tân ước chung quanh hai vấn đề: chủ thể hạnh phúc và nội dung hạnh phúc.[1]

A.- CỰU ƯỚC

1.- CHỦ THỂ HẠNH PHÚC

Trong tiếng Hípri, Cựu ước sử dụng từ *asrey* (44 lần) để ám chỉ con người hạnh phúc. Trong bản Hy lạp, ý tưởng đó được chuyển dịch thành *makarios* (17 lần), *makarizein* (8 lần), và *makaristos* (1 lần ở 2 Mcb 7,24).

Nói chung, người hạnh phúc là kẻ không bị đau khổ về thể chất hoặc tinh thần. Trong Cựu ước (cũng như sau này trong Tân ước) hạnh phúc tự nó là một sự ca ngợi thán phục; về sau này, nó trở thành một thể văn khen ngợi hoặc chúc mừng một người vì gặp may mắn hạnh phúc, đồng thời cũng nêu bật lý do của sự may mắn ấy ("Phúc thay … vì …"). Thể văn này gặp thấy đặc biệt nơi các sách Khôn ngoan: 2 lần ở Giob (5,17; 29,11), 27 lần trong các thánh vịnh, 10 lần trong sách Châm ngôn, 1 lần trong sách Diễm ca (6,9), 1 lần trong sách Giảng viên (10,17), 3 lần trong sách Khôn ngoan (2,16; 3,13; 18,1), 17 lần trong sách Huấn ca, 1 lần trong sách Baruc. Trong các sách còn lại của Cựu ước, từ này ít khi được sử dụng: St 30,13; Đnl 33,29; 1V 10,8; 2Sbn 9,7; Tb 13,14.16; 2 Mcb 7,24; Is 3,10 (không rõ); 30,18; 32,20; 56,2; Đn 12,12; Ml 3,12.15.

Trong Kinh thánh, "phúc" được áp dụng cho con người, chứ không cho sự vật hoặc hoàn cảnh. Một trừ lệ là Gv10,17: "Phúc cho đất nước có vua cai trị là con nhà quyền quý"; nhưng hiểu ngậm là tác giả đang nói đến thần dân của nhà vua, chứ không ám chỉ đất đai.

Văn chương Hy lạp coi các thần linh là "diễm phúc" (*makares*) bởi vì họ được giải thoát khỏi cái chết, các âu lo, các lao nhọc; con người ở thế giới bên kia được coi là diễm phúc vì được hưởng tình trạng giống các thần linh. Ngược lại, Kinh thánh không hề gọi Thiên Chúa là "diễm phúc", ngoại trừ hai chỗ trong 1Tm 1,11 và 6,15, khi thánh Phaolô tuyên xưng Thiên Chúa "vạn phúc" (*makarios*), vì ngài là đấng trường sinh bất tử. Tuy nhiên, đang khi các thần linh Hy lạp hưởng hạnh phúc mà không quan tâm tới loài người, còn các thần linh Babylonia dựng nên loài người để cho chết và dành lại sự sống cho mình, thì Thiên Chúa của Kinh thánh lại muốn cho con người được hạnh phúc bằng cách thông ban cho họ sự sống, ân sủng và vinh quang cùng với những phúc lộc khác.

2.- NỘI DUNG

Nền tảng của hạnh phúc khá đa dạng. Nói chung, hạnh phúc hệ tại sự sống sung mãn. Sự sống ấy được đồng hóa với cuộc đời trần thế này. Mãi về sau, mặc khải mới mở rộng viễn tượng và cho biết rằng sự sống tràn đầy chỉ đạt tới ở cuộc sống tương lai.

Khi đi vào chi tiết hơn của các lời chúc phúc mà Chúa ban cho dân Ngài, Cựu ước nói đến: một nhà vua đức độ (Gv 10,17), một người vợ đảm đang (Hc 25,8), một hậu duệ đông đúc (St 30,13, Hc 25,7), thân thể xinh đẹp (Dc 6,9), dồi dào của cải, danh giá, khôn ngoan minh mẫn (Gv 25,8-10; G 29,1-11.21-25; Is 32,20), tuổi thọ và ngôi mộ huy hoàng (G 29,18-20; 21,30-33). Trong sách Giob, ta có thể gặp được bản mô tả đầy đủ những sự lành và những sự dữ có thể xảy đến cho con người ở trên đời này: tác giả trình bày luận đề về sự thịnh vượng của người dữ và tai họa của người lành. Ông Giob cho thấy kẻ gian ác cũng được hạnh phúc, an cư, lạc nghiệp, con đàng cháu đống, là những điều mà các đối thủ của ông coi là phần thưởng dành cho kẻ đức hạnh (G 21,7-13.16-21.23-33). Thực ra các chi tiết này cũng gặp thấy trong văn chương Babylonia. Bệnh tật, âu lo, chết yểu là những tai ương mà dân Babylonia cho rằng các thần linh sử dụng để trừng phạt kẻ tội lỗi. Người Babylonia chỉ quan tâm đến cuộc đời hiện tại. Sống thọ, không bệnh tật, của cải dư dật: đó là những phúc lộc mà con người trông mong từ các thần linh.

Kinh thánh chỉ trích quan điểm duy vật ấy. Trong số những điều tạo nên hạnh phúc, Cựu ước nhấn mạnh đến đức cao minh (Cn 3,13; Hc 14,20; 25,9; 37,24; 50,28), đức khôn ngoan, điều độ và hiếu thảo, là những ân huệ Chúa ban, và là những điều kiện để được hạnh phúc (Ml 3,12.15; Br 4,4). Vì thế, để hiểu được ý nghĩa và giá trị của vài câu châm ngôn xem ra chỉ giới hạn hạnh phúc vào những khoái lạc vật chất (chẳng hạn Tv 1,1; 41,2.3; 106,3; 119,1.2; 128,1; Cn 14,21; 20,7; 29,19), ta cần phải lồng chúng trong khung cảnh tôn giáo. Cựu ước đã cảnh giác rằng những cảnh phú quý giàu sang bề ngoài có thể che giấu một lương tâm gian ác và tội lỗi (Ml 3,15), và dĩ nhiên đó không phải là hạnh phúc chân thật (Hc 14,1-2). Ngoài ra, kinh nghiệm cho thấy rằng đừng vội vàng đánh giá một con người là hạnh phúc trước khi họ lìa đời (Hc 11,28), bởi vì chỉ lúc ấy mới có thể nhận biết kẻ ngay lành hạnh phúc (Kn 2,16).

Sách Khôn ngoan mở ra một viễn ảnh mới cho cuộc đời: còn có cuộc sống ở bên kia thế giới nữa. Đồng thời tác giả đặt nhân đức như là giá trị cao quý hơn các của cải vật chất: đó là tiêu chuẩn cần phải quy chiếu khi đánh giá hạnh phúc của một cá nhân. Những kẻ son sẻ có thể hạnh phúc nếu họ sống cuộc đời không tì ố (Kn 3,13-15).

Như vậy, nhờ sự mạc khải tiệm tiến, người ta biết được đâu là hạnh phúc chân thật mà con người cần phải hết lòng tìm kiếm. Kẻ hạnh phúc là người kính sợ Thiên Chúa, yêu mến và tìm kiếm ngài, hy vọng vào ngài (Tv 2,12; 34,9; 40,5; 84,13; 112,1; Cn 16,20: 28,14; Hc 34,15; Is 30,18; Tb 13,14). Phúc cho dân Israel bởi vì họ đã nhận được mặc khải của Thiên Chúa, được Chúa thiết lập giao ước, được tuyển chọn và cứu thoát (Đnl 33,29; Tv 33,12; 65,5; 84,5.6; 89,16; 114,15; 146,5). Phúc cho kẻ nào được thứ tha tội lỗi (Tv 32,1.2), phúc cho những ai giữ lương tâm trong sạch, không phạm lỗi trong lời ăn tiếng nói (Hc 14,1-2; 25,8; 28,19). Nói cho cùng, hạnh phúc hệ ở sự thông hiệp với Thiên Chúa (Tv 73,25). Người công chính xác tín rằng ngay cả trong cảnh buồn phiền khổ cực, đặc biệt là tử vì đạo, ta cũng có thể hạnh phúc (Đn 12,12; 2Mcb 7,24.36-37). Thiên Chúa dùng sự đau khổ để rèn luyện con người; hiểu như vậy, người công chính chấp nhận đau khổ, thậm chí tuyên xưng rằng phúc cho ai để cho Thiên Chúa cải hoán (G 5,17; Tv 94,12; Tb 13,16). Văn chương ngụy thư còn khai triển những tư tưởng ấy, xem sự đau khổ và tử đạo như là hạnh phúc tuyệt vời nhất (x. 4 Mcb 6,11; 7,15; 10,15; 12,1).

B.- TÂN ƯỚC

Mặc khải của Đức Kitô mang lại hai điều mới mẻ cho quan niệm về hạnh phúc:

1) Tất cả những điều làm nên hạnh phúc chân chính đã hiện diện cách tiềm ẩn nơi Người;

2) Hạnh phúc mang ý nghĩa Tôn giáo và inh thần, mà nền tảng là ơn cứu độ trong Nước Trời.

1.- ĐỨC GIÊU VÀ HẠNH PHÚC

Lời giảng của Đức Giêsu đã làm thay đổi triệt để các ý tưởng về phúc và họa. Người đã làm cho nhiều người được hạnh phúc và nhiều người mang họa. Vô phúc cho những người không đón nhận tin mừng, chẳng hạn như các thành phố cứng lòng (Mt 11,21); vô phúc cho những người kinh sư và biệt phái vì bám sát vào tục lệ mà bỏ qua Luật Thiên Chúa (Mt 23,13-31). Ngược lại, phúc cho những ai nhận ra ơn cứu độ của Thiên Chúa được ban nơi bản thân và hoạt động của Đức Giêsu: đó là những kẻ lắng nghe lời Thiên Chúa (Lc 11,28), những kẻ tin tuy không thấy (Ga 20,29), những kẻ không vấp ngã vì Đức Giêsu (Lc 7,23; Mt 11,6). Phúc cho những cặp mắt đã nhìn thấy Đức Kitô (Mt 13,16); phúc cho thân mẫu của Đấng Mêsia vì đã sinh hạ Đấng Cứu độ thế gian (Lc 1,48; 11,27), và đã tin vào những lời Thiên Chúa hứa (Lc 1,45); phúc cho ông Simon Phêrô, bởi

vì ông được Chúa Cha mặc khải cho biết Đức Giêsu là Con Thiên Chúa (Mt 16,17); phúc cho những kẻ tỉnh thức trông chờ Chúa đến (Lc 12,37-38; Kh 16,15); phúc cho những tôi tớ trung thành và khôn ngoan (Mt 24,46: Lc 12,43); phúc cho những kẻ thực hành việc thương xót tha nhân (Lc 14,140, khiêm tốn phục vụ anh em (Ga 13,17); phúc cho ai kiên nhẫn chịu đựng những thử thách và chiến đấu cho đức tin (Gc 1,12.25; 5,11; 1Pr 3,14; 4,14).

2.- NỘI DUNG HẠNH PHÚC

Nội dung của những hạnh phúc được tóm lại trong bản tuyên ngôn các điều kiện để được hạnh phúc (Mt 5,3-12; Lc 6,24-26); song song với những "vô phúc" hoặc "khốn" (Mt 23,13-32; Lc 6,24-26). Các mối phúc của Tin mừng đánh dấu một kỷ nguyên mới, một cái nhìn mới về hệ trật các giá trị. Đối lại các sự hào nhoáng giả dối của thế gian, Đức Kitô tuyên bố sứ điệp hạnh phúc và cho biết có thể tìm thấy ở đâu hạnh phúc đích thực. Sứ điệp này lật ngược tất cả quan điểm của người đời thường về hạnh phúc. Đức Giêsu không nói rằng những người giàu, sung túc, quyền thế là hạnh phúc, nhưng là những người nghèo, những người sầu muộn. Hạnh phúc mà Người hứa sẽ được thỏa mãn ở chốn vĩnh cửu, nhưng mà ngay từ bây giờ, hạnh phúc ấy đã bắt đầu thực hiện trong bình an và hoan lạc của Thánh Linh. Người Kitô hữu đã được hạnh phúc trong hy vọng, tuy chưa được tỏ hiện hoàn toàn như khi được chiêm ngưỡng Thiên Chúa nhãn tiền (1Ga 3,2-3)

a) Thánh Luca kể lại một danh mục gồm bốn mối phúc (và còn thêm bốn "vô phúc" 6,24-26). Danh mục của thánh Mátthêu gồm tám mối phúc. Không có gì khác biệt căn bản giữa hai tác giả. Các mối phúc của Luca xem ra loan báo một sự đảo ngược tình trạng: đau khổ ở đời này, vui sướng ở đời sau (x. Lc 16,25). Các mối phúc của thánh Mátthêu vạch ra một chương trình sống đức độ và nêu bật mối liên hệ giữa nếp sống đức hạnh với phần thưởng cánh chung. Thánh Mátthêu trình bày diễn từ của Đức Giêsu ở ngôi thứ ba ("Phúc cho ai nghèo khó"), thánh Luca đặt ở ngôi thứ hai ("Phúc cho anh em là những người nghèo khó"). Theo thánh Luca, Đức Giêsu tuyên bố hạnh phúc cho những người nghèo, đói khát, khóc lóc và chịu bách hại (Lc 6,20-22); nơi thánh Mátthêu, hạnh phúc dành cho những người nghèo, hiền lành, khóc lóc, đói khát, nhân từ, tâm hồn thanh sạch, hiếu hòa, chịu bách hại (Mt 5,3-12). Thánh Luca nhấn mạnh vị trí tuyệt đối của đời sống vĩnh cửu, còn đời sống trần thế chỉ là khí cụ: quả vậy, chỉ có một điều duy nhất cần thiết; những gì còn lại cần được nhìn như dụng cụ để đạt được cái giá trị tuyệt đối ấy. Vì thế ta hiểu được vì sao chịu đau khổ vì Đức Kitô lại là một mối phúc: "Anh em hãy vui mừng hớn hở vì phần thưởng dành cho anh em trên trời sẽ lớn lao" (Lc 6,23). Thánh Mátthêu gắn cho các mối phúc một đặc tính thiêng liêng:

những người nghèo có phúc không phải là những người nghèo túng nhưng là những người nghèo "trong tinh thần"; những người đói khát có phúc là những kẻ đói khát "sự công chính" chứ không phải đói cơm bánh. Thánh Luca đặt nặng chiều kích xã hội: hạnh phúc tương lai là phần thưởng cho những lầm than hiện tại. Thánh Mátthêu chú trọng đến thái độ nội tâm, vạch ra lý tưởng nghèo khó. Tuy nhiên cả hai chiều kích, nội tâm và xã hội, đều có liên hệ chặt chẽ; bởi vì nếu ai có tinh thần nghèo khó đích thực thì trước sau cũng thoát ly khỏi tiền bạc của cải.

b) Bốn mối phúc chung – khó nghèo, đói khát, khóc lóc, chịu bách hại – nêu bật rằng hạnh phúc của người Kitô hữu chấp nhận điều kiện khó nghèo (đói khát và nước mắt là hệ luận của nghèo khó) với đức tin, hy vọng và yêu mến, thì đã là công dân của vương quốc Thiên Chúa, vương quốc mà hiện thời ở trong thế chiến đấu nhưng sẽ là vương quốc hạnh phúc vĩnh cửu trong vinh quang. Các mối phúc này cũng muốn nêu bật rằng hạnh phúc của một tín hữu chịu bách hại, không những phải chấp nhận cuộc sống cam go và khó nghèo mà còn phải chịu đựng sự đàn áp của những đối thủ của Thiên Chúa và tôn giáo, giống như dân Israel, các ngôn sứ và nhất là Đức Giêsu Kitô. Kể từ khi Đức Kitô chịu chết trên thập giá trước khi phục sinh thì đau khổ và vinh quang, chịu bách hại và hạnh phúc là những thực tại không thể tách rời nhau. Khó nghèo, đói khát và nước mắt, chịu ngược đãi, là những tình trạng ưu tiên để vào Nước Trời. Hạnh phúc thay ai chấp nhận những sự dữ ấy vì Đức Kitô và với Đức Kitô; mặc dù điều đó không đồng nghĩa với thái độ thụ động, buông xuôi khi đối diện với sự dữ.

c) Bốn mối phúc riêng của thánh Mátthêu – hiền lành, thương xót, thanh tịnh và hiếu hòa – nêu bật những tâm tình khác cần có để đạt tới hạnh phúc chân chính. Sự hiền lành đối lại với bạo lực và khắc nghiệt (x. Mt 11,28-30; 23,4). Lòng thương xót, được thể hiên qua những việc bác ái dành cho những người cùng cực, được bảo đảm sẽ được vị Thẩm phán tối cao thương xót lại (Mt 25,31-46). Thanh tịnh là một thái độ ở trong tâm hồn, chứ không phải là một số hành vi thanh tẩy bên ngoài (Mt 23.25-28). Hiếu hòa là kẻ duy trì bình an trong mình và đứng ra hòa giải giữa các anh chị em đồng loại.

3. Thánh Phaolô ít khi đưa những lời khẳng định về hạnh phúc, nhưng những lần ít ỏi đó rất có ý nghĩa thần học. Khi trưng dẫn một đoạn văn Cựu ước (Tv 32,1-2), thánh tông đồ nói rằng phúc cho ai lãnh nhận sự tha thứ lỗi lầm, và hạnh phúc ấy phát sinh từ chỗ biết rằng mình đã nên công chính, nghĩa là đã được giao hòa với Thiên Chúa (Rm 4,7-9). Một lần khác, thánh Phaolô tuyên bố rằng phúc cho ai không bị lương tâm khiển trách về những quyết định liên quan đến các vấn đề

luân lý còn đang hồ nghi (Rm 14,22). Sau cùng, ngài cho rằng một góa phụ không tái giá thì hạnh phúc hơn, ngõ hầu dành hết công sức để phục vụ Chúa (1Cr 7,40).

4. Sách Khải huyền chứa đựng 7 mối phúc (và 14 mối họa), bổ sung cho quan niệm Tân ước về hạnh phúc. Tác giả mở đầu với lời tuyên bố: "Phúc thay người đọc, phúc thay những ai nghe những sấm ngôn đó và tuân giữ các điều chép trong đó" (1,3), và kết thúc với những lời tương tự (22,7). Những lời chúc phúc còn lại liên quan đến: những người đã ly trần trong Chúa, bởi vì họ được nghỉ ngơi sau những công lao vất vả (14,13); những tín hữu đã tỉnh thức suốt đời và đầy dẫy những việc lành (16,15); những người được mời tham dự tiệc cưới của Con Chiên bởi vì niềm hạnh phúc được cứu rỗi (19,9: x. Lc 14,15; 22,30; Mt 26,29); những người được thông dự vào sự phục sinh lần thứ nhất bởi vì họ sẽ được giải thoát khỏi cái chết đời đời (20,6); những kẻ đã giặt áo mình trong máu của Con Chiên, nghĩa là đã được hưởng nhờ những hiệu quả của ơn Cứu chuộc, và như thế họ sẽ bước vào vinh quang trên trời (22,14).

Tóm lại, trong những bản văn cổ xưa của Cựu ước, hạnh phúc dừng lại ở cuộc sống hiện tại. Với sự tiến triển của mặc khải, viễn tượng được mở ra: các bản văn cuối cùng của Cựu ước nói đế hạnh phúc ở cuộc sống bên kia, hạnh phúc hệ tại yêu mến, kết hợp với Thiên Chúa, sự minh tuệ, công chính, thánh thiện. Những điểm này đã được đề cập đến trong chương Một.

Tân ước khai mạc thời buổi của một Tin vui mừng. Thiên sứ Gabriel mời gọi Đức Mara hãy vui lên, vì Thiên Chúa ở với Người (Lc 1,28); các thiên sứ loan báo cho các mục đồng một tin vui vì Đấng Cứu thế đã ra đời (Lc 2,10). Hạnh phúc chính là ơn cứu độ mà Đức Giêsu mang đến cho nhân loại, hạnh phúc hệ ở đồng hóa với Người ở đời này, chia sẻ những tâm tình và nếp sống của Người. Người hứa cho ai chấp nhận con đường ấy sẽ được hưởng hạnh phúc ngay từ bây giờ, tuy chỉ được hoàn tất ở đời sau. Dù sao, hạnh phúc là một ân huệ của Thiên Chúa, và đồng thời cũng đòi hỏi nỗ lực của con người.

Hạnh phúc chân thật là được ở với Thiên Chúa, được chia sẻ tình yêu với Thiên Chúa. Thật là một thực tại khó diễn tả bằng ngôn ngữ loài người. Tuy vậy, trong các dụ ngôn, Đức Giêsu cũng tìm những hình ảnh để người nghe có vài ý niệm sơ đẳng về thực tại ấy. Với giới thương gia, Đức Giêsu ví Nước Trời như viên ngọc quý. Với các ngư phủ, Nước Trời được ví như mẻ lưới đầy. Với các nông dân, Nước Trời được ví như mùa gặt dồi dào. Chúa Giêsu sử dụng những hình ảnh vừa rồi không chỉ bởi vì các thính giả thuộc giới bình dân (không phải trí thức) nhưng còn vì ngôn ngữ

biểu tượng xem ra là đường lối hữu hiệu nhất để diễn tả những thực tại vượt quá tầm mức của trí tuệ con người.

Trong số những biểu tượng được sử dụng để diễn tả niềm vui và hạnh phúc của con người, có hai hình ảnh xuất hiện nhiều lần, đó là *đám tiệc* và *hôn lễ* (Mt 22,1-10; 25,1-10; Lc 12,35-38; 13,28-29; 14,16-24). Thực ra, chúng đã được các ngôn sứ nói đến rồi (x. Is 25,6): đám tiệc và hôn lễ đáp ứng cho hai bản năng cơ bản của loài người, đó là duy trì sự sống của bản thân và chủng loại. Khác với động vật, hai bản năng đó được nhân-bản-hoá qua các lễ nghi, gia tăng thêm tính cách tưng bừng để chào mừng thành công, tình nghĩa gia tộc. Thêm vào đó là tính cách cộng đoàn (chúng ta có thể ăn uống riêng tư một mình, nhưng đã là "tiệc" thì phải có ba bốn người trở lên), đặc biệt là khi được gắn liền với hình ảnh "đô thành" (Kh 21,9tt). Niềm vui được trọn vẹn hơn khi được chia sẻ với bằng hữu, chứ không đơn độc.

Trước đó, trong *Bài giảng trên núi*, Đức Giêsu cũng đã áp dụng một phương pháp tương tự để diễn tả "phúc thật vĩnh cửu", chẳng hạn: "Nước Trời là của họ ¼; được Đất Hứa làm gia nghiệp ¼; sẽ được ủi an ¼; được Thiên Chúa cho thoả lòng ¼; được Thiên Chúa xót thương¼; được nhìn thấy Thiên Chúa¼; được gọi là con Thiên Chúa" (x. Mt 5,3-9).

Một cách tương tự, trong bảy lá thư được sách *Khải Huyền* chương 2-3 nói tới, những lời hứa về phần thưởng được diễn tả như: "ăn quả cây sự sống trồng nơi ngự uyển của Thiên Chúa" (2,7); "được ban triều thiên sự sống ¼ không bị cái chết lần thứ hai làm hại" (2,10-11); "được ban một viên sỏi trắng, trên đó có khắc một tên mới" (2,17); "được ban Sao Mai" (2,28); "được mặc áo trắng, được Đức Kitô nhìn nhận trước mặt Chúa Cha" (3,5); "được làm cột trụ trong Đền thờ Thiên Chúa" (3,12); "dùng bữa với Chúa" (3,20).

Chúng ta cố gắng khám phá thực chất, đàng sau các hình ảnh biểu tượng.

II.- THẦN HỌC

Dựa trên các dữ kiện của Kinh thánh, đồng thời cũng tiếp nhận các học thuyết của các Triết gia cổ điển, thần học Kitô giáo đã phát triển một đạo lý về Hạnh phúc, hoặc giải thích bản chất của thiên đàng trong bối cảnh của Thần học tín lý, hoặc khi trình bày cứu cánh đời người trong bối cảnh của Thần học luân lý. Một thí dụ có thể thấy nơi Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo: đề tài Hạnh phúc

được nói ở số 1023-1029 và 1045 (cuối phần thứ nhất: tuyên xưng đức tin) và ở các số 1718-1724 (mở đầu cho phần thứ ba: đời sống trong đức Kitô).

Ở đây, chúng tôi chỉ muốn giới thiệu đạo lý của Thánh Tôma Aquinô (*Summa Theologica*, I-II, q.1-5), kết quả của một tổng hợp Triết học Aristote, Kinh thánh và các giáo phụ.[2]

Trước khi đi vào chi tiết, thiết tưởng nên phân biệt những lối tiếp cận khác nhau khi đề cập đến hạnh phúc.

– Trước hết, hạnh phúc có thể xét đến dưới khía cạnh "chủ thể" và "khách thể": a) khía cạnh chủ thể (*subiectiva*) ám chỉ một tâm trạng về phía con người: sung sướng, thoải mái, thích thú; b) khía cạnh khách thể (*obiectiva*) muốn nói đến đối tượng có khả năng mang lại tâm trạng ấy. Các cuộc tranh luận trong lịch sử tư tưởng thường xoay quanh khía cạnh khách thể: cái gì có khả năng mang lại cho chúng ta sự sung sướng thỏa mãn?

– Kế đó, khi bàn đến khả năng đạt đến hạnh phúc, thần học phân biệt giữa hạnh phúc "tự nhiên" (*naturalis*) và "siêu nhiên" (*supernaturalis*). Hạnh phúc được gọi là "tự nhiên" khi nằm ở trong tầm tay của con người; đối tượng của nó là những sự thiện tự nhiên trên đời này. Hạnh phúc được gọi là "siêu nhiên" khi vượt quá khả năng của loài thụ tạo, và chỉ có thể đạt được nhờ ân sủng của Chúa.

– Sau cùng, hạnh phúc siêu nhiên cũng có thể là "bất toàn" (*imperfecta*) hoặc "hoàn toàn" (*perfecta*). Trên cuộc sống lữ hành, người tín hữu dã được nếm hưởng đôi chút niềm vui của sự kết hiệp với Thiên Chúa; nhưng thực tại ấy chỉ thành trọn vẹn trong cuộc sống mai hậu.

Dựa theo nhận xét của thánh Augustinô, thánh Tôma nhắc lại rằng ai ai cũng ước ao hạnh phúc, hiểu như là đạt đến cứu cánh tối hậu của con người, có khả năng thỏa mãn mọi khát vọng cũng như giúp con người được trở nên hoàn hảo. Tuy nhiên, khi đi vào hoàn cảnh cụ thể, không phải tất cả mọi người đều đồng ý về đối tượng ấy: có người cho rằng đó là của cải, người khác lại nghĩ là khoái lạc, hoặc điều gì khác nữa. Nói đúng ra, có lẽ nhiều người không biết chính xác đâu là cứu cánh tối hậu của đời mình, vì thế mà họ chỉ biết chạy theo những điều hấp dẫn trước mắt. Bởi vậy, cần phải ý thức cứu cánh tối hậu, bởi vì nó sẽ định hướng những tâm tình và quyết định khác trong đời sống.

A.- KHÍA CẠNH KHÁCH THỂ

Trước tiên, thánh Tôma rảo qua một vòng những đối tượng (7) mà người đời theo đuổi vì nghĩ rằng sẽ mang lại hạnh phúc: của cải, danh vọng và địa vị, quyền hành, thân thể lành mạnh, khoái lạc, những điều thiện hảo của linh hồn, các vật thụ tạo (*Summa Theologica*, I-II, q.2).

Tuy nhiên, những đối tượng này không thể mang lại hạnh phúc:

– Của cải. Đành rằng "có tiền mua tiên cũng được", nhưng ai đã kiếm được tiền thì chưa hẳn là hạnh phúc, bởi vì vẫn còn nơm nớp lo sợ sẽ bị cướp giật mất. Thêm vào đó, tiền tài là căn cớ cho bao nhiều cuộc tranh chấp.

– Danh vọng và địa vị. So sánh với tiền tài, danh vọng có vẻ cao thượng hơn. Người ta không ngại bỏ tiền để kiếm danh vọng. Nhưng danh vọng chỉ là tương đối, bởi vì nó tùy thuộc vào sự nhìn nhận về phía người đời: công danh sự nghiệp của ta có thể lên xuống tùy theo người đời hoan hô hay phản đối. Xét vì nó thay đổi theo chiều gió cho nên không thể là hạnh phúc được.

– Quyền hành. Nhiều người mơ ước quyền hành có lẽ bởi vì ngỡ rằng mình cũng toàn năng như Thượng đế. Thực tế cho thấy rằng ai đang nắm quyền thì trở thành nạn nhân của sợ hãi: sợ bị mất quyền, sợ bị người khác âm mưu lật đổ. Vì thế họ phải dùng thủ đoạn để nắm chặt quyền bính, và không ngại loại bỏ các đối thủ. Như vậy quyền bính không đưa đến hạnh phúc.

– Thân thể lành mạnh. Chúng ta có nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe (và sắc đẹp), nhưng đó chưa phải là hạnh phúc. Thật vậy, xét về sức mạnh, nhiều thú vật sung sức hơn ta nhưng chúng đâu có hạnh phúc?

– Khoái lạc. Nên phân biệt nhiều thứ khoái lạc. Có thứ khoái lạc nhục dục, bởi vì thỏa mãn một đòi hỏi của nhục dục; nhưng đó chưa phải là hạnh phúc bởi vì nó không bền lâu và không đưa chúng ta lên cao hơn loài thú vật. Có thứ khoái lạc thích thú do kết quả đạt được sau một công việc (chẳng hạn một nhà khoa học đã khám phá một chân lý sau bao năm sưu tầm); nhưng nó không phải là hạnh phúc, bởi vì là hậu quả của sự tìm kiếm chứ không phải là đối tượng của sự tìm kiếm.

– Nhiều triết gia đặt bí quyết hạnh phúc nơi các giá trị tinh thần (kiến thức, đức độ). Tuy các đối tượng này cao thượng nhưng chưa phải là hạnh phúc bởi vì còn bất toàn, không đủ khả năng lấp đầy khát vọng vô biên của ta.

– Như vậy, các đối tượng vừa kể trên không phải là hạnh phúc. Nhưng nếu gom lại tất cả các đối tượng ấy, thì liệu chúng có tạo nên hạnh phúc không? Câu trả lời là không, bởi vì tổng số các điều hữu hạn vẫn là hữu hạn, đang khi ý chí của con người chỉ thỏa mãn với điều thiện tuyệt đối mà thôi.

Nói khác đi, đối tượng tạo ra hạnh phúc phải là một điều thiện tuyệt đối, có khả năng lấp đầy mọi ước mong khao khát của con người. Điều thiện tuyệt đối cũng loại trừ hết mọi bất toàn thiếu sót. Đối tượng ấy chỉ có thể là Thiên Chúa mà thôi (I-II, q.3).

B.- VỀ PHÍA CHỦ THỂ

Hạnh phúc là tình trạng của con người được hoàn toàn thỏa mãn mọi khát vọng. Nếu duy chỉ Thiên Chúa mới là Hạnh phúc tuyệt đối, thì chỉ khi nào ta chiếm được Thiên Chúa, ta mới được hạnh phúc đích thực. Điều này diễn ra như thế nào?

Dưới khía cạnh lý luận tự nhiên, phải nhìn nhận rằng ta chỉ có thể đến với Thiên Chúa bằng những quan năng tinh thần (lý trí và ý chí), chứ không bằng những các cơ quan khả giác. Điều khó khăn là làm sao ta có thể hiểu biết và yêu mến Thiên Chúa được? Các triết gia Hy lạp như Platon và Aristote trả lời là nhờ sự chiêm niệm (*contemplatio*). Điều này đòi hỏi nhiều nỗ lực của trí tuệ, và có lẽ chỉ dành cho các triết gia chứ không phải cho hết mọi người.

May thay, chính Thiên Chúa đã đến gặp gỡ con người, và nâng con người lên với mình. Đức tin Kitô giáo đặt tên là "hồng ân kết hiệp" hoặc "hồng ân được thiên hóa".[3]

Bước đầu tiên của tiến trình này là chính Thiên Chúa đã gieo vào lòng con người sự khát khao hướng về những thực tại tuyệt đối (Chân – Thiện – Mỹ), như thánh Augustinô đã viết: "Lạy Chúa, Chúa đã dựng nên con cho Chúa; trái tim con sẽ mãi xao xuyến bao lâu chưa an nghỉ trong Chúa". Kế đó, Thiên Chúa đã tự tỏ mình ra cho con người, và tạo điều kiện để nguyện vọng của con người có thể thực hiện được.

Trên thực tế, con người chỉ có thể đạt được hạnh phúc tuyệt đối ở đời sau. Tuy nhiên, ở đời này con người có thể được Chúa ban cho hưởng được phần nào hạnh phúc mai hậu. Sự kết hiệp với Thiên Chúa là một hồng ân siêu nhiên mà ngài ban cho con người. Tuy vậy, ngài muốn cho chúng ta chuẩn bị đón nhận hồng ân ấy bằng cách thực hành các nhân đức. Đó là lý do của đời sống luân lý. Thánh Tôma bàn về hạnh phúc khi mở đầu phần thần học luân lý (chứ không phải ở cuối cùng). Tại sao vậy? Bởi vì thánh nhân nhận xét rằng khi hành động, con người luôn đặt câu hỏi về lý do và mục đích của nó: Tại sao mình làm cái này? Làm cái này để được gì? Dần dần câu hỏi không chỉ giới hạn vào một hành vi cụ thể mà kéo dài ra suốt cả cuộc đời: Mình sinh ra trên đời để làm gì? Cuộc đời có ý nghĩa gì? Đó là câu hỏi về cứu cánh của cuộc sống. Thánh Tôma trả lời rằng cứu cánh của cuộc sống là hạnh phúc. Hạnh phúc là tiêu chuẩn đo lường giá trị tốt xấu của các hành vi: một hành vi được đánh giá là tốt khi nó đưa chúng ta đạt đến hạnh phúc thực; trái lại, hành vi xấu khi nó làm chúng ta mất hạnh phúc.

Chúng ta sẽ còn trở lại với những vấn đề này khi phân tích nội dung của tư tưởng "sự sống đời đời". Ở đây chỉ cần lưu ý một số từ ngữ liên hệ đến hạnh phúc trong văn chương thần học bằng tiếng La tinh. Hạnh phúc là *beatitudo*; những kẻ được hạnh phúc được gọi là *beatus hoặc beata* (được dịch sang tiếng Việt là "chân phúc" hoặc "phúc nhân"). Cốt yếu của hạnh phúc là được nhìn thấy Thiên Chúa mặt giáp mặt; thuật ngữ chuyên môn là *visio beatifica* (được dịch là "phúc kiến", có nghĩa là sự nhìn ngắm mang lại hạnh phúc). Ý tưởng này dựa trên hai đoạn văn Tân ước, đó là: 1Cr 13,12 (*Bây giờ chúng ta thấy lờ mờ trong một tấm gương, mai sau sẽ được mặt giáp mặt. Bây giờ tôi biết chỉ có ngần có hạn, mai sau tôi sẽ được biết hết, như Thiên Chúa biết tôi*) và 1Ga 3,1-2 (*Anh em hãy xem Chúa Cha yêu thương chúng ta dường nào, đến nỗi chúng ta được gọi là con Thiên Chúa – mà thực sự chúng ta là con Thiên Chúa… Hiện giờ chúng ta là con Thiên Chúa; nhưng chúng ta sẽ như thế nào, điều ấy chưa được bày tỏ. Chúng ta biết rằng khi Đức Kitô xuất hiện, chúng ta sẽ nên giống như Người, vì Người thế nào, chúng ta sẽ <u>thấy</u> Người như vậy*).

Nên lưu ý là trong hai đoạn văn này, việc <u>nhìn thấy</u> Chúa đi kèm việc biết Chúa, và được biến đổi trở nên giống như Chúa, Đấng là Chân lý, Tình yêu, Sự sống vĩnh cửu. Nói khác đi, việc "nhìn ngắm Chúa" không phải là một trạng thái bất động, nhưng là một hoạt động hiệp thông, trao đổi, như sẽ nói sau.

Hạnh phúc vừa nói chỉ đạt được ở thế giới mai hậu. Tuy nhiên, ngay từ đời này, ta đã có thể nếm hưởng phần nào nhờ con đường tám mối phúc thật. Bài giảng bát phúc thanh luyện chúng ta khỏi những ảo tưởng về hạnh phúc giả tạo, và vạch cho ta thấy con đường dẫn tới Hạnh phúc chân chính. Nhờ việc học hỏi chân lý, chúng ta phần nào được thông dự vào sự hiểu biết Thiên Chúa chân thật, nhưng nhất là nhờ yêu mến, chúng ta được dẫn vào sự kết hiệp với Ngài. Nên nhấn mạnh rằng "yêu mến" cần được nhìn từ phía Thiên Chúa trước khi nhìn từ phía chúng ta: Thiên Chúa yêu thương chúng ta trước, và đã trút đổ Thần khí yêu thương vào lòng ta để ta có đáp trả. Yêu thương có nghĩa là ra khỏi cái "bản ngã" để kết hợp với Người Yêu. Điều này giải thích vì sao bài giảng các mối phúc thật đòi hỏi ta phải vượt ra nhiều thứ hạnh phúc giả tạo bởi vì chúng chỉ xoay quanh cái bản ngã (chiếm hữu tài sản, hà hiếp bóc lột tha nhân, …). Nói cho cùng, tám mối phúc thật đã họa lại cho ta chính bức chân dung của Đức Giêsu, mời gọi chúng ta chia sẻ con đường yêu thương qua việc từ bỏ mình để phục vụ (xc. GLCG 1717). Các chân phúc cũng nâng đỡ niềm hy vọng của ta trong lúc phải tranh đấu để đạt những điều Chúa đã hứa, khi phải trải qua những lúc sầu muộn, khi lựa chọn con đường hiền từ, khi chịu bách hại vì công lý. Trên thực tế, trải qua bao thế hệ, các Kitô hữu đã dấn thân vào việc phụng sự Chúa Kitô, – dù là những công trình vĩ đại như rao giảng Tin mừng (chẳng hạn thánh Phaolô), hoặc là những công tác khiêm tốn, tựa như cho kẻ đói ăn cho kẻ khát uống vì lòng mến Đức Kitô …, bởi vì họ hy vọng vào phần thưởng mà Chúa đã hứa sẽ ban cho những tôi trung (xc. 2Tm 4,6-8). Đây cũng là mục tiêu của mọi nỗ lực trong đời sống tâm linh, nhằm thanh luyện con tim được trong trắng ngõ hầu xứng đáng chiêm ngắm Chúa, kết hiệp với Ngài.

---

[1] O. García De La Fuente, "Felicidad" in: *Diccionario Enciclopedico Rialp* Madrid 1991. J. Dupont, "Beatitudine / beatitudini" in: *Nuovo Dizionario di Teologia Biblica*, Paoline, Cinisello Balsamo, 1988, p. 155-161.

[2] X. *Đời sống tâm linh* tập VIII (Nhân sinh quan Kitô giáo), Rôma 2009, trang 441-450.

[3] Xc. *Đời sống tâm linh* tập III trang 118-124; tập V trang 188-198.

HẠNH PHÚC THEO ĐẠO CAO ĐÀI

Đức **Hộ pháp Phạm Công Tắc**

Gia đình Cao Đài: Hạnh phúc và Giáo dục - Mạn đàm liên tôn

Bài: Văn Phượng & Ảnh: Quang Hoàng
Ngày 05/04/2014

WGPSG -- Học viện Mục vụ kết hợp với Ban Mục vụ Đối thoại Liên Tôn (MVĐTLT) Tổng Giáo phận TPHCM (TGP) đã tổ chức buổi mạn đàm về "Gia đình Cao Đài, hạnh phúc và giáo dục", từ 18 giờ 30 đến 20 giờ 30 ngày 02/4/2014, tại Trung tâm Mục vụ (TTMV) TGP (6 bis Tôn Đức Thắng, Quận 1, TPHCM).

Tham dự có linh mục Phanxicô Xaviê Bảo Lộc – Trưởng ban MVĐTLT TGP, linh mục Giuse Hà Thiên Trúc, các thành viên MVĐTLT, học viên lớp thực hành ĐTLT. Về phía đạo Cao Đài có Truyền trạng Thanh Căn – Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, Đạo huynh Huệ Khải – Chương trình

Chung tay Ấn tống Kinh sách Đại Đạo, Đạo huynh Nguyễn Công Huy - Hội thánh Truyền giáo Đà Nẵng, một đôi vợ chồng Cao Đài, và Tu sinh Hồ Thị Mộng Tuyền – Cơ Quan Phổ Thông Giáo lý Đại Đạo.

Trong bối cảnh người Công Giáo bước vào Năm Phúc-âm-hóa đời sống gia đình, với cố gắng sống phù hợp với đức tin của mình, buổi mạn đàm tạo cho thấy tín đồ tôn giáo khác cũng xây dựng gia đình trên cơ sở niềm tin tôn giáo. Cuộc trao đổi rất bổ ích, giúp các tham dự viên suy nghĩ về đời sống đạo của chính mình đang khi đón nhận kinh nghiệm của các đạo hữu Cao Đài trong việc duy trì hạnh phúc và giáo dục con cái trong gia đình theo giáo lý đạo Cao Đài.

Sau phần thánh hoá khai mạc của cha giáo, Đạo hữu Huệ Khải đã giới thiệu nội dung cần trao đổi:

Thế nào là một gia đình hạnh phúc, theo giáo lý Cao Đài?

Việc giáo dục con cái theo niềm tin của người Cao Đài.

Đời sống Hôn nhân với người khác Đạo.

Cuộc mạn đàm diễn ra sôi nổi với ý kiến khai pháo đầu tiên của đôi vợ chồng M.S: gia đình hạnh phúc theo giáo lý Cao Đài là một gia đình sống thuận hoà, cha mẹ là gương tốt để giáo dục con cái; Phu quân bổ sung về tầm quan trọng của chữ "Hoà" trong gia đình và dạy dỗ con cái phải theo thực tế trong cuộc sống hằng ngày.

Đạo huynh Nguyễn Công Huy góp thêm: Hạnh phúc là do chính mình tạo ra.

Đạo hữu Huệ Khải tóm kết: Để xây dựng gia đình hạnh phúc phải có chữ "Hoà" trong gia đình, và bổ sung thêm là cha mẹ phải đạo đức. Chữ "Hoà: 和" có bộ "khẩu: 口", nên cái "miệng" rất quan yếu, không cẩn trọng dễ gây bất "Hoà".

Một học viên đặt vấn đề: "Gia đình gương mẫu là như thế nào?" - Gia đình gương mẫu là gia đình có nền tảng là giáo lý tôn giáo, cha mẹ là tấm gương cho con cái noi theo, phát huy chữ "Hoà" theo giáo lý Cao Đài, một Đạo tỳ trả lời. Hai Đạo huynh bổ sung thêm: gia đình cầu nguyện mỗi đêm và gia đình có Cha tu, mẹ tu, con tu, là gia đình gương mẫu.

Việc giáo dục con cái theo niềm tin của người Cao Đài do cha mẹ là quan trọng nhất, con cái luôn theo gương cha mẹ. Tuy nhiên, không phải gia đình nào cũng như thế,

Tu sinh Hồ Thị Mộng Tuyền đã chia sẻ: bản thân tự nhận thấy đạo cao Đài là tốt từ bạn bè, nên đã đi tu, và còn muốn giới thiệu Đạo cho cha mẹ.

Đạo huynh Huệ Khải trình bày 7 nguyên tắc cơ bản của đạo Cao Đài để giáo dục con cái theo niềm tin của người Cao Đài.

Một vấn đề đáng quan tâm hiện nay là làm thế nào cho gia đình hạnh phúc trong cuộc hôn nhân với người khác Đạo. Hai Đạo Huynh, Đạo Tỷ đã lần lượt chia sẻ trường hợp của gia đình mình, tựu chung là giống nhau, mà trước hết là phải biết tôn trọng Tôn giáo của bạn mình, sau đó bằng chính cuộc sống đạo của mình, đã cảm hoá được người bạn đời của mình. Cuối cùng, Cha Phanxicô Xaviê Bảo Lộc cám ơn và tặng quà cho phái đoàn các chức sắc Cao Đài đã đến chia sẻ về gia đình.

Đạo hữu Huệ Khải cám ơn và biếu sách tìm hiểu về Giáo lý Cao Đài cho tất cả các tham dự viên buổi mạn đàm.

Kết thúc buổi gặp gỡ, tất cả đạo hữu Cao Đài và Công giáo chụp hình lưu niệm trước khi ra về.

Click xem album ảnh

ĐẠO LÀM NGƯỜI TRONG SẤM GIẢNG GIÁO LÝ PHẬT GIÁO HÒA HẢO*

Đức Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ

[TƯ LIỆU - THĂNG LONG LIBRARY]

*** Bài in trong Kỷ yếu Hội thảo Đạo làm người trong văn hóa Việt Nam (2014). Nxb. Lý luận chính trị. Tr.333-336, và in trong cuốn sách: "Đào tạo Tôn giáo học ở Việt Nam quá trình hình thành và phát triển" của Bộ môn Tôn giáo học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, Nxb. Tôn giáo, 2017, tr.385-388. Tác giả bài viết: Trương Hải Cường, Khoa Triết học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN.**

Làng Hòa Hảo, Tỉnh An Giang, Ảnh: Nguyễn Hữu Thụ

*Đạo Hòa Hảo là tôn giáo nội sinh, xuất hiện ở An Giang năm 1939, là tôn giáo tiếp thu, kế thừa Phật giáo, Nho giáo và các tôn giáo ra đời ở Nam bộ như***: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa**.

Giáo lý Phật giáo Hòa Hảo có thể chia làm hai phần là **Tu nhân và học Phật, tu Phật. Tu nhân** *thể hiện rõ nét quan niệm về đạo làm người của Phật giáo Hòa Hảo. Tu nhân chủ yếu tiếp thu từ Nho giáo song đã được giải thích trên căn bản của Phật giáo và được gắn với thực tiễn*

cuộc sống người dân Nam Bộ thời bấy giờ và theo hướng đơn giản, thiết thực. Do vậy nó dễ đi vào cuộc sống đạo - đời của tín đồ đạo Hòa Hảo góp phần làm phong phú thêm giá trị đạo làm người của người Việt Nam. Bài viết này mong muốn làm rõ quan niệm về đạo làm người được thể hiện qua cuốn: "Sấm giảng giáo lý của Phật giáo Hòa Hảo".

1. Sấm giảng giáo lý Phật giáo Hòa Hảo do **Đức Huỳnh Phú Sổ** (Giáo chủ) viết, gồm 6 quyển, quyển thứ nhất có tiêu đề "*Khuyên người đời tu niệm"* được viết vào năm 1939 ở làng Hòa Hảo, quyển thứ sáu có tiêu đề "*Cách tu hiền và sự ăn ở của một người bổn đạo"* được viết năm 1945 ở Sài Gòn. Về mặt tâm linh, *Sấm giảng giáo lý của Phật giáo Hòa Hảo* là những điều răn dạy của bề trên được thể hiện qua Đức Huỳnh giáo chủ, về mặt xã hội nó phản ánh xã hội và tôn giáo đương thời, bởi:

Lòng quảng ái xót thương nhân chủng,
Buổi lố lăng Phật giáo suy đồi.
Kẻ tu hành ai nỡ yên ngồi,
Mà sớm kệ chiều kinh thong thả. **[1,140]**

Theo C.Mác: "Con người chính là *thế giới con người,* là nhà nước, là xã hội. Nhà nước ấy, xã hội ấy sản sinh ra tôn giáo, tức *thế giới quan lộn ngược,* vì bản thân chúng là *thế giới lộn ngược"* [4,569]. Qua đó có thể thấy rằng, quan niệm về xã hội nói chung, về đạo làm người nói riêng của Phật giáo Hòa Hảo là sản phẩm xã hội của cư dân Nam Bộ thời kỳ bấy giờ và nó đã góp phần đáp ứng những đòi hỏi, những ước vọng của họ.

Theo quan niệm của Phật giáo Hòa Hảo, tu nhân là hoàn thiện bản thân mình trong quan hệ với gia đình và quốc gia, xã hội. Ở điểm này, tu nhân của Phật giáo Hòa Hảo sử dụng nhiều quan niệm của Nho giáo như: Tam cương; ngũ thường, ngũ luân; nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, v.v. Tuy nhiên tu thân không phải để tề gia, trị quốc, bình thiên hạ như mục đích của Nho giáo mà là để làm cơ sở cho học Phật, tu Phật nhằm đạt sự giải thoát. Điều này dẫn tới cần phải giải thích cốt lõi của tu nhân theo tinh thần của Phật giáo - Phật giáo đã được đơn giản hóa.

2. Tu nhân là phạm trù bao trùm trong quan niệm Dạo làm Người của Phật giáo Hòa Hảo mà điều đầu tiên là phải thực hiện Tứ ân. Xét về lịch sử Tứ Ân có từ Phật giáo như

Ơn Cha, Mẹ; ơn Thầy, Bạn; ơn Quốc gia, Xã hội, Chúng sinh; ơn Tam bảo,

Phật giáo vào Nam Bộ, qua **đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa** và đến Phật giáo Hòa Hảo tứ ân đã được giản hóa, cụ thể theo cách của nó thành giáo lý Tứ Ân (ơn),

Ân Tổ tiên cha mẹ, Ân Đất nước, Ân Tam bảo, Ân đồng bào và nhân loại. [2, 177-183]

- **Ơn Tổ Tiên Cha Mẹ**, trước hết với ơn cha mẹ là hướng con người vào sự hiếu kính bậc sinh thành, không làm điều gì phiền lòng cha mẹ, nếu cha mẹ có làm điều gì trái đạo thì hết sức tìm cách can ngăn, cầu cho cha mẹ được phúc thọ, nếu cha mẹ qua đời thì cầu cho cha mẹ được vãng sinh nơi Phật cảnh; với ơn tổ tiên đòi hỏi không làm điều gì điếm nhục tổ tông, mà phải làm điều nghĩa để bồi đắp công đức cho tổ tiên.

- **Ơn Đất Nước** được giải thích là bởi ta sống được là nhờ ơn tấc đất, ngọn rau và đặc biệt là: "Rán nâng đỡ xứ sở quê hương lúc nghiêng nghèo, và làm cho được trở nên cường thạnh. Rán cứu cấp nước nhà khi bị kẻ ngoài thống trị. Bờ cõi vững lặng thân ta mới yên, quốc gia mạnh giàu mình ta mới ấm" [2,179]. Đạo làm người ở quan niệm này thể hiện trách nhiệm của mỗi bổn đạo đối với đất nước, mà cụ thể là với sự tồn vong, sự độc lập của dân tộc, sự cường thịnh của đất nước, quê hương. Ở đây có sự tiếp thu, kế thừa, sự cụ thể hóa truyền thống yêu nước (chủ nghĩa yêu nước) của dân tộc.

- **Ơn Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng**), ơn này được thể hiện mặt tinh thần, bởi, theo Phật giáo Hòa Hảo con người phải nhờ đến sự giúp đỡ của Phật, Pháp, Tăng để khai mở trí tuệ, để lựa chọn con đường thương yêu và giải thoát.

- **Ơn Đồng bào** và nhân loại, ơn đồng bào thể hiện truyền thống *thương nòi,* của dân tộc; ơn nhân loại thể hiện một chiều cạnh quan trọng của tình thương yêu chúng sinh theo tinh thần Phật giáo. Ơn đồng bào và nhân loại cũng thể hiện sự liên đới, tinh thần trách nhiệm đối với con người, về mặt xã hội nó góp phần vào kiến tạo một nền hòa bình, hợp tác, hạnh phúc giữa con người với con người không chỉ ở trong một quốc gia mà rộng ra là toàn thể nhân loại.

Về **phương diện Xã hội**, Đạo làm Người còn thể hiện ở trách nhiệm và bổn phận khác mang tính cụ thể, thiết thực như thực hiện *Thập thiện* (mười điều thiện) gắn với những điều răn dạy về: Sát sanh, Đạo tặc, Tà dâm, Lưỡng thiệt, Ỷ ngôn, Ác khẩu, Vọng ngữ, Tham lam, Sân nộ, Mê si [2, 186-196; 3, 161-198].

Về **phương diện Tôn giáo** đạo Hòa Hảo khuyên dạy bổn đạo "*Hãy xóa bỏ những điều mê tín, quy thuận theo tinh thần đạo đức, lánh chốn mê lầm tỉnh cơn mộng huyễn phá tan màn vô minh che mờ tâm trí, lần bước trên con đường đạo hạnh, đi đến chỗ Bất diệt, Bất sanh"* [2,196]. Trên tinh thần ấy, Phật giáo Hòa Hảo khuyên bổn đạo cúng lễ đơn giản như: Thờ cúng tại gia,

ban thờ chỉ dùng tấm Trần Dà; đối tượng thờ cúng là Tổ tiên, Ông bà, Cha mẹ, các vị anh hùng cứu quốc; lễ vật thờ cúng Phật chỉ dùng hoa, nước lạnh và nhang, với gia tiên thì có gì cúng nấy tùy theo gia cảnh. Đạo Hòa Hảo dạy bổn đạo khi cúng lễ cốt là ở tâm thành. Đặc biệt Phật giáo Hòa Hảo cấm việc đốt vàng mã, phê phán việc lãng phí trong ma chay cũng như cưới hỏi.

3. **Với quan niệm về Đạo và Đời** như trên, có thể nói Phật giáo là một Tôn giáo nhập thế [1,25-27] và nhờ có sự nhập thế với quê hương, đất nước, với nhân quần đã tạo nên một con đường, một cách thức của Đạo làm Người theo hướng đơn giản, thiết thực góp phần làm phong phú cho đạo làm người ở Việt Nam của người Việt Nam nói chung.

Những giá trị về Đạo làm người của Phật giáo Hòa Hảo vẫn đang được phát huy trong đời sống hiện nay như việc bài trừ mê tín dị đoan, chống xa hoa lãng phí, sống trung thực chân thành, có trách nhiệm với bản thân với gia đình với quốc gia và xã hội.

Đây là những giá trị đáng được khuyến khích, được tạo điều kiện phát huy nhằm góp phần ổn định và phát triển xã hội của Việt Nam hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Trương Hải Cường, *Tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, năm 2012.

2. Ban Đại diện Phật giáo Hòa Hảo, *Sấm giảng giáo lý của Phật giáo Hòa Hảo của Đức Huỳnh giáo chủ*, (tái bản lần thứ ba), Nxb Tôn giáo, Hà Nội, năm 2002.

3. Ban Hoằng pháp, *Chú nghĩa (Loạt bài huấn luyện đạo đức nơi Tây an cổ tự)*, Ấn quán Thương binh, Sài Gòn, năm 1963.

4. C.Mác, *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen (lời nói đầu)*, Toàn tập, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia (1995), (tr. 569-590).

HẠNH TU CỦA NGƯỜI TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO HÒA HẢO

NGƯT, NB, Th S Nguyễn Huy Diễm
Phó Trưởng ban Thường trực
Ban Trị sự Trung ương Giáo hội PGHH.

Bài phát biểu (tóm tắt) Hội thảo quốc tế: " Tôn giáo và đời sống tôn giáo ở Việt Nam, chia sẻ kinh nghiệm của Châu Âu và Việt Nam trong việc đảm bảo tự do tín ngưỡng và tôn giáo" tại Hà Nội, ngày 26/9/ 2014.
Hội thảo do Liên minh Châu Âu tài trợ thông qua Chương trình Hỗ trợ đối thoại chiến lược EU – Việt Nam.
The workshop is funded by the European Union and facilitated by the EU – Vietnam Strategic Dialogue Facility.

Tại Việt Nam, "Hơn ba phần tư thế kỷ xiển dương chánh pháp, Phật Giáo Hòa Hảo đã phổ truyền giáo pháp "Học Phật – tu Nhân" với hàng triệu nhân sanh, giữ gìn giáo lý chơn truyền, góp phần cùng nhân dân cả nước nêu cao truyền thống yêu nước, phát huy giá trị đạo đức và tinh hoa văn hóa dân tộc".

Giáo pháp "học Phật – tu Nhân" chủ yếu lấy việc báo đáp tứ ân làm căn bản tu hành mang lại lợi ích cho quần sinh và xã hội của Phật Giáo Hòa Hảo đã dần dần và thực sự trở thành nhu cầu tất yếu khách quan của quá trình duyên hợp đạo đời; luôn gắn bó với từng cuộc sống đời thường của mỗi tín đồ trong mối tổng hòa các quan hệ xã hội, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, đạo đức, lối sống v.v. Do đó, người tín đồ PGHH chơn tu tâm đạo bao giờ cũng nhận chân giá trị giáo dục tích cực đã thấm nhuần trong giáo lý cao siêu và thực tế của tôn giáo mình để vận dụng hằng ngày vào cuộc đời hành đạo của người cư sĩ tại gia.

"Hoạt động từ thiện hữu ích cho xã hội, cho chúng sanh"; "Tích cực cứu giúp người nguy khó, tương trợ trong quan, hôn, tang, tế" (theo Hiến chương Giáo hội PGHH 2014 - 2019) chính là một hạnh tu của người tín đồ PGHH, đó là:

I- Hạnh tu phước.

Trong thời đại hiện nay, PGHH là một tôn giáo nội sinh, một nền đạo xuất phát từ lòng dân tộc Việt Nam do Đức Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ sáng lập từ năm 1939 đã tồn tại và phát triển; là đạo nhập thế đã vì đời mà xuất hiện để hoằng pháp lợi sinh. Đức Giáo Chủ khẳng định: "Cái hành đạo đúng theo ý tưởng xác thực của nó là làm thế nào phát hiện những đức tánh cao cả và thực hành trên thiệt tế bằng mọi biện pháp để đem lại được cái phước lợi cho toàn thể chúng sanh, thì đó là sự thỏa mãn trong đời hành đạo của mình" (1946)

Noi theo gương hạnh "Bồ Tát" của Đức Tôn sư, người tín đồ PGHH luôn tu hành cả "phúc" lẫn "tuệ" không chỉ vì hạnh phúc của bản thân mai sau mà còn phải trau dồi trí tuệ, tinh chuyên hành trì hạnh tu bố thí "Làm hết các việc từ thiện, tránh tất cả điều độc ác, quyết rửa tấm lòng cho trong sạch", đã "Tùy tài tùy sức nỗ lực hy sinh cho xứ sở" góp phần làm cho nước nhà ngày thêm cường thịnh; gắn bó với đời, xây dựng cuộc sống hòa vui góp phần " Đưa nhơn loại đi vào vòng hạnh phúc".(Bài không buồn ngủ 1940)

II- Noi theo tấm lòng của Đức Huỳnh Giáo Chủ đối với người nghèo là bổn phận thiêng liêng của mỗi người tín đồ PGHH.

Lòng thương người nhất là đối với người nghèo, đã trở thành một truyền thống tốt đẹp của nhân dân Việt Nam, được tổng kết thành triết lý "Thương người như thể thương thân", biến thành hành động nhân đạo "Lá lành đùm lá rách", "Một miếng khi đói bằng một gói khi no". Từng thế hệ kế tiếp nhau làm phong phú truyền thống tốt đẹp này. Đức Giáo Chủ đã tiếp nhận, phát huy giá trị đạo đức và tinh hoa văn hóa truyền thống đó của ông cha và đã thể hiện đậm đà qua Sấm giảng Thi văn giáo lý.

Những ý tưởng, lời khuyên răn của Đức Huỳnh Giáo Chủ cách đây đã 75 năm, nhưng vẫn còn nguyên giá trị thực và đang đi vào cuộc đấu tranh "xóa đói giảm nghèo" mà Đảng và Nhà nước đang tổ chức, phát động. Tín đồ PGHH vốn là người lao động, giàu lòng nhân ái, nghiêm cẩn phụng hành lời dạy của Đức Tôn sư nên đã hăng hái nhiệt tình trong việc cứu giúp đồng bào, làm hết các việc từ thiện để mong đem lại "Cái phước lợi cho toàn thể chúng sanh"… thể hiện bản chất của người lao động; bản chất truyền thống của dân tộc. Bản chất nhân ái này được nhân lên gấp bội trong thời đại ngày nay, "Ân đồng bào và nhân loại" do Đức Giáo Chủ khởi xướng được mở rộng thành lòng yêu thương cả những người của các dân tộc khác nhau trên thế giới, Ngài cho rằng "Cái tình ấy nó không bến không bờ, không phân biệt màu da, không phân biệt chủng tộc; nó cũng không luận sang hèn và xóa bỏ hết các tầng lớp đẳng cấp xã hội, mà chỉ đặt vào một: Nhân loại Chúng sanh".

Thế, ta không có lý do gì chánh đáng để vì mình hay đồng bào mình gây ra tai hại cho các dân tộc khác. Trái lại, hãy đặt vào họ một tư tưởng nhân hòa, một tinh thần hỷ xã và hãy tự xem mình có bổn phận giúp đỡ họ trong cơn hoạn nạn".

III- Hoạt động xã hội - từ thiện của Phật giáo Hòa Hảo đã và đang góp phần ổn định an sinh, phát triển xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế .

Đạo sự từ thiện xã hội của Giáo hội Phật Giáo Hòa Hảo hiện nay chính là nét đặc trưng, là hoạt động xương sống của toàn Đạo, thực hành giáo pháp "học Phật - tu Nhân", tại gia cư sĩ.

Nét đặc trưng ấy xuất phát từ tấm lòng nhân ái bao la và việc làm phước thiện của toàn thể tín đồ mà đa số là nông dân.

Các hoạt động có hiệu quả mà cả xã hội đồng tình ủng hộ:

1- Cứu giúp người nguy khó – giảm bớt đói nghèo bệnh tật: Đây là sơ nét một số những hình ảnh hoạt động trong đời sống tôn giáo của người tín đồ PGHH ở Việt Nam cụ thể như: tổ chức hàng nghìn đợt cứu trợ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai, hỏa hoạn ở các địa phương từ Tây Nam bộ, đến Miền Trung ruột thịt; hỗ trợ hàng ngàn bệnh nhân mổ mắt, thường xuyên

chuyển về các bệnh viện chuyên khoa mắt ở TP Hồ Chí Minh (lo phương tiện ăn, ở đi và về); hằng trăm xe đưa rước bệnh nhân nghèo cấp cứu và người qua đời không phân biệt tín đồ, người có tôn giáo hoặc không tôn giáo; hàng nghìn lượt người tham gia hiến máu nhân đạo; tổ chức ở nuôi dưỡng người già, bệnh tật cô đơn, trẻ mồ côi, mắc điện miễn phí cho nhiều hộ nghèo; lập hàng trăm Tổ cơm, cháo, nước miễn phí tại các bệnh viện, trường học và nhiều bếp cơm khuyến học phục vụ sinh viên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn và bà con lao động ở các tỉnh, thành phố, quận, huyện,
xã, phường, thị trấn có đông tín đồ từ Bình Định đến Cà Mau (17 tỉnh, thành).
Mỗi năm, hằng trăm Ban Trị sự cơ sở tổ chức tặng quà cho đồng bào nghèo vui xuân đón tết, tặng sách vở, học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học; tham gia hoặc thành lập nhiều Chi hội Khuyến học gắn với BTS cơ sở ở các tỉnh; sưu tầm thuốc Nam, chế biến thảo dược, có quy chế phối hợp với Hội Chữ thập đỏ, Hội Đông y (tỉnh, huyện); mua đất làm nghĩa địa, lập hằng trăm trại hòm miễn phí.v.v. Luôn quan tâm, tận tình chăm lo, trợ giúp cho mọi người (không phân biệt đạo đời) trong điều kiện có thể:
2- Góp phần xây dựng nông thôn mới: Cất hàng nghìn nhà đại đoàn kết, nhà tình thương; xây hàng trăm cầu treo, cầu bê tông nông thôn; tu bồi rãi cát hàng nghìn km lộ nông thôn; vận động xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư; tham gia quỹ vì người nghèo; vòng tay nhân ái; nắm gạo tình thương; tặng quà hộ chính sách; động viên thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự; ủng hộ quỹ chất độc màu da cam, bệnh nhân aids…

Thông qua các phong trào đoàn kết xây dựng nông thôn mới ở khu dân cư, nhiều địa phương có đông tín đồ PGHH đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến:

1/- Có nhiều xã đạt thành tích là xã văn hóa và một số xã gần đây đạt danh hiệu nông thôn mới ở các tỉnh đông tín đồ như: An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp .v.v.
2/- Nhiều cá nhân được nhân dân địa phương phong tặng danh hiệu như "Vua cầu treo" Phạm Ngọc Quý (Châu Phú, An Giang); "Thần đèn" Cẩm Lũy (Hồng Ngự, Đồng Tháp); "Tam gia cầu treo nông thôn" Nguyễn Văn Hùng, Thạch Văn Nhơn, Phạm Văn Liếu (Châu Thành, An Giang); chuyên gia cất cầu bê tông nổi bật như: Nguyễn Văn Thảo tự Chín Hoa (Thoại Sơn, An Giang); Võ Văn Út, tự Út Ngộ (Trưởng Ban Trị sự xã Vĩnh An,
Châu Thành, An Giang) v.

Ông Mai Văn Đâu, 64 tuổi đời, là Trị sự viên PGHH xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, từ trước năm 1999 đến nay đã lập đội xây cầu thí công cùng với sự góp sức của Nhà nước và nhân dân, xây được 94 cây cầu gỗ, 98 cầu bê tông. Mỗi cây trọng tải từ 2 tấn rưỡi đến 5 tấn làm lợi cho xã hội từ 55 đến 60 tỷ đồng. Người Trị sự viên cơ sở phụ trách từ thiện xã hội PGHH Hai Đâu đã đạt Huân chương lao động hạng 3, và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước, huy chương Chữ thập đỏ, Kỷ niệm chương của Bộ giao thông vận tải; trên 40 bằng khen, giấy khen của tỉnh Đồng Tháp và được mời dự các Hội nghị điển hình tiên tiến do Trung ương tổ chức tại Hà Nội những năm 2010, 2012 và 2014.

Ông Châu Thành Phú, tên thường gọi Tư Phú, xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang là tín đồ PGHH, do có biệt tài trong việc trị phèn, biến những vùng đất bị nhiễm phèn nặng thành những vùng đất màu mỡ tốt tươi ở khu vực Tứ giác Long Xuyên nên ông được người dân địa phương và các nhà khoa học tặng cho biệt hiệu "Vua trị phèn". Người tín đồ nông dân Tư Phú đã cho ra đời 84 loại giống có khả năng thích ứng với vùng đất phèn (trong đó có 2 loại giống TP1 và TP2 do chính ông là tác giả, cho lai từ bố mẹ là OM 1490 và Jasmine 85; OM 2517 và Jasmine). Hàng năm ông cung cấp trên 100 tấn lúa giống nguyên chủng và xác nhận, và được chọn làm Tổ giống điểm của tỉnh An Giang. Ông đã nhiều lần được mời làm diễn giả, trực tiếp giao lưu trao đổi kinh nghiệm và kỹ thuật trị phèn với bà con Đồng

bằng sông Cửu Long như chương trình "Nhịp cầu nhà nông" của Đài truyền hình Cần Thơ, chương trình "Gặp gỡ bốn nhà" của Đài truyền hình An Giang và Đồng Tháp, chương trình "Gương sáng quanh ta".v.v. Ông được Thủ tướng Chính
phủ tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua toàn quốc, nhiều bằng khen cấp bộ, UBND tỉnh và Tuyên dương công đức của Ban Trị sự Trung ương Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo.

3/ - Khuyến khích cần kiệm sốt sắng lo làm ăn, tăng gia sản xuất; khuyến tu, khuyến thiện, khuyến nông, khuyến học, khuyến tài: Động viên tín đồ học nghề, tạo việc làm chánh nghiệp, chủ động tiếp thu khoa học công nghệ hiện đại, tăng gia sản xuất nông nghiệp, phát huy thế mạnh Đồng bằng sông Cửu Long, có rất nhiều tín đồ là nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi được Nhà nước vinh danh.
Trị giá hoạt động xã hội – từ thiện mỗi năm hàng trăm tỷ đồng, từ năm 1999 đến nay ước tính toàn diện đã đóng góp công của cho xã hội trên nghìn tỷ đồng; góp phần vào công cuộc an sinh xã hội từng bước tiến vững chắc vào nền kinh
tế của khu vực và thế giới

Những số liệu tổng kết các chương trình đạo sự trọng tâm qua 3 nhiệm kỳ đến nay đã nói lên tấm lòng và nội năng trì hành hạnh tu phước của người tín đồ PGHH. Sự phát triển vượt trội năm sau cao hơn năm trước cho thấy công dụng không thể thiếu của đạo lý Tôn giáo đối với cộng đồng xã hội.
Toàn nhiệm kỳ I, hoạt động xã hội – từ thiện đem lại hữu ích cho nhân sinh là 22.342.267.729 đồng, đến cuối nhiệm kỳ

4/ Đã đạt 734.447.232.000 đồng (tăng gấp 32,8 lần).
Có thể nói thành quả của hàng chục mô hình hoạt động xã hội – từ thiện khá phong phú đa dạng theo lời dạy của Đức Huỳnh Giáo Chủ "Làm hết các việc từ thiện"không phân biệt Đạo, Đời như nêu trên đã đóng góp tích cực vào tiến trình xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng học tập của học sinh, mà đa số học sinh nghèo, mở ra triển vọng tốt đẹp cho việc nâng cao mặt bằng dân trí ở những địa bàn xa trung tâm đô thị, thành phố. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thanh Xuân, Phó trưởng ban thường trực Ban Tôn giáo Chính phủ, tại Hội nghị Ban Trị sự Trung ương PGHH lần XI ngày 17/1/2014 đã đánh giá cao về hoạt động xã hội – từ thiện: " Thành quả hoạt động XH – TT của PGHH mang một ý nghĩa nhân văn sâu sắc"

Đạt được các thành quả khiêm tốn như đã trình bày trên là nhờ vào sự hỗ trợ về mặt pháp lý và tình lý của Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể từ Trung ương đến địa phương; nhờ vào tấm lòng nhân ái chan hòa của người tín đồ PGHH vốn dĩ thấm nhuần giáo lý tứ ân, học Phật – tu Nhân cao siêu mà thực tế của Đức Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ tại Việt Nam.

5/ Kết luận:
Giáo pháp " Học Phật – Tu Nhân" của tôn giáo PGHH bắt nguồn từ văn hóa, đạo đức truyền thống của dân tộc đã và đang đi vào lòng tín đồ luôn gắn bó hòa nhập cộng đồng với đời sống tôn giáo ở Việt Nam. Tôn chỉ hành đạo quy nguyên Phật pháp, canh tân giáo điều đang duyên hợp trong từng hoàn cảnh khác nhau đối với người dân lao động PGHH thời đổi mới và sự phát triển của cơ chế thị trường. Tính nhân văn trong giáo lý PGHH ngày càng thể hiện rõ nét, người tín đồ PGHH hiện nay:

" Giúp đời đừng đợi trả ơn
Miễn tròn bổn phận hay hơn bạc vàng"
(Sám giảng quyển ba)

Và họ không ngừng tôi luyện một khối tình yêu đượm nồng, chan chứa trên hoàn vũ theo gương hạnh của Đức Tôn Sư:

"Ta đã đa mang một khối Tình
Dường như thệ hải với sơn minh
Tình yêu mà chẳng riêng ai cả
Yêu khắp muôn loài lẫn chúng sinh"
(Tình yêu - 1946)

Qua những hoạt động đạo sự xã hội – từ thiện của Đạo PGHH đồng hành cùng Dân tộc trong bối cảnh tôn giáo Việt Nam hội nhập quốc tế hiện nay, chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng: bằng tất cả sự phấn đấu "Nỗ lực hy sinh cho xứ sở" theo lời dạy của Đức Giáo Chủ, chắc chắn PGHH sẽ ngày càng thực sự xứng đáng là một tổ chức tôn giáo nội sinh, một lực lượng xã hội văn hóa tâm linh, góp phần lành mạnh hóa nhân tâm và sự tiến bộ xã hội .

QUAN NIỆM HẠNH PHÚC THEO CÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Hạnh phúc tổng thể là mức độ mà một người đánh giá chất lượng tổng thể của cuộc sống nói chung của mình một cách thuận lợi. Nói cách khác: một người thích cuộc sống của chính người đó đến mức nào. Các thuật ngữ chính trong định nghĩa này có thể được làm sáng tỏ như sau:

VỀ MỨC ĐỘ

Từ “Hạnh phúc” không được dùng để biểu thị sự đánh giá tối ưu cuộc sống. Nó đề cập đến một mức độ, giống như các khái niệm về chiều dài, trọng lượng hoặc thể tích. Nó biểu thị nhiều hơn hoặc ít hơn một cái gì đó. Khi chúng ta nói một người hạnh phúc, có nghĩa là người đó đánh giá cuộc sống của mình một cách thuận lợi hơn là bất lợi.

VỀ CÁ NHÂN

Thuật ngữ “Hạnh phúc” được dùng để chỉ trạng thái của một cá nhân. Nó không áp dụng cho các hoạt động tập thể. Như vậy, một quốc gia hạnh phúc nếu hầu hết các công dân của quốc gia ấy đánh giá mình là hạnh phúc.

YẾU TỐ GÓP PHẦN TẠO NÊN HẠNH PHÚC CON NGƯỜI

Tập hợp tất cả các lý thuyết và phát hiện khác nhau về hạnh phúc, chúng ta biết rằng có một vài yếu tố rất quan trọng đối với hạnh phúc tổng thể:

Thu nhập cá nhân.

Tình trạng thị trường lao động.

Sức khỏe thể chất.

Gia đình.

Các mối quan hệ xã hội.

Giá trị đạo đức.

Trải nghiệm cảm xúc tích cực.

Sức khỏe là một trong những yếu tố tạo nên hạnh phúc

HẠNH PHÚC CÓ THỂ ĐO LƯỜNG ĐƯỢC KHÔNG

Mọi người đã cố gắng đo lường hạnh phúc trong nhiều thế kỷ. Một số thang đo đã được phát triển để đo lường mức độ hạnh phúc bao gồm:

Thang đo hạnh phúc chủ quan (SHS) vào năm 1999.

Biểu ảnh hưởng tích cực và tiêu cực (PANAS) từ năm 1988.

Thang đo sự hài lòng với cuộc sống (SWLS).

Phương pháp thang Cantril đã được sử dụng trong Báo cáo Hạnh phúc Thế giới.

Trải nghiệm tích cực.

Từ năm 2012, Báo cáo Hạnh phúc Thế giới đã được xuất bản. Hạnh phúc được đánh giá như trong câu hỏi "Bạn hài lòng với cuộc sống của mình như thế nào?".

Báo cáo Hạnh phúc Thế giới

NHỮNG QUỐC GIA HẠNH PHÚC NHẤT THẾ GIỚI

"Báo cáo Hạnh phúc Thế giới" là báo cáo được Liên Hợp Quốc công bố hàng năm và khảo sát tình trạng hạnh phúc toàn cầu. Đồng thời xếp hạng 156 quốc gia theo mức độ hạnh phúc của công dân họ. Theo đó, 10 quốc gia hạnh phúc nhất thế giới tại thời điểm gần nhất (xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp) bao gồm:

Phần Lan, Đan Mạch, Thụy Sỹ, Iceland, Na Uy, Hà Lan, Thụy Điển, New Zealand, Áo, Luxembourg

Đất nước Phần Lan

LỜI KẾT

Nói chung, quan niệm về hạnh phúc rất đa dạng và thay đổi. Nó không giống nhau giữa người này với người khác, giữa quốc gia này với quốc gia khác. Và thay đổi ở một người theo từng giai đoạn khác nhau. Tuy nhiên, chúng ta không nhất thiết phải phấn đấu để đạt được một tiêu chuẩn nào đó của hạnh phúc.

Điều quan trọng là chúng ta cố gắng để có một cuộc sống bình yên. Đồng thời cảm thấy hài lòng với cuộc sống của chính mình tạo nên. Ấy mới thực sự là hạnh phúc. Ngoài ra, chúng ta cũng đừng quên chia sẻ niềm hạnh phúc của mình với những hoàn cảnh bất hạnh hơn. Để sự hạnh phúc được lan tỏa!

Bác sĩ NGUYỄN LÂM GIANG

LÀM SAO ĐỂ CẢM NHẬN ĐƯỢC HẠNH PHÚC

Người ta thường nói cảm nhận được Hạnh phúc, cảm trước, nhận sau; nghĩa là nhờ Tình cảm để nhận ra, để cảm nhận (feel) mà thể nghiệm (experience) vào Thân Tâm trước, nhận (Think) sau nghĩa là nhờ Lý trí nhận ra là hợp lý, là tốt , nghĩa là " Tình Lý tương tham ; " Bên ngoài là Lý, nhưng trong là Tình " . Kiều. Nguyễn Du)
[Trong là Nội Tâm, Ngoài là trong cuộc sống chung khi chúng ta hành xử với nhau ngoài Xã hội]

Hạnh phúc ở thế giới Hiện tượng là dễ có, đâu đâu cũng có, nhưng chỉ là tương đối, và chóng qua, một con người mẫn cảm thì ở đâu và lúc nào họ cũng cảm thấy Hạnh phúc .

Với Tâm hồn đơn sơ giản dị biết : Tri Chỉ, tri Túc, tri Nhàn, nhờ mẫn cảm củaLòng Nhân ái thì dễ cảm thấy Hạnh phúc .

Cảm giác (Từ Trực giác thuộc nguồn Tâm linh) / Suy nghĩ (Lý trí giúp nhận thức về Thế giới Hiện tượng: nguồn Khoa học)

Hạnh phúc là vấn đề quan trọng bậc nhất của mỗi con Người cũng như Nhân loại. Hạnh phúc tuy đơn sơ giản dị như một Em Bé ngây thơ và cũng phức tạp như cuộc sống của một vị Thánh nhân.

Chúng ta hãy rảo qua Đông , Tây, Kim, Cổ, tìm hiểu xem Hạnh phúc là gì và muốn được Hạnh phúc thì chúng ta phải làm thế nào?

HẠNH PHÚC MỌC RỄ TRONG TÂM HỒN

(Internet)

" GNO - Không buồn phiền, bận tâm than vãn, đặc biệt là chúng ta không cần phải so sánh để ganh tỵ cùng ai, chính lúc đó, chúng ta sẽ có được hạnh phúc chân chính của cuộc đời này

.

HẠNH PHÚC LÀ ĐIỀU GIẢN DỊ THƯỜNG BỊ COI NHẸ VÀ QUÊN LẢNG

Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, một hôm sau cơn bạo bệnh tưởng sẽ không còn vui đùa với người thân, được làm việc hữu ích giữa cuộc đời này nữa, ông thấy cuộc đời thật kỳ diệu vì ông đã... tự đi được trở lại. Hạnh phúc tràn ngập trong ông lúc đó, cái lúc mà ông tự đi vào restroom, tự mình làm được những điều bình thường mà trước đây, khi khỏe mạnh, ông làm nhưng không hề ý thức.

Ai có đôi chân mà chẳng tự đi lại được? Cũng vậy, ai mà chẳng thở? Ai mà chẳng nghe, thấy, ngửi...? Ai đang yêu và được yêu mà chẳng có hạnh phúc? Đó là những điều quá sức bình thường đối với người ta, bình thường quá nên ít ai để ý tới và ít ai quý, nâng niu, giữ gìn và nuôi dưỡng chúng, để hạnh phúc ngày mỗi lớn hơn, để hạnh phúc ở lâu hơn với mỗi người, để làm nên không khí đầm ấm trong một gia đình, sự thân thiện nơi công sở.

Như bác sĩ Ngọc, là một thầy thuốc, ông thường khuyên bệnh nhân của ông về các biện pháp giữ gìn sức khỏe, ông biết cơ chế của cơ thể, các căn bệnh và chỉ bày cho người ốm những phương cách để sống khỏe và sống tốt, nhưng ông đã lãng quên trải nghiệm của chính mình về điều kỳ diệu của cuộc sống, về hạnh phúc của tự thân, một nguồn sống vô giá mà ông, cũng như đa số người khác, sở hữu được, cho đến một hôm mà ông đã kể lại với học trò trường y.

Như một đứa bé tập đi, nó tự đi được những bước chân đầu đời với nụ cười rạng ngời vô song. Ông cũng vậy, niềm hạnh phúc được bước đi lại được sau cơn bạo bệnh cũng rạng ngời không kém, có điều khác một đứa bé, niềm hạnh phúc đó lớn hơn nhiều nhờ vào sự tự ý thức: rằng điều kỳ diệu, hạnh phúc luôn có sẵn trong mình!

Chị Trinh, một doanh nhân thành đạt từng cho biết, chị biết hơi thở là quý hóa chừng nào. Chị vốn bị căn bệnh suyễn hành hạ. Mỗi buổi sáng sớm thức dậy, nếu hít thở vào ra nhẹ nhàng, chỉ chừng ấy thôi, chị đã thấy hạnh phúc thật nhiều. Tiền bạc có, điều kiện vật chất có thừa, nhưng không thể đổi lấy hơi thở nhẹ nhàng như của người giúp việc bên chị. Một lần chị thổ lộ, rằng chị đã từng... ghen tị với người giúp việc và những người chung quanh, chỉ vì họ thở nhẹ nhàng, còn chị thì không.

Bác sĩ Ngọc, nữ doanh nhân Trinh..., nếu không có những trở ngại về sức khỏe trong cuộc sống như thế, thì có lẽ họ sẽ tiếp tục lao vào con đường sự nghiệp, kinh doanh, với những tác phẩm và sự tăng trưởng về lợi nhuận kinh tế mà không có dịp được thể nghiệm hạnh phúc, không khám phá ra rằng: cuộc sống vốn kỳ diệu vô cùng, hạnh phúc xuất phát từ trong bản thân mình chứ không phải ở đâu xa, hạnh phúc là điều thật giản dị, rất đỗi bình thường, như ta đi được trên đôi chân của chính mình, ta thở được thật nhẹ nhàng...

Để biết được điều đó, bạn hãy thử một lần vào thăm các bệnh viện, những trung tâm nuôi người có dị tật bẩm sinh, nhìn lại mình, chắc chắn bạn sẽ cảm nhận mình có nhiều hạnh phúc biết bao.

HẠNH PHÚC CẦN ĐƯỢC NUÔI DƯỠNG

Hạnh phúc là từ đẹp nhất, vì đó cũng là mục tiêu, là ý nghĩa trọn vẹn của đời sống này. Bởi thế, người ta thường chúc nhau điều đó trong những dịp quan trọng như đầu năm, đặc biệt là ngày cưới hỏi – bắt đầu của một đời sống gắn bó giữa hai người Nam Nữ làm nên tổ ấm gia đình.

Đây cũng là điều mà người ta ngộ nhận rất nhiều

Không ít người cho rằng hạnh phúc sinh ra từ tiền bạc, danh vọng... Người ta đồng hóa hạnh phúc với sự sở hữu một ngôi nhà, một chiếc xe, một chiếc điện thoại đắt tiền, một bộ đồ thời trang...; dĩ nhiên, những điều đó, về tương quan, có thể là nhịp cầu để con người bước đến hạnh phúc, đem đến hạnh phúc, nhưng không phải là điều hạnh phúc thực sự, bền lâu.

Hạnh phúc trừu tượng hơn nhiều, giản dị hơn nhiều và cũng có khả năng thường trực hơn nhiều. Nó xuất phát từ bên trong chính bạn, hay nói cách khác, chính sự sống mà bạn đang có ẩn đầy tiềm năng đó.

Như hạt giống, bạn có tìm cách gieo vào nơi môi trường tốt, bạn có tưới tẩm, có nâng niu nó hay không.

Nếu bạn chăm chút cho nó, thì chắc chắn cây hạnh phúc sẽ đâm chồi nẩy lộc, ra hoa kết trái; và nếu bạn lãng quên nguồn gốc đó để đi tìm ở nơi khác, nó sẽ khô cằn và ít có cơ hội trổ hoa,

NGẪM NGHĨ VỀ MỘT LỜI KHUYÊN

Bạn đang có nhiều hạnh phúc? Ý thức điều đó, để hạnh phúc hiện hữu thường trực hơn trong cuộc sống chính bạn và những người thân, để hạnh phúc không... bỏ bạn bơ vơ một mình, chúng ta cùng ngẫm lại lời khuyên từ một nhà lãnh đạo tôn giáo, người đã "chinh phục thế giới bằng sự chân thực", được trao tặng Giải thưởng Nobel Hòa bình, H.H. Tenzin Gyatso, được đăng trên tờ báo

tiếng Đức *Bidzeitung* cách đây không lâu. Lời khuyên được gửi đến những ai đang có nhiều hạnh phúc:

"Con người ta có rất nhiều cách để cảm thấy mình hạnh phúc. Có những người luôn luôn có đời sống thật hạnh phúc, bởi với họ, tất cả là bình thường. Tuy nhiên, hạnh phúc này không phải là mục đích chúng ta muốn bàn đến hôm nay.

Có rất nhiều bạn cho rằng, họ chỉ cảm thấy sung sướng mãn nguyện khi đời sống vật chất phải thật đầy đủ dư thừa. Bạn đâu có biết rằng đó mới chính là cái khổ nạn của bạn. Và một khi đời sống vật chất của bạn vì một lý do nào đó mà không còn nữa, khi đó bạn lại đau khổ gấp hai lần người bình thường.

Hạnh phúc trừu tượng hơn nhiều, giản dị hơn nhiều và cũng có khả năng thường trực hơn nhiều.

Nó xuất phát từ bên Trong chính bạn, hay nói cách khác, chính sự Sống mà bạn đang có ẩn đầy Tiềm năng đó.

Một số bạn khác đã tìm hạnh phúc thật sự khi họ cảm thấy cuộc sống và những việc làm của họ phải phù hợp với Đạo Đức xã hội đề ra.

Đây mới chính là cái hạnh phúc mà chúng ta cần đến. Và chỉ có hạnh phúc này mới ăn sâu, mọc rễ trong Tâm hồn ta, cái hạnh phúc này sẽ tồn tại vững bền mà không bị lệ thuộc vào những biến động bên ngoài.

Để đạt được một đời sống có nhiều hạnh phúc bền vững, đầu tiên chúng ta phải nhận ra rằng, đau buồn, tai họa là một phần đời sống của chúng ta.

Nghe qua những điều quả quyết như trên, đầu tiên chúng ta cảm thấy thật chán nản. Về lâu dài, khi chấp nhận như thế chúng ta mới thấy đời sống chúng ta thật nhẹ nhàng, dễ dàng bước qua được những khổ ải mà chúng ta sẽ gặp.

Khi gặp khó khăn, bạn có thể dùng ma túy hay cách nào đó để quên đi buồn phiền chăng nữa thì chẳng qua chỉ có nhất thời, sau đó, khổ đau đâu lại hoàn đấy.

Cái quan trọng là chúng ta phải nhìn thẳng vào vấn đề để tìm cho được từ đâu mà cái phiền não này lại đến với mình.

Chúng ta phải chấp nhận một thực tế, không ai trên đời này lại có thể hoàn toàn được vui thú, không bệnh tật, không gặp hoạn, chỉ có thể chúng ta mới dễ dàng chấp nhận những đau buồn đến với chúng ta.

Không buồn phiền, bận tâm than vãn, đặc biệt là chúng ta không cần phải so sánh để ganh tỵ cùng ai, chính lúc đó, chúng ta sẽ có được hạnh phúc chân chính của cuộc đời này".

Hạnh phúc trừu tượng hơn nhiều, giản dị hơn nhiều và cũng có khả năng thường trực hơn nhiều. Nó xuất phát từ bên Trong chính bạn, hay nói cách khác, chính sự sống mà bạn đang có ẩn đầy Tiềm năng đó. "

–

QUAN NIỆM HẠNH PHÚC

CỦA CARL GUSTAV JUNG [I]

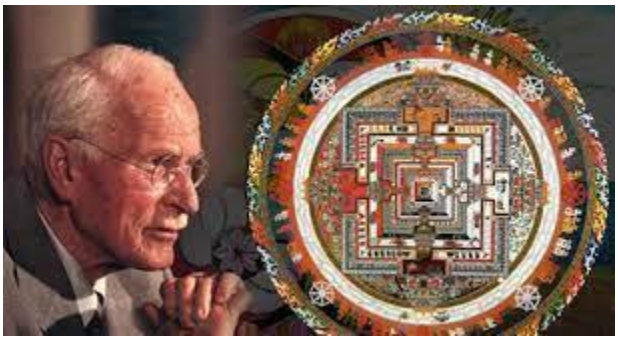

Carl Gustav Jung was one of psychology's pioneering figures of the 20th Century. He was a radical and inspirational psychologist and thinker who developed a characteristic and unique way of **understanding the human psyche and its functioning**.

Certain of Jung's concepts and terms have entered into everyday language, such as **introversion and extroversion, complex and archetype**. More significantly, he founded a system of thought which has directly helped very many people and indirectly influenced countless more, as well as having entered and influenced mainstream culture itself.

Carl Gustav Jung là một trong những nhân vật tiên phong của Tâm lý học thế kỷ 20. Ông là một nhà Tâm lý học và nhà Tư tưởng cấp tiến và truyền cảm hứng, người đã phát triển một cách hiểu đặc trưng và độc đáo về Tâm lý con người cũng như hoạt động của nó.
Một số khái niệm và thuật ngữ của Jung đã đi vào ngôn ngữ hàng ngày, chẳng hạn như **hướng Nội và hướng Ngoại, Phức tạp và Nguyên mẫu.**
Quan trọng hơn, ông đã thành lập một hệ thống tư tưởng đã trực tiếp giúp đỡ rất nhiều người và gián tiếp ảnh hưởng đến vô số người khác, cũng như đã đi vào và ảnh hưởng đến chính nền văn hóa chính thống.

WHAT DID CARL JUNG SAY ABOUT HAPPINESS

If we seek the true path of happiness, Jung tells us, it lies within, in working on ourselves to achieve wholeness and the personal sense of connection to the Self that individuation implies. Jung, C.G. (1966), "Two Essays on Analytical Psychology," CW 7. Princeton: Princeton University Press.

Jung, always mindful of paradox, added, "All factors which are generally assumed to make for happiness can, under certain circumstances, produce the contrary. No matter how ideal your situation may be, it does not necessarily guarantee happiness."Feb

Carl Jung đã nói gì về hạnh phúc?

Jung nói với chúng ta rằng nếu **chúng ta tìm kiếm con đường Hạnh phúc thực sự thì nó nằm ở bên Trong, trong việc nỗ lực hoàn thiện bản Thân để đạt được sự trọn vẹn và ý thức kết nối cá nhân với Bản ngã mà việc cá nhân hóa ngụ ý. Jung,** C.G. (1966),

"Hai tiểu luận về **Tâm lý học phân tích**," CW 7. Princeton: Nhà xuất bản Đại học Princeton.

Jung, người luôn lưu tâm đến nghịch lý, nói thêm: "Tất cả các yếu tố thường được cho là tạo nên hạnh phúc, trong những trường hợp nhất định, có thể tạo ra điều ngược lại. Cho dù hoàn cảnh của bạn có lý tưởng đến đâu, nó cũng không nhất thiết đảm bảo hạnh phúc".

CARL JUNG'S FIVE KEYS TO HAPPINESS

According to Carl Jung, to be happy, you have to be able to look within yourself. Read on to discover his five keys to happiness!

According to Carl Jung, to be happy, you have to be able to look within yourself. Read on to discover his five keys to happiness.

Carl Jung's keys to happiness ring just as true even decades later. The Swiss psychiatrist and father of analytical psychology was much more than just the man who left us with concepts such as archetypes and the collective unconscious. Jung was an expert in the complex alchemy of human emotions, images, needs, and the keys to happiness.

We are the origin of all coming evil", he once said in an interview in the midst of the Cold War. He also once said, "I am not what happened to me, I am what I choose to become". He knew that humans were capable of awful things, but also greatness. According to him, you can only achieve hope and wellness through individuation.

That interesting concept also has a strong relationship with Jung's concept of happiness. For him, it was a process of becoming mentally free.

You would live without fear or anxiety and become a whole person with nothing in the shadows. Your unconscious would rise to the surface and you would have a clear sense of your goals.

This idea was without doubt the cornerstone of the father of spiritual psychology's thinking. He also provided a simple list of the things he felt could lead a person to happiness. He did this during a series of interviews collected in the book *C.G. Jung Speaking* (1987).

"The privilege of a lifetime is to become who you truly are."

-Carl Gustav Jung-

Năm chìa khóa hạnh phúc của Carl Jung

Theo Carl Jung, **để hạnh phúc, bạn phải nhìn vào bên trong chính mình. Hãy đọc tiếp để khám phá năm chìa khóa dẫn đến hạnh phúc của anh ấy**!

Chìa khóa hạnh phúc của Carl Jung vẫn đúng thậm chí nhiều thập kỷ sau. Nhà tâm thần học người Thụy Sĩ và cha đẻ của Tâm lý học phân tích không chỉ là người để lại cho chúng ta những khái niệm như nguyên mẫu và vô thức tập thể. Jung là một chuyên gia trong thuật giả kim phức tạp về cảm xúc, hình ảnh, nhu cầu của con người và chìa khóa dẫn đến hạnh phúc.

Chúng ta là nguồn gốc của mọi tội ác sắp tới", ông từng nói trong một cuộc phỏng vấn giữa Chiến tranh Lạnh. Ông cũng từng nói: "**Tôi không phải là những gì đã xảy ra với tôi, tôi là những gì tôi chọn trở thành".** Anh biết rằng con người có khả năng làm những điều khủng khiếp nhưng cũng có thể vĩ đại. Theo ông, bạn chỉ có thể đạt được hy vọng và sức khỏe thông qua việc cá nhân hóa.

Khái niệm thú vị đó cũng có mối liên hệ chặt chẽ với khái niệm hạnh phúc của Jung. Đối với anh, đó là một quá trình để trở nên tự do về mặt tinh thần.

Bạn sẽ sống mà không sợ hãi hay lo lắng và trở thành một con người trọn vẹn, không có gì trong bóng tối. Vô thức của bạn sẽ nổi lên và bạn sẽ có ý thức rõ ràng về mục tiêu của mình.

Ý tưởng này chắc chắn là nền tảng của tư tưởng cha đẻ của Tâm lý học Tâm linh. Anh ấy cũng đưa ra một danh sách đơn giản về những điều anh ấy cảm thấy có thể đưa một người đến hạnh phúc. Ông đã làm điều này trong một loạt cuộc phỏng vấn được thu thập trong cuốn sách C.G. Jung Nói (1987).

"Đặc quyền của cuộc đời là trở thành con người thật của bạn."

-Carl Gustav Jung

THE KEYS TO HAPPINESS ACCORDING TO CARL JUNG

There are tons and tons of lists about how to achieve happiness. Lots of them fall into that trap of positivity that doesn't actually go very deep, though. They're not realistic, nor do they provide any concrete help. Carl Jung's keys to happiness may seem simplistic too, but there's one thing that sets them apart.

The father of analytical psychology said that if you blindly obsess over these five things, you'll end up achieving the opposite of their goal. What you need to do is have clear goals, but also be flexible, receptive, and intuitive. As Jung would have said, you need to be able to spot the synchronicities that can bring unexpected wonders into your life.

Without further ado, let's look at Jung's five keys to happiness

Chìa khóa dẫn đến hạnh phúc, theo Carl Jung

Có rất nhiều danh sách về cách đạt được hạnh phúc. Tuy nhiên, rất nhiều người trong số họ rơi vào cái bẫy tích cực mà thực tế không đi sâu lắm. Chúng không thực tế và cũng không cung cấp bất kỳ trợ giúp cụ thể nào. Chìa khóa dẫn đến hạnh phúc của Carl Jung có vẻ đơn giản, nhưng có một điều khiến họ trở nên khác biệt.

Cha đẻ của tâm lý học phân tích đã nói rằng nếu bạn bị ám ảnh một cách mù quáng về năm điều này, cuối cùng bạn sẽ đạt được điều ngược lại với mục tiêu của chúng. Điều bạn cần làm là có mục tiêu rõ ràng nhưng cũng phải linh hoạt, dễ tiếp thu và trực quan. Như Jung đã nói, bạn cần có khả năng phát hiện ra những điểm đồng bộ có thể mang lại những điều kỳ diệu bất ngờ cho cuộc sống của bạn.

Không dài dòng nữa, chúng ta hãy xem năm chìa khóa của Jung về 5 chìa khóa cuả hạnh phíuc

1. GOOD PHYSICAL AND MENTAL HEALTH

You can't have one without the other. In fact, Carl Jung believed that psychology was actually the only science that could save us as human beings and measure our wellness.

That being said, he didn't think the only purpose of psychology was to treat mental disorders and suffering. He also saw it as a tool to fulfill ourselves as people, clarify our goals, and learn who we are. That, to him, was just as much one of the keys to happiness as bodily wellness.

Sức khỏe Thể chất và Tinh thần tốt

Bạn không thể có cái này mà không có cái kia. Trên thực tế, Carl Jung tin rằng Tâm lý học thực sự là môn khoa học duy nhất có thể cứu con người và đo lường sức khỏe của chúng ta.

Nói như vậy, ông không nghĩ mục đích duy nhất của **Tâm lý học là điều trị các chứng rối loạn tâm thần và đau khổ. Ông ấy cũng coi nó như một công cụ để hoàn thiện bản thân với tư cách là con người, làm rõ mục tiêu và tìm hiểu chúng ta là ai.** Đối với Ông, đó cũng là một trong những chìa khóa dẫn đến hạnh phúc cũng như sức khỏe thể chất.

2.- GOOD RELATIONSHIPS

The quality of your relationships with other people is one pillar you'll see in every handbook for happiness. It's not good to live life disconnected from other people. You need affection, friendship, security, and love. You need to communicate, share, discover new horizons, learn how to care and be cared for, and create meaningful bonds.]

Mối quan hệ tốt

Chất lượng mối quan hệ của bạn với người khác là một trụ cột mà bạn sẽ thấy trong mọi cuốn sổ tay về hạnh phúc. Thật không tốt khi sống một cuộc sống xa cách với người khác. Bạn cần tình cảm, tình bạn, sự an toàn và tình yêu. Bạn cần giao tiếp, chia sẻ, khám phá những chân trời mới, học cách quan tâm và được chăm sóc cũng như tạo ra những mối liên kết có ý nghĩa.]

2.- - THE ABILITY TO PERCEIVE BEAUTY IN ART AND NATURE

Art is a cultural product made by human beings, which is more than just an aesthetic creation. Every single work of art also contains the essence of a human being. They've put their emotions, creativity, idealism, innovativeness, and mastery into things that started out in their minds and in what Jung called the collective unconscious.

You have to be able to appreciate all that can elevate you, bring you pleasure, and make you happy. This also goes for being able to appreciate nature. Our very roots are in nature. Every single creature and place on our planet can give you some excellent wisdom if you know where to look.

Khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong Nghệ thuật và Thiên nhiên.

Nghệ thuật là sản phẩm văn hóa do con người tạo ra, không chỉ là sự sáng tạo mang tính thẩm mỹ. Mỗi tác phẩm nghệ thuật đều chứa đựng tinh hoa của một con người. Họ đã đặt cảm xúc, sự sáng tạo, chủ nghĩa lý tưởng, sự đổi mới và khả năng làm chủ của mình vào những thứ bắt đầu từ trong Tâm Trí họ và vào cái mà Jung gọi là Vô thức tập thể. (Tiềm thức Cộng thông của Nhân loại)

Bạn phải có khả năng đánh giá cao tất cả những gì có thể nâng cao bạn, mang lại cho bạn niềm vui và khiến bạn hạnh phúc. Điều này cũng áp dụng cho việc có thể đánh giá cao Thiên nhiên. Gốc rễ của chúng ta là ở trong Tự nhiên.

Mỗi sinh vật và địa điểm trên hành tinh của chúng ta đều có thể mang lại cho bạn một số trí tuệ tuyệt vời nếu bạn biết nơi để tìm.

2.- BELIEVE IN SOMETHIN: A RELIGION OR PHYLOSOPHY

For Carl Jung, there was no happiness without spirituality. Whether you followed a religious doctrine or philosophical movement, he thought that believing “in something” could act as a foundation for well-being.

It gives each experience a context and an origin, and makes you feel like there’s more than meets the eye to this world. It gives you a sense of meaning and purpose.

Tin vào điều gì đó: Tôn giáo hay Triết học

Đối với Carl Jung, **không có hạnh phúc nếu không có Tâm linh**. Cho dù bạn theo một học thuyết tôn giáo hay phong trào triết học, ông ấy nghĩ rằng việc tin tưởng vào “điều gì đó” có thể đóng vai trò là nền tảng cho hạnh phúc. Nó mang lại cho mỗi trải nghiệm một bối cảnh và nguồn gốc, đồng thời khiến bạn cảm thấy như có nhiều điều hơn thế giới này. Nó mang lại cho bạn cảm giác về ý nghĩa và mục đích

2. - A FULFILLING JOB

Jung talked a lot about how he wanted to be an archaeologist when he was a child. But life ended up taking him on a path to studying medicine And then specializing in psychiatry.

He did still get to use his passion for history, anthropology, and a desire to "dig into" the deepest parts of humanity, though. But he did that through analytical psychology.

It's not always in your hands whether or not you have a fulfilling job. But if you can make the right choices about your career path, with a clear sense of your goals, you'll have an easier time finding a fulfilling job.

In the end, happiness is also about giving your best, and that's easiest when you're doing something you're good at and passionate about.

In conclusion, Socrates once said that you had to descend into the deepest parts of yourself to find happiness. In a way, that's not so different from what Jung advocated for. The point is to become aware of your inner voice. Once you've done that, you'll feel free and capable of shaping the life you want to live.
It might interest you...

Một công việc làm thỏa mãn

Jung đã nói rất nhiều về việc ông muốn trở thành một nhà khảo cổ học khi còn nhỏ. Nhưng cuối cùng cuộc đời lại đưa ông vào con đường học y khoa và sau đó chuyên ngành Tâm thần học.

Tuy nhiên, ông ấy vẫn sử dụng niềm đam mê lịch sử, nhân chủng học và mong muốn "đào sâu" vào những phần sâu sắc nhất của nhân loại. Nhưng ông ấy đã làm được điều đó thông qua tâm lý học phân tích.

Không phải lúc nào bạn cũng có thể nắm được công việc ưng ý hay không. Nhưng **nếu bạn có thể đưa ra những lựa chọn đúng đắn về con đường sự nghiệp của mình, với ý thức rõ ràng về mục tiêu của mình, bạn sẽ dễ dàng tìm được một công việc ưng ý hơn.**

Cuối cùng, hạnh phúc cũng là khi bạn cống hiến hết mình và điều đó dễ dàng nhất khi bạn làm điều gì đó mà bạn giỏi và đam mê.0

Tóm lại, Socrates từng nói rằng bạn phải đi vào phần sâu nhất của bản thân để tìm thấy hạnh phúc. Ở một khía cạnh nào đó, điều đó không quá khác biệt so với những gì Jung ủng hộ. Vấn đề là bạn phải nhận thức được tiếng nói bên trong của mình. Khi đã làm được điều đó, bạn sẽ cảm thấy tự do và có khả năng định hình cuộc sống mà bạn mong muốn.

Nó có thể khiến bạn quan tâm...

WHAT IS THE REAL DEFINITION OF HAPPINESS

happiness, in psychology, a state of emotional well-being that a person experiences either in a narrow sense, when good things happen in a specific moment, or more broadly, as a positive evaluation of one's life and accomplishments overall—that is, subjective well-being.Sep 17, 2023
What are the 3 keys to happiness? 3 chìa khóa dẫn tới hạnh phúc là gì?

THE THREE KEYS TO HAPPINESS

Ba chìa khóa dẫn đến hạnh phúc

Scientists have found that the three things that make people most happy are PLEASURE (doing things you enjoy), ENGAGEMENT (feeling interested in your activities and connected to others), and MEANING (feeling like what you do matters).
What are the 7 pillars of happiness?

Các nhà khoa học đã phát hiện ra rằng ba điều khiến con người hạnh phúc nhất là NIỀM VUI (làm những việc bạn thích), SỰ DẤN THÂN (cảm thấy hứng thú với hoạt động của mình và kết nối với người khác) và Ý NGHĨA (cảm thấy những gì bạn làm đều quan trọng).

7 PILLARS OF HAPPINESS

Rich relationships. Who you surround yourself with dictates your happiness. ...
Pursue your dreams and goals. ...
Service to others. ...
Good health. ...
Financial security. ...
Happy family and friends. ...
Enjoy what you do for a living.

7 trụ cột của hạnh phúc là gì?

Những mối Quan hệ phong phú. Những người xung quanh bạn sẽ quyết định hạnh phúc của bạn. ...

Theo đuổi Ước mơ và mục tiêu của bạn. ...

Phục vụ người khác. ...

Sức khỏe tốt. ...

An ninh tài chính. ...

Gia đình và Bạn bè hạnh phúc. ...

Hãy tận hưởng những gì bạn làm để kiếm sống

[I] BỐN NGUYÊN MẪU (SƠ NGUYÊN TƯỢNG : ARCHETYPES) TRONG HỌC THUYẾT CỦA CARL JUNG

(Internet)

Nguyên mẫu là một khái niệm được đưa ra bởi nhà Tâm thần học người Thụy Sỹ Carl Jung, ông tin rằng Nguyên mẫu là những hình mẫu về con người, hành vi hay tính cách. Theo ông, nguyên mẫu là những khuynh hướng bẩm sinh đóng vai trò quan trọng, gây ảnh hưởng lên hành vi của con người.

Archetypes were a concept introduced by the Swiss psychiatrist Carl Jung, who believed that archetypes were models of people, behaviors, or personalities. Archetypes, he suggested, were inborn tendencies that play a role in influencing human behavior.

Jung tin rằng Tâm hồn con người được tạo nên từ 3 thành tố:

BẢN NGÃ, VÔ THỨC CÁ NHÂN, VÔ THỨC TẬP THỂ .

Cũng theo Jung, bản ngã đại diện cho ý thức, vô thức cá nhân chứa đựng những ký ức, bao gồm cả những Hồi ức bị đè nén. Vô thức tập thể là một cấu phần độc đáo mà theo Jung, cấu

phần linh hồn này đóng vai trò như một dạng kế thừa tâm lý từ tổ tiên xa xưa. Nó bao gồm tất cả những Tri thức và Kinh nghiệm được tìm thấy chung ở một giống loài.

Jung believed that the human psyche was composed of three components: the ego, the personal unconscious, and the collective unconscious. According to Jung, the ego represents the conscious mind while the personal unconscious contains memories including those that have been suppressed. The collective unconscious is a unique component in that Jung believed that this part of the psyche served as a form of psychological inheritance. It contained all of the knowledge and experiences we share as a species.

Tâm lý học của Jung coi các nguyên mẫu đại diện cho những dạng thức và hình ảnh phổ quát, là một phần của vô thức tập thể. Jung tin rằng chúng ta kế thừa những nguyên mẫu này giống như kiểu ta được di truyền lại những dạng hành vi mang tính bản năng từ Tổ Tiên.

In Jungian psychology, the archetypes represent universal patterns and images that are part of the collective unconscious. Jung believed that we inherit these archetypes much the way we inherit instinctive patterns of behavior.

NGUỒN GỐC CỦA NGUYÊN MẪU

. *The Origins of Archetypes*

NGUYÊN MẪU TỪ ĐÂU ?

Vô thức tập thể, theo quan điểm của Jung, chính là nơi tồn tại những nguyên mẫu này. Ông cho rằng những nguyên mẫu này có từ khi mới sinh ra, có ở tất cả mọi người và mang tính cha truyền con nối. Nguyên mẫu không cần phải trải qua học tập mới có và chúng vận hành nhằm giúp ta sắp xếp sự trải nghiệm của bản thân với một số thứ nhất định trong cuộc sống.

Where do these archetypes come from then? The collective unconscious, Jung believed, was where these archetypes exist. He suggested that these models are innate, universal, and

hereditary. Archetypes are unlearned and function to organize how we experience certain things.

Jung giải thích trong cuốn "The Structure of the Psyche" (Cấu tạo của Tâm hồn) rằng, "Tất cả những quan niệm hùng hồn mạnh mẽ nhất trong lịch sử đều khởi nguồn từ những Nguyên mẫu."

"All the most powerful ideas in history go back to archetypes," Jung explained in his book The Structure of the Psyche.1

Ông cho rằng, "Điều này cực kỳ đúng khi nói đến các quan điểm về Tôn giáo, nhưng các khái niệm trọng tâm trong khoa học, triết học và đạo đức cũng không phải ngoại lệ. Trong dạng thức hiện tại, chúng là những biến thể khác nhau của các quan niệm mang tính nguyên mẫu được tạo ra bằng cách sử dụng và điều chỉnh một cách có ý thức những quan niệm này vào thực tế. Vì đây là chức năng của ý thức nên nó không chỉ nhận ra và đồng hóa thế giới bên ngoài qua những "cánh cửa" giác quan, mà còn chuyển đổi thế giới bên trong chúng ta thành một thế giới thực tế hữu hình."

"This is particularly true of religious ideas, but the central concepts of science, philosophy, and ethics are no exception to this rule. In their present form, they are variants of archetypal ideas created by consciously applying and adapting these ideas to reality. For it is the function of consciousness, not only to recognize and assimilate the external world through the gateway of the senses but to translate into visible reality the world within us," he suggested.1

Jung phủ nhận khái niệm "Tấm bảng trắng" (tabula rasa) – coi tâm trí con người là một tấm bảng trắng trơn từ khi mới sinh ra, sau đó tấm bảng này được lấp đầy chỉ bằng nhưng trải nghiệm. Ông tin rằng tâm trí con người chứa đựng những khía cạnh nền móng mang tính vô thức và thuần sinh học từ Tổ Tiên chúng ta. Những "hình ảnh ban sơ", như cách ông ví von, đóng vai trò như một nền móng cơ bản trong cách ta trở thành một con người đúng nghĩa.

Jung rejected the concept of tabula rasa or the notion that the human mind is a blank slate at birth to be written on solely by experience. He believed that the human mind retains

fundamental, unconscious, biological aspects of our ancestors. These 'primordial images,' as he initially dubbed them, serve as a basic foundation of how to be human.

Jung tin rằng, những đặc tính cổ xưa và mang hơi hướng Thần thoại tạo nên Nguyên mẫu có ở tất cả con người ở khắp nơi trên thế giới, chính những Nguyên mẫu này đã hình tượng hóa những động lực, giá trị, và tính cách cơ bản của nhân loại hiện tại.

These archaic and mythic characters that make up the archetypes reside with all people from all over the world, Jung believed, at it is these archetypes that symbolize basic human motivations, values, and personalities.

Ông tin rằng mỗi Nguyên mẫu đóng một vai trò trong sự hình thành và phát triển tính cách, nhưng lại cảm thấy hầu hết mọi người đều bị thống trị bởi một dạng nguyên mẫu cụ thể nào đó. Cách thể hiện hay cách con người ta nhận ra một Nguyên mẫu trong thực tế tùy thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm tác động về Văn hóa của một cá nhân và những trải nghiệm sống của riêng họ.

He believed that each archetype played a role in personality but felt that most people were dominated by one specific archetype. The actual way in which an archetype is expressed or realized depends upon a number of factors including an individual's cultural influences and unique personal experiences.

Jung xác định có 4 Nguyên mẫu cơ bản, nhưng ông cũng tin rằng không có giới hạn nào về số lượng nguyên mẫu tồn tại. Hãy cùng tìm hiểu kỹ hơn về 4 nguyên mẫu chính được Jung mô tả cũng như một số nguyên mẫu thường được nhắc đến khác.

Jung identified four major archetypes, but also believed that there was no limit to the number that may exist. Let's take a closer look at the four main archetypes described by Jung as well as a few others that are often identified.

MẶT NẠ. *The Persona*

Nguồn: ToolsHero

Nguyên mẫu mặt nạ là cách ta thể hiện bản thân ra với thế giới. Từ "persona" xuất phát từ tiếng Latin có nghĩa là "cái mặt nạ". Tuy nhiên, đây đương nhiên không phải mặt nạ thông thường. Mặt nạ đại diện cho tất cả những "tấm mặt nạ xã hội" khác nhau mà ta đeo trong nhiều bối cảnh, với nhiều con người khác nhau. Nó như một tấm khiên bảo vệ Bản ngã khỏi những hình ảnh tiêu cực. Theo quan điểm của Jung, Nguyên mẫu mặt nạ có thể xuất hiện trong giấc mơ và tồn tại dưới rất nhiều hình hài.

The persona is how we present ourselves to the world. The word "persona" is derived from a Latin word that literally means "mask." It is not a literal mask, however. The persona represents all of the different social masks that we wear among various groups and situations. It acts to shield the ego from negative images. According to Jung, the persona may appear in dreams and take different forms.1

Qua thời gian phát triển, trẻ biết được rằng chúng phải hành xử theo một số cách thực nhất định nào đó để khiến bản thân "vừa vặn" với những mong đợi và quy chuẩn từ xã hội. Nguyên mẫu này hình thành như một tấm mặt nạ xã hội để che đi tất cả những thôi thúc, ham muốn và cảm xúc nguyên thủy nhất vốn không được xã hội chấp nhận. Nguyên mẫu mặt nạ cho phép con người ta thích ứng với thế giới xung quanh và hòa mình vào xã hội nơi họ đang sống. Tuy nhiên, quá gần gũi hay sống chung với chiếc "mặt nạ" này có thể khiến con người ta dần quên lãng đi con người thật của mình.

Over the course of development, children learn that they must behave in certain ways in order to fit in with society's expectations and norms. The persona develops as a social mask to contain all of the primitive urges, impulses, and emotions that are not considered socially acceptable. The persona archetype allows people to adapt to the world around them and fit in with the society in which they live. However, becoming too closely identified with this archetype can lead people to lose sight of their true selves.

BÓNG TỐI. *The Shadow*

Nguồn: qz.com

Bóng Tối là một Nguyên mẫu bao gồm cả Bản năng sống và Bản năng Tình dục. Bóng Tối tồn tại như một phần của Tâm trí vô thức và được cấu thành từ những ý tưởng bị đè nén, những khiếm khuyết, ham muốn, bản năng và những thiếu sót của bản thân.

The shadow is an archetype that consists of the sex and life instincts. The shadow exists as part of the unconscious mind and is composed of repressed ideas, weaknesses, desires, instincts, and shortcomings.

Bóng Tối được sinh ra từ nỗ lực thích ứng với những quy chuẩn Văn hóa và mong đợi xã hội. Nó là Nguyên mẫu chứa đựng tất cả những thứ khó chấp nhận bởi không chỉ xã hội mà còn bởi chính những giá trị và phẩm chất đạo đức của chính chủ thể. Nó có thể bao gồm sự đố kỵ, lòng tham, định kiến, sự thù ghét và tính hung hăng.

The shadow forms out of our attempts to adapt to cultural norms and expectations. It is this archetype that contains all of the things that are unacceptable not only to society, but also to one's own personal morals and values. It It might include things such as envy, greed, prejudice, hate, and aggression.

Nguyễn mẫu này thường được mô tả là Mặt tối của Tâm hồn, đại diện cho sự hoang dã, hỗn độn và những điều bí ẩn mà chính Chủ thể cũng chưa nhận thức được. Jung tin rằng, những khuynh hướng ẩn tàng này có ở tất cả chúng ta, dù con người ta có đôi lúc chối bỏ thành tố này trong Tâm hồn họ và ngược lại, phóng chiếu nó lên những người khác.

This archetype is often described as the darker side of the psyche, representing wildness, chaos, and the unknown. These latent dispositions are present in all of us, Jung believed, although people sometimes deny this element of their own psyche and instead project it on to others.

Jung cho rằng Bóng Tối có thể xuất hiện trong những giấc giơ hay mộng tưởng và có thể tồn tại dưới nhiều hình hài. Nó có thể là một con rắn, một con quái vật, một con quỷ, một con rồng hoặc một hình tượng tăm tối, hoang dã hoặc kỳ lạ nào đó.

Jung suggested that the shadow can appear in dreams or visions and may take a variety of forms.1 It might appear as a snake, a monster, a demon, a dragon, or some other dark, wild, or exotic figure.

TÍNH NỮ / TÍNH NAM. *The Anima or Animus*

Anima /Animus = I

Nguồn: Existentia

Tính Nữ là hình ảnh nữ tính trong một linh hồn Đàn ông, và tính Nam là hình ảnh Nam tính trong Tâm hồn phụ Nữ. Tính Nữ / Tính Nam đại diện cho " Bản ngã thực sự" chứ không phải hình ảnh ta thể hiện ra với người khác và đóng vai trò như một nguồn giao tiếp cơ bản với vô thức tập thể.

The anima is a feminine image in the male psyche, and the animus is a male image in the female psyche. The anima/animus represents the "true self" rather than the image we present to others and serves as the primary source of communication with the collective unconscious.

Jung tin rằng những thay đổi sinh lý cũng như ảnh hưởng từ xã hội góp phần vào sự phát triển của vai trò sinh dục và bản dạng giới. Jung cho rằng sự ảnh hưởng của Nguyên mẫu Tính Nam và Tính Nữ cũng có liên đới trong quá trình này, Theo Jung, tính Nam thể hiện khía cạnh Nam tính của phụ Nữ trong khi đó, tính Nữ thể hiện khía cạnh Nữ tính ở đàn Ông.

[Theo Nho: Đó là Thái Âm : Âm trung (Màu đen) hũu Dương Căn (Nốt trắng : Dương : Animus) và Thái Dương (màu trắng): Dương trung hữu Âm căn (Nốt đen: Âm :Anima)

[Xem hình Thái cực với Thái Âm và Thái Dương]

Thái Âm (Màu đen): Anima. Thái Dương (Màu Trắng) : Animus

Âm (Đen) Trung hữu Dương căn (nốt Trắng) Dương (Trắng) trung hữu Âm căn (nốt Đen)

The masculine principle within a Wơman

The femine principle within a Man

(Carl Jung)

Jung believed that physiological changes as well as social influences contributed to the development of sex roles and gender identities. Jung suggested the influence of the animus and anima archetypes were also involved in this process. According to Jung, the animus represents the masculine aspect in women while the anima represented the feminine aspect in men.1

Những hình ảnh mang tính nguyên mẫu này dựa trên cả những cái người ta tìm thấy được ở vô thức tập thể và vô thức cá nhân. Vô thức tập thể có thể chứa đựng cách mà phụ nữ nên hành xử, trong khi đó, trải nghiệm cá nhân của họ với những người vợ, bạn gái, chị gái và mẹ góp phần tạo nên những hình ảnh đặc thù hơn về một người phụ nữ trong họ.

These archetypal images are based upon both what is found in the collective and personal unconscious. The collective unconscious may contain notions about how women should behave while personal experience with wives, girlfriends, sisters, and mothers contribute to more personal images of women.

Tuy vậy, nhiều nền văn hóa khuyến khích đàn ông và phụ nữ phải tiếp nhận những vai trò giới mang tính truyền thống và có phần cứng nhắc. Jung cho rằng chính sự ngăn cấm đàn ông khám phá khía cạnh nữ tính và phụ nữ tìm ra khía cạnh nam tính trong họ là nguyên nhân gây hại sự phát triển tâm lý.

In many cultures, however, men and women are encouraged to adopt traditional and often rigid gender roles. Jung suggested that this discouragement of men exploring their feminine aspects and women exploring their masculine aspects served to undermine psychological development.1

Sự kết hợp giữa tính nữ và tính nam được biết đến với tên gọi "syzygy" hay "cặp đôi thần thánh". Syzygy thể hiện sự hoàn thiện, thống nhất và vẹn toàn của chủ thể.

The combined anima and animus is known as the syzygy or the divine couple. The syzygy represents completion, unification, and wholeness.

ĐẠI NGÃ. *The Self*

Nguồn: Counselling Directory

Đại Ngã (Có thể dịch là Bản Ngã nhưng để tránh trùng với the "Ego" của Freud nên trong thuyết của Jung sẽ sử dụng từ Đại Ngã – ND) là Nguyên mẫu thể hiện sự thống nhất giữa Ý thức và Vô thức của một Cá nhân. Sự hình thành Đại Ngã xuất hiện qua một quá trình gọi là cá tính hóa con người, là quá trình thống nhất nhiều khía cạnh khác nhau trong tính cách. Jung thường miêu tả Đại Ngã như một vòng tròn, hình vuông hoặc Hình Mandala ("vòng tròn đầy đủ" – ND).

The self is an archetype that represents the unified unconsciousness and consciousness of an individual. Creating the self occurs through a process known as individuation, in which the various aspects of personality are integrated. Jung often represented the self as a circle, square, or mandala.1

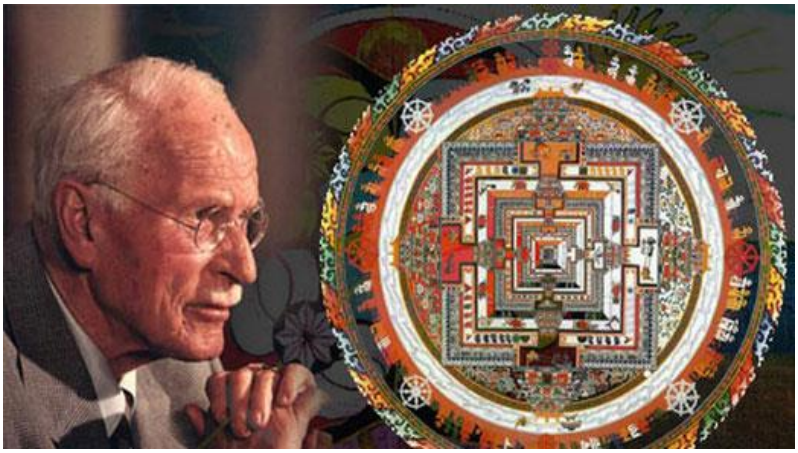

Jung và hình Mandala. Nguồn: www.awaken.com

Mandala (sa. मण्डल *maṇḍala*, मंड "tinh túy" + ल "chứa đựng", zh. 曼陀羅, hv. Mạn đà la) là một hình vẽ biểu thị Vũ trụ trong cái nhìn của một bậc Giác ngộ. Trong tiếng Sanskrit, mandala có nghĩa là một trung tâm (la) đã được tách riêng ra hay được trang điểm (mand). Có thể coi mandala là một hình Vũ trụ thu nhỏ. "Mandala" dịch nghĩa theo chữ Hán là "luân viên cụ túc" (輪圓具足), nghĩa là vòng Tròn đầy đủ. Theo ý nghĩa thực tiễn thì mandala là đàn tràng để hành giả bày các lễ vật hay pháp khí cho nghi thức hành lễ, cầu nguyện, tu luyện...

Nguyên mẫu Đại Ngã đại diện cho sự thống nhất về một thể của tâm hồn. Jung cho rằng tính cách có 2 trung tâm khác nhau. Bản Ngã là trung tâm của ý thức, nhưng Đại Ngã mới chính là trung tâm của tính cách. Tính cách bao gồm không chỉ ý thức, mà còn có bản ngã và tâm trí vô thức. Bạn có thể hình dung điều này như một vòng tròn với một cái chấm ngay chính giữa. Cả vòng tròn thể hiện cho Đại Ngã, trong đó cái chấm nhỏ ở giữa đại diện cho Bản Ngã.

The self archetype represents the unified psyche as a whole. Jung suggested that there were two different centers of personality. The ego makes up the center of consciousness, but it is the self that lies at the center of personality. Personality encompasses not only consciousness, but also the ego and the unconscious mind. You can think of this by imagining a circle with a dot right at the center. The entire circle makes up the self, where the small dot in the middle represents the ego.

Đối với Jung, mục tiêu tối thượng của một cá nhân là đạt được cảm nhận thông suốt về bản thân, cảm nhận được sự kết nối liền mạch trong con người mình, cũng khá tương tự như tầng cao nhất trong tháp nhu cầu Maslow – tầng "Tự thể hiện bản thân".

For Jung, the ultimate aim was for an individual to achieve a sense of cohesive self, similar in many ways to Maslow's concept of self-actualization.

Những nguyên mẫu khác. ***Other Archetypes***

Jung cho rằng số lượng các nguyên mẫu tồn tại là không hề bất biến hay cố định. Thay vào đó, có nhiều nguyên mẫu khác nhau bị trùng lắp hoặc được kết hợp với nhau vào bất kỳ thời điểm nào. Sau đây chỉ là một số trong rất nhiều những nguyên mẫu được Jung mô tả:

Jung suggested that the number of existing archetypes was not static or fixed. Instead, many different archetypes may overlap or combine at any given time. The following are just a few of the various archetypes that Jung described:1

– Cha: một hình tượng quyền lực; nghiêm nghị; mạnh mẽ. *The father: Authority figure; stern; powerful.*

– Mẹ: Bảo bọc; hay vỗ về. *The mother: Nurturing; comforting.*

– Đứa bé: Khao khát sự ngây thơ; tái sinh; sự cứu rỗi. *The child: Longing for innocence; rebirth; salvation.*

– Ông lão khôn ngoan: Dẫn dắt; kiến thức; sự khôn ngoan. *The wise old man: Guidance; knowledge; wisdom.*

– Anh hùng: Nhà vô địch; người bảo hộ; người cứu nạn. *The hero: Champion; defender; rescuer.*

– Trinh nữ: Trong trắng; Khát vọng; thuần khiết. *The maiden: Innocence; desire; purity.*

- Kẻ lừa đảo: Gian xảo; dối trá; gây rối. *The trickster: Deceiver; liar; trouble-maker.*

Kết luận. *Final thoughts*

Các ý tưởng của Jung ngày càng ít được mọi người bàn thảo hơn Freud, thường là vì những công trình của Jung có khuynh hướng đi theo những điều huyễn hoặc và giả khoa học. Nhìn tổng thể, những nguyên mẫu của Jung đã không được coi trọng trong tâm lý học hiện đại và thường được đào sâu như một thứ đồ tạo tác của lịch sử, trong những địa hạt của phê bình văn chương và áp dụng thần thoại học vào văn hóa đại chúng, hơn là một đóng góp lớn cho ngành khoa học về tâm trí và hành vi.

Jung's ideas tend to be less discussed than those of Freud's, often because Jung's work tended to veer into the mystical and pseudoscientific. On the whole, Jung's archetypes have not been viewed favorably in modern psychology and are often studied more as a historical artifact and in realms of literary criticism and popular culture applications of mythology than as a major contribution to the science of the mind and behavior.

Tham khảo. ***Article Sources***

Jung CG. Structure & Dynamics of the Psyche in The Collected Works of CG Jung. V. 8. Princeton University Press. 1960.

Nguồn: ***https://www.verywellmind.com/what-are-jungs-4-major-archetypes-2795439***

Như Trang

WHAT IS ARISTOTLE 'S DEFINITION OF HAPPINESS

According to Aristotle, happiness consists in achieving, through the course of a whole lifetime, all the goods — health, wealth, knowledge, friends, etc. — that lead to the perfection of human nature and to the enrichment of human life. This requires us to make choices, some of which may be very difficult.

Định nghĩa hạnh phúc của Aristotle là gì?

Theo Aristotle, hạnh phúc bao gồm việc đạt được tất cả những điều tốt đẹp trong suốt cuộc đời - sức khỏe, của cải, kiến thức, bạn bè, v.v. - dẫn đến sự hoàn thiện bản chất con người và làm phong phú thêm cuộc sống con người. Điều này đòi hỏi chúng ta phải đưa ra những lựa chọn, một số trong đó có thể rất khó khăn.

HOW DO YOU DEFINE HAPPINESS

Happiness can be defined as an enduring state of mind consisting not only of feelings of joy, contentment, and other positive emotions, but also of a sense that one's life is meaningful and valued (Lyubomirsky, 2001). Happiness energizes us and is a highly sought after state of being.Feb 16, 201

Bạn định nghĩa hạnh phúc như thế nào?

Hạnh phúc có thể được định nghĩa là một trạng thái tinh thần lâu dài không chỉ bao gồm cảm giác vui vẻ, hài lòng và những cảm xúc tích cực khác mà còn là cảm giác rằng cuộc sống của một người có ý nghĩa và có giá trị (Lyubomirsky, 2001). Hạnh phúc tiếp thêm năng lượng cho chúng ta và là trạng thái được săn đón nhiều nhất. 16/02/201

HOW DOES SOCRATES DEFINE HAPPINESS

Basically, Socrates is concerned to establish two main points:
1) happiness is what all people desire: since it is always the end (goal) of our activities, it is an unconditional good,
2) happiness does not depend on external things, but rather on how those things are used.
Socrates định nghĩa hạnh phúc như thế nào?

Định nghĩa Hạnh phúc của Socrate

Về cơ bản, Socrates quan tâm đến việc thiết lập hai điểm chính:
1) hạnh phúc là điều mà tất cả mọi người đều mong muốn: vì nó luôn là mục đích (mục tiêu) hoạt động của chúng ta nên nó là một điều tốt đẹp vô điều kiện,
2) hạnh phúc không phụ thuộc vào những thứ bên ngoài mà phụ thuộc vào cách sử dụng những thứ đó

WHAT IS HAPPINESS ACCORDING TO NIETZSCHE

"Happiness is the feeling that power increases — that resistance is being overcome." — Nietzsche.Jun 14, 2018

Hạnh phúc theo Nietzsche là gì?

"Hạnh phúc là cảm giác sức mạnh tăng lên - sự kháng cự đó đang được vượt qua." — Nietzsche.

WHAT IS HAPPINESS ACCORDING TO PLATO AND ARISTOTLE

Plato's views of happiness generally consisted of the importance of morality and following the cardinal values of justice, fortitude, prudence, and temperance. Aristotle generally believed that it was important to use reasoning skills and live virtuously in order to achieve happiness.

Hạnh phúc theo Plato và Aristotle là gì?

Quan điểm của Plato về hạnh phúc nói chung bao gồm tầm quan trọng của đạo đức và tuân theo các giá trị cơ bản về công lý, lòng dũng cảm, sự thận trọng và tiết độ. Aristotle thường tin rằng điều quan trọng là phải sử dụng kỹ năng lý luận và sống có đạo đức để đạt được hạnh phúc.

WHAT ARE 4 THEORIES OF HAPPINESS

To determine the progress of happiness, we'll look at four theories of happiness: the "expectations" theory of happiness, the biological theory of happiness, the "finding meaning" theory of happiness, and the "present moment" theory of happiness.N

Lý thuyết về 4 hạnh phúc là gì?

Để xác định tiến trình của hạnh phúc, chúng ta sẽ xem xét bốn lý thuyết về hạnh phúc**:**
lý thuyết hạnh phúc "kỳ vọng", lý thuyết sinh học về hạnh phúc, lý thuyết "tìm kiếm ý nghĩa" về hạnh phúc và lý thuyết hạnh phúc "thời điểm hiện tại".

THE THREE KEYS TO HAPPINESS

Scientists have found that the three things that make people most happy are PLEASURE (doing things you enjoy), ENGAGEMENT (feeling interested in your activities and connected to others), and MEANING (feeling like what you do matters)
Ba chìa khóa dẫn đến hạnh phúc

Ba chìa khóa của Hạnh phúc

Các nhà khoa học đã phát hiện ra rằng ba điều khiến con người hạnh phúc nhất là NIỀM VUI (làm những việc bạn thích), SỰ DẤN THÂN (cảm thấy hứng thú với hoạt động của mình và kết nối với người khác) và Ý NGHĨA (cảm thấy những gì bạn làm đều quan trọng)

Happiness, in psychology, a state of emotional well-being that a person experiences either in a narrow sense, when good things happen in a specific moment, or more broadly, as a positive evaluation of one's life and accomplishments overall—that is, subjective well-being.Sep 17, Because it has so many diverse meanings to different people, happiness is extremely difficult to describe. While some individuals associate happiness with money and material achievement, others believe it to be rooted in feelings and devoted interpersonal connections.2023

To be happy in life, there are a few things that everyone agrees are essential. It can be difficult to define happiness because there are no set rules for how to get there. A very wealthy man dreams about having a loving family to be happy, whereas someone else thinks that his financial freedom will make him happy.

Hạnh phúc, trong Tâm lý học, là một trạng thái hạnh phúc về mặt cảm xúc mà một người trải qua theo nghĩa hẹp, khi những điều tốt đẹp xảy ra trong một thời điểm cụ thể, hoặc rộng hơn, là một đánh giá tích cực về cuộc sống và những thành tựu tổng thể của một người - nghĩa là, chủ quan. hạnh phúc, Vì nó có rất nhiều ý nghĩa đa dạng đối với mỗi người khác nhau nên hạnh phúc vô cùng khó diễn tả. Trong khi một số người liên kết hạnh phúc với tiền bạc và thành tựu vật chất, những người khác lại tin rằng nó bắt nguồn từ cảm xúc và sự kết nối tận tâm giữa các cá nhân.2023

Để hạnh phúc trong cuộc sống, có một số điều mà mọi người đều đồng ý là cần thiết. Có thể khó định nghĩa hạnh phúc vì không có quy tắc nào được đặt ra về cách đạt được điều đó. Một người đàn ông rất giàu có mơ ước có một gia đình yêu thương để được hạnh phúc, trong khi người khác lại cho rằng tự do tài chính sẽ khiến anh ta hạnh phúc.

IS HAPPINESS DIFFICULT TO UNDETRSTANT

Happiness is an emotion and a state of mind that can be difficult to understand. It's not always easy or straightforward to feel happy, even when life is going well.Dec 19

Hạnh phúc có khó hiểu không?

Hạnh phúc là một cảm xúc và một trạng thái tinh thần khó có thể hiểu được. Không phải lúc nào cũng dễ dàng và dễ dàng để cảm thấy hạnh phúc, ngay cả khi cuộc sống đang diễn ra tốt đẹp. 19/12

CAN HAPPINESS CAN BE DEFINED

Happiness, in psychology, a state of emotional well-being that a person experiences either in a narrow sense, when good things happen in a specific moment, or more broadly, as a positive evaluation of one's life and accomplishments overall—that is, subjective well-being.Sep 17, 2023

Hạnh phúc thực sự có thể được định nghĩa?

Hạnh phúc, trong tâm lý học, một trạng thái hạnh phúc về mặt cảm xúc mà một người trải qua theo nghĩa hẹp, khi những điều tốt đẹp xảy ra trong một thời điểm cụ thể, hoặc rộng hơn, là một đánh giá tích cực về cuộc sống và những thành tựu tổng thể của một người - nghĩa là, chủ quan. hạnh phúc. 17/09/2023

PHYLOSOPHY OF EDUCATION

Some philosophers believe happiness can be understood as the moral goal of life or as an aspect of chance; indeed, in most European languages the term happiness is synonymous with luck. Thus, philosophers usually explicate on happiness as either a state of mind, or a life that goes well for the person leading it.

Triết lý giáo dục

Một số triết gia tin rằng hạnh phúc có thể được hiểu là mục tiêu **Đạo Đức** của cuộc sống hoặc là một khía cạnh của cơ hội; quả thực, trong hầu hết các ngôn ngữ châu Âu, thuật ngữ hạnh phúc đồng nghĩa với may mắn. Vì vậy, các triết gia thường giải thích hạnh phúc là một trạng thái tinh thần hoặc một cuộc sống suôn sẻ đối với người dẫn dắt nó.

HẠNH PHÚC THEO MARX

“Hạnh phúc là đấu tranh” - Tư tưởng xuyên suốt cuộc đời Các Mác và ý nghĩa thời đại

(laichau.gov.vn)

Ngày 5/5/1818, tại thành phố Trier của nước Đức, nhà tư tưởng vĩ đại của nhân loại - Các Mác đã ra đời. Không chỉ là người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, C.Mác còn là vị lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới.

Ba Tây Dộc

Hai Đông Tà

Nghĩ gì ?

C.Mác đã dành trọn cuộc đời mình để đấu tranh vì hạnh phúc cho mọi người.
(Nguồn: tuyengiao.vn)

Cả cuộc đời và sự nghiệp của C.Mác là minh chứng cho tư tưởng Hạnh phúc là đấu tranh của ông. Đến nay, tư tưởng ấy vẫn còn nguyên giá trị và ý nghĩa đối với nhân loại, đồng thời tiếp tục soi sáng con đường cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.
Xuyên suốt cuộc đời của C.Mác là sự đấu tranh không ngừng để tìm hạnh phúc cho mọi người. Sinh ra trong một gia đình trung lưu, với cha là luật sư, bản thân ông học chuyên ngành luật, triết học và từng là chủ bút báo Rê-na-ri, C.Mác hoàn toàn có thể lựa chọn con đường đi bằng phẳng với cuộc sống an nhàn. Nhưng ông sống không chỉ vì hạnh phúc của cá nhân mà đã lấy con người làm trung tâm, đấu tranh không mệt mỏi vì hạnh phúc cho tất cả mọi người.

Ngay từ thời còn trẻ, trong bài luận tốt nghiệp trung học, ông đã bày tỏ quan điểm "Người nào đem lại hạnh phúc cho nhiều người nhất thì đó là người hạnh phúc nhất", và "Nếu ta đã chọn một nghề mà qua đó ta có thể cống hiến nhiều nhất cho nhân loại, thì ta sẽ không cảm thấy gánh nặng của nghề ấy, bởi vì đó chính là sự hy sinh vì mọi người… khi đó… hạnh phúc của ta sẽ thuộc về hàng triệu người"(1). Với ông, đó là "cuộc sống có ích" và sẽ được mọi người trân trọng. Tuy nhiên, hạnh phúc không phải tự nhiên mà có, để có được hạnh phúc thì phải đấu tranh để giành lấy. Và C.Mác đã dành trọn cuộc đời mình để đấu tranh vì hạnh phúc cho mọi người, cho quảng đại quần chúng cần lao.

Ở đây, đấu tranh mang ý nghĩa rộng lớn. Trước hết, để có được hạnh phúc, con người cần có tự do, mà để có tự do con người cần phải đấu tranh chống lại sự áp bức, bóc lột để giải phóng mình. Mang trong mình chủ nghĩa nhân đạo cao cả, với lòng trắc ẩn và những trăn trở, ưu tư, cảm thông đối với những người lao động, những người cùng cực trong xã hội, C.Mác quan niệm: hạnh phúc chính là sự tự do, là được làm chủ chính mình, được quyết định vận mệnh của mình, thoát khỏi xiềng xích nô lệ và mọi sự áp bức, bất công.

Do đó, mọi hoạt động lý luận và thực tiễn của ông đều vì mục tiêu mưu cầu sự tự do, hạnh phúc cho giai cấp vô sản trên toàn thế giới. Ông đứng về phe những người lao động nghèo khổ, giai cấp vô sản, đại diện cho họ, tìm cho họ con đường đấu tranh để giải phóng mình. Với khẩu hiệu "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!"(2), C.Mác cùng với Ph.Ăngghen đã liên hiệp, đoàn kết những người cùng khổ trên toàn thế giới đấu tranh để mưu cầu tự do, hạnh phúc, chống lại mọi sự áp bức, bóc lột, bất công, giải phóng giai cấp, giải phóng nhân loại và giải phóng con người…

Để tìm được tự do và hạnh phúc cho toàn nhân loại, nhất là với giai cấp vô sản và những người lao động cùng khổ sống dưới đáy xã hội, C.Mác cùng với người bạn vĩ đại Ph.Ăngghen đã tìm ra căn nguyên mọi sự khổ đau của con người, đó là nạn áp bức giai cấp, là chế độ người bóc lột người, là sự bóc lột của giai cấp thống trị đối với giai cấp bị trị trong chủ nghĩa tư bản. Từ đó các ông đã đấu tranh không ngừng chống lại giai cấp tư sản, chế độ tư hữu. Không chỉ dùng ngòi bút để luận chiến, C.Mác còn là lãnh tụ các phong trào cách mạng của giai cấp công nhâ

TẠI SAO MARX SAI

Nguồn: Carl Bildt, "Why Marx Was Wrong", *Project Syndicate,* 09/05/2018.

Biên dịch: Đậu Thế Hoàng | **Biên tập:** Lê Hồng Hiệp

Dịp kỷ niệm 200 năm ngày sinh của Karl Marx đã làm cho nhiều người quan tâm tới các tác phẩm của ông, cùng với việc khánh thành bức tượng tại quê nhà của ông ở Trier, Đức.

Tại lễ kỷ niệm chủ nghĩa Marx ở Bắc Kinh vào tuần trước, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tuyên bố, "như ánh mặt trời lóa rạng, học thuyết này đã soi sáng con đường cho nhân loại khám phá quy luật của lịch sử và tìm đường giải phóng chính mình." Ông còn tuyên bố rằng Marx "đã chỉ ra con đường lý thuyết khoa học để tiến tới một xã hội lý tưởng nơi mọi người được hưởng sự bình đẳng và tự do, không còn áp bức hay bóc lột."

Do những điều ông Tập phát biểu là ở một nước Trung Quốc theo chủ nghĩa Marx, những người tham dự không còn lựa chọn nào khác ngoài việc đồng tình với chúng. Tuy nhiên, phát biểu tại Trier cùng ngày, Chủ tịch Uỷ ban châu Âu Jean-Claude Juncker cũng đưa ra nhận định riêng của mình khá hào phóng với Marx: "Ngày nay, ông bị gán cho những thứ mà ông không phải chịu trách nhiệm và cho những việc không phải do ông gây ra, bởi có nhiều quan điểm ông viết ra đã được biên soạn lại thành những điều đối nghịch."

Ý nghĩa đằng sau câu nói này của Juncker chưa thực sự rõ ràng. Xét cho cùng, chủ nghĩa Marx gây ra đau khổ cho hàng chục triệu người vốn đã bị buộc phải sống dưới những chế độ tự ủng hộ chủ nghĩa Marx. Phần lớn trong thế kỷ 20, 40% nhân loại phải chịu cảnh đói ăn, lao động cưỡng bức, bị kiểm duyệt và các hình thức đàn áp khác dưới tay của những người tự xưng là các nhà Marxist.

Trong phát biểu của mình, Juncker dường như muốn ám chỉ đến phản đề thường thấy: tội ác của những người cộng sản trong suốt thế kỷ 20 đều do người ta bóp méo tư tưởng của Marx, chứ bản thân ông không phải chịu trách nhiệm.

Lập luận này có hợp lý không? Marx đã dành phần lớn cuộc đời mình để phân tích nền kinh tế chính trị phương Tây trong giai đoạn công nghiệp hoá vào giữa thế kỷ 19. Song, những ảnh hưởng

lâu dài của ông liên quan tới những tư tưởng của ông về tương lai cũng như tác động của chúng đối với xã hội. Khi xem xét di sản của Marx, chúng ta không thể bỏ qua khía cạnh này.

Marx coi tài sản Tư hữu là căn nguyên của mọi tội lỗi trong các xã hội tư bản mới nổi trong thời đại của ông. Theo đó, ông tin rằng chỉ bằng cách bãi bỏ nó mới giải quyết được sự phân chia giai cấp trong xã hội và qua đó đảm bảo cho một tương lai hòa hợp của con người.

(Marx chối bỏ ***nhu cầu thiết thân (Tư hữu) của sự sống con Người , đó là lý luận nền tảng nông cạn của Marx vừa Bất Nhân lẫn Bất Công. .***

Marx đã mặc nhiên hủy diệt sự sống của con người!

(Lời người trích đăng)

Sau này, cộng sự của Marx là Friedrich Engels tuyên bố rằng dưới chế độ cộng sản, nhà nước sẽ không còn cần thiết nữa và "sẽ lụi tàn đi." Những lời khẳng định này không phải là suy đoán, mà đúng hơn là được đưa ra như các tuyên bố khoa học về viễn cảnh tương lai.

Nhưng, tất nhiên những luận điểm đó đều là rác rưởi, và học thuyết về lịch sử của Marx – chủ nghĩa duy vật biện chứng – đã được chứng minh là sai lầm và nguy hiểm trong mọi khía cạnh thực tiễn. Nhà triết học lỗi lạc thế kỷ 20, Karl Popper, một trong những người phê bình Marx mạnh mẽ nhất, đã gọi Marx là "nhà tiên tri sai lầm." Và nếu cần thêm bằng chứng, thì đó là việc các quốc gia ủng hộ chủ nghĩa tư bản trong thế kỷ 20 đã trở thành những xã hội dân chủ, cởi mở và thịnh vượng.

Ngược lại, những chế độ từ chối chủ nghĩa tư bản và đi theo chủ nghĩa Marx đều đã thất bại, và không phải do trùng hợp ngẫu nhiên hay là do những tín đồ của chủ nghĩa Marx hiểu lầm học thuyết của ông. Bãi bỏ chế độ tư hữu và thiết lập nền kinh tế nhà nước không chỉ cướp đi tinh thần kinh doanh, vốn rất cần cho việc thúc đẩy xã hội phát triển, mà thậm chí còn xoá bỏ quyền tự do của con người.

Bởi chủ nghĩa Marx coi tất cả những mâu thuẫn trong xã hội là sản phẩm của đấu tranh giai cấp, điều sẽ biến mất khi quyền tư hữu tài sản không còn, nên sau khi xây dựng chủ nghĩa cộng sản thì sự bất đồng quan điểm không còn được cho phép. Theo mặc định, bất kỳ thách thức nào đối với chế độ mới đó đều được coi là tàn dư bất hợp pháp của chế độ áp bức trước đó.

Do đó, những chế độ theo chủ nghĩa Marx trên thực tế đều là sự mở rộng mang tính logic của học thuyết Marx. Tất nhiên Juncker đã đúng khi cho rằng Marx, qua đời 34 năm trước Cách mạng Nga, không phải chịu trách nhiệm đối với những trại cải tạo lao động, nhưng các *tư tưởng* của Marx phải chịu trách nhiệm đối với chúng.

VÀI LỜI VỀ CHỦ NGHĨA MÁC MAO HỒ

Marx đã đấu tranh cho Hạnh phúc mọi người bằng cách ***tước bỏ Quyền Tư hữu tức là tước bỏ*** **Đạo làm Người,** *vì " không Thực " thì làm sao mà " vực được Đạo làm Người " .*

Cái ngược đời là muốn Thực để khỏi chết thì phải làm Nô lê chủ nghĩa Marx, chủ nghĩa Marx đã hết Thời cao rao Nước Bọt nên quan Thầy Tàu cộng đành phải theo đuôi **CHẾ ĐỘ TƯ BẢN RẪY CHẾT** *để vực lại miếng ăn mà mình đã* **ĐẤU TRANH** *để* **TƯỚC ĐOẠT** *!!!*

CSVN không thể theo Tàu Cộng và Nga cộng để được lên **THIÊN ĐÀNG TRẦN GIAN** *mà chết đói, nên buộc phải theo* **TƯ BẢN RẪY CHẾT** *mà kiếm ăn!*

Năm 1972 , Nam Hàn còn thua xa VNCH, còn nay thì không biết bao nhiêu năm nữa VN mới lẻo đẻo theo sau đuôi Nam Hàn !.

Do đó mà có chủ nghĩa Marx " **Vĩ Đại " ở chỗ : NÓI XUÔI LÀM NGƯỢC** *", nhờ đó mà CS VN được có biệt danh là* **VẸM** *(VM) .*

Nói **tranh đấu cho Hạnh phúc mọi người***. Làm là* **tước quyền Tư hữu và Tự do của mọi người** *để cho* **đảng muôn đời quang vinh** *với* **Chuyên Quyền và Trấn lột nhân dân** *(Do bản chấtt Tham tàn Cường bạo) .*

Khi Nói đến NHÂN ÁI là bắt đầu chuẩn bị Chiến dịch Giết NGƯỜI

Khi Nói đến CÔNG BẰNG là chuẩn bị Cải cách để cướp CỦA.

NHÂN ÁI CÔNG BẰNG của CS chỉ là hai bức Mành mành: Rèm che TỘI BẤT NHÂN & BẤT CÔNG

Nói là **Tự do.** *Làm là* **bắt tòan dân khai sổ Hộ khẩu** *để kiểm sóat sinh hoạt từng người và* **phát tem phiếu Thực phẩm** *để kiểm soát miếng ăn từng nhân khẩu.*

Nói **Dân chủ Tập trung** *nhưng độc tài với toàn dân, tuy Dân chủ chỉ với Ủy viên Trung ương, nhưng lại có* **Ban ám sát Trung ương** *để tiêu diệt thành phần Trung ương theo Chủ nghĩa xét lại .*

Nói là **Luật pháp công minh***, nhưng xét xử Án* **theo luật Bỏ túi của đảng** *tức theo* ***Luật Rừng Xanh của đảng Dỏ* .**

Nói là **Yêu nước thương Nòi,** *mà Làm là phá tan* **Thượng tầng kiến trúc : Văn Hóa của quốc gia Dân tộc** *:* **Nhân Nghĩa Bao dung** *(* **Chí Nhân đại Nghĩa** *) để thay vào* Lý thuyết Mác Mao Hồ : **Tham tàn Cường bạo**.

Nói là **thương Nòi**, *nhưng Làm theo* **Hận thù Giai cấp** *để dành độc quyền Sống độc tôn giúp cho* ***Trung ương giữ độc đảng mà đôc trị*** .

Nói là **đề cao Công Nông nhưng chỉ dùng Công Nông như phương tiện** *dùng Số đông "* **Lầy thịt đè người "** *trong Đấu tố dành Chính quyền , giúp đảng viên cao cấp lo toan đem Vật bản thay cho Nhân bản của Dân tộc !*

Nói là **Đảng CSVN muôn đời quang vinh** *nhưng* **Hai phe trâu Cày Trâu cột đang xâu xé nhau**.

<u>Nói</u> *là "* **Không có gì quý hơn Độc lập Tự do**, *nhưng Làm* **Nô lệ hai quan Thầy Tàu Cộng và Nga Cộng** ***<u>Làm</u>*** *là* **thực hiện CM Vô sản triệt để với tiêu chuẩn**

" **Thà Giết lầm hơn bỏ sót"**

Nói là " **Tư bản rẫy chết** *" Làm là theo "* **Mỹ cút** *" để kiếm ăn mà sinh tồn.*

Nói là **Yêu nước Thương Nòi** . *Làm là* **tiêu diệt dần mòn thành phần yêu Nước** *giùm cho Trung Cộng. Làm ăn là đem Nam và Nữ giới làm Lao Nô và Bán Dâm khắp thế giới .*

Nói là **Cần Kiệm Liêm Chính, Chí Công vô tư**, *Làm là Đảng viên nhất là Đảng viên cao cấp* **tham nhũng tràn lan**, *không cách nào giải quyết vì* **bản chất Đảng là Tham tàn Cường bạo**, *muốn làm Trong sạch đảng chỉ có cách duy nhất là "* **Đảng phải giải tán Đảng "** *!*

Nói là **Đổi mới** *nhưng chuyên Làm* **toàn chuyện Khôn vặt, gian tham , mành mung, đểu cáng, lừa lọc nhau, chèn ép nhau, đấm đá nhau , giết hại nhau để dành miếng ăn**.

Để thực hiện **Chính sách Ngụy thuyết trên** CS đã dùng **Ban Tuyên Huấn dùng khối Nước Bọt,** bắc Loa khắp nơi, từ góc đường từng Thành phố, từ đầu Đường đến xó Chợ Thôn quê , Loa cứ Ra Rả suốt Sáng suốt Trưa, suốt Ngày, Loa ra rả suốt Ngày, suốt Tháng, suốt Năm, Năm này qua Năm khác làm " Đinh Tai nhức Óc " ai từ chối không nghe cũng phải nghe, để xích hóa Bần Cố nông và Nhân dân với Mục đích " **Biến LỘNG GIẢ thành CHÂN "**

Đó là Xảo thuật Cai trị của CS, hầu gieo Ý tưởng Dế quốcThực dân, Địa chủ, Thương gia đều tán ác, giam tham, tất cả cần phải tiêu diệt, Trí thức thì phản Quốc cần tránh xa, chỉ có CS mới Yêu Nước Thương Nòi ! Nên phải Giao mọi thứ cho Đảng Quản Lý!

Kết quả mọi thứ thuộc Quốc gia , thuộc Tài sản Nhân dân đều do Đảng Quản Lý: Nhân đần , Tài sản Nhân dân , luật pháp Quốc gia , Quyền Sống Nhân Dân đều do đảng thao túng, cầm cân nảy mực theo CS : Bất Nhân & Bất Nghĩa !

Kết quả cuối cùng là CS quyết nhào nặn con Người Vô thần, <u>phải Tẩy xóa Lương Tâm để giáng cấp con Người từ Nhân quyền xuống Vật quyền,</u> (Mao đã tìm cách Tẩy Não hầu xóa Lương Tâm, nhưng đà thất bại).

Ai có tin vào và tôn trong Vật quyền thì mới có thể thực hiện được Chủ nghĩa CS. Trong chế độ CS , vì vắng bóng con Người thì làm sao có được Nhân quyền , nên Trung Cộng mới bào chữa là Nhân quyền phụ thuộc vào Địa phương , nơi Địa phương đây thì Vật quyền được tôn lên làm Nhân quyền!

Để " làm sáng tỏ những lời viết trên " , chúng tôi xin trích một đoạn trong Bài viết của:

" MỘT PHÓNG VIÊN NGƯỜI ĐỨC VIẾT VỀ VIỆT NAM:

CHUYỆN BUỒN VIỆT NAM

" Mời các Bạn đọc đoạn kết cuốn sách của tác giả người Đức này, quá hay, khi nào sách in ra, mỗi người chúng ta nên mua một vài cuốn để dành cho con cháu, chắt chúng ta đọc để chúng hiểu sự thật lịch sử. Người Đức... nhưng anh nầy có vẻ hiểu chuyện VN hơn rất nhiều người... Cuốn sách Đức: "A reporter's love for a wounded people" của tác giả Uwe Siemon-Netto đã được viết xong và đang chờ một số người viết "foreword" và endorsements.

. . .

" Cho đến tận ngày hôm nay tôi vẫn còn bị ám ảnh bởi cái kết luận tôi bắt buộc phải rút ra từ kinh nghiệm về Việt Nam là:

Khi một nền Văn hóa Bê tha Hủ hóa đã mệt mỏi về lòng Hy sinh, nó sẽ có khả năng vứt bỏ tất cả. Nó đã chín mùi để Bỏ rơi một Dân tộc mà đáng lẽ nó phải Bảo vệ.

Nó còn thậm chí sẵn sàng Xóa đi những Mạng sống, Sức khoẻ về Thể chất và Tinh thần, Nhân phẩm, Trí nhớ và danh Thơm của những Thanh niên đã được đưa ra mặt trận. Điều này đã xẩy ra trong trường hợp các cựu Chiến binh Việt Nam.

Tác động của sự khiếm khuyết đã ăn sâu trong các nền Dân chủ Tự do này rất đáng sợ vì cuối cùng nó sẽ phá hỏng Chính nghĩa và tiêu diệt một Xã hội Tự do. Tuy nhiên tôi không thể kết thúc câu chuyện ở đây bằng điều Tăm tối này được.

Một người quan sát về Lịch sử, tôi biết là Lịch sử, mặc dù được khép kín trong quá khứ, vẫn luôn luôn mở rộng ra tương lai. Là một KiTô hữu tôi biết ai là Chúa của lịch sử.

Chiến thắng của Cộng sản dựa vào " những căn bản Độc ác: Khủng bố, Tàn sát và Phản bội."

Hiển nhiên tôi không biện minh cho chuyện tiếp tục đổ máu nhằm chỉnh lại kết quả, cho dù có khả thi đi chăng nữa. Nhưng là một người ngưỡng mộ tính kiên cường của dân tộc Việt Nam, tôi tin là họ sẽ cuối cùng tìm ra phương cách Ôn hòa và các Lãnh tụ chân chính để họ có thể thoát khỏi những tay Bạo chúa. Có thể sẽ phải mất nhiều thế hệ, nhưng điều đó sẽ xẩy ra.

Trong ý nghĩa này, tôi bây giờ chỉ muốn xếp hàng vào đoàn xích-lô bên ngoài ga xe lửa Huế vào năm 1972, nơi chẳng có người khách nào quay trở lại. Chỗ của tôi ở đâu bây giờ? Tôi còn lại gì nữa ngoài niềm hy vọng? "

(Nguồn vietnamvanhien.net)

Nay nhờ Tư bản giúp " Làm ăn " tuy đã có miếng ăn, nhưng CSVN cứ mãi say mê chiến thắng , mà còn quên việc vô cùng quan trọng là " LÀM NGƯỜI " để thóat LỐT NGỢM !

***Những tiến bộ vật chất nếu đạt được cũng không mang lại* NHÂN TÌNH *(Tình Yêu) và* NHÂN TÍNH (Lẽ Phải Người Phải Ta *) cho con* NGƯỜI** thì vẫn còn **Văn minh Mông muội, chưa thấy bóng dáng CON NGƯỜI.**

Cầu xin Ơn Trên soi sáng cho mọi người dân Việt Nam bất cứ ở đâu đều nhận ra nhau là Anh Em Đồng bào, biết yêu thương nhau, tôn trọng nhau, hành xử công bằng " Phải Người phải Ta " với nhau cùng chung Lòng chung Trí chung vai góp Sức với nhau , canh tân nếp sống, trau dồi " Tư cách Làm Người " và " khả năng Làm Việc ", giúp nhau xây Tổ Ấm Gia đình, dựng nền tảng Quốc gia hầu nâng cao Dân sinh, Dân Trí và Dân khí thì mới mong toàn dân vươn lên vực dậy cho được Ấm No Hạnh phúc.

Xem ra chỉ có độc Đạo là phục hoạt lại tinh thần " NHÂN NGHĨA, BAO DUNG hay CHÍ NHÂN ĐẠI NGHĨA " của DÂN TỘC và THANH TẨY CHO HẾT NỌC ĐỘC " THAM TÀN CƯỜNG BẠO " CỦA MÁC MAO HỒ.

Để đúc kết tinh thần đấu tranh giữa hai nền Văn Hóa Nông nghiệp của Việt Nam và Văn Hóa Du mục của Trung Hoa , **Cụ Nguyễn Trãi đã tóm tắt một cách tài tình như sau:**

Lấy <u>Đại Nghĩa</u> để thắng <u>Tham tàn</u>

Đem <u>Chí Nhân</u> mà thay <u>Cường bạo</u>

[Nguyễn Trãi . BNDC]

" Chí Nhân Đại Nghĩa " là Tinh hoa của Việt Nho thuộc Văn Hóa Nông nghiệp Đông phương.

" Tham tàn Cường bạo " là rác rưởi thuộc Văn Hóa Du mục, nguồn gốc của CS ở Tây phương.

Tóm lại

CSVN do Hồ Chí Minh cầm đầu đã nhân danh Bần cố nông, nhân danh công nhân nghèo đói, nhân danh Dân tộc, nhân danh Chính nghĩa Quốc gia, nhân danh mọi thư tốt đẹp nhất của Thiên đường trần gian (mù) , nay đã đem " Tham tán Cường bạo " ra Ánh sáng không ai có thể chối cãi.

Là những chuyện nát gan xẻ thịt, nhưng chúng ta hằng cố vui lòng bao dung, CSVN viện cớ bị áp bức bóc lột mà làm càn: Giết Người để Cướp Của ", cái đáng nói ở đây khi đã biến thành Tư bản đỏ rồi còn khư khư lấy nếp sống Vật bản man rợ, mà cư nhân danh Văn minh Nhân bản, cứ làm lơ tinh thần : Chí Nhân Đại Nghĩa " của Dân tộc mà khư khư bám lấy Nọc độc " Tham tàn Cường bạo " của Mác Mao mà tàn Dân hại Nước mãi sao là điều đáng quan tâm ?!

Thảm thương thay !

Cầu Xin Hồn Thiêng Sông Núi Soi sáng và Độ Trì cho Toàn dân VN thoát khỏi Quốc nạn và Quốc nhục! Kỳ vọng thay!

BỐN LÝ THUYẾT HẠNH PHÚC

I.- HẠNH PHÚC TỪ NHỮNG ĐIỀU NHỎ NHẶT

LỐI SỐNG SOHWAKHAENG

Có lẽ sau những bộn bề cuộc sống, chạy đua với thời gian những công việc chưa hoàn thành làm chúng ta thấy áp lực, mệt mỏi, mà quên đi hạnh phúc của riêng mình. Ở Hàn Quốc – một quốc gia được biết đến với sự năng động nhưng lại tồn tại một lối sống giản dị đặc biệt. Lối sống Sohwakhaeng, hãy cùng du học Tín Phát tìm hiểu về lối sống thú vị này nhé!

Lối sống Sohwakhaeng là gì?

소확행 (小確幸: **Tiểu Xác hạnh**, Xác : Bền lâu) là chữ viết tắt của 소소하지만 확실한 행복 – "Hạnh phúc nhỏ nhưng chắc chắn".

Sohwakhaeng là lối sống tìm kiếm hạnh phúc bằng cách tận hưởng những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống hằng ngày. Tìm kiếm hạnh phúc từ những điều nhỏ nhặt thay vì theo đuổi những mục tiêu quá lớn lao, vĩ đại. Chúng ta có thể cảm thấy vui vẻ và hạnh phúc nhiều hơn mà không cần có những tác động từ bên ngoài. Ngoài ra, chất lượng, sự cân bằng cuộc sống của chính chúng ta cũng được thay đổi trở nên tốt đẹp hơn.

Lối sống Sohwakhaeng – Hạnh phúc từ những điều nhỏ bé

Lịch sử hình thành lối sống Sohwakhaeng

Sohwakhaeng được giới thiệu lần đầu trong tập tiểu thuyết "Buổi chiều trên đảo Langerhans" (1990) của tiểu thuyết gia người nhật Haruki Murakami.

Giống như lý thuyết về hạnh phúc mà Ma Kwang-soo đã nhấn mạnh. "Hạnh phúc đến từ những điều nhẹ nhàng nhất. Ngày hè nắng gắt, mưa rơi ta thấy vui, khi thưởng thức ly cà phê, ta cảm thấy vui vẻ. Giống như cảm giác hạnh phúc khi cơ thể đẫm mồ hôi được gột rửa bởi một suối nước ngọt".

Lối sống này được lan tỏa nhiều hơn ở cuộc sống hiện đại ngày nay. Khi người trẻ quay cuồng với những bộn bề, áp lực và đôi lúc là thiếu niềm tin vào chính bản thân mình, lối sống Sohwakhaeng như giúp bạn sống chậm lại, nhìn nhận chính mình với những niềm vui nhỏ bé từ cuộc sống. Hạnh phúc đến giản đến từ những điều đơn giản, được sống trọn vẹn từng phút giây ý nghĩa nhất. Với những bạn trẻ sống xa nhà, giường như niềm vui từ hạnh phúc sum họp bên gia đình là điều "xa xỉ", tuy nhiên với lối sống tích cực, yêu bản thân và tích lũy niềm vui nhỏ bé sẽ là liều thuốc tinh thần giàu giá trị với họ.

Đặc điểm nổi bật của lối sống Sohwakhaeng

Cuộc sống hằng ngày xung quanh chúng ta có thứ rất bình thường có thể xảy ra một cách dễ dàng như tìm được một quán ăn ngon, đi làm không bị tắc đường hay mua được một món quà mà mình thích. Có lẽ trong khoảnh khắc đó chúng ta đã cảm nhận được hạnh phúc của bản thân mình.

Ở Hàn Quốc, lối sống Sohwakhaeng được bắt gặp và phổ biến rộng rãi trong chính cuộc sống hằng ngày.

Tam đại chung vui

Khoảnh khắc gia đình sum vầy bình dị nhưng có thể xa xỉ với rất nhiều người

Tiêu dùng

Các mô hình tiêu dùng cho thấy xu hướng tập trung nhiều hơn vào việc lấp đầy sự hài lòng của bản thân hơn là để phô trương. Các cửa hàng bách hóa đang chú ý đến tâm lý hài lòng của những khách hàng tìm kiếm niềm hạnh phúc nho nhỏ trong những món ăn ngon.

Họ tập trung vào lĩnh vực kinh doanh thực phẩm như nhà hàng hay khu ẩm thực, thay vì các thương hiệu cao cấp. Doanh số những mặt hàng phục vụ bản thân như trò chơi, sản phẩm nhân vật cũng đang được tăng lên. Hiện nay, có rất nhiều người chi tiền cho các sản phẩm như mô hình hay đồ của thần tượng như poster, album, vé xem biểu diễn… ngày càng nhiều. Ngoài ra, còn có những mặt hàng chăm sóc bản thân như dưỡng da, son môi,… đang tăng một cách chóng mặt.

Những điều trên cho ta thấy mọi người đang chú trọng hơn về quan tâm đến bản thân của mình hơn, thỏa mãn những nhu cầu cá nhân ngày càng cao.

Chế độ ăn heatthy cung cấp đủ dinh dưỡng mà không quá cầu kỳ

Chương trình giải trí

Các chương trình truyền hình và phim cũng không ngoại lệ. Đại diện là "Three Meals a Day" trên tvN, chiếu các định dạng đơn giản với nội dung là vui chơi, làm việc và ăn uống. Chính những thói quen hàng ngày như vậy có sức hấp dẫn lớn đối với người xem.

Một chương trình nổi tiếng khác là "Hyori's Bed Breakfast" trên JTBC. Với lối sống thoải mái của Lee Hyori và chồng cô trên đảo Jeju, chương trình đã được đón nhận nồng nhiệt vì mang đến cho người xem những niềm an ủi tĩnh lặng trong cuộc sống hàng ngày.

Sohwakhaeng cũng nhớ lại một bộ phim mang tên "Little Forest" ghi lại sự thay đổi của bốn mùa và sự phong phú của thiên nhiên. Bộ phim mở ra một cuộc sống ở nông thôn, nấu nướng và ăn những món ăn theo mùa và tìm những thú vui nho nhỏ bên gia đình và bạn bè.

Chương trình giải trí Hàn Quốc hướng tới cuộc sống thanh bình, giản dị

Du lịch

Du lịch cũng cho thấy xu hướng đi đến những nơi gần hơn, thay vì chi một số tiền lớn để đến thăm các quốc gia xa xôi. Một chuyến đi ngắn ngày cuối tuần như một nơi nghỉ ngơi cuối tuần, đi du lịch quanh một khu vực có diện tích nhỏ hơn một km, được gọi là một dặm tiết kiệm, hoặc dành một kỳ nghỉ ngắn ngày trong khách sạn đều là những dấu hiệu của Sohwakhaeng.

Vậy giới trẻ Hàn Quốc xu hướng du lịch ngắn ngày cũng đang trở thành xu hướng. Với rất nhiều du học sinh tại Hàn Quốc cũng ưa thích việc thích đi du lịch gần hơn là những nơi xa, tốn nhiều chi phí. Những dịa điểm du lịch vẻ đẹp mộc mạc, nhưng mang đậm màu sắc văn hóa Hàn Quốc. Các bạn du học sinh cũng có thể lựa chọn các địa danh hoài cổ và gần gũi với thiên nhiên có mức giá bình dân hơn mà thỏa sức trải nghiệm.

*Làng cổ Bukchon Han**bok** – **chốn bình yên giữa lòng Seoul***

Du học sinh có nên áp dụng lối sống Sohwakhaeng không?

Lối sống Sohwakhaeng giúp con người tập trung vào những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống để tạo ra hạnh phúc và thỏa mãn tinh thần cá nhân. Lối sống này giúp con người trân trọng từng khoảnh khắc thường nhật và tận hưởng mọi thứ trọn vẹn, thay vì rong ruổi theo những ước mơ xa vời. Đối với du học sinh – những người trẻ có nhiều đam mê, hoài bão lớn lao có vẻ như lối sống này sẽ có phần đảo ngược. Tuy nhiên Sohwakhaeng lại rất phù hợp với các bạn.

Đơn cử như việc biết trân trọng những điều nhỏ nhặt xung quanh mình, trân trọng chính mình là cách bạn không đánh mất ý chí, tiếp tục cố gắng đạt được những điều lớn lao hơn.

Du học sinh có thể áp dụng lối sống Sohwa Khaeng vào cuộc sống ngay bây giờ chẳng hạn như việc đặt mục tiêu cho việc học tập một ngoại ngữ, trong cuộc sống… Ví như việc học ngoại ngữ, mỗi ngày bạn cố gắng học tốt hơn một chút, học tập chăm chỉ hơn một chút. Du học ở một đất

nước xa lạ, đừng ngại nếu có thêm những người bạn tỏ ý làm quen mình. Hãy thực sự hòa đồng và tìm thêm cho mình những người bạn tốt. Đôi khi cuộc sống có những lúc mệt mỏi, áp lực hãy làm một chuyến du lịch cùng các bạn, chia sẻ nhiều hơn suy nghĩ của mình. Hạnh phúc đúng nghĩa đến từ những điều bình dị. Chỉ cần bạn biết bạn đang cần gì, muốn trở thành ai và mình sẽ hiện thực hóa điều mong muốn đó bằng mọi cách.

Món kimpap truyền thống của người Hàn Quốc

Ở Du học Tín Phát cũng luôn khuyến khích học viên nỗ lực từ những điều nhỏ nhất. Một môi trương với cuộc sống kỷ luật, tự lập nhưng ngập tràn niềm vui. Các bạn được tự tổ chức những hoạt động tập thể đặc biệt, tham gia khám phá văn hóa nước bạn và hàng loạt những hoạt động ngoại khóa bổ ích. Từ đó dần hình thành nên tư duy tốt, xây dựng kỹ năng mềm là hành trang du học hữu ích. Ở Du học Tín Phát cũng luôn khuyến khích học viên nỗ lực từ những điều nhỏ nhất. Một môi trường với đội ngũ giáo viên nước ngoài cũng như trong nước có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giảng dạy cũng như sinh sống và làm việc tại nước ngoài, sẽ là cơ hội lớn để các bạn du học sinh khi đến với Tín Phát sẽ có những hành trang vững chắc để có thể phát triển trong tương lai.

Học viên Tín Phát trong các hoạt động ngoại khóa tại nước bạn

Bạn đang có nhu cầu tìm hiểu du học Hàn Quốc? Hãy tìm hiểu tất cả những thông tin hữu ích và đăng ký chương trình du học tại Tín Phát qua số hotline: ***0879 001 118***

Đọc thêm:

Hàn Quốc thích hợp với những bạn có tính cách như thế nào?

Hàn Quốc có "dễ thương" như trên phim?

Nếu được chọn lại, bạn vẫn chọn Hàn Quốc để đi du học chứ?

II.- LÝ THUYẾT HẠNH PHÚC CỦA ALBERT EINSTEIN :

Sống KHIÊM TỐN mà BÌNH AN còn hơn GIÀU CÓ ĐẦY ÂU LO

KINH DOANH

Hãy dừng lại một chút và suy nghĩ về những gì mà Einstein đã nói.

Nếu hỏi ngẫu nhiên 3 người mà bạn tình cờ gặp được ở trên đường rằng hạnh phúc với họ là gì, thì chắc chắn, bạn sẽ nhận được 3 đáp án hoàn toàn khác nhau. Đây là một khái niệm khá trừu tượng, bởi nó sẽ thay đổi với từng cá nhân, từng hoàn cảnh hoặc thậm chí là từng khung giờ trong một ngày. Nhưng nó là thứ mà tất cả mọi người đều hướng đến và thường thì không thể đạt được.

Nếu có bí quyết để trở nên hạnh phúc thì hầu hết tất cả mọi người đều sẵn sàng chi hàng nghìn, thậm chí là hàng triệu USD để có được nó. Và trên thực tế, đã có một số người làm như vậy. Vài năm trước, một cuộc đấu giá nhỏ đã diễn ra tại Jerusalem. Trong số các vật phẩm được đấu giá, có 2 mảnh giấy trông rất đỗi bình thường nhưng giá trị của chúng lại không hề nhỏ. Một mảnh được định giá 1.56 triệu USD. Và mảnh còn lại có giá 240 nghìn USD.

Chúng có gì đặc biệt mà lại khiến người ta sẵn sàng bỏ cả gia tài để sở hữu? Đó chính là bí quyết có được hạnh phúc của Albert Einstein, một người đàn ông thiên tài.

LỰA CHỌN CỦA ACHILLES

Một trong những điều ấn tượng nhất của "The Illiad", được kể lại bởi người thợ rèn thời cổ đại Homer chính là những lựa chọn mà Achilles có được khi vừa mới được sinh ra bởi người mẹ của mình, nữ thần Thetis: Sống một cuộc đời ngắn ngủi, không hạnh phúc nhưng đầy vinh quang, được ghi nhớ muôn đời. Hay sống một cuộc sống lâu dài, hạnh phúc, bình yên nhưng sẽ sớm bị lãng quên.

Achilles chọn một cuộc đời vinh quang. Ông không ngừng chiến đấu, giết chết Hector, người bảo vệ vĩ đại của thành Troy. Nhưng sau đó, Achilles lại ra đi bởi một mũi tên bắn vào gót chân của Paris. Những chiến tích của ông đã đi vào huyền thoại và hàng nghìn năm sau vẫn được đưa ra thảo luận như một vị anh hùng đáng kính.

Tuy nhiên, nếu xem xét kỹ bản sử thi của Homer, bạn sẽ thấy sự lưỡng lự, phân vân của Achilles. Ban đầu, ông hướng về quê hương và muốn sống một cuộc đời bình yên và hạnh phúc. Nhưng bằng một cách nào đó, trong sâu thẳm, người anh hùng vĩ đại này biết đâu mới thật sự là con đường mà mình nên đi.

CON ĐƯỜNG CỦA EINSTEIN

Hàng nghìn năm sau. Vào năm 1921, Albert Einstein được trao giải Nobel Vật lý và là người đứng đầu trong lĩnh vực này. Ông đã có những chuyến công du ở rất nhiều nước,

tham gia vào các bài giảng và có cơ hội chia sẻ kiến thức của mình với công chúng trên toàn thế giới. Như một phần trong hành trình của mình, Einstein đã đến thăm Nhật Bản vào năm 1922.

Câu chuyện kể rằng khi nhà khoa học lỗi lạc này đang rời khỏi khách sạn của mình ở Tokyo thì **một nhân viên khuân vác hành lý đã đến và đưa cho ông một thứ gì đó. Và không biết vì lý do gì mà Einstein lại không cho anh ta tiền tip như thường lệ**. Thay vào đó, ông lấy giấy bút ra và viết, thứ mà ngày nay chúng ta vẫn gọi là **lý thuyết hạnh phúc của Einstein.**

Albert Einstein từng nói: **"Một cuộc sống bình lặng và khiêm tốn sẽ mang lại nhiều hạnh phúc hơn là việc theo đuổi thành công nhưng lại thường xuyên phải bồn chồn, lo lắng."**

Theo những người khám phá ra thuyết tương đối, việc chạy theo tiền bạc, quyền lực và xây dựng sức ảnh hưởng sẽ rất mệt mỏi và thường xuyên bồn chồn, lo lắng.

Còn một cuộc sống bình lặng, khiêm tốn sẽ mang lại cho bạn nhiều hạnh phúc hơn. Hãy dừng lại một chút và suy nghĩ về những gì mà Einstein đã nói.

Điều mà hầu hết tất cả mọi người trong thế giới hiện đại coi là quan điểm sống sai lầm. Trái ngược hoàn toàn với những người rao giảng về "văn hóa sống vội" của thế kỷ 21, người đàn ông được mệnh danh là biểu tượng của thiên tài lại tin rằng một cuộc sống bình lặng và khiêm tốn mới thật sự là hạnh phúc. Hoàn toàn trái ngược với Achilles, ông khuyên mọi người nên chọn một cuộc sống bình yêu lâu dài.

TRIẾT LÝ SỐNG CỦA EINSTEIN

Albert Einstein rất hâm mộ Baruch Spinoza, một nhà triết học người Hà Lan, gốc Do Thái và sống ở thế kỷ 17. Phần lớn các triết lý trong cuộc sống mà Einstein chiêm nghiệm được đều chịu ảnh hưởng rất lớn từ nhà tư tưởng vĩ đại này.

Cuộc sống của **Spinoza** như một bức tranh thu nhỏ, là minh chứng rõ ràng nhất cho ý tưởng của Einstein về **sự bình yên và khiêm tốn.** Ông từ chối chức vụ giáo sư và một số tiền lớn để có được một cuộc sống bình dị. Mặc dù khá khó khăn, nhưng sự lựa chọn này đã mang đến cho Spinoza thứ giá trị hơn rất nhiều, đó là không gian để theo đuổi những ước mơ của riêng mình một cách hoàn toàn tự do.

Cũng giống như Spinoza, Einstein không quá bận tâm đến danh vị hay tiền bạc. Trong một cuộc phỏng vấn khá nổi tiếng năm 1929, ông đã đi sâu hơn vào việc mô tả điều khiến ông thật sự hạnh phúc:

Albert Einstein đã nói:

"**Tôi hạnh phúc vì tôi không đòi hỏi thứ gì từ bất kỳ ai**.

Tôi không quan tâm đến tiền bạc. Chức danh hay quyền lợi đều không có ý nghĩa gì đối với tôi. Tôi không cần những lời khen ngợi sáo rỗng. Điều duy nhất có thể mang lại cho tôi niềm vui, ngoài công việc, cây vĩ cầm và chiếc thuyền buồm của tôi, là sự đánh giá cao của những người đồng nghiệp."

Sau đó, nhà khoa học huyền thoại này đã đối chiếu những điều nêu trên với cuộc sống của những người đứng đầu ngành công nghiệp vào thời của ông. Trong khi họ nỗ lực tìm kiếm sự giàu có và thành công, nghĩ rằng điều đó sẽ mang lại cho họ tự do, thì những gì mà họ nhận được chỉ là sự trói buộc gò bó.

Ông cũng từng nói:

"**Đôi khi, tôi tiếc cho những người đàn ông như Ford.**

Mọi người tìm đến đều mong muốn có được một thứ gì đó từ họ. Những người đàn ông như vậy không phải lúc nào cũng nhận ra rằng "sự tôn thờ" mà họ nhận được không xuất phát từ sự trân trọng và yêu mến vì nhân cách, mà là quyền lực hoặc sự giàu sang của họ. Vấn đề này cũng xảy ra với rất nhiều người, kể cả những vị vua vĩ đại nhất. Nó như một bức tường, cản trở tầm nhìn của họ."

Suy nghĩ của Einstein hoàn toàn có thể phản ánh được trí tuệ của người xưa. Và nó vẫn vững vàng trước thử thách của thời gian.

Albert Einstein từng nói:

"**Chúng ta không thể phủ nhận rằng so với những gì đang xuất hiện ở các trường đại học hiện nay, thì kiến thức của những người Hy Lạp và các nhà Hiền Triết phương Đông xưa đã để lại có trình độ cao hơn rất nhiều."**

Câu nói này của Einstein hoàn toàn có thật và gợi lên một điều gì đó thật sự sâu sắc. Nó cho thấy suy nghĩ của Einstein về việc bạn nên hạn chế những mong muốn của mình hoặc

nghe theo lời giảng của Đức Phật để từ bỏ bản ngã. Điều đó sẽ giúp bạn có được một cuộc sống tốt đẹp hơn rất nhiều so với các lựa chọn thay thế trong thời đại hiện nay.

Mỗi cuộc sống có một kiểu phấn đấu khác nhau

Sống một cuộc đời khiêm tốn không có nghĩa là bạn được phép ngừng cố gắng. Einstein đã từng khuyên mọi người nên gắn cuộc đời mình với việc nỗ lực, cố gắng hoàn thành các mục tiêu.

Để hiểu hơn về điều này, chúng ta có thể tìm đến một nhà triết học vĩ đại người Đức, sống ở thế kỷ 19, Friedrich **Nietzsche**.

Khái niệm "**ý chí quyền lực" được ông mô tả là những sức mạnh đến từ bên trong, thúc đẩy hành động của mỗi cá nhân. Tuy nhiên nó sẽ có nhiều cách thể hiện khác nhau.**

Nó thường được hiểu là việc mà một ai đó cố gắng "thống trị" những người khác. Nó cũng là thứ thôi thúc mọi người tìm đến sự giàu có, quyền lực và danh tiếng. Nhưng theo góc nhìn và sự hiểu biết của Einstein thì đây lại là một con đường dẫn đến những sai lầm. Ý chí quyền lực còn có thể giúp bạn hoàn thiện bản thân, bồi đắp thêm kiến thức và sự sáng tạo.

Đó là cách tốt nhất để Tâm Trí của bạn hoàn toàn tập trung và chìm đắm vào việc mình đang làm mà không nhận ra dòng chảy của thời gian. Một số nhà Tâm lý học cho rằng đây là trạng thái chúng ta tiến gần nhất tới sự hạnh phúc. Albert Einstein cũng có cùng quan điểm, và trong một bức thư gửi cho con trai, ông đã chia sẻ về điều này như sau.

"**Hãy nhớ, đây là cách tốt nhất để học hỏi và rèn luyện bản thân: làm việc với tất cả niềm yêu thích, đến mức không thể nhận ra thời gian đang trôi qua một cách nhanh chóng. Và đôi khi, ta cũng vậy, mải làm việc đến mức quên cả bữa cơm trưa."**

Thay vì cố gắng kiểm soát người khác, trở nên giàu có hoặc quyền lực, thì Albert Einstein lại **gắn cuộc đời của mình với việc khám phá, tìm ra cách mà thế giới đang vận hành**. Ông không cần sở hữu nhiều ngôi nhà sang trọng, xe hơi đắt tiền hay đăng ảnh khoe khoang trên mạng xã hội. Ngay cả khi được mọi người tín nhiệm và có cơ hội để trở thành Tổng thống của Israel, ông cũng lịch sự từ chối.

Làm thế nào để áp dụng điều này vào cuộc sống của bạn

Bạn có thể bắt đầu suy nghĩ về các bước để **áp dụng lời khuyên này vào cuộc sống của mình bằng cách tự hỏi bản thân một số câu hỏi đơn giản như**:

Điều mà bạn đang làm có thật sự xứng đáng để cố gắng và phấn đấu? Bạn có thật sự cần vị trí quản lý cấp trung đó không? Hay bạn sẽ hạnh phúc hơn nếu làm một công việc khác? Chiếc xe đời mới đó có thật sự cần thiết, trong khi bạn hoàn toàn có thể đi xe bus?

Và **Albert Einstein** đã có câu trả lời cho riêng mình:

"Hầu hết mọi người đều nỗ lực để có thêm nhiều tài sản, sự thành đạt và vẻ hào nhoáng. Nhưng với tôi, tất cả những điều đó đều vô nghĩa."

Người **Epicureans** cổ đại đã đúng khi họ tuyên bố rằng **chúng ta hoàn toàn có thể sống và trở nên thịnh vượng ngay cả khi không có quá nhiều tiền bạc hay quyền lực**.

Tất nhiên sẽ **không có công thức chính xác cho sự hạnh phúc**. Là con người, chúng ta có những nhu cầu khác nhau và hoàn cảnh sống cũng vậy. Có thể tôi đang độc thân, nhưng bạn đã có gia đình và những đứa trẻ bụ bẫm. Vì vậy, cách **để có được một cuộc sống bình yên và hạnh phúc của mỗi chúng ta sẽ không giống nhau. Như người xưa đã nói, tất cả chỉ là tương đối.**

Tuy nhiên, góc nhìn sâu sắc của Einstein về những thứ mang lại hạnh phúc có thể áp dụng trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Việc có được một cuộc sống bình lặng và khiêm tốn sẽ khiến bạn hài lòng và thoải mái hơn rất nhiều so với việc chạy theo những thứ vô bổ ngoài kia.

Hãy suy nghĩ về những điều thật sự quan trọng đối với bạn. Tiền? Gia đình? Vị trí quản lý yêu cầu bạn phải làm việc 24/7?...

Những lời khuyên tốt nhất không phải lúc nào cũng dễ thực hiện. Đừng quá nóng vội, theo thời gian, bạn sẽ có được những gì mà mình muốn. Như điều mà Einstein đã ghi lại trong mẩu giấy khi đưa cho nhân viên khuân vác:

"Chỉ cần có ý chí, sẽ có cách để thực hiện."

Chỉ cần dành ra 1h mỗi ngày để làm 5 điều sau đây, bạn sẽ trở nên giàu có và thành công hơn

Thành Quân

Theo Doanh Nghiệp Tiếp Thị

[I] **Khiêm tốn 謙: khiêm :** Nhún nhường, tự nhún nhường không dám khoe gọi là khiêm.
孙: Tốn: Nhún nhường

Bình an 平 安: Yên ổn, không có gì xảy ra.

III.- HẠNH PHÚC KỲ VỌNG

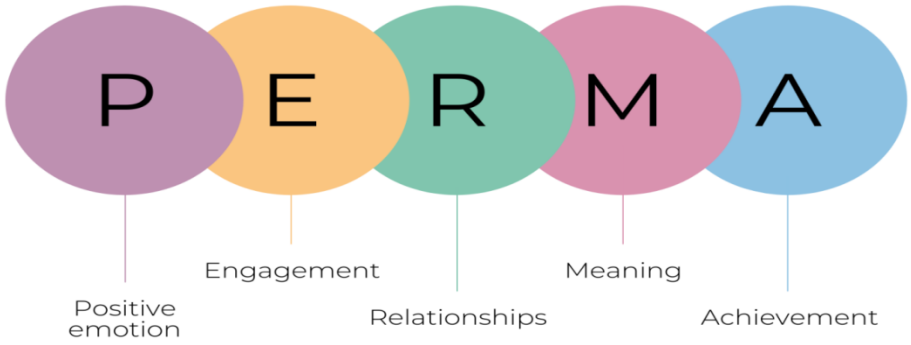

Mô hình PERMA: Hướng dẫn tạo niềm Hạnh phúc và ý nghĩa trong cuộc sống

Qui Nguyen

SEO & Marketing Assistant
Published Sep 12, 2023

Cuộc sống đôi khi có thể trở nên căng thẳng và mệt mỏi, và nhiều người đang tìm cách để tạo ra niềm hạnh phúc và ý nghĩa trong cuộc sống của họ. Mô hình PERMA là một khái niệm trong tâm lý học positive psychology mà bạn có thể áp dụng để cải thiện chất lượng cuộc sống của mình. Trong bài viết này, chúng ta sẽ khám phá sâu hơn về mô hình PERMA và cách áp dụng nó vào cuộc sống hàng ngày.

5 YẾU R TỐ CHÍNH MÔ HÌNH PERMA

Mô hình PERMA là một mô hình về hạnh phúc được phát triển bởi nhà tâm lý học Martin Seligman. Mô hình này đề xuất rằng hạnh phúc được tạo thành từ năm yếu tố chính:

Positive Emotion (Cảm xúc tích cực): Đây là những cảm xúc như hạnh phúc, vui vẻ, tự hào, biết ơn,... Những cảm xúc này có thể được nuôi dưỡng thông qua các hoạt động như tập trung vào những điều tích cực, giúp đỡ người khác, và dành thời gian cho những người thân yêu.

Engagement (Dấn thân 12): Đây là cảm giác bị cuốn hút và đắm chìm trong một hoạt động. Khi chúng ta tham gia vào các hoạt động mà chúng ta yêu thích và cảm thấy có ý nghĩa, chúng ta cảm thấy hạnh phúc và hài lòng hơn.

Relationships (Mối quan hệ): Các mối quan hệ thân thiết với gia đình, bạn bè, và những người quan trọng khác đóng một vai trò quan trọng trong hạnh phúc. Những mối quan hệ này mang lại cho chúng ta cảm giác được yêu thương, hỗ trợ, và kết nối.

Meaning (Ý nghĩa): Khi chúng ta cảm thấy rằng cuộc sống của mình có ý nghĩa, chúng ta cảm thấy hạnh phúc và hài lòng hơn. Điều này có thể được tìm thấy thông qua các hoạt động như giúp đỡ người khác, theo đuổi mục tiêu, và phát triển bản thân.

Accomplishment (Thành tựu): Khi chúng ta đạt được những mục tiêu và thành tích, chúng ta cảm thấy hạnh phúc và hài lòng hơn. Điều này có thể được tìm thấy thông qua công việc, học tập, hoặc các hoạt động khác.

Positive Emotion (Cảm xúc tích cực)

Cảm xúc tích cực là những cảm xúc vui vẻ, phấn khởi, và thỏa mãn. Chúng có thể là những cảm xúc ngắn hạn, như niềm vui khi được gặp gỡ người thân yêu, hoặc những cảm xúc lâu dài, như cảm giác hài lòng với cuộc sống.

Cảm xúc tích cực có mối liên hệ chặt chẽ với hạnh phúc. Những người có nhiều cảm xúc tích cực thường cảm thấy hạnh phúc và hài lòng hơn với cuộc sống.

Có nhiều cách để nuôi dưỡng cảm xúc tích cực, bao gồm:

Tập trung vào những điều tích cực trong cuộc sống, ngay cả khi chúng là những điều nhỏ nhặt.

Giúp đỡ người khác.

Dành thời gian cho những người thân yêu.

Tham gia các hoạt động yêu thích.

Tìm kiếm những điều khiến bạn cảm thấy hạnh phúc và biết ơn.

Engagement (Dấn thân)

Tham gia là cảm giác bị cuốn hút và đắm chìm trong một hoạt động. Khi chúng ta tham gia vào các hoạt động mà chúng ta yêu thích và cảm thấy có ý nghĩa, chúng ta cảm thấy hạnh phúc và hài lòng hơn.

Tham gia có thể được tìm thấy trong nhiều hoạt động khác nhau, bao gồm:

Công việc

Học tập

Sở thích

Thể thao

Hoạt động tình nguyện

Tham gia giúp chúng ta cảm thấy hạnh phúc và hài lòng theo nhiều cách. Nó giúp chúng ta:

Sử dụng các kỹ năng và khả năng của mình.

Cảm thấy kết nối với những người khác.

Tạo ra một tác động tích cực đến thế giới.

Cảm thấy hài lòng và hoàn thành.

Relationships (Mối quan hệ)

Mối quan hệ thân thiết với gia đình, bạn bè, và những người quan trọng khác đóng một vai trò quan trọng trong hạnh phúc. Những mối quan hệ này mang lại cho chúng ta cảm giác được yêu thương, hỗ trợ, và kết nối.

Mối quan hệ có thể được xây dựng và củng cố thông qua các hoạt động như:

Dành thời gian cho nhau

Chia sẻ cảm xúc và suy nghĩ

Hỗ trợ lẫn nhau

Tha thứ và chấp nhận

Những mối quan hệ thân thiết mang lại cho chúng ta nhiều lợi ích về mặt tinh thần và thể chất. Chúng giúp chúng ta:

Cảm thấy hạnh phúc và hài lòng hơn.

Giảm căng thẳng và lo lắng.

Cảm thấy khỏe mạnh và hạnh phúc hơn.

Tuổi thọ cao hơn.

Meaning (Ý nghĩa)

Ý nghĩa là một cảm giác rằng cuộc sống của chúng ta có mục đích và giá trị. Khi chúng ta cảm thấy rằng cuộc sống của mình có ý nghĩa, chúng ta cảm thấy hạnh phúc và hài lòng hơn.

Ý nghĩa có thể được tìm thấy trong nhiều khía cạnh khác nhau của cuộc sống, bao gồm:

Tình yêu và sự kết nối: Ý nghĩa có thể được tìm thấy trong các mối quan hệ thân thiết với gia đình, bạn bè, và người yêu. Những mối quan hệ này mang lại cho chúng ta cảm giác được yêu thương, hỗ trợ, và kết nối.

Sự giúp đỡ người khác: Ý nghĩa có thể được tìm thấy trong việc giúp đỡ những người khác. Khi chúng ta làm điều gì đó có ích cho người khác, chúng ta cảm thấy rằng cuộc sống của mình có giá trị và ý nghĩa.

Sự phát triển bản thân: Ý nghĩa có thể được tìm thấy trong việc phát triển bản thân và đạt được mục tiêu của mình. Khi chúng ta học hỏi và phát triển, chúng ta cảm thấy rằng mình đang sống một cuộc sống trọn vẹn hơn.

Sự kết nối với thế giới tự nhiên: Ý nghĩa có thể được tìm thấy trong sự kết nối với thế giới tự nhiên. Khi chúng ta dành thời gian ở ngoài trời và khám phá thế giới thiên nhiên, chúng ta cảm thấy được kết nối với thứ gì đó lớn hơn chính mình.

Có nhiều cách để tìm kiếm ý nghĩa trong cuộc sống. Một số người tìm thấy ý nghĩa trong tôn giáo hoặc niềm tin tâm linh. Những người khác tìm thấy ý nghĩa trong công việc, học tập, hoặc các sở thích của họ.

Accomplishment (Thành tựu)

Thành tựu là cảm giác đạt được điều gì đó mà chúng ta đã cố gắng. Khi chúng ta đạt được một mục tiêu hoặc thành tích, chúng ta cảm thấy hạnh phúc và hài lòng hơn.

Thành tựu có thể được tìm thấy trong nhiều lĩnh vực khác nhau của cuộc sống, bao gồm:

Công việc: Thành tựu có thể được tìm thấy trong thành công trong công việc. Khi chúng ta đạt được mục tiêu nghề nghiệp của mình, chúng ta cảm thấy rằng mình đã đóng góp cho xã hội và được đánh giá cao.

Học tập: Thành tựu có thể được tìm thấy trong việc đạt được thành tích học tập. Khi chúng ta vượt qua một kỳ thi khó khăn hoặc hoàn thành một dự án nghiên cứu, chúng ta cảm thấy rằng mình đã học hỏi và phát triển.

Sở thích: Thành tựu có thể được tìm thấy trong việc đạt được mục tiêu trong các sở thích của mình. Khi chúng ta học cách chơi một nhạc cụ mới hoặc hoàn thành một tác phẩm nghệ thuật, chúng ta cảm thấy rằng mình đã đạt được điều gì đó đáng giá.

Thành tựu có thể mang lại cho chúng ta nhiều lợi ích khác nhau. Nó có thể giúp chúng ta:

Cảm thấy tự tin và hài lòng hơn.

Tăng động lực và khả năng tập trung.

Giảm căng thẳng và lo lắng.

Cảm thấy khỏe mạnh và hạnh phúc hơn.

Tóm lại, Mô hình PERMA là một mô hình toàn diện về hạnh phúc. Nó nhấn mạnh rằng hạnh phúc không phải là một thứ gì đó sẵn có, mà là thứ mà chúng ta cần phải nuôi dưỡng và vun đắp. Bằng cách tập trung vào năm yếu tố chính của mô hình PERMA, chúng ta có thể cải thiện hạnh phúc và chất lượng cuộc sống của mình.

CÁCH ÁP DỤNG MÔ HÌNH PERMA

ĐỂ TĂNG CƯỜNG HẠNH PHÚC VÀ SỰ THỊNH VƯỢNG CÁ NHÂN

Mô hình PERMA là một mô hình toàn diện về hạnh phúc, cung cấp một cái nhìn sâu sắc về những gì thúc đẩy hạnh phúc và thành công. Bằng cách tập trung vào năm yếu tố chính của mô hình PERMA, chúng ta có thể cải thiện hạnh phúc và chất lượng cuộc sống của mình.

Dưới đây là một số hướng dẫn cụ thể về cách áp dụng Mô hình PERMA:

Positive Emotion (Cảm xúc tích cực)

Tập trung vào những điều tích cực: Hãy chú ý đến những điều tốt đẹp trong cuộc sống, ngay cả khi chúng là những điều nhỏ nhặt. Hãy dành thời gian để suy ngẫm về những điều bạn biết ơn.

Giúp đỡ người khác: Khi bạn giúp đỡ người khác, bạn cũng đang giúp bản thân trở nên hạnh phúc hơn. Hãy dành thời gian tình nguyện hoặc làm những việc tốt cho người khác.

Dành thời gian cho những người thân yêu: Các mối quan hệ thân thiết là một trong những nguồn cảm xúc tích cực quan trọng nhất trong cuộc sống. Hãy dành thời gian chất lượng cho những người quan trọng đối với bạn.

Tham gia các hoạt động yêu thích: Khi bạn tham gia vào các hoạt động mà bạn yêu thích, bạn sẽ cảm thấy hạnh phúc và hài lòng hơn. Hãy tìm kiếm những hoạt động khiến bạn cảm thấy hứng thú và tràn đầy năng lượng.

Engagement (Dấn thân)

Tìm kiếm các hoạt động có ý nghĩa: Hãy tham gia vào các hoạt động mà bạn cảm thấy có ý nghĩa và mục đích. Điều này có thể bao gồm công việc, học tập, sở thích, hoặc hoạt động tình nguyện.

Tìm kiếm các hoạt động mà bạn giỏi: Khi bạn tham gia vào các hoạt động mà bạn giỏi, bạn sẽ cảm thấy tự tin và hài lòng hơn.

Tìm kiếm các hoạt động mà bạn thích thú: Khi bạn tham gia vào các hoạt động mà bạn thích thú, bạn sẽ cảm thấy hứng thú và tràn đầy năng lượng.

Relationships (Mối quan hệ)

Tập trung vào các mối quan hệ tích cực: Hãy dành thời gian cho những người quan trọng đối với bạn và xây dựng các mối quan hệ lành mạnh.

Tha thứ và bỏ qua: Hãy học cách tha thứ cho những người đã làm tổn thương bạn và bỏ qua những sai lầm của họ.

Kết nối với những người khác: Tham gia các nhóm hoặc cộng đồng có cùng sở thích và giá trị với bạn.

Meaning (Ý nghĩa)

Tìm kiếm ý nghĩa trong cuộc sống: Hãy suy nghĩ về những gì quan trọng đối với bạn và tìm cách để sống một cuộc sống có ý nghĩa hơn.

Tham gia vào các hoạt động có ý nghĩa: Hãy tìm kiếm các hoạt động mà bạn cảm thấy có ý nghĩa và mục đích.

Học hỏi và phát triển: Hãy luôn tìm kiếm những cách mới để học hỏi và phát triển.

Accomplishment (Thành tựu)

Đặt ra mục tiêu và theo đuổi chúng: Hãy đặt ra những mục tiêu thực tế và có thể đạt được cho bản thân.

Tập trung vào quá trình hơn là kết quả: Đừng quá tập trung vào kết quả mà hãy tận hưởng quá trình đạt được mục tiêu.

Kỷ niệm những thành tựu của bạn: Khi bạn đạt được một mục tiêu, hãy dành thời gian để kỷ niệm thành tựu của mình.

Mỗi người đều có những nhu cầu và sở thích khác nhau, vì vậy điều quan trọng là phải tìm ra những cách áp dụng Mô hình PERMA phù hợp với bạn. Bạn có thể bắt đầu bằng cách thử nghiệm một số hoạt động và chiến lược khác nhau và xem những gì hiệu quả nhất cho bạn.

HẠNH PHÚC VÀ SỰ THỊNH VƯỢNG

Hạnh phúc và sự thịnh vượng là hai trong những mục tiêu quan trọng nhất của con người**.**

Hạnh phúc là trạng thái cảm xúc của sự hài lòng và mãn nguyện, trong khi sự thịnh vượng là trạng thái của sự giàu có và thành công. Cả hai đều có tầm quan trọng to lớn đối với cuộc sống và tâm lý của con người.

Hạnh phúc có tầm quan trọng to lớn đối với cuộc sống của con người. Nó mang lại cho chúng ta nhiều lợi ích cả về thể chất và tinh thần. Hạnh phúc có thể giúp chúng ta:

Tăng cường sức khỏe thể chất: Hạnh phúc có thể giúp giảm căng thẳng, lo lắng, và trầm cảm. Nó cũng có thể giúp chúng ta ngủ ngon hơn và có sức khỏe tim mạch tốt hơn.

Tăng cường sức khỏe tinh thần: Hạnh phúc có thể giúp chúng ta cảm thấy hài lòng hơn với cuộc sống, hạnh phúc hơn với bản thân, và có nhiều mối quan hệ xã hội tốt đẹp hơn.

Tăng cường hiệu suất: Hạnh phúc có thể giúp chúng ta tập trung hơn, sáng tạo hơn, và có động lực hơn để đạt được mục tiêu.

Tăng cường khả năng phục hồi: Hạnh phúc có thể giúp chúng ta vượt qua những khó khăn và thử thách trong cuộc sống.

Sự thịnh vượng cũng có tầm quan trọng to lớn đối với cuộc sống của con người. Nó mang lại cho chúng ta khả năng đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của bản thân và gia đình. Sự thịnh vượng có thể giúp chúng ta:

Có một cuộc sống thoải mái và tiện nghi hơn.

Có nhiều cơ hội hơn để học hỏi và phát triển bản thân.

Có nhiều cơ hội hơn để giúp đỡ người khác.

Có nhiều cơ hội hơn để tận hưởng cuộc sống.

Hạnh phúc và sự thịnh vượng là hai mặt của cùng một đồng tiền. Hạnh phúc có thể giúp chúng ta đạt được sự thịnh vượng, và sự thịnh vượng có thể giúp chúng ta hạnh phúc hơn. Khi chúng ta có cả hạnh phúc và sự thịnh vượng, chúng ta có thể sống một cuộc sống trọn vẹn và ý nghĩa hơn.

MỘT SỐ CÁCH ĐỂ CẢI THIỆN HẠNH PHÚC VÀ SỰ THỊNH VƯỢNG

Tập trung vào những điều tích cực: Tìm kiếm những điều tốt đẹp trong cuộc sống, ngay cả khi chúng là những điều nhỏ nhặt.

Giúp đỡ người khác: Khi bạn giúp đỡ người khác, bạn cũng đang giúp bản thân trở nên hạnh phúc và thịnh vượng hơn.

Dành thời gian cho những người thân yêu: Các mối quan hệ thân thiết là một trong những nguồn hạnh phúc và thịnh vượng quan trọng nhất trong cuộc sống.

Tìm kiếm mục đích và ý nghĩa trong cuộc sống: Khi bạn cảm thấy cuộc sống của mình có ý nghĩa, bạn sẽ cảm thấy hạnh phúc và thịnh vượng hơn.

Đặt ra mục tiêu và theo đuổi chúng: Khi bạn đạt được mục tiêu, bạn sẽ cảm thấy tự tin và hài lòng hơn.

Cuộc **sống là một món quà quý giá. Hãy tận hưởng cuộc sống và tìm kiếm hạnh phúc và sự thịnh vượng.**

LÝ THUYẾT TÂM LÝ HỌC

Mô hình PERMA là một mô hình toàn diện về hạnh phúc được phát triển bởi nhà Tâm lý học Martin Seligman. Mô hình này đề xuất rằng Hạnh phúc được tạo thành từ năm yếu tố chính:

Positive Emotion (Cảm xúc tích cực): Đây là những cảm xúc vui vẻ, phấn khởi, và thỏa mãn.

Engagement (Dấn thân): Đây là cảm giác bị cuốn hút và đắm chìm trong một hoạt động.

Relationships (Mối quan hệ): Các mối quan hệ thân thiết với gia đình, bạn bè, và những người quan trọng khác đóng một vai trò quan trọng trong hạnh phúc.

Meaning (Ý nghĩa): Khi chúng ta cảm thấy rằng cuộc sống của mình có ý nghĩa, chúng ta cảm thấy hạnh phúc và hài lòng hơn.

Accomplishment (Thành tựu): Khi chúng ta đạt được những mục tiêu và thành tích, chúng ta cảm thấy hạnh phúc và hài lòng hơn.

Mỗi yếu tố trong mô hình PERMA đều có nền tảng trong lý thuyết tâm lý học.

Cảm xúc tích cực đã được chứng minh là có mối liên hệ chặt chẽ với hạnh phúc. Những người trải nghiệm nhiều cảm xúc tích cực thường cảm thấy hạnh phúc và hài lòng với cuộc sống hơn.

Có nhiều lý thuyết giải thích mối liên hệ giữa cảm xúc tích cực và hạnh phúc. Một lý thuyết cho rằng cảm xúc tích cực có thể giúp chúng ta tập trung vào những khía cạnh tích cực của cuộc sống và giảm bớt những suy nghĩ tiêu cực. Một lý thuyết khác cho rằng cảm xúc tích cực có thể giúp chúng ta xây dựng các mối quan hệ xã hội tốt đẹp hơn.

Dấn thân là một trạng thái tâm lý đặc trưng bởi sự đắm chìm trong một hoạt động. Khi chúng ta tham gia, chúng ta cảm thấy tập trung, tràn đầy năng lượng, và hài lòng.

Có nhiều lý thuyết giải thích mối liên hệ giữa tham gia và hạnh phúc. Một lý thuyết cho rằng tham gia có thể giúp chúng ta sử dụng các kỹ năng và khả năng của mình. Một lý thuyết khác cho rằng tham gia có thể giúp chúng ta kết nối với những người khác và tạo ra một tác động tích cực đến thế giới.

Các **mối quan hệ thân thiết với gia đình, bạn bè**, và những người quan trọng khác đóng một vai trò quan trọng trong hạnh phúc. Những người có nhiều mối quan hệ thân thiết thường cảm thấy hạnh phúc và hài lòng với cuộc sống hơn.

Có nhiều lý thuyết giải thích mối liên hệ giữa các mối quan hệ và hạnh phúc.

Một lý thuyết **cho rằng các mối quan hệ thân thiết cung cấp cho chúng ta cảm giác được yêu thương, hỗ trợ, và kết nối.**

Một lý thuyết khác cho rằng **các mối quan hệ thân thiết có thể giúp chúng ta đối phó với căng thẳng và khó khăn trong cuộc sống.**

Ý nghĩa là một cảm giác rằng cuộc sống của chúng ta có mục đích và giá trị. Khi chúng ta cảm thấy rằng cuộc sống của mình có ý nghĩa, chúng ta cảm thấy Hạnh phúc và hài lòng hơn.

Có nhiều lý thuyết giải thích mối liên hệ giữa ý nghĩa và hạnh phúc. Một lý thuyết cho rằng ý nghĩa giúp chúng ta cảm thấy rằng cuộc sống của chúng ta có giá trị và đáng sống. Một lý thuyết khác cho rằng ý nghĩa giúp chúng ta đối phó với cái chết và những khó khăn trong cuộc sống.

Thành tựu là cảm giác đạt được điều gì đó mà chúng ta đã cố gắng. Khi chúng ta đạt được một mục tiêu hoặc thành tích, chúng ta cảm thấy hạnh phúc và hài lòng hơn.

Có nhiều lý thuyết giải thích mối liên hệ giữa thành tựu và hạnh phúc. Một lý thuyết cho rằng thành tựu giúp chúng ta cảm thấy tự tin và hài lòng với bản thân. Một lý thuyết khác cho rằng thành tựu giúp chúng ta cảm thấy rằng cuộc sống của chúng ta có giá trị và đáng sống.

Nghiên cứu đã hỗ trợ nhiều tuyên bố của mô hình PERMA. Ví dụ, nghiên cứu đã chỉ ra rằng những người trải nghiệm nhiều cảm xúc tích cực thường cảm thấy hạnh phúc và hài lòng với cuộc sống hơn. Nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng các mối quan hệ thân thiết đóng một vai trò quan trọng trong hạnh phúc. Và nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng ý nghĩa và thành tựu có thể góp phần vào hạnh phúc.

Mô hình PERMA là một mô hình toàn diện và có cơ sở lý thuyết mạnh mẽ. Nó có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn về hạnh phúc và cách cải thiện hạnh phúc của mình.

KHUYẾN NGHỊ SỬ DỤNG MÔ HÌNH PẺMA VÀO CUỘC SỐNG HÀNG NGÀY

Dưới đây là một số khuyến nghị về cách sử dụng Mô hình PERMA trong cuộc sống hàng ngày:

Tập trung vào những cảm xúc tích cực: Hãy chú ý đến những điều tốt đẹp trong cuộc sống, ngay cả khi chúng là những điều nhỏ nhặt. Hãy dành thời gian để suy ngẫm về những điều bạn biết ơn.

Tìm kiếm các mối quan hệ thân thiết: Hãy dành thời gian cho những người quan trọng đối với bạn và xây dựng các mối quan hệ lành mạnh.

Tìm kiếm ý nghĩa trong cuộc sống: Hãy suy nghĩ về những gì quan trọng đối với bạn và tìm cách để sống một cuộc sống có ý nghĩa hơn.

Đặt ra mục tiêu và theo đuổi chúng: Hãy đặt ra những mục tiêu thực tế và có thể đạt được cho bản thân.

Bằng cách tập trung vào năm yếu tố chính của mô hình PERMA, chúng ta có thể cải thiện hạnh phúc và chất lượng cuộc sống của mình.

Nguồn tham khảo

1. **dspace.palermo.edu/ojs/index.php/psicodebate/article/view/483**
2. **en.wikipedia.org/wiki/Barbara_Fredrickson**
3. **books.google.com/books?id=DXRQAAAAYAAJ**
4. **books.google.com/books?id=BqWx45r7uWwC**
5. **www.psychologytoday.com/za/blog/your-personal-renaissance/201309/the-healing-power-beauty**

IIA.- HẠNH PHÚC, KỲ VỌNG VÀ BUÔNG BỎ

Ajahn Brahm | Phổ Tâm dịch

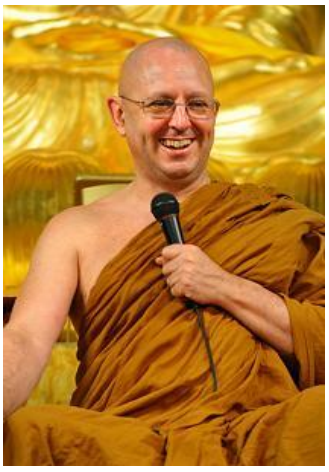

Sinh năm 1951 tại London, sư Ajahn Brahm tốt nghiệp ngành Vật lý lý thuyết tại Đại học Cambridge, giảng dạy tại một trường trung học ở Anh, sau đó đến Thái Lan để xuất gia dưới

sự hướng dẫn của Thiền sư Ajahn Chah.

Hiện sư đang là trụ trì tu viện Bodhinyana gần thành phố Perth của Úc, đồng thời là người hướng dẫn tâm linh của Hiệp hội Phật giáo Tây Úc

** Thưa Sư, một cách sơ lược, "sống hạnh phúc" là như thế nào?*

- Sống hạnh phúc là sống một cách bình an, thoải mái và đón nhận mọi việc xảy đến với con mắt yêu thương.

Yêu thương ở đây không phải là tình yêu mà bạn dành riêng cho một ai đó, mà chính là cách mà bạn yêu quý và trân trọng cuộc đời này.

Không phải lúc nào chúng ta cũng có thể sống hòa hợp với những người thân yêu của mình, đôi khi cũng phải có những cuộc tranh cãi hoặc xích mích này nọ, nhưng quan trọng là chúng ta vẫn thương yêu họ. Tương tự như vậy, cuộc sống có thể mang đến cho bạn khá nhiều rắc rối và khó khăn, nhưng điều bạn vẫn luôn yêu đời.

Chúng ta cần mở rộng trái tim mình để đón nhận cuộc sống. Khi mọi thứ trở nên khó khăn, thay vì nghĩ "điều này lẽ ra không nên xảy ra" thì chúng ta hãy chấp nhận nó như một phần đương nhiên của cuộc sống. Tôi không gọi những điều bất như ý xảy ra trong cuộc đời là khổ, mà chỉ là "những vết thương của sự trưởng thành".

** So với giai đoạn trước, dường như ngày càng nhiều người cảm thấy "không hạnh phúc". Sư có thể lý giải xu hướng này không?*

- Vâng, tôi nghĩ chuyện này là có thực. Để lý giải điều đó, chúng ta cần xem lại những kỳ vọng và mong muốn của con người hiện nay như thế nào. Thực ra, có quá nhiều người cảm thấy không hạnh phúc trong thời đại này bởi vì họ đặt kỳ vọng quá cao vào bản thân và điều kiện hiện hữu của cuộc sống.

Nếu bây giờ, chỗ đứng hiện tại không phải là nơi bạn mong muốn, vậy thì hãy dời sự mong muốn đến ngay vị trí của mỗi chúng ta lúc này. Hãy điều chỉnh những kỳ vọng và ước muốn của bản thân sao cho phù hợp, khi đó, chúng ta sẽ cảm thấy hài lòng về những gì đang có.

Mà những kỳ vọng và ước muốn đó bắt nguồn từ đâu? Từ chính bản thân chúng ta, từ xã hội và từ thế giới của mỗi người. Đừng nghe theo thế giới ngoài kia, đừng lo ngại về việc phải sống theo ý muốn của người khác. Hãy lắng nghe trái tim mình. Hãy lắng nghe tiếng nói của trí tuệ! Nơi mà mỗi người chúng ta đang đứng cũng chính là nơi mà chính mình mong ước. Bí mật của hạnh phúc là ở đó.

Đừng ép buộc bản thân mình phải theo đuổi những mục tiêu viển vông. Nếu đặt ra cho mình những đích đến không thực tế, chắc chắn chúng ta sẽ thất bại; và lúc đó, sẽ cảm thấy mình chẳng có giá trị gì cả. Vì vậy, bớt kỳ vọng lại. Thông thường, chúng ta có xu hướng nghe theo những gì mà người khác nói. Chúng ta có xu hướng nghe lời của các chuyên gia, nhưng chính họ cũng không thể biết hết tất cả mọi thứ. Kiến thức và trí tuệ luôn là một quá trình liên tục trau dồi và tiến trình đó sẽ chẳng bao giờ kết thúc.

Ví dụ, nhiều người thường nghĩ rằng khi gặt hái được thành công thì sẽ có hạnh phúc. Ngược lại, một số nhà tâm lý học cho rằng khi bạn hạnh phúc thì thành công sẽ đuổi theo bạn. Nhưng cả hai lối suy nghĩ này đều không đúng. Thật ra, hạnh phúc chính là thành công. Hạnh phúc không phải là những gì người khác nghĩ, viết hay nói về bạn, mà bản thân bạn phải tự cảm thấy an lạc, vui vẻ trước tiên. Và chỉ khi tử tế và thấu hiểu bản thân mình thì bạn mới có thể thấu hiểu và yêu thương người khác được.

** Áp lực của sự kỳ vọng cũng là nguyên nhân đưa đến nhiều vụ tự tử của giới trẻ nhan nhản trên báo đài. Thậm chí có đứa trẻ lên bảy cũng có thể tự sát vì cảm thấy áp lực vì sự kỳ vọng quá mức của phụ huynh. Sư có thể chia sẻ một vài lời khuyên về vấn đề này?*

- Nếu có con cái, bạn nên yêu thương và đối xử tốt với các cháu. Hệ thống giáo dục ngày nay quá chú trọng vào việc tranh đua thành tích. Những người làm bố mẹ phải chấp nhận rằng một nửa số trẻ có chỉ số thông minh dưới mức trung bình. Điều này rất hợp lý, đó cũng chính là ý nghĩa của khái niệm trung bình cộng.
Đậu vào một trường nổi tiếng hay một trường đại học hàng đầu không thể khiến những đứa trẻ cảm thấy hạnh phúc. Đối với chúng, hạnh phúc là một thứ khác, chẳng hạn như được sống chung với cả gia đình. Điều mà các cháu cần là thời gian được gần gũi với bạn mà không bị rầy la và trách mắng chứ không phải là điểm số cao hay trang phục đẹp. Và nếu làm thế mà chúng cảm thấy hạnh phúc thì chúng đã rất thành công rồi.
Ví dụ, trẻ em ở Phần Lan sẽ không phải đến trường cho đến khi lên bảy tuổi. Các cháu không hề có bài tập về nhà nhưng lại liên tục đạt những thành tích cao nhất trong thang điểm giáo dục quốc tế. Trẻ phát triển một cách tự nhiên mà không phải chịu bất kỳ một sự thúc ép nào cả.
Con người không thể buộc một cái cây phải lớn nhanh lên, cũng như thế, chúng ta không nên ép buộc con cái của chúng ta. Tại sao chúng ta lại đối xử với con cái của mình giống như những sản phẩm trong một nhà máy? Tại sao chúng ta lại ép chúng làm những điều mà chúng không muốn? Có được một khoảng thời gian vui vẻ là một phần quan trọng trong việc học của trẻ. Trẻ em rất tò mò, chúng muốn học hỏi, nhưng nếu bạn ép buộc chúng thì bạn đã vô tình khiến tính ham học hỏi này giảm sút đi rất nhiều.

** Ngày nay, nhiều người áp dụng thiền tập để đối trị sự căng thẳng và bất an trong cuộc sống, cố gắng để hướng đến sự bình an cho chính bản thân họ và cho cả thế giới. Tuy nhiên, chúng ta cũng thường nghe những người làm việc và có những sự lo lắng khác khiến họ không thể đạt được những trạng thái thiền định, điều này làm cho họ càng căng thẳng hơn. Sư có lời khuyên nào cho những người gặp phải những vấn đề như thế này không?*

- Thiền không phải là kết quả, không phải là đạt được điều gì đó mà là một quá trình. Nếu chú ý vào kết quả thì ngay lúc đó chúng ta bị căng thẳng trong khi thực hành thiền. Lúc đó, thiền không còn mang tính Phật giáo nữa rồi.
Thiền không phải là đạt được một thứ gì đó. Chúng ta thực hành thiền không phải để có được bất kỳ điều gì.
Gần đây, tôi thường nói rằng chúng ta thực hành thiền là để buông bỏ. Vì vậy, một người hành thiền tuyệt vời là người có khả năng buông bỏ tuyệt vời.
Khi mọi người nhìn tôi và nói: "Sư là người đạt được bằng cấp từ một trường đại học danh tiếng, nhưng giờ đây nhìn sư lại giống như một kẻ trắng tay". Với tôi, câu trả lời là: "Cảm ơn bạn đã dành cho tôi một lời khen thật tuyệt". Đúng như thế, mục đích của cuộc đời tôi là trở thành một người buông bỏ.
Người từ bỏ vĩ đại nhất là Đức Phật. Ngài chẳng sở hữu thứ gì cả ngoại trừ trí tuệ và sự rỗng lặng. Vì vậy, thay vì cố gắng làm việc để đáp ứng những kỳ vọng của bản thân và người khác, thì hãy buông xuống mọi thứ để được thanh thản, bình an và hạnh phúc.

IV.- THUYẾT SINH-TỒN

Giáo Sư **Nguyễn Ngọc Huy** (1924 - 1990)

I. MỤC-ĐÍCH HOẠT-ĐỘNG CỦA NGƯỜI : SINH-TỒN.

. A. Ý-CHÍ SINH-TỒN CỦA NGƯỜI 1. BẢN-NĂNG SINH- TỒN CỦA NGƯỜI. Nhờ sự nghiên-cứu của các nhà sinh-vật-học, sinh-lý-học và tâm-lý học, chúng ta đã có một số tri-thức về con người. Những tri-thức này không nghiêm-xác hoàn-toàn bằng những tri-thức người thuhoạch được về các tử-chất. Tuy thế, nó cũng giúp ta có một ý-niệm về con người. Ý-niệm đó chưa được rõ ràng đầy đủ, nhưng cũng phù-hợp với con người thật-sự, ít nhất là trong những đại-cương. Sự khảo-sát về con người đã cho chúng ta thấy rằng người là một phần của vũ-trụ. Cơ-thể người được cấu-tạo bằng những chất hóahợp xây dựng nên vũ-trụ, nhưng lại có những tính-cách đặc-biệt. Với nhiều xúc-cảm, nhiều quan-năng phức-tạp và phân-biệt nhau, người cư-xử như là một tổng-thể thuần-nhất. Tổng-thể này rất linhđộng và rất mẫn-nhuệ, có nhiều khả-năng và đặt dưới sự điều khiển của những bẩm-tính thiên-nhiên có một sức mạnh không ai cưỡng được là những bản-năng. Ta đã thấy rằng các bản-năng của người có thể chia ra làm ba loại chính-yếu : bản-năng vị-kỷ, bản-năng tình-dục và bản-năng xã-hội. Những bản-năng vị-kỷ nhắm vào việc bảo-vệ sự sống còn của cánhân , những bản-năng tình-dục hướng đến chỗ bảo-vệ sự sống còn của chủng-loại, những bản-năng xã-hội thì có mục-đích tạo điềukiện cần-thiết cho sự tập-hợp nhiều người lại thành đoàn-thể. Sự sống thành đoàn-thể này vừa có lợi cho sự sống còn của cánhân, vừa có lợi cho sự sống còn của chủng-loại. Những loại bản-năng trên này thật ra không phải hoàn-toàn phânbiệt nhau, mà có tác-động qua lại với nhau, lắm khi hòa-hợp nhau để tạo ra những khuynh-hướng vô-cùng phức-tạp. Nhưng trong trường-hợp nào cũng vậy, các bản-năng đều hướng về mục-đích mưu-đồ sự sống còn cho người ; sống còn của cá-nhân hay là sống còn của chủng-loại. Như vậy, ta có thể xem tất cả các bản-năng của người là những hình thể khác nhau của một bản-năng duy-nhứt đó là: bản-năng sinh-tồn. Bản-năng sinh-tồn là một bẩm-tính thiên-nhiên hỗn-hợp với cơ-thể người ; nó phát-hiện khi người mới sanh và chỉ tiêu-diệt khi người chết. Do đó, nó chi-phối hết cả đời sống của người, từ khi người cất tiếng oa oa để chào đời cho đến lúc người nhắm mắt xuôi tay, giã từ trần-thế. Vì bản-năng sinh-tồn mà người có một ý-chí sinh-tồn vô-cùng mãnh-liệt. Ý-chí sinh-tồn xuất-hiện một cách rõ rệt trong tất cả những hoạt-động của người. Những hoạt-động này sở-dĩ phức-tạp là vì người là một sinh-vật cao-đẳng có nhiều năng-khiếu sinh-lý và tâm-lý, thành ra có nhiều nhu-cầu và khuynh-hướng khác nhau. Tuy vậy, dựa vào bản-năng sinh-tồn, ta có thể thống-xuất được hết những hoạt-động ấy một cách dễ dàng.

II.- SỰ HOẠT-ĐỘNG SINH-TỒN CỦA NGƯỜI.

Xem xét hoạt-động của người từ ngàn xưa đến giờ, ta có thể nhận thấy rằng mục-đích chính-yếu của người là mưu-đồ sự sống còn cho mình. Trước hết, người hoạt-động để sống : sống về mặt vật-chất, trong hiện-tại và tương-lai. Từ một người dã-man ẩn náu trong chốn rừng sâu núi thẳm cho đến một người sống trong xã-hội văn-minh, ai ai cũng lo giữ gìn tánh-mạng mình và làm việc để nuôi thân. Khi vấn-đề sống trong hiện-tại đã giải-quyết xong, người nghĩ đến việc kéo dài sự sống của mình ra ; người gắng hết sức làm cho đời sống của mình được lâu dài chắc chắn. Ngoài việc tìm cách xây dựng những nơi trú-ẩn lâu bền người lại còn để dành những món ăn thức uống để phòng khi đói kém. Giải-quyết được việc duy-trì đời sống của bản-thân, người lo đến việc tăng-gia sức sống của mình, bành-trướng năng-lực sinh-hoạt của mình. Người tìm cách nâng cao đời sống của mình lên, cố làm cho đời sống ấy được dễ dàng sung sướng hơn. Không những nghĩ đến việc no lòng, người còn biết tìm những món ăn ngon lành sạch sẽ, không những cần được ấm thân, người còn biết thích y-phục đẹp đẽ, không những muốn có chỗ trú-ẩn, người còn muốn có chỗ ở tráng-lệ huy-hoàng. Về phương-diện tinh-thần, người có những tình-cảm, những sởthích, những

nguyện-vọng riêng. Người muốn được tự-do phát biểu tình-cảm mình, hướng đời sống mình theo nguyện-vọng mình và tổ-chức nó theo sở-thích mình. Hơn nữa, người còn muốn đem sự sống ra ngoài bản-thân mình. Người muốn cho những vật quanh mình mang một phần sự sống của mình, muốn cho đồng-loại mình chịu ảnh-hưởng mình. Sau hết, người cũng muốn rằng sau khi mình chết, một phần sự sống của mình còn lưu lại trần-thế. Nhu-cầu tình ái của người, lòng ham muốn có một được đứa con nối dõi cho mình, để dòng họ mình được vĩnh-cửu, sự cố-gắng để tạo ra một tác-phẩm vănchương hay, nghệ-thuật một công-trình vĩ đại hay một sự- nghiệp hiển-hách, sự tha-thiết muốn truyền-bá tư-tưởng mình để làm cho nó thắng-lợi và chi-phối những kẻ khác, sự nỗ-lực để ngự-trị đồngloại, đặt họ dưới sự điều-khiển của mình, đó là bao nhiêu bằng cớ chứng tỏ ý muốn bành-trướng và duy-trì sự sống của con người. Duy-trì sự sống của mình về hai mặt vật-chất và tinh-thần, trong hiện-tại và tương-lai, làm cho sự sống của mình càng ngày càng dễ dàng sung sướng và bành-trướng mãi ra, để có thể truyền cái sống quanh mình trong khi mình còn sống và sau khi mình đã chết. Nói tóm lại, sự sinh-hoạt và tồn-tại, sống và còn, đó là tất cả mụcđích hoạt-động của con người. Kết-quả của sự hoạt-động này đưa đến một cứu-cánh duy-nhất : mưu-đồ sự sinh-tồn của con người, và của cả loài người. Ta có thể nói tóm lại rằng, tất cả cuộc đời quây quần chung quanh hai chữ sinh-tồn : sinh-tồn về vật-chất, và sinh-tồn về tinh-thần, sinh-tồn của cá-nhân và sinh-tồn của chủng-loại.

B. NHỮNG BIỂU-LỘ KHÁC NHAU CỦA Ý-CHÍ SINH-TỒN

. Tất cả mọi người trên thế-giới đều có ý-chí sinh-tồn và đều hướng hết sự hoạt-động của mình vào mục-đích phụng-sự ý-chí sinh-tồn ấy. Tuy vậy, sự hoạt-động của con người không phải hoàn-toàn giống nhau, và đứng trước một tình-thế, sự phản-ứng của người này và người kia có thể khác hẳn nhau. Như thế là vì ý-chí sinh-tồn của người bị sự chi-phối của cá-nhân và có rất nhiều trạng-thái. Năng-lực thể-chất và tinh-thần của người vốn khác nhau vô-cùng. Nếu bên trong mỗi người, những nhu-cầu vật-chất đưa đến những dục-vọng thấp kém vẫn sống gần bên những nhu-cầu tinh-thần đưa đến những lý-tưởng cao-thượng, sức mạnh những nhu-cầu ấy rất khác nhau và tùy người. Một mặt khác, khả-năng của người trong sự chế-ngự hay thỏa-mãn những nhu-cầu của mình khác nhau vôcùng, tùy hoàn-cảnh, tùy đặc-tánh di-truyền, tùy trình-độ giáo-dục, tùy trạng-thái sinh-lý và tâm-lý mỗi lúc của người. Người thời-cổ và người dã-man hiện-tại không có một ý-thức rõ rệt về hành-động của mình. Họ hoàn-toàn tuân theo bản-năng một cách tự-nhiên. Sự sai-biệt về thể-chất và tâm-trí không có bao nhiêu, cá-tính người chưa mở mang lắm và những ước-thúc xã-hội giản-dị có một hiệu-lực gần như nhau đối với cá-nhân trong đoànthể. Do đó, ý-chí sinh-tồn được biểu-lộ gần như nhau. Sự hoạt-động cho mục-đích sinh-tồn cá-nhân trong những xã-hội thô-sơ vẫn quan-trọng và cần-thiết nhưng vì người thường có cơhội tập-hợp nhau để tự-vệ, để mưu sống chung, để vui chơi với nhau, để lễ bái thần thánh nên các bản-năng xã-hội rất mạnh mẽ. Nó uốn nắn người theo khuôn khổ chung, điều-hòa sự giao-thiệp nhau giữa mọi người, và khiến cho người sẵn sàng hy-sinh cho đoàn-thể những khi cần. Chính những đặc-tính trên đây đã tạo ra thần-thoại về những con người dã-man có tánh tốt bẩm- sinh. Thật-sự những con người dãman đó làm điều phải một cách tự-nhiên như làm điều ác, vì họ hành-động một cách vô-ý-thức, theo sự thúc giục của bản-năng họ. Trong xã-hội văn-minh, con người đã tiến-hóa hơn, sự sai-biệt về khả-năng thể-chất và tâm-trí của người đã rõ rệt hơn. Trình-độ sinh hoạt vật-chất chung đã được nâng cao, sự an- ninh cũng vững vàng hơn, và những cơ-hội tập-hợp để làm việc hoặc vui chơi chung nhau ít bớt đi. Những điều trên này làm cho cá-tính người rõ rệt hơn, đồng-thời nới rộng những mối dây xã-hội ràng buộc cá-nhân. Đã thế, một số người có còn thể có ít nhiều ý-thức về hành-động của mình và có thể tự ý chế-ngự một số nhu-cầu, cao-thượng-hóa những khuynh-hướng của mình. Sự

giáo-dục mà người nhận chịu một cách không đồng đều nhau, thường có mục-đích tăng-cường những bản-năng xã-hội đã bị yếu bớt trong những xã-hội có trìnhđộ vật-chất cao. Do những yếu-tố trên này, ý-chí sinh-tồn của người trong xã-hội văn-minh biểu-lộ dưới những hình-thức phức-tạp hơn. Trong xã-hội văn-minh có những người khôn ngoan, nhận thấy những quyền-lợi của mình từ xa và một các rõ ràng. Lý-trí họ cho họ biết rằng quyền-lợi chính đáng của họ không phải ở trong sự thỏa-mãn những dục-vọng hiện-tại của họ một cách mù quáng. Vì thế họ nghĩ đến tương-lai nhiều hơn. Họ có thể nhờ một ý-chí mạnh mẽ mà tổ-chức đời sống theo một xu-hướng nhất-định, và tạo nên những mối dây bền chắc để chế-ngự hay hướng-dẫn các nhu-cầu, các dục-vọng thấp kém của họ. Nhờ đó, họ có một cá-tính mạnh mẽ và thành-công trong những dự-định của họ. Ngoài ra, lại còn có những người biết nghĩ đến tương-lai, nhưng không đủ ý-chí để cưỡng lại các thị-dục của mình và không tổchức được đời sống theo nguyện-vọng, theo lý-tưởng mình. Sau cùng, cũng có những người ngu muội hơn, kém cỏi hơn. Họ không thể mở tầm mắt ra nhìn về phía tương-lai ; họ chỉ biết có hiện-tại và hoàn-toàn làm nô-lệ cho những thị-dục của mình. Trong sự thỏa-mãn những nhu-cầu, những người này có thể có đủ tài để thành-công, họ cũng có thể thiếu khả-năng cần-thiết và không dám phô bày ý muốn của họ. Như thế, mặc dầu bản-tính có giống nhau, mặc dầu đều có ý-chí sinh-tồn như nhau, nguyện-vọng sinh-tồn của người trong xã-hội văn-minh khác nhau vô-cùng. Một số người chỉ chú-trọng đến đời sống hiện-tại mà không nghĩ đến tương-lai. Có người khi kiếm đủ tiền để sống một ngày thì nhứt-định ở không suốt ngày ấy, dù có gặp cơ-hội có thể kiếm nhiều tiền cũng bỏ qua không chịu làm. Nhiều người khác khi có tiền trong tay thì ăn tiêu huy-hoác, phung-phí cả cơ-nghiệp mình để mua vui một cách thái quá. Có những người chỉ biết đến đời sống vật-chất, và trong đời sống hiện-tại cũng như trong việc nghĩ đến tương-lai, họ không có mụcđích gì khác hơn là tìm cách thỏa-mãn những nhu-cầu của xác thịt . Vì đó, họ chỉ chú-trọng đến những món gì có một giá-trị về phương-diện vật-chất. Đó là trường-hợp những người đắm mê vật-dục, những anh trọc-phú suốt đời chạy theo đồng tiền. Một số người khác lại chú-trọng đến đời sống tinh-thần nhiều hơn là đời sống vật-chất. Họ thích được người tùng-phục trọng-vọng và không ngại bỏ nhiều tiền bạc, công lao để chuốc lấy tiếng khen hay sự kính nể của thiên-hạ. Cũng có người đi tìm sự an-nhàn, lấy sự an-ổn của tâm-hồn và sự khỏe khoắn của thể-xác làm trọng. Ở một mực cao hơn, là những người có một quan-niệm tôn-quí hơn về vấn-đề tinh-thần. Hoặc đeo đuổi một lý-tưởng cao-siêu, hoặc phụng-sự một nghệ-thuật, hoặc tin tưởng nơi một đời sống vĩnh-cửu ngoài thế-giới hữu-hình và hướng tâm-hồn đến một nguyên-lý mà họ cho là nguồn gốc chúa tể vạn-vật, họ đặt giá-trị tinh-thần lên trên hết. Những hạng người hướng sự sống về tinhthần trên này có thể chấp-nhận một đời sống vật-chất thiếu thốn, hẹp hòi, có khi họ dám hy-sinh cả tính-mạng để bảo-vệ lý-tưởng hay binh vực cho quan-niệm của họ . Đứng về phương-diện xã-hội mà nói, ta có thể phân-biệt những người hoàn-toàn vị-kỷ chỉ cần biết đến quyền-lợi cá-nhơn của mình, chỉ nghĩ đến sự sinh-tồn của riêng mình, và những người có một tâm-hồn quảng-đại hơn, biết đặt quyền-lợi chung của đoàn-thể trên quyền-lợi mình, biết xem sự sinh-tồn của đoàn-thể trọng hơn sự sinh-tồn của bản-thân. Đó là những bậc vĩ-nhân, những anhhùng hữu-danh hay vô-danh. Họ sẵn sàng chịu thiệt thòi để cho đoàn-thể được hưởng lợi ; họ cũng dám hủy bỏ sự sống của chính họ để bảo-vệ đồng-bào, ngay trong khi bình tĩnh, không bị bảnnăng quần-chúng ám-thị. Như vậy sự sinh-tồn của người có thiên hình vạn trạng, và lắm khi những xu-hướng, những thị-dục của người chống chỏi lại nhau một cách mãnh-liệt. Trong trường-hợp này, sự thắng-lợi của một xuhướng đối với một xu-hướng khác, tùy nơi cá-tính của người. Chính cá-tính này đã định giá-trị cao thấp của người trong xã-hội. Ngoài ra, ta lại có thể nhận thấy rằng nhiều khi loài người dám tự mình hủy-diệt đời sống của mình vì một điều bất-đắc-ý, hay dám trải thân làm những việc nguy-hiểm đến tánh-mạng để thực-hiện lý-tưởng. Những người trên này không phải là vượt khỏi sự chiphối của ý-chí sinh-tồn. Nhưng đối với họ, sống mà không đạt được chí-nguyện, hay sống

trong một hoàn-cảnh mình không thích thì không bằng chết mà được thảnh thơi, hay lưu-danh hậu-thế. Nơi họ, sự sinh-tồn của tinh-thần đã thắng ý-chí sinh-tồn của thểxác vậy.

C.- Ý-CHÍ SINH-TỒN VỚI HOÀN-CẢNH.

Ý-chí sinh-tồn của người có thể xuất-hiện dưới rất nhiều trạng-thái. Nhưng nó phải tùy-thuộc hoàn-cảnh bên ngoài hay không ? Đó là một vấn-đề đã gây ra nhiều cuộc tranh-luận sôi nổi. 1.- NHỮNG THUYẾT TIỀN-ĐỊNH. Một số người theo thuyết tiền-định cho rằng tất cả những sự biến, từ những sự biến của thế-giới vật-chất đến sự biến của thế-giới tâm-linh đều được qui-định trước, và trong sự hoạt-động của mình, người phải noi theo một quyền-lực vô-hình ngoài ý muốn của mình. Ta có thể phân-biệt nhiều xu-hướng tiền-định khác nhau. Một số nhà tôn-giáo ngày xưa cho rằng số mạng người hoàn-toàn nằm trong oai-lực của trời. Người Ả-Rập đứng trước một biến-cố thường hay nói : « Điều ấy đã ghi sẵn trên trời ». Người TrungHoa có câu : « Mỗi miếng uống miếng ăn của người đều được định sẵn » (nhứt ẩm nhứt trác giai do tiền-định ». Nhiều nhà thần-học không đến nỗi có một quan-niệm tiền-định hẹp hòi như thế, nhưng vẫn cho rằng người là một dụng-cụ trong tay Thượng-Đế và chỉ sống để thi-hành những ý-định của Thượng-Đế. Đối với những người này, ý-niệm tự-do không dung-hợp được với oai-quyền Thượng-Đế. Theo chủ-trương những nhà khoa-học thì nội-giới của người cũng noi theo những luật-lệ chặt chẽ như ngoại-giới. Những nhà khoahọc này lại phân ra làm ba phái khác nhau. Phái tiền-định vũ-trụ dựa vào những luật lệ căn-bản chi-phối tửchất để quả quyết rằng ngay trong lãnh-vực tinh-thần người không bao giờ được tự-do chọn lựa thái-độ của mình, mà luôn luôn chỉ là một bánh xe nhỏ trong một guồng máy to, phải quay tít theo một mực-độ định sẵn cho mình. Theo phái tiền-định sinh-lý, tất cả đời sống tâm-linh của người đều đặt dưới sự điều-khiển của tình-trạng cơ-thể mình, và chung-qui, của sự di-truyền. Sau cùng, phái tiền-định tâm-lý cho rằng tất cả hoạt-động hiện-tại của người tùy-thuộc đời sống tâm-lý quá-khứ một cách chặt chẽ. Chính những sự ham muốn, những dục-vọng, những ý-tưởng đã qua trong trí óc người qui-định ý muốn hiện-tại của người. Ngoài những nhà tiền-định tôn-giáo và khoa-học, lại còn có những nhà tiền-định xã-hội chủ-trương rằng con người bị ảnh-hưởng của hoàn-cảnh một cách mạnh mẽ. Những quyết-định của người, ngay đến những quyết-định có vẻ đặc-biệt, cá-nhân nhất, đều do hoàncảnh cá-nhân chung quanh tạo ra rồi lại truyền bảo lại cho người.

2.- THUYẾT TỰ-DO Ý-CHÍ.

Chống chọi lại những người theo thuyết tiền-định là những người theo thuyết tự-do ý-chí, cho rằng con người được tự-do trong sự quyết-định của mình. Trước một tình-thế, người có thể giữ nhiều thái-độ khác nhau và tự mình chọn lựa một trong những thái-độ ấy. Cảm-tưởng tự-do này là một sự thật do kinh-nghiệm mà ra ; nó là một yếu-tố của ý-thức mà người nào cũng có. Nhiều khi người có cảm-tưởng rằng nhiệm-vụ mình bắt buộc mình phải làm một việc gì. Nhưng sự bắt buộc của nhiệm-vụ là một sự bắt buộc người tình-nguyện, nghĩa là tự-do nhận chịu. Hơn nữa, người chỉ có cảm-tưởng mình bị bắt buộc khi người được tự-do. Vậy, cảm-tưởng bị bắt buộc hàm nghĩa rằng người vốn được tự-do. Chính những người chủ-trương tiền-định cũng phải công-nhận sự tự-do của người trong thái-độ họ về những vấn-đề luật-pháp và luân lý. Nếu con người hoàn-toàn là một thứ bù nhìn bị ThượngĐế, bị các định-luật vũ-trụ, bị quá-khứ tâm-lý hay hoàn-cảnh xãhội xô đẩy cho cử-động thì người không thể có trách-nhiệm gì về việc làm của mình. Trong trường-hợp đó không ai có quyền chê bai hay trách móc những người làm bậy. Thượng-Đế không có quyền gởi những

kẻ phạm tội ác xuống hỏa-ngục, các nhà đạo-đức không có quyền khinh bỉ một đứa vô-luân, và tòa-án không có quyền trừng-phạt những cá-nhân phạm luật. Nhưng thật-sự, các nhà tôn-giáo, khoa-học và xã-hội đều bắt người chịu trách-nhiệm về hành-động mình, và như thế họ đã gián-tiếp nhìn nhận rằng người có được tự-do trong sự quyết-định của mình. Đứng về phương-diện tâm-lý mà xét, ta có thể bảo rằng giá-trị những đối-tượng khác nhau mà người phải chọn lựa hoàn-toàn tùy nơi quan-điểm người mà cao hay thấp, vì mỗi đối-tượng đều phùhợp với một vài nhu-cầu của người mà chống chọi lại một vài nhucầu khác. Người có thể thay đổi quan-điểm mình để chọn lựa đốitượng này hay đối-tượng kia, và điều này chứng tỏ rằng người được tự-do.

3.-TÍNH-CÁCH SỰ TỰ-DO CỦA NGƯỜI.

Xét hết sự hoạt-động sinh-tồn của người, ta nhận thấy rằng con người không phải hoàn-toàn được tự-do. Sự sinh-tồn vật-chất của người bị đặt dưới sự chi-phối chặt chẽ của những định-luật điềukhiển thế-giới vật-lý. Muốn duy-trì sự sống của cơ-thể, người phải noi theo nhiều điều-kiện khác nhau. Những quan-năng dinh-dưỡng, bài-tiết, tuần-hoàn, hô-hấp v.v… của người luôn luôn vận-động theo một xu-hướng nhứt-định, nhiều khi ngoài ý-thức của người. Hơn nữa khi sự vận-động này bị ngăn cản, hoặc thiếu những vậtliệu cần-thiết, người có thể bị nguy-hiểm đến tánh-mạng. Tuy vậy, ngay trong lãnh-vực vật-chất, người không phải hoàntoàn đóng một vai tuồng nô-lệ thụ-động. Sự sống tự nó vốn là một cố-gắng để vượt khỏi sự chi-phối của hoàn-cảnh vật-chất, và mực cao thấp của sinh-vật thật ra ở chỗ cốgắng ấy thành-công nhiều hay ít. Loài thực vật đã có những đặctính mà tử-chất không có : trong sự tuân theo các định-luật thiênnhiên, nó đã có một hướng phát-triển và một sức tự-tồn khá mạnh rồi. Loài động-vật còn đi xa hơn loài thực-vật : nó không phải cốđịnh ở một chỗ mà di-động được trong một phạm-vi rộng hẹp tùy loại. Một mặt khác, nó có thể phản-ứng lại những kích-thích ngoạIlai theo nhiều lối, chớ không phải luôn luôn theo một cách-thức duy-nhứt. Con người là một động-vật cao cấp có nhiều khả-năng hơn các loài động-vật khác, nên có một phạm-vi hoạt-động rộng-rãi nhất trong các loài. Sự so sánh đời sống vật-chất của người với đời sống các loài và với tử-chất đã cho ta thấy rằng mặc dầu bị chi-phối của các định-luật thiên-nhiên, nhưng người không hoàn-toàn lệ thuộc vào thiên nhiên ấy . Phạm-vi hoạt-động của người đã mở rộng ra theo các khả-năng của người và điều này chỉ tỏ rằng người đã một phần nào được tự-do so với hoàn-cảnh. Do đó, người tự-nhiên có bảnnăng tự-do mạnh mẽ, khiến cho họ từ xưa vẫn cư-xử với nhau như là những kẻ tự-do, mặc dầu về phương-diện tư tưởng, người ta có thể đi đến chỗ phủ-nhận sự tự-do. Đem so sánh người với nhau, ta lại nhận thấy rằng trong sự sống còn vật-chất, người không phải tùy-thuộc hoàn-cảnh với một mựcđộ ngang nhau. Nếu trên đời có người hoàn-toàn làm nô-lệ cho cơthể mình và đặt những huấn-lệnh do những nhu-cầu xác thịt ban bố lên trên hết, thì cũng có những người biết huấn-luyện xác thịt mình, bắt buộc nó phải chiều theo ý mình một phần nào. Ở hạng người sau này, những nhu-cầu vật-chất nhiều khi phải nhượng-bộ cho những nhu-cầu tinh-thần, và ngay trong sự thỏamãn những dục-vọng của mình, xác thịt cũng phải noi theo những qui-tắc họ đặt ra. Những qui-tắc này tất-nhiên không thể chọi lại những định-luật vật-lý chi-phối cơ-thể người : người không thể ăn uống thiếu thốn mà trở thành béo tốt được. Tuy thế nó cũng dành lại cho ý-chí người một phần quyền điều-khiển sự sống của cơ-thể. Ngoài ra, trên thế-giới còn có những hạng người đặc-biệt, uốn nắn đời sống vật-chất của mình theo một khuôn khổ khắc-nghiệt, và rút nhu-cầu của xác thịt xuống một mực hết sức kém cỏi. Đó là những nhà ẩn-sĩ tu theo đạo khổ-hạnh, những thuật-sĩ Ấn-độ có thể tự chôn mình trong một cái hòm nhỏ suốt tháng mà không chết, những chí-sĩ như Thánh Gandhi, như nhiều nhà cách-mạng Việtnam nhịn đói hàng tuần hàng tháng để tranh-đấu cho lý-tưởng . Về phương-diện tinh-thần, con người vẫn phải tuân theo các bảnnăng của mình. Hơn nữa, sự tác-động của con

người còn chịu ảnhhưởng của nhiều yếu-tố khác. Sự di-truyền, sự giáo-dục, tình-trạng sinh-lý, quá-khứ tâm-lý của người cũng như hoàn-cảnh xã-hội đều có thể đóng một vai tuồng quan-trọng trong sự quyết-định của người. Những bản-năng và các yếu-tố trên này hợp lại làm khối lực tác-động qua lại với nhau, và ảnh-hưởng rất mạnh đến người. Do đó, chủ-trương của những nhà tiền-định khoa-học và xã-hội cũng có một phần hữu-lý. Tuy nhiên, đối với những con người có ý-thức, biết cân nhắc sự lợi lại, phải trái, biết quan-sát tình-thế, biết tự xét về thái-độ mình, sự chọn lựa một đường lối để noi theo vẫn tùy-thuộc tinh-thần người một phần khá lớn. Chính quan-điểm của người đối với những mụctiêu đồng-thời cám dỗ người đã đóng một vai tuồng quyết-định trong thái-độ của người. Một mặt khác, con người có thể hoạt-động trên những yếu-tố khảdĩ ảnh-hưởng đến thái -độ tương-lai của mình. Người có thể cốgắng học-hành, tự khép mình vào một kỷ-luật, tự rèn cho mình một lý-tưởng, tập-luyện thân-thể mình, biến-đổi hoàn-cảnh xã-hội của mình hay ít nhất cũng biến-đổi quan-điểm mình đối với hoàn-cảnh xã-hội ấy. Những điều này có thể làm cho người sẵn sàng có phảnứng này hơn là phản-ứng kia. Như thế, nhờ ý-thức, người có được tự-do trong lĩnh-vực tinh-thần. Sự tự-do này càng lớn khi ý-thức về đời sống của người càng rõ ràng, càng mạnh mẽ. Trong trường-hợp đó, một số yếu-tố chi-phối con người như giáo-dục, hoàn-cảnh xã-hội, thật ra đã giúp thêm vào việc mở rộng sự tự-do tinh-thần của người hơn là phủ-nhận nó. Sự tự-do tinh-thần mà người được hưởng không phải là hoàn-toàn, nhưng nó cũng đủ để cho người có một ý-thức rõ rệt về nó. Phụ thêm vào bản-năng tự-do người sẵn có, nó gây cho người một ýhướng tự-do rất mạnh, nhất là trong mấy thế-kỷ sau này. Con người vốn có cái xu-hướng tự-nhiên là muốn dựa vào cái tuyệt-đối nên nhiều kẻ đã đi đến chủ-trương cho rằng sự tự-do của người được hoàn-toàn. Chủ-trương này đã gặp một phản-ứng mạnh mẽ nơi một số nhà khoa-học. Cũng như những nhà tôn-giáo ngày xưa nhốt con người vào trong cái khuôn Tạo-hóa, những nhà khoahọc và xã-hội này nhốt con người trong những định-luật khắcnghiệt của vũ-trụ hay của xã-hội. Thật ra, người không thể hoàn-toàn được tự-do, và phải tuân theo những định-luật chi-phối đời sống của mình. Tuy nhiên, người vẫn một phần nào được tự-do. Trong phạm-vi sinh-tồn vật-chất, sự tựdo này rất nhỏ hẹp ; trong lĩnh-vực tinh-thần, nó được rộng-rãi hơn. Khi có thể đi đến chỗ khước từ cả cuộc đời mình, người đã một phần nào thoát-ly sự kềm chế của vật-chất. Như vậy, phải nhận rằng trong sự hoạt-động sinh-tồn, người có được tự-do. Nhưng nên nhớ rằng con người chỉ là một phần-tử nhỏ nhặt của vũ-trụ cho nên sự tự-do của người cũng không thể có tính-cách tuyệt-đối. Sự tự-do này chỉ nằm trong một phạm-vi nhất-định : nó phải có một kích thước vừa với con người. Sự phát-triển của khảnăng người trong tương-lai có thể mở rộng nó ra một phần nào, nhưng dầu sao, nó cũng không đi đến chỗ hoàn-toàn như một số chánh-trị gia chủ-trương. Trong trường hợp đó, phủ-nhận sự tự-do của người, là quyết-định của những nhà độc-tài chủ-trương là đi ngược lại một khuynhhướng tự-nhiên của người, hơn nữa, là tự mình mâu-thuẫn với mình, vì những nhà độc-tài vẫn bắt con người không tự-do phải chịu trách-nhiệm về những việc họ làm. Trái lại, lấy tự-do làm lýtưởng và gán cho sự tự-do một tính-cách tuyệt-đối, hoàn-toàn, cũng là một thái-độ không phù-hợp với thực-tế.

D.- VẤN-ĐỀ HẠNH-PHÚC.

Trong sự hoạt-động sinh-tồn của mình, con người lại còn bị sự hấp-dẫn của một lý-tưởng rất mạnh mẽ là ý-tưởng hạnh-phúc. Hoặc mơ màng đến hạnh-phúc một cách có ý-thức, hoặc xây dựng đời mình theo quan-niệm hạnh-phúc của riêng mình một cách vô ý-thức, người ở mọi địa-phương và mọi thời-đại đều theo đuổi một bóng hạnh-phúc không lúc nào ngừng. Ta có thể cho rằng xu-hướng tìm hạnh-phúc của người là một xuhướng tự-nhiên. Từ trước đến giờ, nó vẫn là một động-lực mạnh mẽ chi-phối sự tiến-triển của xã-hội loài người. Vì đó, nó đã đóng một vai tuồng quan-

trọng trong sự hoạt-động chính-trị. Những nhà chính-trị cổ kim muốn lôi kéo quần-chúng theo mình đều phải lấy chủ-trương mưu-đồ hạnh-phúc cho dân làm đề-mục tuyên-truyền chính-yếu của mình. Những danh-từ được đem ra dùng và những hình-thức hạnh-phúc được đem ra trình-bày tuy có tùy địa-phương và thời-đại mà khác nhau, nhưng căn-bản của vấn-đề bao giờ cũng có một. Khi lấy hai chữ hạnh-phúc làm đề-mục trong tiêu-ngữ chính-trị của mình, những chính-khách hiện-đại chỉ noi theo một nguyên-tắc cổ-truyền trong sự thu-phục quần-chúng mà thôi. Vấn-đề hạnh-phúc vốn có dính dáng chặt chẽ đến vấn-đề sinh-tồn. Do đó, muốn thấu-triệt được vấn-đề hoạt-động sinh-tồn, chúng ta cần phải xét qua vấn-đề hạnh-phúc.

I.- SỰ PHỨC-TẠP CỦA VẤN-ĐỀ HẠNH-PHÚC.

Vấn-đề hạnh-phúc thật là một vấn-đề hết sức phức-tạp. Mọi người đều giống nhau ở chỗ cùng hướng đến hạnh-phúc như nhau và với một sự ham muốn mạnh mẽ gần như nhau. Nhưng xét nguyệnvọng từng người một, ta có thể nhận thấy rằng quan-niệm hạnhphúc của họ rất khác nhau. Quan-niệm này tùy tâm-tánh, tùy hoàncảnh, tùy trình-độ trí-thức, tùy nhân-sanh-quan của mỗi người, mỗi dân- tộc, mà thay đổi vô-cùng vô-tận. Nếu có những người mơ ước được sống trong một cuộc đời ngăn nắp yên-ổn, thì cũng có những kẻ chỉ thấy sung sướng khi được vẫy vùng ngang dọc giữa những sự nguy-hiểm khó khăn. Giữa những đêm hè nóng bức, một trận mưa to làm cho những người giàu có ưa thích, nhưng một bầu trời quang- đãng lại hợp-ý những kẻ không cửa không nhà. Một bức tranh đẹp làm cho một nghệ sĩ rung động cả tâm-hồn, hoặc một quyển sách hay làm cho văn-nhân hưởng được những lúc thoát-trần lại không có ảnh-hưởng gì đến một bác nông-phu chất-phác, chỉ thấy sung sướng khi ngồi trước một mâm cơm thịnh-soạn. Chung quanh ta, có bao nhiêu người chú-trọng đến đời sống vậtchất của mình : những người ấy ham muốn sự ăn ngon, mặc đẹp, ở nơi lầu cao cửa rộng, ngồi những chiếc xe bóng nhoáng, sang trọng nhưng cũng có những người mê say những thú vui trí-tuệ, suốt đời cặm cụi trong sự học hỏi, tìm tòi. Ngoài ra, còn có những người luôn luôn theo đuổi một sự thỏamãn về đạo-đức hay tinh-thần : đó là những bậc chân-tu khép mình trong bốn bức tường của tịnh-thất, hay những người hoạt-động xãhội, đem hết tài-trí năng-lực của mình để hàn gắn vết thương của hạng người xấu số. Đối với người Hồi, được trông thấy thánh-địa La Mecque trước khi nhắm mắt là điều mơ ước tối-cao. Trong khi đó, người Việt cho rằng có một ngôi mộ (sinh-phần đắc-địa) và một cỗ quan tài gỗ tốt trong nhà, là một trong những giấc mộng đẹp nhất của những người có tuổi. Như thế, cái bóng hạnh-phúc mà mỗi người vô-tình hay hữu-ý phác-họa trong tâm-trí mình có rất nhiều hình-trạng. Không những cái bóng hạnh-phúc của người này khác với cái bóng hạnh-phúc của người kia, mà đối với mỗi người, cái bóng ấy cũng tùy lúc mà thay đổi. Sau một thời-kỳ tìm thấy sự sung sướng trong đời sống giang-hồ phiêu-bạt, người ta có thể quay về tìm sự yên-tĩnh trong một đời sống bình-dị hơn. Ngoài ra, vì lẽ nhân-dục vô-nhai, người ta rất ít khi thõa-mãn với những món mình có. Thu-hoạch được những điều-kiện mà mình cho là cần-thiết và đầy đủ cho hạnh-phúc của mình, con người chỉ sung sướng một cách hoàn-toàn trong một thời-gian ngắn. Kế đó, họ thấy chán với những điều-kiện ấy và đòi hỏi, thèm muốn những điều-kiện khác nữa. Khi ở một túp nhà tranh xiêu vẹo, người ta ước mơ ở một căn phố gạch có đèn nước, và lúc mới dọn về ở một căn phố gạch như thế, người ta thích-chí lắm. Nhưng chỉ ít lâu sau đó, người ta lại thấy căn phố gạch đó xoàng xĩnh và muốn được ở một tòa nhà lầu cao rộng hơn. Vì hạnh-phúc luôn luôn thay đổi như thế nên người ta có cảmtưởng rằng nó rất mong manh, hệt như cái bọt xà-phòng, ánh muôn màu sắc rực rỡ, nhưng động đến là tan vỡ ngay. Con người thường đứng núi này trông núi nọ, và hay mong ước ở vào địa-vị một kẻ khác mà họ cho là có hạnh-phúc, trong khi chính kẻ khác đó rất muốn ở vào địa-vị của họ. Một nhà nghiệp-chủ có thể thèm muốn có cái được ưu-thế của một viên quan-

lại không biết rằng lúc ông ta thèm muốn như thế, viên quan-lại kia đang thiết-tha mong mỏi sống một cuộc đời nhàn-hạ của ông ta. Chúng ta lại còn có thể nhận thấy rằng những người chăm chăm vào việc đi tìm hạnh-phúc không mấy khi đạt được hạnh-phúc. Và lắm lúc, chính những điều mà người ta tưởng là có thể mang đến hạnh-phúc cho mình lại gây cho người ta bao nhiêu sự khốn khổ khi người ta đã thu-hoạch được nó. Biết bao nhiêu kẻ si-tình lấy việc cưới được người họ yêu mến làm cái tuyệt-đích hạnh-phúc cho họ, về sau đã xem người bạn trăm năm của họ như là một gánh nặng mà họ muốn vứt đi. Trái lại, cũng có lắm người không nghĩ nhiều đến hạnh-phúc của mình, nhưng xét đời sống họ, có thể cho rằng họ đã đạt được hạnhphúc một phần nào. Đó là những người nhiều năng-lực hoạt-động, mê say công việc mình làm, lại có mục-đích vừa tầm tài-trí mình, nên không phải bị những thất-bại ê chề, và sự tuyệt-vọng đau đớn. Vì vấn-đề hạnh-phúc quá ư phức-tạp và biến-hóa không cùng, người ta rất khó qui-định hạnh-phúc cho người khác. Hạnh-phúc không phải là một món hàng người có thể chế-tạo ra rồi muốn phát cho ai thì phát. Bởi vậy, trên đời có bao nhiêu kẻ làm khổ cho người khác chỉ vì muốn gây hạnh-phúc cho họ. Nhiều người cha mẹ đã lầm tưởng làm cho con mình hạnh-phúc, trong khi thật-sự, họ đã dồn ép chúng vào những hoàn-cảnh làm cho chúng đau khổ vô-cùng. Nhiều nhà chính-trị cũng đã cố-gắng tranh-đấu để xây dựng những chế-độ xã-hội lý-tưởng mà họ cho là có thể mang hạnh-phúc đến cho toàn dân. Họ đã phải chịu nhiều sự hy-sinh bao nhiêu mạng người khác để thực-hiện chương-trình của họ. Nhưng nếu trong đầu óc họ, chế-độ họ xây dựng lên làm cho con người, họ tưởng-tượng được sung sướng, hạnh-phúc thì trong xã-hội thực-tế, họ đã làm cho những con người bằng xương bằng thịt khổ-sở vô-ngần. Như vậy, vấn-đề hạnh-phúc không phải đơn-giản như các nhà chính-khách từ trước đến giờ đã chủ-trương. Tuy thế, nếu đem đốIchiếu nó với sự hoạt-động sinh-tồn, chúng ta có thể nhận-thức chân- tướng của nó một cách rõ ràng.

2.- VẤN-ĐỀ HẠNH-PHÚC ĐỐI-CHIẾU VỚI SỰ HOẠT ĐỘNG SINH-TỒN.

Chúng ta đã thấy rằng sự hoạt-động của người bị rất nhiều bảnnăng phức-tạp chi-phối. Tất cả các bản-năng này đều nhắm vào mục-đích mưu-đồ sự sinh-tồn cho người, sinh-tồn vật-chất hay sinh-tồn tinh-thần, sinh-tồn của cá-nhân hay sinh-tồn của chủngloại. Khi một bản-năng của người không thỏa-mãn được, người thấy mình khổ-sở, và tất cả những sự mong ước của người đều hướng đến chỗ thỏa-mãn cho được bản-năng ấy. Đối-tượng có thể thỏamãn cái bản-năng đang dày vò con người là cái bóng hạnh-phúc mà người đeo đuổi. Lúc người đạt được đối-tượng trên đây, nghĩa là lúc người thỏa-mãn được bản-năng thúc đẩy mình, người thấy mình có hạnh-phúc. Vì lẽ người có rất nhiều bản-năng cùng hướng về sự sinh-tồn, mà không bản-năng nào đủ sức chi-phối hết cả đời sống của người, cho nên hạnh-phúc của người có rất nhiều mặt và thay đổi không ngừng. Khi bản-năng này đã thỏa-mãn, bản-năng khác lại đòi hỏi người hoạt-động cho nó, và bóng hạnh-phúc của người là thỏa-mãn cái bản-năng khác ấy. Sự sung sướng mà người cảm thấy khi thỏa-mãn được một bảnnăng sau một thời-kỳ thèm khát lâu dài, có thể rất mạnh mẽ, khiến cho người tạm quên một số bản-năng khác chưa thỏa-mãn. Nhưng sự quên lãng này không phải kéo dài ra mãi, và sau cùng rồi, hạnh-phúc của người cũng phải phai mờ đi, nhường chỗ cho sự ước mơ khác. Người cũng có thể nhờ tư-tưởng, nhờ sự tự-kỷ ám-thị mà chế-ngự một bản-năng không được thỏa-mãn, và lấy sự thỏa-mãn những bản-năng khác làm hạnh-phúc cho mình. Nhưng phương-pháp này ít khi đưa đến một kết-quả hoàn-toàn. Những sự phản-kháng của bản-năng bị chế-ngự có thể làm cho người mất sự quân-bình tâmlý của mình, và đưa đến những chứng bịnh thần-kinh lắm khi rất nặng. Như vậy bản-chất của người làm cho cái bóng hạnh-phúc mà người đeo đuổi luôn luôn di-động. Sau khi lang thang trong rừng để tìm mồi hay cặm cụi trong một công việc làm để nuôi thân, người tìm sự sung sướng trong bữa ăn. Ăn uống no đủ rồi, người lại thích bàn chuyện với người

dị-tính mà người ưa mến. nhưng đến lúc mệt mỏi, không có gì làm cho người ưa chuộng bằng một giấc ngủ ngon. Tỉnh giấc, người muốn tăng-cường oai-thế của mình bằng sự học hỏi, hoặc muốn thỏamãn bản-năng sáng-chế của mình bằng việc xây dựng sắp đặt những món bày biện trong nhà hay việc tạo ra một công-trình mỹthuật. Chán chê rồi, thích đi dạo, đi xem hát giải-trí. Nếu không người lại đi hội-họp, lên diễn-đàn để biểu-dương tài hung-biện của mình cho công-chúng thấy. Sự hoạt-động của người thật ra biến chuyển không cùng, ta không thể kể ra hết được. Nhưng đại-khái, có thể bảo rằng khi người nào không thực-hiện được ý muốn của mình – ý muốn này là một biểuthị của bản-năng cần được thỏa-mãn, bằng sự thu-hoạch những điều-kiện sinh-tồn mới, hay bằng sự thay đổi những điều-kiện sinh-tồn cũ - người thấy mình khổ-sở. Và những khi sự biểu-thị của bản-năng cần được thỏa-mãn không được rõ ràng, mạnh mẽ, thành ra người không hiểu mình phải muốn những gì, người cảm thấy buồn chán vẩn vơ. Nói một cách khái-quát thì con người chỉ đạt được hạnh-phúc khi nào họ thỏa-mãn được những bản-năng của họ. Những bản-năng này đều qui vào mục-đích sinh-tồn. Bản-năng của người vốn có rất nhiều, mà sự đòi hỏi không thỏa-mãn chỉ một điều thôi cũng đủ làm cho người khổ-sở. Bởi đó hạnh-phúc của người chỉ duy-trì được khi nào tất cả các bản-năng của người đều được thỏa-mãn một cách đồng đều nhau. Nói một cách khác, người chỉ có thể hạnh-phúc khi người sinh-tồn một cách đầy đủ. Sự đeo đuổi hạnhphúc của người chung-qui chỉ là sự đeo đuổi theo những cái gì mà người thấy cần-thiết cho sự sinh-tồn của mình. Và cuộc đời mà họ cho là đầy hạnh-phúc thật ra chỉ là cái hình-thức sinh-tồn lý-tưởng của người mà thôi. Như đã thấy, hình-thức sinh-tồn lý-tưởng của mỗi người không phải là ổn-định : nó chuyển-dịch luôn luôn trong sự tiến-triển nộitại của tâm-trí người cũng như vì sự biến-hóa của ngoại-giới. Bên trong tâm-trí người, những bản-năng của người không ngớt thay thế nhau để đòi hỏi sự thỏa-mãn nơi người ; mà đối với từng bản-năng một, sự cần dùng cũng mỗi lúc một khác, bởi lẽ ý-định khuyếch-trương sức sống của người làm cho sự cần dùng của bảnnăng càng ngày càng nhiều và càng cao-nhã hơn. Về phía ngoại-giới, những điều-kiện của thiên-nhiên cũng như hoàn-cảnh xã-hội không phải đứng một chỗ ; nó thay đổi mãi mãi không ngừng. Với tất cả các quan-năng mà Tạo-hóa phú cho người, người hoạtđộng để sinh-tồn, nghĩa là để thỏa-mãn những bản-năng của người. Sự thỏa-mãn những bản-năng này bắt buộc người phải điều-chỉnh sự sống nội-tại của tâm-trí mình với ngoại-giới. Nếu thành-công được trong sự hoạt-động của mình, người tạo được một quân-bình giữa những bản-năng của mình với hoàn-cảnh. Chính sự quân-bình này là cái căn-bản của cái mà người gọi là hạnh-phúc. Như vậy hạnh-phúc không có gì khác hơn là một trạng-thái tâm-lý xuất-hiện những khi người gây được sự quân-bình giữa bản-năng sinh-tồn của mình và hoàn-cảnh bên ngoài. Sự sinh tồn của các sinh-vật đồng-loại tự-nhiên có những điểm đại-cương giống nhau. Bởi đó, đối với một người bình-thường, sự quân-bình nói trên đây càng thích-hợp với những điều-kiện sinh-tồn chung của loài người thì hạnh-phúc của người càng hoàn-toàn. Vì thế, ta có thể cho rằng xu-hướng tìm hạnh-phúc là xu-hướng tạo sự quân-bình giữa bảnnăng sinh-tồn của người và hoàn-cảnh. Nó cũng là một bản-năng cần-thiết cho sự sinh-tồn của chủng-loại và do sự tranh-đấu sinhtồn của chủng-loại mà có. Định-nghĩa hạnh-phúc trên đây đúng cho tất cả mọi người. Sự bất đồng về quan-niệm hạnh-phúc giữa loài người sở-dĩ có là vì sự phản-ứng của bản-năng sinh-tồn đối với hoàn-cảnh khác nhau từng người và từng dân-tộc. Trước hết, chúng ta có thể nhận thấy rằng những bản-năng của người này và người nọ không phải nảy nở một cách y hệt như nhau. Đối với một số người, những bản-năng bảo-đảm sự sinh-tồn cá-nhân về phương-diện vật-chất được mở mang hơn những bảnnăng khác, và người chăm chú đến sự ăn ngon, mặc đẹp, ở lầu cao cửa rộng nhiều hơn cả. Đối với một số người khác, những bảnnăng bảo-đảm sự sinh-tồn cá-nhân về phương-diện tinh-thần lại mở mang hơn, và người thích sự tranh-đấu cho tư-tưởng, cho địavị nhiều hơn. Cũng có những người mà bản-năng xã-hội phát-triển hơn hết, khiến cho người để phần lớn sự hoạt-động của mình vào công việc giúp đỡ những người khác. Đó

là chúng ta chỉ mới phác họa sơ qua những đại-cương, chớ những bản-năng thật nhiều vô cùng mà sự phát-triển của nó cũng hết sức phức-tạp. Chúng ta thấy rằng không một bản-năng nào đủ sức chi-phối được hết cả đời sống của con người, và cái bản-năng được mở mang nhứt không làm cho người quên hẳn được những bản-năng khác. Sự chế-ngự một bản-năng thường chỉ đưa người đến những chứng bịnh thần-kinh. Bởi đó, đối với một người mạnh khỏe, bìnhthường, những bản-năng ít mở mang vẫn còn tồn-tại. Những bảnnăng này trộn lẫn với những bản-năng mở mang nhất, và tất cả đều ảnh-hưởng qua lại với nhau. Chính sự trộn lẫn và sự ảnh-hưởng qua lại giữa các bản-năng có những mực phát-triển khác nhau đã tạo nên cá-tính mỗi người. Và chính sự cạnh-tranh hay sự liên-hiệp giữa các bản-năng này giành lấy phiên được thỏa-mãn, đã qui-định sự phản-ứng của người đối với hoàn-cảnh. Mực phát-triển của các bản-năng đã không giống nhau giữa người này với người nọ, mà trong mỗi lúc, cơ-vận thủ-thắng của mỗi bản-năng trong sự tranh giành được thỏa-mãn cũng không giống nhau, tất-nhiên sự phảnứng của người đối với hoàn-cảnh phải khác nhau, và bóng hạnhphúc mà họ đeo đuổi cũng phải khác nhau. Suốt đời sống của người, sự biến-chuyển trong mực phát-triển của những bản-năng kể trên này có thể làm thay đổi cá-tính của người cũng như cơ-vận thủ-thắng của mỗi bản-năng. Do đó, quan-niệm hạnh-phúc của người có thể thay đổi cùng với tuổi tác của họ. Những dân-tộc từ trước đến giờ vẫn sống trong những hoàn-cảnh địa-dư, kinh-tế, khí hậu khác nhau. Và trong lịch-sử, họ đã trải qua những tình-thế rất khác nhau. Sự tranh-đấu sinh-tồn của các dântộc vì đó mà có những tính-cách khác nhau, và bản-năng sinh-tồn của họ do cuộc tranh-đấu sinh-tồn này vun bồi và chi-phối tự ngàn xưa đến giờ cũng có những đặc-điểm khác nhau. Bởi thế, những điều-kiện thuận-lợi cho sự sinh-tồn của các dân-tộc hết sức khác nhau, và sự phản-ứng của các dân-tộc để đối-phó với hoàn-cảnh cũng khác nhau. Những điều này làm cho quan-niệm hạnh-phúc của các dân-tộc không thể giống nhau được

3.- SỰ GIẢI-QUYẾT VẤN-ĐỀ HẠNH-PHÚC.

Sự nghiên-cứu vấn-đề hạnh-phúc đối chiếu với vấn-đề hoạt-động sinh-tồn đã cho chúng ta thấy rằng người chỉ hạnh-phúc khi nào người thực-hiện được sự quân-bình giữa bản-năng sinh-tồn của mình với hoàn-cảnh bên ngoài. Sự quân-bình này không thể ổnđịnh được vì nó luôn luôn bị sức tiến-triển của nội-tại và ngoạigiới, sức tiến-triển của tâm-trí người và của vật-chất bao bọc lấy người xô đẩy phá-hoại không ngừng. Và trong khi sự thỏa-mãn một bản-năng của người làm cho người sung sướng thì những bản- năng khác đưa ra những sự đòi hỏi khác, có khi mâu-thuẫn nhau, nhưng đều có xu-hướng làm mất thế quân-bình đạt được. Tất cả vấn-đề tạo hạnh-phúc cho người chung-qui chỉ gom về việc giữ cho những sự đòi hỏi kế tiếp nhau của các bản-năng không làm ngã đổ sự quân-bình ấy, để cho tâm-trí người giao-động một cách nhẹ nhàng chung quanh cái trọng-tâm của sự « quân-bình hạnhphúc », chớ không bị lung lay một cách đột- ngột và mãnh-liệt. Vậy, việc gây hạnh-phúc cho người chỉ là việc thỏa-mãn các bảnnăng của người. Mà sự thỏa-mãn những bản-năng này không phải chỉ có một phương-diện. Ngoài những bản-năng đòi hỏi một thỏamãn những vật-chất như ăn, uống, mặc v.v… người lại còn những bản-năng đòi hỏi một sự thỏa-mãn tinh-thần khác . Những đòi hỏi vật-chất của bản-năng người thật ra rất khó quiđịnh, vì sự ham muốn của người có thể mở ra đến vô-cùng. Tuy nhiên, vẫn có thể biết được số nhu-cầu tối-thiểu của người, vì mỗi người chỉ cần một số lượng nhất-định là y-phục và lương-thực để được ấm cật no lòng, để được sung sướng về vật-chất. Về những đòi hỏi tinh-thần của người, ta không thể nào qui-định được, vì sự cần dùng tinh-thần của người biến-hóa vô-cùng về lượng cũng như về phẩm. Ta không thể làm cho người hạnh-phúc khi bắt họ đi hộihọp và thảo-luận chính-trị với những người khác, nếu họ chỉ thích đi lang thang một mình ở những nơi hẻo lánh để ngắm phongcảnh. Ta không thể làm cho người được sung sướng khi họ xem hát hoặc họ nghe nhạc nếu trong lúc đó họ muốn

vào chùa để cầunguyện cho linh-hồn họ được thảnh thơi. Thiếu những món cần-thiết cho đời sống vật-chất của mình, hoặc bị bó buộc thái-quá, người nhất-định phải khổ-sở. Khi có sự tự-do rộng-rãi về phương-diện tinh-thần, người mới có đủ điều-kiện để được hạnh-phúc. Hạnh-phúc này thật ra hãy còn tùy thái-độ người đối với hoàn-cảnh : một người bao giờ cũng muốn có những món mà sức mình không thể nào tìm được tất-nhiên không thể được thỏa-mãn và không thể được hạnh-phúc. Trái lại, những người « tri-túc » có thể thỏa-mãn với một số vật- dụng tầm-thường. Nhưng dầu sao, người ta không thể tự-mãn tự-túc với một cái bụng trống và hai bàn tay trắng. Như thế, chế-độ xã-hội lý-tưởng là chế-độ tạo ra những điều-kiện cho người có thể hạnh-phúc được. Nó phải bảo-đảm sự sinh-tồn vật-chất tối-thiểu cho tất cả mọi người. Về phương-diện tinh-thần, nó chỉ có thể bảo-vệ những tập tục cổ truyền tốt đẹp của dân-tộc, tạo ra cho mọi người một bầu không khí tâm-lý thích-hợp với nguyện-vọng chung của nòi giống từ ngàn xưa để duy-trì sự thốngnhứt giữa mọi người. Ngoài ra, nó phải để cho mọi người được tựdo tìm kiếm những thỏa-mãn những nhu-cầu tùy theo sở-thích, miễn là sự hoạt-động của người không phạm đến sự sinh-tồn chung. Xã-hội có thể giúp vào sự thỏa-mãn tinh-thần này một phần nào bằng cách nâng cao trình-độ sinh hoạt chung lên, bằng cách tổchức sự sản-xuất trong nước như thế nào cho các vật-liệu được dồi dào, để cho người dễ tìm những phương-tiện vật-chất cần-thiết cho sự thỏa-mãn những đòi hỏi tinh-thần của bản-năng người . Nói một cách khác, chế-độ xã-hội lý-tưởng là chế-độ giúp cho người có đủ điều-kiện cần-thiết để sinh-tồn về phương-diện vậtchất, và cho người được tự tổ-chức lấy sự sinh-tồn tinh-thần của mình theo hệ-thống tôn-giáo hay triết-lý nào tùy thích, miễn là điều đó không hại đến sự sinh-tồn chung của xã-hội. Nó chắc chắn có thể xây dựng được và rất thích-hợp với hạnh-phúc của người. Nó không như chế-độ cộng-sản, chủ-trương khép mọi người vào một đời sống tiêu-chuẩn mà Karl Marx và môn-đồ cho là một đời sống đầy hạnh-phúc, nhưng kỳ thật, chỉ là một đời sống nô-lệ, một đời sống thú-vật, một đời sống máy móc, trong đó xu-hướng tìm hạnh-phúc của người bị chế-ngự một cách bạo-tàn, thành ra không bao giờ thỏa-mãn được. Nghiên-cứu kỹ về vấn-đề hạnh-phúc của người, ta thấy rằng nó tùy-thuộc sự sinh-tồn một cách chặt chẽ. Nói cho thật đúng, hạnhphúc chỉ là một trạng-thái sinh-tồn. Và chung-qui cũng chỉ có sự sinh-tồn là mục-đích chính-yếu duy-nhất của người. Nó là cái định-luật thiên-nhiên làm trung-tâm điểm cho mọi sự hoạt-động của nhơn-loại ở mọi địa-phương và mọi thời-đại.

II.- TÍNH-CÁCH CĂN-BẢN CỦA SỰ SINH-TỒN : VỊ-KỶ.

A.- KHUYNH-HƯỚNG VỊ-KỶ CỦA NGƯỜI.

Con người là một động-vật có một ý-chí sinh-tồn rất mạnh. Tất cả hoạt-động của người đều do bản-năng sinh-tồn chi-phối và đều qui về mục-đích sinh-tồn. Xét đời sống của người, chúng ta thấy rằng giá-trị họ thật ra không phải bằng nhau. Nếu bên trong mỗi người cái thú-tính tàn-bạo vẫn nằm kế bên cái thiên-lương thuần-hậu, sức mạnh của hai bẩm-tánh đó hết sức khác nhau tùy người. Ta đã thấy rằng trong sự hoạtđộng sinh-tồn của mình, có người hoàn-toàn nô-lệ nhu-cầu thể-xác hiện-tại, nhưng cũng có người chế-ngự được các thị-dục mình và hướng đến một đời sống cao-thượng, hay nhắm vào quyền-lợi tương-lai của mình nhiều hơn. Nhưng dù cho người tuân theo sự thúc giục của các dục-vọng thấp kém, hay đặt mình dưới sự điều-khiển của phần cao-thượng trong tâm-hồn mình, người cũng đều bị sự chi-phối của tính vị-kỷ, hoặc một tính vị-kỷ ngu tối thiển-cận, hoặc một tính vị-kỷ rộng-rãi và khôn ngoan sáng suốt hơn. Danh-từ vị-kỷ thường có một ý-nghĩa hẹp hòi, xấu xa. Nó gợi cho người những ý nghĩ về quyền-lợi vật-chất và những thỏa-mãn thấp kém thô-bạo. Nhưng ở đây, ta nên hiểu chữ vị-kỷ theo một nghĩa rộng hơn, và xem nó như là cái khuynh-hướng dựa vào mình, lấy mình làm gốc trong mọi việc và qui mọi việc về mình.

Trong đời sống thường ngày, người bao giờ cũng nhớ đến mình cũng lo cho mình trước hết. Đó là điều tự-nhiên ai cũng công-nhận và không cần phải nhấn mạnh về nó làm gì. Nhưng ngoài những hành-động mà tính-cách vị-kỷ hiện ra một cách rõ ràng, người còn có những hành-động có vẻ cao-thượng và những hành-động được gọi là vị-tha nữa. Đối với một số đông người, những hành-động đặc-biệt này không có tính-cách vị-kỷ, song nếu suy xét cho kỹ về nó, ta lại nhận thấy rằng thật ra nó vẫn bị sự chi-phối của tánh vịkỷ hiểu theo nghĩa rộng trên này.

B.- SỰ VỊ-KỶ TRONG NHỮNG HOẠT-ĐỘNG CAOTHƯỢNG CỦA NGƯỜI

1.- SỰ VỊ-KỶ TRONG CÁC CẤU-TẠO VÀ PHÁT-HUY TƯTƯỞNG CỦA NGƯỜI.

Mặc dù nhiều khi vẫn có một hình-thức hợp-lý, những tư-tưởng của người là phản-ảnh những tình-cảm, những quyền-lợi hay những tư-kiến của người. Những chủ-trương của người thường là kết-quả hơn là nguyên-nhân những tình-cảm và cao vọng của người, có khi nó chỉ là một nước sơn che đậy những tình-cảm và nguyện-vọng ấy mà thôi. Những người thất-bại trên đường đời thường hướng về những chủ -nghĩa cách-mạng, trong khi những người thành công thì thiên về tinh-thần bảo-thủ hơn. Karl Marx đã hết sức thù nghịch chế-độ tưbản và nghiêng về lý-tưởng thế-giới đại-đồng, vì ông vốn là người Do-thái, nên bị chánh-phủ Đức thời ấy bạc-đãi và đàn-áp thẳng tay. Trái lại, Hitler chủ-trương bài-trừ Do-thái một phần vì thuở thiếu-thời, ông ta đã bị một gia-đình Do-thái khinh rẻ, từ chối một cuộc hôn-nhơn với ông ta. Những người nói đến các danh-từ hàm chứa một ý-nghĩa xã-hội cao quí như công-lý, danh-dự, tư-do, v.v…thường vì một lý-do có tính-cách cá-nhân : họ đã bị hiếp-đáp, bị khinh-thị, bị kềm chế, hoặc chỉ muốn dùng những danh-từ ấy để thực-hiện một chủ-định gì đó mà thôi. Vì lẽ những động lực thúc đẩy người hoạt-động vốn ẩn-náu, ít khi được người nhận thấy, người thành thật tin tưởng rằng mình chỉ tuân theo lý-trí mình. Kỳ thật, người thường chỉ lý-luận để biện- minh cho ý muốn hay hành-động mình. Trong việc binh vực ýtưởng hay hạnh-kiểm mình, cũng như trong việc đánh đổ chỉ-trích ý-tưởng hạnh-kiểm của kẻ địch, người lắm lúc đưa ra những lýluận ngây ngô, không vững chắc chút nào, nhưng vẫn tự cho rằng mình hoàn-toàn hữu-lý. Người vô-tình hay cố-ý ngụy-biện một cách hết sức tự-nhiên. Vì đó là những tín ngưỡng – vốn phù-hợp với những tập-quán và nhiều khi vì những quyền-lợi của người – không thể đánh đổ bằng lý-luận được. Kể ra thì ngoài đời cũng có những sự thật hiển-nhiên, không tùythuộc người và có đủ sức mạnh bắt buộc người phải chấp-nhận nó. Nhưng những sự thật này không có được bao nhiêu: nó là những điều-kiện căn-bản hợp lại làm cái khung cảnh chung cho mọi người. Trong khung cảnh này, người hãy còn một lĩnh-vực hết sức rộng-rãi để dùng sáng-kiến cá-nhân của mình. Trên những lĩnh-vực đó, người ta dựa vào những công-ước xã-hội nhiều hơn là sự thật. Người tin tưởng và khen ngợi cái gì hợp-ý mình, và bài-xích đánh đổ những cái gì không làm mình ưa thích. Những nhà chính-khách khi nịnh bợ quần-chúng, khi họ chủ-trương bênh vực quyền-lợi và hứa hẹn mang hạnh-phúc đến cho mọi người để làm cho mọi người theo mình, họ đã tỏ ra rất am-hiểu sức mạnh của sự vị-kỷ trong đời sống tư-tưởng của con người.

2.- SỰ VỊ-KỶ TRONG CẢM-GIÁC CỦA NGƯỜI.

Những ý-tưởng của người, cũng như những tri-thức mà người có được về ngoại-giới, do nơi kinh-nghiệm mà ra : nó bắt nguồn từ những cảm-giác của người. Cảm-giác là những dữ-kiện căn-bản của tri-thức : không có cảm-giác người không thể nào biết được cái gì. Một người đui từ lúc bé không sao có thể có một ý-niệm về các màu sắc, cũng như một người sanh ra đã điếc, không thể nào tưởng-tượng được sự điều-hợp các thanh âm. Chính nhờ cảm-giác mà người ta có ý-niệm về

ngoại-giới, và có thể sắp đặt trước những hành-động của mình. Như thế, cảm-giác đóng một vai tuồng rất quan-trọng trong đời sống của người. Người tiếp nhận được cảm-giác nhờ những giácquan. Giác-quan giúp người nhận thức được những hiện-tượng phát-hiện ở ngoại-giới và những mối tương-quan giữa các hiệntượng ấy. Những hiện-tượng này rất nhiều và phức-tạp, và người không sao có thể nhận-thức nó hết được. Thật ra, những tri-giác của người đã được giác-quan chọn lọc trong những ấn-tượng người có thể tiếp nhận. Những giác-quan của người đã được tổ-chức một cách đặc-biệt để thi-hành nhiệm-vụ này. Sự cấu-tạo và phát-triển của các giác-quan đã noi theo một ý-lực mạnh mẽ, và ý-lực đó lại nhắm vào việc phụng-sự các bản-năng của người. Những giác-quan đã thành hình không phải để giúp người có những tri-giác mà lý-luận. Nó cốt để trả lời cho những sự cần thiết của ý-chí sinh-tồn. Mắt người được tạo ra không phải để trông ngắm cảnh-vật, mà để soi sáng hành-động người, để báo trước cho người một sự nguy-hiểm, đề giúp người vồ bắt một con mồi. Sở-dĩ hiện nay sự tương-quan giữa con mắt và sự sinh-tồn của người ít rõ ràng hơn trước, là vì nền văn-minh đã khiến cho sự liên-lạc giữa người với hoàn-cảnh biến-đổi khá nhiều rồi. Nhưng dầu sao, sự ích-lợi của nó đối với đời sống của người cũng hết sức quan-trọng. Vậy, những giác-quan của người chỉ là những dụng-cụ đặc-biệt, nhờ đó người thâu-hoạch trong ngoại-giới một số tri-thức cần-thiết giúp người đối-phó với hoàn-cảnh hầu bảo-vệ sự sinh-tồn của mình.

3.- SỰ VỊ-KỶ TRONG SỰ HOẠT-ĐỘNG CỦA TÂM-TRÍ NGƯỜI.

Những dữ-kiện được giác-quan chọn lựa lại được người chọn lọc lại một lần thứ nhì. Người chỉ lưu-ý đến cái gì làm người xúcđộng. Một việc nhỏ nhặt có thể được xem là một vấn-đề tối quantrọng, nếu người thấy nó có thể hại mình, hay mang đến cho mình một mối lợi to. Những kích-thích bên ngoài mà không liên-hợp với một bản-năng, thì người không lưu-ý đến. Khi đói, người chú-ý đến những món ăn, nhưng đến khi no nê rồi, mùi thơm của món ăn ngon đến đâu cũng không làm cho người lưu-tâm đến nhiều được. Thêm nữa những cảm-tưởng và phán-đoán của người về sự vật cũng thay đổi, tùy sự cảm-thụ và dục-vọng người. Cùng một món ăn mà khi đói, người thấy ngon, còn khi no, người thấy chán. Lắm lúc, người có thể làm những việc khó khăn nặng nhọc một cách dễ dàng, nhiều khi thích thú nữa, nếu việc ấy giúp người thỏamãn một thị-dục. Những anh chàng si-tình có thể vượt núi trèo đèo với sụ phấn chấn và nụ cười, nếu sau cuộc hành-trình gian-khổ ấy, anh ta gặp được người yêu. Trước một cảnh-trí, người không có một ấn-tượng khách-quan như cái máy ảnh. Trong khi những chi-tiết làm cho người lưu-tâm nổi bật lên, những chi-tiết không gây được sự chú-ý của người mờ đi rồi mất hẳn. Do đó, những phúc-trình, những tập du-ký của người về một vùng địa-dư hoàn-toàn khác nhau tùy tác giả. Một nhà khảo-cổ nhớ đến những đền đài dinh-thự lịch-sử, một nhà kinh-tế nói tỉ mỉ về những thổ-sản, một nhà họa-sĩ chỉ nhắc đến những nơi phong-cảnh tuyệt-kỳ. Cùng đi ở một đường phố, người đàn bà thường chú-ý đến những hiệu kim-hoàn, những hàng tạp- hóa, những tiệm may, một sinhviên thì hay ngó đến những nơi bán sách, những người thích máy móc lại lưu-ý đến những cửa hàng bán dụng-cụ cơ-giới. Những học-sinh cùng học một lớp, cùng nghe những ông thầy giảng như nhau không đi đến những kết-quả như nhau, không những chỉ vì họ không cố-gắng như nhau mà còn vì khả-năng họ khác nhau, thành ra họ không thích những vấn-đề được trình-bày y như nhau. Sự chú-ý làm cho sức mạnh những cảm-giác được tăng-cường. Khi lưu-tâm đến một sự sung sướng hay một nỗi đau khổ, người thấy sự sung sướng hay nỗi đau khổ ấy tăng lên gấp bội. Trái lại, nếu người không thèm chú-ý đến cảm giác nhiều, sự sung sướng hay nỗi đau khổ ấy yếu lần đi và tan biến một cách dễ dàng. Một mặt khác, sự chú-ý lại là một điều-kiện cho ký-ức. Những cái gì người thích và chú-ý, người nhớ rất dai và rất kỹ. Ngoài ra, những dục-vọng và sở-thích của người còn ảnh-hưởng

đến ký-ức đó, và làm biến tánh những kỷ-niệm của người. Sau hết, những nhu-cầu của người còn hướng trí óc người đến chỗ khái-quát-hóa và sắp đặt các tri-thức của người về ngoại-giới. Sự lợI-ích bao giờ cũng là tiêu-chuẩn để cho người nhận-thức sự tương- đồng giữa các sự vật, và sắp các sự vật ấy thành hệ-thống. Người có thể sắp chung các sự vật có thể tác-động đến cơ-thể mình với một hiệu-quả như nhau. Người cũng có thể sắp chung các sự vật có thể dùng làm phương-tiện để giúp người đạt được một mụcđích. Những điều trên này chỉ tỏ rằng sự hoạt-động của tâm-trí người dựa vào sự chú-ý, mà người chỉ chú-ý đến cái gì hữu-ích cho mình.

4.- SỰ VỊ-KỶ TRONG TRI-THỨC CỦA NGƯỜI VÀ KHOA HỌC.

Người sở-dĩ chịu khó quan-sát và học-tập thêm mãi không ngừng, là vì người muốn tác-động trên sự vật. Tri-thức bao giờ cũng là điều-kiện đầu tiên để giúp người chọn lựa một cách đúng đắn, và hành-động một cách có hiệu-quả. Người chỉ có thể thỏa-mãn những nhu-cầu của minh khi người có thể phân-biệt được cái lợi cái hại, và phản-ứng một cách thích-hợp với hoàn-cảnh. Không biết ai là thù, ai là bạn, không hiểu món ăn nào bổ, món ăn nào độc, người rất khó tự-tồn. Sự phân-biệt này là một vấn-đề sống chết đối với người. Vì đó, người cần một sự tin tưởng chắc chắn nơi tri-thức của mình. Vốn lấy hành-động làm mục-đích, tri-thức người hướng về tươnglai. Người sở-dĩ nhớ đến hậu-quả những cách cư-xử quá-khứ của mình hay đồng-loại là để suy-luận về những việc sẽ xảy ra, hầu ứng- phó lại một các đúng đắn. Con người thắng-lợi trong sự cạnhtranh sinh-tồn là con người dự-đoán trúng tương-lai, và đưa ra những kế-hoạch gồm những hoạt-động đắc-lực, thích-hợp với tìnhthế. Những tri-thức khái-quát, những tư-tưởng và ý-niệm, hết sức hữuích cho người ; nó giúp cho người thấy xa trong tương-lai, và chẳng những dự-đoán được những việc xảy ra, mà còn tưởngtượng được những điều mình sẽ làm, và cả hậu-quả của những việc làm ấy. Do đó, người có xu-hướng khái-quát-hóa những tri-thức và gói nó trong những công-thức gọn gẽ dễ nhớ. Vậy, những tri-thức của người đều nhắm vào mục-đích phụng-sự chính cá-nhân người. Khoa-học nào cũng bắt đầu bằng những nghệ-thuật, tức là phép áp-dụng một số tri-thức khái-quát ra hànhđộng. Hình-học thoát-thai từ khoa đạc-điền, thiên-văn-học bắt nguồn từ sự quan-sát vũ-trụ để biết thời-tiết hay định phươnghướng. Do sự so sánh những phương-pháp hành-động của mình với những kết-quả thu-hoạch, người nhận-thức được những mối tương-quan hằng-cửu và rút ra được những lý-thuyết, với những cách-thức hoạt-động có hiệu-lực hơn. Khoa-học nhờ sự tập-hợp và hệ-thống-hóa các kinh-nghiệm ấy mà phát-sanh. Khi khoa-học đã thành hình rồi, nhiều người cho rằng hoạt-động khoa-học hoàntoàn không vụ-lợi. Theo những người này, nhà khoa-học yêu sự thật vì sự thật chớ không phải vì mục-đích gì khác. Nhưng thật ra, vai tuồng khoa-học bao giờ cũng là dạy cho người những tri-thức rộng-rãi và chính-xác về các hiện-tượng thiênnhiên, để giúp người đối-phó với những hiện-tượng ấy một cách đắc-lực hơn. Phần lớn những sự tìm tòi nghiên-cứu của các nhà khoa-học đều hướng về việc giải-quyết những vấn-đề thực-tiễn. Ý-tưởng về những ích-lợi mà công-trình mình mang đến những người đồng-loại, làm cho các nhà khoa-học hăng hái hơn trong sự làm việc. Thêm nữa, những người không nhắm mục-đích gì trong sự nghiên-cứu, cũng giúp cho nhân-loại về sau. Nhiều định-luật khoa-học phát minh từ đời cổ, mãi đến ngày nay mới được đem ra ứng dụng. Vả lại, chính những người không nghĩ đến sự áp-dụng những tri-thức của mình mới có thể đi đến những thuyết tổng-hợp cao-siêu, về sau phụng-sự nhân-loại một cách đắc-lực hơn. Những giả-thuyết khoa-học đã đóng một vai tuồng rất lớn trong sự xây dựng những chủ-nghĩa chính-trị, và những hệ-thống triết-lý chiphối cả đời sống loài người. Vậy, khoa-học không phải là không có tính-cách vụ ích-lợi. Đối với những người chủ-trương khoa-học vị khoa-học, một triết-gia Pháp đã nhắc lại rằng : « Không phải người sinh ra để phụng-sự khoa-học, mà trái lại, khoa-học đã được tạo ra vì người, và giá-trị một phát minh chỉ do nơi sự ích-lợi của người mà ra

». Về phần những nhà khoa-học, ta cũng nhận thấy rằng sự tìm tòi khảo-cứu, họ vẫn có phụng-sự cá-nhân họ. Gác qua một bên những người nhắm vào mục-đích tìm danh tìm lợi, ta hãy xét về những nhà khoa-học đặt việc khảo-cứu lên trên hết mọi sự. Những nhà khoa-học này thật ra cũng có một cao-vọng, cao-vọng hiểu được thiên-nhiên để chế-ngự nó, hầu giúp ích cho con người. Cao vọng này có tôn-quí thật, nhưng vẫn là cao-vọng cá-nhân. Thêm nữa, sự khảo-cứu khoa-học làm phát-triển nhiều khả-năng trí tuệ và nhiều đức-tính của người. Nó làm cho giá-trị nhà khoa-học được nâng cao lên, và do đó, nó rất hữu-ích cho nhà khoa-học. Nó trả lời cho sự cần dùng phát-triển của nhà khoa-học, và không thể xem là hoàn-toàn không vị-kỷ được. Một mặt khác, một số nhà khoa-học khi đã quen với công việc tìm tòi khảo-sát rồi, thì có một nhu-cầu tìm tòi khảo-sát rất mãnh-liệt. Ý muốn hiểu-biết, khám phá, phát-minh của họ trở thành dục-vọng thu hút hết nghị-lực họ. Bắt họ ngừng làm việc, họ sẽ thấy khổ-sở vô-ngần. Ngay những nhà khoa-học có một mục-đích vụ-lợi thiển- cận, về sau cũng có thể tự mình thấy sung sướng khi tìm tòi khảocứu. Một bằng cớ chỉ-tỏ tánh-cách vị-kỷ của nhà tư-tưởng là sự cố-gắng của họ để làm cho thiên-hạ chấp-nhận ý-kiến họ. Từ trước đến giờ, các nhà khoa-học và triết-học nổi danh đều có một thái-độ biệt-phái cứng rắn, và nhiều người đã tỏ ra hết sức cuồng-nhiệt trong sự bênh vực hệ-thống lý-thuyết của họ . Nói tóm lại, những nhà bác-học, dầu cho không đeo đuổi một mụcđích vụ-lợi thiển-cận, cũng không phải là không vị-kỷ, chỉ vì cái vị-kỷ của họ cao hơn cái vị-kỷ thấp kém của những kẻ tầm-thường cho nên người ta thường không nhận ra được nó mà thôi

-

.5.- SỰ VỊ-KỶ TRONG NGHỆ-THUẬT CỦA NGƯỜI.

Đối với chủ-trương « khoa-học vị khoa-học », người ta thấy pháthiện mấy thế-kỷ sau đây chủ-trương « nghệ-thuật vị nghệ-thuật ». Những người theo chủ-trương này cho rằng nhà nghệ-sĩ chỉ có mục-đích phụng-sự cái đẹp cũng như nhà khoa-học chỉ có mụcđích phụng-sự chân-lý. Nhưng thật-sự, như ta thấy, hoạt-động khoa-học không thoát khỏi tính-cách vị-kỷ ; hoạt-động nghệ-thuật cũng thế. Khi thưởng-thức một tác-phẩm nghệ-thuật, người ta tìm, hoặc một tri-thức để học thêm, hoặc một sự kích-thích, hoặc một phút xuấtthần hay một khoảnh-khắc mơ mộng giúp mình quên cuộc đời ô-trọc, nói tóm lại, người tìm một cảm-xúc, tức là một tình-cảm làm rung động được tâm-hồn mình. Và thật-sự, cái mà người ưa thích trong một tác-giả chính là cá-nhân mình, chính là những cửchỉ hành-động, chính là cả một cuộc đời mà người đã sống, hoặc thích sống và không sống được. Nói một cách khác, người tìm trong mỹ-thuật, hoặc một sự sinh-tồn quá-khứ, hoặc một sự sinhtồn tưởng-tượng, để thay thế sự sinh-tồn thiệt-thọ hiện-tại chưa đủ làm toại nguyện được chí người. Như vậy, những hình-ảnh mà nhà nghệ-sĩ gợi ra, sở-dĩ làm xúccảm được người, phần lớn vì nó có liên-lạc với cá-tính người, với thân-thế thật-sự hay tưởng-tượng của người. Về phần những nghệ-sĩ, họ thường đem phổ vào tác-phẩm họ cả bản-ngã họ. Có khi họ tự tả họ một cách trực-tiếp. Nhưng cũng có thể biểu-lộ một cách gián-tiếp ; họ gán cho những nhân-vật họ tạo ra, những khuynh-hướng, những tình-cảm của họ. Nguyễn Du đã nhờ nàng Kiều để bày tỏ thân-thế thật-sự của mình, và nhờ Từ Hải để phác ra vai tuồng xã-hội mà Nguyễn Du muốn đóng vai ấy. Người ta đã nhận thấy rằng nhà nghệ-sĩ càng có nhiều dục-vọng, càng có nhiều tâm-sự u-uẩn thì càng sản-xuất những tác-phẩm tânkỳ. Đối với họ, sự cần dùng phải sản-xuất cũng khắc-nghiệt như sự cần dùng khảo-cứu tìm tòi của nhà khoa-học. Sự quan-sát về đời sống các nghệ-sĩ đã cho chúng ta biết rằng những động-lực thúc đẩy họ là sự thỏa-mãn những nhu-cầu tinhthần, tính tự-tôn, tự-đại, lòng ham muốn danh-vọng, tiền tài, ý muốn được người hiểu biết hay mến phục. Những động lực trên này đều có tính-cách vị-kỷ không ít thì nhiều.

6.- SỰ VỊ-KỶ TRONG HOẠT-ĐỘNG TÔN-GIÁO.

Trong sự hoạt-động tôn-giáo, ta cũng nhận thấy sự vị-kỷ xuất-hiện. Người thời xưa vì không rõ nguyên-nhân những hiện-tượng thiênnhiên chung quanh mình, nên cho rằng những hiện-tượng đó do ý muốn những nhân-vật vô-hình mà ra. Họ gán cho những nhân-vật vô-hình này một linh-hồn như họ, và tạo ra những ma quỉ, thánh thần. Đọc những thần-thoại của tất cả các dân-tộc, ta có thể nhận thấy rằng ma quỉ, thánh thần ngày xưa có những tình-cảm, nguyệnvọng như người, với những khả-năng hành-động cao hơn. Vậy, người đã nhờ tôn-giáo để biểu-diễn những nguyện-vọng và mơ ước của mình. Một mặt khác, trong tôn-giáo, người còn tìm một phương-tiện để tự-vệ chống giữ những lực-lượng vô-hình có thể phò-hộ hay giết hại mình. Người đã thờ cúng lễ-bái các vị thần-minh, để cho họ thương mình mà tha cho, hoặc hơn nữa, binh vực giùm mình. Các bộ-lạc, các chủng-tộc thuở xưa đều thờ một vị thần bảo-hộ đoànthể mình. Những cá-nhân cũng cầu-đảo để được mạnh khỏe, được thành-công trong việc làm, được giàu sang sung sướng. Ngay đến khi tôn-giáo có một tánh-cách cao-thượng hơn, phần lớn loài người vẫn giữ thái-độ vụ- lợi trên đây trong sự thờ phụng thần thánh. Phúc, lộc, thọ, danh, đó là những điều mà người mong ước thần thánh ban-bố cho mình hay cho thân-nhân của mình. Một điều rõ rệt chứng tỏ sự vị-kỷ của người trong sự thờ phụng thần thánh, là người chỉ thiết-tha cầu-khẩn khi khổ-sở, khi gặp những hoạn-họa gớm ghê mà sức người không đương trở nổi. Lúc những phương-tiện hoạt-động của người được mở mang, lúc người được an-toàn và sung-túc, người rất ít khi nghĩ đến Phật Trời. Ta phải công-nhận rằng trong nhân-loại, có một số người có một tinh-thần mộ-đạo rõ rệt hơn. Nhưng hạng người này thật ra cũng chỉ nghĩ đến họ ; họ muốn được sống an-toàn ở trần-thế, và khi trút linh-hồn, lại được lên thiên-đàng sống một cuộc đời vĩnh-cửu, đầy lạc-thú. Nếu họ cố-gắng để có những đức-tánh cần-thiết như lòng từ-bi bác-ái, sự đại-lượng đối với kẻ khác thì cũng vì mục-đích vị-kỷ như trên này. Những người có óc thần-bí, muốn hòa-hợp hồn mình với ThượngĐế cũng không thoát khỏi sự vị-kỷ. Sở-dĩ họ muốn được trở về với Thượng-Đế, là vì Thượng-Đế có một quyền-năng vô-hạn, có một sự từ-ái mênh mông. Một điều ta nên lưu-ý, là những người thần-bí này chỉ tin nơi Thượng-Đế riêng của mình. Nói đến tôn-giáo khác, họ chỉ có lòng khinh-bỉ, thù hằn. Hơn nữa, họ cũng không tha những kẻ cùng thờ một Thượng-Đế với họ, vì có một quan-niệm khác họ về sự thờ cúng Thượng-Đế ấy. Những sự tàn-sát nhau giữa các tôn-giáo, những tôn-giáo pháp-đình đã lưu lại cho nhân-loại bao trang sử rùng rợn, đều là công-trình những nhà thần-bí cuồng- tín, không ngại dùng đến những phương-pháp ác độc tàn-bạo nhất để binh-vực giáo-lý mình.

C.- SỰ VỊ-KỶ TRONG NHU-CẦU PHÁT- TRIỂN CỦA NGƯỜI.

Sự sinh-tồn, như ta đã thấy, không phải chỉ thâu vào việc duy-trì sự sống dưới hình-thức hiện-tại. Nó còn gồm ý muốn nâng cao sự sống lên và mở rộng nó ra. Bất cứ ở địa-vị nào, người cũng muốn vượt lên trên nữa. Một vị Thiên Hoàng ngự-trị trên một nước Nhựt đang lúc hùngcường, đã viết trong một bài thơ làm khi ngự-giá dự một cuộc thao-diễn hải-quân :Hà thời đạt đắc bình-sanh chí, Nhất dược đăng phi ngũ đại châu = (Biết bao giờ ta đạt được chí bình-sanh, phóng một bước nhảy qua cả năm đại-châu) Giấc mộng bá-chiếm hoàn-cầu này, những tay thống-lãnh các đại đế-quốc từ trước đến nay đều có ý mơn trớn. Giá như một ngày kia có người đạt được nó, người ấy sẽ không ngừng lại đó. Họ sẽ nghĩ đến việc chinh-phục thời-gian sau khi chinh-phục không-gian. Họ sẽ tìm cách được trường-sanh bất-tử như Tần Thủy-hoàng ngày trước, và như Staline gần đây. Ngay bây giờ, mộng bá-chiếm hoàncầu chưa thực-hiện được, mà đã có người nghĩ đến việc chinh-phục các hành-tinh gần và xa địa-cầu . Vậy, nền tảng của sự sinh-tồn là sự bành-trướng. Ngay ở

những sinh-vật sơ đẳng, sự bành-trướng cũng hết sức mạnh mẽ. Nhiều loại vi-khuẩn trong một ngày đã sanh ra đến 70 đời. Nếu có đủ lương-thực để sống, khối vi-khuẩn này có thể nặng đến 5.000 tấn. Trong vòng 15 năm, hậu-duệ của một cặp chim lên đến số 10 triệu con, trong khi một con cá chép thường có thể sanh ra 100 triệu trứng. Loài người tự xưng là chủ-nhân-ông của địa-cầu kể ra không hổ với danh-hiệu này, vì sức bành- trướng sự sống của người thật vô- cùng mạnh mẽ. Người đã thay đổi cả mặt quả đất, người đã chếngự được cả muôn loài. Chẳng những muốn nô-lệ-hóa loài thú và điều-khiển vật-chất, người còn muốn xử-dụng đồng-loại theo ý mình nữa. Người luôn luôn cố-gắng vượt lên trên kẻ khác và ngự-trị kẻ khác. Người nào cũng tự cho mình là « cái rún của quả đất », xem cánhơn mình là trên cả, nghề-nghiệp mình là cao quí hơn hết, đẳngcấp mình là quan-trọng nhứt. Nhà khoa-học, nhà triết học, nhà nghệ sĩ, nhà tôn-giáo, nhà chánh-khách, đều cho rằng chỉ có ngành hoạt-động mình phụng-sự mới có thể mang hạnh-phúc lại cho nhân-loại, và do đó, nó phải được đặt lên trên hết. Trong mỗi nước, hạng nông-dân thường cho rằng mình hữu-ích hơn cả, trong khi thợ thuyền quả-quyết rằng; họ mới là phần-tử cần-thiết bậc nhứt. Ý muốn trở thành một nhân-vật quan-trọng là một nhu-cầu thiếtyếu của mọi người. Trong phạm-vi hoạt-động của mình, người luôn luôn muốn tỏ rằng mình tài giỏi hơn kẻ khác. Lòng ham quyền-chánh, tham danh-vọng, thích nịnh bợ, có thể nói chung cho hầu hết loài người. Chủ-trương bình-đẳng do nơi lòng tự-ái của người mà ra. Người không bao giờ muốn hạ mình xuống cho bằng kẻ thấp hơn, trái lại, muốn leo lên cho bằng kẻ ở trên mình. Khi nhận thấy mình không lên trên được, người lại thầm muốn cho người ở cấp trên bị khốn khổ, hoặc bị giáng xuống địa-vị mình. Như thế, xét tâm-lý con người, ta thấy rằng người luôn luôn hiểu sự bình-đẳng theo một nghĩa có lợi cho mình. Một mặt khác, ngay những người hô-hào bình-đẳng cũng tự-nhiên hướng về sự bất-bình-đẳng. Người bao giờ cũng thèm khát những đặc-quyền, đặc-ân, và sự tôn-ty xuất-hiện trong mọi tổ-chức. Giáohội nào cũng có cấp bậc trên dưới, và đảng Cộng-sản Đệ Tam Quốc-tế, vốn chủ-trương một sự bình-đẳng triệt để giữa loài người, chẳng những đã đặt một hệ-thống phân-biệt phẩm-trật nhiều hơn trong bất cứ tổ-chức nào khác, mà còn đặt ra chế-độ đặc-táo, tiểutáo để chính-thức-hóa những sự bất- công mà những tổ-chức khác chỉ dung-nạp một cách bán-chính-thức mà thôi. Về phương-diện trí-tuệ, người muốn cho ý mình thống-trị kẻ khác. Những người đã tạo ra những hệ-thống lý-thuyết chính-trị, những chủ-nghĩa cách-mạng, những tôn-giáo, đều có ý muốn uốn nắn tất cả đời sống mọi người. Họ muốn phát-huy những sở-kiến của họ để bắt buộc mọi người phải theo những kế-hoạch, những mộngtưởng của họ : đó là ý-chí ngự-trị của người phát-hiện dưới danhnghĩa của tư-tưởng. Những nhà tư-tưởng chịu sống một cuộc đời khổ-sở để đạt mụcđích, đã bị sự chi-phối của ý-chí ngự-trị này mà bỏ qua những xuhướng vật-chất bị xem là tầm-thường nhỏ mọn. Trong ý-chí bành-trướng sự sống kể trên đây, ta có thể nhận thấy lòng ham muốn một mực sống cao hơn về vật-chất hay về tinhthần. Và như thế, tánh-cách vị-kỷ của người trong sự bành-trướng ấy không ai có thể phủ-nhận được.

D.- SỰ VỊ- KỶ VÀ SỰ HY-SINH TÁNH-MẠNG.

Sự sinh-tồn của người làm cho người muốn sống và bành-trướng sức sống của mình. Nhưng người cũng có khi dám liều chết, dám hy-sinh tính-mạng mình. Sự hy-sinh này có thoát khỏi tính-cách vị-kỷ hay không ? Trước hết, ta có thể nhận thấy rằng, sự sống bao hàm sự hoạt-động, mà sự hoạt-động bao giờ cũng có nguy-hiểm. Do đó, muốn sinhtồn, người phải nhận nguy-hiểm. Nhiều khi chính sự liều chết lại làm cho người sống : phá một con đường máu trong một khối địchquân đông đảo hơn mình là phương-pháp duy-nhứt giúp người thoát khỏi bị chúng bắt và hành-hạ trước khi xử tử. Một mặt khác, người mạnh mẽ bình-thường cần phải vận-động, phải sử-dụng hết nghị-lực của cơ-thể mình. Một số người chỉ có thể tìm thấy được sự vui thú trong sự lộng-hiểm ; những nhà

thểthao, những nhà săn bắn, lắm khi tự mình tìm lấy sự sung sướng trong việc tiêu-phí nghị-lực đó. Nhưng cũng có khi lòng ham danhvọng, ý muốn nêu gương cho thiên-hạ khiến cho người quên những mối nguy-hiểm mà lăn mình tới trước. Cũng có khi người liều tánh-mạng để đạt được một mục-tiêu, thâu-hoạch một kết-quả. Sự thực-hiện một nguyện-vọng, quả tim một người yêu, có thể là phần thưởng người mong chờ khi có những tác-động dũng-cảm liều thân. Sau hết, người có thể hủy mạng sống của mình khi cuộc đời trở thành một cực-hình cho người. Sự xấu hổ, sự nhục-nhã, sự tuyệtvọng có thể đưa người đến chỗ quyết-định từ giã trần-thế để tìm hạnh-phúc ở thế-giới bên kia. Người tự-tử là để giải-thoát lấy mình khỏi những dây oan-nghiệt làm khổ-sở cho mình. Ngoài ra, lại còn một số người tự-hủy mình vì nhiệm-vụ. Đó là trường-hợp những người liều mạng hy-sinh cho Tổ-Quốc, cho tôngiáo mình. Sự dũng-cảm của họ rất đáng kính-phục. Tuy-nhiên, ta không thể bảo rằng họ không vị-kỷ chút nào trong sự hy-sinh ấy. Bảo-vệ quê-hương hay tôn-giáo mình, tức là bảo-vệ những hình thức sống còn mà người chấp-nhận hay tôn-kính. Đối với người, không sống còn được theo hình-thức ấy thì thà chết còn hơn. Trong trường-hợp nầy, người xem những yếu-tố làm cho cuộc đời đầy ý-nghĩa có giá-trị cao hơn chính cuộc đời. Nhưng dù sao, người vẫn hy-sinh vì một chủ-kiến của mình. Những nhà ái-quốc không thể chịu được cái nhục mất nước, cái khổ thấy đồng-bào nô-lệ cho người ngoạI-bang, những người tử vì đạo vì muốn được lên thiên-đường theo Thượng-Đế mình tôn thờ. Họ đã từ khước cái sống thừa khổ nhục, để chọn lấy cái sống vĩnhcửu và an-ổn của tâm-hồn. Vậy, họ không phải là không vị-kỷ.

Đ.- SỰ VỊ- KỶ TRONG NHỮNG HÀNH-ĐỘNG VỊ- THA.

Ngoài những bản-năng hoàn-toàn vị-kỷ khiến cho người chỉ lo đến mình, chỉ mưu-đồ sự sinh-tồn cho cá-nhân mình và có những hành-động vị-kỷ, người lại còn có những bản-năng tình-dục và bản-năng xã-hội. Những bản-năng sau này khiến cho người có xuhướng gần gũi và sống chung với đồng-loại. Nó đã đóng một vai tuồng quan-trọng trong sự thúc đẩy người hợp nhau lại thành đoànthể trong xã hội . Thật-sự thì người không phải chỉ có thiện-cảm với người đồngloại. Đứng trước một kẻ lạ người thường e dè và giữ miếng, ít khi thông-cảm được. Ngay trong vòng những kẻ liên-lạc mật-thiết với người, mối giao-tình nhiều khi lợt lạt, hời hợt lắm. Nhưng chúng ta không thể phủ-nhận được rằng khuynh-hướng hợp-quần của người cũng rất mạnh, nó khiến người tự-nhiên thấy buồn bã, cô-độc và luôn luôn tìm cách liên-lạc với đồng-loại, muốn cho họ ưa thích và nể nang mình. Trong sự sống chung với đồng-loại, người nhiều khi biết nghĩ đến họ, đến quyền-lợi của họ, và có những hành-động mà ta gọi là hành-động vị-tha. Đối với một số nhà tư-tưởng và đạo-đức, vị-tha là một tình-cảm hoàn-toàn tốt đẹp của người, nó đối chọi hẳn với sự vị-kỷ. Tuy nhiên, con người vốn có một cơ-thể, một tâm-hồn, một bản-ngã mạnh mẽ. Họ không bao giờ có thể tự quên mình được một cách hoàn-toàn. Do đó, những hành-động vị-tha của họ vẫn mang dấu hiệu của bản-ngã, và do đó, vẫn còn dựa vào sự vịkỷ không ít thì nhiều.

1.- SỰ VỊ-KỶ TRONG TÌNH YÊU.

Tình yêu là một tình-cảm rất mạnh có thể đưa người đến những hành-động vị-tha. Nó bắt nguồn từ những nhu-cầu sinh-lý khẩn thiết của người. Đàn ông và đàn bà đều bị bản-năng tình-dục chiphối, khiến cho họ tự thấy cần đến nhau và đi tìm kiếm nhau. Nhưng ngoài nhu-cầu tình-dục, tình yêu còn dựa vào sự cần dùng nương tựa nhau : người đàn ông cũng như người đàn bà đều phải sống chung nhau để bênh vực cho nhau. Đó là một yếu-tố phần nào có hơi hướng vị-kỷ rồi. Một mặt khác, tình yêu cũng dính dáng đến bản-năng tư-hữu. Tánh ghen tuông, nhiều khi tồn-tại sau khi tình yêu đã chết, là một biểu-hiệu chỉ tỏ rằng người muốn được độc quyền với người mình yêu.

Sự vị-kỷ của kẻ si-tình thật là hiểnhiện trong thái-độ họ ; họ thà thấy người họ yêu chết ngay trước mắt, còn hơn biết rằng người ấy có hạnh-phúc với một người khác. Người có thể hy-sinh nhiều cho kẻ được người yêu dấu, song người cũng chờ đợi nơi người ấy một sự ban thưởng là lòng yêu của người ấy, hay ít nhứt là cái quyền được yêu người ấy. Lời than thở của một nhà thi sĩ : "Yêu là chết ở trong lòng một ít, «Cho rất nhiều, song được chẳng bao nhiêu » (Thơ: Xuân -Diệu) đã diễn-tả một cách rõ rệt tánh-cách vị-kỷ của tình yêu. Như thế, chung-qui, nếu có hy-sinh, người cũng chỉ hy-sinh cho dục-vọng của mình. Thuở người còn man-dã, tình yêu dựa vào sự cần dùng sinh-lý, và sự cần dùng nương tựa nhau nhiều hơn hết. Trong xãhội văn-minh, nó có thể gồm thêm yếu-tố khác ; sự tương-đồng quyền-lợi, tình-cảm, tư-tưởng và sau đó, những thói quen, và những công-ước xã-hội. Sự hòa-hợp giữa hai vợ chồng rất hữu-ích cho cả hai ; nó vừa tănggia sức mạnh sinh tồn tuyệt-đối của họ, vừa tăng-gia hiệu-lực của sự làm việc nhờ sự phân-công. Tục ngữ ta có câu : « Thuận vợ, thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn ». Như thế, tình yêu có mang nhiều mối lợi vật-chất đến cho người. Về mặt tinh-thần, sự cộngtác chặt chẽ giữa vợ chồng giúp cho họ nhân-nhượng nhau và sửa chữa lỗi của nhau. Do đó, họ có thể đạt nhiều đức-tính giúp họ thành-công trong xã-hội một cách dễ dàng hơn. Như thế, tình yêu chung-qui vẫn có lợi cho người, và ta có thể bảo rằng, nền tảng nó dựa vào sự vị-kỷ của người rất nhiều.

2.- SỰ VỊ-KỶ TRONG TÌNH GIA- ĐÌNH.

Bản-năng tình-dục khi mở rộng ra đã đưa người đến những tìnhcảm gia-đình, trong ấy, mạnh mẽ nhất là tình cha mẹ yêu con. Kể ra, thì lòng thương nhau giữa cha mẹ với con có một nền tảng sinh-lý tự-nhiên, vì đứa con do cha mẹ sanh ra, và mang một phần xương thịt cùng đặc-tính của mẹ với cha. Tuy vậy, yếu-tố huyếtthống riêng nó cũng không được mạnh mẽ lắm. Nhiều loài vật không hề biết đến con. Trong những xã-hội mọi rợ, nhiều trẻ con bị cha mẹ ăn thịt. Người thái-cổ có thể giết con trẻ vì những lỗi rất nhỏ hay vì nó là một miệng ăn vô ích. Cũng có khi cha mẹ đem con tế-thần cầu lợi, hay đổi lấy một món hàng. Nhiều dân-tộc, khi đã đạt được một trình-độ văn-minh khá cao mà còn vẫn giữ những tục-lệ man-dã đối với con trẻ. Người Hy-lạp, người La-mã và người Trung-Hoa ngày trước, hay giết hại những đứa bé tàn-tật, ươn yếu, có khi đem bán trẻ sơ sanh. Con gái thường bị bạc-đãi hơn con trai. Nếu không bị thải-trừ hồi nhỏ, chúng cũng được nuôi trong một chế-độ khắc-nghiệt, đến lớn, bị cha mẹ gả bán đi theo ý riêng, mà không cần đến sự ưng-thuận của chúng. Trong xã-hội văn-minh hiện đại, những tục-lệ man-dã trên đây không còn nữa. Con trẻ được săn sóc kỹ càng hơn, được nuông chìu hơn. Cha mẹ thường sẵn sàng hy-sinh, chịu thiếu thốn, chịu cực khổ cho con. Ở đây, ta có thể công-nhận rằng lòng vị-tha đã có xuất-hiện. Tuy thế, trong lòng vị-tha này, sự vị-kỷ vẫn hãy còn. Quan-sát hành-động mọi người chung quanh ta, ta có thể nhận thấy rằng, người thường đem lòng thương yêu những cái gì do chính tay mình săn sóc, chăm nom. Người bao giờ cũng ưa chuộng kẻ chịu ơn mình hơn là kẻ làm ơn cho mình. Những con vật do chính người nuôi nấng, những cây cối do người trồng hay bón xới, những đồ vật do chính người tạo ra, người bao giờ cũng trìu mến, ưa thích. Người nông-dân suốt năm chăm chút đến mảnh ruộng mảnh đất mình cày cấy, rất yêu mảnh đất mảnh ruộng ấy, mặc dầu nó không phải của họ. Nhiều người tá-điền đã đánh nhau chí-tử để bảo-vệ một tài-sản thật-sự là của kẻ khác. Người thợ sở-dĩ không yêu hãng xưởng chỗ mình làm bằng người nông-dân yêu đất, là vì họ chỉ là một phần-tử nhỏ nhặt trong một bộ máy khổng-lồ, và thường chỉ coi sóc việc sản-xuất những bộ phận của một đồ vật. Họ không tự tay tạo ra một món hàng đầy đủ, và không thể tự-hào mà cho rằng món hàng nào đó do mình sảnxuất ra. Do đó, họ dễ dàng phá-hoại những hãng xưởng dùng họ những khi cần, và sẵn sàng hơn người nông-dân để theo chủtrương cộng-sản. Sự thích mến những món vật do tự tay mình chăm nom hay chếtạo ra là một xu-hướng chung cho mọi người, nó

hàm-ẩn sự vị-kỷ bên trong. Tình cha mẹ thương con một phần thuộc vào trườnghợp trên này. Đứa bé, chẳng những do cha mẹ sanh ra, lại còn được cha mẹ nuông chìu, chăm nom từng chút. Công cha mẹ đối với con thật là không sao kể xiết được. Như thế, cha mẹ tự-nhiên phải yêu con nhiều. Trong sự sanh-dưỡng đứa bé, người mẹ đóng vai tuồng quan-trọng hơn, thành ra mẹ thường yêu con hơn cha. Lòng thương con của cha mẹ thật là mạnh mẽ ; nhưng không phải vì đó mà nó mất tánh-cách vị-kỷ. Người mẹ nhiều khi yêu con đến nỗi không muốn cho ai chia xẻ sự thương yêu đó với mình. Những bà mẹ chồng đông-phương hành-hạ con dâu, cũng như những bà mẹ vợ tây-phương không ưa chàng rể, vì trong mắt họ, con dâu hay chàng rể thu hút hết tình yêu của con họ. Nhiều người mẹ bị lao, nhưng không chịu rời con, thành ra chúng bị lây bịnh lao ấy. Trong sự dựng vợ gả chồng, cha mẹ cũng thường nhắm vào sự môn-đăng hộ-đối, và mục-đích của cháu nối giòng , hơn là vào hạnh-phúc của con. Thêm nữa, ta cũng nhận thấy rằng, trong một bầy con, cha mẹ yêu thương những đứa thông-minh, lanh lợi, có thể làm rạng rỡ tông-môn, hơn là những đứa con ngu đần, khó thành-công ngoài xã-hội. Những điểm trên này là những luận-cứ chứng-minh rằng tình cha mẹ thương con tuy hết sức cao quí, vẫn có phần vị-kỷ bên trong. Về phần con, ai cũng nhận thấy rằng, chúng không thương yêu cha mẹ bằng cha mẹ thương yêu chúng. Sở-dĩ Nho-giáo nhấn mạnh trên đạo hiếu, là vì lòng hiếu-thảo không phải là tình-cảm tự-nhiên mạnh mẽ bằng tình yêu nhau giữa vợ chồng, hay tình cha mẹ thương con. Nếu mọi người đều tự-nhiên yêu mến và phụng-dưỡng cha mẹ hết lòng, và bao giờ cũng lo cho cha mẹ hơn lo cho vợ con, thì truyện « Nhị thập tứ hiếu » không có lý-do tồn-tại. Một mặt khác, ta có thể nhận thấy rằng, trong một bầy con, đứa thương yêu cha mẹ nhứt là đứa đã từng chịu cực khổ với cha mẹ. Trái lại, những đứa được cha mẹ nuông chìu quá lại ít yêu cha mẹ hơn. Người Việt-nam khi nói đến sự kiện này thường cho rằng trong mấy đứa con ấy, đứa thì đòi nợ, đứa thì đi trả nợ. Nhưng thật-sự, đây chỉ là một biểu-lộ của một bẩm-tính đã thấy trên như trên : con người yêu những kẻ chịu ơn mình hơn là những kẻ làm ơn cho mình. Trong sự hiếu-thân, người ta cũng có thể nhận ra lòng ham muốn được thiên-hạ ngợi khen, nếu không phải là lòng sợ hãi dư-luận chê cười. Những kẻ tống-táng giỗ chạp cha mẹ một cách linh-đình, thường nghĩ đến danh-vọng mình nhiều hơn là nghĩ đến việc báo ơn cha mẹ. Về tình anh em đối với nhau, nó tự-nhiên lợt lạt hơn tình cha mẹ với con. « Giàu cha, giàu mẹ thì ham, giàu anh, giàu chị ai làm nấy ăn » là một câu hát diễn tả một sự thật hiển-hiện. Việc anh chị em kiện nhau để tranh gia-tài là một việc thường thấy, và những bậc thánh-hiền đã phải cố-gắng hết sức để dạy anh em, chị em ăn ở phải đạo với nhau. Thật ra, thì cũng có nhiều người anh em chị em thương mến nhau một cách đậm đà, nhưng trường-hợp này cũng giống như truờng hợp những người kết bạn với nhau. 3.- SỰ VỊ-KỶ TRONG TÌNH BẠN. Nếu trong tình yêu giữa cha mẹ với con, sự vị-kỷ còn lộ ra cho ta thấy, thì trong tình bạn bè, nó lại còn rõ rệt gấp mấy nữa. Người ta chỉ có thiện-cảm với người khác khi người ấy hợp-ý mình. Những người bạn thân-thích với nhau thường là những người giống nhau hoặc là bổ-túc nhau. Thêm nữa, muốn cho tình bạn được lâu dài, người phải có những sở-thích, những nguyện-vọng chung như nhau, khiến cho người cùng có những mối cảm-xúc như nhau, và có một thái-độ gần như nhau trong một hoàn-cảnh chung. Một mặt khác, sự cùng chia sung sướng, mà nhất là chia gian-lao với nhau, cũng như sự chơi đùa, giải-trí chung với nhau, làm cho người khắn khít với nhau. Trong người bạn, người có thể nào tìm được một phần nào cá-nhân mình. Vả lại, một người bạn chânthành rất hữu-ích cho người ; người có thể học hỏi, có thể vui chơi, có thể nhờ sự giúp đỡ của bạn. Do đó, người có một xu-hướng kết bạn khá mạnh, và có bạn trong hầu hết mỗi giai-đoạn của đời mình : bạn đồng song hành trong lúc cắp sách đến trường, bạn đồng ngũ khi tùng-chinh, bạn đồng-nghiệp khi ra vật lộn với đời để mưusinh, bạn tâm- tình khi có dịp ở chung nhau. Ta nên lưu-ý rằng tình bạn phải vun bồi mới sống được. Những người bạn thân-thiết nhau có thể trở thành xa lạ với nhau nếu không gặp gỡ nhau thường xuyên. Nhiều người bạn học lúc nhỏ rất gần nhau, nhưng về sau không được

gặp gỡ nhau và không còn thân thiết nhau nữa. « xa mặt thì cách lòng », đó là một sự thật mà dân-tộc nào cũng vậy. Trái lại, những người sống cạnh nhau và giao-du với nhau, nhiều khi không hoàn-toàn giống nhau, cũng có thể trở thành thân-thiết được. « Bà con xa không bằng láng giềng gần », đó là một sự nhận xét chứng tỏ trong tình bạn sự gần nhau, và do đó, sự cùng nhau chia xẻ nỗi vui buồn đóng một vai tuồng rất quan-trọng. Qua những điều-kiện trên này, ta có thể nhận thấy rằng tình bạn phải dựa vào nền tảng vị-kỷ một phần nào.

4.- SỰ VỊ-KỶ VÀ LÒNG THƯƠNG XÓT.

Lòng thương xót cũng là một tình-cảm tự-nhiên của người. Nó do nơi thiện-cảm mà ra. Thoạt-kỳ-thủy = (lúc khởi đầu) nó làm cho người tham-dự một cách thụ-động vào sự lo âu khổ-sở của kẻ khác, nó khiến người đau đớn khó chịu. Sau đó, nó trở thành tíchcực hơn, và xúi người giúp đỡ kẻ đau khổ khó chịu . Người ta thường xem sự thương xót là một tình-cảm vị-tha hoàntoàn. Nhưng nếu xét kỹ về nó, ta cũng thấy sự vị-kỷ ẩn núp bên trong. Trước hết, người ta nên lưu-ý rằng, người không hề thương xót cục đất hay tảng đá. Người chỉ bắt đầu động-tâm khi thấy một cành hoa héo, một nhánh cây khô. Sự thương xót của người ta tăng lên với loài cầm thú mở rộng ra đến tuyệt-độ đối với người đồng-loại. Điều này chứng tỏ rằng người chỉ thương xót nhiều những kẻ giống mình, vì tự nghĩ rằng mình có thể ở vào địa-vị kẻ ấy. Nhiều người thường nhắc đến « quả tim vàng » của hạng người nghèo. Những văn-gia, thi-sĩ đã hết sức ca tụng tinh-thần tươngthân tương-trợ giữa những người xấu số với nhau. Điều này cũng phần nào đúng với sự thật, chứ không phải hoàn-toàn chỉ dựa vào trí tưởng-tượng của những kẻ hay mơ mộng. Nhưng tại sao những người nghèo khó lại sẵn sàng giúp đỡ nhau hơn những người giàu có, trong khi họ có ít phương-tiện hơn ? Lý-do rất giản-dị : họ đã trải qua những tình-cảnh khổ-sở và có thể sẽ phải trải qua những tình-cảnh ấy nữa trong tương-lai. Họ giúp đỡ kẻ khác để kẻ khác sẽ giúp đỡ lại họ khi họ gặp sự khó khăn. Người giàu, trái lại, không từng trải qua cảnh khổ của kẻ nghèo, và không hiểu cái khổ ấy ; họ cũng không lo ngại nhiều cho họ trong tương-lai. Vì đó, họ dửng dưng trước sự đau đớn của những hạng người xấu số trong xã-hội. Những người có của, đứng ra tổ-chức những việc làm từ-thiện thường có mục-đích quảng cáo cho tên tuổi mình. Trong sự giúp đỡ kẻ khác, một số lớn tìm sự khen ngợi của đồng-bào, hoặc sự ban thưởng của chính-phủ. Cũng có một số người hiểu rõ rằng nâng đỡ người nghèo khổ là hàn gắn bớt những vết thương xã-hội, và như thế là đóng góp một phần vào công việc làm cho xã-hội được ổn-định, cũng là điều-kiện cần-thiết để duy-trì quyền-lợi họ. Sau hết, một số người tìm thấy sự sung sướng trong việc giúp đỡ người khác. Tình-cảm này là kết-quả của một bản-năng xã-hội mở mang. Nó hết sức cao-thượng, nhưng thật-sự bên trong, người cũng có tìm sự thỏa-mãn cho chính tâm-hồn họ .

5.- SỰ TƯƠNG-QUAN GIỮA LÒNG VỊ-THA VÀ LÒNG VỊ KỶ.

Chúng ta đã thấy rằng những động-lực làm cho người hành-động đều có một nguồn gốc duy-nhứt : sự thỏa-mãn những bản-năng của người. Bên những bản-năng vị-kỷ hoàn-toàn, người vẫn có những bản-năng đặc-biệt khiến người mở mang tâm-hồn mình ra, để hòahợp với kẻ khác. Nhưng dù sao, những bản-năng đó cũng của người, và sự thỏa-mãn nó cũng hữu-ích cho người trước hết. Vì thế, tất cả những hành-động của người đều có tánh-cách vị-kỷ, ngay đến những hành-động được gọi là vị-tha. Ta có thể bảo rằng, sự vị-tha bắt nguồn từ nơi lòng vị-kỷ. Không có những nhu-cầu, không có ý muốn và hy-vọng thỏa-mãn nhu-cầu ấy, thì người không có những hành-động vị-tha. Sự hoạt-động vốn để thỏa-mãn ý-chí sinh-tồn của người, mà ý-chí này càng mạnh thì phạm-vi và trình-độ sinh-tồn lý-tưởng của người lại càng rộng, càng cao. Do đó, những người có một sức sinh-

tồn dồi dào, có nhiều nhu-cầu, thì lại càng hướng về đồng-loại và càng lo lắng cho họ . Hạng người hào-hiệp nhất trong xã-hội bao giờ cũng là hạng thanh-niên. Họ dễ dàng hy-sinh hơn người già cả gần đất xa trời. Lúc nào họ cũng sẵn sàng để chiến-đấu và cảI-tổ lại thế-giới. Nhưng kỳ thật, sự hăng hái và khuynh-hướng phụng-sự của những người thanh-niên chỉ là một hình-thức chưa ổn-định của thị-dục và hy-vọng mênh mông của họ. Họ muốn tạo ra một khung cảnh phùhợp với sự sinh-tồn trong lý-tưởng của họ nêu ra. Dưới chủ-trương nâng đỡ nhân-loại, ta có thể nhận thấy rõ ràng ý muốn ngự-trị lên trên thiên-hạ và phát-triển cho sự sinh-tồn cá-nhân của họ. Vả lại, người thanh-niên vốn có nhiều nghị-lực, và nghị-lực này bắt buộc họ phải hành-động, phải phao-phí sức mình. Đó là một nhu-cầu hữu-ích, vì sau cùng, sự hoạt-động làm cho người thanhniên giỏi dang mạnh mẽ hơn. Nhưng muốn thực-hiện được nguyện-vọng mình, người không phải chỉ cần ra khỏi cá-nhân mình, mà còn phải chịu thiệt thòi chút ít để người khác có thể chấp-nhận sức bành-trướng của mình. Vậy, sự phát-triển bắt buộc người phải có tính đại-lượng. Sự vị-tha thật ra là sự phát-triển bảnngã của người, và như thế, nó chỉ là một hình-thức đặc-biệt của vịkỷ. Nó là một sự vị-kỷ được hiểu một cách sáng suốt. Những điều trên này, chỉ tỏ rằng vị-tha và vị-kỷ không phải là hai tình-cảm trái ngược nhau. Thật-sự, vị-tha và vị-kỷ hòa-hợp nhau làm một và chung-qui, vấn-đề vị-tha và vị-kỷ chỉ là một vấn-đề trong quan-điểm. Người ta có thể cho rằng tất cả những hoạt-động của người ngay đến hoạt-động vị-kỷ, đều có tính-cách vị-tha, vì hoạt-động của người do thị-dục, tức là sự ưa thích mà ra. Người si-tình yêu tình-nhân, mẹ yêu con, nghệ-sĩ yêu nghệ-thuật, nhà bác-học yêu khoa-học, người nông-dân yêu mảnh đất mình cày cấy, người ghiền á-phiện mê ả phù dung, những người tranh-danh đoạt lợi mê quyền-chánh danh-vị. Tất cả những người này đều sẵn sàng hy-sinh sự an-ổn, sự sung sướng, có khi cả cuộc đời mình cho những cái mình yêu. Bù lại, người ta cũng có thể cho rằng tất cả những hoạt-động của người, ngay đến những hoạt-động vị-tha, đều có tính-cách vị-kỷ, vì người chỉ ưa thích cái gì người có thể dùng để thỏa-mãn một thị-dục, một nguyện-vọng, một nhu-cầu của mình và thật-sự, người chỉ yêu lấy vị lỷ của chính mình mà thôi. Như vậy, trong sự vị-tha, có lòng vị-kỷ, và trong sự vị-kỷ cũng có lòng vị-tha. Nhưng chúng ta phải nhận thấy rằng lấy sự vị-kỷ làm gốc hợp-lý hơn, vì thật-sự người có một bản-ngã và không lúc nào có thể gạt qua một bên cái bản-ngã ấy được. Vì đó, sự vị-tha của người bao giờ cũng chỉ là một giai-đoạn trung-gian, cứu-cánh của nó luôn luôn vẫn là bản-ngã của người. Sự quan-sát đã cho chúng ta thấy rằng, sự vị-tha của người không hề đi đến những kẻ người không quen biết, những kẻ hoàn-toàn xa lạ với người. Người bao giờ cũng yêu con mình hơn con của người dưng, yêu công-trình của mình hơn là công-trình của kẻ lạ. Hơn nữa, người chỉ vị-tha khi người cần thỏa-mãn một nhu-cầu, một bản-năng. Như thế, sự vị-tha bao giờ cũng có tính-cách vụ-lợi, dù mối lợi mà người nhắm vào chỉ là một mối lợi tinh-thần. Tánh vụ-lợi vốn do dục-vọng người mà ra. Muốn cho người không vụ-lợi, ta phải hủy bỏ dục-vọng người. Nhưng khi người không còn dục-vọng, người cũng không còn sống, bởi lẽ, thiếu dục-vọng, sự hoạt-động của người không còn lý-do tồn-tại nữa. Vậy, sự vị-tha luôn luôn bắt nguồn từ sự vị-kỷ. Trong trường-hợp đó, lấy vị-tha đối chọi lại vị-kỷ là một điều lầm lạc rất to. Những người chủ-trương hủy bỏ sự vị-kỷ, thật-sự lại làm cho họ vị-kỷ hơn. Một số học gỉa phái theo chủ-trương thế-giới cho rằng lòng yêu thân-thuộc khiến cho người quên lãng người dưng và lòng thương đồng-bào làm cho người bất-công với người ngoạiquốc. Họ dạy người nên hủy bỏ những lòng thương thiên-vị ấy đi để lo cho nhân-loại. Nhưng thật-sự, những người hủy-diệt lòng thương gia-đình, tổquốc của mình được rồi thì, lại hóa ra dửng dưng với mọi người. Không thương cha mẹ, vợ con, đồng-bào, họ không còn thương ai cả và dưới những khẩu-hiệu có vẻ vĩ-đại, nhưng kỳ thật thì trống rỗng như « phụng-sự nhân-loại », « phục-vụ nhân-dân », họ chỉ nghĩ đến cá-nhân họ. Sự tàn ác của những đảng-viên cộng-sản một phần do nơi chỗ họ hủy diệt những tình-cảm tốt của người với người, thay vì trở thành hoàn-toàn vị-tha, lại hóa ra vị-kỷ một cách quá khích hẹp hòi. Về phương-diện này, ta có thể

bảo rằng Nho-giáo đã có một chủtrương hợp-lý hơn khi dạy người đi từ chỗ gần đến chỗ xa, từ cái vị-kỷ đến cái vị-tha, bắt người tu-thân và tề-gia trước khi trị-quốc, bình thiên-hạ. Nói tóm lại, sự vị-kỷ là một kết-quả tự-nhiên của sự sinh-tồn. Sự sinh-tồn, bắt người phải vị-kỷ. Dú muốn, dù không, người cũng không sao thoát khỏi sự vị-kỷ ấy. Nhưng chúng ta nên nhớ rằng có sự vị-kỷ ngu độn và sự vị-kỷ sáng suốt, có sự vị-kỷ hữu-ích và sự vị-kỷ tai-hại, có sự vị-kỷ hẹp hòi và sự vị-kỷ rộng rãi. Giá-trị đạođức của mỗi người thật ra chính ở chỗ người vị-kỷ một cách khônngoan hay ngu dại mà thôi. Một mặt khác, ta cũng không nên cho rằng, phủ-nhận sự vị-tha hoàn-toàn là không công-nhận những tình-cảm tốt đẹp của người. Trái lại, hiểu-biết nguồn gốc những tình-cảm tốt đẹp ấy là một điều cần-thiết để ca ngợi và tăng-cường nó. Không công-nhận qui-tắc dùng sự vị-kỷ để bồi đắp lòng vị-tha thì chẳng khác nào lấy cớ rằng phân không được thơm tho để vun bón hoa quả mình trồng. Cái lầm lạc của những chính-khách và những nhà đạo-đức từ trước đến nay, là bài-xích sự vị-kỷ, và kêu gọi người phụng-sự quyền-lợi chung vì nghĩa-vụ. Thật-sự ra, muốn cho người phụng-sự quyềnlợi chung, không gì bằng chỉ cho họ thấy rằng quyền-lợi riêng của họ nằm trong quyền-lợi chung ấy. Những chế-độ luân-lý, luậtpháp, không dựa vào sự vị-kỷ của người sẽ không có một nền tảng vững chắc và không sao phụng-sự được con người, cũng như cây cối không bón phân không thể sản-xuất được những hoa thơm quả ngọt vậy.

III.- ĐIỀU-KIỆN CỐT-YẾU CHO SỰ SINH-TỒN CỦA NGƯỜI : LUẬT TRANH-ĐẤU.

Ta đã nhận thấy rằng vì kết-cấu của cơ-thể và tâm-hồn mình, vì bản-tính mình, người luôn luôn hoạt-động để sinh-tồn. sự sinh-tồn là cái động-lực duy-nhất, cái mục-đích hồn-nhiên đại-đồng và vĩnh- viễn của loài người, dầu họ có ý-thức hay không cũng vậy. Giờ chúng ta hãy xem người phải làm gì và phải tuân theo những điều-kiện gì trong sự hoạt-động để đạt mục-đích ấy. Sự quan-sát đời sống chung quanh giúp ta thấy ngay cái định-luật thiên-nhiên chi-phối sự hoạt-động của người : luật tranh-đấu.

A.- LÝ-DO TRANH-ĐẤU VÀ ĐỐI-THỦ CỦA NGƯỜI.

Vật-chất vốn tự nó không bao giờ bất-động. Trên thế-giới, không bao giờ tìm được một thế quân-bình ổn-định. Mọi sự vật đều gồm có những lực khác nhau hướng theo nhiều lối khác nhau và tácđộng lẫn nhau. So với các vật-chất thường, sinh-vật lại càng hoạt-động nhiều hơn, vì sự sống cốt lõi là một hoạt-động định hướng nhắm vào mục-đích tự phát-triển. Trong một đám rừng, các loài thảo mộc cầm thú đều có tự-động để bành-trướng. Người tự-nhiên không thoát khỏi công-lệ hoạt-động này. Đời sống sinh-lý của người chung-qui chỉ là một chuỗi dài giaohoán hóa-hợp. Nó bị sự chi-phối của những cuộc xung-đột giữa các lực khác nhau. Nền tảng đời sống tâm-lý của người là những bản-năng tạo ra nhiều nhu-cầu dục-vọng, nhiều ý-lực cạnh-tranh nhau để chiếm địa-vị ưu-thế. Đứng về phía trí-tuệ mà nói, người chỉ có ý-thức được nhờ sự hiện-diện của hai yếu-tố khác nhau. Một cảm-giác đồng đều mãi thì người không thể nhận-thức được. Muốn cho ý-thức người trỗi dậy, phải có sự thay đổi, phải có sự đụng chạm giữa trạng-thái đương-hữu, và một trạng-thái mới. Xét về mặt đạo-đức, lương-tâm người thường phải chứng-kiến sự xung-đột giữa những nhiệm-vụ khác nhau, những tư-tưởng đối chọi nhau. Sau hết, muốn tự duy-trì, cá-tính người cũng phải đương đầu với những yếu-tố ngoại lai và những nguyên-nhân nộibộ làm cho nó biến-đổi. Những điều-kiện trên này đã chỉ rằng con người đã tự mình gồm nhiều lực lượng khác xung-đột lẫn nhau. Trong sự hoạt-động của người để sinh-tồn, sự xung-đột lại càng rõ rệt hơn nữa. Muốn sống, trước hết, người phải bảo-vệ thân mình và nuôi dưỡng nó. Người muốn chống chọi lại các mối nguy có thể làm hại mạng mình và tìm những món ăn uống cho no đủ. Những lực-lượng có

thể làm hại đến người, cũng như những vậtliệu cần-thiết cho sự bảo-dưỡng thân người đều ở trong thiênnhiên, trong loài cầm thú, với những vật-chất hữu-hình và những lực-lượng vô-hình của nó, vừa có thể hại đến mạng người, vừa có thể cung-ứng những vật-liệu cần-thiết cho người. Người một mặt phải tìm cách chống lại những vận-động của thiên-nhiên có hại đến mình, một mặt phải ra công tìm kiếm trong thiên-nhiên những thứ cần cho sự sống của mình và bắt buộc nó phải cung-nạp cho mình. Đối với những loài động-vật khác, cũng như đối với thiên-nhiên, người vừa phải giữ cho nó không hại đến mình, vừa phải tìm cách giết nó hay chế-ngự nó để lấy xác thịt nó mà dùng, hay bắt nó phụng-sự mình. Những vật-liệu cần-thiết cho người không phải luôn luôn phongphú, và có đủ cho tất cả mọi người. Muốn giành lấy phần cần-thiết cho mình, người phải tranh nhau với người khác. Nhưng sự cần dùng của người không phải chỉ thâu vào trong phạm-vi vật-chất. Ngay trong sự tìm lấy những vật-liệu hữu-ích cho mình, người bao giờ cũng có xu-hướng muốn được cái ngon nhất, đẹp nhất. Trong lĩnh-vực tinh-thần, người có những ý-tưởng, những tìnhcảm. Những ý-tưởng, những tình-cảm của người này không phải luôn luôn giống những ý-tưởng, tình-cảm của người khác. Người không những muốn được tự-do phát-biểu những ý-tưởng, những tình-cảm của mình, mà còn lại muốn rằng những ý-tưởng ấy được người khác phải noi theo, những tình-cảm ấy được người khác kính nể. Điều này cũng bắt buộc người tranh đấu với người khác. Nói tóm lại, muốn sống người phải tranh nhau, mà muốn cho sức sống của mình tràn ra ngoài bản-thân mình, người cũng phải tranh đấu với nhau. Như thế, trong sự hoạt-động để sinh-tồn, người luôn luôn gặp những phản-động-lực. Dù cho người hoạt-động một mình hay hoạt-động chung với nhiều người khác, bao giờ người cũng gặp những trở-lực hay những địch-thủ chống lại mình. Điều này đúng cho đến nỗi người ta có thể lấy sự tranh-đấu làm đặc-điểm cho sự sinh-tồn. « Sống, tức là tranh-đấu ». Đó là một sự thật có một giátrị tuyệt-đối muôn đời. Từ khi xuất-hiện trên thế-giới đến giờ, người phải luôn luôn tranhđấu chưa lúc nào ngừng. Người phải tranh đấu với thiên-nhiên, với loài cầm thú, với người đồng-loại. Ba sự tranh-đấu này có một lượt với nhau chứ không phải chia ra thành thời-kỳ, trong mỗi thời-kỳ người phải tranh-đấu với một lực-lượng như : Tôn Văn đã nói trong chủ-nghĩa Dân-quyền. Một người dã-man thuở trước cũng như một người văn-minh hiện giờ vừa phải tìm cách tránh mưa nắng, bệnh tật, vừa phải ăn thịt những loài cầm thú và giữ cho nó khỏi ăn thịt mình, vừa phải cạnh-tranh với đồng-loại để tìm đủ những nhu-cầu thiết-yếu cho mình, để khỏi phải tùng-phục họ và bắt họ tùng-phục mình. Người từ trước đến nay đã phải tranh-đấu với ba lực-lượng ấy, người hiện đương phải tranh-đấu và sau này sẽ tranh-đấu mãi mãi với nó để sinh-tồn. Ngoài ra, lại còn hình-thức tranh-đấu nữa dành cho những người có một trình-độ khá cao rồi : mình tranh-đấu với mình để chế-ngự những khuynh-hướng thấp kém của mình, để tự bắt buộc mình theo một qui-phạm mình nêu ra. Tính-cách tranh-đấu của sự tự tu đã hiện ra rõ rệt trong những kinh sách của các tôn-giáo. Người ta đã dùng nhiều từ ngữ chiến-tranh để dạy người theo đạo. Người ta đã nói đến việc dùng gươm trí-tuệ cắt đứt trần-duyên, việc diệt-trừ lục-tặc =(lục căn), việc đấu-tranh với ác-quỉ để giữ thiên-lương.

B.- NHỮNG HÌNH-THỨC TRANH-ĐẤU

1.- NHỮNG CUỘC TRANH-ĐẤU BẠO TỢN.

Đời sống của người từ ngàn xưa đến giờ, chỉ duy-trì được bằng cái chết của bao nhiêu cầm thú, cây cỏ, bằng sự hủy-diệt không biết bao nhiêu vật-liệu. Người đã phá-hoại để tự-vệ, để tự dinh-dưỡng, tự điều-trị, để trang-phục, để xây dựng và trang-hoàng nhà cửa, để học hỏi và để quảng-bá tư-tưởng mình. Người lại còn phá-hoại để vui chơi : những cuộc săn bắn câu kéo bao giờ cũng có người đam mê yêu thích. Đối với đồng-loại, người cũng có bao nhiêu lý lẽ để tấn công : người đã

công kích đồng-loại để thắng họ và bắt họ làm nô-lệ cho mình, để cướp bóc họ, để thỏa-mãn lòng căm hận, để có quyền được yêu, để giành lấy chính-quyền và hưởng những mối lợi to tác mà chánh-quyền đem đến. Người đã nhân danh-nghĩa của những ý-tưởng tôn quí, những tín-ngưỡng cao-siêu mà giết nhau. Người đã xung-đột nhau vì tôn-giáo, vì lý-tưởng, vì đạo-đức. Người đã từng đánh nhau vì tính hiếu-chiến, người đã đánh nhau để xây dựng hòa-bình. Những cuộc chiến-tranh đẫm máu giữa các dân-tộc, các quốc-gia thật là không kể xiết : nó là yếu-tố chính của lịch-sử loài người từ đời thái-cổ cho đến ngày nay. Sự chiến-tranh có tính-cách cần-thiết đối với người cho đến người xem nó là một định-luật thiên-nhiên. Trong hầu hết các tôn-giáo ngày xưa, những vị thần oai-quyền nhứt là những vị quyền-chủ về việc chiến-tranh. Những cuộc chiến-đấu giữa người trong một nước để giành chínhquyền, để có một địa-vị ưu-thắng, để giải-phóng những kẻ bị áp- bức, để chinh-phục tự-do, để bành-trướng tôn-giáo cũng tàn ác và thường xảy ra như những cuộc chiến-tranh giữa các chủng-tộc. 2.- NHỮNG CUỘC TRANH-ĐẤU ÔN-HÒA. Kế bên những cuộc chiến-tranh có tính-cách bạo tợn trên này, lại còn có những cuộc tranh-đấu ôn-hòa hơn. Việc xây dựng nhà cửa để tránh mưa tránh nắng cũng như việc canh-tác để có nông-sản làm lương-thực hay làm vật-liệu kỹ-nghệ, đều bắt buộc người phải cố-gắng đối chọi lại thiên-nhiên. Đối với cầm thú, người không phải chỉ sát-phạt mà thôi, người còn biết chăn nuôi nó để nhờ nó giúp mình trong nhiều công việc. Giữa người với người, sự hoạt-động không phải luôn luôn đưa đến chỗ giết hại nhau. Các dân-tộc có thể cạnh-tranh nhau về mặt kinhtế ; họ cố tranh thị-trường, cố tạo những hàng-hóa rẻ và đẹp để bán chạy hơn nước khác. Bên trong một dân-tộc, người cũng có thể tranh-đấu nhau một cách hòa-bình. Những chính-khách ở càc nước dân-chủ cạnh-tranh nhau trong những cuộc vận-động tuyển-cử, những đoàn người khác nhau đều cố-gắng để đưa đại-biểu vào nghị-viện hay đưa nhânviên vào chính-phủ hầu bảo-vệ quyền-lợi mình. Ngay trong các tuviện, những tu-sĩ cũng cố để hơn nhau, mặc dù họ đã từ khước cuộc đời cá nhân và hướng về Thượng-Đế. Ta có thể nói tóm lại, rằng trong bất cứ sự giao-thiệp nào giữa người với người cũng có sự tranh-đấu. Ngay đến vợ chồng, cha con trong nhà cũng phải có sự tranh-đấu với nhau để binh vực cátính của chính mình.

C.- HIỆU-QUẢ CỦA SỰ TRANH-ĐẤU VÀ SỰ QUANTRỌNG CỦA NÓ.

Tất cả những cuộc tranh-đấu của người, tranh-đấu bạo tợn cũng như tranh-đấu ôn-hòa, đều gồm có hai yếu-tố sau đây : sự hiện-hữu của hai hay nhiều lực khác nhau, về một ý-tưởng về một hay nhiều mối lợi làm phần thưởng cho sự tranh-đấu. Dù dùng phương-tiện gì, những đối thủ tranh-đấu nhau cũng nhờ sự tranh-đấu quyết-định xem kẻ nào được quyền hưởng những mối lợi họ thèm muốn như nhau. Và kết-quả, ngay trong những cuộc tranh-đấu có tính-cách ôn-hòa, hay là sự suy-vi của người thất-bại. Thật-sự, thì người bị dồn vào một tình-thế quyết-liệt không thể tránh được ; chiến-thắng hay chết nếu không thể sống nhục. Người không thắng được thiên-nhiên thì thiên-nhiên hại mạng người, người không săn ác thú thì ác thú ăn thịt người, người không chếngự được sự hoạt-động của đồng-loại thì sự sinh-tồn của người phải bị uy-hiếp. Vì lẽ sinh-tồn của người bắt buộc người phải triệthạ đối-thủ, nó có tính-cách xâm lấn và thường đưa đến sự sát-phạt. Trong một cuộc tranh-đấu quyết-liệt có quan-hệ đến sự sống còn của người, thường người ta thấy có thể xuất-hiện một thời-kỳ gọi là thời-kỳ khủng-hoảng. Trong thời-kỳ này, sinh-vật thấy nguyhiểm đến mình hay cảm thấy mất tất cả các sự cần dùng thủ thắng. Bản-năng sinh-tồn của nó bị kích-thích mãnh-liệt. Tất cả sinh-lực của nó tập-trung lại và giúp nó đánh một phát cuối cùng để thủ thắng hay tháo thân. Nhờ sự tập-trung sinh-lực này, sinh-vật có thể làm được những việc khó khăn mà bình-thường nó không làm được. Một bài thơ ngụ-ngôn Pháp kể chuyện con chiên gặp mưa, nghe tiếng sấm sét ì ầm thì hoảng-hốt trốn vào bụi gai, không sợ đau đớn. Đến khi mưa tạnh, nó sợ gai móc không

dám thoát ra khỏi bụi gai. Trong chuyện tiếu-lâm của ta cũng có chuyện anh học nghề ăn trộm bị chủ nhà rượt, phải trốn vào bụi gai, rồi không ra được. Đến sáng, anh ta gặp thầy đi kiếm, mới năn nỉ ông này phác sạch gai cho mình ra. Nhưng ông này chỉ cần la to lên : « Bớ người ta, thằng ăn trộm đây rồi ! " để khiến cho anh ta vọt ra khỏi bụi gai mà chạy về nhà. Những câu chuyện trên đây không phải chỉ là chuyện bịa, nó miêutả một trạng-thái có thật của cuộc chiến-đấu. Trong khi người say mê tranh-đấu và bị kích-thích, những khả-năng tiềm-tàng của người có thể bộc-phát và làm người tự vượt lên trên giá-trị bìnhthường của mình. Những kẻ nhảy xuống sông hay xông vào lửa để cứu người, những chiến-sĩ xông xáo trên bãi chiến-trường mặc dù đã bị thương, tất cả đều ở vào tình-trạng trên đây. Như vậy, sự tranh-đấu có thể đem nguy-hiểm đến cho người, nếu có khiến cho người sát-phạt các sanh-vật khác, cũng mang đến cho người ngoài cái lợi mà sự chiến-thắng đưa đến cho người : đó là sự tiến-hóa của người. Nó làm phát-triển những khả-năng tiềm-tàng, và khiến cho người giỏi hơn, tự-tin nơi mình hơn. Sự xung-đột giữa các khuynh-hướng cao và thấp của người có ý-thức, có thể kiện-toàn tinh-thần đạo-đức của người. Sự xung-đột giữa các ý-tưởng khác nhau trong trí óc người cũng làm cho trí-tuệ người mở mang thêm. Về phương-diện xã-hội, có thể bảo rằng, chính sự cần dùng của tranh-đấu đã bắt con người hợp-quần nhau lại. Các bộ-lạc, tiểu-bang, quốc-gia, dân-tộc, chỉ thành-lập được nhờ vào sự sinh tồn để tự vệ đối với các đoàn-thể và người khác, hay để tấn-công các đoàn-thể ấy. Trong lịch-sử, quá-khứ, những chủng-tộc đã đóng một vai tuồng trong sự tiến-hóa của nhân-loại đều là những chủng-tộc tổ-chức theo lối quân-sự. Sự vận-dụng hết nhân-lực và tài-lực của đoàn-thể để đối-phó với địch-thủ đã làm cho cả xã-hội tiến lên về phươngdiện tổ-chức, cũng như về phương-diện kết-quả vật-chất và tinhthần thu-hoạch được. Như thế, có thể quả-quyết rằng sự tranh-đấu không những là điều-kiện căn-bản của sự sinh-tồn, mà còn là điềukiện cốt-yếu của sự tiến-hóa nữa. Sự tranh-đấu tất-yếu cho sự sinh-tồn đến nỗi nó tạo cho người một bản-năng đặc-biệt là bản-năng tranh-đấu. Nó gây cho người ý muốn chiến-thắng trong mọi hoạt-động, ngay trong những trò chơi, ngay trong những hành-động có vẻ không vụ-lợi. Thật ra, đối với một số đông người, không có gì thích- thú mê say cho bằng sự tranh-đấu. Ta chỉ cần nhìn một người cờ bạc, tay run run khi dở mấy quân bài thì thấy rõ sự quan-trọng của tinh-thần tranh-đấu ngay trong sự vui chơi. Lòng ganh tị, sự thèm muốn bằng hay hơn kẻ khác, tính hay châm-biếm để hạ kẻ khác đều dính dáng đến bảnnăng tranh-đấu này và thấm nhuần tất cả hoạt-động của người. Nói tóm lại, sự tranh-đấu sinh-tồn là một định-luật cốt-yếu của đới sống con người. Đó là một hiện-tượng đại đồng, tuy có thể mang nhiều tên khác nhau : xung-đột, cạnh-tranh, chiến-đấu, tranh-đấu. Thật ra, nó có hiện-tượng duy-nhứt có tính-cách đại-đồng trong lịch-sử. Nó là định-luật bao quát cho tất cả các thời-đại. Nó là cái động-lực đã hướng-dẫn tất cả những hành-vi của loài người, nó là cái chìa khóa giải-thích tất cả những biến-cố lịch-sử. Giai-cấp tranh-đấu chỉ là một phần của cuộc sinh-tồn tranh-đấu mà thôi. Nó chỉ là sự tranh-đấu giữa người với người bên trong xã-hội. Nó sở-dĩ phát-sinh là vì sự sinh-tồn của một số đông người bên trong xã-hội bị uy-hiếp thái quá. Vậy, nó chỉ là một cái bệnh của sự sinh-tồn, chớ không phải là một nguyên-động-lực làm trungtâm-điểm cho sự hoạt-động của con người. Vì thế, nó không giảithích được những cuộc tranh-đấu đã xảy ra trong lịch-sử loài người, giữa những dân-tộc, những tư-tưởng, những tôn-giáo khác nhau. Chỉ có sự sinh-tồn tranh-đấu mới giải thích đủ được hết các cuộc xung-đột giữa loài người ; nó bao gồm cả giai-cấp tranh-đấu, dân-tộc tranh-đấu, tư-tưởng tranh-đấu, tôn-giáo tranh-đấu v.v…

IV.- ĐIỀU-KIỆN THẮNG-LỢI TRONG CUỘC TRANH ĐẤU :

SỨC MẠNH VÀ QUAN-NĂNG BIẾN-CẢI. A.- LUẬT SỨC MẠNH.

Muốn sinh-tồn, người phải tranh-đấu. Sự thất-bại trong cuộc tranhđấu, dù là cuộc tranh-đấu ôn-hòa, nhất-định đưa người đến chỗ suy-vi . Vì thế, người không phải chỉ cần tranh-đấu mà thôi, người còn phải thắng-lợi trong sự tranh-đấu nữa. Sự tranh-đấu vốn hàm ý xung-đột giữa hai hoặc nhiều lực, và trong sự xung-đột này, tấtnhiên lực nào mạnh hơn phải thắng-thế. Vậy, khi đã chấp-nhận rằng tranh-đấu là cần-thiết, ta cũng phải chấp-nhận luật thắng-lợi của kẻ mạnh. Vấn-đề sức mạnh thật ra chỉ có thể là một vấn-đề tương-đối : kẻ thắng là kẻ mạnh hơn người bại « mạnh được, yếu thua », đó là một công-lệ xưa nay, không ai phủ-nhận được.

1. ĐẠI-LƯỢC VỀ SỨC MẠNH. a)- LỰC VẬT-CHẤT.

Nói đến sức mạnh. Người ta nói đến sức mạnh vật-chất trước hết, vì trên đời, chỉ có những tác-động vật-chất mới đưa đến những hậu-quả rõ ràng. Lẽ cố nhiên là sức mạnh này ở ngay trong vậtchất. Cứ như lời các nhà vật-lý thì thế-giới vật-chất hoàn-toàn bị sự chi-phối của các lực. Ý-niệm về lực thật ra chỉ là một quan-niệm siêu hình. Theo định nghĩa của các nhà khoa-học, lực là cái nguyên-nhân có thể làm cho các vật-chất hoạt-động. Như thế nó không phải là một vật cụ thể. Tuy nhiên, ta vẫn có thể chấp-nhận ý-niệm về lực, vì ta có thể qui các lực về những biểu-lộ vật-chất mà ta kiểm-soát, đo lường được. Về phương-diện khoa-học, người ta nhận-định ra các lực nhờ sự gia- tốc, sự thay đổi tốc-độ, và đo lường các lực ấy bằng số công cung-cấp . Như thế, thật ra, người chỉ nhận-thức và đo lường những hiện-tượng do lực gây ra, nhưng điều này đủ cho ta thấy rõ rằng lực vốn có. Sự quan-sát chỉ chứng tỏ rằng các hiện-tượng biểu-hiệu của lực kể ra trên này đều có trong nền tảng của mọi thực-tại. Một đồ vật có thể xem như là một tổng-số của những đặc-tính vật-lý, tức là những khả-năng tác-động và phản-động của nó đối với ngoại-giới. Thêm nữa, tất cả các đơn chất đều có thể qui-định được nhờ một đặc-tính chung : trọng-lượng nguyên-tử, vốn cũng là một lực. Sau hết, người ta cũng đã phân-tích đến nguyên-tử và tìm thấy rằng nó là một hệ-thống điện-lực. Vậy, lực là một yếu-tố làm cơ-sở cho cả vật-chất. Mọi vật tác-động được đều do lực, mà các vật ta thấy bất-động, thật ra cũng do lực chi-phối, vì sự bất-động chỉ là một trạng-thái quân-bình tạm-thời giữa các lực đồng sức nhau và chế-ngự nhau. Một số nhà bác-học cho rằng những phản-ứng hóa-hợp cũng chỉ là sự cảI-tổ những nhóm lực đặc-biệt. Như thế trong giới vật-chất, tất cả đều qui về lực vật-chất. Đối với những nhà khoa-học, nó là thực-tại nguyênthủy vậy.

b)-SỨC MẠNH THỂ -CHẤT VÀ TINH -THẦN CỦA NGƯỜI.

Người vốn có một cơ-thể, tức là một khối vật-chất có thể tác-động trên các vật-chất khác. Ta đã thấy rằng, lực là cái nguyên-nhân làm cho các vật hoạt-động. Với tay, chân, toàn thân-thể, người có thể làm cho những vật quanh mình di-động hay biến-tính đi. Vậy, cơthể người có một cái lực, lực đó là sức mạnh thể-chất của người. Nó tùy theo kết-cấu của bắp thịt, của bộ xương, của các khí-quan, tùy theo sự di-truyền, sự phát-dục và sự tập-luyện của người mà to nhỏ khác nhau cho từng người một. Nhìn người đang cử-động, ta thấy sức mạnh thể-chất trước hết. Do đó, khi nói đến sức mạnh của người, người ta thường nghĩ đến sức mạnh thể-chất ấy. Nhưng người vốn là một sinh-vật cao-đẳng và những khả-năng đặc-biệt của người còn giúp cho người một sức mạnh khác nữa mà ta gọi là sức mạnh tinh-thần. Ta đã biết rằng, về phương-diện tâm-lý, hành-động của người

bị các bản-năng và khuynh-hướng chi-phối. Bản-năng là nguyên-lý hoạt-động của người, chính nó điều-khiển và sử-dụng được sức mạnh thể-chất của người trong các hành-động vô ý-thức cũng như các hành-động ý-thức. Những khả-năng của tâm-hồn, người vốn cũng tùy-thuộc các bảnnăng, và cũng có đóng một vai tuồng trong sự thúc đẩy người hoạtđộng. Lý-trí người không phải chỉ phân-biện, phán-đoán mà thôi, nó còn biết chọn lựa tức là hướng người về một đối-tượng, sau khi phán-đoán. Tình-cảm người thường giữ nhiệm-vụ của một yếu-tố điều tiết để kích-thích hay kềm chế các năng-lực của người và thúc giục người hành-động. Ý-chí của người, một mặt giúp lý-trí trong sự quyết-định việc chọn lựa đối-tượng, một mặt giúp tình-cảm trong sự vận-dụng các năng-lực của người, và duy-trì sự tác-động của người đến một mực độ nào đó. Nếu ta dựa vào định-nghĩa đã nêu ra trên đây, theo đó, lực là cái nguyên-nhân làm cho các vật hoạt-động, ta có thể bảo rằng, bảnnăng của người cùng với lý-trí, tình-cảm và ý-chí của người có thể đều được xem là những lực, vì nó khiến cho người hoạt-động. Một số những lực này có tính-cách đặc-biệt mà vật-chất ngay đến các loài động-vật khác đều không có. Như thế, người ta rất hữu-lý mà nhận rằng người có một sức mạnh đặc-biệt là sức mạnh tinh-thần. Sức mạnh tinh-thần của người tự-nhiên có liên-quan với sức mạnh thể-chất một cách chặt chẽ. Nó phải dựa vào cơ-thể người mới biểu-lộ ra được, và muốn ảnh-hưởng đến ngoại-giới, nó phải nhờ đến sức mạnh thể-chất của người. Vì vậy, sự phân-biệt phần sức mạnh thể-chất với phần sức mạnh tinh-thần trong một cử-động của người hết sức khó khăn. Tuy nhiên, không phải vì thế mà ta có thể qui sức mạnh tinh-thần của người về sức mạnh thể-chất. Trước hết, nếu sức mạnh thể-chất là cái lực tác-động ra ngoại-giới, sức mạnh tinh-thần lại có thể xem như là cái lực tác-động trên con người, để người sử-dụng sức mạnh thể-chất của mình. Một mặt khác, vì cơ-thể người có những tính-cách đặc-biệt làm cho nó phân-biệt với vật-chất thường, sức mạnh tinh-thần của người cũng có những tính-cách đặc-biệt làm cho nó phân-biệt với các lực vật-chất. Các lực vật-chất vốn diễn-tiến một cách máy móc, không cúrucánh, không ý-thức, và thúc đẩy các khối vật-chất với một hiệuquả luôn luôn đồng đều, làm cho người ta có thể dự đoán những kết-quả một cách dễ dàng. Trong khi đó, sức mạnh tinh-thần của người chẳng những nhắm vào một cứu-cánh mà lại có thể nhờ ýthức mà thay đổi các mục-tiêu cần đạt, để sau cùng tiến đến cúrucánh trên đây. Nó lại có thể huy-động hết sức mạnh thể-chất hiện có của người, và làm phát-khởi những khả-năng tiềm-tàng trong cơ-thể để tăng-gia sức mạnh thể-chất của người. Ta có thể bảo rằng, sức mạnh tinh-thần của người gán thêm cho sức mạnh thểchất ở một chỉ-số đặc-biệt tùy người, khiến cho hiệu-quả của sức mạnh thể-chất không cân-phân với sức mạnh cân-lực mà ta phỏngđoán nơi mỗi người. Xét về bản-chất, sức mạnh thể-chất của người có thể so sánh với lực vật-chất được, vì người ta có thể đo lường nó như người ta đã đo lường các lực vật-chất. Sức mạnh tinh-thần của người vì tínhcách đặc-biệt của tinh thần nên không thể đo lường được. Nó biến sức mạnh thể-chất thành một sức mạnh đặc-biệt khác với lực vậtchất ở chỗ hiệu-quả nó thay đổi tùy lúc một cách bất ngờ. Trong sự tác-động trên thế-giới vật-chất, sức mạnh tinh-thần của người giúp người nhận-thức các lực thiên-nhiên, và dùng sức mạnh thể-chất của mình mà vận-dụng những lực thiên-nhiên ấy trong sự đối-phó với những lực thiên-nhiên khác để đem phần thắng-lợi về mình.

2.- VAI TUỒNG CỦA SỨC MẠNH TRONG SỰ TRANH ĐẤU.

Thế-giới vật-chất có thể qui về các lực vật-chất, còn người thì có sức mạnh thể-chất và sức mạnh tinh-thần. Như thế, cả thực-tại đều lấy lực hay sức mạnh làm gốc, và sức mạnh tự-nhiên trở thành một yếu-tố quan hệ trong sự tranh-đấu. Trong những cuộc tranh-đấu bạo-tợn giữa loài thú, ta phải côngnhận sức mạnh thể-chất là yếu-tố đáng kể hơn hết. Giữa hai con thú tranh-đấu nhau, con nào có một thể-xác to hơn, có một sức mạnh cơ-thể dồi dào hơn thường nắm phần thắng-lợi. Tuy nhiên,

ta đã có thể nhận thấy, trong đó có một vài yếu-tố khác phụ thêm vào như sự hướng về một chủ-đích, trí khôn, và lòng can-đảm. Những yếu-tố này là mầm mống của sức mạnh tinh-thần. Nhưng ở loài thú, nó chưa phát-triển đến mức cải-biến sức mạnh thể-chất và đóng một vai tuồng trọng-yếu như ở con người. Trong sự tranh-đấu của người, sức mạnh thể-chất vẫn còn quantrọng. Những người có một cơ-thể cường-tráng thì chống chọi lại thiên-nhiên với nhiều hy-vọng thắng-lợi hơn những người ươnyếu. Họ đương đầu với sự thay đổi thời-tiết, với mưa nắng, với bệnh tật, và thực-hiện những dự định của họ trong sự chế-ngự thiên-nhiên, bắt buộc thiên-nhiên cung-ứng cho mình những món mình cần dùng một cách dễ dàng hơn. Tuy vậy. Với người, vai tuồng của trí óc đã mở mang đến một mức hết sức rộng rãi. những tri-thức, kỹ-thuật, sự khéo léo, óc sángkiến là những yếu-tố giúp người rất nhiều trong sự thắng-lợi. Những đức-tính tốt như lòng can-đảm, óc nhiệt-tín, đức tính kiênnhẫn, sự phục-tùng có kỹ- luật cũng vô-cùng hữu-ích cho người. Như vậy, sức mạnh tinh-thần của người đã tham-dự một phần lớn vào sự tranh-thắng của người. Nó làm cho những người yếu đuối có thể thu-hoạch một kết-quả tốt hơn so với những người mạnh khỏe. Một người nhỏ bé khôn ngoan và kiên-nhẫn thường tạo được nhiều công-trình hữu-ích hơn một người to lớn, nhưng đần độn hoặc không trì chí. Người ta có thể bảo rằng trong phần lớn những cuộc tranh-đấu giữa người với thiên-nhiên, thật-sự chỉ có những lực-lượng vậtchất chống lại lực-lượng vật-chất : chính những dụng-cụ, máy móc và những năng-lực vật-chất mà dụng-cụ và máy móc ấy cung-cấp cho người đã chế-ngự được những lực-lượng thiên-nhiên vốn là đối thủ của người. Nhưng thật-sự, việc chế-tạo và sử-dụng những dụng-cụ, máy móc, việc nhận-thức được những lực-lượng thiên-nhiên và phương-pháp ích-dụng những lực-lượng ấy một cách có lợi cho người, không thể xem là một tác-động của sức mạnh thể-chất được. Một mặt khác, cùng với những dụng-cụ máy móc như nhau, những người có một sức mạnh thể-chất ngang nhau có thể đi đến những kết-quả khác nhau, bởi vì trí tuệ và đức-tánh họ không bằng nhau. Sau hết, có những trường-hợp trong đó sức mạnh tinh-thần đóng một vai tuồng quyết-định : nhiều người bệnh nặng hoặc tàn-tật chỉ nhờ một nghị-lực cương-cường mà thoát chết, hay cử-động một cách gần như bình-thường được. Như vậy, ta không phủ-nhận được vai tuồng cốt-yếu của sức mạnh tinh-thần trong sự tranh-đấu giữa người với thiên-nhiên. Vai tuồng cốt-yếu càng hiện ra rõ rệt trong sự tranh-đấu giữa người và loài cầm thú. Sức mạnh thể-chất của người vốn kém cỏi hơn sức mạnh thể-chất nhiều loài khác. Lúc hãy còn thấp kém như các loài thú, người phải chật vật vô-cùng mới khỏi phải chết vì chúng. Nhưng nhờ sự mở mang của trí khôn, nhờ những đức-tính tinhthần quí báu, người đã lần lần tiến lên địa-vị ưu-thắng. Hiện nay, người có thể tiêu-diệt các loài thú dữ một cách dễ dàng và bắt được nhiều loài thú khác phục-dịch mình. Trong những cuộc tranh-đấu giữa người với người, giá-trị của sức mạnh tinh-thần lại càng gia-tăng vạn-bội. Ta có thể bảo rằng, không có cuộc tranh-đấu nào giữa người với người mà không có sự tham-dự của sức mạnh tinh-thần. Theo lý đương-nhiên thì hai người đánh nhau, người to lớn hơn, nắm phần ưu-thế hơn, và trong hai khối người tranh-chiến nhau, khối đông hơn có nhiều hy-vọng thắng-lợi hơn. Nhưng với lòng can-đảm, với chí quyết-thắng, với kỹ-thuật tranh-đấu cao hơn, một người yếu đuối có thể hạ được một người to lớn hơn. Với một kỹ-luật chặt chẽ hơn, một tinh-thần tác-chiến cao hơn hoặc những khí-giới tinh-xảo hơn, một đạo quân nhỏ có thể thắng một đạo quân lớn hơn mình. Tài của những người chỉ-huy quân-sự ngày xưa đến nay vẫn làm cho binh-sĩ phấn-khởi lên, mang hết năng-lực mình ra bỏ vào cuộc chiến-đấu, và tậptrung các năng-lực này ghép lại vào sức tàn-phá do khí-giới cung- cấp cho mình, rồi điều động khối lực-lượng trong tay mình như thế nào cho nó có hiệu-lực tối-đa, tràn ngập cả lực-lượng của địch. Nếu trong những cuộc tranh-đấu bằng bạo-lực, sức mạnh tinh-thần đã có đóng một vai tuồng quan-trọng và nhiều khi chuyển bại thành thắng được, thì trong những cuộc tranh-đấu ôn-hòa, sức mạnh tinh-thần càng trở thành chủ-yếu. Sự học hỏi, tìm tòi, sự khảo-cứu phát-minh, phần lớn dựa vào trítuệ và những đức-tính của người. Những hoạt-động kinh-tế có mục-đích vận-dụng vật-chất,

những sự cạnh-tranh kinh-tế càng ngày càng có tánh-cách kỹ-thuật và kêu gọi đến sức mạnh tinhthần nhiều hơn thể-chất của người. Trong những cuộc hoạt-động chính-trị ở các nước dân-chủ, sự thắng-lợi nghiêng hẳn về số đông. Nhưng muốn cho số đông theo mình, một chính-đảng cần phải có tổ-chức, có kỷ-luật, có một chương-trình hoạt-động thích-hợp với tình-thế, một hệ-thống lýluận chặt chẽ và hấp-dẫn. Xã-hội càng tiến-bộ thì sự tổ-chức và lýthuyết chính-trị càng cần-thiết để nắm được số đông, hầu thắng-lợi trong vấb đề chính-trị. Sau hết, trong xã-hội loài người, lại còn một sức mạnh mênh mông là sức mạnh của dư-luận. Lòng tin tưởng chung có thể thúc đẩy hàng triệu người đương đầu với sự nguy-hiểm để tranh-chiến nhau, hay để đeo đuổi những công việc vĩ-đại, lắm khi điên rồ. Bầu không khí hăng hái hay thất-vọng, làn sóng căm hận hay cảm kích tràn lan trên một dân-tộc có thể đưa đến những biến-cải khổng-lồ. Những cuộc thánh-chiến thời xưa là kết-quả lòng cảmkích của những dân-tộc cuồng-tín muốn mở rộng mối đạo của mình. Phong-trào duy-tân mấy thế-kỷ gần đây đã làm thay đổi hẳn xã-hội nhiều nước vùng Trung-Đông và Viễn-Đông. Dư-luận còn tạo ra phong-tục tập-quán, uốn nắn con người theo khuôn khổ mình. Nó đã đóng một vai tuồng quan-trọng trong sự chế-ngự và điều-khiển sự phát-hiện các bản-năng của người. Mặc dầu đều có bản-năng tình-dục như nhau, người dân-tộc này có thể hoàn-toàn khác người dân-tộc kia trong sự phát-biểu lòng yêu đương và trong sự thiết-lập gia-đình. Chính dư-luận trong nhiều xã-hội đã bắt người con gái phải giữ tiết-trinh, người đàn bà trung-thành với chồng, và người quả-phụ thủ-tiết với chồng khi chồng quá-vãng. Ở Ấn-Độ ngày xưa, dư-luận cho rằng người quảphụ xứng đáng phải tự thiêu theo chồng, và mặc dầu luật-pháp không hề bắt buộc, rất nhiều quả-phụ đã noi theo tục-lệ ấy. Đối với những quả-phụ ấy, thà chết thảm-khốc như thế còn hơn là sống mà bị dư-luận khinh bỉ chê bai . Người bị dư-luận bài-xích thật là khốn-nạn vô-cùng. Những lời chế giễu, những cử-chỉ khinh-thị của thiên-hạ gây cho họ một bầu không khí khó thở, và luật-pháp hoàn-toàn bất-lực trong sự binh vực họ. Trái lại, người được dư-luận tán-thành có một thế-lực rất mạnh. Những chỗ dở, chỗ xấu của họ được thiên-hạ bỏ qua và một ý-kiến của họ nhiều khi có một hiệu-quả rất to. Dư-luận có thể hiếp-chế được người, những tính-cách tinh-thần của nó hết sức là rõ rệt. Nó là một khí giới vô-cùng lợi hại để giúp người chiến-thắng. Bởi đó, người sống trong xã-hội đều phải cốgắng để chinh-phục dư-luận về mình.

3.- THÁI-ĐỘ CỦA XÃ-HỘI ĐỐI VỚI SỨC MẠNH.

Trong lịch-sử tranh-đấu của loài người từ ngàn xưa đến giờ, sức mạnh bao giờ cũng là yếu-tố chính, mang sự thắng-lợi đến cho người. Do đó, mặc dầu trên thế-giới, có rất nhiều người lên tiếng phản-đối cường-quyền và bạo-lực – tức là phản-đối sức mạnh – thật-sự, xã-hội không phản-đối sức mạnh. Ngay đến những người chủ-trương đả-đảo cường-quyền và bạo-lực cũng chỉ phản-kháng sức mạnh nói một cách trừu-tượng mà thôi. Về phương-diện thựchành, người ta đã vô-tình hay cố ý, hưởng-ứng theo sức mạnh. Tất cả mọi người đều thán-phục sức mạnh một cách ý-thức hay vô ý-thức, và lấy nó làm tiêu-chuẩn cho mọi phán-đoán của mình. Những kẻ yếu luôn luôn sẵn sàng chạy theo người mạnh, người mà họ cho là đủ sức bảo-vệ họ, mang đến cho họ những mối lợi họ mong ước, hay đủ sức trừng-trị họ. Trong giới nào cũng vậy, người ta thường hay tuân-lệnh những kẻ nhảy ra gánh vác lấy việc khó khăn mà họ thay thế cho mình. Một bằng cớ chắc chắn chỉ tỏ rằng người công-nhận sức mạnh là lòng tín-phục những kẻ thành-công. Ở bất cứ xã-hội nào, người ta cũng đều theo chủ-trương « được là vua, thua là giặc ». Quầnchúng thường tự-nhiên kính-trọng những kẻ chiến thắng, dầu họ là quân-nhân, là bác-học, là nghệ-sĩ, là nhà thể-thao hay là nhà chínhkhách cũng vậy. Phần lớn dân-chúng đều kính nể những nhà chức-trách thi-hành được trọn vẹn quyền-hành khiển-chế xã-hội. Người ta chỉ phản-đối chính-phủ khi chính-phủ

tỏ ra bất-lực. Và những kẻ phản-đối chính-phủ cũng chỉ phản-đối với lòng tin rằng mình sẽ gây được một sức mạnh khả-dĩ đánh đổ chính-phủ sau này. Lòng tôn thờ sức mạnh cũng hiển-hiện trong óc thích được làm quan của hầu hết mọi người. Những sắc-phục, cấp-hiệu của sĩquan, những lễ-phục của những công-chức, có một sức hấp-dẫn rất lớn đối với đám đông. Tiền-tài vốn là một phương-tiện để được gần những người có uy-thế nên lần lần cũng được người trọngvọng. Những người giàu có, nếu không được người ta ưa thích, cũng được họ kiêng nể hay sợ hãi. Trong những hội-nghị quốc-tế, những dân-tộc hùng-cường bao giờ cũng có thế-lực hơn và được kính nể hơn những dân-tộc nhượctiểu. Ảnh-hưởng của một dân-tộc đối với các dân-tộc khác do nơi sức mạnh của dân-tộc ấy rất nhiều. Thuở xưa, dân-tộc Trung-Hoa hùng-cường nhứt Á-Châu và dân-tộc Việt-nam cũng như các dântộc Viễn-Đông khác, hết sức tôn-trọng nền văn-hóa Trung-Hoa. Nhưng đến thế-kỷ thứ 20, khi các cường-quốc Âu Mỹ tràn vào ÁChâu và họ tỏ ra hùng-cường hơn Trung-Hoa rất nhiều, nền văn- hóa Trung Hoa đã bị xem thường và tiếng « ba tàu » trong ngônngữ Việt-nam lại hàm ý-nghĩa chế giễu và khinh bỉ. Vậy, xã-hội thường tôn-trọng những kẻ thành-công. Mà như ta đã thấy, sự thành-công do nơi sức mạnh mà ra. Và hoan-hô kẻ chiến thắng, tức là chấp-nhận tôn thờ sức mạnh. Điều mà người ta phản-đối, chính là việc dùng sức mạnh thể-chất một cách cục mịch và không có phương-pháp, không theo một đường lối, hay một kỷ-luật nào. Trái lại, một sức mạnh khôn ngoan, áp-dụng một cách đồng đều và có qui-cũ, luôn luôn được người tán-thành. Bởi đó, thật-sự, xã-hội không phải chọi lại sức mạnh, mà chỉ muốn qui-định cách dùng sức mạnh như thế nào cho nó có một hiệu-lực tối-đa. Những người dùng mưu mẹo gian-hùng, sở-dĩ bị người ta thóa-mạ là vì họ không dựa vào sức mạnh thể-chất hay tinh-thần thật-sự của họ, họ chỉ lợi-dụng trong một thời-gian những sức mạnh ở bên ngoài họ. Thêm nữa, việc họ bị thóa-mạ chỉ tỏ rằng họ đã bị thấtbại một phần nào trong sự hoạt-động của họ, hoặc vì mưu mẹo họ không đủ khéo léo để che giấu dụng-ý sâu sắc của họ, hoặc vì những lực-lượng mà họ huy-động chưa đủ sức để chế-ngự hẳn những lực-lượng đối-lập. Một số nhân-vật lịch-sử đã từng thành-công rực rỡ, nhưng về sau, lại bị hậu-thế nhiệt-liệt bài-xích. Tần Thủy-Hoàng, Thành-cát-tưHãn, Hitler đã bị nhân-loại thán-oán vô-cùng. Điều này có vẻ nghịch lại luật thắng-thế của sức mạnh. Kỳ thật, nó chỉ đặt vấn-đề thành-công trong một phạm-vi rộng lớn hơn mà thôi. Những nhânvật kể trên này quả thật có thành-công lúc sinh-thời, nhưng sự thành-công của họ chỉ hạn chế vào một thời-gian ngắn. Sự thắnglợi do sức mạnh đem đến cho họ chưa hủy-diệt được hết các đốithủ của họ, và không uốn nắn được quần-chúng theo khuôn khổ tưtưởng của họ. Những sĩ-phu Trung-Hoa sống sót sau những cuộc « phần thơ khanh nho » đã huy-động được quần-chúng Trung-Hoa lật đổ nhà Tần. Thành-cát-tư-Hãn và hậu-duệ ông chỉ xây dựng một triều-đại ngắn ngủi ở Trung-Hoa, và dân-chúng của ông về sau lại bị người Trung Hoa chinh-phục về mặt văn-hóa và tinh-thần, Hitler đã bị thóa-mạ vì nước Đức đã thảm-bại trong trận thế-giới đại-chiến . Trong lịch-sử của nhân-loại, những người đã hoàn-toàn thắng đốiphương, dầu có tàn-nhẫn, cũng không hề bị chỉ-trích. Các lãnh-tụ Hán-tộc đã tiêu-diệt Miêu-tộc vẫn được tôn-kính : Huỳnh-Đế được xem là một vị thánh-nhân trong khi Xuy-Vưu bị cho là tướng giặc. Nếu trong lịch-sử Việt-nam Ngô Quyền không thành-công trong việc giảI-phóng dân-tộc và những triều-đại tiếp theo ông không giữ được nền độc-lập, dân-tộc ta hẳn đã bị Hán-tộc đồng-hóa và người ta đã chấp-nhận quan-niệm của Lê Tắc theo đó, Mã Viện và các tướng Trung-Hoa sang chinh-phục nước ta sẽ là những bực anhhùng, và bà Trưng, bà Triệu và những người hiện được chúng ta sùng-bái ca ngợi trong cơ-nghiệp cứu-quốc của họ, bị xem như là kẽ tội-nhân nếu họ vì thất bại . Giả-sử, ngày mai, các lãnh-tụ cộng-sản chinh-phục được thế-giới, chế-ngự được cả hoàn-cầu, đào-luyện được mọi người theo khuôn khổ của họ, và bộ máy cai-trị họ dựng lên không đến nỗi tan vỡ vì sự cạnh-tranh của họ, nhân loại sau này sẽ nâng những con người tàn-nhẫn vô-nhân-đạo của thế-giới đỏ ấy lên mực thánh-thần y như dân-chúng Nga đã làm trong qúa khứ, khi cộng sản cai trị .

4.- LUẬT-PHÁP VÀ SỨC MẠNH.

Sức mạnh là điều-kiện thắng-lợi trong sự tranh-đấu sinh-tồn của người. Mặc dầu nhiều người đã nhân-danh đạo-đức mà phảnkháng cường-quyền, hầu hết mọi người đã vô-tình hay cố-ý thánphục kẻ mạnh, tức là kẻ thắng-lợi. Do đó, sức mạnh đóng một vai tuồng rất quan-trọng trong đời sống xã-hội của người; hơn nữa, ta có thể bảo rằng nó là nền tảng của xã-hội. Xét lịch-sử thế-giới và quan-sát đới sống của các xã-hội loài người hiện-tại, ta có thể nhận thấy rằng các quốc-gia chỉ thực-hiện và duy-trì được nhờ vũ-lực. Hai yếu-tố quan-trọng tất-yếu để địnhnghĩa một quốc-gia là chính-quyền và chủ-quyền. Cả hai đều hàmý rằng quốc-gia có những khả-năng rất lớn, một mặt để chế-ngự nhân-dân, một mặt để đối-phó với các quốc-gia khác. Quốc-gia nhỏ nào không đủ sức mạnh thì có thể bị ngoại-quốc uy-hiếp và mất cả chủ-quyền, tức là bị diệt. Không như thế, dân-chúng có thể lật đổ chính-quyền để tạo nên một chính-quyền khác, và quốc-gia phải bị biến-cải đi. Vậy, chính-quyền và chủ-quyền của quốc-gia vẫn lấy sức mạnh làm nền tảng, và những chế-độ xã-hội đều phải dựa vào sức mạnh của quốc-gia. Ngay đến những ý-niệm luật-pháp và công-lý mà người ta nêu ra để đối chọi lại nguyên-tắc sức mạnh. Thật ra ! cũng phải nhờ sức mạnh mới có hiệu-quả. Người Pháp đã có câu nói « Không có những người hiến binh, thì những vị thẩm-phán chỉ là những anh chàng mơ mộng mà thôi ». Xét nguồn gốc luật-pháp, ta lại càng thấy rõ yếu-tố sức mạnh bên trong. Thời-kỳ tiền xã-hội, con người sống hoàn-toàn theo ý mình và giải-quyết mọi xung-đột với kẻ khác theo sức mạnh riêng của mình. Sự giết hại nhau là một việc tự-nhiên, và cuộc tranh-đấu sinh-tồn hết sức là rùng rợn. Điều này có hại nhiều, không những cho cá-nhân, mà còn cho chủng-loại nữa. Cá-nhân có thể bị giết hại bất cứ lúc nào, và chủng-loại bị suy yếu nhiều vì cuộc tươngtàn giữa người đồng-loại. Khi người họp nhau lại sống chung nhau, những bản-năng xã-hội lần lần nảy nở. Một mặt khác, những nhóm người còn giữ những tập-quán của đời sống cô-độc ngày xưa, và giết hại nhau hằng ngày bên trong đoàn-thể, tất-nhiên phải yếu sức, và bị các nhóm người có một tổ-chức nội-bộ vững chắc hơn tiêu-diệt đi. Do sự đào-thải đó, bản-năng xã-hội của những người sống sót càng ngày càng mạnh lên. Sau cùng, những bản-năng xã-hội này hợp với bản-năng tự-vệ của cá-nhân để đưa đến ý-niệm công-lý và luật-pháp. Công-lý và luật-pháp theo nguyên-lý thì ngược lại xu-hướng của người muốn tự mình dùng sức mạnh đối-phó với đồng-loại khi có sự xích mích. Tuy thế, nó không phải bỏ ý-niệm sức mạnh. Nó chỉ hợp-thức-hóa sự dùng sức mạnh. Nó lấy quyền sử-dụng sức mạnh của cá-nhân giao cho đoàn-thể. Mà người cầm đầu đoàn-thể trong thời-kỳ mù mịt của buổi xã-hội mới lập thành do con người mạnh, đủ sức chế-ngự những con người khác để giữ uy-quyền mình. Xã-hội về sau mở mang tiến-bộ thêm ; cách tuyển chọn người cầm đầu các đoàn-thể loài người có thay đổi. Nhưng chung-qui, nguyên tắc uy-quyền tuyệt-đối của quốc-gia vẫn giữ mãi cho đến bây giờ. Công việc làm luật-pháp và xử kiện có thể giao cho một cơ-quan đặc-biệt khác với cơ-quan hành-pháp, nhưng dù sao, người ta cũng phải nhờ có cơ-quan hành-pháp mới thi-hành được luật-pháp. Vậy thì chỉ có thủ-tục là thay đổi, còn nội-dung của vấn-đề vẫn còn nguyên vẹn, không biến-chuyển chút nào. Với ý-niệm công-lý và luật pháp, việc dùng sức mạnh để giảiquyết mọi xung-đột giữa cá-nhân được dành cho xã-hội. Ta đã thấy rằng, sự thật, thì cũng chỉ có những kẻ mạnh mới nắm được quyềnchánh mà điển-chế và thi-hành luật-pháp. Trong những vụ kiệntụng, những kẻ mạnh này nhờ sự trung-gian của các nhân-viên tư-pháp mà quyết-định phần thắng-lợi cho những người tranh-chấp nhau. Do đó, sức mạnh được dùng của những kẻ đưa nhau ra trước tụng-đình có một tính-cách xã-hội rõ rệt hơn. Nó không phải dựa vào thể-chất, trí khôn ngoan hay đức-tính của họ mà dựa vào qui-chế do quốc-gia tạo ra. Tuy nhiên, thế-lực của tiền-tài, danhvọng và sự khôn ngoan trong việc theo thủ-tục pháp-lý cùng việc trả lời cho những câu hỏi của tòa-án cũng giữ một vai tuồng khá quan-trọng. Thêm nữa, thật-

sự thì luật-pháp đặt ra để hợp-thức-hóa những uy-quyền của kẻ mạnh. Những người nắm được quyền-chánh – tức là những kẻ mạnh nhất trong xã-hội – tất-nhiên phải điển-chế những luật-lệ trong xã-hội như thế nào cho quyền-lợi của chính họ, của gia-đình thân-thuộc họ, và của hạng người ủng-hộ họ được bảo-vệ một cách đắc-lực nhứt. Ngay đến những nhóm người chủtrương xây dựng một xã-hội cộng-sản không giai-cấp cũng không thoát khỏi công-lệ trên này. Quyền-lợi những hạng người cầm-quyền-chánh có thể thay đổi. Do đó, luật-pháp có thể thay đổi theo dân-tộc, theo thời-đại. Sau những sự thay đổi luật-pháp, nhiều khi sự thay đổi những mối tương-quan lực-lượng giữa các hạng người trong nước hiện ra một cách rõ ràng. Trước kia, sự lập hội và đình-công phá sở của thợ thuyền là một trọng-tội, bị trừng-phạt năng nề. Đến khi hàng-ngũ thợ thuyền đông đảo, họ họp nhau thành những chính-đảng cáchmạng tranh-đấu đẻ đòi quyền lập hội, các chính-phủ dân-chủ lần lần công-nhận cho người vô-sản có quyền lập nghiệp-đoàn và đình-công để bảo-vệ quyền-lợi họ. Ở nhiều nước dân chủ tự-do, thợ thuyền đã đi quá mức ấy, và những cuộc đình-công của họ nhiều khi có tính-cách vận-động chính-trị hơn là tính-cách bênh vực quyền-lợi nghề-nghiệp. Nhưng sau đó, ở nước Đức Quốc-xã, nước Ý Phát-xít cũng như ở những nước mà đảng Cộng-sản Đệ Tam nắm được chính-quyền, thợ thuyền lại bị khép vào một kỷluật khắc-nghiệt. Các nghiệp-đoàn vẫn tồn-tại, nhưng quyền đình- công lại bị hủy-diệt đi và chung-qui, những tổ-chức thợ thuyền chỉ được dùng để phụng-sự chính-phủ. Về phương-diện quốc-tế, các luật-pháp cũng đặt nền tảng trên sức mạnh quốc-gia. Những hiệp-ước ký-kết chỉ dựa vào sự tương-quan lực-lượng giữa các nước, và những tổ-chức quốc-tế lấy làm lýtưởng việc phụng-sự nhân-loại, phụng-sự hòa-bình trong công-lý, cũng vẫn long-trọng nhìn nhận các hiệp- ước bất-bình-đẳng do các nước đế-quốc dùng vũ-lực mà bắt các dân-tộc nhược-tiểu ký-kết với mình. Hội Quốc-liên trước kia, và Liên-hiệp-quốc hiện thời đều ở vào tình-trạng đó. Vì thế, các dân-tộc nhược-tiểu, nếu có đem vấn-đề nước mình ra trước hội-nghị quốc-tế, cũng chỉ để lợidụng sự xung-đột quyền-lợi giữa các cường-quốc mà đem sự thắng-lợi về cho mình. Chớ không thể tin tưởng nơi tinh-thần công-lý của các tổ-chức quốc-tế.

B.- LUẬT BIẾN-CẢI.

Sức mạnh đã đóng một vai tuồng trọng-hệ và trong lịch-sử vũ-trụ, lúc nào ta cũng thấy nó hiện ra. Tuy thế, có nhiều trường-hợp, yếutố sức mạnh không đủ để giúp cho sinh-vật được sinh-tồn chắc chắn. Khoa cổ-sinh-vật-học cho ta biết rằng, thời tiền-sử, có không biết bao nhiêu giống thú khổng-lồ. Sức mạnh của chúng so với những thú khác trong ấy có tiên-tổ loài người – lúc đó hãy còn là một thứ tầm-thường chưa có trí tuệ – thật là lớn hơn vạn bội. Nhưng những con thú ấy đã bị tiêu-diệt từ lâu, trong khi nhiều loại bọ nhỏ hơn người rất nhiều – và tất-nhiên có một sức mạnh không đáng kể so với các thú khổng-lồ kia – hãy còn tồn-tại đến ngày nay. Hơn nữa, theo một số ước-lượng của một số nhà khoa-học, nhiều loại bọ và vi-khuẩn có một sức sống mãnh-liệt vô-cùng. Chúng sanh-sản rất nhiều và đương đầu lại sự sát-hại của người một cách có hiệu-lực. Một vài người đi xa hơn nữa, tỏ ý lo ngại rằng những loài ấy sẽ là một mối nguy cho nhân-loại sau này. Dù không theo bước của những nhà khoa-học quá bi-quan đó, chúng ta cũng phải nhận rằng những điều-kiện trên này có thật, và sức mạnh riêng nó chưa đủ mang sự thắng-lợi về cho các sinh-vật tranh-đấu nhau. Ngoài sức mạnh ra, các sinh-vật còn có một khảnăng khác. Khả-năng ấy là khả-năng biến-cải của sinh-vật. Nó giúp cho sanh-vật uốn mình theo hoàn-cảnh, tự thay đổi năng-lực mình để ứng- phó với những điều-kiện bất-thuận-lợi, và dùng sức mạnh của mình một cách thích-hợp với tình-thế. Trong sự sinh-tồn của các chủng-loại, sự biến-cải đóng một vai tuồng cũng quan-trọng không kém sức mạnh, mặc dù vai tuồng này chỉ được các nhà khoa-học nhận-thức, chứ không được quảngđại quần-chúng biết đến. Trong giới khoa-học sinh-vật, vấn dề biến-cải trở thành

một trong những vấn-đề căn-bản, và các lýthuyết gia tiến-hóa không ít thì nhiều đều phải dựa vào ý-niệm biến-cải này. Nói một cách khái-quát, sinh-chất tự nó đã có khuynh-hướng biếncải, và sinh-vật nào cũng có quan-năng biến-cải, chỉ khác nhau về phần phẩm mà thôi. Tuy vậy, đối với người, quan-năng biến-cải có tính-cách vô-cùng phức-tạp. Để cho tiện sự khảo-sát, ta có thể phân-biệt hai loại biến-cải, biến-cải của loài thú, và biến-cải đặcbiệt của người.

1.- QUAN-NĂNG BIẾN-CẢI CỦA LOÀI THÚ.

Vũ-trụ là một khối vật-chất biến động không ngừng vì bị sự chiphối của nhiều lực khác nhau. Sự sống vốn cũng là hoạt-động. Nhưng phải có một số điều-kiện mới có thể duy-trì được. Do sự biến-đổi không ngừng của vũ-trụ và của thời-tiết, các sinh-vật luôn luôn bị đặt vào hoàn-cảnh mới. Muốn khỏi bị tiêu-diệt, nó phải tự biến-cải để ứng-phó với hoàn-cảnh mới ấy. Do đó, sanh-vật tựnhiên có khả-năng biến-cải và lịch-sử những cuộc biến-cải không ngừng. Trước hết, các nhà sinh-vật-học cho biết rằng lịch-trình tiến-hóa của các loài gồm có nhiều ngẫu- biến. Đó là những sự thay đổi đột ngột trong các vi-nhân của những tế-bào sinh-dục, làm cho sinhvật con còn có những tính-cách thể-chất khác sinh-vật sinh ra nó rất xa. Chính những ngẫu-biến đã làm xuất-hiện nhiều loại sinh-vật khác nhau từ những sinh-chất nguyên-thủy. Tuy thế, những tác-nhân gây những ngẫu-biến hiện nay chưa được biết một cách rõ ràng. Thêm nữa, những ngẫu-biến không phải hướng cả về sự bảo-vệ sự sinh-tồn của các loài. Nếu nó có thể đưa một sinh-vật đến một hình-thức cao hơn, nó cũng có thể làm cho sinh-vật tuyệt-chủng được. Sau hết, nó có tính-cách ngẫu-nhiên và không thể xem là một khả-năng. Khả-năng biến-cải theo đúng nghĩa của nó, chỉ giúp sinh-vật thay đổi hình-thức trong một phạm-vi nhỏ hẹp và nhất là thay đổi cách ứng-phó với hoàn-cảnh bên ngoài. Những thay đổi này có tínhcách di-truyền, nhưng thường thì chỉ đạt được trong phạm-vi cánhân mà thôi. Ngay trong giới thực-vật và động-vật hạ-cấp, người ta đã nhận thấy có sự biến-cải rồi. Những loài cây ở chỗ nóng và ít mưa đã biến-đổi những cơ-quan của mình để rút được nước vào thân mình và đồng-thời giữ cho hơi nước ít bốc ra. Rễ nó thường ăn sâu xuống đất, còn lá thì nhỏ lại, có khi biến thành gai để cho nhỏ diện-tích phơi ra nắng và giữ nhiệm-vụ đưa hơi nước ra ngoài được bớt đi. Nhiều loại trùng khi gặp hoàn-cảnh sinh-hóa bất-thuận-lợi thì hóa thành những bào-tửnang, có một lớp vỏ cứng chắc bọc lại, đủ sức bảo-vệ nó chống những nguy-cơ tiêu-diệt. Đến khi hoàn-cảnh thuận-tiện trở lại, bào-tử-nang lại trở thành con vi-trùng. Vi-trùng cũng có thể tự tạo những khả-năng chống lại các chất có thể giết hại nó. Những thứ thuốc sát-trùng, nếu dùng không đủ lượng rất có hại, vì chẳng những không giết được vi-trùng, nó còn tập cho vi-trùng quen với thuốc, và về sau, có thể đương cự lại thứ thuốc ấy, dầu số lượng có đủ cũng vậy. Đối với những động-vật có một cơ-thể phức-tạp hơn, và hoạt-động trong một phạm-vi rộng hơn, sự biến-cải càng rộng hơn. Cơ-thể những động-vật này vừa phải tự điều-chỉnh những khí-quan của mình cho nó hòa-hợp nhau, vừa phải tự thay đổi để ứng-phó với sự thay đổi thời-tiết. Nhiều loài vật ở xứ lạnh nó phải sắp đặt đời sống một cách phù-hợp với phong-thổ. Ở những xứ này, mùa đông trời lạnh lẽo, cây cỏ trơ trụi, việc kiếm ăn rất khó. Vì đó, một số độngvật mùa hè thì ăn rất nhiều để tạo những chất trừ-bị trong thân, đến mùa đông, chúng tìm chỗ ẩn náu và ngủ suốt mấy tháng. Trong thời-kỳ này, cơ-thể chúng sinh-hoạt rất ít và tiêu-thụ những chất trừ-bị chúng đã chế-tạo được. Sự biến-cải của các loài thú, hoặc chỉ là những phản-ứng tự-nhiên của cơ-thể, hoặc thực-hiện dưới sự điều-khiển của các bản-năng. Trí khôn của thú nếu có một vai tuồng thì vai tuồng này cũng ít và không đáng kể. Do đó, quan-năng biến-cải của loài thú là một quan-năng biến-cải tự-nhiên. Một trong những biểu-lộ quan-năng biến-cải này là năng-lực nghĩthái. Đó là một xu-hướng của loài vật khiến cho nó bắt chước hình dáng những đồ vật hay sanh-vật ở quanh nó để có thể ẩn núp trong

khung cảnh một cách dễ dàng. Năng-lực nghĩ-thái có nhiều cách phát-biểu khác nhau. Chúng ta có thể phân-biệt những loại nghĩ-thái sau này.

a) NGHĨ-THÁI BẰNG THÁI-ĐỘ HAY BẰNG SỰ XỬ-DỤNG CÁC PHÂN-TIẾT TỰ-NHIÊN.

Những côn-trùng bay dở thường hay giả chết để gạt các địch-thủ, hoặc gieo mình xuống đất rồi nằm im không cựa cạy giữa đám cỏ, giữa các lớp lá cây khô, hay giữa các mẩu đất vụn, thành ra người ta khó tìm thấy nó. Con mèo khi gặp kẻ địch thì xù lông ra cho có vẻ lớn hơn để giống hình dạng con beo hay con cọp, làm cho kẻ địch khiếp-đảm. Nhiều loại côn-trùng thường tiết ra những chất nước bay mùi khó chịu, làm cho những sinh-vật khác không muốn lại gần nó. những con giòi, con nhộng của một thứ côn-trùng bán-si thuộc loại ve ve, bao mình bằng một thứ bọt từ trong hậu-môn tiết ra, giống hệt như đờm dãi, thành ra rất dễ gớm.

a. NGHĨ-THÁI BẰNG CÁCH MANG ĐỒ VẬT LẠ VÀO MÌNH.

Những con giòi, con nhộng của nhiều giống nhện nhỏ thuộc loại sâu ghẻ, giữ luôn trên mình những lớp da đã lột, che giấu hết cả chi-thể. Nhiều con bọ ở bờ sông mang trên lưng một viên bùn có dính những mẩu vụn lặt vặt, thành ra giống như cục đất thật vậy. Con nhộng loài thạch-tàm ở dưới nước mang theo mình một cái vỏ bằng bùn hay bằng cây mục. Con ốc ma thì ở trong một cái vỏ ốc trống để tự-vệ dễ hơn

b) NGHĨ-THÁI BĂNG CÁCH BIẾN MÌNH CHO TIỆP VỚI KHUNG-CẢNH CHUNG QUANH.

Nhiều loài nhộng sống giữa rông rêu, xem giống hệt như rông rêu. Những loài sâu sống trên cây lá có khi giống hệt như cây lá ấy : con thì hình cái lá, con thì tựa như các mầm cây non, con thì y như một nhánh nhỏ. Nhiều thứ sâu khác có màu tiệp với màu cây lá nó ăn. Ta có câu tục ngữ : « Rau nào sâu nấy » chỉ rằng mỗi thứ rau có một giống sâu đặc-biệt và giống sâu này hình tích giống như hoa lá cây rau hay có màu tiệp với cây rau. Thú vật cũng có sắc lông hợp với khung cảnh trong đó nó sống. Những loài thú, loài chim vùng địa- cực, như gấu, sói, chồn, thỏ, chim ục, v.v… đến mùa đông băng tuyết phủ khắp nơi thì bộ lông trắng tinh, tiệp hẳn với màu tuyết. Con sư-tử, con báo-đà, con linhdương, con thỏ nhảy ở sa mạc thì lông màu vàng lợt, giống như màu cát vậy. Con ngựa vằn, con cọp ở những cánh đồng cỏ mọc cao thì mình vằn vện, khi đứng trong đám cỏ, rất khó trông thấy. Con beo thường sống trên cành cây thì bộ lông có đốm y như bóng mặt trời chiếu qua khe lá. Nhiều loài chim sống dưới lùm bụi có bộ lông có màu xanh tiệp với lá cây. Những loài cá mình dẹp như cá đuối, cá lờn bơn, lưng màu y hệt như màu đáy biển trên đó nó nằm. Đặc-biệt nhứt là con cắc-kè và con cá chim hoa có thể thay màu một cách dễ dàng cho tiệp với khung cảnh mỗi lúc.

b) NGHĨ-THÁI BẰNG CÁCH BIẾN HÌNH CHO GIỐNG NHỮNG THÚ KHÁC.

Nhiều thứ bướm ở lưu-vực sông Amazone thuộc Nam Mỹ-châu, có màu sắc sặc sỡ và mùi rất hôi, các giống chim ăn bọ luôn luôn chừa nó ra. Cũng ở trong vùng đó, có một giống bướm khác, không có mùi hôi, nhưng màu cánh cũng sặc sỡ như loài bướm trên, thành ra các giống

chim thấy nó cũng lánh xa, không bắt. Người ta lại còn gặp nhiều thứ rắn không độc, nhưng hình-tích giống như thứ rắn độc, làm cho các giống khác cũng sợ nó như sợ thứ rắn độc kia vậy. Nói tóm lại, năng-lực nghĩ-thái được phát-biểu ra nhiều cách khác nhau. Nhưng mục-đích nó vẫn luôn luôn là giúp cho sinh-vật những điều-kiện thuận-tiện để tranh-đấu sinh-tồn. Đối với những loài sinh-vật nhỏ bé thì năng-lực nghĩ-thái có tánhcách tự vệ nhiều hơn : sự giả chết, sự ẩn núp dưới những chất phân-tiết tự-nhiên, hay dưới những đồ vật lạ chung quanh, sự biến hình cho giống đồ vật chung quanh mình hay có màu sắc tiệp với màu sắc những đồ vật ấy, sự biến hình cho giống những thú khác, cốt để cho sinh-vật nhỏ bé có thể trốn tránh hay gạt gẫm những kẻ địch mạnh hơn mình. Năng-lực nghĩ-thái của những giống vật mạnh thì có tính-cách xâm hại : con thú mạnh sở-dĩ cần ẩn núp trong khung cảnh tự-nhiên một cách có hiệu-lực là để cho con mồi không thấy con thú mạnh để con thú mạnh săn nó một cách dễ dàng hơn. Năng-lực nghĩ-thái làm cho sinh-vật có hai cá-tính : một cá-tính do thiên-nhiên phú sẵn cho nó, và một cá-tính mà bản-năng sinh-tồn giúp cho nó để nó đối-phó với những kẻ thù có thể hại mạng nó. Cùng với luật mạnh được yếu thua, luật lưỡng-cá-tính của năng lực nghĩ-thái đã đóng một vai tuồng rất quan-trọng trong sự đàothải thiên-nhiên.

2.- QUAN-NĂNG BIẾN-CẢI CỦA NGƯỜI.
a)- ĐẠI-LƯỢC VỀ QUAN-NĂNG BIẾN-CẢI CỦA NGƯỜI.

Trong các loài động-vật, người là giống có quan-năng biến-cải cương-kiện nhứt. Trong quyển « Con người, kẻ lạ chưa ai biết » đã cho chúng ta rất nhiều tài-liệu để hiểu về con người, bác sĩ Alexis Carrel, đã nghiên-cứu kỹ càng về quan-năng biến-cải này. Theo bác sĩ, cơ-thể của người gồm toàn những chất mềm bở, dễ hư hỏng và có thể tan rã trong vài giờ đồng hồ. Tuy vậy, nó lại tồn-tại lâu dài như là đúc bằng thép cứng vậy. Chẳng những tồn-tại được, nó lại còn có thể vượt qua nhiều khó khăn và những nguy-cơ do thế-giới bên ngoài đưa đến. Hơn bất- cứ loài thú-vật nào khác, con người đã ứng-biến một cách thích-hợp với những điều-kiện thường biến của ngoại-giới. Trước tình-thế mới, cơ-thể người tạo ngay ra một phương-tiện để đối-phó. Phương-tiện này luôn luôn hướng đến chỗ kéo dài đời sống của người đến mực tối-đa. Ta có thể bảo rằng tất cả những diễn-tiến sinh-lý trong thân người đều có mục-đích bảo-đảm sự sinh-tồn của người và đều có tính-cách biến-cải. Nơi người, sự biến-cải gần như là thường-trực, và có rất nhiều hình-thức khác nhau. Tuy thế, chúng ta có thể gom nó về hai loại : sự biến-cải nội-quan, tức là sự biến-cải bên trong những cơ-quan nội-tại của người, và sự biến-cải ngoại-quan, tức là sự biến-cải của thân người để đối-phó với hoàn-cảnh bên ngoài.

1.- SỰ BIẾN-CẢI NỘI-QUAN. A) SỰ ĐIỀU-CHỈNH NỘI- GIỚI CỦA NGƯỜI.

Nội-giới của người gồm những tổ-chức, những thể-dịch và huyếtdịch rất ổn-định. Tiết-điệu những cơ-quan của người không thay đổi bao nhiêu. Tế-bào và thể-dịch của người luôn luôn tiếp-tục những sự trao đổi hóa-hợp của mình. Máu người luân-lưu trong các huyết-quản và các mao-quản của các tổ-chức với một tốc-độ gần như bất-biến. Sự ổn-định của nội-giới không phải là một trạng-thái an nghỉ, cũng không phải là một trạng-thái quân-bình. Nó là kết-quả của một sự hoạt-động không ngừng của toàn cơ-thể. Muốn cho máu người giữ được bản-chất và luân-lưu một cách đều đặn, cơ-thể phải thi-hành không biết bao nhiêu vận-động sinh-lý. Và tất cả những hệ-thống cơ-quan của người đều phải tập-trung hết sức cố-gắng của mình lại, mới làm cho những tổ-chức của thân người được an-ổn. Máu người luôn luôn nhận thêm hay là mất bớt nước một cách bấtthường. Trong khi người ăn uống, nước trong thức ăn thức uống

cùng với những thức nước do các tuyến tiêu-hóa tiết ra đổ vào trong máu, thành ra máu thêm rất nhiều nước. Trái lại, trong khi người tiêu-hóa vật-thực, các cơ-quan tiêu-hóa lại rút trong máu một phần nước cần-thiết cho sự làm việc của mình. Khi người vậndụng cơ-thể một cách mạnh bạo, khiến cho mồ hôi đổ ra, hay khi người uống thuốc sổ và đi đại-tiện nhiều, máu người lại mất đi một phần nước của mình. Để cho sự thêm bớt nước này không làm biến-cải áp- lực và tổng-lượng của máu, cơ-thể người phải vậndụng nhiều cơ-cấu điều-chỉnh khối máu. Áp-lực của máu không phải tùy tổng-lượng tuyệt-đối của khối máu, mà tùy sự tương-quan giữa tổng-lượng khối máu với dunglượng của bộ máy tuần-hoàn. Những huyết-quản của bộ máy này vốn không phải là những ống cứng rắn, nó có thể biến-đổi khẩukính của mình. Nó giãn ra hay co lại tùy theo khối máu nhiều hay ít. Thêm nữa các mao-quản lại có tánh thông-thấu, nghĩa là có thể để cho chất nước trong máu và trong các tổ-chức thấm qua lại với nhau. Sau hết, nước trong máu có thể do thận, do các tuyến ngoài da, do ruột, do phổi mà bài tiết ra ngoài thân người. Khi máu tụ về phía hữu quả tim nhiều quá, tâm-nhĩ bên hữu phản-ứng lại làm cho tim đập mau hơn, đồng-thời huyết-thanh thấm qua các mao-quản để lọt vào các thớ thịt và các tổ-chức. Nhờ đó, bộ máy tuần-hoàn loại trừ phần nước dư trong khối máu đi. Trái lại, khi tổng-lượng và áp-lực của máu hạ xuống, các huyết-quản tự-nhiên co lại, đồngthời những chất nước trong các tổ-chức do các mao-quản mà thấm vào máu. Nhờ những tác-động này, và nhiều tác-động khác phứctạp hơn, tổng-lượng và áp-lực máu trong cơ-thể người gần như là luôn luôn ở vào một mực bất-biến. Sự kết-cấu của máu cũng hết sức ổn-định. Trong trạng-thái bìnhthường, số lượng của huyết-cầu, huyết tương, chất diêm, chất đản bạch tinh, chất mỡ và đường không thay đổi bao nhiêu. Các tổchức của người luôn luôn lưu trữ nước, diêm, mỡ, đản bạch tinh và đường để phòng khi thiếu thốn nên những biến cố bất ngờ thường không biến-đổi được bản-chất nội-giới của cơ-thể. Cương-lực của dưỡng-khí và thán-toan trong máu cũng luôn luôn bất-biến, nhờ nhiều tác-động khác nhau. Sự trao đổi dưỡng-khí cùng thán-toan giữa các tổ-chức và máu do những tính-chất hóahọc của hồng-huyết-tố, của đản-bạch-tinh và các chất trong huyếtthanh điều-chỉnh. Một sự diễn-tiến sinh-lý đặt dưới sự điều-khiển của những tế-bào thần-kinh qui-định số lượng dưỡng-khí và máu mang từ phổi đến các tổ-chức cho vừa đủ với sự cần dùng của cơ-thể. Ngoài ra, còn nhiều tác-động vừa có tính-cách lý-hóa vừa có tínhcách sinh-lý, giữ cho nội-giới không bị toan-hóa đi. Những chất toan do các tổ-chức tiết ra thấm vào các thể-dịch, nhờ các chất diêm trong huyết-thanh chế-ngự, nên không biến-đổi bản-chất của máu. Tuy thế, cơ-thể cũng bài-tiết bớt các chất toan thừa thãi của mình. Thán-toan do nơi phổi và những chất toan không phát huy do nơi thận mà bị bài-tiết ra ngoài. Tất cả những tác-động giữ cho nội-giới của người bất-biến đều do thần-kinh-hệ kiểm soát và điều-khiển.

B.- SỰ HÒA-HỢP CÁC CƠ-QUAN NỘI-TẠI.

Những cơ-quan nội-tại của con người đều nhờ sự liên-lạc của nộigiới và thần-kinh-hệ mà hòa-hợp với nhau để hoạt-động cho những mục-đích chung. Mỗi yếu-tố trong thân người dường như biết rõ những sự cần dùng hiện-tại và tương-lai của toàn cơ-thể và tự biếnđổi để trả lời cho sự cần dùng đó. Khi một quả thận của người bị cắt đi, quả còn lại tự-nhiên lớn thêm ra, mặc dầu một quả thận bình-thường đã đủ để giữ nhiệm-vụ bàitiết nước tiểu. Như thế, là để trong tương-lai, khi cơ-thể cần dùng một sự cố-gắng nhiều hơn của quả thận, cơ-quan này có đủ sức cung-cấp sức làm việc thêm ấy. Khi người bị xuất-huyết vá mất máu nhiều, các huyết-quản của người co lại và điều này làm tăng thêm tổng-lượng tương-đối của khối máu còn lại. Nhờ đó, áp lực của máu trong huyết-quản vẫn đủ cho máu tiếp-tục luân-lưu. Đồng-thời nước

trong các tổ-chức và trong các bắp thịt thấm qua các mao-quản để vào trong hệ-thống tuần-hoàn, người bị xuất huyết thấy khát dữ dội và nước anh ta uống vào làm cho huyết-thanh của anh ta lần lần đạt được tổnglượng cũ. Những huyết-cầu trừ-bị trong các cơ-quan được đổ vào máu. Các tủy xương thì lo chế-tạo những yếu-tố tế-bào để hoànthành lại việc bồi đắp khối huyết. Như vậy, trong cả thân người ta, ta nhận thấy có một loạt những hiện-tượng sinh-lý, lý-hóa và kếtcấu cùng hợp lại để giúp cơ-thể ứng-phó với sự xuất-huyết. Dưới con mắt nhà khảo-sát, những bộ-phận khác nhau của một cơquan cũng có vẻ hòa-hợp nhau lại để thực-hiện một mục-đích nhấtđịnh. Khi bộ não người tự kéo dài ra phía ngoài da thành một cái thần-kinh thị-giác và cái võng-mô, da chỗ ấy thành ra trong suốt. Nó tạo ra cái giác-mô và cái thủy-tinh-thể để hợp với võng-mô và thần-kinh thị-giác làm ra cơ-quan thị-giác của con người. Trước cái thủy-tinh-thể, cái màng của mống mắt lập thành cái cách-mô. Tùy theo sức chói của ánh sáng nhiều hay ít, cách-mô mở rộng ra hay thâu hẹp lại, và sức cảm-xúc của võng-mô tăng-gia hay giảm- thiểu đi. Hình thể của thủy-tinh-thể có thể biến-đổi để cho người nhìn xa hay nhìn gần tùy ý. Như vậy tất cả những bộ-phận trong con mắt người đều tương-quan nhau và tự-nhiên hòa-hợp nhau trong sự trông nhìn. C.- SỰ TU-BỔ TỔ-CHỨC. Khi người bị một vết thương vì đụng chạm, vì phỏng cháy, vì trúng tên đạn, thành ra da, thịt, huyết-quản và xương cốt một vùng trong thân-thể bị tổn-hại, cơ-thể người cấp-tốc ứng-phó với tình-thế mới. Nhiều tác-động rất khác xa nhau cùng hòa-hợp nhau lại để tu-bổ phần cơ-thể bị tổn-hại đó. Khi một huyết-quản bị cắt đứt, máu do huyết-quản đó mà chảy ra nhiều. Áp-lực của máu trong huyết-quản hạ xuống. Người bị nạn ngất đi. Máu tự-nhiên bớt chảy. Một cục máu cứng hiện ra trong vết thương, và nhiều sợi huyết bao bọc lấy miệng huyết-quản, thành ra máu bị cầm lại. Trong những ngày kế tiếp theo đó, những bạch huyết-cầu và những tế-bào của các tổ-chức len vào trong cái nút bằng sợi huyết và vá lại cái huyết-quản bị cắt đứt. Khi một chi-thể bị gãy, những đầu nhọn của các đốt xương vỡ thường xé các thớ thịt và các mao-quản. Vì đó, chung quanh các đầu nhọn này có một khối nhầu nát gồm có sợi huyết, mảnh xương và thớ thịt. Sự lưu-thông của máu ở đây liền trở nên linh-hoạt hơn. Chi-thể sưng tấy lên. Máu mang đến vùng bị thương-tổn những chất bổ-dưỡng cần-thiết cho sự tu-bổ các tổ-chức. Ở trung-tâmđiểm và ở những vùng bao quanh vết thương, các tổ-chức quây quần lại để vá những chỗ hư hỏng. Những tổ-chức này tùy theo sự cần dùng của vết thương mà biến-hóa không cùng. Một thớ thịt gần chỗ xương gãy có thể biến thành một mẩu sụn mềm, nối các đầu xương gãy. Mẩu sụn này lần lần thành ra xương thật. Như vậy trong một khoảng thời-gian sau ngày chi-thể bị gãy, một loạt nhiều hiện-tượng hóa-học, thần-kinh, tuần-hoàn và kết-cấu cùng phátxuất và liên-lạc nhau để tu-bổ những nơi bị thương-tổn và làm cho chi-thể lành mạnh trở lại. Trong sự vá lành những vết thương ngoài da, người ta cũng nhận thấy tính-cách biến-cải của cơ-thể. Khi da bị lột mà người ta che chở những thớ thịt bị phơi ra ngoài chống vi-trùng, chống khôngkhí, và mọi nguyên-do kích-thích một cách hoàn-toàn quá, sự lành lặn không còn cần-thiết cho cơ-thể và vết thương không lành được. Nhưng nếu người ta để cho vi-trùng hay mảnh vải băng làm cho vết thương bị kích-thích, nó lần lần lành lặn. Tổ-chức liên-kết mọc ra để lấp vết thương và làm cho miệng vết thương nhỏ lại. Trong khi đó, tổ-chức biểu-bì tạo ra lớp da non bao bọc vết thương. Những tác-động của các cơ-cấu để tu-bổ những vết thương luôn luôn hòa-hợp nhau để đạt mục-đích, nhưng trong trường-hợp một trong những hiện-tượng ấy vì một lý-do gì mà khiếm-khuyết hẳn đi, những hiện-tượng còn lại cũng vẫn tiếp-tục công việc làm của nó và tìm cách bù vào hiện-tượng khiếm-khuyết ấy.

D) SỰ TRỊ-LIỆU CÁC BỊNH-TẬT.

Khi các vi-trùng hay tinh-độc lọt được vào trong nội-giới của cơ thể, các quan-năng của người liền thay đổi tức khắc. Người bị bệnh, và tính-cách của căn bệnh người mắc phải tùy theo cách các tổ-chức người biến-cải để đối-phó với những bệnh-tố. Sự biến-cải của cơ-thể để đối-phó với các căn bệnh có hai trạngthái khác nhau. một mặt nó hướng đến chỗ ngăn cản các tác-nhân sinh bệnh, không cho chúng vào cơ-thể, hoặc diệt trừ nó nếu nó đã vào cơ-thể rồi. Một mặt khác nó tu bổ những vết thương do những tác-nhân sanh bệnh này gây ra trong thân-thể, và tiêu-hủy những độc tố do những loại vi-trùng hay chính các tổ-chức tiết ra. Hoặc nhờ sự trợ-lực của những huyết-thanh thích-hợp, những chất thuốc hóa-học, hay những cách điều-trị vật-lý, hoặc với sức riêng của mình, cơ-thể người chống với các vi-trùng xâm nhập. Trong khi đó, bạch-dịch và huyết-dịch của người chứa đầy những độc-tố của vi-trùng và những cặn bã của sự tiêu-hóa trong cơ-thể. Toàn thân người trải qua những sự biến-động lớn, và nhiều khi các cơ- quan bị thương-tổn rất nặng. Lúc ấy, các tế-bào phát-biểu ra những năng-lực đặc-biệt không hề xuất-hiện trong trạng thái cơ-thể bìnhthường. Nó cố-gắng làm cho nội-giới của người trở thành độc-hại cho vi-trùng, và đồng-thời kích-thích các cơ-quan hoạt-động. Bạch-huyết-cầu sinh thêm nhiều, tiết thêm nhiều chất mới. Nó biến-cải theo những điều-kiện bất ngờ của chứng bệnh do sự công-kích của các tác-nhân sanh bệnh, do sự suy yếu của các cơquan hay do sự tập-trung của vi-trùng trong một bộ phận gây ra. Ở những nơi hư thúi, nó hóa thành mủ chứa những chất đặc-biệt có thể tiêu-hóa các vi-trùng, và làm tan những tổ-chức tế-bào sống để dọn đường chạy ra phía ngoài da hay vào một cơ-quan trống rỗng có thể bài-tiết được các chất dơ ra ngoài. Trong những chứng bệnh do sự suy yếu của cơ-thể gây ra, quannăng biến-cải cũng đóng một vai tuồng quan-trọng. Khi một cái tuyến làm việc ít quá, những tuyến khác tăng-gia hoạt-động để bù vào. Khi cái van lấp vào lỗ thông giữa tâm-nhĩ và tâm-thất bên tả yếu đi và để cho máu chạy dội lại, quả tim to ra và sức mạnh nó tăng-gia. Nhờ đó nó có thể bơm-tống vào chủ-động-mạch một tổng-lượng máu đầy đủ như thường, và người bệnh có thể tiếp-tục sống thêm .

-

2.- SỰ BIẾN-CẢI NGOẠI-QUAN.

Sự biến-cải ngoại-quan là sự biến-cải giúp cho cơ-thể người ứngphó với thế-giới vật-chất và hoàn-cảnh xã-hội bên ngoài. Chính nhờ nó mà người ta có thể sinh-tồn được qua những điềukiện bất- thường của hoàn-cảnh

. A) SỰ BIẾN-CẢI ĐỂ ỨNG-PHÓ VỚI THẾ-GIỚI VẬTCHẤT.

Sự biến-cải ngoại-quan giúp cơ-thể người hòa-hợp tình-trạng nộigiới của mình với những sự biến-chuyển của hoàn-cảnh bên ngoài. Nhờ nhiều vận-động khác nhau, cơ-thể người giữ cho đời sống sinh-lý và tâm-lý của mình được ổn-định và thống-nhất. Mỗi khi hoàn-cảnh bên ngoài thay đổi, những quan-năng biến-cải đều có một cách đối-phó thích-hợp. Nhờ đó, con người có thể chịu được những sự biến-đổi của ngoại-giới. Không khí bao giờ cũng nóng hay lạnh hơn thân người. Tuy thế, những thể-dịch thấm nhuần các tổ-chức và máu chảy trong huyếtquản của người luôn luôn giữ một nhiệt-độ hầu như bất-biến. Nhiệt-độ người trong thân người thường tăng-gia lúc không khi bên ngoài nóng lên. Lúc ấy, sự tuần-hoàn trong phổi và sự vậnđộng hô-hấp trở nên nhanh hơn. Trong các phế-nang, số nước bốc thành hơi nhiều hơn lên. Do đó, nhiệt-độ của máu trong phổi hạ xuống. Đồng-thời, các huyết-quản dưới da giãn ra, máu dồn về mặt

ngoài thân-thể nhiều, và nhờ tiếp-xúc với không-khí bên ngoài mà mát bớt. Trong trường-hợp không-khí nóng quá, các tuyến mồ hôi tiết mồ hôi ra, và mồ hôi này, khi bốc thành hơi, làm cho nhiệtđộ của thân người hạ xuống. Lúc ấy thần-kinh-hệ được vận-dụng, khiến tim nhảy nhanh lên, căng các huyết-quản ra, làm cho người thấy khát và uống nước vào để thay số nước trong máu đã bốc thành hơi ở phổi và bị tiết ra thành mồ hôi. Trái lại, khi không-khí bên ngoài lạnh, các huyết-quản ngoài da co lại, da thành tái đi. Máu dồn về phía trong các cơ-quan nội-tại ; nơi đó, sự tuần-hoàn và các trao đổi hóa-hợp được tăng-gia để thêm sức nóng cho cơthể. Như vậy, thân-thể người chống chọi lại với thời tiết nóng lạnh bằng những biến-đổi thần-kinh, tuần-hoàn và dinh-dưỡng của toàn thân. Ngoài ra, cơ-thể cũng đối-phó lại những kích-thích của ngoại-giới một cách tinh-diệu. Ánh sáng chói lọi quá rất có hại cho cơ-thể. Do đó, cơ-thể có nhiều cơ-cấu chống lại sức chói quá mạnh của ánh sáng. Mí mắt và cách-mô của mống mắt che đậy mắt khi người gặp một ánh sáng chói lọi quá. Đồng-thời, sức cảm-xúc của võngmô cũng hạ xuống để cho người đỡ nhọc mắt. Sự giảm-thiểu tính mẫn-thụ là một phương-pháp mà cơ-thể dùng rất thường để đối-phó lại sự kích-thích quá mạnh của ngoại-giới. Khi người sống trong một bầu không-khí xú-uế, mũi người bớt thính đi, và trong một thời-gian, người không ngửi thấy mùi hôi ấy, mặc dầu nó vẫn còn như trước. Ngoài ra, người còn có thể quen với những tiếng động ầm ĩ nếu những tiếng động này tiếp-tục hay đều đặn thì thính giác cũng thích nghi theo các tiếng động này.

B)- SỰ BIẾN-CẢI ĐỂ ỨNG-PHÓ VỚI HOÀN-CẢNH XÃHỘI.

Đối với hoàn-cảnh xã-hội cũng như đối với thế-giới vật-chất, người phải biết biến-cải để ứng-phó lại. Những hoạt-động tâm-lý của người cũng như những tác-động sinhlý đều có xu-hướng biến-cải để giúp cho người dễ sinh-tồn. Nó luôn luôn tìm cách làm cho người hòa-hợp được với hoàn-cảnh. Nói một cách khái-quát, người không bao giờ tự-nhiên vô-cớ mà chiếm được địa-vị người ước muốn, trong đoàn-thể xã-hội chấp chứa người. Bản-năng sinh-tồn của người làm cho người muốn chiếm-hữu, hiểu biết, điều-khiển, hưởng-thụ. Nó làm cho người ưa thích tiền bạc, có tham-vọng, có tánh tò mò và có tình-dục. Nhưng người lại sống trong một hoàn-cảnh hửng hờ với người, nhiều khi lại cừu-địch với người. Người nào cũng tự-nhiên hiểu rằng mình phải tranh-đấu để chinh-phục những cái gì mình tựnhiên ước muốn. Do đó, ý-thức người cũng biến-cải để đối-phó với hoàn-cảnh xã-hội. Sự biến-cải này tùy theo thể-cách của cá-nhân mà khác nhau vô-cùng. Người có thể ứng-phó với xã-hội bằng cách chinh-phục nó, hoặc bằng cách trốn tránh nó. Nhưng như ta đã thấy, dầu sao, thái-độ tựnhiên nhất của người đối với xã-hội và đồng-loại, cũng là một biến cải trong sự tranh-đấu. Ý-thức người đối-phó với sự cay nghiệt của hoàn-cảnh xã-hội bằng cách cố gắng để chống chọi lại hoàn-cảnh ấy. Do đó, trí thôngminh của người nảy nở ra, người biết suy tính, mưu mẹo, biết dụng-tâm chú-ý, biết ham muốn học-tập, biết tận-lực làm lụng, biết cương-quyết chiếm-hữu và chế-ngự. Những điều này gây cho người cái sức mạnh tinh-thần cần-thiết để giúp người chiến-thắng. Dục-vọng chiếm-hữu của người tùy theo hoàn-cảnh mà có nhiều hình-thức khác nhau, nhưng bao giờ nó cũng đóng vai tuồng chủđộng trong những việc làm xuất-chúng. Chính nó đưa những nhà bác-học đi đến sự tìm tòi phát-minh khoa-học vĩ-đại, những nhà cách-mạng và chính-khách đi đến những công cuộc cải-tạo xã-hội mạnh mẽ, những nhà triết-học, văn-hào, đi đến những công-trình, tư-tưởng bất-hủ. Nhưng nó cũng đưa những kẻ đạo-tặc đến việc giết người cướp của, những kẻ gian-hùng đến những vụ lường gạt, những người tham-ô đến sự bóc lột dân-chúng. Nó thúc giục người xây dựng những bệnh- viện, những phòng thí-nghiệm, những trường đại-học, những miếu-đường. Nó xô đẩy người đến sự vinhquang và đến chỗ chết, đến sự anh-dũng

và đến tội ác. Người cũng có thể đối-phó với hoàn-cảnh xã-hội bằng sự trốn tránh. Một số người hèn kém không có can-đảm tranh-đấu đã hạ mình xuống một mực sinh-tồn không cần đến sự cạnh-tranh nữa. Đó là những kẻ cam-tâm sống cuộc đời nô-lệ, những người cùngđinh khép thân trong địa-vị ti-tiện của mình. Một số người khác, lấy ngay tâm-hồn mình làm nơi ẩn náu để trốn tránh hoàn-cảnh xã-hội. Đó là những người ẩn-sĩ, những nhà tuhành, những bậc triết-nhân khắc-kỷ. Nhờ một đời sống nội-tại cường-kiện, những người này nhiều khi nâng trí thông-minh mình và đức-hạnh của mình lên một mực rất cao và do đó, họ có thể ảnh-hưởng mạnh mẽ đến xã-hội. Ta có thể bảo rằng họ chinh-phục được xã-hội một phần nào. Tuy thế, họ không lăn lộn trong xã-hội, và thật-sự ra, họ không thuộc về ngoại-giới, vì đời sống nội-tại của họ đã chiếm hết sự hoạt-động của họ rồi. Ngoài ra, còn nhiều người khác tìm cách lãng quên hoàn-cảnh xãhội bằng cách làm việc không ngừng. Sự làm việc là phương-tiện có hiệu-lực nhất giúp người chịu đựng những điều-kiện bất lợi của hoàn-cảnh. Cũng có nhiều người sống trong sự mơ ước, trong sự hy-vọng về tiền-tài, sức khỏe, danh-vọng và hạnh-phúc. Những sự mơ ước, hy-vọng này hoặc giúp cho người trốn tránh hoàn-cảnh xã-hội, hoặc làm cho người hăng hái lên để hoạt-động mạnh hơn lên. Nó cũng là một yếu-tố rất mạnh mẽ để hòa-hợp tâm-hồn người với một hoàn-cảnh không thuận-tiện. Sau cùng, người cũng có thể hòa-hợp với hoàn-cảnh bằng thói quen. Sống trong cảnh khổ mãi rồi, người ta lần lần không còn thấy đau khổ nữa.

b) TÁNH-CÁCH CỦA NHỮNG QUAN-NĂNG BIẾN-CẢI VÀ ẢNH-HƯỞNG CỦA NÓ ĐẾN ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI.

Sự quan-sát đời sống con người chỉ cho ta thấy rằng, cơ-thể của người gặp bao nhiêu tình-thế mới, thì quan-năng biến-cải của người có bấy nhiêu hình-trạng. Quan-năng biến-cải này không phải là một biểu-lộ đặc-biệt của hệ-thống cơ-quan nào. Ta chỉ có thể xác định tính-cách nó bằng mục-đích nó đeo đuổi mà thôi. Phương-tiện của quan-năng biến-cải khác nhau vô-cùng, nhưng cứu-cánh nó chỉ có một: cứu-cánh đó là sự sinh-tồn của con người. Xét quan-năng biến-cải qua tất cả những biểu-lộ của nó, ta có thể cho rằng nó là một tác-nhân để ổn-định và tu-bổ các cơ-quan, để cải-đổi các cơ-quan bằng cách xử dụng cơ-quan ấy, để liên-lạc giữa các tổ-chức và các thể-dịch làm cho thân người thành ra một toàn-thể-kiên-cố giữa biến-chuyển của ngoại-giới, và để giúp cho người ứng-phó với mọi kích-thích của ngoại-giới. Quan-năng biến-cải của người không bao giờ hạn-định ở một bộphận hay một cơ-quan của người. Trong sự tác-động sinh-lý cũng như trong sự tác-động tâm-lý của mình, quan-năng biến-cải vậndụng toàn-thân người để đi đến cứu-cánh của nó. Khi cần chống chọi với sự rét chẳng hạn, nó huy-động hết bộ máy tuần-hoàn, hôhấp, tiêu-hóa, cân-nhục và thần-kinh. Lúc người giận dữ tất cả những hệ-thống cơ-quan đều biến-đổi cả : các thớ thịt đều co lại, những thần-kinh giao-cảm làm tăng áp-lực của huyết-quản cùng tiết-điệu của quả tim và khiến cho gan đưa ra một số đường glucote để cho bắp thịt dùng làm nhiên-liệu. Tất cả những yếu-tố trong cơ-thể người đều họp nhau lại hoạt-động cho ích-lợi chung của toàn cơ-thể, và đều có khả-năng biến-đổi để đối-phó với hoàn-cảnh, lại có thể dự-định những hoàn-cảnh có thể xảy ra trong tương-lai và chuẩn-bị để giải-quyết những vấn-đề do hoàn-cảnh tương-lai ấy đặt ra. Sự biến-cải có thể thay đổi hẳn cơ-thể và ý-thức con người. Vì thế, hoàn-cảnh có ảnh-hưởng rất lớn đến đời sống con người. Sự tácđộng lâu dài của hoàn-cảnh đối với con người từ lúc trẻ, có thể in những dấu vết không phai trên người ấy. Do đó, nhiều trạng-thái mới có thể xuất-hiện trong cơ-thể và ý-thức của cá-nhân, nhiều khi của cả chủng-loại nữa. Những tế-bào sinh-dục của người tự-nhiên cũng chịu ảnh-hưởng của hoàn-cảnh và làm cho những trạng-thái mới này lần lần mang tính-cách di-truyền.

Chính quan-năng biến-cải đã khiến cho loài người phân ra làm nhiều chủng-tộc khác nhau. Sự tiêu-thụ một món lương-thực bắt buộc người phải có một sự biến-cải nội-quan làm cho những chất hóa-hợp chứa đựng trong lương-thực ấy đồng-hóa với cơ-thể mình. Để đối-phó với những điều-kiện khí-hậu, cơ-thể người cũng phải nhờ một sự biến-cải ngoại-quan thích-hợp. Như ta đã thấy, những sự biến-cải này huy-động tất cả những hệ-thống cơ-quan của người, và nếu tác-động một cách thường-trực, nó có ảnh-hưởng đến ý-thức và thể-chất của người một cách sâu xa. Những giống dân trên mặt địa-cầu đã sống trong những điều-kiện dinh-dưỡng và khí-hậu khác nhau tự ngàn xưa đến giờ, tự-nhiên không thể giống nhau về thể-chất và tâm-lý. Sự phân-biệt những dân-tộc có những tánh-cách thể-chất và tâm-lý đặc-biệt vì đó mà thành ra một điều không thể tránh được. Ngay bên trong dân-tộc, những người sống ở những địa-phương khác nhau, có những thổ-sản và khí-hậu khác nhau, cũng có những thể-chất và tâm-tánh khác nhau. Trong thời-kỳ mà dân-chúng mỗi vùng chỉ sống với những thổ-sản của mình, người mỗi tỉnh đều có những đặc-điểm địa-phương rõ rệt. Bởi thế, ta có thể bảo rằng người nào cũng mang dấu hiệu của quê-hương mình trên thân-thể của mình, do ảnh hưởng thực phẩm và tính địa-phương . Nhiệm-vụ người trong xã-hội và hoàn-cảnh kinh-tế của người cũng ảnh-hưởng đến đời sống của người. Vì vậy, ngoài cái dấu-hiệu của quê-hương, người lại còn mang dấu hiệu của gia-đình, của nghềnghiệp mình nữa. Sau cùng, lối biến-cải riêng của mỗi người để ứng-phó với hoàncảnh chung lại còn làm nổi bật cá-tính của người thể hiện lên với, bao nhiêu người khác cùng cảnh-ngộ với mình.

c)- SỰ MỞ MANG QUAN-NĂNG BIẾN-CẢI CỦA NGƯỜI.

Những quan-năng biến-cải của người luôn luôn hướng đến mụcđích bảo-vệ đời sống của người và kéo dài sự sinh-tồn toàn diện của người đến mực tối-đa. Tuy thế, không phải là nó luôn luôn thành-công. Nó chỉ hoạt-động trong một phạm-vi nhất-định. Cơ-thể người chỉ có thể dung-nhận một số vi-trùng hạn-định và chỉ có thể chống lại sự công-phạt của các vi-trùng này đến một mực độ hạn-định. Trên số lượng đó và ngoài mực độ công-phạt đó, những quan-năng biến-cải của người không còn đủ sức chiến-thắng nữa. Trong sự chống chọi lại sự suy yếu, thời-tiết nóng lạnh, cũng như trong sự đối-phó với hoàn-cảnh xã-hội, quan-năng biến-cải cũng chỉ có hiệu-lực trong một phạm-vi nào đó mà thôi. Phạm-vi hiệu-lực của quan-năng biến-cải tùy theo mỗi người mà khác nhau. Tuy thế, cũng như quan-năng sinh-lý khác, quan-năng biến-cải có thể được tăng-cường nhờ sự thường vận-động và luôn luôn bị giảm sút nếu không được sử-dụng. Có những người to lớn vạm vỡ, nhưng bị bệnh-tật hủy hoại một cách nhanh chóng. Trong khi đó, nhiều người gầy yếu hơn lại có thể lành được, khi mắc phải những bịnh-tật ấy. Như thế là vì người to lớn vạm vỡ kia từ xưa không biết bệnh-tật là gì, và không quen tranh-đấu với các thứ vi-trùng nên quan-năng biến-cải rất bạcnhược, và khi gặp một giống vi-trùng độc-hại, nó không thể chống chọi được, còn cơ-thể người gầy yếu nọ từ trước đã được vận-dụng nhiều lần để chống chọi các tác-nhân gây bịnh nên có một quannăng biến-cải cường-kiện hơn, giúp nó đối-phó với giống vi-trùng này một cách thắng-lợi. Ngoài ra, người lại còn nhận thấy rằng, có nhiều chứng bệnh như bệnh đậu mùa, bệnh thương-hàn chẳng hạn, một khi người đã mắc phải và chữa lành rồi thì khó mà mắc phải một lần nữa. Tính miễn dịch này, sở-dĩ có được là vì cơ-thể người mắc bệnh đã chiếnthắng được giống vi-trùng của chứng bệnh ấy một lần rồi, thì có đủ điều-kiện để đối-phó với nó một cách dễ dàng khi gặp nó một lần nữa. Sự nhận xét về tính miễn-dịch đã đưa những nhà y-học tâyphương đến phương-pháp chủng-độc để ngừa bệnh. Một bắp thịt càng vận-động thì lại càng nở nang. Sự làm việc đã không làm cho nó hao mòn mà lại còn làm cho nó mạnh thêm. Trái lại, nếu không được sử-dụng, bắp thịt teo đi và

càng ngày càng yếu. Vì đó, những người làm việc chân tay nhiều bao giờ cũng khỏe hơn kẻ ăn không ngồi rồi. Những hệ-thống cơ-quan của người cũng như những bắp thịt : nó chỉ mạnh mẽ khi nó làm việc điều -hòa. Những cơ-quan ít hoạtđộng luôn luôn mất sức và yếu hẳn đi. Những giống người ở những địa-phương khí-hậu nghiêm-khắcvì phải vận-dụng hết các quan-năng của cơ-thể mình để ứng-phó với thời-tiết nên có một sức chịu đựng bền bĩ dẻo dai hơn những giống người ở những địa-phương khí-hậu hòa-hoãn. Những quan-năng tâm-lý của người cũng chịu chung một định-luật với những cơ-quan sinh-lý. Trí thông-minh, ý-chí và tinh-thần đạođức của người phải được vận-dụng thường xuyên thì mới được cường-kiện. Có hăng hái, siêng năng, khắc-kỷ, biết tự khép mình vào một qui-phạm gắt gao và mạnh dạn đương đầu với những cảnh-ngộ khó khăn, người mới mong đạt được những đích cao của lý-trí, tinh-thần và đạo-đức. Những người lười biếng, uể oải, trốn công việc, tránh nhiệm-vụ, luôn luôn là những kẻ bạc-nhược, hèn nhát, và chỉ chiếm những hạng sau cùng, trên bảng địa-vị trong giá-trị của tinh-thần. Những người từ trẻ đã bị vất ra đời, phải đương đầu với những khó khăn liên-tiếp thường bặt-thiệp, lanh lẹ, xốc vác hơn những người thuở bé được nuôi trong nhung lụa và lớn lên thì sống trong những hoàn-cảnh thuận-tiện dễ dàng. Trong lịch-sử thế-giới, chúng ta có thể lọc ra không biết bao nhiêu gương về sự suy-đồi của một gia-đình hay một chủng-tộc. Nhà vua khai-sáng một triều-đại thông-minh và anh-dũng bao nhiêu thì những nhà vua cuối cùng của giòng họ ông ta lại ngu dại và hèn nhát bấy nhiêu. Giữa những người kéo ngọn cờ tiền-phong trong sự khai-thác đất đai hay kinh-doanh, kỹ-nghệ và bọn công tử bột, con cháu họ, cũng có một sự cách-biệt to rộng tương-tự. Như thế, là vì những người khai-sáng cơ-nghiệp đã phải luôn luôn vật lộn với cảnh- ngộ khắc khe một cách cực nhọc và do đó mà phải luôn luôn huy-động hết quan-năng biến-cải của mình, làm cho những đức-tính của mình được phát-triển đến cực-độ. Nhưng con cháu của họ sinh trong cảnh giàu sang và lớn trong những điềukiện dễ dãi không hề biết đến sự tranh-đấu với những cảnh- ngộ khó khăn. Quan-năng biến-cải của chúng vì vậy mà suy giảm đi và những đức-tính di-truyền của ông cha chúng hao mòn lần trong sự sung sướng. Chúng trở nên ươn hèn, ủy-mị. Đến khi vì một biếncố gì mà những đặc-quyền do ông cha để lại không còn được duytrì nữa chúng phải nhận lấy phần thất-bại trong cuộc tranh-đấu sinh-tồn. Nhiều dân-tộc sau thời-kỳ hùng-cường phú-thịnh lại phải ôm hờn tủi bại-nhục trước một giống dân khác mà trước kia họ thần-phục mình. Nguyên-nhân sự biến-thiên này – mà nhiều người cho là hợp với lẽ tuần-hoàn quả báo của Tạo-hóa – chỉ là sự suygiảm của quan-năng biến-cải chung do sự trù-phú mà ra.

d)- QUAN-NĂNG BIẾN-CẢI CỦA NGƯỜI SO VỚI QUANNĂNG BIẾN-CÀI CỦA LOÀI THÚ.

Nói một cách khái-quát, quan-năng biến-cải của người cường-kiện hơn quan-năng biến-cải của loài khác. Riêng về mặt vật-chất, cơ-thể người đã phức-tạp hơn các loài khác nhiều. Thật ra, thì các loài khác cũng có nhiều khả-năng mà người không có. Đối với nhiều loài bọ, sự gãy mất một chi-thể không có ảnh-hưởng to tát đến châu-thân như người. Một vài loài có thể mọc ra chi-thể khác thay vào chi-thể bị gãy. Nhưng xét chung, cơ-thể người có một sức chịu đựng to lớn hơn : người là động-vật duynhứt có thể sống với mọi khí-hậu và mọi khung cảnh thiên-nhiên. Địa-bàn của người lan rộng khắp nơi trên địa-cầu, từ những đất đai mênh mông phủ đầy tuyết trên địa-cực, cho đến những sa-mạc ở xích-đạo, từ những đồng lầy nước mặn đến những rừng rậm âm-u, từ những bờ biển cả đến những đỉnh non cao, chỗ nào người cũng có thể sống được. Người cũng đã chống chọi nổi những thay đổi khí-hậu hay địa-hình đã xảy ra trên mặt địa-cầu. Nhiều loài thú tiền-sử to lớn hơn người rất nhiều nhưng đã bị loại trong những cuộc

biến-động ấy. Về mặt tinh-thần, trí thông-minh của người vượt hẳn trí khôn loài thú một trời một vực. Những đức-tính cá-nhân và xã-hội của người có thể xem như là một phương-tiện của quan-năng biến-cải, nhưng khi thực-hiện xong, nó lại tăng-cường thêm quan-năng biến-cải chung. Với trí thông-minh và ý-thức của mình, người lại có một ýniệm về sự sinh-tồn của mình, về những mục-đích của mình và những hoạt-động cần-thiết để đạt những mục-đích ấy. Đứng trước một công việc phải làm hay một tình-thế mới lạ hoặc khó khăn phải đối-phó, người biết suy nghĩ để tìm một đường lối thuận-tiện, một giải-pháp thích-hợp, một phương thế có hiệu-quả, người lại biết huy-động những đức-tính tinh-thần của mình và vận-dụng thểchất của mình để noi theo đường hướng ấy, đeo đuổi theo giảipháp ấy, làm theo phương-thế ấy đến cùng. Vậy, người đã làm chủ quan-năng biến-cải mình một phần nào, và điều này giúp cho quan-năng biến-cải ấy có hiệu-lực thêm lên. Chẳng những khiến cho những khả-năng sẵn có của người phát-triển mạnh lên, nó còn giúp cho người bổ-túc những khuyết-điểm của người. Không có được một bộ lông mao hay lông võ dày ấm để che đỡ mình khỏi lạnh, người đã biết lột da thú để mặc trước khi bện chỉ cây hay dệt vải, dệt hàng. Không có những móng nhọn cứng rắn như loài hùm beo, người đã biết dùng những khí giới bằng đá, bằng gỗ, bằng kim khí để tấn-công và tự-vệ. Thiếu năng-lực nghĩthái tự-nhiên của thú-vật người đã biết nghĩ ra trăm mưu ngàn kế để trá-hình, để cải-trang, để ẩn núp. Như thế, người có nhiều điềukiện tự-nhiên tranh-thắng hơn các loài vật khác và lần lần vượt lên trên tất cả để làm chúa địa-cầu.

V.- SỰ TIẾN-HÓA CỦA NGƯỜI.

A.- KHÁI-QUAN VỀ SỰ TIẾN-HÓA CỦA NGƯỜI.

Trong tất cả các loài sống trên mặt địa-cầu, người là loài cao hơn hết. Địa-vị ưu-tiên của người, như ta đã thấy, không phải được ban-bố cho người ngay từ lúc sự sống mới phát-hiện. Nó chỉ đạt được sau một cuộc tiến-hóa dài hằng triệu năm. Những cơ-cấu và phương-thức tiến-hóa của loài người từ buổi sơthủy của sự sống cho đến lúc người có hình người, những nhà khoa-học hiện-thời vẫn chưa biết được một cách tường-tận. Họ chỉ nêu ra những giả-thuyết làm nền tảng cho sự khảo-cứu, và điều duy-nhứt mà ai ai cũng công-nhận là sự tiến-hóa náy có thật. Về sự tiến-hóa của người từ khi đạt được hình-thức hiện-hữu, ta có thể nhận-thức được dễ dàng hơn. Từ địa-vị một động-vật trần trụi yếu đuối, người đã trở thành người, chủ-nhân ông của địa-cầu. Sức mạnh thể-chất của người thật ra không tăng-cường thêm, có lẽ người thời nay còn yếu kém người thuở trước là khác. Nhưng về mặt trí-tuệ, bước tiến của người có thể gọi là vô-cùng. Đứng về phương-diện kết-cấu sinh-lý và khả-năng tiềm-thế mà nói, có lẽ bộ óc của người thời xưa và bộ óc của người thời nay cũng chẳng khác nhau bao nhiêu. Con một nhà bác-học vào rừng từ nhỏ thì cũng thành người rừng. Tuy nhiên, về mặt trí-thức, người đã thâu góp được những kho tàng vô giá. Nhứt là trong mấy thế-kỷ sau này, tinh-thần khoa-học mở mang, các tri-thức ấy chẳng những được chính-xác hơn, chắc chắn hơn, mà lại còn được sắp đặt thành một hệ-thống hợp-lý hơn và được trình-bày một cách dễ hiểu hơn. Người đã hiểu-biết vũ-trụ một cách rõ ràng, đúng đắn hơn. Những dụng-cụ, máy móc, những kỹ-thuật làm việc do những tri-thức đó mà ra và tăng-cường sức mạnh của người vạn- bội. Song song với sự mở mang trí-tuệ, đạo-đức của con người cũng có phần tăng-tiến hơn. Những ý-niệm về nhân-đạo, về sự công-bình, về đạo-đức, bắt nguồn từ những bản-năng xã-hội của con người, lần lần mạnh mẽ lên. Những ý-niệm về danh-dự, về bổn-phận, về trách-nhiệm, về lòng tương-thân tương-ái, cũng nảy mầm và không ngớt phát-triển.. Những sở-kiến của người về các vấn-đề ấy thật ra khác nhau vô-cùng theo thời-đại và theo địa-phương, nhưng ta không có thể chối cãi được rằng, bên trên, luôn luôn vẫn có một nguyên-tắc bất-di bất-dịch làm lý-tưởng cho người. Kết-

quả sự tiến-hóa của người biểu-hiệu một cách rõ rệt trong sự tranh-đấu giữa người với thiên-nhiên và cầm thú. Người thời nay chẳng những không còn sợ hãi những lực-lượng thiên-nhiên tháiquá như người thời trước, mà còn chế-ngự được một số những lựclượng ấy, bắt nó cung-phụng mình. Trong sự trị bịnh, ngừa bịnh, trong sự xây dựng những nơi trú-ẩn, trong sự lưu-thông cũng như trong sự bắt buộc thiên-nhiên cung-cấp những vật-liệu cho mình, người đã nắm phần thắng-lợi một cách dễ dàng hơn trước nhiều. Những loài ác-thú độc-trùng nếu không bị người tiêu-diệt cũng phải sống ở chốn rừng rậm non cao và không còn là một mối nguy cho loài người nữa. Người đã chứng tỏ sự thắng-thế hoàn-toàn của mình ở chỗ chủ-trương bảo-vệ loài thú, giữ cho chúng không bị tuyệt-chủng. Nhờ sự thắng-thế của mình trên thiên-nhiên và cầm thú, đời sống của người đã được nâng lên một mực rất cao. Người càng ngày càng sống đầy đủ, sung sướng và an-ninh hơn. Một người trunglưu ở một xã-hội văn-minh hiện-đại được hưởng nhiều tiện-nghi hơn một nhà vua thời trung cổ. Về mặt tinh-thần, tri-thức của người mở rộng rất nhiều. Những hoạt-động văn-hóa của người không phải dành riêng cho một thiểu-số nữa mà lần lần có tính-cách phụng-sự đại-chúng. Về mặt này, một người tầm-thường trong xã-hội tân-tiến cũng hơn những người thượng-lưu của xã-hội ngày xưa . Sự cư-xử giữa người với nhau mất dần tính-cách man-dã để trở thành nhân-đạo hơn. Việc ăn thịt người cũng như nhiều thủ-tục vônhân-đạo bị trừ-diệt ở những xã-hội văn-minh. Nhiều chế-độ đã được dựng lên để nhân-đạo-hóa chiến-tranh. Tuy không thànhcông một cách hoàn-toàn, những chế-độ ấy cũng giúp cho người thuần-lương bớt. Như thế, nói một cách khái-quát, loài người đã có tiến-hóa về cả hai mặt vật-chất lẫn tinh-thần. Tuy nhiên, so sánh xã-hội văn-minh và xã-hội man-dã, người ta có thể thấy nhiều điểm bất-thuận-lợi cho xã-hội văn-minh. Truyền thuyết Trung-Hoa về đời Nghiêu Thuấn, thần-thoại của những triết-gia Âu- châu sống vào thế-kỷ 17 và 18 về những con người dã-man bẩm sanh tốt, không phải hẳn là vô-căn-cứ. Chủ-trương rằng về phương-diện đạo-đức, người hiện giờ thoái-bộ hơn người xưa thật ra không đúng, nhưng ta phải công-nhận rằng sự mở mang của trí-tuệ và ý-thức người đã có hại đến sự cư-xử giữa người với người bên trong một đoàn-thể với nhau. Người cổ-sơ sống một cách vô ý-thức và không suy nghĩ gì nhiều về những cứu-cánh của hành-động mình. Họ lại sống chung lộn nhau nhiều hơn người văn-minh. Sự uy-hiếp mạnh mẽ của các nguy-cơ bên ngoài đưa đến làm cho họ luôn luôn sát cánh nhau để tranh-đấu chung. Họ không có thì giờ cũng không có cơ-hội để sống một đời sống riêng rẽ. Cá-tính họ không có tính-cách rõ rệt mạnh mẽ như người văn-minh. Trong sự tự-vệ cũng như trong sự mưu-sinh, họ phải khép mình vào đoàn-thể một cách chặt chẽ. Những điều này gây ra một bầu không-khí thuận-tiện cho sự pháttriển của các bản-năng xã-hội. Người giúp đỡ nhau, binh vực nhau, chiến-đấu và hy-sinh cho quyền-lợi chung một cách rất tự-nhiên. Sự xung-đột giữa cá-nhơn và cá-nhân bên trong những đoàn-thể cổ-sơ ấy tất-nhiên không thể tránh được. Nhưng vì sự chi-phối của hoàn-cảnh, và vì người chưa đủ khôn ngoan để nghĩ ra những mưu-kế thâm-hiểm, nó thường được giải-quyết một cách thẳng thắn hơn. Nói một cách khái-quát thì sự tranh-đấu hướng về bên ngoài đoànthể nhiều hơn và người bên trong đoàn-thể cố-kết nhau một cách chặt chẽ. Nếu có nhóm người nào trái với những thể-thức trên này, nó cũng bị đào-thải vì không cạnh-tranh lại những đoàn-thể khác. Tinh-thần phục-vụ đoàn-thể trên đây, không phải chỉ xuất-hiện ở những con người cổ-sơ. Ta còn có thể nhận thấy nó ở các xã-hội văn-minh hơn, ở những nhóm người bị bạc-đãi, bị uy-hiếp, như những kẻ thuộc giới giang-hồ hoặc thuộc làng dao búa. Những nhà văn nhiều mơ mộng rất cảm-động khi nhận thấy sự thương mến và giúp đỡ nhau giữa những hạng người ấy mà họ cho là hơn hẳn những con người giả dối của giai-cấp trưởng-giả. Kỳ thật, tinhthần đoàn-thể của những người dã-man cũng như những kẻ xấu số trong xã-hội văn-minh không phải là kết-quả của đạo-đức hay của ý-thức, nó chỉ là kết-quả của đời sống tập-thể giữa những sự uyhiếp to tát của ngoại-giới. Những người

văn-minh bình-thường có nhiều nhu-cầu hơn người cổ-sơ. Trí óc họ lại mở mang hơn nên họ biết lo xa hơn. Do đó, ý muốn tư-hữu của họ phát-triển rất mạnh và họ trở thành tham-lam, ích- kỷ hơn người cổ-sơ. Vì thế, đời sống văn-minh của người tương đối an-ổn hơn. Những cơ-hội làm cho họ chen vai sát cánh nhau trở thành thưa thớt, và họ có nhiều điều-kiện để sống một cuộc đời riêng biệt. Điều này thêm vào sự phân-công, sự giáo-dục, làm cho cá-tính họ rất mở mang. Thêm nữa, người có ít nhiều ýthức về hành-động của mình và biết suy nghĩ, tính-toán trước khi hành-động. Sự suy nghĩ tính-toán đó thường được thực-hiện khi con người sống riêng rẽ, lúc các bản-năng xã-hội không có điềukiện tác-động một cách mạnh mẽ, và tất-nhiên có tính-cách phụngsự cá-nhân nhiều hơn. Một điều ai cũng có thể nhận thấy là những người trí-thức, những giống dân có một nền văn-hóa lâu đời, vì hướng đến chỗ tính-toán cho quyền-lợi riêng của mình rất nhiều, họ hóa ra vừa tham lam vừa hèn nhát. Những điều trên này đã làm cho các bản-năng xã-hội của những người văn-minh nhiều khi suy-nhược đi, không đủ sức chế-ngự những bản-năng vị-kỷ hoàn-toàn của người. Do đó, người vănminh chẳng những tranh-đấu với các dân-tộc khác mà còn xâu xé nhau một cách mãnh-liệt ngay trong đoàn-thể mình. Kết-quả là người phân chia nhau thành giai-cấp, và bóc lột nhau một cách tànnhẫn. Với sự mở mang của trí thông-minh, người biết nghĩ ra những mưu-kế thâm-hiểm để triệt-hạ nhau, đề hành-hạ nhau, để gạt gẫm, lừa dối nhau. Chính những hành-động này làm cho một số triết-gia bất-bình và có cảm-giác rằng người văn-minh tàn-ác và thoái-hóa hơn người sơ-khai . Ngoài ra, những người bình-thường vì sự mở mang của trí tuệ và ý-thức mà ích kỷ thái-quá, ta còn có thể gặp một số người khác không khép mình vào xã-hội được. Những người này có những bản-năng vị-kỷ quá mạnh không sao có thể chế-ngự nó để sống một cuộc đời bình-thường của một công-dân tuân pháp-luật. Họ luôn luôn sống bên lề xã-hội. Dầu xã-hội có tốt đẹp, có an-ổn, họ cũng tìm cớ mà chống chọi lại nó. Họ là đám người lúc nào cũng tự xem là bất-đắc-chí và có ý muốn chọc trời khuấy nước với riêng mục-đích thỏa-mãn tính dọc ngang của họ. Họ là những tướng lục-lâm thảo khấu kiểu Trung- Hoa, những tướng cướp điệu nghệ kiểu Hoa-Kỳ, những tay buôn lậu quốc-tế. Họ là những chiến-sĩ tình-nguyện của giới đầu trộm đuôi cướp, mà cũng là chiến-sĩ tình-nguyện của những cuộc cách-mạng, những cuộc bạo-động. Sự hỗn-loạn mới là tình-thế thích-hợp cho họ. Trong sự hỗn-loạn này, họ giong ruỗi một cách thích-thú. Nếu sự tình cờ xui họ ở vào một hàng-ngũ chân-chánh, hay một tổ-chức thắng-lợi, họ có thể trở thành những bậc anh-hùng. Nhưng khi xã-hội ổn-định lại, họ trở về bản-chất cũ, trừ trường-hợp họ được tôn vinh lên một địa-vị cao quí, nhưng họ thường hóa ra những kẻ phá rối trật-tự. Bù lại, ở những xã-hội văn-minh, ta cũng có thể gặp những kẻ nhờ một bản-năng xã-hội mạnh mẽ mà có mợt tinh-thần phụng-sự đoàn-thể hết sức cao quí. Họ rất sung sường mà được hy-sinh cho đoàn-thể, và nhiều khi sự thành-công trong vinh-quang không làm cho họ thích bằng sự chết một cách thảm-khốc cực-nhục cho công cuộc đại-nghĩa. Những hạng người không thể khép mình vào xã-hội cũng như hạng người có bản-năng xã-hội hết sức mở mang thật ra không có bao nhiêu, và đại-đa-số quần-chúng các nước là đám người bìnhthường có những đức-tính tốt, nhưng cũng có tính xấu. Nói một cách khái-quát thì những hạng người này thuần-lương hơn người cổ-sơ vá ý-niệm đạo-đức của họ mở mang hơn. Nhưng vì các bảnnăng xã-hội không chi-phối họ được một cách thường-trực và mạnh mẽ nên sự hành-động của họ nhắm vào mục-đích phụng-sự cá-nhân của họ nhiều hơn vào mục-đích phụng-sự xã-hội, và do đó mà có một tính-cách vị-kỷ hẹp hòi. Điều này làm cho sự hợp-quần trong đoàn-thể bị thương-tổn khá nhiều. Những nhà đạo-đức đã hết sức cố-gắng chống chọi lại sự vị-kỷ đó, nhưng họ không khi nào thành-công được một các mỹ-mãn, nhất là đối với những con người đã có ý-thức về sự sinh-tồn cá-nhân của mình. Muốn cho hành-động của mọi người nhắm vào mục-đích phụng-sự xã-hội nhiều hơn lo cho cá-nhân của người, ta phải hủy-diệt cá-

tính người. Điều này chỉ có thể thực-hiện được khi ta chận đứng sự suy tưởng của người bằng sự khủng-bố, bằng sự nhồi sọ, bằng cách tổchức cho người sống thành bầy như thời cổ-sơ. Đó là những phương-pháp mà đảng Cộng-sản Đệ Tam Quốc-tế áp-dụng những nơi họ chiếm-cứ. Kết quả của chính-sách trên này là tổ-chức xã-hội được chặt chẽ và phần lớn sự hoạt-động của người qui về việc phụng-sự đoàn-thể. Nhưng làm như thế, người ta tất-nhiên phải bị khinh rẻ giá-trị con người. Tánh-mạng người bị xem như cỏ rác, nhân-cách người bị chà đạp, trí-tuệ người bị khép vào bốn bức tường đen tối, đạo-đức người bị suy-đồi. Người quả có phụng-sự xã-hội, nhưng với tưcách là con trâu, con ngựa, không phải với tư-cách con người. Và chung-qui, chỉ có một thiểu-số được hưởng những mối lợi mà sự nô-lệ hóa nhân-loại đưa đến cho xã-hội. Trong trường-hợp đó, đại-đa-số nhân-loại tuy không còn vị-kỷ một cách hẹp hòi, nhưng cũng không phải tiến-bộ mà là thoái-bộ một bước rất dài. Như Pascal đã nói, người không phải là thiên-thần, nhưng cũng không phải là ác-thú, và cái khổ cho nhân-loại là chính những kẻ muốn làm thiên-thần lại hóa ra làm ác-thú. Người cộng-sản đã nêu ra một lý-tưởng cao quí : họ muốn cho người hoàn-toàn tốt như thiên-thần. Nhưng muốn đi đến mục-đích, họ phải kềm chế người thái-quá, và cuối cùng chẳng những không thành-công được, họ lại còn hạ con người xuống hàng súc-vật. Thiết tưởng, những ai có chút lương-tri đều không thể chấp-nhận giải-pháp cộng-sản nếu họ biết rõ sự thật về giải-pháp ấy. Nhưng, nói như thế không phải là ta không thể sửa chữa những khuyết-điểm của xã-hội. Ta đã nhận thấy rằng sự vị-kỷ là tính-cách căn-bản của sự sinh-tồn và không sao hủy-diệt được. Một mặt khác, với sự mở mang của trí tuệ và ý-thức của người, cá-tính của người đã phát-triển đến một mực rất cao, và người ta không thể tiêu-trừ nó mà không phạm đến giá-trị con người. Nhưng với một sự giáo-dục thích-hợp, với một tổ-chức khéo léo, ta có thể làm cho người hiểu rằng quyền-lợi cá-nhân của người có dính dáng mậtthiết đến quyền-lợi chung của xã-hội. Do đó, bảo-vệ quyền-lợi xãhội là bảo-vệ quyền-lợi sâu xa của chính mình. Sự vị-kỷ thái-quá của người nhất-định đưa xã-hội đến chỗ suy-vi hay hỗn-loạn, và điều này tự-nhiên có hại cho quyền-lợi cá-nhân của người. Lịch-sử hưng vong của các dân-tộc tự cổ chí kim và từ đông sang tây là những gương sáng đủ để giác-ngộ con người. Thật-sự thì những nền luân-lý đều không ít thì nhiều, dạy người nên hiểu quyền-lợi một cách sáng suốt. « Điều mình không muốn, đừng làm cho kẻ khác », « Điều mình muốn, hãy làm cho kẻ khác ». Đó là những huấn-thị nhắc người nên nghĩ đến quyền-lợi người khác, để bù lại, người khác nghĩ đến quyền-lợi của chính mình. Chủ-trương nhân nghĩa của Mạnh tử nếu hiểu một cách đúng đắn thì cũng có một tính-cách tương tự. Cuộc đàm thoại giữa ông Á-Thánh đạo Nho với Lương Huệ-vương đã chỉ rõ căn bản ý của Mạnh tử về vấn-đề này. Khi Mạnh tử đến yết kiến Lương HuệVương, nhà vua hỏi ông đem cái lợi gì đến cho nước mình, Mạnh Tử giảng ngay cho nhà vua biết rằng, nếu nhà vua nghĩ đến cái lợi của nước mình, các quan to sẽ nghĩ đến cái lợi của nhà họ, dânchúng sẽ nghĩ đến cái lợi của thân họ, trên dưới tranh mối lợi với nhau thì nước phải nguy-khốn và nhà vua tất-nhiên phải thiệt-hại nhiều. Trái lại, nếu mọi người đều nghĩ đến việc nhân-nghĩa thì nước được phồn-thịnh an-ổn, và quyền-lợi mọi người đều được bảo-vệ. Vậy, thật-sự cái nhân-nghĩa của thầy Mạnh tử không có chi khác hơn là quyền-lợi hiểu một cách sáng suốt sâu xa. Ở những xã-hội văn-minh ngày trước, sự giáo-dục chưa phổ-thông, và những nhà đạo-đức hướng-dẫn tinh-thần nhân-loại, không dám nhấn mạnh đến vấn-đề quyền-lợi, e rằng thị-dục người bànhtrướng thái-quá, làm hại cho xã-hội. Do đó, thật-sự, đại-chúng không có một ý-thức rõ ràng về đời sống xã-hội và vẫn nghĩ đến những quyền-lợi cá-nhân, trong thiển-cận một cách mù quáng. Một số người có học thấy chủ-trương nhân-nghĩa có vẻ vu-khoát quá cũng không theo nó, và sự điều-hòa của xã-hội dựa vào một thiểu-số ưu-tú. Thiểu-số này còn đủ sức để nắm lấy cương-thường thì hưng-thịnh, nó mà yếu sức đi thì xã-hội lại hỗn-loạn suy-vi. Với một sự giáo-dục phổ-thông, dám nói đến vấn-đề

quyền-lợi và chỉ rõ sự chính-đáng của quyền- lợi hiểu một cách sáng suốt, người có thể vừa giữ cá-tính mình và đồng-thời mở rộng sự vị-kỷ của mình ra đến phạm-vi xã-hội. Họ sẽ phụng-sự một cách có ý-thức để được hưởng lợi trong đó. Những khuyết-điểm của xã-hội vănminh có thể nhờ đó mà cải cách được. Như vậy, người vẫn có thể tiến-hóa được về phương-diện tinhthần. Sự tiến-hóa này không phải thực-hiện một cách vô-ý-thức như người còn man-dã, mà dựa vào ý-thức trí-tuệ nhiều hơn.

B.- NGUYÊN-NHÂN LÀM CHO NGƯỜI TIẾN-HÓA.

Động-lực căn-bản của sự tiến-hóa là ý-chí sinh-tồn của người, nó làm cho người cố-gắng tranh-đấu để duy-trì và khuyếch-trương sự sống của mình. Trong sự cố-gắng tranh-đấu này, người đã nhờ một yếu-tố rất mạnh giúp đỡ mình : đó là quan-năng biến-cải. Trong thời-kỳ tiền-sử, quan-năng biến-cải tự-nhiên đã giúp cho những động-vật thủy-tổ của người thay đổi hình-thể và tính-cách cho thích-nghi với hoàn-cảnh và vượt qua những nguy-cơ uy-hiếp mình. Kết-quả của những sự biến-cải liên-tiếp nhau trong hàng triệu năm, đó là cơ-thể người dưới hình-thức hiện-tại, và những khả-năng tiềm-thế về sinh-lý và tâm-lý, phong phú vô-cùng. Sau khi đạt được hình-thể hiện-tại, quan-năng biến-cải tự-nhiên của người vẫn tiếp-tục giúp người trong sự ứng-phó với hoàn-cảnh. Quan-năng biến-cải này là kết-quả của cơ-cấu thể-chất con người, với tất cả những kinh-nghiệm của đời sống quá-khứ ghi lại trong các vi-nhân của tế-bào. Nó có một tính-cách cá-nhân rõ rệt. Tuy-nhiên, khi người hợp nhau lại sống thành xã-hội, sự biến-cải đã xoay qua một chiều hướng khác. Sự hợp-quần đã tự nó gây thêm sức mạnh cho người. Nó giúp người đương đầu lại các giống khác một cách có hiệu-lực hơn. Nhờ nó, sự sản-xuất vật phẩm được tăng-gia rất nhiều, đời sống vật-chất của người do đó mà được đầy đủ hơn, và người được rảnh rang hơn. Một mặt khác, sự hợp-quần làm cho người sống chung với nhau và tạo những điều-kiện để người được mở mang những quan-năng tinh-thần của mình. Một trong những biểu-lộ bản-năng xã-hội là tính hay bắt chước. Tính này làm gốc cho sự giáo-dục của người. Theo quan-niệm của nhiều người, nói đến giáo-dục là nói đến cả một vấn-đề chương-trình, phương-pháp và tổ-chức để dạy dỗ người. Đối với những người này, sự giáo-dục chỉ có thể xuất-hiện ở những xã-hội văn-minh, khi người đã có thì giờ rảnh rang để nghĩ đến những vấn-đề cao-thượng chớ không phải chỉ chăm chăm chú chú vào việc mưu-sinh. Nhưng nếu xét bản-chất sự giáo-dục, ta sẽ thấy ngay rằng nó không có gì khác hơn là sự truyền dạy những tri-thức, kinhnghiệm, những biến-cải đã từng đem thắng-lợi lại cho người khác. Hiểu như thế, sự giáo-dục là sự kiện căn-bản của đời sống con người. Nó không phải xuất-hiện khi người có ý-thức, mà đã có ngay khi người chưa có ý-thức rõ rệt về sự sống của mình. Trong thời-kỳ cổ-sơ, sự giáo-dục qui về sự bắt chước. Đó là cái khả-năng mà cũng là cái nhu-cầu khiến cho trẻ con làm y theo người lớn. Trong những xã-hội mộc mạc ngày xưa, đứa bé vừa đủ sức thì đã được lôi kéo vào đời sống của người lớn. Trai thì theo cha, gái thì theo mẹ, chúng tham-dự vào những công việc hằng ngày : đi săn bắn, đi chài lưới, đi chăn nuôi, làm công việc nhà hay đi gặt hái. Cuộc sống và sự hoạt-động là trường học của chúng. Đó là một sự giáo-dục tự-nhiên bắt đầu bằng những trò chơi của trẻ con bắt chước người lớn và tiếp-tục với những công-tác của kẻ thành-niên. Sự tham-dự đời sống chung bên cạnh người lớn trong tất cả những hoạt-động làm cho đứa trẻ lần lần am-hiểu, quen thuộc những ý-tưởng, phong-tục, cách cư-xử của xã-hội mà nó sống. Những điều nên làm, những điều phải tránh, những cử-chỉ hành-động cần-thiết ăn sâu vào đầu óc đứa trẻ nhờ sự thực-hành. Lẽ cố-nhiên là cá-tính người chưa nảy nở được trong thời-kỳ này và sự giáo-dục chỉ có mục-đích làm cho các cá-nhân giống nhau và

sống hòa hợp nhau được trong đoàn-thể. Một số bộ-lạc, khi đã tiến đến một trình-độ văn-hóa cao hơn, thì bày ra tục-lệ đánh dấu thời-kỳ trưởng-thành của trẻ con. Lúc đứa trẻ đến tuổi thành-niên, người ta tổ-chức những cuộc lễ nhìn nhận nó đã nên người. Trong những cuộc lễ này, những người trai thanh-niên có thể trải qua những cuộc thử-thách vừa có tính-cách thực tiễn vừa có tính-cách thần-bí, cốt để gây một ấn-tượng mạnh mẽ trong đầu óc chúng và làm cho chúng thấy rõ sự thành-công của chúng. Sự giáo-dục trong thời-kỳ xa xôi này có cái lợi rất là thực-tiễn và làm cho con người được luyện-tập từ nhỏ để giống y như người khác. Điều này làm cho tính-cách đồng-nhất của nhân-viên trong đoàn-thể được bảo-vệ một cách chắc chắn, và người tự-nhiên khép mình vào đoàn-thể không cần phải cố-gắng. Tuy thế, nó không tăng-cường được cá-tính người phải khép người vào bên trong một vòng xã-hội nhỏ hẹp không thông với đoàn-thể khác. Sau nhiều thế-kỷ cố gắng và mò mẫm, nền văn-minh đột nhiên xuất-hiện ở lưu-vực sông Nil, hai con sông Euphrate và Tigre, Ánhà (Indus) và Hoàng-hà. Với những nền văn-minh này, ta mới thấy phát-hiện những phương-pháp giáo-dục đặc-biệt. Những chế-độ giáo-dục của các xã-hội nầy có nhiều điểm khác nhau, nhưng cũng có chỗ chung nhau. Nói một cách khái-quát thì với những nền văn-minh nầy, bắt đầu có sự phân-biệt giữa quần-chúng và hạng ưu-tú. Quần-chúng thường vẫn được giáo-dục về những tri-thức cần-thiết cho đời sống hàng ngày và cho sự làm việc để mưu-sinh. Sự giáo-dục này phần lớn có tính-cách tự-nhiên như sự giáo-dục cổ-sơ và chỉ thi-hành trong phạm-vi gia-đình hay phường nghề-nghiệp. Những người ưu-tú tự-nhiên được giáo-dục một cách kỹ càng hơn và được hấpthụ những tri-thức cao-đẳng, tinh-túy của văn-minh. Sự tổ-chức giáo-dục của những xã-hội văn-minh nầy không làm cho mọi người hướng đến chỗ giống nhau hoàn-toàn nữa, cá-tính đã bắt đầu nảy nở và sự đồng-nhất của xã-hội không còn duy-trì được. Tuy nhiên, cứu-cánh của giáo-dục bao giờ cũng là bảo-vệ xã-hội và giữ cho xã-hội an-ổn vững vàng. Do đó, tinh-thần của nền giáo-dục luôn luôn phù-hợp với các chế-độ xã-hội. Những dân-tộc theo chế-độ phân chia giai-cấp như Ấn-độ và Aicập thì dành những tri-thức cao đẳng cho nhân-viên của giai-cấp trên, người của giai-cấp hạ tiện không được phép học hỏi. Những nhân-viên các giai-cấp trung gian chỉ được hấp-thụ một sự giáo-dục sơ-đẳng : họ chỉ được học đọc, học viết, học các phép toán và một ít kiến-thức thông-thường. Những dân-tộc hướng đến một chế-độ bình-đẳng hơn như dân-tộc Trung-Hoa và một số dân-tộc Viễn Đông bị ảnh-hưởng Trung-Hoa thì cho mọi người được học-tập. Thật-sự, số người đi học đến nơi đến chốn không có được bao nhiêu, và sự giáo-dục không có tínhcách phổ-thông. Nhưng dầu sao, nhờ chỗ mọi người đều có quyền đi học, nền văn-hóa của những dân-tộc nầy có những gốc rễ sâu xa trong đại-chúng chớ không qui-tập về một thiểu-số như ở các dântộc theo chế-độ phân chia giai-cấp. Ở nước Ba-tư thời cổ, sự giáo-dục là độc quyền của chánh-phủ. Ở Ai-cập và Ấn-độ, độc quyền này thuộc về giai-cấp giáo-sĩ, còn ở Trung-Hoa, ngày xưa sự giáo-dục được tự-do : mỗi người đều có thể mở trường dạy học-trò, miễn là ông thầy không đưa ra những chủ-trương trái với luật-pháp đương-hành. Chương-trình giáo-dục cao-đẳng rất khác nhau tùy theo tâm-tính và lý-tưởng mỗi dân-tộc. Người Ba-tư xây dựng và duy-trì đế-quốc họ bằng võ-lực nên nhắm mục-đích đào-luyện chiến-sĩ. Họ dạy các thanh-niên về võ-thuật, về các tri-thức quân sự và cố mở mang tinh-thần thượng-võ cùng các đức-tính cần-thiết cho sự chiến-đấu. Người Ấn-độ có óc thần-bí, nên hướng các khoa-học siêu-hình : triết-học, thần-học. Người Ai Cập ngoài sự giáo-dục về thần-học, lại còn đào-luyện những kỹ-thuật-gia và do đó mà hướng về khoahọc. Người Trung-Hoa có tinh-thần thực-tiễn hơn hết và nhắm vào cứu-cánh đào-luyện những công-dân : trong chương-trình giáo-dục cho dân của của họ, phần quan-trọng nhất là phần dạy người biết nhiệm-vụ họ đối với vua , với nước. Trong tất cả những xã-hội trên này, tôn-giáo đóng một vai tuồng quan-trọng. Nó là yếu-tố thống-nhất các tư-tưởng của người và mỗi người đều phải có những tri-thức căn-bản về

quan-niệm Thượng-Đế được lưu-hành. Một mặt khác, sự giáo-dục thời đó dựa vào nguyên tắc tôn-trọng tư-tưởng các thánh-nhân và kinh-điển trước hết. Vì lẽ sách vở chưa được phổ-thông, mà những ý-niệm của thánh hiền lại được xem là những luận-cứ vững chắc nhất trong cuộc tranh-luận, nên những học-sinh phải học thuộc lòng tất cả những kinh sách điển cố. Điều này làm cho ký-ức rất mực mở mang, trong khi óc phán-đoán phê-bình bị kềm-thúc nên không phát-triển được. Sau những nền văn-minh cổ trên này, trên thế-giới lại thấy pháthiện nhiều nền văn-minh khác, trong đó quan-trọng nhất là hai nền văn-minh Hy-lạp và La Mã. Những nền văn-minh nầy có một ảnhhưởng rất to đến các xã-hội Âu Mỹ và do các xã-hội này mà ảnhhưởng đến phần lớn nhân-loại hiện thời. Với người Hy-lạp, ta thấy xuất-hiện ý-tưởng tôn thờ cái đẹp của thể-chất thiên-nhiên. Nền thể-dục hết sức mở mang và đi đôi với các nghệ- thuật, các khoa-học để đào-tạo những con người gương mẫu, có một cá-tính mạnh mẽ và một tinh-thần tự-do cường-kiện. Người La-mã có tinh-thần kỷ-luật và thực-tiễn hơn người Hy-lạp. Sự giáo-dục của họ hướng về mục-đích đào-luyện những công-dân tốt. Những khoa-học thực-dụng, cũng như những đức-tính cầnthiết cho đời sống quốc-gia rất được tôn-trọng và mở mang. Nhờ những đức-tính đặc-biệt của mình, người La-mã đã xây dựng được một đế-quốc hùng-cường to rộng. Họ đã mang nền văn-hóa riêng của họ và nền văn-hóa Hy-lạp truyền bá khắp Âu-châu. Sau khi đế-quốc La-mã sụp đổ, Âu-châu bị đắm chìm trong sự tối tăm hỗn-loạn một thời-gian khá dài. Dưới sự chi-phối của Thiênchúa-giáo, người ta hướng về lý-tưởng khổ-hạnh và tinh-thần tôntrọng kinh điển rất mực mở mang. Chỉ đến thời-kỳ Phục-hưng Văn-Nghệ, lòng yêu đời vui sống của người cổ Hy-lạp mới tái-hiện và lôi cuốn dân-chúng Âu-châu vào một chiều hướng mới. Sự giáo-dục tự-nhiên được mở mang hơn, đồng-thời, khoa-học thực-nghiệm bắt đầu nảy mầm và phát-triển. Từ thời-kỳ Phục-hưng Văn-Nghệ trở đi, xã-hội Âu-châu tiến mạnh trên con đường cải-tổ giáo-dục. Trong sự cải-tổ này, ta có thể nhận thấy một khuynh-hướng mới. Trước hết, sự giáo-dục lần lần có tính-cách đại-chúng hơn : không những chỉ dành riêng cho hạng thượng-lưu, nó mở ra cho tất cả mọi người, ít nhất là ở cấp tiểu-học. Kế đó, nó không qui về một qui- phạm hẹp hòi mà lan rộng ra tất cả mọi ngành hoạt-động của người : chính-trị, khoa-học, văn-chương, nghệ-thuật, nghề nghiệp v.v… Sự đào-luyện thân-thể và đức-tính được đề cập đến chung với sự mở mang trí-tuệ. Người ta lại chú-ý đến việc làm phát-triển trí phán-đoán và sự phát-minh chớ không phải chỉ nhắm vào việc đào-luyện ký-ức và sự bắt chước như trong xã-hội cổ. Tuy nhiên các dân-tộc Âu-châu không phải tổ-chức sự giáo-dục của họ như nhau. Mặc dầu họ có những khuynh-hướng chung như nhau, mỗi dân-tộc đều có một tổ-chức riêng biệt với những tínhcách khác nhau. Người Anh có một tổ-chức hướng về sự đào-luyện tánh-khí và mở mang thể-chất, trí-tuệ cùng đức-hạnh một cách đồng đều nhau. Người Đức thì hướng về sự thực dụng và tinh-thần kỷ-luật quốcgia, trong khi người Pháp hãy còn thiên về lý-thuyết và sự mở mang trí-tuệ nhiều. Với sự mở mang của khoa-học, tôn-giáo lần lần kém thế, và không còn bao trùm sự giáo-dục như trước. Nhưng vì khoa-học chưa phát-triển đến mức chi-phối hết cả đời sống tinh-thần của người nên những tri-thức của người không qui tập vào một hệ-thống như trước. Chỉ sau này, khi các chế-độ độc-tài đặt nền tảng trên một chủ-nghĩa được thiết-lập ở một vài nơi trên thế-giới, người ta mới cố-gắng thực-hiện lại sự thống-nhất tinh-thần theo nguyên-lý của chủ-nghĩa mình tôn thờ. Lẽ cố nhiên là những chế-độ độc-tài nói trên đây tìm cách đàoluyện những thế-hệ người theo quan-niệm mình. Liên-bang Sô-viết đã thực-hiện một chương-trình giáo-dục đặc-biệt trong đó mọi tưtưởng và hành-động của người được hướng về mục-đích cộng-sản và được uốn nắn theo lý-luận Karl Marx. Trong thời-kỳ ngự-trị trên nước Đức và nước Ý, các đảng Quốc-xã và Phát-xít cũng ráng sức cải-tổ nền giáo-dục theo chủ-trương của riêng mình. Nói một cách khái-quát thì sự giáo-dục hết sức hữu-ích cho người. Nó tập-trung và truyền dạy những kinh-nghiệm, ý-tưởng người đạt được trong cuộc

tranh-đấu sinh-tồn của mình. Một mặt, nó giúp cho những tuổi trẻ biết được một số tri-thức cần-thiết cho đời sống, một mặt, nó khuyếch-trương thêm các tri-thức này và cải-cách kỹ-thuật hoạt-động của người. Như thế, nó là một yếu-tố căn-bản của quan-năng biến-cải có ý-thức và do đó, nó cũng là một độnglực cho sự tiến-hóa của người. Tuy nhiên, sự giáo-dục một phần nào cũng có thể có hại cho xãhội. Nếu sự đào-luyện con người theo khuôn khổ khắc-nghiệt, lòng tôn-sùng cổ-nhân quá độ thường làm ngưng-kết tư-tưởng và chận đứng sự tiến-bộ. Những nền văn-hóa đông-phương ngày xưa cao hơn văn-hóa tây-phương, nhưng vì chế-độ giáo-dục chỉ hướng về quá-khứ nên không tiến-hóa được, và về sau phải chịu phần thấp kém hơn những nền văn-hóa tây-phương, nhờ sự cạnh-tranh nhau, nhờ chủ-trương hướng về tương-lai mà vượt lên trên được. Như thế, được tạo ra với mục-đích truyền dạy các kinh-nghiệm của chủng-loại lại cho những cá-nhân trẻ tuổi, và do đó mà điều-khiển sự biến-cải của người trong sự tranh-đấu sinh-tồn, giáo-dục có khi đi đến kết-quả trái ngược lại. Nó có thể ngưng-kết sự tiến-hóa của tư-tưởng người và đào-tạo ra những hạng người thuộc nhiều sách vở mà thiếu hẳn óc thực-tiễn. Những người này thường lại là những người nắm vận-mạng của xã-hội trong tay, và sự bất-lực của họ hết sức có hại cho sự sinh-tồn của đoàn-thể. Thật-sự trong tương-lai của một xã-hội luôn tùy-thuộc vào chế-độ giáo-dục của xã-hội ấy rất nhiều, và đối với những người có ý-thức, nền giáo-dục là yếu-tố quan-trọng hơn hết cho sự tranh-đấu sinh-tồn, dẫn đến tiến-hóa văn minh của nhân loại .

Trân trọng kính tri ân Cố Giáo Sư: Nguyễn Ngọc Huy đã thuyết giảng: Thuyết Sinh Tồn . NewEditor: Giòng Bách Việt

---

HẠNH PHÚC & HẠNH PHÚC THỰC SỰ

THEO QIAN ĐIỂM PHẬT GIÁO

Sống an nhiên tự tại trong đời với tâm không bị tham lam bám víu chi phối, và làm tất cả mọi việc để lợi ích cho chúng sinh với động cơ của lòng từ bi là ý nghĩa "siêu đạo đức" trong Phật giáo. Đức Phật là người giác ngộ

GN - Có một cuộc sống hạnh phúc là ước mơ của tất cả mọi người. Tuy nhiên, ý nghĩa hạnh phúc tùy thuộc vào trình độ nhận thức hay quan điểm về cuộc sống của mỗi cá nhân. Do đó, ý nghĩa hạnh phúc thật là đa dạng và khác biệt.

Theo Phật giáo, mặc dầu có nhiều quan điểm hạnh phúc khác nhau, nhưng tất cả không ngoài hai phạm trù: hạnh phúc từ kinh nghiệm và cảm thọ giác quan trong cuộc sống *(sense pleasures)*, như có được tiền bạc, sắc đẹp, danh vọng, tiện nghi, v.v.; và hạnh phúc về tinh thần *(mental happiness),* như tâm được vui mừng và an lạc.[2] Sự xuất hiện của Đức Phật ở thế gian và nội dung giáo lý Phật giáo không ngoài mục tiêu đem lại an lạc, hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Nội dung giáo lý này là Tứ diệu đế *(Cattāri Ariya-saccāni, The Four Noble Truths)* bao gồm: *dukkha* (khổ), nguyên nhân của *dukkha*, sự đoạn tận *dukkha,* và phương pháp đem đến sự đoạn tận *dukkha.*

Trong các kinh Nikāya, Đức Phật thường khuyên các đệ tử truyền bá nội dung này "Vì lòng thương cuộc đời và vì an lạc, hạnh phúc cho chư thiên và loài người, các ngươi nên truyền bá giáo pháp khắp mọi nơi". Vậy hạnh phúc theo quan điểm của Phật giáo là như thế nào, và bằng vào phương pháp nào để đạt được hạnh phúc đó? Quan trọng hơn, Phật giáo cho rằng mọi hiện hữu là vô thường, như thế, hạnh phúc mà con người có được trong bất cứ hình thức nào - vật chất hay tinh thần - đều bị chi phối bởi luật vô thường. Vậy thì hạnh phúc thực sự theo quan điểm Phật giáo là gì? Bài viết này cố gắng trả lời những câu hỏi trên qua ý nghĩa kinh *Hạnh phúc người tại gia* và kinh *Điềm lành.*

Có một trường hợp ngoại lệ liên hệ đến hạnh phúc về tinh thần; đó là những chúng sinh đạt được một trong bốn tầng bậc của Tứ thiền *(Dhyāna,* trance)...

A. HẠNH PHÚC TƯƠNG ĐỐI

(Hạnh phúc bị chi phối bởi luật vô thường)

Ước mong của bản thân và gia đình được hạnh phúc là điều ước chung của con người trong bất cứ thời đại nào. Ý tưởng này được thể hiện qua lời hỏi của Dighajanu đến với Đức Phật trong

kinh *Hạnh phúc người tại gia:* "Bạch Ngài, chúng con là những người cư sĩ tại gia, có vợ và con cái. Mong Ngài dạy bảo cho con được biết bằng cách nào để đời sống hiện tại và đời sau này con được hạnh phúc". Khi đó Đức Phật dạy cho Dighajanu bốn điều cần phải làm để tạo cuộc sống hiện tại được hạnh phúc:

1. Phải có một nghề nghiệp giỏi, phải siêng năng và nhiệt thành trong nghề nghiệp của mình.

2. Phải bảo vệ nguồn thu nhập của mình đừng để bị thiên tai làm tổn hại, và trộm cắp lường gạt. Nguồn thu nhập phải hợp pháp.

3. Tránh xa bạn ác. Luôn cẩn thận và học hỏi với những người có đức hạnh và trí tuệ.

4. Chi tiêu phải phù hợp với thu nhập của mình, không tiêu pha lãng phí tiền bạc trong cờ bạc và tửu sắc.

Để tạo cho đời sống tương lai được hạnh phúc, Đức Phật khuyên Dighajanu phải thực hiện bốn điều sau đây:

1. Có niềm tin trọn vẹn về giá trị đạo đức và tâm linh (tức là có đức tin Tam bảo, Phật, Pháp, Tăng và tin luật nhân quả).

2. Thực hành năm điều đạo đức bằng cách không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không dùng những chất làm não loạn tâm trí như rượu và ma túy.

3. Bố thí và làm những công việc từ thiện.

4. Phát triển trí tuệ để thấy được bản chất vô thường của cuộc đời, và giúp đoạn tận khổ đau *(dukkha)*.

Tương tự như nội dung những điều trên mà Đức Phật đã dạy cho Dighajuna, trong kinh *Điềm lành,* một vị Thiên tử đã hỏi Phật rằng bằng vào cách nào để các chúng sinh trong cõi người và trời được hạnh phúc. Đức Phật đã trả lời câu hỏi của vị Thiên tử qua những bài kệ sau:

Không thân cận kẻ ngu, ?

Nhưng gần gũi bậc trí,

Đảnh lễ người đáng lễ.

Là điềm lành tối thượng.

Ở trú xứ thích hợp,

Công đức trước đã làm,

Chân chánh hướng tự tâm,

Là điềm lành tối thượng.

Học nhiều nghề nghiệp giỏi,

Khéo huấn luyện học tập,

Nói những lời khéo nói,

Là điềm lành tối thượng.

Hiếu dưỡng với cha mẹ,

Nuôi nấng vợ và con,

Làm nghề không rắc rối,

Là điềm lành tối thượng.

Bố thí hành đúng pháp,

Săn sóc các bà con,

Làm nghiệp không lỗi lầm,

Là điềm lành tối thượng.

Chấm dứt từ bỏ ác,

Chế ngự đam mê rượu,

Trong Pháp, không phóng dật

Là điềm lành tối thượng [3]

Trong bốn điều cần phải thực hành để có một đời sống tương lai hạnh phúc, Đức Phật đã dạy cho Dighajanu biết tầm quan trọng của sự thiết lập niềm tin về giá trị đạo đức trong cuộc sống

Nhìn vào những điều Đức Phật dạy cho Dighajanu và những lời dạy của Ngài trong phần đầu của kinh *Điềm lành,* ta thấy cả hai cùng diễn đạt một nội dung về những phương pháp thực hành căn bản và thiết thực để xây dựng một đời sống hạnh phúc: có nghề nghiệp giỏi để kinh tế gia đình được ổn định; biết hiếu dưỡng cha mẹ và nuôi nấng vợ con, gia đình sẽ được hạnh phúc; thực hành

bố thí thì kết quả có được cuộc sống giàu có; và thân cận với bạn lành giúp phát triển đạo đức và trí tuệ.

Điều quan trọng ở đây là, trong bốn điều cần phải thực hành để có một đời sống tương lai hạnh phúc, Đức Phật đã dạy cho Dighajanu biết tầm quan trọng của sự thiết lập niềm tin về giá trị đạo đức trong cuộc sống *(điều 1)*. Theo Phật dạy, muốn có hạnh phúc trong đời sống, mỗi cá nhân phải xem giá trị đạo đức là hướng đi hay kim chỉ nam cho đời sống của mình; nếu không, cuộc sống sẽ không bao giờ có hạnh phúc. Ý nghĩa đạo đức mà Đức Phật dạy cho Dighajanu có thể hiểu qua hai cấp độ liên hệ; thứ nhất, đạo đức phổ biến *(universal ethics),* tức là năm giới hay năm điều cơ bản đạo đức *(điều 2 và 3)*; và thứ hai, siêu đạo đức *(super-ethics)* là sự thanh lọc tâm tham, sân, si bằng trí tuệ để đoạn tận gốc rễ khổ đau và đạt hạnh phúc thực sự *(điều 4). (Phần này sẽ được trình bày trong đoạn tiếp).* Để thể hiện niềm tin vào giá trị đạo đức phổ biến, cả nhân loại phải thực hành năm điều đạo đức cơ bản: không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.

Theo luật nhân quả trong Phật giáo, do tạo nhân lành qua sự thực hành năm giới, cá nhân sẽ có được kết quả tương ứng về một đời sống hạnh phúc: thân thể khỏe mạnh và sống lâu; cuộc sống được giàu có; gia đình được hạnh phúc; có một cuộc sống hài hòa trong tương quan với mọi người; và tâm luôn được minh mẫn. Đến đây, qua lời dạy của Đức Phật như được trình bày ở trên, chúng ta hiểu được thế nào là hạnh phúc và làm thế nào để đạt được nó. Ở đây cũng cần nhắc lại là ở phần đầu bài, hai phạm trù hạnh phúc đã được nêu lên, đó là hạnh phúc từ kinh nghiệm và cảm thọ trong đời sống của mỗi cá nhân *(sense pleasures)* và hạnh phúc về tinh thần *(mental happiness)*. Ý nghĩa hạnh phúc mà Đức Phật dạy cho Dighajanu, cũng như ý nghĩa hạnh phúc được trình bày trong những phần đầu của kinh *Điềm lành* gồm hai phạm trù đó; nghĩa là sự vui mừng, và an lạc của cá nhân cùng tương quan sinh khởi với sự giàu có, gia đình hạnh phúc, sống lâu, khỏe mạnh, danh vọng, và tiện nghi, v.v...

Có một trường hợp ngoại lệ liên hệ đến hạnh phúc về tinh thần; đó là những chúng sinh đạt được một trong bốn tầng bậc của Tứ thiền *(Dhyāna,* trance).[(4)] Đối với những chúng sinh này, hạnh phúc về tinh thần không còn tùy thuộc vào kinh nghiệm và cảm thọ của các quan năng, mà thuần là sự sinh khởi từ tâm thức. Theo Phật giáo, hạnh phúc từ kinh nghiệm và cảm thọ thế giới bên ngoài hay hạnh phúc về tinh thần - dù tinh thần ở mức độ cao như ở Tứ thiền - tất cả đều bị chi phối bởi luật vô thường. Do vậy, loại hạnh phúc này được gọi là hạnh phúc tương đối.

B. HẠNH PHÚC THỰC SỰ

Hạnh phúc thực sự theo quan điểm Phật giáo là gì? Đó là sự chấm dứt khổ đau *(dukkha)* được giải thích như là Diệt đế *(Nirodhā,* P.) trong Tứ diệu đế; hay nói một cách rốt ráo, hạnh phúc thực sự là sự tự tại trong khổ đau, sầu muộn và sợ hãi.

Chữ khổ hay dukkha nghĩa là không được xứng ý toại lòng (unsatisfactory). Trong giáo lý Tứ diệu đế, ngoài ý nghĩa chỉ rõ những kinh nghiệm khổ đau thường tình trong đời như sinh, lão, bệnh, tử, v.v..., ý nghĩa thâm sâu của khổ hay *dukkha* được cho là năm uẩn có tính chấp chặt hay bám víu *(pañc' upadanakkhandha, P. The five aggrevates of grasping)*, thông thường được diễn đạt trong từ Hán-Việt như "Ngũ uẩn thủ là khổ". Trong trường hợp này, chữ "khổ" mang ý nghĩa không được toại ý được hiểu ở mức độ rộng hơn. Vì sao không được toại ý? Vì bản chất của ngũ uẩn hay bản chất của con người và cuộc đời là vô thường, nhưng ước muốn của con người là thường, do vậy khổ - Vô thường là khổ *(yad aniccam tam dukkham,* P.). Sự không được toại ý làm con người thất vọng và chịu những hệ quả sầu muộn, lo âu và sợ hãi. Khổ do không được toại ý hiện diện thường trực và chi phối đời sống con người - ngoại trừ những người đã giác ngộ.

Nhìn vào thực tế của đời sống, con người luôn luôn ước mong bản thân và những sở hữu yêu quý của bản thân như tiền bạc, danh vọng, tình yêu, tiện nghi, và những ý thức hệ, v.v... được trường tồn vĩnh cửu; nhưng cuộc đời là vô thường nên ước mong vĩnh cửu của con người không bao giờ hiện thực. Và hậu quả của sự ước mong không được như ý này làm cho người thất vọng, sợ hãi, sầu muộn và lo âu khi nghĩ đến hoặc khi mất đi những gì mình yêu quý đó.

Làm sao để đoạn trừ khổ đau, sợ hãi, lo âu và sầu muộn; hay nói cách khác, làm sao để đạt được hạnh phúc thực sự trong cuộc sống? Phương pháp mà Phật đã dạy cho Dighajanu là sự phát triển trí tuệ qua tu tập để đoạn tận khổ đau (điều 4), và đây chính là nội dung được Đức Phật dạy trong Đạo đế *(Magga,* P.) trong giáo lý Tứ đế. Mục đích của sự phát triển trí tuệ *(Paññā,* P.) là giúp cá nhân thấy được bản chất của ngũ uẩn hay bản chất của con người và cuộc đời là vô thường. Để phát triển trí tuệ, cá nhân phải thực hành giới *(Sīla,* P.) hay những đạo đức căn bản, và thực tập thiền định *(meditation).* Giới giúp cho phát triển định, và định giúp phát triển tuệ.

Thực tập thiền định trong Phật giáo đòi hỏi hai phần hỗ tương: tập trung tâm không để tán loạn - định *(Samādhi,* P. *Concentration)* và hướng tâm theo dõi và ghi nhận rõ ràng trên đối tượng - niệm (*Sati,* P. *Mindfulness)* và đối tượng này có thể là một trong bốn loại - thân, cảm thọ, tâm và pháp.[5] Do năng lực tập trung tâm để quan sát và ghi nhận rõ ràng trên đối tượng, hành giả trực nhận được tính bất ổn, biến chuyển hay vô thường của đối tượng. Khả năng trực nhận hay kinh nghiệm trực tiếp này, được gọi là tuệ *(Paññā,* P. *Wisdom)*[6].

Do trực nhận được tính vô thường của đối tượng, hành giả giải phóng ý niệm bám víu và mong cho những gì mình yêu thích được vĩnh cửu, và kết quả là khổ đau, thất vọng, sầu muộn và sợ hãi được đoạn trừ hoàn toàn...

Do trực nhận được tính vô thường của đối tượng, hành giả giải phóng ý niệm bám víu và mong cho những gì mình yêu thích được vĩnh cửu, và kết quả là khổ đau, thất vọng, sầu muộn và sợ hãi được đoạn trừ hoàn toàn. Điều quan trọng phải được nhấn mạnh ở đây là người thực chứng được cuộc đời vô thường, cũng phải sống như bao nhiêu người khác trong cuộc đời. Nghĩa là họ cũng phải làm việc, ăn uống, ngủ nghỉ và cần phải có các phương tiện để tạo cho cuộc sống được hạnh phúc. Tuy nhiên, họ chỉ xem những thứ đó như là phương tiện chứ không phải cứu cánh. Người đó có một cuộc sống tự chủ, không bị nô lệ bởi tiền bạc, danh vọng và những tiện nghi vật chất khác. Họ tự tại an nhiên trong vui buồn, vinh nhục và thăng trầm của cuộc sống. Đây chính là ý nghĩa hạnh phúc thực sự được hiểu như là sự tự tại trong khổ đau, sầu muộn và sợ hãi, được Đức Phật dạy ở những bài kệ cuối của kinh *Điềm lành:*

Khắc khổ và phạm hạnh,

Thấy được lý Thánh đế,

Giác ngộ quả: Niết-bàn,

Là điềm lành tối thượng.

Khi xúc chạm việc đời,

Tâm không sầu, không động,

Không uế nhiễm, an ổn

Là điềm lành tối thượng.

Ai sống được như thế,

Không chỗ nào thất bại,

Khắp nơi được an toàn

Những điềm lành tối thượng.

Người như vậy trong đạo Phật gọi là "người tỉnh thức" hay "người giác ngộ". Do trực nhận hay giác ngộ được tính vô thường của con người và cuộc đời, tâm của vị ấy được tịnh hóa, không còn bị lòng tham và bám víu chi phối. Lòng tham và tính bám víu đồng nghĩa với vô minh, vị ngã và độc ác. Ngược lại với vô minh, vị ngã và độc ác, người giác ngộ có trí tuệ rốt ráo và lòng từ bi vô biên. Do lòng từ bi vô biên, người giác ngộ thấy được khổ đau của tất cả mọi chúng sinh như là khổ đau của chính mình, và nguyện cứu giúp tất cả; với trí tuệ rốt ráo, người giác ngộ thi thiết những phương tiện thiện xảo để đem lại hạnh phúc tương đối (như tiền bạc, danh vọng, hạnh phúc gia đình, tiện nghi vật chất, v.v...) cho chúng sinh và từ đó hướng dẫn chúng sinh thực tập giáo pháp để được hạnh phúc thực sự.

Sống an nhiên tự tại trong đời với tâm không bị tham lam bám víu chi phối, và làm tất cả mọi việc để lợi ích cho chúng sinh với động cơ của lòng từ bi là ý nghĩa "siêu đạo đức" trong Phật giáo. Đức Phật là người giác ngộ. Đại Trí Văn Thù Bồ-tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát, Địa Tạng Vương Bồ-tát, Phật hoàng Trần Nhân Tông, v.v..., là những người giác ngộ. Những vị này giúp chuyển hóa khổ đau của chúng sinh thành hạnh phúc và thế giới ô trược thành tịnh độ.

C. KẾT LUẬN

Qua hai bài kinh trên, ta thấy ngôn ngữ và cách diễn đạt trong kinh *Hạnh phúc người tại gia* rất cụ thể và thực tế với đời sống; trong khi đó, ngôn ngữ và cách diễn đạt trong kinh *Điềm lành* có nét văn chương và đậm tính triết lý. Đối tượng để Phật giảng trong kinh đầu là người - Dighajanu - trong khi đó, kinh sau là chư thiên. Ngoài những điểm khác biệt trên hình thức đó ra, hai bài kinh đều có nội dung thống nhất, chuyển tải quan điểm hạnh phúc trong Phật giáo; đó là, trong khi không phủ nhận giá trị hạnh phúc mà con người (và chư thiên) có được trong cuộc đời, Đức Phật dạy cho chúng ta biết rằng đó không phải là hạnh phúc thực sự. Hạnh phúc thực sự theo Phật dạy là sự trực nhận được hạnh phúc mà con người và chư thiên có được chỉ là tương đối (vô thường). Đây chính là ý nghĩa "Sinh tử tức Niết-bàn", "Phiền não tức Bồ-đề" mà Phật giáo Đại thừa xem như là triết lý tu tập và phương thức hành đạo của Bồ-tát.

---

(1) Trong bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu, đề mục của kinh là "Dighajanu, Người Koliya.", chương 8, số 54 trong *Tăng chi bộ kinh*, trang điện tử: phatgiaonguyenthuy.com. Dựa trên nội dung của bài kinh, tôi chuyển đề mục thành đề *"Kinh Hạnh phúc người tại gia"*. Mục đích là giúp độc giả nghe thuận tai và dễ nhớ.

(2) "Phẩm Lạc," chương II, phẩm VII, *Tăng chi bộ kinh* (Aṅguttara Nikāya); Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, trang điện tử: phatgiaonguyenthuy.com

(3) *"Kinh Điềm lành"* (Mangala Sutta), *Tiểu bộ kinh* (Khuddhaka Nikāya). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, trang điện tử: phatgiaonguyenthuy.com

(4) Tứ thiền:

- Sơ thiền: Do tách rời lòng dục và những tâm lý bất thiện, tâm của hành giả được "hỷ" và "lạc" *(rapture and happiness)*; tuy nhiên, tâm vẫn còn "tầm" và "tứ" *(reflection and investigation)*.

- Nhị thiền: Do tâm được trở nên tập trung và tĩnh lặng, hành giả loại trừ được "tầm" và "tứ." Hỷ và lạc vẫn còn.

- Tam thiền: Do nỗ lực an trú tâm trong tĩnh lặng, nên "hỷ" được đoạn trừ, và chỉ còn "lạc."

- Tứ thiền: Tâm của hành giả được hoàn toàn tĩnh lặng *(equanimity)*, vắng mặt những ý niệm thiện, ác, hạnh phúc hay khổ đau.

(5) "Kinh Niệm xứ," số 10, *Trung bộ kinh (Majjhima Nikāya).* Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, trang điện tử: phatgiaonguyenthuy.com. Đây là một trong những bài kinh đầy đủ và quan trọng nhất nói về thiền định, đặc biệt nhấn mạnh về sự phát triển Minh sát tuệ *(Vipassanā,* P. *Insight)*. Trong kinh Đức Phật dạy, Tứ niệm xứ hay bốn lãnh vực gồm thân, thọ, tâm và pháp, mà hành giả cần để tâm chánh niệm là con đường trực tiếp dẫn đến giải thoát hay hạnh phúc thực sự.

(6) Trí tuệ trong Phật giáo bao gồm ba tầng bậc: Nghe, Nghĩ và Thực hành *(văn, tư, tu)*. Để đoạn tận khổ đau, sầu muộn, lo âu, hành giả phải thực hành (tuệ). Tuy nhiên, nghe và tư duy về vô thường hay bản chất tương đối của con người và cuộc đời sẽ giúp đoạn thiểu khổ đau, sầu muộn trong đời sống. Bởi tiến trình nghe pháp hay tụng kinh, ý nghĩa vô thường sẽ thẩm thấu vào tâm thức của mình và sẽ tạo nên một kháng lực mỗi khi chúng ta gặp những sự cố bất như ý trong cuộc sống. Từ đó, những khổ đau, sầu muộn sẽ được giảm thiểu một cách đáng kể. Đây là lý do tại sao các Phật tử phải nên nghe pháp và tụng kinh thường xuyên.

TRIẾT LÝ CỦA ĐẠO GIA - LÃO TỬ VÀ TRANG TỬ -

Bs Phan Thượng Hải biên soạn

Lão tử và Trang tử là hai triết gia chánh của Đạo Gia Trung Quốc vào cuối thời Xuân Thu và thời Chiến Quốc. Triết lý của Lão tử có ghi trong Đạo Đức kinh mà theo truyền thuyết là tác phẩm của ông. Do đó Đạo Đức kinh còn được các học giả cũ gọi là sách Lão tử.

Triết lý của Trang tử có ghi trong Nam Hoa kinh. Tương truyền Trang tử là tác giả của Nam Hoa kinh nên nó còn có tên là sách Trang tử.

ĐẠI CƯƠNG

Đạo Gia Đạo Gia là một phái triết học có từ thời Xuân Thu (771 tr CN - 476 tr CN) và thời Chiến Quốc (tiếp theo thời Xuân Thu cho tới khi Tần Thủy Hoàng đế thống nhất Trung Quốc vào năm 221 tr CN) với 3 triết gia tiêu biểu là Dương Chu, Lão tử và Trang tử.

Lịch sử và danh hiệu của Đạo Gia được ghi lần đầu tiên trong bài văn "Luận Lục Gia Yếu Chỉ" của Tư Mã Đàm (cha của Tư Mã Thiên), đăng trong Sử Ký của Tư Mã Thiên. Trong đó,

Tư Mã Đàm xếp các triết gia của thời Xuân Thu và Chiến Quốc thành 6 học phái lớn, gọi là Lục Gia (Gia = Phái).

Theo Tư Mã Đam, 1 trong Lục Gia là Đạo Đức Gia gồm có những môn đồ của học phái nầy đặt vào trung tâm học thuyết siêu hình và xã hội của họ ý niệm hư vô tức là "Đạo" và sự ngưng kết của Đạo trong mỗi cá nhân được coi là "Đức tính" tự nhiên của con người.

Phần "Đức" nầy nên hiểu là năng lực liên quan tới mọi vật cá biệt. Phái nầy được Tư Mã Đàm gọi là Đạo Đức Gia, về sau chỉ gọi là Đạo Gia.

Đạo Gia và Nho Gia là 2 học phái lớn nhất trong Lục Gia vào thời Xuân Thu và Chiến Quốc ở Trung Quốc. Những triết gia trong Nho Gia vốn do ở các học giả.

Từ ngữ "Nho" có nghĩa là người học giả có đủ trí thức.

Những triết gia trong Đạo Gia vốn do ở các ẩn sĩ lánh xã hội.

Lão tử và Trang tử Hai triết gia chánh của Đạo Gia là Lão tử và Trang tử và hai triết gia chánh của Nho Gia là Khổng tử và Mạnh tử (Tử = thầy).

Lão tử là triết gia đầu tiên đưa ra khái niệm Đạo và Đức của Đạo Gia (Đạo Đức Gia) trong Đạo Đức kinh. Do đó có thể nói Lão tử là người sáng lập Đạo Gia cũng như Khổng tử là người sáng lập Nho Gia. Nho Gia cũng có khái niệm "Đạo Đức" nhưng khái niệm triết học "Đạo Đức" của Nho Gia hoàn toàn khác hẳn khái niệm triết học "Đạo Đức" của Đạo Gia.

Lịch sử không biết rõ nhiều về Lão tử. "Lão tử" có nghĩa là "ông Thầy già". Đây là những dữ kiện được biết nhưng không chắc chắn về Lão tử: Ông sinh vào năm 571 tr CN và qua đời năm 471 tr CN. Ông họ Lý và tên là Nhĩ, tên tự là Bá Dương. Ông có tên thụy là Đam (có nghĩa là "bí ẩn"). Do đó có giả thuyết cho rằng ông là một quan Thái sử của một nước chư hầu tên là Đam và hậu thế gọi ông là Lão Đam.

Theo truyền thuyết, vì chán nản chính sự lúc bấy giờ nên Lão tử cỡi một con trâu đi về hướng Tây của Trung Quốc và "biến mất vào sa mạc".

Khi đi ngang qua cửa ải Hàm Cốc, một người lính gác cửa thuyết phục ông viết để lại những hiểu biết của mình trước khi đi vào sa mạc. Lão tử xiêu lòng nên mới viết để lại Đạo Đức kinh, lưu truyền tới ngày nay.

Trang tử tên thật là Trang Chu (369 tr CN - 286 tr CN). Theo Sử ký của Tư Mã Thiên, ông tên là Trang Chu, người đất Mông, làm quan Lại ở Tất Viên (?), sau đó sống ẩn dật cho đến cuối đời. Đất Mông thuộc nước Tống, một nước chư hầu nhỏ trong thời Chiến Quốc. Hậu thế truyền tụng nhiều truyền thuyết thú vị về Trang tử (cũng như tác phẩm của ông là Nam Hoa kinh) như là: Trang Chu mộng hồ điệp. Trang tử cổ bồn ca.

TRIẾT LÝ CỦA LÃO TỬ

Đạo Đạo Gia dùng từ ngữ "vạn vật" hay "muôn vật" để ám chỉ cho mọi sự vật. Sự vật thì hoặc là hữu thể (có hình thể hay thể chất) hoặc vô thể nhưng đều có từ ngữ đặt tên riêng cho nó. Do đó mỗi sự vật có Danh riêng cho nó. Sự vật thì hữu danh dù cho nó vô thể hay hữu thể. Lão tử nghĩ rằng bởi vì có mọi sự vật thì cần phải có cái gì do đó mọi vật sinh ra.

Cái "cái gì" ấy được ông gọi là Đạo. Đạo là cái bởi đó muôn vật sinh ra.

Đạo Đức kinh viết: Đạo sinh một. Một sinh hai. Hai sinh Ba. Ba sinh muôn vật. Sự vật thì Hữu (hữu thể, hữu danh). Một, hai, ba là Hữu. Theo Lão tử, Đạo là vô danh, là vô thể, là cái do đó mọi sự vật sinh ra.

Đạo Đức kinh viết: Mọi vật trong thiên hạ sinh từ hữu, hữu sinh từ vô. Mọi sự vật đều hữu danh. Nhưng để đối lập với những gì hữu danh,

Lão tử nói đến vô danh. Những gì ngoài sự vật là vô danh.

Cái "Đạo" của Đạo Gia là một khái niệm về loại nầy. Tư tưởng Đạo Gia phân biệt Hữu và Vô, Hữu danh và Vô danh. Hai cách phân biệt ấy thật ra chỉ là một, vì hữu và vô thật ra chỉ là những từ ngữ thu gọn của Hữu danh và Vô danh.

Vậy Trời có tên Trởi, Đất có tên Đất, và mỗi loại đều có tên của nó. Trời, Đất, muôn vật đều hiện hữu, do đó cũng có tên Trời, có tên Đất, có tên muôn vật.

Tuy nhiên Đạo là vô danh, đồng thời Đạo cũng từ đó mà những sự vật hữu danh sinh ra. Đạo Đức kinh viết: Vô danh là đầu Trời Đất, hữu danh là Mẹ muôn vật Đạo thường vô danh như gỗ chưa đẽo. Đạo ẩn nấp thì vô danh. Một khi làm ra mới có danh. Vì Đạo là vô danh cho nên nó không thể chứa đựng bằng các từ ngữ.

Như khi ta muốn nói tới thì ta bắt buộc phải cho nó một tên gọi. Do đó khi ta gọi nó là Đạo thì thật ra nó không phải hoàn toàn là một danh. Điều ấy có nghĩa là ta gọi Đạo là Đạo thì không giống khi ta gọi cái bàn là bàn. Khi ta gọi cái bàn là bàn tức là ta muốn nói rằng cái bàn có những thuộc tính gì, nhờ đó mà cái bàn được gọi tên. Nhưng khi ta gọi Đạo là Đạo thì ta không có ý nói rằng nó có những thuộc tính có thể gọi tên được. Đây chỉ là một tên gọi, hay là, nói theo cách thông thường trong triết học Trung Quốc,

Đạo là cái danh không phải là danh. Đạo Đức kinh viết: Từ xưa đến nay, tên nó (tên của Đạo) không mất, nó thấy sự bắt đầu (của muôn vật). Đạo là cái mà bất kỳ vật gì và tất cả mọi vật do đó mà sinh ra. Bởi vì luôn luôn có mọi vật, cho nên Đạo luôn luôn hiện hữu. Nó là bất đầu của mọi cái bắt đầu và, do đó, nó đã thấy sự bắt đầu của mọi vật. Cái danh không ngừng bao giờ là cái danh thường xuyên, và cái danh như vậy thật ra không phải là danh.

Vì vậy Đạo Đức kinh viết: Đạo nói được không phải là Đạo thường, danh gọi được không phải là danh thường.

Đạo Đức kinh viết: Vô danh là đầu Trời Đất, hữu danh là mẹ muôn vật.

Mệnh đề nầy chỉ là mệnh đề hình thức. Điều ấy có nghĩa là nó không cho ta biết thực sự về các sự kiện. Các đạo gia nghĩ rằng, bởi vì có mọi vật thì cần phải có cái gì do đó mọi vật sinh ra. Cái "cái gì" ấy được họ gọi là Đạo.mà thật ra nó không phải là cái danh.

Khái niệm Đạo, riêng nó, cũng là một khái niệm hình thức mà thôi. Nghĩa là nó không diễn tả gì về cái do đó mọi vật sinh ra. Ta chỉ có thể nói như thế nầy:

Bởi vì Đạo là cái do đó mọi vật sinh ra, vậy nó không nhất thiết là một vật giữa các vật khác. Bởi vì nếu nó là một vật như vậy thì nó không thể đồng thời cũng là cái do đó mọi vật, dầu là vật gì, sinh ra. Mỗi loại sự vật đều có danh, nhưng Đạo vốn không phải là vật, vì vậy nó "vô danh như gỗ chưa đẽo", như Đạo Đức kinh đã viết.

Thường - Đạo Thường Theo Lão tử, mọi sự vật (= vạn vật, muôn vật) đều biến đổi nhưng theo sự chi phối của một định luật tự nhiên mà Lão tử gọi là Thường. Định luật nầy của Đạo nên còn gọi là Đạo Thường.

Đạo Đức kinh viết: Đạo Trời không thân với ai, thường cùng với người thiện. Lấy thiên hạ thường ở vô sự... Định luật tự nhiên nầy giống như câu ngạn ngữ thường nói của người Trung Quốc, có lẽ bắt nguồn từ Lão tử:

Một vật khi phát triển đến cực điểm thì quay trở lại.[*Biến hóa theo chu kỳ*]

Ý nghĩa là: khi một vật phát triển đến cực điểm về những tính chất gì thì các tính chất ấy thường đi ngược lại để trở thành những tính chất tương phản. Câu nói chính của Lão tử trong Đạo Đức kinh là: Trở lại là cái động của Đạo. Đạo Đức kinh viết: Họa là chỗ tựa của phúc, phúc là chỗ náo của họa. Ít thì được, nhiều thì lạc. Gió to không suốt sáng, mưa lớn không suốt ngày. Trong thiên hạ cái rất mềm thì làm chủ cái rất cứng. Vật hễ bớt nó thì nó thêm. Thêm nó thì nó bớt. Đối với thánh nhân thì lý thuyết nầy không nghịch thường nhưng người thường không hiểu thì cho là nghịch thường. Đạo Đức kinh viết: Người bậc thấp nghe Đạo thì cười vang, không cười vang thì không đủ là Đạo. Vậy "cực điểm" nghĩa là gì?

Phải chăng có một giới hạn tuyệt đối trong sự phát triển của mọi vật mà khi vượt qua tức là đến cực điểm? Lão tử không có lời giải đáp. Có thể câu trả lời là: không có một giới hạn nào cho bất kỳ vật gì và vào bất cứ trường hợp nào. Riêng cho hoạt động rộng rãi của con người, giới hạn sự tiến bộ vẫn tương quan với những ý thức chủ quan và với hoàn cảnh khách quan.

Thí dụ nếu theo ý thức chủ quan thì nhà bác học Newton cho rằng kiến thức vật lý của mình chưa đủ nhưng một cậu học sinh học hết một cuốn sách vật lý đã cho rằng mình biết hết. Thí dụ nếu theo hoàn cảnh khách quan bên ngoài thì như ăn nhiều thì sinh bệnh, trong sự bội thực cái bổ dưỡng cho cơ thể lại thành hại.

Đường lối xử thế theo Thường Áp dụng định luật (Thường) nầy vào đường lối xử thế là người sáng suốt.

Đạo Đức kinh viết: Biết Thường, gọi là sáng Không biết Thường, làm bậy, là điều dữ. Đường lối xử thế của Lão tử là để sống ở đời và để đạt được những mục đích của mình.

Sống ở đời sơ khởi là là giữ được mạng sống cùng tránh khỏi đau khổ và hiểm nguy trong cõi đời người.

Từ định luật tự nhiên chi phối mọi sự vật nầy (= Thường), mà Đạo Gia gọi là "trở lại là cái động của Đạo", Đạo Gia có đưa ra đường lối xử thế gọi là Vô Vi.

Theo nghĩa đen, "vô vi" là không có hành vi tức là không làm gì cả hay không hoạt động gì. Từ đó "vô vi" có thể được hiểu là sự hoạt động thu hẹp hay ít đi. Thật ra theo Đạo Gia thì Vô vi là hành động không thái quá và trong phạm vi cần thiết mà thôi. Khi hoạt động quá nhiều thì nó trở thành hại chớ không còn là lợi nữa. Ngoài ra mục đích của hành vi là thâu lượm một kết quả. Nếu có sự thái quá thì kết quả sẽ hại hơn là không làm gì.

Một câu chuyện phổ thông của người Trung Quốc kể việc hai người thi nhau vẽ rắn; người nào vẽ xong trước thì được cuộc. Một người vừa vẽ xong thấy người kia còn chậm hơn mình nhiều, bèn

tô bồi thêm bằng cách vẽ thêm chân cho con rắn. Người kia liền bảo: "Anh thua cuộc, vì rắn không có chân". Điều nầy cho ta thấy sự thái quá còn làm hại cho mục đích nữa.

Đạo Đức kinh viết: Lấy thiên hạ thường ở vô sự. nếu mà hữu sự thì không đủ lấy thiên hạ. Danh từ "Vô Vi" ở đây thật ra có nghĩa là "không thái quá".

Đường lối xử thế thận trọng áp dụng yếu tố giới hạn cực điểm của Thường là: Hiền lành, Khiêm tốn và Không đòi hỏi.

Hiền lành và Khiêm tốn tức là không Tàn bạo và Kiêu ngạo. Kiêu ngạo (và quá Tàn bạo) là dấu hiệu sự phát triển tiến bộ đã đạt tới giới hạn cực điểm. Do đó Khiêm tốn và Hiền lành là dấu hiệu tỏ rằng giới hạn kia chưa đạt tới. Không đòi hỏi nhiều mà chỉ trong phạm vi cần thiết, là đề phòng không thái quá do đó đề phòng đạt tới cực điểm.

Đạo Đức kinh viết: Biết đủ thì chẳng nhục, biết dừng thì chẳng hại. Cho nên thánh nhân bỏ nhiều, bỏ thừa, bỏ quá.

Đường lối xử thế sáng suốt và thận trọng hơn nữa áp dụng yếu tố tương phản của Thường là 2 quy tắc:

1. Muốn làm nên việc gì thì phải đi từ điểm đối lập. Thí dụ như muốn mạnh thì phải đi từ ý thức yếu.

Đạo Đức kinh viết: Thánh nhân dấu thân ở sau nên thân ở trước, đưa thân ra ngoài nên thân được còn.

Phải chăng vì không riêng tây mà thánh nhân làm được điều riêng tây. Không tự phô nên được thấy, không tự thị nên được biết, không tự giành nên được công, không tự khoe nên được lâu. Thánh nhân không tranh nên thiên hạ không ai cùng tranh.

2. Muốn giữ vật gì thì phải nhận sự trái ngược của vật ấy. Thí dụ như muốn bảo tồn chủ nghĩa tư bản thì phải chấp nhận trong chủ nghĩa ấy vài yếu tố của chủ nghĩa xã hội.

Đạo Đức kinh viết: Rất nên như thiếu, cái dụng chẳng hư. Rất đầy như trống, cái dụng chẳng cùng. Rất thẳng như cong. Rất khéo như vụng. Nói hay như lúng túng. Gãy thì liền. Cong thì thẳng. Rỗng thì đầy. Mòn thì mới. Ít thì được. Nhiều thì rối. Đức Đạo là cái bởi đó mọi vật sinh ra. Khi sinh ra, riêng mỗi vật đều nhận từ cái phổ biến một phần từ Đạo gọi là Đức. Đức có nghĩa là "tiềm thế" hay "đức tính", cả hai đều dùng trong nghĩa đạo đức và không đạo đức của từ ngữ. Đức của mỗi vật là cái mà tự nhiên đã phó cho riêng mỗi vật.

Tóm lại, Đạo là cái bởi đó mọi vật sinh ra và Đức là cái bởi đó mọi vật trở thành vật.

Đạo Đức kinh viết: Mọi vật đều tôn Đạo và quý Đức.

Đường lối xử thế theo Đạo Đức của mỗi vật là cái tự nhiên đã phó cho riêng mỗi vật. Do đó theo Đức, Vô Vi cũng là hành động tự nhiên, không có tính cách giả tạo và cưỡng chế. Tự nhiên có nghĩa là nghe theo Đức với sự cố gắng không cưỡng chế. Đã hành động như vậy thì phải lấy giản dị làm nguyên lý cốt yếu trong sinh hoạt. Giản dị (phác) là một tư tưởng chủ yếu của Lão tử và Đạo Gia.

Đạo là "khối chưa đẽo" tức là giản dị. Đức là cái gì giản dị sau Đạo, và người theo Đức thì phải sống cuộc đời càng giản dị càng hay.

Đức đã có sẵn trong mọi vật. Nếu theo Đức thì có đường lối sống giản dị và hành động Vô Vi tự nhiên không giả tạo và cưỡng chế.

Theo Lão tử, người có cuộc sống và hành động hợp với Đức thì ở ngoài vòng phân biệt thiện ác. Đạo Đức kinh viết: Nếu thiên hạ đều biết đẹp là đẹp, ấy là có xấu.

Thiên hạ biết thiện, ấy là có bất thiện. Vì vậy Lão tử khinh bỉ những đức tính của Nho Gia như nhân nghĩa, vì theo Lão tử những đức tính ấy chỉ là suy đồi của Đạo và Đức. Đạo Đức kinh viết: Mất Đạo mới có Đức. Mất Đức mới có Nhân. Mất Nhân mới có Nghĩa. Mất Nghĩa mới có Lễ. Lễ là suy đồi của trung tín, bước đầu của rối loạn.

Ở đây ta thấy sự tương phản hiển nhiên giữa Đạo Gia với Nho Gia.

Người để mất Đức là vì có quá nhiều tham muốn (dục vọng) và hiểu biết trong cuộc sống. Thỏa mãn dục vọng tức là cố ý tìm hạnh phúc. Nhưng khi cố tìm cách thỏa mãn quá nhiều tham muốn thì ta chỉ đạt kết quả trái lại.

Đạo Đức kinh viết: Ngũ sắc làm cho mắt mù, ngũ âm làm cho tai điếc, ngũ vị làm cho miệng chán. Cỡi ngựa săn bắn làm cho lòng phát cuồng. Vật khó kiếm làm cho tà vạy.

Chẳng có họa nào lớn hơn là không biết đủ, chẳng có lỗi nào lớn hơn là muốn lấy cho được. Do đó Lão tử nhấn mạnh đến ít tham muốn.

Lão tử cũng muốn con người ít hiểu biết. Hiểu biết vốn là một mục đích của dục vọng (tham muốn). Nó lôi kéo người ta càng muốn biết những mục tiêu của dục vọng và dùng làm phương tiện để đạt những mục tiêu ấy. Nó vừa là chủ vừa là tôi tớ của dục vọng. Kiến thức càng tăng thì con người không còn tự biết đủ và biết dừng.

Đạo Đức kinh viết: Trí tuệ ra thì có giả dối lớn. Lý thuyết Chính trị của Lão tử Cùng quan điểm với Nho Gia, Đạo Gia cho rằng quốc gia lý tưởng là được cầm đầu bởi Thánh nhân (Thánh vương). Theo Nho Gia thì Thánh nhân cầm chính quyền phải làm nhiều việccho dân, nhưng theo Đạo Gia thì Thánh nhân không phải làm việc mà phải bỏ nhiều việc và sau đó không làm việc.

Trước hết Thánh nhân phải bỏ những việc mà dân làm vì Nhân Nghĩa (như của Nho Gia), hay làm vì lợi của quân sự hay kinh tế, hay phải làm theo theo pháp luật (như của Pháp Gia). Những điều nầy làm người dân sống và hành động ngược với Thường và Đức. Đạo Gia gọi là những điều rối loạn trong đời cần phải bỏ. Đạo Đức kinh viết:

Thiên hạ nhiều kỵ húy thì dân càng nghèo. Dân nhiều khí giới, nước nhà càng loạn. Người nhiều tài khéo, vật xảo càng thêm. Pháp lệnh càng tăng, trộm cướp càng nhiều. Thánh vương trước hết là phải bỏ mọi điều ấy.

Đạo Đức kinh viết:

> Dứt Thánh bỏ Trí, dân lợi gấp trăm.
>
> Dứt Nhân bỏ Nghĩa, dân lại hiếu từ

Dứt Khéo bỏ Lợi, trộm cướp chẳng còn.

Không chuộng Hiền, khiến dân không tranh.

Không trọng Bảo vật, khiến dân không trộm cướp.

Không Thấy vật đáng ham, khiến lòng dân không loạn.

Cho nên lối trị dân của bậc Thánh là làm cho lòng trống, bụng no, yếu chí, mạnh xương, thường khiến cho dân không biết, không muốn.

Sau đó Thánh vương trị vì bằng Vô vi. Vô vi của Thánh vương dùng để trị dân có nghĩa khác hơn vô vi của một người. Vô vi của Thánh vương đối với tất cả người dân là "không làm gì". Nhưng Thánh vương "không làm", mà "không gì chẳng được làm" từ mọi người dân .

Đạo Đức kinh viết:

Ta không làm, mà dân tự Làm.

Ta thích yên mà dân tự chính.

Ta vô sự mà dân tự giàu.

Ta không muốn, mà dân tự phác.

Thánh vương hay nhà cầm quyền phải bắt chước Đạo, coi mọi người dân như mọi vật. Đạo cho phép mỗi vật làm tự nó. Thánh vương hay nhà cầm quyền không làm gì tức là cho phép mọi người dân được tự do làm theo Đạo Thường và Đức tức là mọi người dân làm điều gì mỗi người có thể làm. Như vậy mọi việc của mọi người dân trong quốc gia đều thành.

Đạo Đức kinh viết: Đạo Thường không làm mà chẳng có gì không được làm. Do đó chúng ta không lạ khi mọi người dân được Thánh vương coi như trẻ con vì trẻ con theo Đạo Thường và Đức.

Đạo Đức kinh viết: Thánh vương coi trăm họ như trẻ nhỏ. Không xa Thường Đức, trở lại thời kỳ trẻ nít. Chứa được đức dày như trẻ mới sinh. Thánh vương coi trăm họ như trẻ nhỏ.

Đạo Đức kinh còn viết xa hơn nữa:

Thánh nhân không làm cho dân sáng mà làm cho dân ngu. Ngu ở đây có nghĩa là giản dị và vô tội.

Thánh nhân không những muốn cho dân ngu mà cũng muốn tự mình là ngu.

Lão tử viết: Riêng ta là mịt mịt.

Với Đạo Gia, ngu không phải là một khuyết điểm nhưng là một đức tính lớn. Cái ngu của Thánh nhân là kết quả của một quá trình có ý thức. Nó có phần cao hơn kiến thức.

Cái ngu của Thánh nhân là phần trí tuệ lớn, không phải là cái ngu của trẻ con hay người thường dân.

Ngu của trẻ con hay của thường dân là do thiên phú còn ngu của Thánh nhân là sự hoàn thiện của tinh thần.

TRIẾT LÝ CỦA TRANG TỬ

Đạo và Đức Trang tử cũng có những tư tưởng về Đạo và Đức giống như Lão tử. Nam Hoa kinh viết:

Thoạt đầu tiên thì có Vô. Vô có vô danh. Một do đó mà sinh, có Một mà chưa có hình. Vật được đó mà sinh gọi là Đức. Theo Trang tử, Đức là cái bản tính và khả năng của mỗi vật.

Lão tử áp dụng Đạo Thường và Đức vào đường lối Xử thế.

Trang tử áp dụng Đạo và Đức vào đường lối đạt Hạnh phúc.

Đường lối đạt Hạnh phúc tương đối theo Đức

* **Đường lối theo Đức**. Đức là cái làm cho ta trở thành ta; là bản tính và khả năng của ta. Sống sung sướng khi cái Đức ấy, khi những khả năng tự nhiên của ta được xử dụng trọn vẹn và tự do, nghĩa là khi bản tính ta được phát triển trọn vẹn và tự do.

Đó là đường lối để đạt hạnh phúc tương đối của Trang tử.

Liên quan tới ý tưởng phát triển Tự do nầy,

Trang tử đưa ra sự tương phản giữa Tự nhiên và Nhân vi.

Ông gọi Tự nhiên là theo Trời và Nhân vi là theo Người.

Theo Trời là nguồn gốc mọi điều hạnh phúc và tốt lành; theo Người là nguồn gốc mọi đau khổ và tai họa.

Mọi vật đều khác nhau về khả năng tự nhiên cũng như bản tính cũng không giống nhau.

Tuy nhiên điều giống nhau là mỗi vật đều được hạnh phúc ngang nhau khi khả năng được sử dụng hay bản tính được phát triển trọn vẹn và tự do.

Thiên Tiêu Dao Du của Nam Hoa kinh kể chuyện con chim đại bàng và con chim tu hú. Khả năng của 2 con chim đều hoàn toàn khác nhau.

Con chim đại bàng thì có thể bay xa hàng vạn dặm còn con chim tu hú chỉ có thể bay từ cây nầy sang cây khác.

Cả hai đều sung sướng ngang nhau vì có thể làm những việc mỗi con có thể làm và mỗi con đều yêu thích. Không có sự nhất trí tuyệt đối trong bản tính của mọi vật, mà cũng chẳng cần gì có sự nhất trí như vậy.

Nam Hoa kinh viết: Bởi thế chân vịt tuy Ngắn nhưng nối thêm thì vịt lo. Chân hạc tuy Dài nhưng chặt đi thì hạc buồn. Cho nên tính Dài không phải để chặt đi, tính Ngắn không phải để nối thêm. *

HẠNH PHÚC TƯƠNG ĐỐI CÓ GIỚI HẠN

Theo Trang tử, sống và hoạt động theo Đức tức là bản tính được phát triển tự do và trọn vẹn với những khả năng tự nhiên được sử dụng tự do và trọn vẹn. Tuy nhiên như vậy chỉ ta chỉ đạt được Hạnh phúc có giới hạn tức là tương đối. Sự giới hạn hay ngăn trở là do sự vật bên ngoài (ngoại vật) hay nói rõ hơn là do diễn tiến tự nhiên của những sự vật bên ngoài. Do đó sự vật chính nó có thể làm ta đau khổ; hay tình cảm của ta đối với nó là nguyên nhân chính làm ta đau khổ thật sự và nhiều hơn.

Rõ ràng nhất là sự ngăn trở của Lão, Bệnh và Tử.

Cái chết là sự chấm dứt mọi hoạt động của con người.

Bệnh tật là những điều hại cho những hoạt động ấy.

Già lão cũng ngăn trở cho sự hoạt động ấy.

Vì vậy Phật Gia đã coi Lão Bệnh Tử là 3 trong 4 nỗi khổ của con ngươời.

Nỗi khổ thứ tư, theo họ, chính là sự Sống vậy.

Đường lối của Đạo Gia theo Đức đã đem lại hạnh phúc cho sự sống như đã nói nhưng vì có Lão, Bệnh và Tử ngăn trở nên nó chỉ là hạnh phúc tương đối.

Theo Trang tử, chính tình cảm của ta đối với sự vật làm ngăn trở hạnh phúc, làm cho ta đau khổ.

Nam Hoa kinh của Trang tử có nhiều đoạn bàn luận về điều hại lớn nhất có thể xảy đến cho con người, đó là cái Chết. Tình cảm về sự chết như sợ chết và lo chết sắp đến là một trong những nguồn gốc chính của khổ não của con người.

Tuy nhiên tình cảm về sự vật hay từ sự vật có thể giảm đi nếu lý trí của chúng ta có sự hiểu biết thích đáng về bản chất tương đối của sự vật.

Nam Hoa kinh thuật chuyện về cái chết của Lão tử, bạn thân của Lão tử là Tần Dật đến điếu và đã chỉ trích sự gào khóc của tang gia như sau: Ấy là trốn tự nhiên, thêm tình người, quên đi những gì đã nhận được (của tự nhiên).

Cổ nhân gọi là hình phạt trốn tự nhiên.

Đến thích đáng là thời của Phu tử (chỉ Lão tử). Đi thích đáng là thuận cho Phu tử.

An thời xử thuận, thì buồn vui không thể đến. Cổ nhân gọi là được sự giải thoát của Trời. "Hình phạt trốn tự nhiên" ở đây chính là sự đau khổ do tình cảm từ sự vật đem lại, đôi khi cũng đau đớn như hình phạt thể chất của sự vật.

Nhưng nếu dùng đến hiểu biết, con người có thể làm cho nhẹ bớt tình cảm của mình.

Thí dụ như một người hiểu biết sẽ không nổi giận khi gặp cơn mưa ngăn trở cuộc đi chơi, trong khi đứa trẻ con lại hay nổi giận. Lý do là người kia có sự hiểu biết rộng hơn về sự vật

. Triết gia Spinoza có nói: Ý thức càng hiểu về sự tất nhiên của mọi vật, thì dễ đạt kết quả và càng ít bị khổ đau.

Như thế Đạo Gia muốn nói: "lấy lý hóa tình". Nam Hoa kinh viết một chuyện liên quan tới chính Trang tử: Khi vợ Trang tử chết, bạn thân của ông là Huệ tử đến chia buồn. Huệ tử ngạc nhiên thấy Trang tử ngồi dưới đất mà hát. Huệ tử hỏi tại sao không buồn thì Trang tử đáp: "Lúc nàng mới chết tôi làm sao không khỏi buồn rầu. Nhưng xét đầu tiên cả nàng vốn không sinh. Không những không sinh mà vốn không hình. Không những không hình mà vốn không khí. Lộn xộn trong cõi hoảng hốt, biến mà có khí, khí biến mà có hình; hình biến mà có sinh; nay lại biến mà chết; những việc ấy có khác gì sự đi lại của bốn mùa thu đông.

Người đã nằm yên trong ngôi nhà lớn, mà tôi lại đi theo khóc lóc, như vậy tự thấy mình không thông hiểu mệnh, cho nên tôi không khóc.

Nhà đại chú giải Quách Tượng viết về đoạn nầy:

Người không hiểu biết thì buồn rầu nhưng khi đã hiểu biết thì không cảm thấy buồn rầu nữa. Cho nên có thể lấy Lý mà hóa Tình.

Lấy thí dụ là "cái chết", một trong tất cả sự vật, Trang tử muốn nói rằng sự hiểu biết bản chất tương đối tự nhiên của mọi sự vật bên ngoài của lý trí khiến thánh nhân thừa nhận một cách tất nhiên diễn tiến tự nhiên không tránh khỏi của sự vật. Như vậy Tình cảm của thánh nhân về sự vật hay từ sự vật không bị lay động. Do đó thánh nhân có được Hạnh phúc tuyệt đối.

Tình cảm hay cảm xúc của thánh nhân không giao động không có nghĩa là thánh nhân không có tình cảm (vô tình).

Theo Trang tử, người đạt được Hạnh phúc tuyệt đối được gọi là Thánh nhân, Thần nhân hay Chí nhân.

ĐƯỜNG LỐI ĐẠT HẠNH PHÚC THEO ĐẠO GIÁO

TỪ HẠNH PHÚC TƯƠNG ĐỐI TỚI HẠNH PHÚC TUYỆT ĐỐI

Lấy thí dụ là "cái chết", một trong tất cả sự vật, Trang tử muốn nói rằng sự hiểu biết bản chất tự nhiên của mọi sự vật của lý trí khiến thánh nhân thừa nhận một cách tất nhiên diễn tiến tự nhiên không tránh khỏi của sự vật.

Như vậy tình cảm của thánh nhân về sự vật hay từ sự vật không bị lay động. Do đó thánh nhân có được Hạnh phúc tuyệt đối. Tình cảm hay cảm xúc của thánh nhân không giao động không có nghĩa là thánh nhân không có tình cảm (vô tình).

Theo Trang tử, người đạt được Hạnh phúc tuyệt đối được gọi là Thánh nhân, Thần nhân hay Chí nhân.

Như vậy, đường lối theo Đức chỉ đạt được Hạnh phúc tương đối; muốn đạt được Hạnh phúc tuyệt đối phải có sự hiểu biết cao về bản chất sự vật.

Tiếp theo, Trang tử đi sâu vào chi tiết về bản chất sự vật để từ đó đưa ra đường lối khác theo Đạo để đạt Hạnh phúc tuyệt đối trong đời sống.

Trong thiên Tiêu Dao Du của Nam Hoa kinh, sau khi mô tả sự sung sướng của chim đại bàng và chim tu hú, Trang tử nói thêm rằng trong đời còn có một người tên là Liệt tử có thể cỡi gió mà bay. Nam Hoa kinh viết tiếp: Đối với kẻ có phúc, người như thế đó là ít có. Nhưng dẫu khỏi phải đi cũng phải nhờ cậy vào vật gì. Vật ấy tức là gió, và bởi vì phải cậy vào gió cho nên hạnh phúc cũng là tương đối trong trường hợp nầy.

Nam Hoa kinh viết tiếp: Nếu dựa vào cái chính của Trời Đất, cỡi trên sự biến hóa của Lục khí, để rong chơi trong cõi vô cùng, thì người kia còn cậy vào gì nữa?

Cho nên Chí nhân không mình, Thần nhân không công, Thánh nhân không danh. Đoạn nầy tả người đã đạt được Hạnh phúc tuyệt đối, đó là người Chí nhân, Thánh nhân hay Thần nhân.

Người nầy tuyệt đối sung sướng vì đã ngoài vòng phân biệt thông thường với sự vật.

Người ấy vượt qua sự phân biệt giữa mình và vạn vật, giữa "ngã" và "vô ngã".

Do đó Chí nhân không còn có mình nữa.

Thần nhân đã hợp nhất với Đạo. Đạo không làm gì nên Đạo không có công dụng gì.

Thần nhân là hợp nhất với Đạo nên Thần nhân cũng không có công dụng gì.

Thánh nhân có thể cai trị thiên hạ nhưng chánh trị của Thánh nhân là để yên thiên hạ, và để cho mỗi người sử dụng một cách trọn vẹn và tự do những khả năng tự nhiên của họ.

Đạo là vô danh, do đó Thánh nhân cũng vô danh vì đã hợp nhất với Đạo.

Từ sự hiểu biết bản chất tự nhiên của sự vật, tâm thức của thánh nhân không có quan điểm thiển cận mà có quan điểm siêu việt sáng suốt (vượt qua sự thiển cận).\

Quan điểm thiển cận là phân biệt mọi sự vật vì không nhìn thấy sự tương đối của sự vật.

Quan điểm sáng suốt siêu việt là đứng ngoài sự phân biệt mọi sự vật, nhìn thấy sự tương đồng và tương ứng mặc dù tương phản của mọi sự vật và cuối cùng không phân biệt mình với mọi sự vật (ngã và vô ngã).

Quan điểm siêu việt còn được Đạo Gia gọi là Quan điểm của Đạo.

Từ đó thánh nhân sống hợp Nhất với vạn vật và như thế sống sung sướng trong mọi sự vật, đạt được Hạnh phúc tuyệt đối.

QUAN NIỆM THIỂN CẬN

Quan điểm thiển cận là phân biệt sự vật. Đây là những thí dụ điển hình về quan điểm thiển cận. - Quan điểm thiển cận coi ý kiến của mình là đúng và ý kiến của người khác là sai. Do đó Nam Hoa kinh viết: Cho nên mới có sự thị phi của Nho Mặc: bên này cho là đúng điều mà bên kia cho là sai; bên này cho là sai điều mà bên kia cho là đúng. - Khi lý luận theo quan điểm thiển cận của

mình, tất không có phương sách để đạt tới kết luận cuối cùng hay để quyết định thuộc về phía nào mới thật là phải hay mới thật là trái.

Nam Hoa kinh viết: Ví thử ta và ngươi biện luận với nhau.

Nếu ngươi thắng ta, ta không thắng ngươi, ngươi quả thật là phải, ta quả thật là trái chăng?

Nếu ta thắng ngươi, ngươi không thắng ta, ta quả thật là phải, ngươi quả thật là trái chăng?

Hoặc có một người phải, có một người trái chăng?

Hoặc cả hai ta đều là phải, đều là trái chăng?

Ta và ngươi đều không thể biết được, người khác cũng ở trong sự mờ mịt, thử hỏi người nào để quyết định cho đúng?

Nếu người cùng quan điểm với ngươi quyết định, đã cùng quan điểm với ngươi thì làm sao có thể quyết định?

Nếu người cùng quan điểm với ta quyết định, đã cùng quan điểm với ta thì làm sao có thể quyết định?

Nếu người khác quan điểm với ta và ngươi quyết định, đã khác với ta và ngươi, làm sao có thể quyết định?

Nếu người cùng quan điểm với ngươi và ta quyết định, đã cùng quan điểm với ta và ngươi thì làm sao quyết định?

Tại sao thánh nhân không thể và không nên phân biệt sự vật (không có quan điểm thiển cận) vì rất khó phân biệt được. Lý do là vì mọi sự vật đều tương đối tức là mọi sự vật đều phải đổi thay (theo thời gian và không gian) và mọi vật đều có muôn ngàn khía cạnh (ở một thời điểm hay địa điểm).

Nam Hoa kinh viết: Có chết thì có sống. Có sống thì có chết. Có có thể thì có không có thể. Có không có thể thì có có thể.

QUAN ĐIỂM SIÊU VIỆT

Quan điểm sáng suốt siêu việt là đứng ngoài sự phân biệt mọi sự vật, nhìn thấy sự tương đồng và tương ứng mặc dù tương phản của mọi sự vật và cuối cùng không phân biệt mình với mọi sự vật (ngã và vô ngã). –

Quan điểm siêu việt sáng suốt là vượt qua quan điểm thiển cận phân biệt sự vật vì mọi sự vật đều tương đối.

Do đó thánh nhân không nên phân biệt mà phải đứng ngoài sự phân biệt mọi vật. Quan điểm siêu việt là quan điểm của Đạo mà Đạo thì đứng ngoài vạn vật. Nam Hoa kinh viết: "Này" cũng là "kia". "Kia" cũng là "này". "Kia" có phải trái của nó. "Này" cũng có phải trái của nó. Phải chăng quả thật có sự phân biệt "kia" và "này"? Hay phải chăng không có sự phân biệt giữa "kia" và "này". –

Quan điểm siêu việt sáng suốt là nhìn thấy sự tương đồng trong sự tương phản của mọi sự vật.

Mọi vật cùng một gốc sinh ra, đó là Đạo. Tuy khác nhau nhưng mỗi vật có bản tính và khả năng tự nhiên của nó. Do đó mọi vật có chỗ giống nhau là chúng đều là vật và có thể hữu ích (khả dĩ).

Nam Hoa kinh viết:

Được là được, không được là không được. Đạo làm nó mà nên, vật ứng nó mà vậy.

Vì sao là vậy? Vì vậy là vậy. Vì sao không là vậy. Vì không vậy là không vậy.

Mỗi vật vốn có sở nhiên, vốn có sở khả. Không vật nào bất nhiên, không vật nào bất khả. Cho nên mới có đòn tay với cột trụ, người xấu với Tây thi, lạ lùng, dối trá; Đạo đều thông làm một. –

Quan điểm siêu việt sáng suốt là nhìn thấy sự tương trợ bù trừ lẫn nhau tuy tương phản của sự vật. Thành của vật nầy là cái hủy của vật khác.

Nam Hoa kinh viết:

Phân là thành, thành là hủy. Phàm vật không thành không hủy là thông làm một. Khi làm cái bàn bằng gỗ chẳng hạn, thì về phương diện bàn là thành, nhưng về phương diện gỗ hay cây là hủy. Cho nên thành hay hủy chỉ có nghĩa trong quan điểm thiển cận mà thôi.

Đứng trên quan điểm siêu việt thì không có thành và không có hủy. - Cuối cùng, không có sự phân biệt giữa "ngã" và 'vô ngã". Đứng trên quan điểm siêu việt thì "ngã" và "vô ngã" là hợp nhất.

Nam Hoa kinh viết:

Trong thiên hạ không có cái gì lớn hơn đầu sợi lông mùa thu, mà núi Thái sơn là nhỏ.

Chẳng có ai thọ hơn đứa trẻ chết non, mà Bành tổ (người tương truyền sống đến 800 tuổi) là yểu.Trời đất cùng sinh với ta, muôn vật làm một với ta".

Như vậy mỗi người hợp nhất với vạn vật. Đó là quan điểm siêu việt, gọi là quan điểm của Đạo vì Đạo sinh ra muôn vật

HẠNH PHÚC TUYỆT ĐỐI

Tóm lại thánh nhân có quan điểm hiểu biết siêu việt sáng suốt và không có hoặc quên đi quan điểm hiểu biết thiển cận phân biệt.

Thánh nhân vượt qua sự phân biệt mà hợp nhất với vạn vật. khi đó thánh nhân sống sung sướng trong vạn vật.

Nam Hoa kinh viết: Trời Đất là vạn vật hợp nhất. Đạt tới cái Nhất thì làm một với Trời Dất, tay chân ta không hơn gì bùn đất; sống chết, đầu cuối, không khác gì sự nối tiếp của ngày đêm, đều không thể làm bận lòng.

Như vậy, hẳn không bận tâm vì được thua, may rủi.

Đạo gia gọi "đạt tới cái Nhất" nghĩa là hợp nhất với vạn vật.

Ở đây Trang tử cũng đã đạt tới giải đáp cuối cùng của vấn đề bản lai của Đạo Gia nguyên thủy như thế nào.

Vấn đề ấy là giữ mạng sống và tránh đau khổ hiểm nguy.

Nhưng đối với Thánh nhân, chính nó không còn là vấn đề nữa vì thánh nhân không phân biệt nữa.

Thánh nhân không còn phân biệt, xem sống cũng như chết, thua cũng như được.

Nam Hoa kinh viết: Phải mà không phải, vậy mà không vậy.

Phải nếu quả thật là phải, thì phải khác với không phải, chẳng có chi là phải bàn.

Vậy nếu quả thật là vậy, thì vậy khác với không vậy, cũng chẳng có chi phải bàn.

Hãy quên sự phân biệt Phải Trái.

Hãy vui trong cõi Vô cùng và dừng tại đấy.

Cõi Vô cùng là cảnh giới của người đạt Đạo, kinh nghiệm đời sống trong cõi Vô cùng.

Người nầy quên tất cả những phân biệt về mọi vật, ngay những kinh nghiệm trong chính đời sống của chính người ấy.

Như vậy, Thánh nhân vượt qua sự phân biệt mà hợp nhất với vạn vật thì thánh nhân sống sung sướng trong vạn vật, có Hạnh phúc tuyệt đối.

Nên Nam Hoa kinh đã có viết:

Nếu dựa vào cái chính của Trời Đất, cỡi trên sự biến hóa của Lục khí, để rong chơi trong cõi Vô cùng. Người nầy hoàn toàn Tự tại nên có Hạnh phúc tuyệt đối.

Thánh nhân làm một với Đại Nhất nghĩa là làm một với Vạn vật.

Bởi vì vạn vật luôn luôn tồn tại nên Thánh nhân cũng không ngừng tồn tại.

Nam Hoa kinh viết:

Giấu thuyền dưới vũng, dấu lưới trong hồ, có thể gọi là chắc vậy.

Nhưng nửa đêm, một người sức lực đến mang đi, người mê muội sẽ không biết tới.

Giấu vật lớn nhỏ đều có chỗ thích nghi, vẫn còn có thể mất.

Nhưng nếu giấu thiên hạ trong thiên hạ thì không thể mất, đó là Tình lớn của mọi vật.

Cho nên Thánh nhân dạo chơi trong cõi vật thì không thể mất mà cùng còn.

Do đó Thánh nhân cũng không bao giờ ngừng tồn tại hay nói đúng hơn Hạnh phúc tuyệt đối của thánh nhân tồn tại chắc chắn.

Tóm tắt: Từ sự hiểu biết bản chất tự nhiên của sự vật, tâm thức của thánh nhân không có quan điểm thiển cận mà có quan điểm siêu việt sáng suốt (vượt qua sự thiển cận).

Quan điểm thiển cận là phân biệt mọi sự vật vì không nhìn thấy sự tương đối của sự vật.

Quan điểm sáng suốt siêu việt là đứng ngoài sự phân biệt mọi sự vật, nhìn thấy sự tương đồng và tương ứng mặc dù tương phản của mọi sự vật và cuối cùng không phân biệt mình với mọi sự vật (ngã và vô ngã).

Quan điểm siêu việt còn được Đạo Gia gọi là Quan điểm của Đạo. Từ đó thánh nhân sống hợp Nhất với vạn vật và như thế sống sung sướng tồn tại trong mọi sự vật, đạt được Hạnh phúc tuyệt đối.

NỘI THÁNH

Theo phương pháp tu hành thực tế là thánh nhân phải vượt qua và quên những sự phân biệt về sự vật.

Để đạt tới mục tiêu nầy, Thánh nhân phải bỏ hết những hiểu biết và áp dụng phương pháp do đó Đạo Gia đạt tới "Nội thánh".

Công dụng của hiểu biết (tri thức = tri giác và nhận thức), theo nghĩa thông thường, là để phân biệt; hiểu biết mọi vật là biết sự khác nhau giữa mỗi vật và các vật khác.

Do đó vứt bỏ hiểu biết có nghĩa là quên những sự phân biệt.

Một khi đã quên cái sự phân biệt thì hợp nhất với vạn vật.

Đạo Gia còn gọi đó là trở thành cái Nhất bất phân hóa, tức là Đại toàn thể.

Bởi vì Thánh nhân đã thỏa mãn điều khiện nầy, ta có thể nói rằng Thánh nhân đã đạt đến bậc hiểu biết siêu việt mà Đạo Gia gọi là "hiểu biết không phải là hiểu biết".

Nam Hoa kinh viết đoạn đối thoại tưởng tượng giữa **Khổng tử** (sáng lập Nho Gia) và học trò thân của Khổng tử là **Nhan Hồi.**

Nhan Hồi nói: "**Hồi đã tiến**" Khổng tử hỏi: "Thế nghĩa là gì?" Trả lời: "**Hồi quên Nhân Nghĩa"** Khổng tử nói: "Khá đấy, nhưng còn chưa đủ"

Ngày khác, Nhan Hồi lại gặp Khổng tử mà nói: "**Hồi đã tiến**"

Khổng tử nói: "Thế nghĩa là gì?"

Thưa; "

" **Khổng tử** nói: "Khá đấy, nhưng còn chưa đủ"

Ngày khác **Nhan Hồi** lại đến gặp, thưa: "**Hồi đã tiến**"

Khổng tử hỏi: "Thế là nghĩa gì?" N

Nhan Hồi thưa: "**Hồi ngồi quên**"

Khổng tử biến sắc hỏi: "Thế nào là ngồi quên?"

Nhan Hồi thưa: **"Buông chi thể, cất thông minh, xa hình, bỏ biết, cùng ở đại thông, ấy gọi là ngồi quên"**

Khổng tử nói: "**Cùng thì không muốn, hóa thì không sai, ngươi quả là người hiền chăng**?

Khâu đây cũng xin theo sau". (Khâu là tên của Khổng tử).

Như vậy **Nhan Hồi đã đạt Nội thánh bằng cách vứt bỏ hiểu biết.**

Kết quả là ông "**có sự không hiểu biết**". Nó khác với người ngu dốt "không có sự hiểu biết". Nhan Hồi từ "không có sự hiểu biết" tiến bộ tới "có sự hiểu biết" cho tới hoàn thiện của tinh thần là "có sự không hiểu biết".

Có thể nói đúng hơn **Thánh nhân "hiểu biết siêu việt, không phải là hiểu biết thông thường**", hay nói đúng hơn nữa, **Thánh nhân có quan điểm siêu việt sáng suốt, không phải quan điểm phân biệt thông thường thiển cận .**

NGOẠI VƯƠNG : LÝ THUYẾT CHÍNH TRỊ XÃ HỘI CỦA TRANG TỬ

Trang tử trước hết cũng phản đối và đòi bỏ những gì Lão tử đòi bỏ, mà Lão tử gọi là "những rối loạn".

Trang tử gọi đó là **Nhân vi, không tự nhiên (theo Đức).**

Đó là những điều chính quyền và xã hội muốn đem những pháp luật, đạo đức hay danh lợi có tính chất nhất trí áp dụng cho (mỗi) cá nhân và xóa bỏ sự sai biệt.

Theo Trang tử, động cơ thúc đẩy những người cố áp dụng sự nhất trí ấy có thể hoàn toàn là rất hay đẹp. Khi thấy điều gì tốt đẹp cho họ, họ cũng lo lắng mong sao cho người khác được hưởng như mình. Cái ý định tốt ấy của họ tuy nhiên lại làm cho tình trạng bi thảm hơn.

Nam Hoa kinh viết: Ngày xưa có con chim biển đậu ở ngoài thành nước Lỗ; Lỗ hầu ngự ra đón chim để mời chim uống rượu trong miếu đường, sai tấu nhạc cửu thiều để chim vui, mổ bò lấy thịt cho chim ăn. Nhưng chim ngơ ngác lo buồn chẳng dám ăn một miếng thịt, chẳng dám uống một chén rượu; ba ngày thì chim chết.

Đó là **lấy cái nuôi mình mà nuôi chim, không phải lấy cái nuôi chim mà nuôi chim.**

Cá ở dưới nước thì sống, người ở dưới nước thì chết.

Bởi vì đã khác nhau ắt điều thích điều ghét hẳn cũng khác nhau.

Cho nên thánh nhân đời trước không làm cho mọi khả năng và sự việc trở thành độc nhất.

Trang tử phản đối chánh quyền máy móc theo pháp luật hay chế độ vì nó cũng như "tròng cổ ngựa hay xâu mũi bò" hay " hoặc cũng như "nối thêm chân vịt hay chặt bớt chân hạc". Cái tự nhiên và hồn nhiên thành giả tạo.

Ông bảo đó là: **Lấy Người để diệt Trời (Nam Hoa kinh).**

Kết quả chỉ có thể khổ sở và khổ hạnh.

Trang tử chủ trương rằng phương sách cai trị hay nhất là vô chính phủ.

Nam Hoa kinh viết lời của Trang tử:

Ta nghe nói **Để yên thiên hạ, không nghe nói Trị Thiên hạ.**

Để yên thiên hạ là sợ làm cho Thiên hạ Tính bị hư, Đức bị dời.

Nếu Thiên hạ không hư Tính, không dời Đức, thì cần chi phải Trị thiên hạ?

Như vậy, Lão tử và Trang tử đều **chủ trương vô chính phủ** nhưng mỗi người có một lý do khác nhau.

Theo Lão tử là **vô vi mà "trở lại cái động của Đạo"**, càng cai trị thì lại càng không đạt được kết quả mong muốn.

Theo **Trang tử** là **bỏ Nhân vi mà theo cái Tự nhiên của Đức; càng cai trị thì tự nhiên bị Nhân vi lấn áp thì khổ sở và bất hạnh càng thêm.**

KẾT LUẬN

Đạo Gia và Thiền Tông Triết lý của Trang tử không khác với Triết lý của Thiền Tông. –

Trang tử của Đạo Gia dạy**: Đức là bản tánh bẩm sinh khác nhau của mỗi người. Sống theo Đức tức là phát triển khả năng bẩm sinh của mình một cách trọn vẹn và tự do thì ta đạt Hạnh phúc tương đối.**

Mọi sự vật đều tương đối, nếu Tâm ta không phân biệt sự vật thì ta hợp nhất với mọi sự vật và sống sung sướng trong mọi sự vật. Khi đó ta đạt Hạnh phúc tuyệt đối. –

Thiền Tông của **Phật Giáo Đại Thừa** dạy: Phật Tánh Từ bi là bản tánh bẩm sinh giống nhau của mỗi người . **Mọi sự vật đều tương đối (vì đều vô ngã), nếu Tâm ta không dính chặT (trụ) vào sự vật thì Phật Tánh trong ta sẽ lộ ra Từ bi, sống dung hòa với mọi sự vật.**

Khi đó Tâm ta an tịnh và thoát khỏi Phiền não.

Đạo Gia và Đạo Giáo Tần Thủy Hoàng đế thống nhất Trung Quốc, gồm thâu 6 nước (thế kỷ thứ 3 tr CN), thời Chiến Quốc chấm dứt (năm 221 tr CN).

Nhà Hán (206 tr CN - 220) tiếp theo nhà Tần trị vì Trung Quốc trong hơn 4 thế kỷ. Đến thời nhà Hán có một tôn giáo xuất hiện là Đạo Giáo: Vì nó có liên quan tới Đạo Gia của thời Xuân Thu và thời Chiến Quốc nên được có tên là **Đạo Giáo**. Vì nó có tôn thờ Lão tử nên còn có tên là Lão giáo. Hai ngành của Đạo Giáo: Ngành đầu tiên thường được gọi là **Tiên Đạo**. Những người đi tu theo Tiên Đạo là những Chơn nhơn ẩn tu trong thiên nhiên rừng núi luyện đơn (luyện thuốc) mà thành Tiên, sống trường sinh bất tử và có phép lạ. Ngành nầy được nói đến trong lịch sử là câu chuyện về Trương Lương, trọng thần của Hán Cao tổ (vị vua sáng lập nhà Hán), đi tu theo ông tiên là Hoàng Thạch Công. Ngành nầy thường được biết với truyền thuyết Bát Tiên, đứng đầu là Lý Thiết Quày và Hớn Chung Ly (Chung Ly Quyền) thời nhà Hán.

Bát Tiên gồm có Lý Thiết Quày, Hớn Chung Ly, Lữ Đồng Tân, Trương Quả Lão, Lam Thể Hòa, Hà Tiên cô, Hàn Tương Tử và Tào Quốc cựu.

Đường lối sống ẩn tu theo thiên nhiên rất hợp với triết lý Đạo Gia và những triết gia của Đạo Gia như Lão tử hay Trang tử cũng là những ẩn sĩ. Dĩ nhiên ngành Đạo Giáo nầy không phổ thông trong xã hội và dễ trở thành thần thoại.

Ngành thứ nhì là những người đi tu gọi là **Đạo sĩ, thờ Lão tử,** một triết gia của Đạo Gia (tôn là Thái Thượng Lão Quân) dùng phương thuật, tế lễ, bùa chú, kinh kệ, thờ cúng, trị bệnh... Ngành thứ nhì có lẽ đã thành hình từ lâu nhưng chính thức xuất hiện trong lịch sử từ Trương Đạo Lăng (cháu 8 đời của Trương Lương) vào cuối thời nhà Hán. Giáo pháp của ngành nầy đi ngược với triết lý của Đạo Gia.

Ngành thứ nhì nầy của Đạo Giáo rất phổ biến trong xã hội nhân gian Trung Quốc và lưu truyền sang các nước láng giềng như Việt Nam. Nó rất gần với và dễ trở thành mê tín. Những Đạo sĩ có khi là những Phù thủy. Như vậy Đạo Gia và Đạo Giáo khác nhau.

Đạo Giáo là một tôn giáo có từ thời nhà Hán còn **Đạo Gia** là một học phái triết học trong thời Xuân Thu và Chiến Quốc

Đạo Gia và Nho Gia là 2 học phái triết lý lớn nhất trong Lục Gia vào thời Xuân Thu và Chiến Quốc ở Trung Quốc.

Từ thời Hán Vũ đế vào đầu nhà Hán (thế kỷ thứ 2 tr CN) cho tới nhà Thanh (đầu thế kỷ 20), triết lý của Nho Gia (Nho Học, Nho Đạo, Nho Giáo) chiếm địa vị độc tôn trong chính trị và văn hóa của xã hội Trung Quốc nên Đạo Gia suy tàn từ đó, chỉ còn Đạo Giáo tồn tại.

Bs PHAN THƯỢNG HẢI biên soạn và giữ bản quyền Bài nầy đăng lần đầu trong phanthuonghai.com mục Văn Hóa phần Triết Lý và Tôn Giáo. Tài Liệu Tham Khảo

1) Đại Cương Triết Học Sử Trung Quốc (Phùng Hữu Lan, bản dịch của Nguyễn Văn Dương)

2) Giáo Lý Giác Ngộ của Đại Thừa Thiền Tông (Bs Phan Thượng Hải) - phanthuonghai.com

3) Đạo Giáo (Wikipedia) Bs PHAN THƯỢNG HẢI biên soạn và giữ bản quyền.

QUAN NIỆM HẠNH PHÚC ĐA DẠNG & SÂU XA NHƯ THẾ NÀO

Tác giả:Bác sĩ Nguyễn Lâm Giang

Từ trước đến nay, hạnh phúc là một phạm trù rất rộng. Ngay cả khái niệm về hạnh phúc cũng không thể cô đọng bằng những ngôn từ súc tích nhất. Để diễn giải về vấn đề hạnh phúc, nhiều người đã phải kể ra cả một câu chuyện. Thậm chí là một trường ca, tiểu thuyết rất dài. Bài viết sau đây sẽ trình bày cơ bản vấn đề quan niệm về hạnh phúc để bạn đọc tham khảo.

1. KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ HẠNH PHÚC

"Hạnh phúc" là chủ đề tranh luận về cách sử dụng, ý nghĩa, và về sự khác biệt có thể có trong cách hiểu theo từng nền văn hóa. Từ "Hạnh phúc" được sử dụng chủ yếu liên quan đến hai yếu tố:

Trải nghiệm hiện tại về cảm giác của một cảm xúc (ảnh hưởng) như khoái cảm hoặc vui sướng. Hoặc một cảm giác chung hơn về tình trạng cảm xúc nói chung'. Ví dụ, Daniel Kahneman đã định nghĩa hạnh phúc là "những gì tôi trải nghiệm ở đây và bây giờ". Cách sử dụng này phổ biến trong các định nghĩa từ điển về hạnh phúc.

Khái niệm về hạnh phúc

Đánh giá mức độ hài lòng trong cuộc sống, chẳng hạn như chất lượng cuộc sống. Ví dụ, Ruut Veenhoven đã định nghĩa hạnh phúc là "sự đánh giá tổng thể về cuộc sống của một người". Kahneman đã nói rằng điều này quan trọng đối với con người hơn là trải nghiệm hiện tại.

Xem thêm: Cuộc thi "Viết vì người bệnh": Lan tỏa thông điệp tích cực, tạo giá trị cho cộng đồng

Theo đó, hạnh phúc chủ quan bao gồm các thước đo về trải nghiệm hiện tại (cảm xúc, tâm trạng và cảm giác) cùng sự hài lòng trong cuộc sống. Chẳng hạn như Sonja Lyubomirsky đã mô tả hạnh phúc là "trải nghiệm về niềm vui, sự hài lòng hoặc hạnh phúc tích cực. Kết hợp với cảm giác rằng cuộc sống của một người là tốt, có ý nghĩa và đáng giá".

2.- QUAN NIỆM HẠNH PHÚC THEO HƯỚNG TRIẾT HỌC

Triết lý về hạnh phúc thường được thảo luận cùng với đạo đức. Hạnh phúc không còn được định nghĩa trong mối quan hệ với đời sống xã hội, mà là trong tâm lý cá nhân. Tuy nhiên, hạnh phúc vẫn là một thuật ngữ khó đối với triết học đạo đức.

Trong cuốn Đạo đức học Nicomachean, Aristotle đã nói rằng hạnh phúc là điều duy nhất mà con người mong muốn vì lợi ích của mình. Không giống như giàu có, danh dự, sức khỏe hay tình bạn.

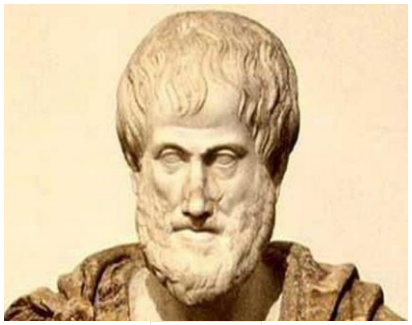

Aristotle

Các nhà đạo đức học phương Tây đã đưa ra những lập luận về cách con người nên cư xử, dựa trên kết quả hạnh phúc của hành vi đó.

Hạnh phúc nói chung là mục đích mà con người nên khao khát. Và những hành động mang lại hạnh phúc lớn nhất cho tất cả những người có liên quan được xem là đúng đắn.

Nói cách khác, đối với người Hy Lạp, đức hạnh là con đường dẫn đến hạnh phúc. Trong khi đối với những người theo chủ nghĩa vị lợi, hạnh phúc là tiêu chuẩn để đánh giá hành động đúng.

3,- QUAN NIỆM HẠNH PHÚC THEO HƯỚNG CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, XÃ HỘI

Theo nghĩa kinh tế – chính trị xã hội, hạnh phúc là tài sản của tập thể xã hội, hoặc của cơ quan chính trị. Nó được thể hiện bằng các thuật ngữ "hạnh phúc dân sự" và "hạnh phúc công cộng".

Đối với môi trường tự nhiên, Các phép đo tâm trạng ở các địa điểm và hoàn cảnh khác nhau ở Anh đã được thực hiện. Kết quả cho thấy mọi người hạnh phúc hơn trong không gian xanh, cách xa nơi làm việc. Và đặc biệt là khi họ đi cùng gia đình hoặc bạn bè.

Tham khảo thêm: Y tế thông minh: Xu thế tất yếu hay trào lưu tức thời?

Đối với môi trường tự nhiên và xã hội rộng lớn hơn: Các nghiên cứu chỉ ra rằng các quốc gia hạnh phúc nhất là những quốc gia quan tâm đến phát triển bền vững. Và nỗ lực nhiều hơn để đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững.

4.- QUAN NIỆM HẠNH PHÚC THEO TÂM LÝ HỌC

Các nhà Tâm lý học phân biệt các loại hoặc mức độ hạnh phúc khác nhau. Một phân loại phổ biến đề xuất ba cấp độ:

Thứ nhất liên quan đến sự cân bằng giữa cảm xúc nhất thời của chúng ta. Bao gồm cả tích cực (chẳng hạn như niềm vui) hoặc tiêu cực (ví dụ: lo lắng).

Thứ hai đề cập đến sự tự đánh giá nhận thức của con người về cuộc sống của mình theo nghĩa chung, dài hạn.

Thứ ba tập trung vào "sự hưng thịnh" và tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống.

Theo các nhà nghiên cứu Chu Kim-Prieto, Ed Diener và các cộng sự (2005), có ba cách chính để tiếp cận hạnh phúc trong tâm lý học tích cực:

Hạnh phúc như một đánh giá toàn cầu về cuộc sống và tất cả các khía cạnh của nó.

Sự hạnh phúc như hồi ức về những trải nghiệm tình cảm đã qua.

Hạnh phúc là sự kết hợp của nhiều phản ứng cảm xúc tích cực theo thời gian.

Hạnh phúc, Niềm vui, Hy vọng, Niềm tin.Tình yêu, Biết ơn

Hạnh phúc là sự kết hợp của nhiều cảm xúc tích cực

5. - QUAN NIỆM HẠNH PHÚC THEO TỪ ĐIỂN OXFORD

Từ điển Oxford định nghĩa "Hạnh phúc là cảm thấy hoặc thể hiện niềm vui hoặc sự hài lòng. Hiểu theo định nghĩa của từ điển Oxford, hạnh phúc là một trạng thái, không phải là một đặc điểm. Nói cách khác, đó không phải là một tính cách lâu dài, vĩnh viễn mà là một trạng thái có thể thay đổi, thoáng qua hơn.

Hạnh phúc được đánh đồng với cảm giác thích thú hoặc mãn nguyện. Có nghĩa là hạnh phúc không bị nhầm lẫn với niềm vui, sự sung sướng, hoặc những cảm giác mãnh liệt hơn khác. Hạnh phúc có thể là cảm giác hoặc sự thể hiện. Nghĩa là hạnh phúc không nhất thiết phải là trải nghiệm bên trong hay bên ngoài, mà có thể là cả hai.

6.- QUAN NIỆM HẠNH PHÚC CỦA PHẬT GIÁO TẤY TẠNG

Hạnh phúc là chủ đề trung tâm của giáo lý Phật giáo. Để giải thoát tối hậu khỏi đau khổ, Bát Chánh Đạo đưa hành giả đến Niết Bàn, một trạng thái bình an vĩnh viễn.

Hạnh phúc tối thượng chỉ đạt được bằng cách vượt qua tham ái dưới mọi hình thức.

Phật giáo Tây Tạng

Những hình thức hạnh phúc trần tục hơn, chẳng hạn như có được của cải và duy trì tình bạn tốt. Đây cũng được công nhận là những mục tiêu xứng đáng cho người cư sĩ. Phật giáo cũng khuyến khích phát sinh lòng từ và bi, mong muốn hạnh phúc và phúc lợi cho tất cả chúng sinh.

7.- QUAN NIỆM HẠNH PHÚC THEO NHO GIÁO

Nhà tư tưởng Nho giáo Trung Quốc Mạnh Tử là người đã tìm cách đưa ra lời khuyên cho các nhà lãnh đạo chính trị tàn nhẫn trong thời Chiến quốc. Ông tin rằng tâm trí đóng một vai trò trung gian giữa cái tôi sinh lý và cái tôi vĩ đại" (bản thân đạo đức).

(*Trung Quốc ? Nho giáo thực sự không phải là của Trung quốc. Trung quốc chỉ có Hán Nho bá đao: Tham tàn và Cường bạo.[Của người viết]*);

Mạnh Tử

Và việc nhận được những ưu điểm phù hợp giữa hai điều này sẽ dẫn đến đỉnh điểm của sự thông thái. Ông lập luận rằng nếu một người không cảm thấy hài lòng bằng "hành động chính đáng", thì sức mạnh của họ sẽ suy yếu. Đồng nghĩa với việc họ không cảm thấy thật sự hạnh phúc.

8.- QUAN NIỆM HẠNH PHÚC CỦA ĐẠO DO THÁI

Hạnh phúc hay simcha trong Do Thái giáo được xem là một yếu tố quan trọng trong việc phụng sự Đức Chúa Trời. Khi một người hạnh phúc, họ có khả năng phụng sự Đức Chúa Trời. Đồng thời thực hiện các hoạt động hàng ngày của họ nhiều hơn là khi chán nản hoặc buồn bã.

Đạo Do Thái
Cặp đối cực Tam giác lưỡng nhất

(Dịch Lý)

HẠNH PHÚC CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO

Nguyễn Giới, OP

"Thưa thầy nhân lành tôi phải làm gì để được sự sống đời đời?"

(x.Mt 19,16 -22; Mc 10, 17 -22; Lc 18, 18-23).

Đó là câu hỏi của người thanh niên giàu có trong Tin Mừng Matthêu - theo thánh Luca, câu hỏi này là của một vị thủ lãnh - hỏi Chúa Giêsu về con đường dẫn tới sự sống đời đời, hạnh phúc viên mãn. Khi đặt câu hỏi này với Chúa Giêsu, hẳn là người thanh niên hay vị thủ lãnh kia chưa tìm thấy được hạnh phúc mặc dầu họ rất giàu sang, đầy quyền lực, và hơn nữa, là người mẫu mực trong việc tuân giữ các điều răn Cựu Ước như Tin Mừng miêu tả. Như vậy, tiền bạc, quyền lực và đời sống chuẩn mực không phải là những thứ làm cho con người hạnh phúc, cụ thể với hai nhân vật trên. Vậy điều gì làm cho con người có được hạnh phúc thực sự? Phải chăng là ý nghĩa và mục đích sống? Dường như có được ý nghĩa và mục đích sống là có được hạnh phúc. Hạnh phúc nói

chung, cách riêng hạnh phúc của người công giáo là gì? Họ khắc khoải kiếm tìm hạnh phúc ở đâu? Họ phải làm gì để có được hạnh phúc? Đó là những ý tưởng của người viết muốn chia sẻ cùng quý đọc giả trong đề tài "hạnh phúc của người công giáo".

1. Hạnh phúc của người Công giáo

a. Hạnh phúc là gì?

Câu trả lời là tùy vào cảm nhận của mỗi người bởi vì hạnh phúc mang nhiều sắc thái khác nhau. Có những người thấy được hạnh phúc từ những điều rất nhỏ bé và bình dị. Nhưng người khác lại cho rằng hạnh phúc là phải đạt được mục tiêu lớn lao…Chỉ một cái nhắp chuột trên Google, tức khắc 0,16 giây, bạn có trên chục ngàn kết quả khác nhau liên quan đến hạnh phúc. Vậy đâu là tiêu chí chung để quy cho trạng thái nào đó là hạnh phúc?

Theo quan điểm của người viết, hạnh phúc là trạng thái Tâm hồn bình an. Sở dĩ đưa ra khẳng định như vậy là vì từ ngày nguyên tổ phạm tội, loài người phải mang án phạt: phải đau khổ và phải chết. Chính vì thế, con người luôn cảm thấy buồn phiền lo âu và sợ hãi nên luôn khao khát và tìm kiếm sự bình an trong tâm hồn.

b. Đâu là hạnh phúc của người Công giáo?

Hạnh phúc của người công giáo chính là được làm con Thiên Chúa, là Cha đầy lòng yêu thương, và được làm con trong cung lòng Mẹ Hội Thánh. Đó là một ân ban nhưng không bởi con người chỉ là tro bụi, là hơi thở với tuổi đời tựa bóng câu (x.Tv 144,4), nhưng được Thiên Chúa đoái đến và nhận làm nghĩa tử. Ân ban Tình thương ấy cụ thể hóa qua việc Thiên Chúa ban người con Duy nhất là Đức Giêsu Kitô đến hiến mạng vì tội lỗi của chúng ta (x.Ga 3,16). Như Thánh Phaolô cảm nghiệm, hạnh phúc của người công giáo là được Thiên Chúa tha thứ tội lỗi (x. Rm 4,7). Hạnh phúc người công giáo còn là kẻ được mời đến dự Yến Tiệc Con Chiên như thánh Gioan cảm nhận (x. Kh 19,9). Tác giả Thánh vịnh cho rằng Hạnh Phúc ấy là Chính Chúa, là được ở kề bên Chúa (x. Tv 73,28).

Hạnh phúc người công giáo … là sự suy gẫm và cảm nghiệm của chính bạn về Tình Thương Thiên Chúa. Hãy dừng lại cảm nghiệm về nó vài phút, bạn sẽ cảm thấy hạnh phúc vì bạn được làm người công giáo.

2. Có mấy thứ hạnh phúc và kiếm tìm nó ở đâu?

a. Mấy thứ hạnh phúc?

Tựa như con người có hai phần: xác và hồn, thì hạnh phúc cũng có hai thứ: hạnh phúc đời này và hạnh phúc mai sau trong Nước trời.

Đọc Thánh kinh, chúng ta sẽ thấy hai thứ hạnh phúc này. Hai thứ hạnh phúc này liên hệ mật thiết với nhau; nghĩa là muốn được hưởng hạnh phúc trường sinh thì phải đạt được hạnh phúc ngay ở đời này. Chính Chúa Giêsu cho thấy sự liên hệ này là "Triều Đại Thiên Chúa đang ở giữa các ông" (Lc 17,19), khi nhóm người Pharisiêu chất vấn Người về Nước Thiên Chúa.

b. Kiếm tìm hạnh phúc ở đâu?

Thánh Phaolô cho chúng ta biết:

"Nước Thiên Chúa không phải là chuyện ăn chuyện uống, nhưng là sự công chính, bình an và hoan lạc trong Thánh Thần" (Rm 14, 17).

Quả vậy, người Kitô hữu xác tín rằng hạnh phúc thật chỉ có nơi Thiên Chúa. Nơi Người, họ mới gặp được chân lý trọn vẹn, đồng thời đạt đến hạnh phúc đích thực mà nhân loại không ngừng tìm kiếm.

Tác giả sách thánh vịnh cảm nghiệm "Chỉ trong Thiên Chúa mà thôi, hồn tôi mới được nghỉ ngơi yên hàn. Ơn cứu độ tôi bởi Người mà đến" (Tv 62,2). Sở dĩ hạnh phúc từ nơi Thiên Chúa là vì con người đến từ Thiên Chúa và sẽ về với Người, nên con người khát khao Thiên Chúa tận đáy sâu trong Tâm hồn và chỉ nơi Thiên Chúa mới có hạnh phúc và bình an đích thực. Thánh Âutinh đã cảm ra Tình Chúa và thân thưa: "Lạy Chúa, Chúa đã dựng nên con và lòng con khắc khoải cho tới khi tâm hồn con được an nghỉ trong Chúa".

Hạnh phúc là được bình an. Bình an là trạng thái vô hình. Nhưng để có được sự bình an, con người cần tìm nó qua các dấu chỉ hữu hình. Đó là tìm đến với Thánh lễ hằng ngày, tham dự các các Bí tích, đọc Kinh Thánh, cử hành Phụng vụ các giờ kinh…Qua các nghi lễ phụng tự này, chúng ta kín múc được sự Bình an của Chúa.

3. Người công giáo làm gì để có hạnh phúc?

Giữa con người và Thiên Chúa có mối quan hệ thân thiết và sâu xa. Tuy nhiên, mối quan hệ này có thể bị lãng quên, hay bị từ chối do những nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan. Muốn giữ được mối liên hệ thiết thân và được bình an của Chúa, người Kitô hữu phải chu toàn 4 bổn phận của mình trong chân thật, công bằng và yêu thương theo thánh ý Người.

a. Với Thiên Chúa

Bổn phận của người Kitô hữu với Thiên Chúa là tuân giữa các thánh chỉ và mệnh lệnh của Người vì hạnh phúc được ban cho người tuân giữ luật Pháp Chúa và vâng theo thánh ý Ngài (x. Tv 119,1-2; Lc 11,27-28). Khi tuân giữ luật Pháp Chúa là lúc chúng ta Yêu mến người vì yêu mến Thiên Chúa là tuân giữ các điều răn của Người (1Ga 5,3). Yêu mến Chúa đồng nghĩa với việc ý thức mình phải biết cậy tin vào lòng Chúa Tín Trung bởi vì phúc cho người biết tin cậy vào Chúa (x. Gr 17,5-10; Is 30,18) và phải biết Kính Sợ Thiên Chúa (x. Tv 112,1; 128,1).

b. Bổn phận đối với Cha Mẹ

Cha mẹ chính là người thiết thân nhất của mỗi người mà Thiên Chúa dạy chúng ta phải có bổn phận với các ngài để có được hạnh phúc. Sách đệ nhị Luật dạy: "

Ngươi hãy thờ Cha kính Mẹ, như Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, đã truyền cho ngươi, để được sống lâu, và để được hạnh phúc trên đất mà Đức Chúa, Thiên Chúa ngươi, ban cho ngươi." (Đnl 5,16).

Thánh Phaolô tông đồ trong thư gửi giáo đoàn Êphêsô giáo huấn: "Kẻ làm con hãy vâng lời cha mẹ trong mọi sự, vì đó là điều đẹp lòng Chúa. Kẻ làm con, hãy vâng lời cha mẹ theo tinh thần của

Chúa, vì đó là điều phải đạo. Hãy tôn kính cha mẹ. Đó là điều răn thứ nhất có kèm theo lời hứa: để ngươi được hạnh phúc và hưởng thọ trên mặt đất này (Êp,1-3).

c. Bổn phận đối với Tha nhân

Bổn phận của người công giáo với tha nhân là phải yêu thương họ như chính bản thân mình. Đó là điều răn thứ hai mà chính Chúa Giêsu dạy chúng ta (x. Mt 23, 34 -40; Lc 10, 25 -28; Mc 12,28-34). Thiên Chúa hứa sẽ ban phúc trường sinh cho những người biết giúp đỡ người đau khổ, nghèo đói, bệnh tật trong ngày Chung Thẩm (x. Mt 25,31.46). Lời Kinh hòa bình của Phanxicô cho thấy bổn phận và sự liên đới của chúng ta với tha nhân là "Mến yêu và phụng sự Chúa trong mọi người". Chúng ta được dựng nên trong kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa nên chúng ta sống là sống cùng, sống với và sống cho mọi người. Khi chúng ta biết cho đi là khi được nhận lãnh. Sách Công vụ Tông đồ dạy "Cho thì có phúc hơn là nhận." (Cv 20,35). Thánh Gioan Tông đồ chỉ ra cho chúng ta thấy điều luật này "Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta, chúng ta cũng phải yêu thương nhau" (1Ga 4,11). Yêu thương là điều răn mới Chúa Giêsu dạy các môn đệ và chúng ta trong Bữa Tiệc Ly "Thầy ban cho anh em một điều răn mới là anh em hãy yêu thương nhau; anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em" (Ga 13,34).

d. Với Bản thân

Sống lời mời gọi của thánh Phaolô là hãy sống theo Thần Khí, thay vì chiều theo thoả mãn đam mê của tính xác thịt (x. Gl 5,17-20). Cũng theo thánh Phaolô, những kẻ sống theo xác thịt sẽ không được thừa hưởng Nước Thiên Chúa (x. Gl 5, 21).
Những người để cho Thần Khí hướng dẫn, thì không còn lệ thuộc Lề Luật nữa và thuộc về Đức Kitô Giêsu bởi đã đóng đinh tính xác thịt vào thập giá cùng với các dục vọng và đam mê (Gl 5,24). Và đương nhiên, sống theo Thần Khí là được hưởng hạnh phúc.
Sống theo Thần Khí là sống những đức tính, hay sống theo hoa quả của Thần Khí: bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hoà, tiết độ (Gl 5,22).

Tóm lại, hạnh phúc của người công giáo là hạnh phúc đời đời. Thứ hạnh phúc này chỉ có ở nơi Thiên Chúa. Nơi Người, chúng ta được hứa ban hạnh phúc trọn vẹn (x. Ga 15,11; Ga 16,24).

Phần chúng ta, những người công giáo cần phải chu toàn bổn phận với Thiên Chúa, với cha mẹ, tha nhân và chính bản thân.

Nhưng làm sao chu toàn bổn phận nếu không có ơn Chúa? Vì vậy, họ cần phải giữ vững lòng tin và yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự và mọi người; đồng thời yêu thương mọi người như chính mình. (x. Mt 22,37-40; Ga 13,34-35; 15,12.17).

Thường xuyên đón nhận của ăn tinh thần là: Ơn Chúa, Lời Chúa và Mình Thánh Chúa.

QUAN NIỆM HẠNH PHÚC THEO CÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Hạnh phúc tổng thể là mức độ mà một người đánh giá chất lượng tổng thể của cuộc sống nói chung của mình một cách thuận lợi. Nói cách khác: một người thích cuộc sống của chính người đó đến mức nào. Các thuật ngữ chính trong định nghĩa này có thể được làm sáng tỏ như sau:

VỀ MỨC ĐỘ

Từ "Hạnh phúc" không được dùng để biểu thị sự đánh giá tối ưu cuộc sống. Nó đề cập đến một mức độ, giống như các khái niệm về chiều dài, trọng lượng hoặc thể tích. Nó biểu thị nhiều hơn hoặc ít hơn một cái gì đó. Khi chúng ta nói một người hạnh phúc, có nghĩa là người đó đánh giá **cuộc sống của mình một cách thuận lợi hơn là bất lợi.**

VỀ CÁ NHÂN

Thuật ngữ "Hạnh phúc" được dùng để chỉ trạng thái của một cá nhân. Nó không áp dụng cho các hoạt động tập thể. Như vậy, một quốc gia hạnh phúc nếu hầu hết các công dân của quốc gia ấy đánh giá mình là hạnh phúc.

NHỮNG NGƯỜI PHÁN QUYẾT

Từ "Hạnh phúc" được sử dụng khi ai đó đưa ra đánh giá tổng thể về chất lượng cuộc sống của họ. Điều này ngụ ý một hoạt động trí tuệ. Đánh giá tổng thể ngụ ý đánh giá kinh nghiệm trong quá khứ và ước tính kinh nghiệm trong tương lai. Đồng thời ước tính chất lượng cuộc sống trung bình.

Người phán quyết

Một hệ quả của việc hình thành khái niệm này là hạnh phúc không thể dùng cho những người không quyết tâm. Người ta không thể nói liệu một người có hạnh phúc hay không. Nếu như người đó không có trí tuệ để đưa ra một đánh giá tổng thể.

11.- YẾU TỐ GÓP PHẦN TẠO NÊN HẠNH PHÚC CON NGƯỜI

Tập hợp tất cả các lý thuyết và phát hiện khác nhau về hạnh phúc, chúng ta biết rằng có một vài yếu tố rất quan trọng đối với hạnh phúc tổng thể:

Thu nhập cá nhân.

Tình trạng thị trường lao động.

Sức khỏe thể chất.

Gia đình.

Các mối quan hệ xã hội.

Giá trị đạo đức.

Trải nghiệm cảm xúc tích cực.

Sức khỏe là một trong những yếu tố tạo nên hạnh phúc

12.- HẠNH PHÚC CÓ THỂ ĐO LƯỜNG ĐƯỢC KHÔNG

Mọi người đã cố gắng đo lường hạnh phúc trong nhiều thế kỷ. Một số thang đo đã được phát triển để đo lường mức độ hạnh phúc bao gồm:

Thang đo hạnh phúc chủ quan (SHS) vào năm 1999.

Biểu ảnh hưởng tích cực và tiêu cực (PANAS) từ năm 1988.

Thang đo sự hài lòng với cuộc sống (SWLS).

Phương pháp thang Cantril đã được sử dụng trong Báo cáo Hạnh phúc Thế giới.

Trải nghiệm tích cực.

Từ năm 2012, Báo cáo Hạnh phúc Thế giới đã được xuất bản. Hạnh phúc được đánh giá như trong câu hỏi "Bạn hài lòng với cuộc sống của mình như thế nào?".

Báo cáo Hạnh phúc Thế giới

13.- NHỮNG QUỐC GIA HẠNH PHÚC NHẤT THẾ GIỚI

"Báo cáo Hạnh phúc Thế giới" là báo cáo được Liên Hợp Quốc công bố hàng năm và khảo sát tình trạng hạnh phúc toàn cầu. Đồng thời xếp hạng 156 quốc gia theo mức độ hạnh phúc của công dân họ. Theo đó, 10 quốc gia hạnh phúc nhất thế giới tại thời điểm gần nhất (xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp) bao gồm:

Phần Lan, Đan Mạch , Thụy Sỹ,Iceland, Na Uy, Hà Lan, Thụy Điển, New Zealand, Áo, Luxembourg

Đất nước Phần Lan

13.- LỜI KẾT

Nói chung, quan niệm về hạnh phúc rất đa dạng và thay đổi. Nó không giống nhau giữa người này với người khác, giữa quốc gia này với quốc gia khác. Và thay đổi ở một người theo từng giai đoạn khác nhau. Tuy nhiên, chúng ta không nhất thiết phải phấn đấu để đạt được một tiêu chuẩn nào đó của hạnh phúc.

Điều quan trọng là chúng ta cố gắng để có một cuộc sống bình yên. Đồng thời cảm thấy hài lòng với cuộc sống của chính mình tạo nên. Ấy mới thực sự là hạnh phúc. Ngoài ra, chúng ta cũng đừng quên chia sẻ niềm hạnh phúc của mình với những hoàn cảnh bất hạnh hơn. Để sự hạnh phúc được lan tỏa!

Bác sĩ NGUYỄN LÂM GIANG

NGUỒN GỐC CỦA ĐẠO ĐỨC

NHO GIÁO: VIỆT NHO

SỰ PHÂN CỰC CỦA VÔ CỰC

VÔ CỰC

Truyện Ông Bàn Cổ (Bành Tổ. Lão Bành)

Hỗn mang (Chaos) chi sơ : Lúc đầu là một **khối Hỗn độn** (VÔ CỰC)

Vị phân Thiên Địa : Chưa phân cực ra Trời Đất (Âm Dương: Thái cực)

Bàn Cổ thủy xuất: Ông Bàn Cổ xuất hiện trước tiên

Thiên Sinh ư Tý : Trời được sinh ra vào giờ Tý (23 giờ đêm – 1 giờ sáng)

Địa tịch ư Sửu: Đất được trải rộng vào giờ Sửu (1 giờ - 3 giờ)

Nhân sinh ư Dần: Con Người được sinh ra vào giờ Dần (3 – 5 giờ)

DỊCH LÝ

VÔ CỰC phân cực thành Thái cực. Thái cực sinh Lưỡng nghi. Lưỡng Nghi sinh Tứ tượng.Tứ tượng sinh Bát quái , Bát quái sinh Lục thập Tư quái. [2, 4, 8, 64]

Trạng thái	Biểu tượng	Ý nghĩa
Vô cực		Trạng thái trống rỗng
Thái cực		Hình thành vũ trụ
Lưỡng nghi		2 thực thể âm và dương
Tứ tượng		Thái dương, thiếu dương, thái âm, thiếu âm
Bát quái		Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Càn
Lục thập tứ quái		Phối bát quái (thượng) với bát quái (hạ)

Hình VÔ CỰC Thái cực , Tứ tượng, Bát quái

ĐẠO : VÔ CỰC : NHÂN ÁI [Nội]

ĐỨC: THÁI CỰC : NGHĨA, LỄ, TRÍ , TÍN [LÝ CHÍNH TRUNG] [Ngoại]

BA LUẬT LỚN: BIẾN DỊCH, GIÁ SẮC, LOẠI TỤ

SỰ PHÂN CỰC CỦA VÔ CỰC

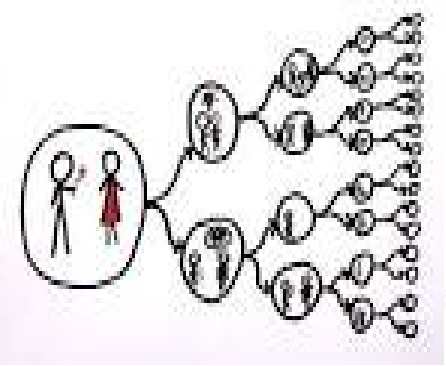

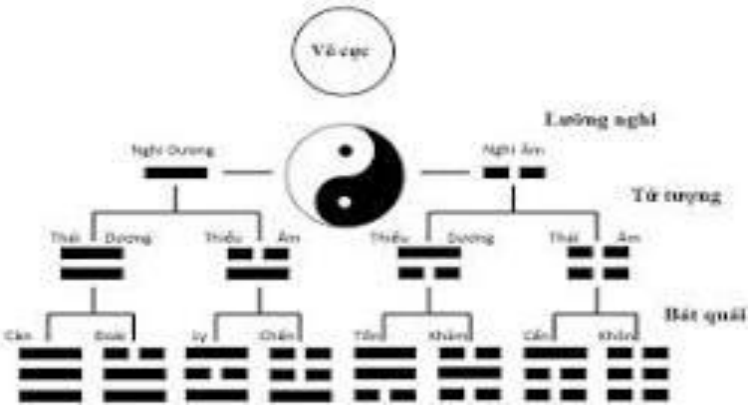

SỰ PHÂN CHIA CỦA TẾ BÀO

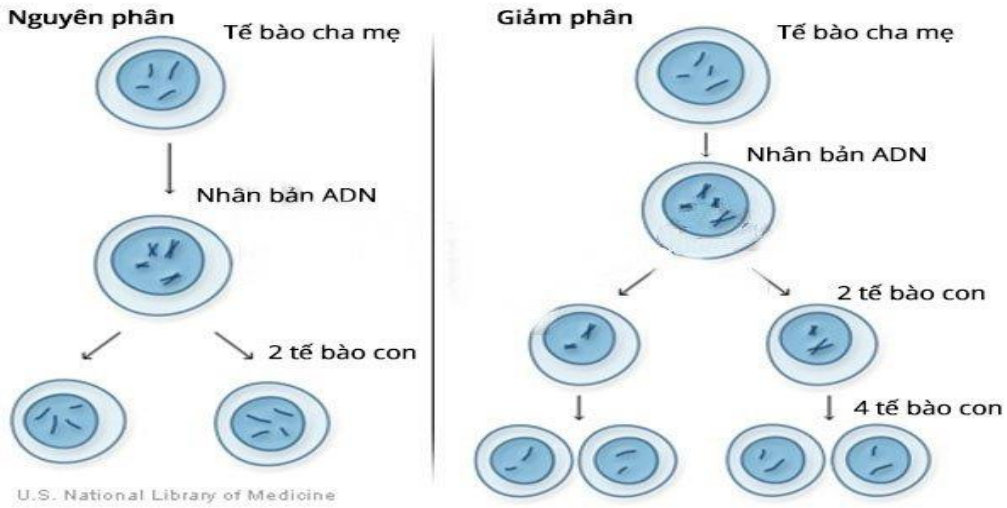

SỰ PHÂN CỰC CỦA TẾ BÀO

cũng Y hệt như

SỰ PHÂN CỰC CỦA VÔ CỰC: THÁI CỰC ÂM DƯƠNG HÒA

nên

DỊCH LÝ CŨNG LÀ THIÊN LÝ

Hình 64 Quẻ Dịch

Trên / Dưới	KHÔN 8	CẤN 7	KHẢM 6	TỐN 5	CHẤN 4	LY 3	ĐOÀI 2	CÀN 1
KHÔN 8	88 Thuần Khôn	78 Bác	68 Tấn	58 Quan	48 Dự	38 Tấn	28 Tuỵ	18 Bĩ
CẤN 7	87 Khiêm	77 Thuần Cấn	67 Kiểng	57 Tiệm	47 Tiểu quá	37 Lữ	27 Hàm	17 Độn
KHẢM 6	86 Sư	76 Mông	66 Thuần Khảm	56 Bỉnh	46 Giải	36 Vị tế	26 Khốn	16 Tụng
TỐN 5	85 Thăng	75 Cổ	65 Tỉnh	55 Thuần Tốn	45 Bằng	35 Đỉnh	25 Bằng	15 Cấu
CHẤN 4	84 Phục	74 Di	64 Truân	54 Ích	44 Thuần Chấn	34 Phổ-hợp	24 Tùy	14 Vô-vọng
LY 3	83 Minh-Di	73 Bí	63 Kỷ-Tế	53 Gia-nhân	43 Phong	33 Thuần Ly	23 Cách	13 Đồng-nhân
ĐOÀI 2	82 Lâm	72 Tổn	62 Tiết	52 Trung-phu	42 Quai Muội	32 Khuê	22 Thuần Đoài	12 Lý
CÀN 1	81 Thái	71 Đại-Súc	61 Nhu	51 Tiểu-súc	41 Đại-tráng	31 Đại-hữu	21 Quyết	11 Thuần Càn

Hình Mẹ Tròn Con Vuông (Vòng Tròn ngọai tiếp)

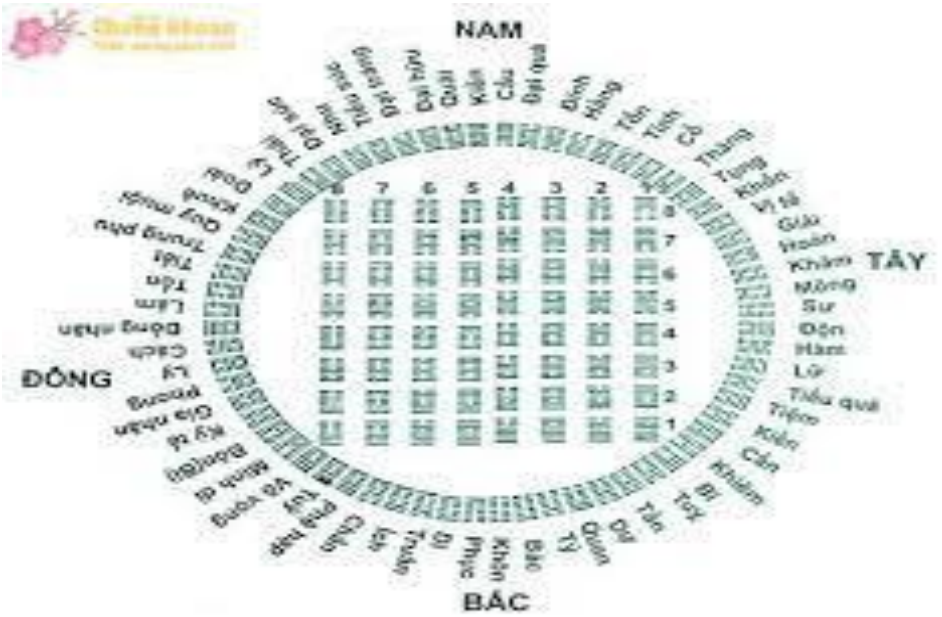

LÃO GIÁO

ĐẠO

Đạo sinh nhất, Nhất sinh nhị, Nhị sinh tam, tam sinh vạn vật. Vạn vật phụ Âm nhi bão Dương, xung khí dĩ vi Hòa. (Gốc Dịch lý)

ĐỨC

Đức: Giống như **Đức** của Mặt Trời là sáng và nóng, Đức của **Nước** là lạnh và tuôn chảy, của **Gió** là mát và dịch chuyển, Đức của **con Người** cũng là một **trạng thái tự nhiên không ràng buộc với bất kỳ mối quan hệ xã hội nào.**

"Đức của người thọ ở nơi Đất Trời, hãy biết gìn giữ nó tột cùng, đừng làm hư hại nó" (Dưỡng sinh chủ). Vì Đức tự nhiên như "bò ngựa bốn chân thì thuộc về Trời, còn thòng cổ ngựa, xâu cổ bò là thuộc về Người" nên Đức có đời sống độc lập, vận động theo Lẽ lớn của Tạo Hóa và Đạo.

ĐẠO PHẬT

ĐẠO

Chữ Đạo có ba nghĩa:
1. **Con đường**: như Nhân đạo, Thiên đạo, Địa ngục đạo, Súc sanh đạo v.v...
2. **Bổn phận:** như đạo thầy trò, đạo vợ chồng, đạo làm người v.v...
3. **Chân lý tuyệt đối**, cái sáng suốt sẵn có nơi mỗi chúng sanh: còn gọi là tánh Phật, Chân như...
Chúng ta thường hiểu chữ Đạo trong Phật giáo theo nghĩa này.

ĐỨC

Đức trong đạo Phật không phải là đức nói suông.
Đức là những hành động thiện, lời nói thiện, suy nghĩ thiện được lưu xuất từ tâm.
Chữ Đức được chia thành 3 loại: **Bi Đức, Trí Đức và Tịnh Đức.**

1.- BI ĐỨC :

Bi đức là tình thương bao la, là lòng trắc ẩn. Trí đức là trí tuệ cao cả không gì sánh bằng, ví dụ như trí tuệ của Phật tổ. Tịnh đức là trước mặt, sau lưng, tâm của Phật vẫn như như vậy, không thay đổi. Bi đức, Trí đức, Tịnh đức là ba đức tánh của Phật nên khi ta lạy Phật là ta lạy ba đức tánh này.

Kẻ thù của tâm bi là sự độc ác, thờ ơ. Ta đến với Phật là học bi Đức, học tu theo hạnh của Phật. Bi là hài hòa, dễ thương, không ác ý, không ngã mạn, không độc tài… Có bi đức, cuộc sống sẽ tự tại, hạnh phúc. Có Bi đức, ta được nhiều người quý trọng. Trong kinh nói chư thiên – những người vô hình – cũng ngưỡng mộ người có Bi Đức.

2.- TRÍ ĐỨC :

Trí đức là sự thông minh sáng suốt. Phật đạt trí Đức nhờ tu thiền, niệm Phật, ngồi thiền giúp cho ta có trí huệ. Người có trí đức thấy và tin nhân quả, nghiệp báo luân hồi, tin tứ diệu đế, không dễ duôi.

3.- TỊNH ĐỨC

Tịnh Đức là cái Đức tỏa ra từ sự thanh tịnh, trong sạch. Sự thanh tịnh trong sạch này khiến cho thần thái người tu đoan chánh, trang nghiêm. Người có Tịnh Đức là người chân thành giữ giới và tu tập, biết giữ tâm không bị phan duyên trước trần cảnh và những cám dỗ của cuộc đời. Cổ đức có câu: " Đức trọng quỷ thần kinh" , chính là nói đến cái đức này vậy.

"Người trồng cây hạnh người chơi
Ta trồng cây Đức để đời mai sau"
Người lo xây đắp sang giàu
Ta vun Đạo đức dồi trau tâm mình.

. . . .

Như Nhiên

BỐN NGUỒN HẠNH PHÚC " XƯA (ĐÔNG) NAY (TÂY) CỦA VIỆT NAM

VIỆT NHO [4902]

Dịch lý Âm Dương Hòa

vói hai Tiêu điểm:

" Chấp kỳ Lưỡng Đoan

" Doãn chấp kỳ Trung ". T.D.

Dịch lý Âm Dương Hòa là sự Biến dịch luôn duy trì được thế Quân bình động (Trạng thái TĨNH trong Biến dịch) trong thế giới Biến đổi bất biến theo Chu kỳ , nên giúp luôn cảm nhận và duy trì được Hạnh phúc.

Tu thân theo Dịch lý sao cho có Cân bằng được " Thân Tâm lưỡng nhất " ở thế Quân bình động mới giúp cảm nhận được Hạnh phúc.

LÃO [1040 - 256 trước CN: **3063 – 2273**]

Theo Trang tử, sống và hoạt động theo Đức tức là bản tính được phát triển Tự do và trọn vẹn với những khả năng Tự nhiên được sử dụng Tự do và trọn vẹn. Tuy nhiên như vậy chỉ ta chỉ đạt được **Hạnh phúc có giới hạn tức là Tương đối**. Sự giới hạn hay ngăn trở là do sự vật bên ngoài (ngoại vật) hay nói rõ hơn là do diễn tiến Tự nhiên của những sự vật bên ngoài. Do đó sự vật chính nó có thể làm ta đau khổ; hay tình cảm của ta đối với nó là nguyên nhân chính làm ta đau khổ thật sự và nhiều hơn.

Hãy **quên sự phân biệt Phải /Trái. (ngưng Biến dịch, Từ Động qua Tĩnh)**

Hãy vui trong cõi Vô cùng và dừng tại đấy.

Cõi Vô cùng là cảnh giới của người đạt Đạo, kinh nghiệm đời sống trong cõi Vô cùng.

Người nầy quên tất cả những phân biệt về mọi vật, ngay những kinh nghiệm trong chính đời sống của chính người ấy.

Như vậy, Thánh nhân vượt qua sự phân biệt mà hợp nhất với vạn vật thì thánh nhân sống sung sướng trong vạn vật, có **Hạnh phúc Tuyệt đối**.

[Phương pháp : Quy tư : Từ **Thái cực** Quy tư về **Vô cực**]

PHẬT [2567]

Theo Phật giáo, mặc dầu có nhiều quan điểm hạnh phúc khác nhau, nhưng tất cả không ngoài hai phạm trù: **Hạnh phúc từ kinh nghiệm và cảm thọ giác quan trong cuộc sống** *(sense pleasures)*, như có được tiền bạc, sắc đẹp, danh vọng, tiện nghi, v.v.; và **Hạnh phúc về tinh thần** *(mental happiness)*, như Tâm được vui mừng và an lạc.[(2)]

Sự xuất hiện của Đức Phật ở thế gian và nội dung **giáo lý Phật giáo không ngoài mục tiêu đem lại an lạc, hạnh phúc cho chư Thiên và loài Người.** Nội dung giáo lý này là **Tứ diệu đế** *(Cattāri Ariya-saccāni, The Four Noble Truths)* bao gồm: *dukkha* (khổ), nguyên nhân của *dukkha*, sự đoạn tận *dukkha*, và phương pháp đem đến sự **đoạn tận** *dukkha*.

CÔNG GIÁO
2023

Hạnh phúc theo 3 bước
(State or Way: 3 ngày Chúa Giê-su sống lại)

Thanh Tẩy (Purgatory)
Hiển Thánh (Illuminative)
Kết hợp với Chúa (Unitive)

CHÚA là nguồn HẠNH PHÚC THẬT.

KẾT LUẬN CHUNG

THEO TINH THẦN VIỆT NHO VÀ TRIẾT LÝ AN VI

Triết Lý An Vi (Linh hồn của Việt Nho) có nền tảng từ Dịch lý Âm Dương Hòa. Cơ cấu của Dịch lý Việt Nam bắt nguồn từ Huyền thoại Viên Ngọc Long Toại tức là " cặp Đối cực Trống / Mái " và Huyền thoại Tiên / Rồng tức là " cặp Vợ / Chồng "
.
Tuy xưa nay Trung Hoa được xem là Chủ của Kinh Dịch , nhưng nền tảng Kinh Dịch của Tàu chỉ có độc cực Rồng " mượn vắng " của Việt từ đời nhà Hán.
Trung Hoa thuộc Văn hóa bạo động Du mục đực rựa, trọng Nam khinh Nữ, chê Tiên yếu mềm, không giúp việc gây Chiến tranh, Cướp bóc và bành trướng , nên không thèm chọn , lại vì thuộc nòi vô Văn Hóa hay tự kiêu, không hiểu Dịch chỉ có độc cực Rồng thì làm sao có đối cực để " Tương thôi " , thì làm sao biến hóa mà có Dịch, nên phải làm Chủ của Dịch bằng thủ đoạn " Dịch Chủ (Việt) vi Nô (Tàu) !

Thế mà ngày nay Trung cộng đã vươn lên cường quốc đứng thứ hai trên thế giới, do bị nạn Cá Lớn nuốt Cá Bé, Việt Nam bị Tàu và Tây áp bức và bóc lột lâu ngày cho Bần cùng nên sinh ra Đạo tặc CSVN - chư hầu của Trung cộng - cai trị ?

Để cho Âm Dương Hòa thì hai bên phải hành xử theo hai Tiêu chuẩn:

1.- Chấp kỳ lưỡng đoan (T. D,) : Hai bên phải giữ hai đầu mối liên lạc với nhau .

2.- Doãn chấp kỷ Trung * I. D .) : Hai bên vui lòng theo " Lý chính trung " dựa theo tinh thần " NHÂN NGHĨA, BAO DUNG của Dân tộc mà tìm ra giải pháp " Phải Người phải Ta " mà dàn Hòa với nhau, đây là giải pháp Hòa lưỡng lợi (Win – Win solution)

HÒA có nguồn từ Dịch lý Âm Dương Hòa, HÒA là nguồn Hạnh phúc của Cá nhân và cũng là Hạnh phúc chung của Nhân loại.
Nền Văn Hóa chúng ta gồm Nho, Phật, Lão, Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo. . . đều có nguồn gốc Âm Dương Hòa, nên thuộc Vạn giáo Nhất Lý: LÝ THÁI CỰC ÂM DƯƠNG HOÀ, trong đó mọi thứ, mọi lãnh vực đều được Lưỡng nhất như: Trên / Dưới. Trước / Sau, Tả / Hữu, Trong / Ngoài , Không gian / Thời gian , Đông /Tây, Kim / Cổ, Anima /.Animus, Đa / Nhất (E, Pluribus Unnum) .

Hình Thái cực với Thái Âm (Màu đen) / Thái Dương (Màu trắng) lưỡng nhất

Tất cả đều mang Bản chất Âm Dương Hòa , trong đó " Âm trung hữu Dương Căn (nốt màu trắng) **" cũng như " Dương trung hữu Âm căn (** Nốt màu đen **) " :**
(The masculine principle Within a Woman and The feminine principle within a man (Carl Jung) , nghĩa là trong Đen có Trắng, trong Trắng có Đen, trong Đa có Nhất và ngược lại , Thái Dương hệ cũng có cấu trúc như một Nguyên tử.
Krishnamurti bảo " Ta là Nhân loại " , thì trong Nhân loại cũng có Ta, vì " Vạn vật đồng nhất Thể " và " Vạn vât tương liên " , nên mọi lãnh vực đều tương Hòa tương Hợp tương Dung với nhau!.

Bỏ lối hành xử với nhau theo " Âm Dương Hòa " mà theo lối "Mâu thuẫn thống nhất " của Mác để quyết liệt tranh dành Hơn Thua thì sẽ dìu nhau tới cảnh Diệt vong !
Đây là lối hành xư Được / Thua (Win – Lose solution) gây Bất hòa và oán thù tìm cách tận diệt nhau!
Nga cộng đang dùng sức mạnh để tiêu diệt Ukraine,Tàu công cũng đang lăm le nuốt chửng Đài Loan, Hamas và Do Thái cũng đang cố tiêu diệt nhau , họ không thể sống chung Hòa bình!

Quả nhân loại đang dìu nhau chóng tới ngày Chung thẩm!

[Xin lên Google xem video " Vướng mắc Lưỡng tử và Thái cực đồ / Ms Ruby " để thấy hình Thái cực đồ chính là do Vướng mắc Lưỡng tử (Quantum entanglement **) trong Khoa Vật Lý Lưỡng Tử (** Quantum Physics **) tạo nên. điều này xác tín rằng Dịch lý Âm Dương Hòa chính là Thiên lý]**

[Lưỡng tử : Biopolar : <u>Wave</u> : Sóng / *Particle* : Hạt = dual unit: Lưỡng cực nhất Nguyên, không phải Nhị Nguyên.]

Thái cực Âm Dương: Bipolar: <u>Ying</u> / *Yang* dual umit .]

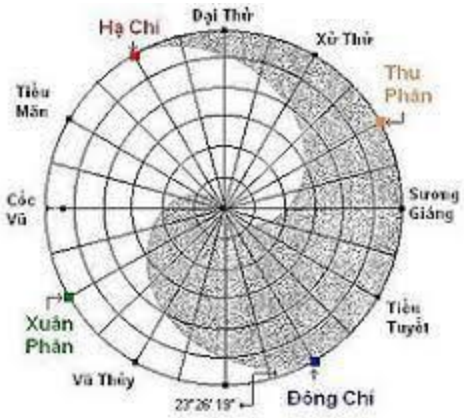

Hình vướng mắc Lưỡng tử và Thái cực đồ (: Thái Âm & Thái Dương : dual unit)

In 1924 Louis de Broglie introduced the idea that particles, such as <u>electrons</u>, could be described <u>not only as particles but also as waves</u>. This was substantiated by the way streams of electrons were reflected against crystals and spread through thin metal foils.

The modern model for the electronic structure of the atom is based on recognizing that an electron possesses particle and wave properties, the so-called <u>wave – particle duality</u>. Louis de Broglie showed that the wavelength of a particle is equal to Planck's constant divided by the mass times the velocity of the particle. The electron in Bohr's circular orbits could thus be described as a standing wave**, one that does not move through space. Standing waves are familiar from music: the lowest-energy standing wave is the** fundamental **vibration, and higher-energy vibrations are** overtones **and have successively more** nodes**, points where the amplitude of the wave is always zero. Werner Heisenberg's** uncertainty principle **states that it is impossible to precisely describe both the location and the speed of particles that exhibit wavelike behavior.**

Light in air is 1.0003 times slower than light in a vacuum, which slows it all the way down from 299,792,458 meters per second to 299,702,547 meters per second. That's a slowdown of 89,911 meters per second, which looks like a lot but is only three ten-thousandths of the speed of light.Apr 5, 201

Nói một cách Bình dân theo kiểu: " Sống mỗi người một Nết, chết mỗi người một Tật. " Cuộc sống con Người bị ảnh hưởng của hai yếu tố : Bản chất và Môi trường.

Về Bản chất thì mọi người đều giống nhau vì có chung nguồn gốc Tâm linh: Nguồn Năng lượng Tình Thương, tuy mức độ có khác nhau, nhưng ai ai cũng muốn được Yêu thương và có khả năng thương yêu Tam tài: Thiên – Nhân - Địa :

Yêu Thiên để " Đôn hậu Tình người " gọi là Tình Yêu để nối kết mọi người lại sống chung với nhau hầu có Nội lực mà làm việc chung.

Yêu Địa thì phải tìm hiểu Khoa học để phục vụ cho đời sống được Duy trì và phát triển nhất là biết sống công bằng mà Hòa vui vơi nhau.

Yêu Nhân thì un đúc Tình Yêu nơi nguồn Tâm linh, yêu Địa thì khám phá Khoa học nơi Trần thế giúp cho con người mở mang mà phát triển , và sống sao cho đời sống " Tâm linh và Khoa học được Lưỡng nhất " hầu giúp cho đời sống chung của Nhân loại được Quân bình, khi đó con người mới có môi trường thuận lợi để xử thế thích hợp mà mưu tìm và hưởng hạnh phúc Riêng và Chung, sao cho Riêng / Chung được lưỡng nhất .

Mỗi người đều có Thể xác và Linh Hồn khác nhau , nên Hạnh phúc chỉ có được khi con người có một " Tâm hồn minh mẫn trong một Thể xác tráng kiện " .

Là một Tạo vật, là con Người thì ai ai cũng phải sống và Chết , Sống Chết ngoài ý muốn của riêng mình . Thể xác và Linh hồn con Người đều do Năng lượng Tình Yêu tạo nên, theo " Định luật Bảo toàn Vật chất và Năng lượng " thì hai thứ đó vẫn luôn được bảo toàn trong Vũ trụ, mà không bị biến mất, nhưng chẳng ai biết rõ ra sao trừ phi qua tiết lộ của người chết sống lại hay qua mạc khải , ai tin cũng được mà không phải chấp nhận thôi!

Có hai thứ Hạnh phúc: Hạnh phúc Đời này và Hạnh phúc Đời sau:

Hạnh phúc Đời này thì nhỏ nhặt, chóng qua, ở đâu và thời nào cũng có, cảm nhận được là có, ngay cả trong sự đau khổ, miễn là có cảm tính tinh tế bén nhạy , do đó mà Tổ Tiên chúng ta mới có câu chuyện " Thằng Bờm với cái Quạt Mo " ,

Trong xã hôi có " những người đói rách rớt mùng tơi " , cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, lại ham sống, trái lại có nhiều người giàu sang " nứt đố đổ vách ", có Tiền muôn Bạc triệu , mọi thứ đều dư thừa, thế mà còn chán sống, mà tự tử , cho nên hạnh phúc không chỉ dựa hoàn toàn trên nền tảng Vật chất được, xem ra càng Văn minh Vật chất thì Hạnh phúc con người cũng càng nhiêu khê phiền tóai khó tìm !

Gẫm lại, <u>lối sống Quả dục, chiết trung giữa Đa dục và Diệt dục</u> của Cha ông , giúp biết " <u>tri Túc, tri Chỉ , tri Nhàn</u> " cũng cho chúng ta đáng quan Tâm, nhất là giúp biết cách tu Thân tìm về nguồn cội !

Vì:

" Tri chỉ nhi hữu hậu Định; định nhi hậu năng Tĩnh; Tĩnh nhi hâu năng Yên; Yên như hậu năng Lự; Lự nhi hậu năng Đắc (Đại học) :

Có biết dừng suy nghĩ lại (vô niệm; No mind) mới có thể định Tâm, Tâm có Định thì lòng mới Yên, Lòng có Yên thì mơi Tỉnh táo, diệt trừ Tham , Sân , Si, dẹp màn VÔ minh mới cảm thông được sự rộng sâu của cuộc sống Đạo của con người, nên có Chu Tri mới giúp cảm nhận được Đạo .

Vật hữu Bản / Mạt, Sự hữu Chung / Thủy; tri sở Tiên / Hậu, tắc cận Đạo hỷ " (Đại Học) : Mọi Vật đều có Gốc / Ngọn, mọi Việc đều có Trước / sau, biết rõ được Trước / Sau tất gần được với Đạo Vậy ."

道 = 辶 + 首 : Đạo gồm hai ngữ căn : Quai xước + Thủ .

Quai xước như là Bàn chèo để chuyên chở về Thủ là cái Đầu, cái Đạo, Đạo là con đường tìm về cái Đầu (Thủ) về cội nguồn Tâm linh : nguồn Năng lượng Tình Thương ,

Đạo đây là nguồn Tâm linh : nguồn Năng lượng Tình Thương: E = mc2 (Einstein)

Có Tình Thương mới có khả năng Sống Công bằng mà Hòa với nhau, Hòa là nguồn Hạnh phúc Cá nhân và cũng là của cả Nhân loại . Đây là cách tìm hạnh phúc của Nho giáo để đạt Phong / Lưu.

Còn Hạnh phúc miên viễn ở Đời sau thì phải tu Thân theo cách của mỗi Tôn giáo thích hợp với Bản chất và hoàn cảnh riêng của mỗi Người, vì trong cái Chung có cái Riêng và trong cái Riêng lại có cái Chung , nên Vấn đề trở nên vô cùng phức tạp , vì có như vậy mới đáp ứng được nhu cầu Vật chất và Tâm linh của 7, 8 tỷ con Người , mỗi người còn là một kho tàng bí nhiệm!

Tóm lại vấn đề khó hiểu nhất vẫn là " vấn đề con Người " , nên Vấn đề Hạnh phúc mới trở nên nhiêu khê phức tạp như thế, nên con người khó cảm nhận được Hạnh phúc, nếu con người không " Phục Quy kỳ Căn " để có " Tâm hồn đơn sơ vô tư như Hài nhi " mới mong dễ cảm nhận dược Hạnh Phúc .

Còn đối với CSVN tuy đã tàn Đân hại Nước đến Sơn cùng Thủy tận , nhưng theo Tinh thần " Bất báo vô Đạo " (Vô Đạo : bất Nhân bất Nghĩa) của Văn Hóa Cha Ông, chúng ta không cần Căm thù như CS để Diệt cho hết CS, đó là ảo tưởng ngược với Tinh thần NHÂN NGHĨA BAO DUNG của Dân tộc , nên ngòai công trình làm sáng tỏ nền Văn hóa " Chí Nhân Đại Nghĩa " của Cha ông để cho mọi người thấy rõ bản chất " Tham tàn Cường bạo của CSVN, nêu rõ tội đồ chiến tranh và chính sách diệt chủng của CSVN với quốc tế , để cô lập CSVN trên trường Quốc tế, đồng thời các Tôn giáo, các nhà ái quốc liên kết với nhau chấn hưng lại nền Văn Hóa Thái hòa Đân tộc (của T.G.Kim Định trên vietnamvanhien,net, ngoài nhiều nguồn khác, nguồn tài liệu của nền Văn Hòa Thái Hòa Dân tộc của T.G.Kim Định trên vietnamvanhien.net) có khả năng đoàn kết đem mọi thành phần Dân tộc về một mối hầu có đủ Nội lực vùng lên vực dậy mà lo việc lớn chung , để loại trừ CSVN ra khỏi cộng đồng Nhân loại, và để toàn dân ai sai cũng ghê sợ, mà lánh xa CS , mặt khác mỗi chúng

ta phải trau dồi cho có Cơ thể Hùng và Tinh thần Dũng để không thể bị ăn hiếp và biết cách hành xử tự chế theo Đức Nghĩa của con Người Nhân chủ, để CSVN không thể vịn vào thiếu sót bất cập của chúng ta mà bài xích, hầu biện minh cho Tà thuyết Mác Mao Hồ để tồn tại, mà buộc CS VN hoặc phải biến cải theo Đại Nghĩa, hoặc bị diệt vong, nếu chưa đạt Chí Nhân Đại Nghĩa thì việc chống Cộng của chúng ta vẫn chưa thể thành công mỹ mạn .

Đây là công trình to lớn khó khăn và phải xây dựng dài lâu, nếu không kiên Tâm trì Chí thì khó đạt.

Nền Văn Hóa Bất khuất của Tổ Tiên đã giúp Dân tộc chúng ta tồn tại những 5 , 7 ngàn năm nay, đã đánh bại 13 trận chiến lớn nhỏ của Kẻ thù truyền kiếp Bắc phương mạnh hơn 14 lần và kẻ Thù Tây phương rất Văn minh, nhất định sẽ giúp chúng ta vượt qua những khó khăn trở ngại nhất thời.

Nguyên nhân sâu xa và chính nữa là do nạn " Dĩ Cường Lăng Nhược " của Phong kiến rồi CS Tàu cùng Thực dân Pháp gây chiến tranh, áp bức bóc lột lâu ngày làm cho nền Văn Hóa chúng ta bị suy sụp, Dân tộc bị Phân hóa nặng nề, mất Nội lực, nên " CSVN theo đóm ăn tàn " mà Cướp chính quyền, gây Quốc nạn và Quốc nhục cho Dân tộc gần một thế kỷ! Do đó mà việc xây dựng Nội lực Dân tộc phải là ưu tiên hàng đầu .

Đó là cách loại trừ " CS Tham tàn và Cương bạo " một cách tích cực từ nền tảng Tinh thần Dân tộc, đồng thời chúng ta cũng phải trau dồi " Chí Nhân Đại Nghĩa Dân tộc " mới là thượng sách, để có Nội lực mà xây Nhà êm ấm và dựng Nước cường thịnh an vui , còn cách chống CS " bằng cách chỉ diệt cho hết CS thôi " thì xem ra chúng ta còn thiển cận , khôn vặt, chưa có Đại Nghĩa nhờ Chí Nhân , nên còn ở cùng bình diện "Mạnh chống mạnh chấp mang theo độc dược " Tham tàn và Cường bạo " của CSVN!

" Vi Nhân nan hỹ ", " Cận thù chư Thân, viễn thủ chư Vật " là thế!

Trân trọng ,

Mùa GIÁNG SINH 2023

Công Dân Việt Nho

www.vietnamvanhien.org